

PHỤ LỤC

VĂN HÓA VIỆT NAM – HÀN QUỐC

PHẦN I: TRUYỀN THỐNG, BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Chương 1: Việt Nam – Đất nước, con người	2
I. Sơ lược về đất nước Việt Nam	2
Chương 2. Những truyền thống dân tộc Việt Nam	4
I. Những yếu tố chính làm nên các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc	4
II. Những truyền thống của dân tộc Việt Nam	5
1. Tinh thần yêu quê hương đất nước	5
2. Truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái	7
3. Truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động sản xuất	8
4. Truyền thống hiếu học	8
5. Dân tộc Việt Nam là dân tộc trọng tình nghĩa	9
6. Người Việt sống lạc quan, yêu đời	10
Chương 3. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam	11
I. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam	11
II. Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc	12
Trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm	
III. việc ở nước ngoài trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc	12

PHỤ LỤC

VĂN HÓA VIỆT NAM – HÀN QUỐC

PHẦN I: TRUYỀN THỐNG, BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Chương 1: Việt Nam – Đất nước, con người	2
I. Sơ lược về đất nước Việt Nam	2
Chương 2. Những truyền thống dân tộc Việt Nam	4
I. Những yếu tố chính làm nên các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc	4
II. Những truyền thống của dân tộc Việt Nam	5
1. Tinh thần yêu quê hương đất nước	5
2. Truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái	7
3. Truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động sản xuất	8
4. Truyền thống hiếu học	8
5. Dân tộc Việt Nam là dân tộc trọng tình nghĩa	9
6. Người Việt sống lạc quan, yêu đời	10
Chương 3. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam	11
I. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam	11
II. Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc	12
Trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm	
III. việc ở nước ngoài trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc	12

PHẦN II: PHONG TỤC, TẬP QUÁN, VĂN HÓA HÀN QUỐC

Chương 1. Giới thiệu về đất nước Hàn Quốc 14

- I. Vị trí địa lý 14
- II. Khí hậu 14
- III. Dân số, tôn giáo, ngôn ngữ 15
- IV. Quốc kỳ, Quốc hoa 17
- V. Tiền tệ 18
- VI. Hệ thống chính trị và các đơn vị hành chính 18
- VII. Kinh tế 20

Chương 2. Phong tục, tập quán, lối sống của người Hàn Quốc 21

- I. Quan hệ giao tiếp trong gia đình 22
- II. Văn hóa ẩm thực 23
- III. Các ngày lễ lớn trong năm 26
- IV. Những phép lịch sự trong sinh hoạt ở Hàn Quốc 28
- V. Một số lưu ý khi giao tiếp với người Hàn Quốc 29

PHẦN III: CÁCH ỨNG XỬ TRONG LAO ĐỘNG VÀ ĐỜI SỐNG

Chương 1. Ứng xử trong lao động và đời sống 31

- I. Cách ứng xử trong lao động 31
- II. Cách ứng xử trong đời sống 33

Chương 2. Các lỗi hay mắc phải của người lao động 36

- I. Trong lao động 36
- II. Trong sinh hoạt 36
- III. Tội phạm tình dục và cách phòng chống 37

PHẦN II: PHONG TỤC, TẬP QUÁN, VĂN HÓA HÀN QUỐC

Chương 1. Giới thiệu về đất nước Hàn Quốc 14

- I. Vị trí địa lý 14
- II. Khí hậu 14
- III. Dân số, tôn giáo, ngôn ngữ 15
- IV. Quốc kỳ, Quốc hoa 17
- V. Tiền tệ 18
- VI. Hệ thống chính trị và các đơn vị hành chính 18
- VII. Kinh tế 20

Chương 2. Phong tục, tập quán, lối sống của người Hàn Quốc 21

- I. Quan hệ giao tiếp trong gia đình 22
- II. Văn hóa ẩm thực 23
- III. Các ngày lễ lớn trong năm 26
- IV. Những phép lịch sự trong sinh hoạt ở Hàn Quốc 28
- V. Một số lưu ý khi giao tiếp với người Hàn Quốc 29

PHẦN III: CÁCH ỨNG XỬ TRONG LAO ĐỘNG VÀ ĐỜI SỐNG

Chương 1. Ứng xử trong lao động và đời sống 31

- I. Cách ứng xử trong lao động 31
- II. Cách ứng xử trong đời sống 33

Chương 2. Các lỗi hay mắc phải của người lao động 36

- I. Trong lao động 36
- II. Trong sinh hoạt 36
- III. Tội phạm tình dục và cách phòng chống 37

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN SINH HOẠT TẠI HÀN QUỐC

Chương 1. Nhà ở và các dịch vụ liên quan đến nhà ở	43
I. Nhà ở	43
II. Các dịch vụ liên quan nhà ở	44
Chương 2. Phương tiện giao thông công cộng	48
I. Thẻ giao thông T-money	48
II. Các loại phương tiện giao thông công cộng	49
Chương 3. Các dịch vụ khác	56
I. Dịch vụ viễn thông	56
II. Mua sắm tại Hàn Quốc	58
III. Dịch vụ ngân hàng	61
IV. Dịch vụ bưu điện	66
V. Dịch vụ khám chữa bệnh – Nhà thuốc	66

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN SINH HOẠT TẠI HÀN QUỐC

Chương 1. Nhà ở và các dịch vụ liên quan đến nhà ở	43
I. Nhà ở	43
II. Các dịch vụ liên quan nhà ở	44
Chương 2. Phương tiện giao thông công cộng	48
I. Thẻ giao thông T-money	48
II. Các loại phương tiện giao thông công cộng	49
Chương 3. Các dịch vụ khác	56
I. Dịch vụ viễn thông	56
II. Mua sắm tại Hàn Quốc	58
III. Dịch vụ ngân hàng	61
IV. Dịch vụ bưu điện	66
V. Dịch vụ khám chữa bệnh – Nhà thuốc	66

PHÁP LUẬT VIỆT NAM – HÀN QUỐC

PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH CẤP PHÉP VIỆC LÀM VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

I. Giới thiệu về Chương trình cấp phép việc làm (EPS)	69
1. Giới thiệu chung	69
2. Đối tượng và điều kiện đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình Cấp phép việc làm (Chương trình EPS)	70
3. Trình tự, thủ tục tham gia chương trình	71
4. Chi phí phải cử và phòng ngừa các hành vi trung gian môi giới	74
5. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động	76
II. Các cơ quan liên quan	77
1. Cơ quan phải cử và cơ quan tiếp nhận	77
2. Các cơ quan, tổ chức liên quan khác	80

PHẦN II: HỢP ĐỒNG ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC

1. Thời hạn hợp đồng	87
2. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động	87
3. Quyền, nghĩa vụ của Trung tâm Lao động ngoài nước	88
4. Thủ tục thanh lý hợp đồng	88
5. Thủ tục thanh lý hợp đồng và rút tiền ký quỹ	90

PHÁP LUẬT VIỆT NAM – HÀN QUỐC

PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH CẤP PHÉP VIỆC LÀM VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

I. Giới thiệu về Chương trình cấp phép việc làm (EPS)	69
1. Giới thiệu chung	69
2. Đối tượng và điều kiện đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình Cấp phép việc làm (Chương trình EPS)	70
3. Trình tự, thủ tục tham gia chương trình	71
4. Chi phí phải cử và phòng ngừa các hành vi trung gian môi giới	74
5. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động	76
II. Các cơ quan liên quan	77
1. Cơ quan phải cử và cơ quan tiếp nhận	77
2. Các cơ quan, tổ chức liên quan khác	80

PHẦN II: HỢP ĐỒNG ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC

1. Thời hạn hợp đồng	87
2. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động	87
3. Quyền, nghĩa vụ của Trung tâm Lao động ngoài nước	88
4. Thủ tục thanh lý hợp đồng	88
5. Thủ tục thanh lý hợp đồng và rút tiền ký quỹ	90

PHẦN III: LUẬT LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN – HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN

I.	Nội dung chính hợp đồng lao động	92
II.	Gia hạn, tái ký hợp đồng lao động	100
III.	Chuyển đổi nơi làm việc	101
IV.	Bảo đảm quyền lợi của người lao động và giải quyết tranh chấp	104

PHẦN IV: LUẬT XUẤT NHẬP CẢNH – LƯU TRÚ TẠI HÀN QUỐC

I.	Luật xuất nhập cảnh	108
II.	Lưu trú tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS	110
III.	Lưu trú và làm việc bất hợp pháp	114

PHẦN V: LUẬT SINH HOẠT CƠ BẢN

I.	Tội nhẹ và luật xử phạt đối với tội nhẹ	122
II.	Tội Bạo hành (Luật liên quan đến xử phạt hành vi bạo lực)	123
III.	Tội vi phạm giao thông (Luật giao thông đường bộ)	124
IV.	Tội đánh bạc (Luật hình sự)	124
V.	Giao dịch ngoại hối trái phép (Luật giao dịch ngoại hối)	125
VI.	Làm việc tại các điểm vui chơi giải trí (Luật liên quan tới chấn hưng công nghiệp âm nhạc)	125

PHẦN VI: CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ QUỸ HỖ TRỢ VIỆC LÀM NGOÀI NƯỚC

PHẦN III: LUẬT LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN – HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN

I.	Nội dung chính hợp đồng lao động	92
II.	Gia hạn, tái ký hợp đồng lao động	100
III.	Chuyển đổi nơi làm việc	101
IV.	Bảo đảm quyền lợi của người lao động và giải quyết tranh chấp	104

PHẦN IV: LUẬT XUẤT NHẬP CẢNH – LƯU TRÚ TẠI HÀN QUỐC

I.	Luật xuất nhập cảnh	108
II.	Lưu trú tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS	110
III.	Lưu trú và làm việc bất hợp pháp	114

PHẦN V: LUẬT SINH HOẠT CƠ BẢN

I.	Tội nhẹ và luật xử phạt đối với tội nhẹ	122
II.	Tội Bạo hành (Luật liên quan đến xử phạt hành vi bạo lực)	123
III.	Tội vi phạm giao thông (Luật giao thông đường bộ)	124
IV.	Tội đánh bạc (Luật hình sự)	124
V.	Giao dịch ngoại hối trái phép (Luật giao dịch ngoại hối)	125
VI.	Làm việc tại các điểm vui chơi giải trí (Luật liên quan tới chấn hưng công nghiệp âm nhạc)	125

PHẦN VI: CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ QUỸ HỖ TRỢ VIỆC LÀM NGOÀI NƯỚC

I.	Bảo hiểm chương trình EPS	126
II.	04 loại bảo hiểm xã hội	131
III.	Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước	134
IV.	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	136

PHẦN VII: THỦ TỤC VỀ NƯỚC VÀ NHẬN BẢO HIỂM

I.	Thủ tục về nước	147
II.	Nhận tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh	149

PHẦN VIII: TÁI NHẬP CẢNH HÀN QUỐC SAU KHI HẾT HỢP ĐỒNG – CHUYỂN ĐỔI VISA

I.	Tái nhập cảnh Hàn Quốc theo diện lao động về nước đúng hạn	152
II.	Chuyển đổi sang visa E-7-4	153

PHẦN IX: THỦ TỤC XUẤT CẢNH – NHẬP CẢNH

I.	Visa và hộ chiếu	156
II.	Xuất cảnh Việt Nam	158
III.	Nhập cảnh vào Hàn Quốc	159
IV.	Xuất cảnh Hàn Quốc	161
V.	Lưu ý khi làm thủ tục xuất - nhập cảnh	161

I.	Bảo hiểm chương trình EPS	126
II.	04 loại bảo hiểm xã hội	131
III.	Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước	134
IV.	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	136

PHẦN VII: THỦ TỤC VỀ NƯỚC VÀ NHẬN BẢO HIỂM

I.	Thủ tục về nước	147
II.	Nhận tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh	149

PHẦN VIII: TÁI NHẬP CẢNH HÀN QUỐC SAU KHI HẾT HỢP ĐỒNG – CHUYỂN ĐỔI VISA

I.	Tái nhập cảnh Hàn Quốc theo diện lao động về nước đúng hạn	152
II.	Chuyển đổi sang visa E-7-4	153

PHẦN IX: THỦ TỤC XUẤT CẢNH – NHẬP CẢNH

I.	Visa và hộ chiếu	156
II.	Xuất cảnh Việt Nam	158
III.	Nhập cảnh vào Hàn Quốc	159
IV.	Xuất cảnh Hàn Quốc	161
V.	Lưu ý khi làm thủ tục xuất - nhập cảnh	161

AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

PHẦN I: MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động; Phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp 164

- I. An toàn vệ sinh lao động 164
- II. Sắp xếp nơi làm việc 166

Chương 2. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động 168

- I. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động 168
- II. Quy tắc an toàn khi sử dụng trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động 171

Chương 3. An toàn trong lao động 173

- I. An toàn trong vận chuyển 173
- II. An toàn khi làm việc có yếu tố nguy hiểm điện 174
- III. An toàn khi làm việc có hóa chất độc hại 175
- IV. Điều kiện làm việc có nhiều bụi 176
- V. Phòng cháy, chữa cháy 177
- VI. Điều kiện làm việc thiếu ôxy hoặc có khí độc 178

Chương 4. Cấp cứu, sơ cứu người bị tai nạn lao động 180

- I. Phương pháp sơ cứu khẩn cấp 180
- II. Một số tình huống và phương pháp sơ cứu 180

AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

PHẦN I: MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động; Phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp 164

- I. An toàn vệ sinh lao động 164
- II. Sắp xếp nơi làm việc 166

Chương 2. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động 168

- I. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động 168
- II. Quy tắc an toàn khi sử dụng trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động 171

Chương 3. An toàn trong lao động 173

- I. An toàn trong vận chuyển 173
- II. An toàn khi làm việc có yếu tố nguy hiểm điện 174
- III. An toàn khi làm việc có hóa chất độc hại 175
- IV. Điều kiện làm việc có nhiều bụi 176
- V. Phòng cháy, chữa cháy 177
- VI. Điều kiện làm việc thiếu ôxy hoặc có khí độc 178

Chương 4. Cấp cứu, sơ cứu người bị tai nạn lao động 180

- I. Phương pháp sơ cứu khẩn cấp 180
- II. Một số tình huống và phương pháp sơ cứu 180

PHẦN II: BIÊN BÁO AN TOÀN VÀ QUY TẮC AN TOÀN CƠ BẢN

Chương 1. Các loại biên báo an toàn	185
I. Biên báo cấm	185
II. Quy tắc an toàn cơ bản (các hạng mục người lao động cần tuân thủ)	192

PHẦN III: AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO NGÀNH

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành sản xuất chế tạo

I. An toàn lao động khi làm việc với máy khoan	201
II. An toàn lao động khi làm việc với máy cán, máy ép	202
III. An toàn lao động khi làm việc với máy tiện	203
IV. An toàn lao động khi làm việc với máy mài	204
V. An toàn lao động khi làm việc với máy cưa đĩa	205
VI. An toàn lao động khi gia công nóng	206

Chương 2. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành xây dựng

I. An toàn lao động khi làm việc trên cao	208
II. An toàn lao động khi phá dỡ công trình	209
III. An toàn lao động khi thi công công trình ngầm	210
IV. Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình	211
V. Vệ sinh trên công trường xây dựng	213

Chương 3. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành nông nghiệp

I. Những nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp	214

PHẦN II: BIÊN BÁO AN TOÀN VÀ QUY TẮC AN TOÀN CƠ BẢN

Chương 1. Các loại biên báo an toàn	185
I. Biên báo cấm	185
II. Quy tắc an toàn cơ bản (các hạng mục người lao động cần tuân thủ)	192

PHẦN III: AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO NGÀNH

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành sản xuất chế tạo

I. An toàn lao động khi làm việc với máy khoan	201
II. An toàn lao động khi làm việc với máy cán, máy ép	202
III. An toàn lao động khi làm việc với máy tiện	203
IV. An toàn lao động khi làm việc với máy mài	204
V. An toàn lao động khi làm việc với máy cưa đĩa	205
VI. An toàn lao động khi gia công nóng	206

Chương 2. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành xây dựng

I. An toàn lao động khi làm việc trên cao	208
II. An toàn lao động khi phá dỡ công trình	209
III. An toàn lao động khi thi công công trình ngầm	210
IV. Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình	211
V. Vệ sinh trên công trường xây dựng	213

Chương 3. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành nông nghiệp

I. Những nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp	214

II. An toàn lao động khi làm việc với máy nông nghiệp	215
III. An toàn lao động khi làm việc với hóa chất bảo vệ thực vật	216
IV. Phòng ngừa một số loại bệnh trong ngành nông nghiệp	218
Chương 4. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành ngư nghiệp	221
I. Các tai nạn, bệnh thường gặp trong ngành ngư nghiệp	221
II. Cứu sinh	221
III. Cứu tàu bị thủng, bị đắm	224
IV. Cứu tàu bị mắc cạn	224
V. Phòng cháy, chữa cháy trên tàu	225
VI. Giữ gìn sức khỏe cho người làm việc trên tàu biển	226
PHẦN IV: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN PHÒNG NGỪA RỦI RO	
Chương 1. Cháy nổ, hỏa hoạn – phòng ngừa và cách xử lý	228
I. Quy tắc phòng, chống cháy nổ, hỏa hoạn	228
II. Cách xử lý khi có cháy nổ, hỏa hoạn	229
III. Phòng chống và xử lý khi bị bỏng do nước sôi, ga, xăng, dầu, mỡ, hoá chất	230
Chương 2. Phòng ngừa tai nạn	233
I. Tai nạn điện	233
II. Tai nạn gây chảy máu	234
III. Tai nạn giao thông	235
Chương 3. Phòng chống dịch bệnh	236
I. Hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS)	236
II. Dịch cúm A (H1N1)	236

II. An toàn lao động khi làm việc với máy nông nghiệp	215
III. An toàn lao động khi làm việc với hóa chất bảo vệ thực vật	216
IV. Phòng ngừa một số loại bệnh trong ngành nông nghiệp	218
Chương 4. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành ngư nghiệp	221
I. Các tai nạn, bệnh thường gặp trong ngành ngư nghiệp	221
II. Cứu sinh	221
III. Cứu tàu bị thủng, bị đắm	224
IV. Cứu tàu bị mắc cạn	224
V. Phòng cháy, chữa cháy trên tàu	225
VI. Giữ gìn sức khỏe cho người làm việc trên tàu biển	226
PHẦN IV: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN PHÒNG NGỪA RỦI RO	
Chương 1. Cháy nổ, hỏa hoạn – phòng ngừa và cách xử lý	228
I. Quy tắc phòng, chống cháy nổ, hỏa hoạn	228
II. Cách xử lý khi có cháy nổ, hỏa hoạn	229
III. Phòng chống và xử lý khi bị bỏng do nước sôi, ga, xăng, dầu, mỡ, hoá chất	230
Chương 2. Phòng ngừa tai nạn	233
I. Tai nạn điện	233
II. Tai nạn gây chảy máu	234
III. Tai nạn giao thông	235
Chương 3. Phòng chống dịch bệnh	236
I. Hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS)	236
II. Dịch cúm A (H1N1)	236

III. Bệnh sốt xuất huyết	237
IV. Bệnh thương hàn	238
Chương 4. Phòng tránh ma túy, HIV/AIDS	239
I. Hội chứng suy giảm miễn dịch HIV – AIDS	239
II. Đặc điểm của virus HIV	239
III. Bốn giai đoạn nhiễm HIV/AIDS	239
IV. Cách phòng tránh	240
V. Nói không với ma túy và các chất gây nghiện	241
Chương 5. Phòng ngừa thiên tai, chiến tranh	242
I. Thảm họa thiên tai	242
II. Chiến tranh, nội chiến	244
Chương 6. Phòng ngừa các rủi ro khác	245
I. Các hành vi bạo lực	245
II. Chơi cờ bạc, tổ chức sòng bạc	245
III. Lừa đảo qua công nghệ	245
IV. Chuyển tiền ra nước ngoài bất hợp pháp	245
V. Vi phạm quy định chung	245
PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN XỬ TRÍ TRONG MỘT SỐ	248
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP	
CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP	252
BÀI TẬP VỀ NHÀ	253

III. Bệnh sốt xuất huyết	237
IV. Bệnh thương hàn	238
Chương 4. Phòng tránh ma túy, HIV/AIDS	239
I. Hội chứng suy giảm miễn dịch HIV – AIDS	239
II. Đặc điểm của virus HIV	239
III. Bốn giai đoạn nhiễm HIV/AIDS	239
IV. Cách phòng tránh	240
V. Nói không với ma túy và các chất gây nghiện	241
Chương 5. Phòng ngừa thiên tai, chiến tranh	242
I. Thảm họa thiên tai	242
II. Chiến tranh, nội chiến	244
Chương 6. Phòng ngừa các rủi ro khác	245
I. Các hành vi bạo lực	245
II. Chơi cờ bạc, tổ chức sòng bạc	245
III. Lừa đảo qua công nghệ	245
IV. Chuyển tiền ra nước ngoài bất hợp pháp	245
V. Vi phạm quy định chung	245
PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN XỬ TRÍ TRONG MỘT SỐ	248
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP	
CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP	252
BÀI TẬP VỀ NHÀ	253

VĂN HÓA VIỆT NAM – HÀN QUỐC

VĂN HÓA VIỆT NAM – HÀN QUỐC

PHẦN I: TRUYỀN THÔNG, BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Chương 1. Việt Nam – Đất nước, con người

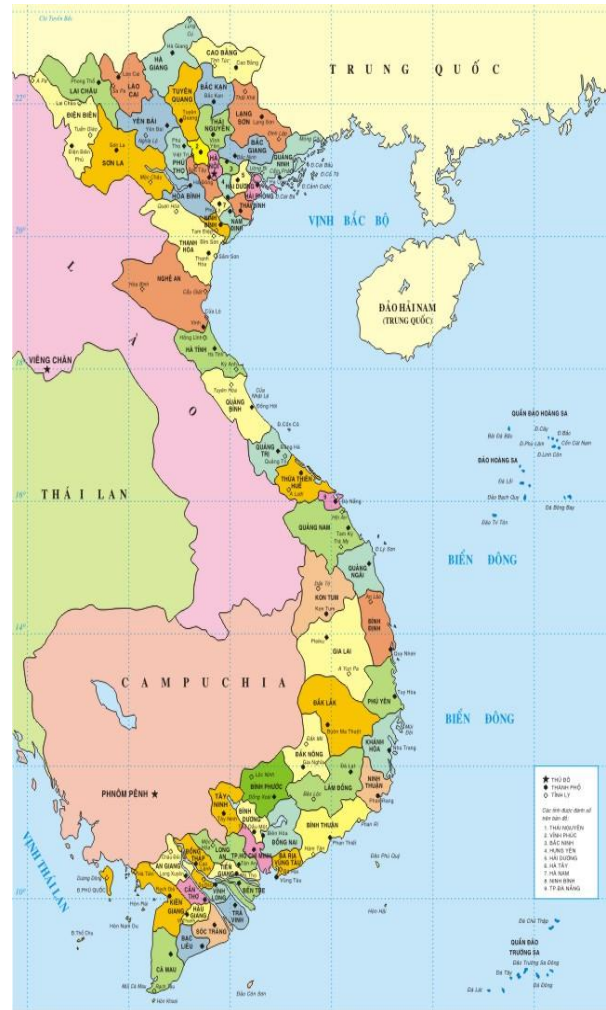
I. Sơ lược về đất nước Việt Nam

Việt Nam là quốc gia nằm ở phía Đông, thuộc bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, lục địa châu Á, có diện tích đất liền 331.210 km², phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp với Lào và Campuchia, phía Tây Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông và phía Nam giáp với Biển Đông.

Việt Nam có đường bờ biển uốn cong hình chữ S dài 3.260 km, biên giới đất liền dài 3.730 km. Trên đất liền, từ điểm cực Bắc (Hà Giang) đến điểm cực Nam (Cà Mau) dài 1.650 km (theo đường chim bay), từ điểm cực Đông sang điểm cực Tây nơi rộng nhất 600 km (Bắc bộ), 400 km (Nam bộ), nơi hẹp nhất 50 km (Quảng Bình).

Quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa ở Biển Đông là 02 quần đảo thuộc chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Quy mô dân số gần 96,7 triệu người (tính đến tháng 9/2018), đứng thứ 14 trên thế giới và thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, trong đó khoảng 34,7% dân số sống ở khu vực thành thị.



PHẦN I: TRUYỀN THÔNG, BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Chương 1. Việt Nam – Đất nước, con người

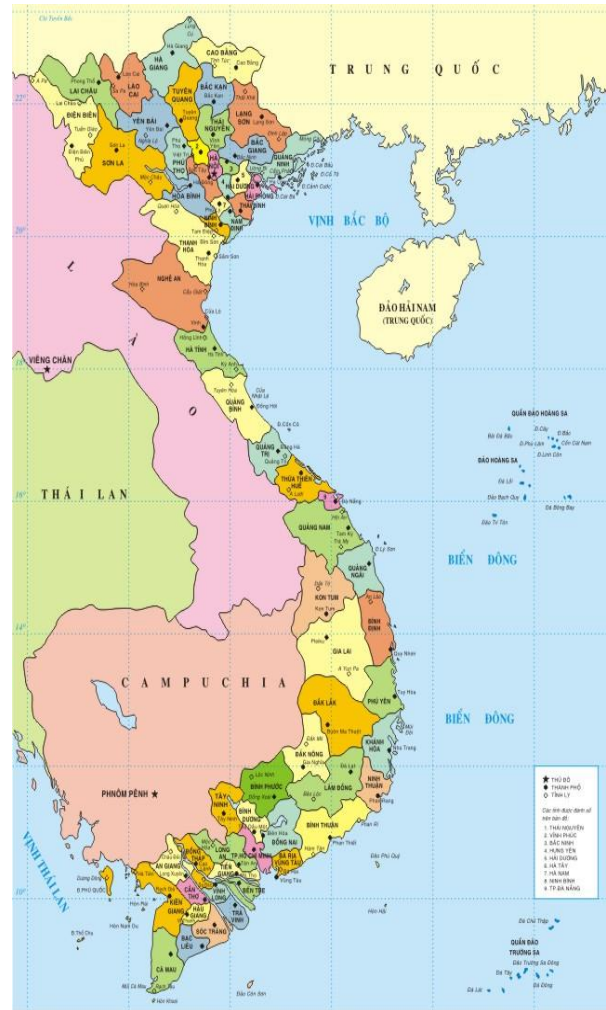
I. Sơ lược về đất nước Việt Nam

Việt Nam là quốc gia nằm ở phía Đông, thuộc bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, lục địa châu Á, có diện tích đất liền 331.210 km², phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp với Lào và Campuchia, phía Tây Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông và phía Nam giáp với Biển Đông.

Việt Nam có đường bờ biển uốn cong hình chữ S dài 3.260 km, biên giới đất liền dài 3.730 km. Trên đất liền, từ điểm cực Bắc (Hà Giang) đến điểm cực Nam (Cà Mau) dài 1.650 km (theo đường chim bay), từ điểm cực Đông sang điểm cực Tây nơi rộng nhất 600 km (Bắc bộ), 400 km (Nam bộ), nơi hẹp nhất 50 km (Quảng Bình).

Quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa ở Biển Đông là 02 quần đảo thuộc chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Quy mô dân số gần 96,7 triệu người (tính đến tháng 9/2018), đứng thứ 14 trên thế giới và thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, trong đó khoảng 34,7% dân số sống ở khu vực thành thị.



Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, gồm 54 dân tộc, trong đó, dân tộc Kinh (Việt) chiếm 85,7%, 53 dân tộc còn lại là các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa riêng mang đậm bản sắc địa phương, nhưng 54 dân tộc anh em cùng gắn bó chặt chẽ với nhau trong vận mệnh chung của cuộc đấu tranh, hòa hợp lâu dài, lấy tộc người Việt làm trung tâm. Điều này đã tạo nên văn hóa dân tộc Việt Nam thống nhất trên cơ sở đa dạng sắc thái văn hóa của các dân tộc với những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, gồm 54 dân tộc, trong đó, dân tộc Kinh (Việt) chiếm 85,7%, 53 dân tộc còn lại là các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa riêng mang đậm bản sắc địa phương, nhưng 54 dân tộc anh em cùng gắn bó chặt chẽ với nhau trong vận mệnh chung của cuộc đấu tranh, hòa hợp lâu dài, lấy tộc người Việt làm trung tâm. Điều này đã tạo nên văn hóa dân tộc Việt Nam thống nhất trên cơ sở đa dạng sắc thái văn hóa của các dân tộc với những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp.

Chương 2. Những truyền thống dân tộc Việt Nam

I. Những yếu tố chính làm nên các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Truyền thống là những yếu tố về sinh hoạt xã hội, phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức của một dân tộc được hình thành trong quá trình lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ xưa đến nay.

Truyền thống văn hóa là hệ thống giá trị tinh thần và vật chất, hữu hình và vô hình, những phong tục, tập quán, lối sống, thói quen được xã hội tích lũy và truyền lại, tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thái.

Truyền thống của dân tộc Việt Nam được hình thành qua việc con người từng bước chinh phục hoàn cảnh sống, đồng thời hoàn cảnh cũng tác động ngược lại làm thay đổi con người. Mỗi quan hệ này đã đem lại cho người Việt Nam những phẩm chất tinh thần cần thiết để tồn tại và phát triển. Đó là khả năng thích ứng, phát huy nội lực của bản thân để vượt qua hoàn cảnh.

Trên con đường đổi mới, đất nước đang từng bước hội nhập với khu vực và thế giới, vượt qua lạc hậu, đói nghèo, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp.

Hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã được Đảng, Nhà nước ta chú trọng và coi đây là một giải pháp kinh tế - xã hội lâu dài góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm việc tiên tiến của người lao động.

Chương 2. Những truyền thống dân tộc Việt Nam

I. Những yếu tố chính làm nên các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Truyền thống là những yếu tố về sinh hoạt xã hội, phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức của một dân tộc được hình thành trong quá trình lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ xưa đến nay.

Truyền thống văn hóa là hệ thống giá trị tinh thần và vật chất, hữu hình và vô hình, những phong tục, tập quán, lối sống, thói quen được xã hội tích lũy và truyền lại, tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thái.

Truyền thống của dân tộc Việt Nam được hình thành qua việc con người từng bước chinh phục hoàn cảnh sống, đồng thời hoàn cảnh cũng tác động ngược lại làm thay đổi con người. Mỗi quan hệ này đã đem lại cho người Việt Nam những phẩm chất tinh thần cần thiết để tồn tại và phát triển. Đó là khả năng thích ứng, phát huy nội lực của bản thân để vượt qua hoàn cảnh.

Trên con đường đổi mới, đất nước đang từng bước hội nhập với khu vực và thế giới, vượt qua lạc hậu, đói nghèo, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp.

Hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã được Đảng, Nhà nước ta chú trọng và coi đây là một giải pháp kinh tế - xã hội lâu dài góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm việc tiên tiến của người lao động.

Ra nước ngoài làm việc, người lao động không chỉ có điều kiện mở rộng tầm nhìn, mở rộng giao lưu quốc tế, được hòa nhập và hiểu biết văn hóa của các dân tộc khác mà còn là cơ hội để giới thiệu và quảng bá bản sắc dân tộc Việt Nam. Khi sống và làm việc ở nước ngoài, mỗi chúng ta còn có bốn phận thực hiện tốt vai trò ngoại giao nhân dân. Vì vậy, phải biết kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc; tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới góp phần làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc.

Là người Việt Nam chúng ta có quyền tự hào với các truyền thống dựng nước và giữ nước đã được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ.

II. Những truyền thống của dân tộc Việt Nam

1. Tinh thần yêu quê hương đất nước

Lịch sử dựng nước của dân tộc ta luôn gắn liền với lịch sử giữ nước, nó rèn luyện, hun đúc tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết tạo nên khí phách anh hùng, quật cường của dân tộc Việt Nam, sẵn sàng chịu đựng mọi hy sinh gian khổ bảo vệ độc lập và toàn vẹn chủ quyền quốc gia.

Yêu nước là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, trở thành tình cảm thiêng liêng trong mỗi người dân Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước giữ vị trí chuẩn mực cao nhất của đạo lý và đứng đầu trong bậc thang giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam, là động lực nội sinh to lớn của cộng đồng dân tộc Việt Nam tạo nên sức mạnh vô địch trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hòa nhập vào thế giới để tiến lên mà không hòa tan, không đánh mất bản sắc dân tộc là một cuộc đấu tranh đầy gian nan, thử thách.

Ra nước ngoài làm việc, người lao động không chỉ có điều kiện mở rộng tầm nhìn, mở rộng giao lưu quốc tế, được hòa nhập và hiểu biết văn hóa của các dân tộc khác mà còn là cơ hội để giới thiệu và quảng bá bản sắc dân tộc Việt Nam. Khi sống và làm việc ở nước ngoài, mỗi chúng ta còn có bốn phận thực hiện tốt vai trò ngoại giao nhân dân. Vì vậy, phải biết kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc; tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới góp phần làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc.

Là người Việt Nam chúng ta có quyền tự hào với các truyền thống dựng nước và giữ nước đã được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ.

II. Những truyền thống của dân tộc Việt Nam

1. Tinh thần yêu quê hương đất nước

Lịch sử dựng nước của dân tộc ta luôn gắn liền với lịch sử giữ nước, nó rèn luyện, hun đúc tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết tạo nên khí phách anh hùng, quật cường của dân tộc Việt Nam, sẵn sàng chịu đựng mọi hy sinh gian khổ bảo vệ độc lập và toàn vẹn chủ quyền quốc gia.

Yêu nước là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, trở thành tình cảm thiêng liêng trong mỗi người dân Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước giữ vị trí chuẩn mực cao nhất của đạo lý và đứng đầu trong bậc thang giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam, là động lực nội sinh to lớn của cộng đồng dân tộc Việt Nam tạo nên sức mạnh vô địch trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hòa nhập vào thế giới để tiến lên mà không hòa tan, không đánh mất bản sắc dân tộc là một cuộc đấu tranh đầy gian nan, thử thách.

Chỉ có yêu nước mới xây dựng và bảo vệ đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân và vinh quang cho dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước là tình cảm chung thiết tha của toàn dân Việt Nam, cả những người Việt Nam đang sống và làm việc ở nước ngoài; là sức mạnh tiềm tàng, thường trực trong lòng mỗi người dân Việt Nam; là nguồn lực không bao giờ cạn vì có cơ sở vững bền, lâu đời trong lịch sử đất nước và phù hợp với tính cách, nguyện vọng và là trách nhiệm của mọi người dân Việt Nam.

Truyền thống yêu nước của dân tộc ta rất phong phú và sâu sắc, nó thể hiện ở tình yêu quê hương xứ sở, nơi sinh ra, lớn lên của mỗi người, đó là xóm, làng, là cộng đồng làng, xã ...là sự gắn bó giữa những thành viên của dân tộc, là tình cảm gắn liền với thiên nhiên, với con người ở quê hương.

Đất nước Việt Nam có đặc điểm địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên nhiều thuận lợi, song không ít khó khăn. Trong quá trình khai phá mảnh đất này, cha ông ta đã phải đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên. Từng tấc đất đều thấm đượm mồ hôi, nước mắt và xương máu của bao thế hệ, vì thế, mọi người Việt Nam đều nặng tình, nặng nghĩa với quê hương.

Tình yêu nước còn thể hiện ở lòng tự hào, tự tôn dân tộc, dường như trong mỗi người Việt Nam đều tiềm ẩn lòng tự hào, tự tôn, tự cường dân tộc, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, cần cù sáng tạo... chúng ta tự hào về pho sử vàng 4.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, không khuất phục ách ngoại xâm; tự hào về lòng yêu nước thương nòi; Tự hào về hành động xả thân vì dân, vì nước của cha ông ta, của các anh hùng dân tộc; tự hào về nền văn hóa Việt Nam; tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta, danh nhân văn hóa thế giới, Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

Chỉ có yêu nước mới xây dựng và bảo vệ đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân và vinh quang cho dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước là tình cảm chung thiết tha của toàn dân Việt Nam, cả những người Việt Nam đang sống và làm việc ở nước ngoài; là sức mạnh tiềm tàng, thường trực trong lòng mỗi người dân Việt Nam; là nguồn lực không bao giờ cạn vì có cơ sở vững bền, lâu đời trong lịch sử đất nước và phù hợp với tính cách, nguyện vọng và là trách nhiệm của mọi người dân Việt Nam.

Truyền thống yêu nước của dân tộc ta rất phong phú và sâu sắc, nó thể hiện ở tình yêu quê hương xứ sở, nơi sinh ra, lớn lên của mỗi người, đó là xóm, làng, là cộng đồng làng, xã ...là sự gắn bó giữa những thành viên của dân tộc, là tình cảm gắn liền với thiên nhiên, với con người ở quê hương.

Đất nước Việt Nam có đặc điểm địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên nhiều thuận lợi, song không ít khó khăn. Trong quá trình khai phá mảnh đất này, cha ông ta đã phải đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên. Từng tấc đất đều thấm đượm mồ hôi, nước mắt và xương máu của bao thế hệ, vì thế, mọi người Việt Nam đều nặng tình, nặng nghĩa với quê hương.

Tình yêu nước còn thể hiện ở lòng tự hào, tự tôn dân tộc, dường như trong mỗi người Việt Nam đều tiềm ẩn lòng tự hào, tự tôn, tự cường dân tộc, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, cần cù sáng tạo... chúng ta tự hào về pho sử vàng 4.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, không khuất phục ách ngoại xâm; tự hào về lòng yêu nước thương nòi; Tự hào về hành động xả thân vì dân, vì nước của cha ông ta, của các anh hùng dân tộc; tự hào về nền văn hóa Việt Nam; tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta, danh nhân văn hóa thế giới, Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

2. Truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái

Tình yêu nước gắn chặt với lòng nhân ái: thương nước, thương nhà, thương người và thương mình. Cưu mang, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau luôn là nét đẹp truyền thống trong đời sống của nhân dân ta; giàu lòng nhân ái, thương người như thể thương thân là bản chất tốt đẹp của người Việt Nam ta, được thể hiện qua những câu ca dao lưu truyền từ đời này sang đời khác:

“Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng”

Hay

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Đây là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta, đó là tình nghĩa ruột thịt, đồng bào. Tất cả người dân Việt Nam đều là con một nhà, cùng chung một cha mẹ, coi nước như cái nôi cái bọc chung, tình cốt nhục, nghĩa đồng bào coi nhau như ruột thịt là cơ sở chính để tồn tại, phát triển để bảo vệ nòi giống và danh dự của mình, chính nhờ đó mà chúng ta có sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, chung tay xây dựng đất nước ta ngày càng to đẹp, đàng hoàng hơn.

Ra nước ngoài làm việc, người lao động luôn hướng về Tổ Quốc, có trách nhiệm với quê hương đất nước, với cộng đồng, cùng vui với những niềm vui của Đất nước, cùng san sẻ với những nỗi đau, mất mát của những người dân kém may mắn hay do thiên tai gây ra. Sống nhân nghĩa, thủy chung, vị tha, kính trên nhường dưới, thân thiện với bạn bè đồng nghiệp, sẵn sàng giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và trong công việc là nét đặc trưng của người dân Việt, của cộng đồng người Việt trên toàn thế giới.

2. Truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái

Tình yêu nước gắn chặt với lòng nhân ái: thương nước, thương nhà, thương người và thương mình. Cưu mang, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau luôn là nét đẹp truyền thống trong đời sống của nhân dân ta; giàu lòng nhân ái, thương người như thể thương thân là bản chất tốt đẹp của người Việt Nam ta, được thể hiện qua những câu ca dao lưu truyền từ đời này sang đời khác:

“Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng”

Hay

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Đây là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta, đó là tình nghĩa ruột thịt, đồng bào. Tất cả người dân Việt Nam đều là con một nhà, cùng chung một cha mẹ, coi nước như cái nôi cái bọc chung, tình cốt nhục, nghĩa đồng bào coi nhau như ruột thịt là cơ sở chính để tồn tại, phát triển để bảo vệ nòi giống và danh dự của mình, chính nhờ đó mà chúng ta có sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, chung tay xây dựng đất nước ta ngày càng to đẹp, đàng hoàng hơn.

Ra nước ngoài làm việc, người lao động luôn hướng về Tổ Quốc, có trách nhiệm với quê hương đất nước, với cộng đồng, cùng vui với những niềm vui của Đất nước, cùng san sẻ với những nỗi đau, mất mát của những người dân kém may mắn hay do thiên tai gây ra. Sống nhân nghĩa, thủy chung, vị tha, kính trên nhường dưới, thân thiện với bạn bè đồng nghiệp, sẵn sàng giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và trong công việc là nét đặc trưng của người dân Việt, của cộng đồng người Việt trên toàn thế giới.

3. Truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động sản xuất

Cần cù, siêng năng là một trong những giá trị đạo đức nổi bật, phẩm chất đáng quý của người Đông Á, trong đó có Việt Nam. Phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động của người Việt Nam luôn gắn với sự dành dụm, tiết kiệm và trở thành đức tính cần có như một lẽ tự nhiên. Như vậy, đầu tiên, đức tính cần cù, sáng tạo và tiết kiệm trong lao động chính là yếu tố quan trọng giúp con người có thể đảm bảo được việc duy trì cuộc sống cá nhân.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, sự cần cù, sáng tạo đi đôi với thực hành tiết kiệm trong lao động sản xuất của mỗi người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa thiết thực, bởi đây chính là động lực tiên quyết nhằm tăng năng suất, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển, qua đó tự mỗi người đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Người lao động khi ra nước ngoài làm việc một cách chuyên cần, sáng tạo sẽ chính là tạo cho mình có cơ hội để tăng thu nhập, làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương đất nước mình và cao hơn nữa là góp phần vào giữ gìn và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc.

4. Truyền thống hiếu học

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống hiếu học từ lâu đời. Người Việt Nam lấy sự học làm điều căn bản để thực hiện đạo lý làm người. Do đó trong suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, qua mọi giai đoạn thăng trầm của lịch sử, giáo dục luôn là một lĩnh vực được coi trọng và đề cao.

Sự hiếu học thể hiện ở việc ham học hỏi những cái mới, cái hay, cái tốt trong cuộc sống và trong lao động, tiếp thu được những công nghệ mới, phương thức sản xuất, kinh doanh và quản lý tiên tiến những kinh nghiệm quý giá để áp dụng vào thực tiễn cuộc sống.

3. Truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động sản xuất

Cần cù, siêng năng là một trong những giá trị đạo đức nổi bật, phẩm chất đáng quý của người Đông Á, trong đó có Việt Nam. Phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động của người Việt Nam luôn gắn với sự dành dụm, tiết kiệm và trở thành đức tính cần có như một lẽ tự nhiên. Như vậy, đầu tiên, đức tính cần cù, sáng tạo và tiết kiệm trong lao động chính là yếu tố quan trọng giúp con người có thể đảm bảo được việc duy trì cuộc sống cá nhân.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, sự cần cù, sáng tạo đi đôi với thực hành tiết kiệm trong lao động sản xuất của mỗi người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa thiết thực, bởi đây chính là động lực tiên quyết nhằm tăng năng suất, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển, qua đó tự mỗi người đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Người lao động khi ra nước ngoài làm việc một cách chuyên cần, sáng tạo sẽ chính là tạo cho mình có cơ hội để tăng thu nhập, làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương đất nước mình và cao hơn nữa là góp phần vào giữ gìn và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc.

4. Truyền thống hiếu học

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống hiếu học từ lâu đời. Người Việt Nam lấy sự học làm điều căn bản để thực hiện đạo lý làm người. Do đó trong suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, qua mọi giai đoạn thăng trầm của lịch sử, giáo dục luôn là một lĩnh vực được coi trọng và đề cao.

Sự hiếu học thể hiện ở việc ham học hỏi những cái mới, cái hay, cái tốt trong cuộc sống và trong lao động, tiếp thu được những công nghệ mới, phương thức sản xuất, kinh doanh và quản lý tiên tiến những kinh nghiệm quý giá để áp dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài phát huy tính tích cực trong lao động, trong học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp và nâng cao trình độ ngoại ngữ để góp phần phát triển sự nghiệp xây dựng đất nước sau này.

5. Dân tộc Việt Nam là dân tộc trọng tình nghĩa

Việt Nam là dân tộc coi trọng tình nghĩa, sự hòa thuận trong đời sống. Quan niệm này đã ăn sâu vào người Việt tạo nên bản sắc riêng trong tính cách của cộng đồng người Việt.

Điều dễ nhận thấy trong biểu hiện trọng tình nghĩa của dân tộc ta được bắt nguồn từ một chữ “tình”, tình cảm trong gia đình:

- Đối với đấng sinh thành:

“Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”

- Đối với anh em: *“Anh em như thể tay chân”*

- Đối với nghĩa vợ chồng: *“Vợ chồng đầu gối, tay ấp”*

Rộng hơn là tình làng xóm láng giềng: *“Tối lửa tắt đèn có nhau”*; *“Bán anh em xa mua láng giềng gần”*;.. và bao trùm hơn cả là tình yêu thương đồng loại, đồng bào *“Thương người như thể thương thân”*... Lòng yêu thương và sống có nghĩa tình còn được biểu hiện trong sự tương trợ, giúp đỡ nhau; đoàn kết vượt qua khó khăn gian khổ...

Tuy nhiên, cũng chính vì trọng tình nghĩa cũng có mặt tiêu cực tồn tại, đó là cả nể, sợ bị chỉ trích, không coi trọng quy định, ngại va chạm, đấu tranh để bảo vệ cái tốt, không dám có hành động dứt khoát và dễ bị lợi dụng.

Khi ra nước ngoài làm việc, người lao động phải xa gia đình, họ hàng, làng xóm nên sẽ phải tự lập, và tự chăm sóc bản thân.... Với tinh thần trọng nghĩa tình của người Việt, người lao động Việt Nam hãy cùng nhau đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau trong suốt thời

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài phát huy tính tích cực trong lao động, trong học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp và nâng cao trình độ ngoại ngữ để góp phần phát triển sự nghiệp xây dựng đất nước sau này.

5. Dân tộc Việt Nam là dân tộc trọng tình nghĩa

Việt Nam là dân tộc coi trọng tình nghĩa, sự hòa thuận trong đời sống. Quan niệm này đã ăn sâu vào người Việt tạo nên bản sắc riêng trong tính cách của cộng đồng người Việt.

Điều dễ nhận thấy trong biểu hiện trọng tình nghĩa của dân tộc ta được bắt nguồn từ một chữ “tình”, tình cảm trong gia đình:

- Đối với đấng sinh thành:

“Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”

- Đối với anh em: *“Anh em như thể tay chân”*

- Đối với nghĩa vợ chồng: *“Vợ chồng đầu gối, tay ấp”*

Rộng hơn là tình làng xóm láng giềng: *“Tối lửa tắt đèn có nhau”*; *“Bán anh em xa mua láng giềng gần”*;.. và bao trùm hơn cả là tình yêu thương đồng loại, đồng bào *“Thương người như thể thương thân”*... Lòng yêu thương và sống có nghĩa tình còn được biểu hiện trong sự tương trợ, giúp đỡ nhau; đoàn kết vượt qua khó khăn gian khổ...

Tuy nhiên, cũng chính vì trọng tình nghĩa cũng có mặt tiêu cực tồn tại, đó là cả nể, sợ bị chỉ trích, không coi trọng quy định, ngại va chạm, đấu tranh để bảo vệ cái tốt, không dám có hành động dứt khoát và dễ bị lợi dụng.

Khi ra nước ngoài làm việc, người lao động phải xa gia đình, họ hàng, làng xóm nên sẽ phải tự lập, và tự chăm sóc bản thân.... Với tinh thần trọng nghĩa tình của người Việt, người lao động Việt Nam hãy cùng nhau đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau trong suốt thời

gian làm việc ở nước ngoài. Nhưng đồng thời, người lao động cũng cần hiểu và tôn trọng pháp luật nước sở tại, tôn trọng các quy định của công ty, có ý thức trong việc đấu tranh với những hành động không phù hợp của những lao động khác, dứt khoát trong thái độ để tránh cả nể và bị lợi dụng.

6. Người Việt sống lạc quan, yêu đời

Lạc quan luôn là chìa khóa để con người vượt qua thử thách. Đây là giá trị đạo đức nhân văn sâu sắc được sinh dưỡng trong chính đau thương, mất mát qua các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và cuộc sống lam lũ hàng ngày của dân tộc Việt Nam.

Khi ra nước ngoài làm việc, các bạn sẽ phải sống ở một đất nước xa lạ, văn hóa khác biệt, ngôn ngữ bất đồng...xa bạn bè, xa người thân và áp lực cuộc sống công nghiệp... Ngoài ra còn rất nhiều khó khăn khác, nhưng với tinh thần lạc quan, yêu cuộc sống, yêu gia đình sẽ luôn là động lực giúp các bạn vượt qua mọi khó khăn thách thức, kiên trì làm việc để góp sức mình làm giàu thêm bản sắc lạc quan, yêu đời, yêu lao động, yêu gia đình của con người Việt Nam.

gian làm việc ở nước ngoài. Nhưng đồng thời, người lao động cũng cần hiểu và tôn trọng pháp luật nước sở tại, tôn trọng các quy định của công ty, có ý thức trong việc đấu tranh với những hành động không phù hợp của những lao động khác, dứt khoát trong thái độ để tránh cả nể và bị lợi dụng.

6. Người Việt sống lạc quan, yêu đời

Lạc quan luôn là chìa khóa để con người vượt qua thử thách. Đây là giá trị đạo đức nhân văn sâu sắc được sinh dưỡng trong chính đau thương, mất mát qua các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và cuộc sống lam lũ hàng ngày của dân tộc Việt Nam.

Khi ra nước ngoài làm việc, các bạn sẽ phải sống ở một đất nước xa lạ, văn hóa khác biệt, ngôn ngữ bất đồng...xa bạn bè, xa người thân và áp lực cuộc sống công nghiệp... Ngoài ra còn rất nhiều khó khăn khác, nhưng với tinh thần lạc quan, yêu cuộc sống, yêu gia đình sẽ luôn là động lực giúp các bạn vượt qua mọi khó khăn thách thức, kiên trì làm việc để góp sức mình làm giàu thêm bản sắc lạc quan, yêu đời, yêu lao động, yêu gia đình của con người Việt Nam.

Chương 3. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

I. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

Bản sắc văn hoá dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hình thành, tồn tại và phát triển suốt quá trình lịch sử lâu đời của đất nước, nó thể hiện linh hồn, đạo đức, lối sống của người Việt. Bản sắc văn hóa Việt Nam là việc sống quần tụ và có tình nghĩa, không ngẫu nhiên hình thành mà nó là kết quả tất yếu của con người với môi trường tự nhiên.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, với 54 dân tộc anh em chung sống, mỗi dân tộc vừa mang đặc điểm chung của bản sắc văn hóa Việt Nam, vừa có vốn văn hóa riêng, mang một bản sắc riêng, tạo nên tính đa dạng và phong phú, các nền văn hóa giao lưu với nhau, bổ sung cho nhau.

Trong quá trình phát triển, văn hoá Việt Nam đã hội nhập tiếp thu tinh hoa văn hoá và những giá trị ưu tú của các dân tộc khác trên toàn thế giới, sàng lọc những gì không phù hợp, làm giàu cho nền văn hoá của dân tộc ta.

Bản sắc văn hoá dân tộc là những vấn đề nòng cốt nhất, nền tảng nhất để làm nên những nét riêng của cộng đồng dân tộc này so với cộng đồng dân tộc khác. Nó có tính ổn định vì phải trải qua quá trình đúc kết, tích lũy, sàng lọc lâu dài.

Đặc trưng đầu tiên của Bản sắc văn hóa dân tộc cũng là lòng yêu nước nồng nàn, thể hiện tâm thức con người Việt Nam qua lễ sống, ý chí độc lập tự cường... Bộc lộ được tính cách con người Việt Nam qua cách sống tương thân tương ái, tính cần cù sáng tạo trong lao động, yêu nghệ thuật, giản dị, tế nhị trong ứng xử.

Chương 3. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

I. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

Bản sắc văn hoá dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hình thành, tồn tại và phát triển suốt quá trình lịch sử lâu đời của đất nước, nó thể hiện linh hồn, đạo đức, lối sống của người Việt. Bản sắc văn hóa Việt Nam là việc sống quần tụ và có tình nghĩa, không ngẫu nhiên hình thành mà nó là kết quả tất yếu của con người với môi trường tự nhiên.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, với 54 dân tộc anh em chung sống, mỗi dân tộc vừa mang đặc điểm chung của bản sắc văn hóa Việt Nam, vừa có vốn văn hóa riêng, mang một bản sắc riêng, tạo nên tính đa dạng và phong phú, các nền văn hóa giao lưu với nhau, bổ sung cho nhau.

Trong quá trình phát triển, văn hoá Việt Nam đã hội nhập tiếp thu tinh hoa văn hoá và những giá trị ưu tú của các dân tộc khác trên toàn thế giới, sàng lọc những gì không phù hợp, làm giàu cho nền văn hoá của dân tộc ta.

Bản sắc văn hoá dân tộc là những vấn đề nòng cốt nhất, nền tảng nhất để làm nên những nét riêng của cộng đồng dân tộc này so với cộng đồng dân tộc khác. Nó có tính ổn định vì phải trải qua quá trình đúc kết, tích lũy, sàng lọc lâu dài.

Đặc trưng đầu tiên của Bản sắc văn hóa dân tộc cũng là lòng yêu nước nồng nàn, thể hiện tâm thức con người Việt Nam qua lễ sống, ý chí độc lập tự cường... Bộc lộ được tính cách con người Việt Nam qua cách sống tương thân tương ái, tính cần cù sáng tạo trong lao động, yêu nghệ thuật, giản dị, tế nhị trong ứng xử.

II. Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc

- Thường xuyên bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu;
- Có tinh thần tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung;
- Xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa; ngăn chặn đẩy lùi những tiêu cực, tệ nạn xã hội, khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống;
- Phải tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng; đảm bảo an toàn giao thông; đẩy mạnh việc bảo tồn phát huy các truyền thống văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường tự nhiên sạch đẹp;
- Thường xuyên học tập nâng cao hiểu biết, trình độ văn hóa, trình độ thẩm mỹ và thể lực;
- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích bản thân, gia đình, tập thể và xã hội;
- Thường xuyên tu dưỡng và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam; quan hệ giữa người với người phải thân ái, giữa cấp trên và cấp dưới phải tôn trọng và đoàn kết; xây dựng gia đình hạnh phúc, no ấm.

III. Trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc ở nước ngoài trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc

Người lao động Việt Nam sống và làm việc có thời hạn ở nước ngoài là những sứ giả giới thiệu và quảng bá nền văn hoá của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác, đồng thời, tiếp thu tinh hoa văn hoá của các dân tộc trên thế giới để làm giàu cho nền văn hoá của

II. Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc

- Thường xuyên bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu;
- Có tinh thần tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung;
- Xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa; ngăn chặn đẩy lùi những tiêu cực, tệ nạn xã hội, khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống;
- Phải tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng; đảm bảo an toàn giao thông; đẩy mạnh việc bảo tồn phát huy các truyền thống văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường tự nhiên sạch đẹp;
- Thường xuyên học tập nâng cao hiểu biết, trình độ văn hóa, trình độ thẩm mỹ và thể lực;
- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích bản thân, gia đình, tập thể và xã hội;
- Thường xuyên tu dưỡng và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam; quan hệ giữa người với người phải thân ái, giữa cấp trên và cấp dưới phải tôn trọng và đoàn kết; xây dựng gia đình hạnh phúc, no ấm.

III. Trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc ở nước ngoài trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc

Người lao động Việt Nam sống và làm việc có thời hạn ở nước ngoài là những sứ giả giới thiệu và quảng bá nền văn hoá của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác, đồng thời, tiếp thu tinh hoa văn hoá của các dân tộc trên thế giới để làm giàu cho nền văn hoá của

dân tộc Việt Nam. Dù sống ở đâu và làm bất cứ công việc nào, chúng ta cũng phải nhận thức sâu sắc được vinh dự và trách nhiệm này để luôn phấn đấu hoàn thiện mình, trau dồi bản lĩnh tự tin, tự trọng để góp phần tôn vinh dân tộc Việt Nam, kiên quyết tránh những việc xấu làm tổn hại đến danh dự, đến hình ảnh của đất nước và dân tộc ta.

Là người làm công ăn lương được pháp luật nước sở tại bảo hộ, mỗi chúng ta phải tuân thủ Pháp luật nước sở tại, chấp hành nội quy, kỷ luật lao động, tuân thủ quy định của người sử dụng lao động;

Có ý thức học hỏi nâng cao trình độ tay nghề, ngoại ngữ, rèn luyện tác phong làm việc công nghiệp hiện đại, tiên tiến; tác phong sinh hoạt văn minh, lịch sự; phấn đấu để tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân;

Quan hệ ứng xử đúng mực với chủ sử dụng, với đồng nghiệp, với cộng đồng và người dân nước sở tại.

Cảnh giác với những thủ đoạn khác nhau của các thế lực thù địch làm mê muội con người bằng các loại văn hóa phẩm độc hại, với những luận điệu mị dân, lừa bịp, thúc đẩy lối sống hưởng lạc, thực dụng, quên quá khứ, bàng quan chính trị, xa rời lý tưởng, dễ bị cám dỗ không phân biệt thật giả, đúng sai, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kích động gây áp lực kinh tế, chính trị đối với đất nước.

dân tộc Việt Nam. Dù sống ở đâu và làm bất cứ công việc nào, chúng ta cũng phải nhận thức sâu sắc được vinh dự và trách nhiệm này để luôn phấn đấu hoàn thiện mình, trau dồi bản lĩnh tự tin, tự trọng để góp phần tôn vinh dân tộc Việt Nam, kiên quyết tránh những việc xấu làm tổn hại đến danh dự, đến hình ảnh của đất nước và dân tộc ta.

Là người làm công ăn lương được pháp luật nước sở tại bảo hộ, mỗi chúng ta phải tuân thủ Pháp luật nước sở tại, chấp hành nội quy, kỷ luật lao động, tuân thủ quy định của người sử dụng lao động;

Có ý thức học hỏi nâng cao trình độ tay nghề, ngoại ngữ, rèn luyện tác phong làm việc công nghiệp hiện đại, tiên tiến; tác phong sinh hoạt văn minh, lịch sự; phấn đấu để tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân;

Quan hệ ứng xử đúng mực với chủ sử dụng, với đồng nghiệp, với cộng đồng và người dân nước sở tại.

Cảnh giác với những thủ đoạn khác nhau của các thế lực thù địch làm mê muội con người bằng các loại văn hóa phẩm độc hại, với những luận điệu mị dân, lừa bịp, thúc đẩy lối sống hưởng lạc, thực dụng, quên quá khứ, bàng quan chính trị, xa rời lý tưởng, dễ bị cám dỗ không phân biệt thật giả, đúng sai, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kích động gây áp lực kinh tế, chính trị đối với đất nước.

PHẦN II: PHONG TỤC, TẬP QUÁN, VĂN HÓA HÀN QUỐC

Chương 1. Giới thiệu về đất nước Hàn Quốc

I. Vị trí địa lý

Hàn Quốc, tên gọi chính thức là **Đại Hàn Dân Quốc** (대한민국), là một quốc gia nằm ở phía Nam bán đảo Triều Tiên, thuộc phần Đông Bắc của lục địa Châu Á. Bán đảo Triều Tiên trải dài 1000km từ Bắc tới Nam, phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc và Nga, phía Đông là biển Đông và Nhật Bản, phía Tây là biển Hoàng Hải. Ngoài bán đảo chính còn có hơn 3.200 đảo lớn nhỏ.



Diện tích của toàn bán đảo Triều Tiên là 220.258km, trong đó diện tích của Hàn Quốc là 99.720km, đứng thứ 109 trên thế giới. Địa hình núi non chiếm khoảng 2/3 diện tích lãnh thổ.

II. Khí hậu

Hàn Quốc có khí hậu ôn đới, 4 mùa rõ rệt. Mùa xuân và mùa thu khá ngắn, mùa hè nóng và ẩm ướt, mùa đông thì lạnh, khô và tuyết rơi nhiều, đặc biệt là ở các khu vực miền núi, dọc theo bờ biển phía nam.

Mùa xuân thường từ tháng 4 đến tháng 5, thời tiết se lạnh, độ ẩm thấp, nhiệt độ khoảng từ 10 đến 17,4 độ C, trời ấm vào ban ngày, lạnh vào sáng sớm và về đêm.

PHẦN II: PHONG TỤC, TẬP QUÁN, VĂN HÓA HÀN QUỐC

Chương 1. Giới thiệu về đất nước Hàn Quốc

I. Vị trí địa lý

Hàn Quốc, tên gọi chính thức là **Đại Hàn Dân Quốc** (대한민국), là một quốc gia nằm ở phía Nam bán đảo Triều Tiên, thuộc phần Đông Bắc của lục địa Châu Á. Bán đảo Triều Tiên trải dài 1000km từ Bắc tới Nam, phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc và Nga, phía Đông là biển Đông và Nhật Bản, phía Tây là biển Hoàng Hải. Ngoài bán đảo chính còn có hơn 3.200 đảo lớn nhỏ.



Diện tích của toàn bán đảo Triều Tiên là 220.258km, trong đó diện tích của Hàn Quốc là 99.720km, đứng thứ 109 trên thế giới. Địa hình núi non chiếm khoảng 2/3 diện tích lãnh thổ.

II. Khí hậu

Hàn Quốc có khí hậu ôn đới, 4 mùa rõ rệt. Mùa xuân và mùa thu khá ngắn, mùa hè nóng và ẩm ướt, mùa đông thì lạnh, khô và tuyết rơi nhiều, đặc biệt là ở các khu vực miền núi, dọc theo bờ biển phía nam.

Mùa xuân thường từ tháng 4 đến tháng 5, thời tiết se lạnh, độ ẩm thấp, nhiệt độ khoảng từ 10 đến 17,4 độ C, trời ấm vào ban ngày, lạnh vào sáng sớm và về đêm.

Mùa hè thường từ tháng 6 đến tháng 8, thời tiết nóng nực, mưa nhiều, độ ẩm cao, nhiệt độ trung bình khoảng 25 đến 35 độ C. Mùa hè là mùa mưa của Hàn Quốc, mưa nhiều vào cuối tháng 7 và tháng 8, có những đợt mưa to gây ngập lụt, sạt lở núi. Tuy nhiên, Hàn Quốc thường mưa to nhưng cũng nhanh tạnh ráo, không kéo dài nhiều ngày.

Mùa thu từ tháng 9 đến tháng 11, nhiệt độ trung bình khoảng 12 đến 20 độ C, thời tiết mát mẻ, lượng mưa ít, độ ẩm thấp. Không khí khô và bầu trời trong xanh nên mùa thu là mùa mà người Hàn Quốc rất yêu thích.

Mùa đông tính từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau, trời lạnh giá, nhiệt độ thường dưới 0 độ C, đợt lạnh nhất có thể xuống -20 độ, tuyết rơi nhiều nhưng hầu như không có mưa nên rất khô hanh.

Thời điểm giao mùa từ mùa xuân sang mùa hè và mùa hè sang mùa thu là thời điểm chuyển đổi thời tiết giữa nóng – lạnh và ngược lại nên thường hay bị ốm như cảm cúm, ho, sốt, mệt mỏi... nên người lao động cần phải chú ý giữ gìn sức khỏe, mặc trang phục phù hợp với thời tiết và không sử dụng nhiều bia rượu.

III. Dân số, tôn giáo, ngôn ngữ

1. Dân số:

Theo thống kê tháng 5/2017, dân số Hàn Quốc là **51.732.586 người**, trong đó nam giới là 25.840.361 người và nữ chiếm 25.892.225 người với mật độ dân số là 509 người/km² (tiêu chuẩn tháng 11/2015).

Thành phố đông dân nhất là Seoul với 9.919.016 người, gần gấp 3 lần thành phố có dân số đông thứ 2 là Busan với 3.489.212 người. Tỉnh có dân số đông nhất là tỉnh Gyeonggi với 12.775.175 người, tiếp theo là Gyeongsangnamdo với 3.372.586 người.

Mùa hè thường từ tháng 6 đến tháng 8, thời tiết nóng nực, mưa nhiều, độ ẩm cao, nhiệt độ trung bình khoảng 25 đến 35 độ C. Mùa hè là mùa mưa của Hàn Quốc, mưa nhiều vào cuối tháng 7 và tháng 8, có những đợt mưa to gây ngập lụt, sạt lở núi. Tuy nhiên, Hàn Quốc thường mưa to nhưng cũng nhanh tạnh ráo, không kéo dài nhiều ngày.

Mùa thu từ tháng 9 đến tháng 11, nhiệt độ trung bình khoảng 12 đến 20 độ C, thời tiết mát mẻ, lượng mưa ít, độ ẩm thấp. Không khí khô và bầu trời trong xanh nên mùa thu là mùa mà người Hàn Quốc rất yêu thích.

Mùa đông tính từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau, trời lạnh giá, nhiệt độ thường dưới 0 độ C, đợt lạnh nhất có thể xuống -20 độ, tuyết rơi nhiều nhưng hầu như không có mưa nên rất khô hanh.

Thời điểm giao mùa từ mùa xuân sang mùa hè và mùa hè sang mùa thu là thời điểm chuyển đổi thời tiết giữa nóng – lạnh và ngược lại nên thường hay bị ốm như cảm cúm, ho, sốt, mệt mỏi... nên người lao động cần phải chú ý giữ gìn sức khỏe, mặc trang phục phù hợp với thời tiết và không sử dụng nhiều bia rượu.

III. Dân số, tôn giáo, ngôn ngữ

1. Dân số:

Theo thống kê tháng 5/2017, dân số Hàn Quốc là **51.732.586 người**, trong đó nam giới là 25.840.361 người và nữ chiếm 25.892.225 người với mật độ dân số là 509 người/km² (tiêu chuẩn tháng 11/2015).

Thành phố đông dân nhất là Seoul với 9.919.016 người, gần gấp 3 lần thành phố có dân số đông thứ 2 là Busan với 3.489.212 người. Tỉnh có dân số đông nhất là tỉnh Gyeonggi với 12.775.175 người, tiếp theo là Gyeongsangnamdo với 3.372.586 người.

** Hiện nay, có khoảng hơn 1.000.000 người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Người Việt đông thứ nhì trong số người nước ngoài sinh sống tại Hàn Quốc, đứng sau Trung Quốc.*

** Có khoảng trên 150.000 người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, bao gồm phụ nữ kết hôn, du học sinh và người lao động.*

2. Tôn giáo:

Hàn Quốc là quốc gia tự do về tôn giáo. Có gần ½ dân số Hàn Quốc (43,1%) theo một tôn giáo, trong đó nhiều nhất là Đạo Phật (chiếm 22,8%), Đạo Tin lành (chiếm 18,3%) và Đạo Thiên chúa (chiếm 10,9%). Các tôn giáo khác chỉ chiếm 1,1% dân số.

Chính phủ Hàn Quốc không cấm việc truyền giáo và không quy định “Quốc giáo” (tôn giáo quốc gia). Ngày Lễ Phật đản (mùng 8/4 âm lịch) và Lễ Noel (25/12 dương lịch) hằng năm được quy định là ngày Lễ (ngày lịch đỏ).

3. Ngôn ngữ:

Ngôn ngữ chính thức là tiếng Hàn Quốc (Chữ Han-geul). Tùy theo từng địa phương, người dân cũng dùng tiếng bản ngữ nhưng không hề gây trở ngại trong việc giao tiếp.

Hàn Quốc sử dụng bảng chữ cái tiếng Hàn “Han-geul”, là bảng chữ cái được vua Sejong 25 sáng tạo vào năm 1443 và được Unesco công nhận “Di sản văn hóa thế giới”. Bảng chữ cái Hangeul gồm 19 phụ âm và 21 nguyên âm; các phụ âm và nguyên âm được ghép với nhau để tạo thành từ hoàn chỉnh. Chỉ cần học bảng chữ cái thì người học tiếng Hàn có thể dễ dàng đọc được chữ tiếng Hàn.

Người Hàn Quốc rất tự hào về sự độc đáo và khoa học của bảng chữ cái Hangeul, thể hiện sự sáng tạo của người Hàn Quốc. Chính phủ Hàn Quốc quy định ngày 9/10 hằng năm là “Ngày chữ Hangeul”. Vào ngày này, người dân Hàn Quốc, đặc biệt là sinh viên tổ chức các ngày hội đọc sách để kỷ niệm ngày chữ Hangeul ra đời.

** Hiện nay, có khoảng hơn 1.000.000 người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Người Việt đông thứ nhì trong số người nước ngoài sinh sống tại Hàn Quốc, đứng sau Trung Quốc.*

** Có khoảng trên 150.000 người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, bao gồm phụ nữ kết hôn, du học sinh và người lao động.*

2. Tôn giáo:

Hàn Quốc là quốc gia tự do về tôn giáo. Có gần ½ dân số Hàn Quốc (43,1%) theo một tôn giáo, trong đó nhiều nhất là Đạo Phật (chiếm 22,8%), Đạo Tin lành (chiếm 18,3%) và Đạo Thiên chúa (chiếm 10,9%). Các tôn giáo khác chỉ chiếm 1,1% dân số.

Chính phủ Hàn Quốc không cấm việc truyền giáo và không quy định “Quốc giáo” (tôn giáo quốc gia). Ngày Lễ Phật đản (mùng 8/4 âm lịch) và Lễ Noel (25/12 dương lịch) hằng năm được quy định là ngày Lễ (ngày lịch đỏ).

3. Ngôn ngữ:

Ngôn ngữ chính thức là tiếng Hàn Quốc (Chữ Han-geul). Tùy theo từng địa phương, người dân cũng dùng tiếng bản ngữ nhưng không hề gây trở ngại trong việc giao tiếp.

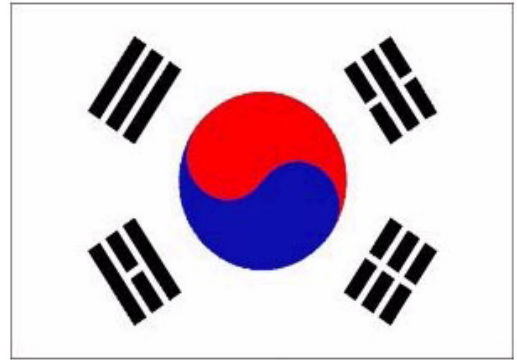
Hàn Quốc sử dụng bảng chữ cái tiếng Hàn “Han-geul”, là bảng chữ cái được vua Sejong 25 sáng tạo vào năm 1443 và được Unesco công nhận “Di sản văn hóa thế giới”. Bảng chữ cái Hangeul gồm 19 phụ âm và 21 nguyên âm; các phụ âm và nguyên âm được ghép với nhau để tạo thành từ hoàn chỉnh. Chỉ cần học bảng chữ cái thì người học tiếng Hàn có thể dễ dàng đọc được chữ tiếng Hàn.

Người Hàn Quốc rất tự hào về sự độc đáo và khoa học của bảng chữ cái Hangeul, thể hiện sự sáng tạo của người Hàn Quốc. Chính phủ Hàn Quốc quy định ngày 9/10 hằng năm là “Ngày chữ Hangeul”. Vào ngày này, người dân Hàn Quốc, đặc biệt là sinh viên tổ chức các ngày hội đọc sách để kỷ niệm ngày chữ Hangeul ra đời.

IV. Quốc kỳ, Quốc hoa

1. Quốc kỳ:

Quốc kỳ của Hàn Quốc là **cờ Thái cực**, được hình thành bởi Thái cực và Bát quái, biểu tượng của Hòa bình – Thống nhất – Sáng tạo – Quang minh – Vô cực.



Thái cực là biểu hiện nguyên lý hình thành của vũ trụ tự nhiên, trong đó màu đỏ là biểu hiện của sự tôn quý và tính dương; màu xanh biểu hiện của sự hy vọng và tính âm. Bát quái là biểu tượng của Thiên – Địa – Nhật – Nguyệt và Bốn mùa – Bốn phương.

2. Quốc hoa:

Quốc hoa của Hàn Quốc là **Mugunghwa**, biểu tượng cho sự vĩnh hằng. Mugunghwa mang vẻ đẹp giản dị, là biểu tượng cho tính cách của người Hàn Quốc. Loài hoa này có thời gian nở kéo dài, từ tháng 7 đến tháng 9, có sức chịu đựng rất dẻo dai nên tượng trưng cho sinh lực mạnh mẽ. Do hoa nở liên tục trong thời gian 3 tháng nên nó còn biểu tượng cho tinh thần bất khuất.

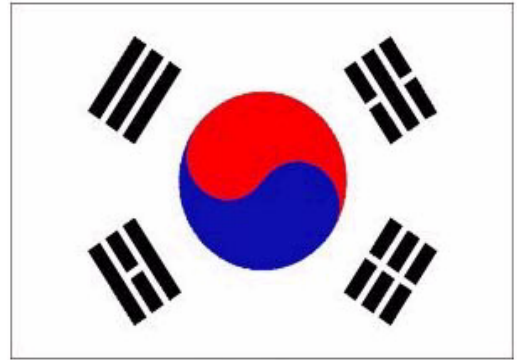


Từ thời cổ đại, Mugunghwa được xem là biểu tượng của tinh thần dân tộc Hàn, từng được gọi là “quân hoa thảo” tức là hoa quân tử. Tình yêu của người Hàn Quốc dành cho loài hoa này được thể hiện rõ nét khi đưa loài hoa này vào trong quốc ca Hàn Quốc “Hoa Mugung nở ngàn dặm trên những ngọn núi và bên những dòng sông tươi đẹp”.

IV. Quốc kỳ, Quốc hoa

1. Quốc kỳ:

Quốc kỳ của Hàn Quốc là **cờ Thái cực**, được hình thành bởi Thái cực và Bát quái, biểu tượng của Hòa bình – Thống nhất – Sáng tạo – Quang minh – Vô cực.



Thái cực là biểu hiện nguyên lý hình thành của vũ trụ tự nhiên, trong đó màu đỏ là biểu hiện của sự tôn quý và tính dương; màu xanh biểu hiện của sự hy vọng và tính âm. Bát quái là biểu tượng của Thiên – Địa – Nhật – Nguyệt và Bốn mùa – Bốn phương.

2. Quốc hoa:

Quốc hoa của Hàn Quốc là **Mugunghwa**, biểu tượng cho sự vĩnh hằng. Mugunghwa mang vẻ đẹp giản dị, là biểu tượng cho tính cách của người Hàn Quốc. Loài hoa này có thời gian nở kéo dài, từ tháng 7 đến tháng 9, có sức chịu đựng rất dẻo dai nên tượng trưng cho sinh lực mạnh mẽ. Do hoa nở liên tục trong thời gian 3 tháng nên nó còn biểu tượng cho tinh thần bất khuất.



Từ thời cổ đại, Mugunghwa được xem là biểu tượng của tinh thần dân tộc Hàn, từng được gọi là “quân hoa thảo” tức là hoa quân tử. Tình yêu của người Hàn Quốc dành cho loài hoa này được thể hiện rõ nét khi đưa loài hoa này vào trong quốc ca Hàn Quốc “Hoa Mugung nở ngàn dặm trên những ngọn núi và bên những dòng sông tươi đẹp”.

V. Tiền tệ:

Đơn vị tiền tệ của Hàn Quốc là Won (KRW). Trong đó, tiền giấy có các mệnh giá 1.000 won, 5.000 won, 10.000 won và 50.000 won; tiền xu bao gồm các mệnh giá 10won, 50won, 100won và 500won.



Ngoài tiền mặt, Hàn Quốc cũng sử dụng ngân phiếu thay tiền mặt. Ngân phiếu thường có giá trị từ 100.000 won, có thể dùng để đổi tiền tại ngân hàng, hoặc dùng để mua hàng tại các cửa hàng thương mại, dịch vụ. Khi sử dụng ngân phiếu, người dùng phải cung cấp thông tin cá nhân (số hộ chiếu/ số Thẻ người nước ngoài và số điện thoại) để liên hệ khi cần.

Chính phủ Hàn Quốc thực hiện ngân hàng điện tử để quản lý thu nhập và chi tiêu của người dân, nên ngoài tiền mặt, thẻ ngân hàng được sử dụng rộng rãi trong các giao dịch mua-bán ở các cửa hàng lớn, nhỏ khắp cả nước.

** Quy đổi tỉ giá: 1.000won có mệnh giá tương đương với khoảng 20.000 đồng Việt Nam.*

VI. Hệ thống chính trị và các đơn vị hành chính

Hàn Quốc là nước dân chủ theo chế độ cộng hòa, trong đó Tổng thống được người dân bầu cử trực tiếp với nhiệm kỳ 5 năm. Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu bộ máy hành pháp. Bộ máy nhà nước được tổ chức theo thể chế tam quyền phân lập giữa bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thể chế này được áp dụng nhằm tránh sự tập trung quyền lực, đảm bảo cao nhất tự do và quyền lợi của nhân dân thông qua việc “kiểm chế và đối trọng” lẫn nhau. Chế độ tự trị địa phương được thực thi tạo nên sự phát triển cân bằng giữa các địa phương.

V. Tiền tệ:

Đơn vị tiền tệ của Hàn Quốc là Won (KRW). Trong đó, tiền giấy có các mệnh giá 1.000 won, 5.000 won, 10.000 won và 50.000 won; tiền xu bao gồm các mệnh giá 10won, 50won, 100won và 500won.



Ngoài tiền mặt, Hàn Quốc cũng sử dụng ngân phiếu thay tiền mặt. Ngân phiếu thường có giá trị từ 100.000 won, có thể dùng để đổi tiền tại ngân hàng, hoặc dùng để mua hàng tại các cửa hàng thương mại, dịch vụ. Khi sử dụng ngân phiếu, người dùng phải cung cấp thông tin cá nhân (số hộ chiếu/ số Thẻ người nước ngoài và số điện thoại) để liên hệ khi cần.

Chính phủ Hàn Quốc thực hiện ngân hàng điện tử để quản lý thu nhập và chi tiêu của người dân, nên ngoài tiền mặt, thẻ ngân hàng được sử dụng rộng rãi trong các giao dịch mua-bán ở các cửa hàng lớn, nhỏ khắp cả nước.

** Quy đổi tỉ giá: 1.000won có mệnh giá tương đương với khoảng 20.000 đồng Việt Nam.*

VI. Hệ thống chính trị và các đơn vị hành chính

Hàn Quốc là nước dân chủ theo chế độ cộng hòa, trong đó Tổng thống được người dân bầu cử trực tiếp với nhiệm kỳ 5 năm. Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu bộ máy hành pháp. Bộ máy nhà nước được tổ chức theo thể chế tam quyền phân lập giữa bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thể chế này được áp dụng nhằm tránh sự tập trung quyền lực, đảm bảo cao nhất tự do và quyền lợi của nhân dân thông qua việc “kiểm chế và đối trọng” lẫn nhau. Chế độ tự trị địa phương được thực thi tạo nên sự phát triển cân bằng giữa các địa phương.

Hệ thống các đơn vị hành chính:

Gần giống như Việt Nam, các đơn vị hành chính của Hàn Quốc bao gồm:

- **Cấp thứ nhất:** Thủ đô Seoul (특별시), 6 thành phố trực thuộc Trung ương (광역시), 01 thành phố tự trị đặc biệt (특별자치시), 08 tỉnh (도) và 01 đặc khu (특별자치도), gồm:

+ Thủ đô: Seoul;

+ Các thành phố trực thuộc Trung ương: Busan, Daegu, Incheon, Daejeon, Gwangju, Ulsan;

+ Thành phố tự trị đặc biệt: Sejeong;

+ Các tỉnh: Gyeonggi, Gangwon, Chungcheongbuk, Chungcheongnam, Jeollabuk, Jeollanam, Gyeongsangbuk, Gyeongsangnam;

+ Đặc khu: Jeju.

- **Cấp thứ hai:** bao gồm các quận (구) thuộc thủ đô và các thành phố (시) trực thuộc tỉnh ở nông thôn.

- **Cấp thứ ba:** bao gồm các phường (동), thị trấn (읍) và xã (면).

- **Cấp thứ tư:** bao gồm các thôn (리).

Thủ đô Seoul là thành phố lớn nhất Hàn Quốc (606 km²) với gần 10 triệu dân, nằm ở phía Tây Bắc Hàn Quốc, cách biên giới Bắc Hàn (khu vực phi quân sự) khoảng 50 km, bị chia cắt thành hai nửa bắc và nam bởi sông Hàn và được bao quanh bởi 8 ngọn núi.

Seoul là trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị của Hàn Quốc. Tuy nhiên, do đặc điểm địa lý (gần biên giới Bắc Hàn) nên hiện nay, chính phủ Hàn Quốc đã cho di chuyển các cơ quan Chính phủ về địa phương hình thành nên khu hành chính (Sejeong).

Hệ thống các đơn vị hành chính:

Gần giống như Việt Nam, các đơn vị hành chính của Hàn Quốc bao gồm:

- **Cấp thứ nhất:** Thủ đô Seoul (특별시), 6 thành phố trực thuộc Trung ương (광역시), 01 thành phố tự trị đặc biệt (특별자치시), 08 tỉnh (도) và 01 đặc khu (특별자치도), gồm:

+ Thủ đô: Seoul;

+ Các thành phố trực thuộc Trung ương: Busan, Daegu, Incheon, Daejeon, Gwangju, Ulsan;

+ Thành phố tự trị đặc biệt: Sejeong;

+ Các tỉnh: Gyeonggi, Gangwon, Chungcheongbuk, Chungcheongnam, Jeollabuk, Jeollanam, Gyeongsangbuk, Gyeongsangnam;

+ Đặc khu: Jeju.

- **Cấp thứ hai:** bao gồm các quận (구) thuộc thủ đô và các thành phố (시) trực thuộc tỉnh ở nông thôn.

- **Cấp thứ ba:** bao gồm các phường (동), thị trấn (읍) và xã (면).

- **Cấp thứ tư:** bao gồm các thôn (리).

Thủ đô Seoul là thành phố lớn nhất Hàn Quốc (606 km²) với gần 10 triệu dân, nằm ở phía Tây Bắc Hàn Quốc, cách biên giới Bắc Hàn (khu vực phi quân sự) khoảng 50 km, bị chia cắt thành hai nửa bắc và nam bởi sông Hàn và được bao quanh bởi 8 ngọn núi.

Seoul là trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị của Hàn Quốc. Tuy nhiên, do đặc điểm địa lý (gần biên giới Bắc Hàn) nên hiện nay, chính phủ Hàn Quốc đã cho di chuyển các cơ quan Chính phủ về địa phương hình thành nên khu hành chính (Sejeong).

VII. Kinh tế

Hàn Quốc có nền kinh tế phát triển, đứng thứ tư ở châu Á và đứng thứ 11 trên thế giới theo GDP năm 2016. Hàn Quốc là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. Nói đến sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc, người ta thường nhắc đến sự phát triển thần kỳ như là "Huyền thoại sông Hán", đến nay huyền thoại này vẫn tiếp tục, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 5% mỗi năm.

Trong những năm 1970 đến 1980, Kinh tế Hàn Quốc tập trung vào ngành công nghiệp nặng và sản xuất ô tô. Với sự hỗ trợ của chính phủ, POSCO, một công ty sản xuất thép, được thành lập trong vòng gần 3 năm, là một xương sống đầu tiên cho nền kinh tế Hàn Quốc trong những năm tiếp theo. Ngày nay, POSCO là nhà sản xuất thép đứng thứ 3 trên thế giới.

Hàn Quốc là nước đóng tàu lớn nhất trên thế giới với các công ty hoạt động đa quốc gia như Hyundai Heavy Industries và Samsung Heavy Industries luôn thống trị thị trường đóng tàu toàn cầu. Ngành sản xuất ô tô cũng phát triển một cách nhanh chóng, đang cố gắng để trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới, điển hình là Hyundai Kia Automotive Group, đưa Hàn Quốc thành nước đứng thứ 5 trên thế giới về sản xuất ô tô.

VII. Kinh tế

Hàn Quốc có nền kinh tế phát triển, đứng thứ tư ở châu Á và đứng thứ 11 trên thế giới theo GDP năm 2016. Hàn Quốc là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. Nói đến sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc, người ta thường nhắc đến sự phát triển thần kỳ như là "Huyền thoại sông Hán", đến nay huyền thoại này vẫn tiếp tục, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 5% mỗi năm.

Trong những năm 1970 đến 1980, Kinh tế Hàn Quốc tập trung vào ngành công nghiệp nặng và sản xuất ô tô. Với sự hỗ trợ của chính phủ, POSCO, một công ty sản xuất thép, được thành lập trong vòng gần 3 năm, là một xương sống đầu tiên cho nền kinh tế Hàn Quốc trong những năm tiếp theo. Ngày nay, POSCO là nhà sản xuất thép đứng thứ 3 trên thế giới.

Hàn Quốc là nước đóng tàu lớn nhất trên thế giới với các công ty hoạt động đa quốc gia như Hyundai Heavy Industries và Samsung Heavy Industries luôn thống trị thị trường đóng tàu toàn cầu. Ngành sản xuất ô tô cũng phát triển một cách nhanh chóng, đang cố gắng để trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới, điển hình là Hyundai Kia Automotive Group, đưa Hàn Quốc thành nước đứng thứ 5 trên thế giới về sản xuất ô tô.

Chương 2. Phong tục, tập quán, lối sống của người Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những quốc gia mang đậm dấu ấn Nho giáo. Nho giáo được tiếp nhận vào Hàn Quốc rất sớm, từ năm 392 và được các triều đại phong kiến áp dụng triệt để. Nho giáo ở Hàn Quốc thậm chí đậm nét hơn hẳn Nho giáo Trung Hoa. Trải qua nhiều năm, hiện nay Nho giáo không phải là tư tưởng chính thống tại Hàn Quốc, nhưng các giá trị của nó đã ăn sâu vào tiềm thức của người Hàn Quốc nên sự ảnh hưởng của giá trị Nho giáo vẫn diễn ra bình thường, tới mọi mặt của đời sống xã hội.

Nho giáo tập trung nhiều vào giá trị đạo đức, về cơ bản nhấn mạnh đến “nhân” trong mối quan hệ nhân sinh. Trong đó, “nhân” theo quan niệm của Khổng Tử có nhiều nghĩa: tình yêu, sự hòa hợp, lòng tốt và tính thiện trong con người. “Nhân” cũng là sự hiếu thảo, nhận thức đúng sai.



Trong xã hội chịu ảnh hưởng của Nho giáo sâu sắc, mỗi cá nhân có vai trò và trách nhiệm riêng tùy vào vị trí của mình trong xã hội ấy. Những giá trị này đã tạo nên sự phân biệt thứ bậc xã hội mạnh mẽ ở Hàn Quốc. Nó không chỉ ảnh hưởng đến kết cấu của xã hội mà còn ảnh hưởng đến cả ngôn ngữ Hàn Quốc. Đó là khi nói chuyện với người có thứ bậc cao hơn, thì người có thứ bậc thấp hơn phải sử dụng kính ngữ, và ngược lại, người có thứ bậc cao hơn chỉ cần sử dụng khẩu ngữ khi nói chuyện với người dưới.

Chương 2. Phong tục, tập quán, lối sống của người Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những quốc gia mang đậm dấu ấn Nho giáo. Nho giáo được tiếp nhận vào Hàn Quốc rất sớm, từ năm 392 và được các triều đại phong kiến áp dụng triệt để. Nho giáo ở Hàn Quốc thậm chí đậm nét hơn hẳn Nho giáo Trung Hoa. Trải qua nhiều năm, hiện nay Nho giáo không phải là tư tưởng chính thống tại Hàn Quốc, nhưng các giá trị của nó đã ăn sâu vào tiềm thức của người Hàn Quốc nên sự ảnh hưởng của giá trị Nho giáo vẫn diễn ra bình thường, tới mọi mặt của đời sống xã hội.

Nho giáo tập trung nhiều vào giá trị đạo đức, về cơ bản nhấn mạnh đến “nhân” trong mối quan hệ nhân sinh. Trong đó, “nhân” theo quan niệm của Khổng Tử có nhiều nghĩa: tình yêu, sự hòa hợp, lòng tốt và tính thiện trong con người. “Nhân” cũng là sự hiếu thảo, nhận thức đúng sai.



Trong xã hội chịu ảnh hưởng của Nho giáo sâu sắc, mỗi cá nhân có vai trò và trách nhiệm riêng tùy vào vị trí của mình trong xã hội ấy. Những giá trị này đã tạo nên sự phân biệt thứ bậc xã hội mạnh mẽ ở Hàn Quốc. Nó không chỉ ảnh hưởng đến kết cấu của xã hội mà còn ảnh hưởng đến cả ngôn ngữ Hàn Quốc. Đó là khi nói chuyện với người có thứ bậc cao hơn, thì người có thứ bậc thấp hơn phải sử dụng kính ngữ, và ngược lại, người có thứ bậc cao hơn chỉ cần sử dụng khẩu ngữ khi nói chuyện với người dưới.

Chính sự tồn tại của nhiều mức giao tiếp trong ngôn ngữ đã là một điển hình cho tính thứ bậc sâu sắc ở Hàn Quốc, ảnh hưởng lên các mặt của đời sống xã hội.

I. Quan hệ giao tiếp trong gia đình

Trong gia đình truyền thống tuân theo quy phạm Nho giáo thì người ông, người cha có quyền quyết định cao nhất. Tất cả việc lớn trong nhà đều do họ quyết định. Đồng thời, họ cũng là người có trách nhiệm và nghĩa vụ lớn nhất đối với cuộc sống gia đình. Họ phải “tu thân” tốt thì “tề gia” mới tốt. “Tu thân” ở đây không chỉ hiểu ở nghĩa trau dồi đạo đức, nhân phẩm của cá nhân mà còn phải phấn đấu đạt tới những điều tốt đẹp liên quan đến kinh tế gia đình và bản thân, mà con đường đi sáng sủa nhất là học hành thành tài, thi cử đỗ đạt.

Đối với người con thì phải lễ phép nghe lời cha mẹ, con phải đặt đạo Hiếu lên trên hết. Đạo Hiếu là đạo ứng xử của con cái đối với cha mẹ, hiểu theo nghĩa rộng hơn, còn là đạo ứng xử đối với thế hệ trên nữa, tức các bậc tiên tổ. Làm người có hiếu không chỉ đối xử lễ phép, chu đáo với ông bà, cha mẹ khi còn sống mà cả khi qua đời; lo ma chay chu đáo, trông nom.

Quan hệ anh em nêu cao sự hòa thuận, kính trên nhường dưới, trách nhiệm và “quyền” của người anh và sự tuân thủ, tôn trọng của người em. Quan hệ vợ chồng cũng đề cao “nghĩa phu thê” trong trách nhiệm đối với gia đình.

Do ảnh hưởng của Nho giáo và truyền thống gia đình, nên người Hàn tương đối gia trưởng và có tư tưởng trọng nam khinh nữ. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội thì gia đình Hàn Quốc ngày nay đang biến đổi mạnh mẽ.

Chính sự tồn tại của nhiều mức giao tiếp trong ngôn ngữ đã là một điển hình cho tính thứ bậc sâu sắc ở Hàn Quốc, ảnh hưởng lên các mặt của đời sống xã hội.

I. Quan hệ giao tiếp trong gia đình

Trong gia đình truyền thống tuân theo quy phạm Nho giáo thì người ông, người cha có quyền quyết định cao nhất. Tất cả việc lớn trong nhà đều do họ quyết định. Đồng thời, họ cũng là người có trách nhiệm và nghĩa vụ lớn nhất đối với cuộc sống gia đình. Họ phải “tu thân” tốt thì “tề gia” mới tốt. “Tu thân” ở đây không chỉ hiểu ở nghĩa trau dồi đạo đức, nhân phẩm của cá nhân mà còn phải phấn đấu đạt tới những điều tốt đẹp liên quan đến kinh tế gia đình và bản thân, mà con đường đi sáng sủa nhất là học hành thành tài, thi cử đỗ đạt.

Đối với người con thì phải lễ phép nghe lời cha mẹ, con phải đặt đạo Hiếu lên trên hết. Đạo Hiếu là đạo ứng xử của con cái đối với cha mẹ, hiểu theo nghĩa rộng hơn, còn là đạo ứng xử đối với thế hệ trên nữa, tức các bậc tiên tổ. Làm người có hiếu không chỉ đối xử lễ phép, chu đáo với ông bà, cha mẹ khi còn sống mà cả khi qua đời; lo ma chay chu đáo, trông nom.

Quan hệ anh em nêu cao sự hòa thuận, kính trên nhường dưới, trách nhiệm và “quyền” của người anh và sự tuân thủ, tôn trọng của người em. Quan hệ vợ chồng cũng đề cao “nghĩa phu thê” trong trách nhiệm đối với gia đình.

Do ảnh hưởng của Nho giáo và truyền thống gia đình, nên người Hàn tương đối gia trưởng và có tư tưởng trọng nam khinh nữ. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội thì gia đình Hàn Quốc ngày nay đang biến đổi mạnh mẽ.

II. Văn hóa ẩm thực

Nét văn hóa ẩm thực Hàn Quốc có sự kết hợp hài hòa giữa tính truyền thống và nghệ thuật, có chút ảnh hưởng của ẩm thực Trung Hoa và chút cầu kỳ của ẩm thực Nhật Bản, cùng với yêu cầu về giá trị dinh dưỡng phù hợp với người Hàn, khiến ẩm thực Hàn Quốc rất đa dạng, phong phú, có những nét đặc trưng riêng.



Giống như các nước ở khu vực châu Á, cơm cũng là món ăn chính ở Hàn Quốc, cùng với các món ăn phụ như súp, món hầm, rau, .. nhằm cung cấp đủ dinh dưỡng cho người ăn.

Ẩm thực Hàn Quốc còn có tính theo mùa , được chế biến từ những nguyên liệu tốt nhất, ngon nhất của từng mùa. Ngoài ra, do đặc điểm của khí hậu lạnh, người Hàn Quốc cũng dùng rất nhiều gia vị có tính nóng trong chế biến thức ăn để làm ấm cơ thể. Hầu hết các món ăn đều nêm nếm hương vị cay nồng, màu sắc hấp dẫn, được phục vụ trong các nồi sành, ăn khi còn nóng.

Một số món ăn đặc trưng của Hàn Quốc:

- Kim chi: Nhắc đến Hàn Quốc là người ta nghĩ ngay đến món kim chi, món ăn không thể thiếu trong bữa ăn của người Hàn. Kim chi được làm bằng cách lên men từ các loại rau, củ,.. Có nhiều loại kim chi nhưng được biết đến nhiều nhất là kim chi cải thảo.

Kim chi có thể ăn trực tiếp hoặc chế biến thành các món canh kim chi, cơm rang kim chi,..

- Món cơm trộn (bibimbap): là món ăn phổ biến và rất được ưa thích ở xứ sở kim chi. Gọi là cơm trộn vì món ăn này là sự kết hợp của 6-7 loại nguyên liệu với nhiều màu sắc bắt mắt, đánh thức vị giác của người ăn.

II. Văn hóa ẩm thực

Nét văn hóa ẩm thực Hàn Quốc có sự kết hợp hài hòa giữa tính truyền thống và nghệ thuật, có chút ảnh hưởng của ẩm thực Trung Hoa và chút cầu kỳ của ẩm thực Nhật Bản, cùng với yêu cầu về giá trị dinh dưỡng phù hợp với người Hàn, khiến ẩm thực Hàn Quốc rất đa dạng, phong phú, có những nét đặc trưng riêng.



Giống như các nước ở khu vực châu Á, cơm cũng là món ăn chính ở Hàn Quốc, cùng với các món ăn phụ như súp, món hầm, rau, .. nhằm cung cấp đủ dinh dưỡng cho người ăn.

Ẩm thực Hàn Quốc còn có tính theo mùa , được chế biến từ những nguyên liệu tốt nhất, ngon nhất của từng mùa. Ngoài ra, do đặc điểm của khí hậu lạnh, người Hàn Quốc cũng dùng rất nhiều gia vị có tính nóng trong chế biến thức ăn để làm ấm cơ thể. Hầu hết các món ăn đều nêm nếm hương vị cay nồng, màu sắc hấp dẫn, được phục vụ trong các nồi sành, ăn khi còn nóng.

Một số món ăn đặc trưng của Hàn Quốc:

- Kim chi: Nhắc đến Hàn Quốc là người ta nghĩ ngay đến món kim chi, món ăn không thể thiếu trong bữa ăn của người Hàn. Kim chi được làm bằng cách lên men từ các loại rau, củ,.. Có nhiều loại kim chi nhưng được biết đến nhiều nhất là kim chi cải thảo.

Kim chi có thể ăn trực tiếp hoặc chế biến thành các món canh kim chi, cơm rang kim chi,..

- Món cơm trộn (bibimbap): là món ăn phổ biến và rất được ưa thích ở xứ sở kim chi. Gọi là cơm trộn vì món ăn này là sự kết hợp của 6-7 loại nguyên liệu với nhiều màu sắc bắt mắt, đánh thức vị giác của người ăn.

- Cơm cuộn rong biển (Gimbap): giống như sushi của Nhật Bản, nhưng gimbap của Hàn Quốc mang nét đặc trưng riêng của ẩm thực xứ Hàn. Gimbap bao gồm cơm cùng với nhân là các loại cà rốt, dưa chuột, trứng rán, thanh cua được cuộn trong lá kim, tạo thành món ăn dân dã, tiện lợi được mọi người ưa chuộng.

- Gà tần sâm (Samgyetang): là món ăn truyền thống bổ dưỡng, thường được dùng vào mùa hè nhằm tiếp thêm sinh lực cho người dùng vào mùa nóng ở xứ sở kim chi.

- Miến trộn (japchae): là món ăn phụ gồm miến xào với thịt và rau theo mùa cùng với dầu mè, xì dầu, ớt tạo nên món ăn ngon, đặc trưng của Hàn Quốc.

- Canh rong biển (Miyeonguk): là món canh truyền thống, bổ dưỡng, rất tốt cho sức khỏe nên có thể sử dụng cho người ốm và chị em phụ nữ sau sinh.

Người Hàn có một truyền thống là vào buổi sáng ngày sinh nhật sẽ ăn một bát canh rong biển để mong tuổi mới thuận lợi (mọi sự trôi chảy như bát canh rong biển).

- Thịt nướng: Hàn Quốc cũng đặc trưng với các món thịt nướng như thịt bò nướng, thịt lợn ba chỉ nướng, sườn nướng,.. Các món nướng này khá hấp dẫn và đặc biệt phù hợp với những buổi liên hoan của cả những đối tượng bình dân đến vị khách sang trọng.

Những lưu ý khi ăn, uống với người Hàn Quốc:

Khi ăn ở công ty với những người lớn tuổi hơn, thứ tự chỗ ngồi cũng được sắp xếp theo cấp bậc, chức vụ, tuổi tác,.. Khi vào bàn ăn, người có địa vị cao nhất dùng đũa thì những người khác mới bắt đầu ăn. Khi ăn nên giữ nhịp độ theo người đó cho tới khi kết thúc bữa ăn cùng lúc.

- Cơm cuộn rong biển (Gimbap): giống như sushi của Nhật Bản, nhưng gimbap của Hàn Quốc mang nét đặc trưng riêng của ẩm thực xứ Hàn. Gimbap bao gồm cơm cùng với nhân là các loại cà rốt, dưa chuột, trứng rán, thanh cua được cuộn trong lá kim, tạo thành món ăn dân dã, tiện lợi được mọi người ưa chuộng.

- Gà tần sâm (Samgyetang): là món ăn truyền thống bổ dưỡng, thường được dùng vào mùa hè nhằm tiếp thêm sinh lực cho người dùng vào mùa nóng ở xứ sở kim chi.

- Miến trộn (japchae): là món ăn phụ gồm miến xào với thịt và rau theo mùa cùng với dầu mè, xì dầu, ớt tạo nên món ăn ngon, đặc trưng của Hàn Quốc.

- Canh rong biển (Miyeonguk): là món canh truyền thống, bổ dưỡng, rất tốt cho sức khỏe nên có thể sử dụng cho người ốm và chị em phụ nữ sau sinh.

Người Hàn có một truyền thống là vào buổi sáng ngày sinh nhật sẽ ăn một bát canh rong biển để mong tuổi mới thuận lợi (mọi sự trôi chảy như bát canh rong biển).

- Thịt nướng: Hàn Quốc cũng đặc trưng với các món thịt nướng như thịt bò nướng, thịt lợn ba chỉ nướng, sườn nướng,.. Các món nướng này khá hấp dẫn và đặc biệt phù hợp với những buổi liên hoan của cả những đối tượng bình dân đến vị khách sang trọng.

Những lưu ý khi ăn, uống với người Hàn Quốc:

Khi ăn ở công ty với những người lớn tuổi hơn, thứ tự chỗ ngồi cũng được sắp xếp theo cấp bậc, chức vụ, tuổi tác,.. Khi vào bàn ăn, người có địa vị cao nhất dùng đũa thì những người khác mới bắt đầu ăn. Khi ăn nên giữ nhịp độ theo người đó cho tới khi kết thúc bữa ăn cùng lúc.

- Khi ăn, đặt bát cơm, canh ở trên bàn, không cầm bát cơm, bát canh lên.

- Không nói chuyện khi đang nhai thức ăn hoặc trong miệng có thức ăn.

- Không dùng tay để nhón thức ăn.

- Không cầm thìa đồng thời với đũa trên một tay.

- Không gác hay đặt đũa hoặc thìa lên trên bát.

- Không úp thìa xuống mặt bàn.

- Khi nhai, không để đũa và thìa va vào bát gây nên tiếng động lớn.

- Không dùng đũa và thìa để đảo cơm canh và thức ăn. Không lấy đũa hoặc thìa của mình đã dùng để lựa thức ăn trong đĩa chung.

- Không nên để thức ăn còn thừa lại trên đũa, thìa.

- Không hút thuốc lá trong khi ăn uống.

Trong văn hóa ẩm thực Hàn Quốc, uống rượu cũng là một nét văn hóa truyền thống rất đặc trưng. Người Hàn có thể uống rất nhiều rượu nhưng họ uống không phải để say mà còn là để tạo dựng mối quan hệ, gắn chặt hơn quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, giúp cho câu chuyện thêm thú vị.

Khi uống rượu, người Hàn Quốc khác với người Việt là không tự rót rượu cho bản thân mà thường rót rượu lẫn cho nhau. Người trẻ tuổi nhất hoặc có vị trí thấp nhất rót rượu cho mọi người trên bàn ăn, đến chén của mình thì nhận lại rượu từ một người khác. Khi rót rượu cũng như khi nhận phải thể hiện thái độ kính trọng nên phải dùng hai tay.

Khi uống rượu, người Hàn không để ly trống, nhưng cũng không rót rượu vào ly uống dở, điều này là cấm kỵ trong văn hóa Hàn Quốc.

- Khi ăn, đặt bát cơm, canh ở trên bàn, không cầm bát cơm, bát canh lên.

- Không nói chuyện khi đang nhai thức ăn hoặc trong miệng có thức ăn.

- Không dùng tay để nhón thức ăn.

- Không cầm thìa đồng thời với đũa trên một tay.

- Không gác hay đặt đũa hoặc thìa lên trên bát.

- Không úp thìa xuống mặt bàn.

- Khi nhai, không để đũa và thìa va vào bát gây nên tiếng động lớn.

- Không dùng đũa và thìa để đảo cơm canh và thức ăn. Không lấy đũa hoặc thìa của mình đã dùng để lựa thức ăn trong đĩa chung.

- Không nên để thức ăn còn thừa lại trên đũa, thìa.

- Không hút thuốc lá trong khi ăn uống.

Trong văn hóa ẩm thực Hàn Quốc, uống rượu cũng là một nét văn hóa truyền thống rất đặc trưng. Người Hàn có thể uống rất nhiều rượu nhưng họ uống không phải để say mà còn là để tạo dựng mối quan hệ, gắn chặt hơn quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, giúp cho câu chuyện thêm thú vị.

Khi uống rượu, người Hàn Quốc khác với người Việt là không tự rót rượu cho bản thân mà thường rót rượu lẫn cho nhau. Người trẻ tuổi nhất hoặc có vị trí thấp nhất rót rượu cho mọi người trên bàn ăn, đến chén của mình thì nhận lại rượu từ một người khác. Khi rót rượu cũng như khi nhận phải thể hiện thái độ kính trọng nên phải dùng hai tay.

Khi uống rượu, người Hàn không để ly trống, nhưng cũng không rót rượu vào ly uống dở, điều này là cấm kỵ trong văn hóa Hàn Quốc.

Ngoài ra người Hàn còn có tục trao chén, theo đó, người mời sẽ trao chén của mình (không có rượu) cho người mà họ quý mến; người được mời cầm chén để người mời rót rượu vào. Người được mời có trách nhiệm uống hết ly rượu đó để trả lại chén cho chủ nhân của nó.

III. Các ngày lễ lớn trong năm

1. Lễ Tết và Lễ hội theo mùa:

Người Hàn Quốc sử dụng cả lịch dương và lịch âm, theo đó, họ tổ chức ngày nghỉ Lễ theo mùa hội.

- Tết Nguyên đán (설날/ 구정):

giống như Việt Nam, đây là ngày bắt đầu năm mới theo âm lịch, cả nước được nghỉ 3 ngày. Tết Nguyên đán là một ngày lễ lớn trong năm, là dịp để các thành viên trong gia đình đoàn tụ, chào hỏi người lớn tuổi và đi tảo mộ.



- Tết Trung thu (추석): là một trong hai ngày Lễ lớn nhất trong năm ở Hàn Quốc. Giống như ở Việt Nam, ngày này diễn ra vào ngày rằm tháng 8 hàng năm, khi việc đồng áng trong một năm dần bước vào giai đoạn thu hoạch. Tết Trung thu là ngày cảm tạ mùa vụ trong năm, người dân được nghỉ 3 ngày để về quê cúng tổ tiên, tảo mộ thể hiện hiếu đạo với bề trên, đón trăng cảm tạ mùa màng.

Đây là hai dịp Lễ lớn nhất trong năm theo lịch âm. Ngoài ra, người Hàn Quốc cũng có những ngày lễ nhỏ theo mùa, như: Tết Nguyên tiêu, Tết Hàn thực,.. hoặc tính tiết trời theo lịch âm như các dịp lập xuân, xuân phân,...

Ngoài ra người Hàn còn có tục trao chén, theo đó, người mời sẽ trao chén của mình (không có rượu) cho người mà họ quý mến; người được mời cầm chén để người mời rót rượu vào. Người được mời có trách nhiệm uống hết ly rượu đó để trả lại chén cho chủ nhân của nó.

III. Các ngày lễ lớn trong năm

1. Lễ Tết và Lễ hội theo mùa:

Người Hàn Quốc sử dụng cả lịch dương và lịch âm, theo đó, họ tổ chức ngày nghỉ Lễ theo mùa hội.

- Tết Nguyên đán (설날/ 구정):

giống như Việt Nam, đây là ngày bắt đầu năm mới theo âm lịch, cả nước được nghỉ 3 ngày. Tết Nguyên đán là một ngày lễ lớn trong năm, là dịp để các thành viên trong gia đình đoàn tụ, chào hỏi người lớn tuổi và đi tảo mộ.



- Tết Trung thu (추석): là một trong hai ngày Lễ lớn nhất trong năm ở Hàn Quốc. Giống như ở Việt Nam, ngày này diễn ra vào ngày rằm tháng 8 hàng năm, khi việc đồng áng trong một năm dần bước vào giai đoạn thu hoạch. Tết Trung thu là ngày cảm tạ mùa vụ trong năm, người dân được nghỉ 3 ngày để về quê cúng tổ tiên, tảo mộ thể hiện hiếu đạo với bề trên, đón trăng cảm tạ mùa màng.

Đây là hai dịp Lễ lớn nhất trong năm theo lịch âm. Ngoài ra, người Hàn Quốc cũng có những ngày lễ nhỏ theo mùa, như: Tết Nguyên tiêu, Tết Hàn thực,.. hoặc tính tiết trời theo lịch âm như các dịp lập xuân, xuân phân,...

2. Các ngày lịch đỏ trong năm:

- Ngày 1 tháng 1 (새해): Tết Dương lịch.
- Ngày 1 tháng 3 (삼일절): Ngày phong trào Độc lập, kỷ niệm phong trào đấu tranh giành độc lập quy mô lớn vào thời kỳ Nhật chiếm đóng (ngày 1/3/1919).
- Ngày mừng 8 tháng 4 âm lịch (석가탄신날): ngày Lễ Phật đản.
- Ngày 5 tháng 5 (어린이날): Tết thiếu nhi, ngày kỉ niệm với ý nghĩa mang lại sự hạnh phúc và coi trọng nhân cách của trẻ em.
- Ngày 6 tháng 6 (현충일): Ngày thương binh liệt sĩ, tưởng nhớ các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc trong chiến tranh Hàn Quốc.
- Ngày 15 tháng 8 (광복절): Ngày giải phóng, là ngày Hàn Quốc độc lập, thoát khỏi sự chiếm đóng của quân Nhật (15/8/1945).
- Ngày 3 tháng 10 (개천절): Ngày Lập quốc, là ngày kỉ niệm ông tổ của người Hàn (tướng Dangun) lập quốc.
- Ngày 9 tháng 10 (한글날): Ngày chữ Hàn, là ngày kỉ niệm vua Sejeong ban bố chữ Hangeul và khích lệ việc nghiên cứu, phổ cập chữ viết Hàn.
- Ngày 25 tháng 12 (크리스마스): Ngày Noel, ngày chúa Jesu ra đời.

* **Ghi chú:** Quy định về các ngày Lễ Tết, lịch đỏ trong năm chỉ được áp dụng đối với công chức thuộc các Cơ quan chính phủ, không bắt buộc đối với các công ty, nhà máy, công xưởng,.. mà phụ thuộc vào chính sách của từng công ty. Do đó, người lao động có thể được nghỉ theo lịch như trên, hoặc không được nghỉ và không được tính thời gian làm thêm.

2. Các ngày lịch đỏ trong năm:

- Ngày 1 tháng 1 (새해): Tết Dương lịch.
- Ngày 1 tháng 3 (삼일절): Ngày phong trào Độc lập, kỷ niệm phong trào đấu tranh giành độc lập quy mô lớn vào thời kỳ Nhật chiếm đóng (ngày 1/3/1919).
- Ngày mừng 8 tháng 4 âm lịch (석가탄신날): ngày Lễ Phật đản.
- Ngày 5 tháng 5 (어린이날): Tết thiếu nhi, ngày kỉ niệm với ý nghĩa mang lại sự hạnh phúc và coi trọng nhân cách của trẻ em.
- Ngày 6 tháng 6 (현충일): Ngày thương binh liệt sĩ, tưởng nhớ các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc trong chiến tranh Hàn Quốc.
- Ngày 15 tháng 8 (광복절): Ngày giải phóng, là ngày Hàn Quốc độc lập, thoát khỏi sự chiếm đóng của quân Nhật (15/8/1945).
- Ngày 3 tháng 10 (개천절): Ngày Lập quốc, là ngày kỉ niệm ông tổ của người Hàn (tướng Dangun) lập quốc.
- Ngày 9 tháng 10 (한글날): Ngày chữ Hàn, là ngày kỉ niệm vua Sejeong ban bố chữ Hangeul và khích lệ việc nghiên cứu, phổ cập chữ viết Hàn.
- Ngày 25 tháng 12 (크리스마스): Ngày Noel, ngày chúa Jesu ra đời.

* **Ghi chú:** Quy định về các ngày Lễ Tết, lịch đỏ trong năm chỉ được áp dụng đối với công chức thuộc các Cơ quan chính phủ, không bắt buộc đối với các công ty, nhà máy, công xưởng,.. mà phụ thuộc vào chính sách của từng công ty. Do đó, người lao động có thể được nghỉ theo lịch như trên, hoặc không được nghỉ và không được tính thời gian làm thêm.

IV. Những phép lịch sự trong sinh hoạt ở Hàn Quốc

1. Văn hóa giao tiếp:

Dù là đất nước phát triển nhưng Hàn Quốc vẫn giữ được truyền thống chào hỏi và rất coi trọng đến thái độ và cử chỉ khi chào hỏi. Khi chào hỏi, người Hàn Quốc thường kết hợp câu chào với tư thế cúi đầu.

Câu chào thường được sử dụng là “An-nyeong-ha-se-o” hoặc “An-nyeong-ha-sim-ni-ka” tùy vào độ trang nghiêm cũng như đối tượng được chào. Tư thế cúi đầu để thể hiện sự tôn kính; tùy vào tình huống mà có thể cúi người ở các góc nghiêng từ 15 độ đến 45 độ.

Đứng thẳng người khi chào, vẫy tay,.. chỉ dành cho những người bạn, đồng nghiệp có vị trí, tuổi tác ngang hàng. Quàng vai, bá cổ, vẫy tay với người lớn tuổi hơn mình hoặc mới gặp được coi là thất lễ.

Về ngôn ngữ được chia ra làm 02 hệ: hệ kính ngữ và hệ khẩu ngữ. Kính ngữ được sử dụng với cấp trên, với người lớn tuổi hơn để thể hiện sự tôn trọng đối phương. Khẩu ngữ dùng trong trường hợp bạn bè, thân thiết, hoặc với người ít tuổi hơn.

Xưng hô trong tiếng Hàn coi trọng địa vị xã hội nên thường gọi họ kèm chức vụ của người được gọi, cộng thêm từ “nim” để thể hiện sự kính trọng. Còn những người ngang hàng thì gọi tên cùng với từ “ssi” đằng sau.

2. Một số quy tắc ứng xử trong xã hội:

- “Xin lỗi”, “Cảm ơn” là những câu giao tiếp thông dụng được sử dụng nhiều trong xã hội Hàn Quốc. Lưu ý khi nói “xin lỗi” cần thể hiện nét mặt thành khẩn, hối lỗi, không được cười (văn hóa Việt Nam thường cười trừ).

- Xếp hàng: tại Hàn Quốc việc xếp hàng theo trật tự tại các điểm dịch vụ công cộng (khi mua vé tàu xe tại điểm bán vé, xếp hàng chờ lên xe bus, chờ bắt taxi hay khi các bạn tìm đến những dịch vụ tư vấn ...) là điều đương nhiên và ai cũng phải tuân thủ.

IV. Những phép lịch sự trong sinh hoạt ở Hàn Quốc

1. Văn hóa giao tiếp:

Dù là đất nước phát triển nhưng Hàn Quốc vẫn giữ được truyền thống chào hỏi và rất coi trọng đến thái độ và cử chỉ khi chào hỏi. Khi chào hỏi, người Hàn Quốc thường kết hợp câu chào với tư thế cúi đầu.

Câu chào thường được sử dụng là “An-nyeong-ha-se-o” hoặc “An-nyeong-ha-sim-ni-ka” tùy vào độ trang nghiêm cũng như đối tượng được chào. Tư thế cúi đầu để thể hiện sự tôn kính; tùy vào tình huống mà có thể cúi người ở các góc nghiêng từ 15 độ đến 45 độ.

Đứng thẳng người khi chào, vẫy tay,.. chỉ dành cho những người bạn, đồng nghiệp có vị trí, tuổi tác ngang hàng. Quàng vai, bá cổ, vẫy tay với người lớn tuổi hơn mình hoặc mới gặp được coi là thất lễ.

Về ngôn ngữ được chia ra làm 02 hệ: hệ kính ngữ và hệ khẩu ngữ. Kính ngữ được sử dụng với cấp trên, với người lớn tuổi hơn để thể hiện sự tôn trọng đối phương. Khẩu ngữ dùng trong trường hợp bạn bè, thân thiết, hoặc với người ít tuổi hơn.

Xưng hô trong tiếng Hàn coi trọng địa vị xã hội nên thường gọi họ kèm chức vụ của người được gọi, cộng thêm từ “nim” để thể hiện sự kính trọng. Còn những người ngang hàng thì gọi tên cùng với từ “ssi” đằng sau.

2. Một số quy tắc ứng xử trong xã hội:

- “Xin lỗi”, “Cảm ơn” là những câu giao tiếp thông dụng được sử dụng nhiều trong xã hội Hàn Quốc. Lưu ý khi nói “xin lỗi” cần thể hiện nét mặt thành khẩn, hối lỗi, không được cười (văn hóa Việt Nam thường cười trừ).

- Xếp hàng: tại Hàn Quốc việc xếp hàng theo trật tự tại các điểm dịch vụ công cộng (khi mua vé tàu xe tại điểm bán vé, xếp hàng chờ lên xe bus, chờ bắt taxi hay khi các bạn tìm đến những dịch vụ tư vấn ...) là điều đương nhiên và ai cũng phải tuân thủ.

Khi đi thang máy, lên tàu xe: xếp hàng theo thứ tự, lưu ý để người phía trong ra hoặc xuống trước rồi mới vào thang máy hoặc lên tàu xe.

- Giữ gìn vệ sinh công cộng: Ở Hàn Quốc phố xá tương đối sạch sẽ, ít bụi bẩn. Có những thùng rác được để ở các khu vực vui chơi, giải trí, dọc hai bên đường để mọi người vứt rác. Việc khạc nhổ, vứt rác bừa bãi có thể bị nhắc nhở hoặc phạt tiền.

- Khi giao/nhận đồ từ người trên, nên dùng hai tay; không dùng tay trái để đưa đồ vật cho người Hàn Quốc vì được coi là không lịch sự.

- Chú ý không mang tất (vớ) bị rách, bẩn vì bạn có thể phải cởi giày dép khi đi ăn ở nhà hàng truyền thống, hoặc đến nhà một người Hàn chơi.

- Khi được mời đến nhà người Hàn chơi, nên mang theo một món quà để tặng chủ nhà.

- Không viết tên người bằng bút mực màu đỏ.

V. Một số lưu ý khi giao tiếp với người Hàn Quốc

- Ấn tượng ban đầu với người Hàn Quốc là vô cùng quan trọng, chính vì vậy khi tiếp xúc với người Hàn Quốc lần đầu tiên, chúng ta cần tạo ấn tượng tốt với họ về hình thức và cách cư xử để tạo cho họ một ấn tượng tốt.

- Người Hàn Quốc thường ít khen ngợi người khác ngay trước mặt. Họ thường nói câu “Su-ko-het-so-yo” để thể hiện sự hài lòng.

- Thường có xu hướng bảo vệ quan điểm và không dễ để thay đổi.

Khi đi thang máy, lên tàu xe: xếp hàng theo thứ tự, lưu ý để người phía trong ra hoặc xuống trước rồi mới vào thang máy hoặc lên tàu xe.

- Giữ gìn vệ sinh công cộng: Ở Hàn Quốc phố xá tương đối sạch sẽ, ít bụi bẩn. Có những thùng rác được để ở các khu vực vui chơi, giải trí, dọc hai bên đường để mọi người vứt rác. Việc khạc nhổ, vứt rác bừa bãi có thể bị nhắc nhở hoặc phạt tiền.

- Khi giao/nhận đồ từ người trên, nên dùng hai tay; không dùng tay trái để đưa đồ vật cho người Hàn Quốc vì được coi là không lịch sự.

- Chú ý không mang tất (vớ) bị rách, bẩn vì bạn có thể phải cởi giày dép khi đi ăn ở nhà hàng truyền thống, hoặc đến nhà một người Hàn chơi.

- Khi được mời đến nhà người Hàn chơi, nên mang theo một món quà để tặng chủ nhà.

- Không viết tên người bằng bút mực màu đỏ.

V. Một số lưu ý khi giao tiếp với người Hàn Quốc

- Ấn tượng ban đầu với người Hàn Quốc là vô cùng quan trọng, chính vì vậy khi tiếp xúc với người Hàn Quốc lần đầu tiên, chúng ta cần tạo ấn tượng tốt với họ về hình thức và cách cư xử để tạo cho họ một ấn tượng tốt.

- Người Hàn Quốc thường ít khen ngợi người khác ngay trước mặt. Họ thường nói câu “Su-ko-het-so-yo” để thể hiện sự hài lòng.

- Thường có xu hướng bảo vệ quan điểm và không dễ để thay đổi.

- Do ảnh hưởng của Nho giáo nên người Hàn Quốc rất tôn trọng thứ bậc trong quan hệ gia đình và xã hội. Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc rất chặt chẽ và kỷ luật, đa số đàn ông Hàn Quốc đều trải qua môi trường quân đội nên quen với tư tưởng chấp nhận và phục tùng, trên nói dưới nghe và tuyệt đối chấp hành.

- Người Hàn Quốc khá nóng tính trong công việc, nhưng họ rất nhanh hòa giải.

- Người Hàn Quốc chăm chỉ và trung thực trong công việc, thường đến sớm và về muộn, luôn yêu cầu đúng giờ và trách nhiệm rõ ràng.

- Do ảnh hưởng của Nho giáo nên người Hàn Quốc rất tôn trọng thứ bậc trong quan hệ gia đình và xã hội. Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc rất chặt chẽ và kỷ luật, đa số đàn ông Hàn Quốc đều trải qua môi trường quân đội nên quen với tư tưởng chấp nhận và phục tùng, trên nói dưới nghe và tuyệt đối chấp hành.

- Người Hàn Quốc khá nóng tính trong công việc, nhưng họ rất nhanh hòa giải.

- Người Hàn Quốc chăm chỉ và trung thực trong công việc, thường đến sớm và về muộn, luôn yêu cầu đúng giờ và trách nhiệm rõ ràng.

PHẦN III: CÁCH ỨNG XỬ TRONG LAO ĐỘNG VÀ ĐỜI SỐNG

Chương 1. Ứng xử trong lao động và đời sống

Mặc dù đã hòa nhập và kết nối sâu rộng với văn minh phương Tây và là một đất nước công nghiệp phát triển nhưng con người Hàn Quốc vẫn giữ được những truyền thống văn hóa Á Đông, đặc biệt là các mối quan hệ trong đời sống gia đình giữa ông bà, bố mẹ, con cái và trong môi trường làm việc giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các thế hệ người già và người trẻ.

Để nhanh chóng thích nghi với điều kiện sống và làm việc ở nước ngoài, tránh những sơ suất đáng tiếc xảy ra, người lao động cần lưu ý một số điều trong ứng xử sau đây để điều chỉnh hành vi cho phù hợp.

I. Cách ứng xử trong lao động

- Trong giờ làm việc phải tập trung vào công việc được giao, không được xao nhãng, chây lười, không làm việc riêng hay sử dụng điện thoại trong khi đang làm việc.

Việc xao nhãng công việc dễ dẫn đến tai nạn trong lao động hoặc làm sai, hỏng sản phẩm, gây tổn thất đến tài sản của công ty.

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật tốt, tác phong làm việc chuyên nghiệp: Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định của công ty, tôn trọng thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi; tuân thủ quy trình sản xuất và vệ sinh an toàn lao động, không được tự làm theo ý mình.

- Phục tùng mệnh lệnh của người sử dụng lao động và người quản lý, không được từ chối mệnh lệnh công việc hợp lý, không được rời bỏ vị trí làm việc mà chưa có sự cho phép của người sử dụng lao động. Nếu cố ý vi phạm sẽ bị xử lý tùy theo mức độ thiệt hại gây ra: phải đền bù thiệt hại, bị sa thải và trục xuất về nước.

PHẦN III: CÁCH ỨNG XỬ TRONG LAO ĐỘNG VÀ ĐỜI SỐNG

Chương 1. Ứng xử trong lao động và đời sống

Mặc dù đã hòa nhập và kết nối sâu rộng với văn minh phương Tây và là một đất nước công nghiệp phát triển nhưng con người Hàn Quốc vẫn giữ được những truyền thống văn hóa Á Đông, đặc biệt là các mối quan hệ trong đời sống gia đình giữa ông bà, bố mẹ, con cái và trong môi trường làm việc giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các thế hệ người già và người trẻ.

Để nhanh chóng thích nghi với điều kiện sống và làm việc ở nước ngoài, tránh những sơ suất đáng tiếc xảy ra, người lao động cần lưu ý một số điều trong ứng xử sau đây để điều chỉnh hành vi cho phù hợp.

I. Cách ứng xử trong lao động

- Trong giờ làm việc phải tập trung vào công việc được giao, không được xao nhãng, chây lười, không làm việc riêng hay sử dụng điện thoại trong khi đang làm việc.

Việc xao nhãng công việc dễ dẫn đến tai nạn trong lao động hoặc làm sai, hỏng sản phẩm, gây tổn thất đến tài sản của công ty.

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật tốt, tác phong làm việc chuyên nghiệp: Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định của công ty, tôn trọng thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi; tuân thủ quy trình sản xuất và vệ sinh an toàn lao động, không được tự làm theo ý mình.

- Phục tùng mệnh lệnh của người sử dụng lao động và người quản lý, không được từ chối mệnh lệnh công việc hợp lý, không được rời bỏ vị trí làm việc mà chưa có sự cho phép của người sử dụng lao động. Nếu cố ý vi phạm sẽ bị xử lý tùy theo mức độ thiệt hại gây ra: phải đền bù thiệt hại, bị sa thải và trục xuất về nước.

- Tôn trọng, hòa nhã và đoàn kết với đồng nghiệp là người Việt Nam cũng như người nước ngoài khác làm việc cùng công ty. Không được có thái độ nhạo báng, cười cợt với các thói quen và tập quán, tín ngưỡng tôn giáo của những người lao động đến từ nước khác.

- Không nên có thái độ kiêu ngạo, kể công tại nơi làm việc vì không có gì là không thể thay thế. Dù bạn có đóng góp cho công ty, có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh sản xuất nhưng phải biết giới hạn những yêu cầu, đòi hỏi của bản thân.

- Không được có hành vi gây ảnh hưởng đến hình ảnh của công ty, danh dự của người sử dụng lao động, như: kiện tụng người sử dụng lao động mà không có căn cứ xác thực nhằm đạt mục đích của bản thân; nói không đúng về tình trạng công ty gây bất lợi cho công ty,...

- Không được tiết lộ những bí mật sản xuất của công ty cho người ngoài biết, không được có các hành vi gây bất lợi cho công ty trong sản xuất, kinh doanh.

Trong quá trình làm việc, nếu điều kiện làm việc, vệ sinh an toàn lao động không đảm bảo, có khiếu nại về tiền lương hoặc thời gian làm việc,... thì người lao động cần bình tĩnh và chủ động đàm phán với chủ sử dụng lao động; không được có thái độ nóng giận, cãi nhau với chủ sử dụng lao động hoặc người quản lý; không phản đối bằng cách chây lười công việc, làm việc với hiệu quả thấp hoặc nghỉ không đi làm. Vì đây sẽ là những lý do bất lợi cho bạn khi chuyển xin việc hoặc xin gia hạn hợp đồng sau này.

Nếu việc đàm phán không thành công, người lao động cần liên hệ với các cơ quan chức năng để được giải quyết (*xem các địa chỉ hỗ trợ lao động trong phần Phụ lục*).

- Tôn trọng, hòa nhã và đoàn kết với đồng nghiệp là người Việt Nam cũng như người nước ngoài khác làm việc cùng công ty. Không được có thái độ nhạo báng, cười cợt với các thói quen và tập quán, tín ngưỡng tôn giáo của những người lao động đến từ nước khác.

- Không nên có thái độ kiêu ngạo, kể công tại nơi làm việc vì không có gì là không thể thay thế. Dù bạn có đóng góp cho công ty, có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh sản xuất nhưng phải biết giới hạn những yêu cầu, đòi hỏi của bản thân.

- Không được có hành vi gây ảnh hưởng đến hình ảnh của công ty, danh dự của người sử dụng lao động, như: kiện tụng người sử dụng lao động mà không có căn cứ xác thực nhằm đạt mục đích của bản thân; nói không đúng về tình trạng công ty gây bất lợi cho công ty,...

- Không được tiết lộ những bí mật sản xuất của công ty cho người ngoài biết, không được có các hành vi gây bất lợi cho công ty trong sản xuất, kinh doanh.

Trong quá trình làm việc, nếu điều kiện làm việc, vệ sinh an toàn lao động không đảm bảo, có khiếu nại về tiền lương hoặc thời gian làm việc,... thì người lao động cần bình tĩnh và chủ động đàm phán với chủ sử dụng lao động; không được có thái độ nóng giận, cãi nhau với chủ sử dụng lao động hoặc người quản lý; không phản đối bằng cách chây lười công việc, làm việc với hiệu quả thấp hoặc nghỉ không đi làm. Vì đây sẽ là những lý do bất lợi cho bạn khi chuyển xin việc hoặc xin gia hạn hợp đồng sau này.

Nếu việc đàm phán không thành công, người lao động cần liên hệ với các cơ quan chức năng để được giải quyết (*xem các địa chỉ hỗ trợ lao động trong phần Phụ lục*).

II. Cách ứng xử trong đời sống:

Trong sinh hoạt, học tập hàng ngày, người lao động cũng phải có thái độ phù hợp với các quy định của pháp luật, quy định chung của chính quyền nơi ở, tôn trọng phong tục, tập quán, thói quen của người dân nước sở tại để sớm hòa nhập với cuộc sống:

- Ngăn nắp, gọn gàng trong sinh hoạt tại nơi ở, có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh chung, không gây ảnh hưởng đến những người ở cùng. Tôn trọng và nghiêm túc thực hiện sự phân công làm vệ sinh nơi ở;

- Có ý thức bảo vệ tài sản cá nhân và tài sản chung; không tham lam đồ của người khác;

Cần bảo quản tài sản, tiền bạc của bản thân, không được để hờ hênh, vứt bừa bãi để đề phòng mất cắp; đồng thời, không được tự ý lấy đồ dùng, tiền bạc của người khác. Những hành vi này khi bị phát hiện sẽ bị xử phạt nặng hoặc bị truy tố và trục xuất về nước.

- Tiết kiệm điện, gas, nước,.. trong sinh hoạt dù được công ty hỗ trợ chi trả hay không.

Có một số công ty hỗ trợ chi trả cho người lao động các khoản tiền này. Tuy nhiên, khi phát hiện người lao động sử dụng không hợp lý, lãng phí thì công ty sẽ cắt hỗ trợ và khi đó, người lao động sẽ phải tự chi trả.

- Trong thời gian nghỉ, người lao động nên tham gia vào các hoạt động giải trí lành mạnh như đến các Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài học tiếng Hàn nâng cao trình độ, đọc sách, giao lưu với người lao động khác, hoặc tham gia chơi thể thao;

Các Trung tâm hỗ trợ người lao động luôn có những lớp học tiếng Hàn, học máy tính, sửa chữa ô tô,.. miễn phí, tổ chức các hoạt động

II. Cách ứng xử trong đời sống:

Trong sinh hoạt, học tập hàng ngày, người lao động cũng phải có thái độ phù hợp với các quy định của pháp luật, quy định chung của chính quyền nơi ở, tôn trọng phong tục, tập quán, thói quen của người dân nước sở tại để sớm hòa nhập với cuộc sống:

- Ngăn nắp, gọn gàng trong sinh hoạt tại nơi ở, có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh chung, không gây ảnh hưởng đến những người ở cùng. Tôn trọng và nghiêm túc thực hiện sự phân công làm vệ sinh nơi ở;

- Có ý thức bảo vệ tài sản cá nhân và tài sản chung; không tham lam đồ của người khác;

Cần bảo quản tài sản, tiền bạc của bản thân, không được để hờ hênh, vứt bừa bãi để đề phòng mất cắp; đồng thời, không được tự ý lấy đồ dùng, tiền bạc của người khác. Những hành vi này khi bị phát hiện sẽ bị xử phạt nặng hoặc bị truy tố và trục xuất về nước.

- Tiết kiệm điện, gas, nước,.. trong sinh hoạt dù được công ty hỗ trợ chi trả hay không.

Có một số công ty hỗ trợ chi trả cho người lao động các khoản tiền này. Tuy nhiên, khi phát hiện người lao động sử dụng không hợp lý, lãng phí thì công ty sẽ cắt hỗ trợ và khi đó, người lao động sẽ phải tự chi trả.

- Trong thời gian nghỉ, người lao động nên tham gia vào các hoạt động giải trí lành mạnh như đến các Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài học tiếng Hàn nâng cao trình độ, đọc sách, giao lưu với người lao động khác, hoặc tham gia chơi thể thao;

Các Trung tâm hỗ trợ người lao động luôn có những lớp học tiếng Hàn, học máy tính, sửa chữa ô tô,.. miễn phí, tổ chức các hoạt động

khám chữa bệnh, cắt tóc miễn phí và các hoạt động văn hóa nhân các ngày lễ lớn của Hàn Quốc cũng như của các nước phái cử. Rất nhiều người lao động đã tham gia vào các hoạt động của các Trung tâm, được học hỏi, đi chơi,.. tạo niềm vui lành mạnh cho cuộc sống. *(Xem các Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài ở phụ lục).*

- Không tổ chức nhậu nhẹt, say xỉn làm sức khỏe suy giảm dẫn đến những hệ lụy không tốt như mệt mỏi không làm được việc, giảm năng suất lao động, thậm chí dẫn đến tử vong;

Có nhiều trường hợp người lao động do uống rượu nhiều, ăn uống sinh hoạt không hợp lý dẫn đến đột tử trong khi ngủ.

- Giữ yên tĩnh ở nơi ở, không nói chuyện to, mở nhạc ồn ào gây ảnh hưởng đến người khác; Việc gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến người xung quanh sẽ bị khiếu nại với cảnh sát và bị xử phạt, thậm chí trực xuất về nước.

- Khi sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, phải tuân theo quy định: xếp hàng khi lên/xuống xe, không chen lấn xô đẩy, chen ngang, không gây ồn ào, nói chuyện to trên xe, nhường chỗ cho những đối tượng được ưu tiên (người già, trẻ em, phụ nữ có thai và người khuyết tật,..);

- Tuân thủ luật lệ giao thông khi đi bộ cũng như khi lái xe: đi đúng phần đường dành cho người đi bộ, không tự ý băng qua đường ở nơi không được phép; chú ý đèn hiệu giao thông; đảm bảo an toàn cho bản thân và người khác;

- Khi đi ra ngoài nên mặc trang phục phù hợp với phong tục, tập quán và tính chất nơi sẽ đến; không tụ tập gây ồn ào;

- Không tự ý quay phim, chụp ảnh người khác mà không được sự đồng ý của họ, nếu như không muốn bị xử phạt *(hành vi tự ý chụp ảnh người khác mà không được sự đồng ý của họ có thể bị phạt mức cao nhất là 5 năm tù và 10 triệu won);*

khám chữa bệnh, cắt tóc miễn phí và các hoạt động văn hóa nhân các ngày lễ lớn của Hàn Quốc cũng như của các nước phái cử. Rất nhiều người lao động đã tham gia vào các hoạt động của các Trung tâm, được học hỏi, đi chơi,.. tạo niềm vui lành mạnh cho cuộc sống. *(Xem các Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài ở phụ lục).*

- Không tổ chức nhậu nhẹt, say xỉn làm sức khỏe suy giảm dẫn đến những hệ lụy không tốt như mệt mỏi không làm được việc, giảm năng suất lao động, thậm chí dẫn đến tử vong;

Có nhiều trường hợp người lao động do uống rượu nhiều, ăn uống sinh hoạt không hợp lý dẫn đến đột tử trong khi ngủ.

- Giữ yên tĩnh ở nơi ở, không nói chuyện to, mở nhạc ồn ào gây ảnh hưởng đến người khác; Việc gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến người xung quanh sẽ bị khiếu nại với cảnh sát và bị xử phạt, thậm chí trục xuất về nước.

- Khi sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, phải tuân theo quy định: xếp hàng khi lên/xuống xe, không chen lấn xô đẩy, chen ngang, không gây ồn ào, nói chuyện to trên xe, nhường chỗ cho những đối tượng được ưu tiên (người già, trẻ em, phụ nữ có thai và người khuyết tật,..);

- Tuân thủ luật lệ giao thông khi đi bộ cũng như khi lái xe: đi đúng phần đường dành cho người đi bộ, không tự ý băng qua đường ở nơi không được phép; chú ý đèn hiệu giao thông; đảm bảo an toàn cho bản thân và người khác;

- Khi đi ra ngoài nên mặc trang phục phù hợp với phong tục, tập quán và tính chất nơi sẽ đến; không tụ tập gây ồn ào;

- Không tự ý quay phim, chụp ảnh người khác mà không được sự đồng ý của họ, nếu như không muốn bị xử phạt *(hành vi tự ý chụp ảnh người khác mà không được sự đồng ý của họ có thể bị phạt mức cao nhất là 5 năm tù và 10 triệu won);*

- Khi đi mua đồ ở siêu thị, các cửa hàng cũng như khi vào các nơi giải trí phải xếp hàng theo thứ tự, không chen lấn, xô đẩy;
- Cấm các hành vi ăn cắp: lấy trộm hàng hóa ở siêu thị; tự ý lấy đồ của người khác; nhặt được đồ không trả lại,.. Những hành vi này khi bị phát hiện sẽ bị xử phạt và trục xuất về nước;
- Tích cực tham gia các lớp học tiếng Hàn miễn phí, thường xuyên luyện tập tiếng Hàn để nâng cao trình độ ngoại ngữ sẽ thuận lợi trong công việc và sinh hoạt;
- Không được tham gia vào các tệ nạn xã hội như: sử dụng các chất cấm, tổ chức chơi cờ bạc, cá cược, các hoạt động giải trí không lành mạnh;
- Không tham gia vào các hoạt động chính trị.

- Khi đi mua đồ ở siêu thị, các cửa hàng cũng như khi vào các nơi giải trí phải xếp hàng theo thứ tự, không chen lấn, xô đẩy;
- Cấm các hành vi ăn cắp: lấy trộm hàng hóa ở siêu thị; tự ý lấy đồ của người khác; nhặt được đồ không trả lại,.. Những hành vi này khi bị phát hiện sẽ bị xử phạt và trục xuất về nước;
- Tích cực tham gia các lớp học tiếng Hàn miễn phí, thường xuyên luyện tập tiếng Hàn để nâng cao trình độ ngoại ngữ sẽ thuận lợi trong công việc và sinh hoạt;
- Không được tham gia vào các tệ nạn xã hội như: sử dụng các chất cấm, tổ chức chơi cờ bạc, cá cược, các hoạt động giải trí không lành mạnh;
- Không tham gia vào các hoạt động chính trị.

Chương 2. Các lỗi hay mắc phải của người lao động

I. Trong lao động:

- Không đảm bảo thời gian làm việc: đi làm muộn hoặc rời bỏ vị trí làm việc trước giờ quy định;
- Làm việc riêng trong giờ làm việc: ra ngoài hút thuốc lá, nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại,..
- Làm việc uể oải, không tích cực, không chú tâm đến công việc làm tăng tỷ lệ sản phẩm lỗi/hỏng;
- Khi có việc không vừa ý thì tỏ thái độ bất hợp tác, cản trở người khác làm việc;
- Hay so sánh, có tư tưởng “đứng núi này trông núi kia”;
- Tự ý nghỉ việc không có lý do, không báo trước với người quản lý hoặc viện lý do nghỉ không hợp lý (hay xảy ra vào các ngày đầu tuần hoặc ngày làm việc sau một kỳ nghỉ do đi chơi qua đêm không về kịp, hoặc sử dụng bia rượu quá nhiều vào ngày hôm trước dẫn đến mệt mỏi không muốn đi làm,..);
- Không tuân thủ quy trình sản xuất, quy định về an toàn vệ sinh lao động; hay tự ý làm theo ý mình;
- Không thu dọn nơi làm việc gọn gàng, sạch sẽ khi kết thúc công việc.

II. Trong sinh hoạt:

- Gây ồn ào ở nơi ở: tụ tập bạn bè ăn uống, nhậu nhẹt gây mất trật tự về an ninh; mở nhạc, tivi quá to ảnh hưởng đến những người xung quanh;
- Không tiết kiệm trong sử dụng điện, nước, gas,.. Lãng phí đồ ăn;
- Không có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, vứt rác còn tùy tiện;
- Hút thuốc lá trong phòng ở;

Chương 2. Các lỗi hay mắc phải của người lao động

I. Trong lao động:

- Không đảm bảo thời gian làm việc: đi làm muộn hoặc rời bỏ vị trí làm việc trước giờ quy định;
- Làm việc riêng trong giờ làm việc: ra ngoài hút thuốc lá, nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại,..
- Làm việc uể oải, không tích cực, không chú tâm đến công việc làm tăng tỷ lệ sản phẩm lỗi/hỏng;
- Khi có việc không vừa ý thì tỏ thái độ bất hợp tác, cản trở người khác làm việc;
- Hay so sánh, có tư tưởng “đứng núi này trông núi kia”;
- Tự ý nghỉ việc không có lý do, không báo trước với người quản lý hoặc viện lý do nghỉ không hợp lý (hay xảy ra vào các ngày đầu tuần hoặc ngày làm việc sau một kỳ nghỉ do đi chơi qua đêm không về kịp, hoặc sử dụng bia rượu quá nhiều vào ngày hôm trước dẫn đến mệt mỏi không muốn đi làm,..);
- Không tuân thủ quy trình sản xuất, quy định về an toàn vệ sinh lao động; hay tự ý làm theo ý mình;
- Không thu dọn nơi làm việc gọn gàng, sạch sẽ khi kết thúc công việc.

II. Trong sinh hoạt:

- Gây ồn ào ở nơi ở: tụ tập bạn bè ăn uống, nhậu nhẹt gây mất trật tự về an ninh; mở nhạc, tivi quá to ảnh hưởng đến những người xung quanh;
- Không tiết kiệm trong sử dụng điện, nước, gas,.. Lãng phí đồ ăn;
- Không có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, vứt rác còn tùy tiện;
- Hút thuốc lá trong phòng ở;

- Trốn vé khi đi tàu, xe;
- Ý thức xếp hàng còn kém;
- Khạc nhổ ngoài đường;
- Ngắt hoa, hái quả trong công viên hoặc cây bên đường;
- Khi tham gia vào các hoạt động chung thường rút rè, né tránh, nhưng lại rất thích “thể hiện” khi ở cùng với nhóm quen biết;
- Hay bình phẩm, bình luận không phù hợp về người khác và trên các trang mạng xã hội.

Người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc phải xác định rõ mục tiêu, lập kế hoạch cho bản thân để quyết tâm làm việc. Và để nhanh chóng hòa nhập vào xã hội Hàn Quốc, người lao động cần phải tích cực học tập ngôn ngữ và văn hóa của Hàn Quốc, học cách làm việc chuyên nghiệp và luôn có thái độ tích cực với công việc được giao. Người lao động có mục tiêu và quyết tâm sẽ là những con người thành công trong cuộc sống.

III. Tội phạm tình dục và cách phòng chống

1. Quấy rối tình dục:

Bao gồm tất cả các hành vi tình dục ngoài ý muốn, hoặc có những lời nói, hành động có tính gợi dục gây cảm giác khó chịu hoặc bị sỉ nhục. Hoặc gây ra những bất lợi trong việc tuyển dụng với lý do không tuân theo những hành động, lời nói có tính tình dục hoặc các yêu cầu khác.

1.1. Tiêu chí nhận định về quấy rối tình dục tại nơi làm việc:

- Hành vi liên quan đến thân thể như: ôm, hôn, động chạm vào các bộ phận nhạy cảm của cơ thể, bắt ép thực hiện matxa hay vuốt ve,..
- Hành vi liên quan đến lời nói như: nói đùa bậy bạ hoặc nói chuyện thô tục, bình luận, so sánh ngoại hình người khác có liên quan đến giới, hỏi chuyện hoặc lan truyền các thông tin liên quan đến tình dục, bắt ép ngồi bên cạnh rót rượu trong các buổi liên hoan, bắt ép hoặc dụ dỗ quan hệ tình dục.

- Trốn vé khi đi tàu, xe;
- Ý thức xếp hàng còn kém;
- Khắc nhỏ ngoài đường;
- Ngắt hoa, hái quả trong công viên hoặc cây bên đường;
- Khi tham gia vào các hoạt động chung thường rút rè, né tránh, nhưng lại rất thích “thể hiện” khi ở cùng với nhóm quen biết;
- Hay bình phẩm, bình luận không phù hợp về người khác và trên các trang mạng xã hội.

Người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc phải xác định rõ mục tiêu, lập kế hoạch cho bản thân để quyết tâm làm việc. Và để nhanh chóng hòa nhập vào xã hội Hàn Quốc, người lao động cần phải tích cực học tập ngôn ngữ và văn hóa của Hàn Quốc, học cách làm việc chuyên nghiệp và luôn có thái độ tích cực với công việc được giao. Người lao động có mục tiêu và quyết tâm sẽ là những con người thành công trong cuộc sống.

III. Tội phạm tình dục và cách phòng chống

1. Quấy rối tình dục:

Bao gồm tất cả các hành vi tình dục ngoài ý muốn, hoặc có những lời nói, hành động có tính gợi dục gây cảm giác khó chịu hoặc bị sỉ nhục. Hoặc gây ra những bất lợi trong việc tuyển dụng với lý do không tuân theo những hành động, lời nói có tính tình dục hoặc các yêu cầu khác.

1.1. Tiêu chí nhận định về quấy rối tình dục tại nơi làm việc:

- Hành vi liên quan đến thân thể như: ôm, hôn, động chạm vào các bộ phận nhạy cảm của cơ thể, bắt ép thực hiện matxa hay vuốt ve,..
- Hành vi liên quan đến lời nói như: nói đùa bậy bạ hoặc nói chuyện thô tục, bình luận, so sánh ngoại hình người khác có liên quan đến giới, hỏi chuyện hoặc lan truyền các thông tin liên quan đến tình dục, bắt ép ngồi bên cạnh rót rượu trong các buổi liên hoan, bắt ép hoặc dụ dỗ quan hệ tình dục.

- Hành vi về mặt thị giác: như đăng tải, hoặc cho xem tranh, ảnh, hình vẽ, văn hóa phẩm đồi trụy, cố ý để lộ hoặc sờ soạng các bộ phận cơ thể đặc trưng liên quan đến tình dục và các hành động, lời nói mà theo quan điểm chung của xã hội mang lại cảm giác xúc phạm,..

- Trường hợp gây bất lợi trong tuyển dụng, hoặc các điều kiện làm việc như đánh trượt, giảm lương, cho nghỉ việc, sa thải,..

1.2. Ứng phó khi xảy ra quấy rối tình dục:

- Không im lặng trốn tránh hoặc giả vờ như không biết.

- Thể hiện thái độ cự tuyệt và nói rõ ràng bạn không thích điều đó, yêu cầu đối tượng cần dừng ngay hành động/ lời nói đó.

- Thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan; ghi lại nội dung chi tiết về việc này và cảm giác không thoải mái của bạn đối với đối tượng đó.

- Nếu bạn đã thể hiện rõ thái độ của bạn mà tình hình không cải thiện:

Thông báo cho người có trách nhiệm và những tổ chức hỗ trợ lao động để được giúp đỡ. Khai báo với Văn phòng việc làm và lao động ở địa phương hoặc báo cảnh sát.

1.3. Những điểm cần lưu ý để không trở thành người quấy rối tình dục:

Đôi khi ranh giới giữa việc quấy rối tình dục và việc chọc ghẹo, tán tỉnh rất mong manh, có thể chỉ là sự khác biệt văn hóa giữa các nước. Chính sự mập mờ đó làm cho cả nạn nhân và thủ phạm đều không phân định rõ ràng, nên nạn nhân thường giữ thái độ im lặng, chấp nhận, né tránh và làm cho thủ phạm, đôi khi là vô tình, càng có cơ hội thực hiện hành vi quấy rối của mình.

Vì vậy, ngoài việc đề phòng mình là nạn nhân của loại tội phạm này, thì người lao động cũng cần phải cẩn trọng trong giao tiếp, ứng xử và hành động để tránh trở thành loại tội phạm này. Các hành vi có thể bị coi là quấy rối hoặc xâm hại tình dục bao gồm:

- Hành vi về mặt thị giác: như đăng tải, hoặc cho xem tranh, ảnh, hình vẽ, văn hóa phẩm đồi trụy, cố ý để lộ hoặc sờ soạng các bộ phận cơ thể đặc trưng liên quan đến tình dục và các hành động, lời nói mà theo quan điểm chung của xã hội mang lại cảm giác xúc phạm,..

- Trường hợp gây bất lợi trong tuyển dụng, hoặc các điều kiện làm việc như đánh trượt, giảm lương, cho nghỉ việc, sa thải,..

1.2. Ứng phó khi xảy ra quấy rối tình dục:

- Không im lặng trốn tránh hoặc giả vờ như không biết.

- Thể hiện thái độ cự tuyệt và nói rõ ràng bạn không thích điều đó, yêu cầu đối tượng cần dừng ngay hành động/ lời nói đó.

- Thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan; ghi lại nội dung chi tiết về việc này và cảm giác không thoải mái của bạn đối với đối tượng đó.

- Nếu bạn đã thể hiện rõ thái độ của bạn mà tình hình không cải thiện:

Thông báo cho người có trách nhiệm và những tổ chức hỗ trợ lao động để được giúp đỡ. Khai báo với Văn phòng việc làm và lao động ở địa phương hoặc báo cảnh sát.

1.3. Những điểm cần lưu ý để không trở thành người quấy rối tình dục:

Đôi khi ranh giới giữa việc quấy rối tình dục và việc chọc ghẹo, tán tỉnh rất mong manh, có thể chỉ là sự khác biệt văn hóa giữa các nước. Chính sự mập mờ đó làm cho cả nạn nhân và thủ phạm đều không phân định rõ ràng, nên nạn nhân thường giữ thái độ im lặng, chấp nhận, né tránh và làm cho thủ phạm, đôi khi là vô tình, càng có cơ hội thực hiện hành vi quấy rối của mình.

Vì vậy, ngoài việc đề phòng mình là nạn nhân của loại tội phạm này, thì người lao động cũng cần phải cẩn trọng trong giao tiếp, ứng xử và hành động để tránh trở thành loại tội phạm này. Các hành vi có thể bị coi là quấy rối hoặc xâm hại tình dục bao gồm:

- Chia sẻ những hình ảnh, video hoặc các câu chuyện có nội dung tình dục không thích hợp.
- Gửi thư, lời nhắn, email gợi ý.
- Trưng bày các hình ảnh, poster tình dục không thích hợp tại nơi làm việc.
- Có các cử chỉ gợi dục không thích hợp; nhìn chăm chăm, huýt sáo.
- Bình luận một cách khiếm nhã về ngoại hình, trang phục, hoặc các bộ phận cơ thể. Bình luận xúc phạm về giới tính của người khác.
- Động chạm cơ thể không phù hợp, như cấu véo, vỗ, xoa, hoặc cọ vào nhau một cách cố ý (hành vi âu yếm trẻ em cũng có thể bị coi là quấy rối tình dục).
- Hỏi những câu hỏi về tình dục, như hỏi về đời sống tình dục hoặc khuynh hướng tình dục.

Nạn nhân của quấy rối tình dục không chỉ là người trực tiếp bị tác động, mà bất cứ ai bị hành vi không phù hợp này ảnh hưởng.

2. Bạo lực tình dục:

Được hiểu là tất cả các hành vi mang tính tình dục không tự nguyện, bất chấp suy nghĩ của đối phương, lợi dụng sự khác biệt về sức lực để xâm phạm quyền quyết định về tình dục của đối phương. Hay, đó chính là hành vi cưỡng dâm, hiếp dâm mà đối tượng gây ra có thể bị xử lý hình sự.

Nạn nhân của hành vi này có thể là nam hoặc nữ. Thủ phạm có thể là người quen, người làm cùng công ty hoặc người được xem là đáng tin cậy.

3. Phòng ngừa quấy rối và bạo lực tình dục:

3.1. Phòng ngừa xâm hại tình dục:

Bạn nên nhớ bị quấy rối tình dục không phải do lỗi của bạn nên bạn cần dũng cảm thông báo sự việc tới các tổ chức có thể giúp đỡ

- Chia sẻ những hình ảnh, video hoặc các câu chuyện có nội dung tình dục không thích hợp.
- Gửi thư, lời nhắn, email gợi ý.
- Trưng bày các hình ảnh, poster tình dục không thích hợp tại nơi làm việc.
- Có các cử chỉ gợi dục không thích hợp; nhìn chăm chăm, huýt sáo.
- Bình luận một cách khiếm nhã về ngoại hình, trang phục, hoặc các bộ phận cơ thể. Bình luận xúc phạm về giới tính của người khác.
- Động chạm cơ thể không phù hợp, như cấu véo, vỗ, xoa, hoặc cọ vào nhau một cách cố ý (hành vi âu yếm trẻ em cũng có thể bị coi là quấy rối tình dục).
- Hỏi những câu hỏi về tình dục, như hỏi về đời sống tình dục hoặc khuynh hướng tình dục.

Nạn nhân của quấy rối tình dục không chỉ là người trực tiếp bị tác động, mà bất cứ ai bị hành vi không phù hợp này ảnh hưởng.

2. Bạo lực tình dục:

Được hiểu là tất cả các hành vi mang tính tình dục không tự nguyện, bất chấp suy nghĩ của đối phương, lợi dụng sự khác biệt về sức lực để xâm phạm quyền quyết định về tình dục của đối phương. Hay, đó chính là hành vi cưỡng dâm, hiếp dâm mà đối tượng gây ra có thể bị xử lý hình sự.

Nạn nhân của hành vi này có thể là nam hoặc nữ. Thủ phạm có thể là người quen, người làm cùng công ty hoặc người được xem là đáng tin cậy.

3. Phòng ngừa quấy rối và bạo lực tình dục:

3.1. Phòng ngừa xâm hại tình dục:

Bạn nên nhớ bị quấy rối tình dục không phải do lỗi của bạn nên bạn cần dũng cảm thông báo sự việc tới các tổ chức có thể giúp đỡ

bạn. Tổ cáo sự việc càng sớm thì việc thu thập bằng chứng sẽ dễ dàng và đầy đủ; đồng thời cần thận trọng trong cư xử và luôn cảnh giác để tránh bị quấy rối tình dục.

- Đặt phím số 0 trên điện thoại là số **112** khai báo về tội phạm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp;

- Trong cuộc sống cần có thái độ đúng mực khi tiếp xúc với người khác giới.

- Tại nơi làm việc phải thể hiện rõ thái độ thích và không thích, phân biệt rõ công tư và không hòa theo những câu chuyện thô tục.

- Hạn chế đi ra ngoài vào buổi tối, ban đêm; trong trường hợp bắt buộc dĩ nhờ người thân ra đón; không đi vào các ngõ nhỏ mà nên đi ở đường lớn có từ hai người trở lên;

- Nếu có thể thì kết thúc sớm các buổi đi ăn nhậu và về nhà; khi quay về, nên sử dụng phương tiện giao thông công cộng, nhờ người thân ra đón ở điểm đến;

- Không lên xe ô tô khi được người khác có ý mời đi chung, không đi ghép xe trong trường hợp đi xe taxi; nên ngồi ở ghế sau, nơi khó thực hiện các hành vi tội phạm; trước khi lên xe ghi nhớ số xe và báo cho người thân sau khi lên xe;

Trong trường hợp lái xe taxi có những hành động bất thường, thay vì chống cự quá sức, cần phải bình tĩnh đối phó và đảm bảo an toàn cho bản thân.

- Phải khóa cửa ra vào, cửa sổ, lắp đặt cửa chống trộm để ngăn ngừa đột nhập thông qua đường ống ga v.v... Trước khi mở cửa phải kiểm tra khách đến thăm là ai (cài khóa an toàn và nói chuyện);

- Sử dụng bãi đỗ xe an toàn (chỗ đỗ xe dành cho phụ nữ, bãi đỗ xe có nhân viên hướng dẫn, có lắp CCTV) và đỗ xe nơi gần thang máy hoặc cửa ra vào; Trước khi xuống xe cần kiểm tra xung quanh xem có người nào khả nghi không;

bạn. Tổ cáo sự việc càng sớm thì việc thu thập bằng chứng sẽ dễ dàng và đầy đủ; đồng thời cần thận trọng trong cư xử và luôn cảnh giác để tránh bị quấy rối tình dục.

- Đặt phím số 0 trên điện thoại là số **112** khai báo về tội phạm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp;

- Trong cuộc sống cần có thái độ đúng mực khi tiếp xúc với người khác giới.

- Tại nơi làm việc phải thể hiện rõ thái độ thích và không thích, phân biệt rõ công tư và không hòa theo những câu chuyện thô tục.

- Hạn chế đi ra ngoài vào buổi tối, ban đêm; trong trường hợp bắt buộc dĩ nhờ người thân ra đón; không đi vào các ngõ nhỏ mà nên đi ở đường lớn có từ hai người trở lên;

- Nếu có thể thì kết thúc sớm các buổi đi ăn nhậu và về nhà; khi quay về, nên sử dụng phương tiện giao thông công cộng, nhờ người thân ra đón ở điểm đến;

- Không lên xe ô tô khi được người khác có ý mời đi chung, không đi ghép xe trong trường hợp đi xe taxi; nên ngồi ở ghế sau, nơi khó thực hiện các hành vi tội phạm; trước khi lên xe ghi nhớ số xe và báo cho người thân sau khi lên xe;

Trong trường hợp lái xe taxi có những hành động bất thường, thay vì chống cự quá sức, cần phải bình tĩnh đối phó và đảm bảo an toàn cho bản thân.

- Phải khóa cửa ra vào, cửa sổ, lắp đặt cửa chống trộm để ngăn ngừa đột nhập thông qua đường ống ga v.v... Trước khi mở cửa phải kiểm tra khách đến thăm là ai (cài khóa an toàn và nói chuyện);

- Sử dụng bãi đỗ xe an toàn (chỗ đỗ xe dành cho phụ nữ, bãi đỗ xe có nhân viên hướng dẫn, có lắp CCTV) và đỗ xe nơi gần thang máy hoặc cửa ra vào; Trước khi xuống xe cần kiểm tra xung quanh xem có người nào khả nghi không;

3.2. Ứng phó với xâm hại tình dục:

- Trong trường hợp phát hiện đối tượng có nguy cơ xâm hại, hãy giữ bình tĩnh, đừng kích động đối phương ...để tránh xảy ra tình trạng đổ dầu vào lửa gây nguy hiểm cho tính mạng, hãy khôn khéo tìm cách lừa được đối phương để chạy thoát và kêu to để mọi người biết.

- Khi có nguy cơ bị xâm hại, phải cương quyết và nhanh chóng chối từ hoặc phản ứng bằng cách hét to, cắn, đánh khiến tội phạm hoảng sợ.

- Bảo vệ cho bản thân; tìm một nơi an toàn và người giúp đỡ hoặc đến đồn cảnh sát trình báo và cung cấp các chứng cứ liên quan đến tội phạm.

- Nhờ sự giúp đỡ của Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ nước ngoài (☎1577-1366), số điện thoại đường dây nóng phụ nữ (☎1366)

- Trong trường hợp đã bị xâm hại, để lưu giữ lại chứng cứ không tắm rửa hay thay quần áo mà đến bệnh viện hoặc sở cảnh sát, cho vật chứng vào túi giấy; Trường hợp bị bầm dập hay có vết thương thì phải chụp ảnh, giữ lại các chứng cứ liên quan.

Tội phạm xâm hại tình dục sẽ bị xử lý nghiêm tại Hàn Quốc. Chính phủ Hàn Quốc cũng sẽ mở rộng các chương trình hỗ trợ pháp lý và chương trình điều trị tâm lý miễn phí cho các nạn nhân từng bị xâm hại tình dục. Bạn sẽ được bảo vệ nếu là nạn nhân của tội phạm tình dục.

3.2. Ứng phó với xâm hại tình dục:

- Trong trường hợp phát hiện đối tượng có nguy cơ xâm hại, hãy giữ bình tĩnh, đừng kích động đối phương ...để tránh xảy ra tình trạng đổ dầu vào lửa gây nguy hiểm cho tính mạng, hãy khôn khéo tìm cách lừa được đối phương để chạy thoát và kêu to để mọi người biết.

- Khi có nguy cơ bị xâm hại, phải cương quyết và nhanh chóng chối từ hoặc phản ứng bằng cách hét to, cắn, đánh khiến tội phạm hoảng sợ.

- Bảo vệ cho bản thân; tìm một nơi an toàn và người giúp đỡ hoặc đến đồn cảnh sát trình báo và cung cấp các chứng cứ liên quan đến tội phạm.

- Nhờ sự giúp đỡ của Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ nước ngoài (☎1577-1366), số điện thoại đường dây nóng phụ nữ (☎1366)

- Trong trường hợp đã bị xâm hại, để lưu giữ lại chứng cứ không tắm rửa hay thay quần áo mà đến bệnh viện hoặc sở cảnh sát, cho vật chứng vào túi giấy; Trường hợp bị bầm dập hay có vết thương thì phải chụp ảnh, giữ lại các chứng cứ liên quan.

Tội phạm xâm hại tình dục sẽ bị xử lý nghiêm tại Hàn Quốc. Chính phủ Hàn Quốc cũng sẽ mở rộng các chương trình hỗ trợ pháp lý và chương trình điều trị tâm lý miễn phí cho các nạn nhân từng bị xâm hại tình dục. Bạn sẽ được bảo vệ nếu là nạn nhân của tội phạm tình dục.

<Số điện thoại tư vấn khi bị xâm hại tình dục>

Cơ quan	Số điện thoại	Ghi chú
Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ nước ngoài	1577-1366	Hỗ trợ tư vấn và phiên dịch bằng tiếng bản địa cho phụ nữ nước ngoài bị bạo lực tình dục, mại dâm.
Số điện thoại đường dây nóng phụ nữ	1366	Tư vấn phụ nữ bị xâm hại và hướng dẫn nơi tư vấn, cơ sở bảo vệ
Trung tâm hỗ trợ một cửa	-	Cung cấp dịch vụ tư vấn- y tế- điều tra- hỗ trợ pháp luật cho người bị bạo lực tình dục.

✂ *Các cơ sở trên vận hành 24h/ngày; 365 ngày/năm.*

<Số điện thoại tư vấn khi bị xâm hại tình dục>

Cơ quan	Số điện thoại	Ghi chú
Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ nước ngoài	1577-1366	Hỗ trợ tư vấn và phiên dịch bằng tiếng bản địa cho phụ nữ nước ngoài bị bạo lực tình dục, mại dâm.
Số điện thoại đường dây nóng phụ nữ	1366	Tư vấn phụ nữ bị xâm hại và hướng dẫn nơi tư vấn, cơ sở bảo vệ
Trung tâm hỗ trợ một cửa	-	Cung cấp dịch vụ tư vấn- y tế- điều tra- hỗ trợ pháp luật cho người bị bạo lực tình dục.

✂ *Các cơ sở trên vận hành 24h/ngày; 365 ngày/năm.*

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN SINH HOẠT TẠI HÀN QUỐC

Chương 1. Nhà ở và các dịch vụ liên quan đến nhà ở

I. Nhà ở:

Người lao động khi nhập cảnh vào Hàn Quốc được chủ sử dụng lao động bố trí cho nhà ở là ký túc xá của công ty (là nhà xây dựng nhà tập thể, nhà container hoặc nhà nilong) hoặc nhà thuê bên ngoài (như là căn hộ chung cư, nhà riêng, vila hoặc nhà thuê chung).

Thuê nhà ở Hàn Quốc có 02 dạng:

- Jeon-se (전세): là hình thức thuê nhà đặt cọc tiền, bên thuê phải chuyển cho bên cho thuê một số tiền nhất định (bằng khoảng 50 – 80% giá trị căn nhà) trong thời gian hợp đồng thuê. Kết thúc thời hạn hợp đồng, bên cho thuê sẽ trả lại bên thuê toàn bộ số tiền đó, hoặc được phép khấu trừ để sửa chữa nhà ở nếu bị hỏng do lỗi của người thuê.

- Wol-se (월세): là hình thức thuê nhà trả tiền theo tháng. Ngoài số tiền trả hàng tháng, thì khi 2 bên ký hợp đồng, bên thuê nhà vẫn phải đặt cọc một số tiền nhất định cho bên cho thuê nhà và sẽ được nhận lại sau khi kết thúc hợp đồng.

Hiện nay đa số các nhà cho thuê theo diện Wol-se. Chủ sử dụng lao động thường sẽ hỗ trợ tiền đặt cọc để thuê nhà, người lao động phải chi trả tiền thuê hàng tháng và tiền dịch vụ phát sinh liên quan đến nhà ở (điện, nước, gas,..).

Nhà ở phải được trang bị các thiết bị vệ sinh và nghỉ ngơi gần nơi ở. Nam và nữ không được ở chung phòng.

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN SINH HOẠT TẠI HÀN QUỐC

Chương 1. Nhà ở và các dịch vụ liên quan đến nhà ở

I. Nhà ở:

Người lao động khi nhập cảnh vào Hàn Quốc được chủ sử dụng lao động bố trí cho nhà ở là ký túc xá của công ty (là nhà xây dựng nhà tập thể, nhà container hoặc nhà nilong) hoặc nhà thuê bên ngoài (như là căn hộ chung cư, nhà riêng, vila hoặc nhà thuê chung).

Thuê nhà ở Hàn Quốc có 02 dạng:

- Jeon-se (전세): là hình thức thuê nhà đặt cọc tiền, bên thuê phải chuyển cho bên cho thuê một số tiền nhất định (bằng khoảng 50 – 80% giá trị căn nhà) trong thời gian hợp đồng thuê. Kết thúc thời hạn hợp đồng, bên cho thuê sẽ trả lại bên thuê toàn bộ số tiền đó, hoặc được phép khấu trừ để sửa chữa nhà ở nếu bị hỏng do lỗi của người thuê.

- Wol-se (월세): là hình thức thuê nhà trả tiền theo tháng. Ngoài số tiền trả hàng tháng, thì khi 2 bên ký hợp đồng, bên thuê nhà vẫn phải đặt cọc một số tiền nhất định cho bên cho thuê nhà và sẽ được nhận lại sau khi kết thúc hợp đồng.

Hiện nay đa số các nhà cho thuê theo diện Wol-se. Chủ sử dụng lao động thường sẽ hỗ trợ tiền đặt cọc để thuê nhà, người lao động phải chi trả tiền thuê hàng tháng và tiền dịch vụ phát sinh liên quan đến nhà ở (điện, nước, gas,..).

Nhà ở phải được trang bị các thiết bị vệ sinh và nghỉ ngơi gần nơi ở. Nam và nữ không được ở chung phòng.

II. Các dịch vụ liên quan nhà ở:

1. Điện và sử dụng điện:

Các thiết bị điện gia dụng trong gia đình ở Hàn Quốc chủ yếu sử dụng nguồn điện 220V, tần số 60Hz. Ổ cắm điện thường là loại ổ hai chấu tròn, ăn sâu vào bên trong. Loại dùng trong nhà tắm thì thường có nắp đậy để chắn nước.



Nguồn điện của Hàn Quốc tương đối ổn định, ít xảy ra tình trạng mất điện. Giá điện sinh hoạt cũng được tính theo giá bậc thang theo 03 mức (chênh lệch giữa bậc 2 với bậc 1 là 200% và bậc 3 so với bậc 1 là 300%), trong đó lượng tiêu thụ cho bậc 1 là từ 0 đến 200kwh. Do vậy mức tiêu thụ điện sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí tiền điện. Hóa đơn tiền điện được gửi đến người sử dụng và thanh toán qua ngân hàng.

Lượng tiêu thụ điện có thể tăng lên vào mùa hè nếu có sử dụng điều hòa hoặc tăng vào mùa đông nếu sử dụng máy sưởi nhiều. Vì vậy, khi sử dụng các thiết bị điện, các bạn nên tìm mua loại máy có lượng tiêu thụ điện thấp, sử dụng hợp lý để tiết kiệm điện.

2. Nước và sử dụng nước:

Nguồn nước ở Hàn Quốc tương đối sạch, có nhiều nguồn nước lấy từ trong núi được kiểm nghiệm có thể sử dụng để uống trực tiếp. Với những nguồn nước lấy trực tiếp từ trong núi thì được kiểm nghiệm thường xuyên để đảm bảo chất lượng sử dụng. Còn với nguồn cung cấp nước từ các nhà máy thì phải đảm bảo các quy định chung về lọc và tẩy trùng nên khi mới lấy từ vòi, nước hơi có mùi clo (chất dùng để tẩy nguồn nước).



Tiền sử dụng nước có thể được thanh toán hàng tháng hoặc 2 tháng một lần thông qua ngân hàng.

II. Các dịch vụ liên quan nhà ở:

1. Điện và sử dụng điện:

Các thiết bị điện gia dụng trong gia đình ở Hàn Quốc chủ yếu sử dụng nguồn điện 220V, tần số 60Hz. Ổ cắm điện thường là loại ổ hai chấu tròn, ăn sâu vào bên trong. Loại dùng trong nhà tắm thì thường có nắp đậy để chắn nước.



Nguồn điện của Hàn Quốc tương đối ổn định, ít xảy ra tình trạng mất điện. Giá điện sinh hoạt cũng được tính theo giá bậc thang theo 03 mức (chênh lệch giữa bậc 2 với bậc 1 là 200% và bậc 3 so với bậc 1 là 300%), trong đó lượng tiêu thụ cho bậc 1 là từ 0 đến 200kwh. Do vậy mức tiêu thụ điện sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí tiền điện. Hóa đơn tiền điện được gửi đến người sử dụng và thanh toán qua ngân hàng.

Lượng tiêu thụ điện có thể tăng lên vào mùa hè nếu có sử dụng điều hòa hoặc tăng vào mùa đông nếu sử dụng máy sưởi nhiều. Vì vậy, khi sử dụng các thiết bị điện, các bạn nên tìm mua loại máy có lượng tiêu thụ điện thấp, sử dụng hợp lý để tiết kiệm điện.

2. Nước và sử dụng nước:

Nguồn nước ở Hàn Quốc tương đối sạch, có nhiều nguồn nước lấy từ trong núi được kiểm nghiệm có thể sử dụng để uống trực tiếp. Với những nguồn nước lấy trực tiếp từ trong núi thì được kiểm nghiệm thường xuyên để đảm bảo chất lượng sử dụng. Còn với nguồn cung cấp nước từ các nhà máy thì phải đảm bảo các quy định chung về lọc và tẩy trùng nên khi mới lấy từ vòi, nước hơi có mùi clo (chất dùng để tẩy nguồn nước).



Tiền sử dụng nước có thể được thanh toán hàng tháng hoặc 2 tháng một lần thông qua ngân hàng.

3. Gas và sử dụng gas

Hệ thống đường ống gas của Hàn Quốc rất an toàn và thuận tiện. Với những khu dân cư ở các thành phố, thị trấn thì có đường cung cấp gas tới tận nhà và sử dụng đồng hồ đo khối lượng gas sử dụng trong tháng. Cuối tháng hóa đơn tiền gas sẽ được gửi về nhà và người sử dụng có thể thanh toán tiền gas này qua ngân hàng. Khi chuyển đến nơi ở mới, cần phải gọi điện cho nhà cung cấp để yêu cầu họ khóa van gas và chốt số tiền phải thanh toán.

Còn đối với khu vực nông thôn hoặc các dạng nhà cũ chưa có hệ thống đường ống gas thì phải mua bình gas để sử dụng và thanh toán tiền trực tiếp cho nhà cung cấp. Gas trong gia đình được sử dụng để đun nấu và sử dụng cho hệ thống đun nước nóng và sưởi sàn trong nhà.

4. Sưởi và hệ thống sưởi sàn:

Mùa đông Hàn Quốc rất lạnh, nên phải sử dụng sưởi khi ở trong nhà mới đảm bảo không bị lạnh.

Với các khu căn hộ hoặc nhà riêng đã được sửa mới thường sử dụng hệ thống sưởi sàn (난방). Đây là hệ thống sử dụng đường ống nước nóng được lắp đặt dưới sàn nhà để làm nóng nền nhà và không khí trong nhà. Việc điều chỉnh nhiệt độ trong phòng được thực hiện thông qua bảng điều khiển. Hệ thống sưởi nền tốn rất nhiều gas nên khi không sử dụng thì cần tắt hoặc giảm bớt nhiệt độ, tránh lãng phí.

Với những khu nhà riêng hoặc nhà cũ, nhà tạm không có hệ thống sưởi sàn thì phải sử dụng các dạng máy sưởi khác. Người sử dụng có thể mua quạt sưởi điện, quạt sưởi dầu hoặc chăn điện. Khi sử dụng những máy sưởi này, cần chú ý tránh để xảy ra hỏa hoạn.

3. Gas và sử dụng gas

Hệ thống đường ống gas của Hàn Quốc rất an toàn và thuận tiện. Với những khu dân cư ở các thành phố, thị trấn thì có đường cung cấp gas tới tận nhà và sử dụng đồng hồ đo khối lượng gas sử dụng trong tháng. Cuối tháng hóa đơn tiền gas sẽ được gửi về nhà và người sử dụng có thể thanh toán tiền gas này qua ngân hàng. Khi chuyển đến nơi ở mới, cần phải gọi điện cho nhà cung cấp để yêu cầu họ khóa van gas và chốt số tiền phải thanh toán.

Còn đối với khu vực nông thôn hoặc các dạng nhà cũ chưa có hệ thống đường ống gas thì phải mua bình gas để sử dụng và thanh toán tiền trực tiếp cho nhà cung cấp. Gas trong gia đình được sử dụng để đun nấu và sử dụng cho hệ thống đun nước nóng và sưởi sàn trong nhà.

4. Sưởi và hệ thống sưởi sàn:

Mùa đông Hàn Quốc rất lạnh, nên phải sử dụng sưởi khi ở trong nhà mới đảm bảo không bị lạnh.

Với các khu căn hộ hoặc nhà riêng đã được sửa mới thường sử dụng hệ thống sưởi sàn (난방). Đây là hệ thống sử dụng đường ống nước nóng được lắp đặt dưới sàn nhà để làm nóng nền nhà và không khí trong nhà. Việc điều chỉnh nhiệt độ trong phòng được thực hiện thông qua bảng điều khiển. Hệ thống sưởi nền tốn rất nhiều gas nên khi không sử dụng thì cần tắt hoặc giảm bớt nhiệt độ, tránh lãng phí.

Với những khu nhà riêng hoặc nhà cũ, nhà tạm không có hệ thống sưởi sàn thì phải sử dụng các dạng máy sưởi khác. Người sử dụng có thể mua quạt sưởi điện, quạt sưởi dầu hoặc chần điện. Khi sử dụng những máy sưởi này, cần chú ý tránh để xảy ra hỏa hoạn.

Lưu ý việc sử dụng thiết bị sưởi, đặc biệt là các loại quạt sưởi điện dễ gây khô, nóng và đốt không khí (Oxy) trong căn hộ, gây nên tình trạng bí, khó thở dẫn đến cơ thể mệt mỏi. Người lao động nên mở cửa để không khí bên trong và ngoài căn hộ trao đổi, đảm bảo lượng oxy trong nhà.

5. Rác thải và xử lý rác thải:

Ở Hàn Quốc việc xử lý rác thải không chỉ đơn thuần là “đổ rác” như cách làm tại Việt Nam mà là sự “phân loại và đổ rác” (쓰레기분리수거). Rác thải được phân chia và gom theo từng loại gồm:



- Rác cần phân loại gồm: giấy, chai lọ, can, đồ sắt, đồ nhựa, ni-long được phân loại và bỏ vào các thùng rác tương ứng.
- Rác thức ăn: được để riêng vào túi đựng rác thức ăn.
- Rác thải loại lớn (giường, tủ, ghế,...) phải mua tem vớt rác trước khi vớt.

Rác thải đã phân loại được bỏ trong từng loại túi nilong để rác theo quy định. Thông thường có hai loại túi là túi đựng rác thức ăn (thường có màu vàng, dày, chắc chắn để đảm bảo không chảy nước) và túi đựng các loại rác phân loại (loại túi mỏng hơn). Túi để rác có nhiều kích cỡ khác nhau để người sử dụng dễ dàng chọn được loại túi phù hợp với nhu cầu sử dụng. Túi rác có thể mua ở các cửa hàng tạp hóa, các cửa hàng tiện lợi ở nơi cư trú.

Ngoài ra, khi vớt rác phải tuân thủ giờ/ngày vớt rác, địa điểm tập trung rác; Rác từ quận này không được mang sang quận khác vớt. Việc vớt rác không đúng quy định sẽ bị xử phạt như sau:

Lưu ý việc sử dụng thiết bị sưởi, đặc biệt là các loại quạt sưởi điện dễ gây khô, nóng và đốt không khí (Oxy) trong căn hộ, gây nên tình trạng bí, khó thở dẫn đến cơ thể mệt mỏi. Người lao động nên mở cửa để không khí bên trong và ngoài căn hộ trao đổi, đảm bảo lượng oxy trong nhà.

5. Rác thải và xử lý rác thải:

Ở Hàn Quốc việc xử lý rác thải không chỉ đơn thuần là “đổ rác” như cách làm tại Việt Nam mà là sự “phân loại và đổ rác” (쓰레기분리수거). Rác thải được phân chia và gom theo từng loại gồm:



- Rác cần phân loại gồm: giấy, chai lọ, can, đồ sắt, đồ nhựa, ni-long được phân loại và bỏ vào các thùng rác tương ứng.
- Rác thức ăn: được để riêng vào túi đựng rác thức ăn.
- Rác thải loại lớn (giường, tủ, ghế,...) phải mua tem vớt rác trước khi vớt.

Rác thải đã phân loại được bỏ trong từng loại túi nilong để rác theo quy định. Thông thường có hai loại túi là túi đựng rác thức ăn (thường có màu vàng, dày, chắc chắn để đảm bảo không chảy nước) và túi đựng các loại rác phân loại (loại túi mỏng hơn). Túi để rác có nhiều kích cỡ khác nhau để người sử dụng dễ dàng chọn được loại túi phù hợp với nhu cầu sử dụng. Túi rác có thể mua ở các cửa hàng tạp hóa, các cửa hàng tiện lợi ở nơi cư trú.

Ngoài ra, khi vớt rác phải tuân thủ giờ/ngày vớt rác, địa điểm tập trung rác; Rác từ quận này không được mang sang quận khác vớt. Việc vớt rác không đúng quy định sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt 100.000won đối với các hành vi: vi phạm về địa điểm và thời gian vứt rác; Bỏ lẫn lộn rác trong túi đựng rác; các vi phạm khác về quy định vứt rác (như không buộc miệng túi rác).

- Phạt 200.000won đối với hành vi vứt rác không đúng quy định (như sử dụng túi nilong màu đen).

- Đốt rác bất hợp pháp: 500.000won

- Vứt các loại rác mang theo như đầu mẫu thuốc lá: 80.000won.

Phân loại trước khi vứt rác đã trở thành thói quen, thành quy tắc của người Hàn. Để nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống tại Hàn Quốc thì những việc đơn giản như đổ rác chúng ta cũng cần phải biết và thực hiện.

- Phạt 100.000won đối với các hành vi: vi phạm về địa điểm và thời gian vứt rác; Bỏ lẫn lộn rác trong túi đựng rác; các vi phạm khác về quy định vứt rác (như không buộc miệng túi rác).

- Phạt 200.000won đối với hành vi vứt rác không đúng quy định (như sử dụng túi nilong màu đen).

- Đốt rác bất hợp pháp: 500.000won

- Vứt các loại rác mang theo như đầu mẫu thuốc lá: 80.000won.

Phân loại trước khi vứt rác đã trở thành thói quen, thành quy tắc của người Hàn. Để nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống tại Hàn Quốc thì những việc đơn giản như đổ rác chúng ta cũng cần phải biết và thực hiện.

Chương 2. Phương tiện giao thông công cộng

Hệ thống giao thông ở Hàn Quốc được đánh giá là hiện đại và thông minh hàng đầu thế giới, tất cả thông tin về phương tiện giao thông đều được số hóa. Năm 2011, Hàn Quốc đã hoàn thành việc lắp đặt cáp quang Internet tốc độ cao trên 3.500km đường cao tốc, tạo nên một mạng lưới giao thông thông minh quốc gia (ITS). Hệ thống tập hợp đầy đủ các dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm: Dịch vụ quản lý xe buýt, hệ thống thẻ giao thông công cộng, hệ thống thu vé tự động, hệ thống phát thanh truyền hình giao thông, cảnh sát và Ủy ban Giao thông đường bộ (KoRoad) để giám sát và quản lý tất cả tình hình giao thông ở Seoul và cung cấp cho người sử dụng các thông tin cần thiết về tình trạng giao thông, thông tin về các tuyến xe bus, tàu điện ngầm,...

Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng phát triển các ứng dụng phần mềm như “Subway Navigation”, “Seoul bus” để người dùng có thể tìm kiếm thông tin về các tuyến xe, tàu cũng như hành trình di chuyển. Với xe ô tô cá nhân, trên xe hầu hết đều có đầu “Navigation” là thiết bị chỉ đường để tài xế dễ dàng chọn tuyến đường đi phù hợp với lộ trình và tình hình giao thông.

I. Thẻ giao thông T-money:

Với hệ thống giao thông công cộng thuận lợi và phủ rộng, việc thanh toán lại càng dễ dàng hơn khi tất cả những gì chúng ta cần là thẻ giao thông T-Money.



Thẻ T-Money được sử dụng rộng rãi trong việc thanh toán các loại vé xe bus, tàu điện ngầm, phí taxi và thậm chí có thể sử dụng để thanh toán ở các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, cửa hàng thức ăn nhanh,...

Chương 2. Phương tiện giao thông công cộng

Hệ thống giao thông ở Hàn Quốc được đánh giá là hiện đại và thông minh hàng đầu thế giới, tất cả thông tin về phương tiện giao thông đều được số hóa. Năm 2011, Hàn Quốc đã hoàn thành việc lắp đặt cáp quang Internet tốc độ cao trên 3.500km đường cao tốc, tạo nên một mạng lưới giao thông thông minh quốc gia (ITS). Hệ thống tập hợp đầy đủ các dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm: Dịch vụ quản lý xe buýt, hệ thống thẻ giao thông công cộng, hệ thống thu vé tự động, hệ thống phát thanh truyền hình giao thông, cảnh sát và Ủy ban Giao thông đường bộ (KoRoad) để giám sát và quản lý tất cả tình hình giao thông ở Seoul và cung cấp cho người sử dụng các thông tin cần thiết về tình trạng giao thông, thông tin về các tuyến xe bus, tàu điện ngầm,...

Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng phát triển các ứng dụng phần mềm như “Subway Navigation”, “Seoul bus” để người dùng có thể tìm kiếm thông tin về các tuyến xe, tàu cũng như hành trình di chuyển. Với xe ô tô cá nhân, trên xe hầu hết đều có đầu “Navigation” là thiết bị chỉ đường để tài xế dễ dàng chọn tuyến đường đi phù hợp với lộ trình và tình hình giao thông.

I. Thẻ giao thông T-money:

Với hệ thống giao thông công cộng thuận lợi và phủ rộng, việc thanh toán lại càng dễ dàng hơn khi tất cả những gì chúng ta cần là thẻ giao thông T-Money.



Thẻ T-Money được sử dụng rộng rãi trong việc thanh toán các loại vé xe bus, tàu điện ngầm, phí taxi và thậm chí có thể sử dụng để thanh toán ở các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, cửa hàng thức ăn nhanh,...

Sử dụng thẻ giao thông khi đi phương tiện giao thông công cộng sẽ có nhiều thuận lợi:

- Được giảm giá vé (giảm 100won so với sử dụng tiền mặt);
- Không phải mua vé mỗi lần đi tàu, xe;
- Thẻ giao thông có thể sử dụng để chuyển tàu, xe mà không mất thêm phí: chuyển từ xe bus sang xe bus (khác tuyến xe và trong thời gian quy định là 30 phút), chuyển từ xe bus sang tàu điện ngầm và ngược lại.

Có thể mua thẻ giao thông tại các nhà ga tàu điện ngầm hoặc các cửa hàng tiện lợi với giá từ 3000won (loại thông thường) đến 10.000won (loại có hình dạng đặc biệt). Thẻ sau khi mua cần phải nạp tiền mới có thể sử dụng. Số tiền trong thẻ sẽ được trừ dần mỗi khi sử dụng để đi tàu, xe hoặc thanh toán cho đến hết.

Ngoài ra, tính năng T-money còn được tích hợp trong thẻ ngân hàng và smartphone để tiện cho người sử dụng. Khi muốn sử dụng tính năng này, người dùng phải đăng ký với ngân hàng hoặc công ty cung cấp dịch vụ điện thoại. Nhiều người Hàn Quốc đăng ký dịch vụ này, nhưng đối với người nước ngoài thì hơi phức tạp. Do vậy, việc sở hữu một thẻ giao thông là thuận lợi và dễ quản lý nhất.

II. Các loại phương tiện giao thông công cộng:

1. Xe bus nội thành

Đây là phương tiện giao thông phổ biến và rẻ nhất. Loại xe bus này thông thường chỉ hoạt động trong khu vực nội thành, song cũng có thể đi đến các khu vực ngoại ô của thành phố đó.



Sử dụng thẻ giao thông khi đi phương tiện giao thông công cộng sẽ có nhiều thuận lợi:

- Được giảm giá vé (giảm 100won so với sử dụng tiền mặt);
- Không phải mua vé mỗi lần đi tàu, xe;
- Thẻ giao thông có thể sử dụng để chuyển tàu, xe mà không mất thêm phí: chuyển từ xe bus sang xe bus (khác tuyến xe và trong thời gian quy định là 30 phút), chuyển từ xe bus sang tàu điện ngầm và ngược lại.

Có thể mua thẻ giao thông tại các nhà ga tàu điện ngầm hoặc các cửa hàng tiện lợi với giá từ 3000won (loại thông thường) đến 10.000won (loại có hình dạng đặc biệt). Thẻ sau khi mua cần phải nạp tiền mới có thể sử dụng. Số tiền trong thẻ sẽ được trừ dần mỗi khi sử dụng để đi tàu, xe hoặc thanh toán cho đến hết.

Ngoài ra, tính năng T-money còn được tích hợp trong thẻ ngân hàng và smartphone để tiện cho người sử dụng. Khi muốn sử dụng tính năng này, người dùng phải đăng ký với ngân hàng hoặc công ty cung cấp dịch vụ điện thoại. Nhiều người Hàn Quốc đăng ký dịch vụ này, nhưng đối với người nước ngoài thì hơi phức tạp. Do vậy, việc sở hữu một thẻ giao thông là thuận lợi và dễ quản lý nhất.

II. Các loại phương tiện giao thông công cộng:

1. Xe bus nội thành

Đây là phương tiện giao thông phổ biến và rẻ nhất. Loại xe bus này thông thường chỉ hoạt động trong khu vực nội thành, song cũng có thể đi đến các khu vực ngoại ô của thành phố đó.



Người đi xe bus có thể trả tiền vé xe bằng tiền mặt khi lên xe thông qua máy thu tiền tự động đặt bên cạnh tài xế lái xe. Máy thu tiền có hai cửa để nhận tiền, một dành cho tiền giấy, một dành cho tiền xu. Máy sẽ nhận dạng và thông báo “Cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi” trong trường hợp bạn đã trả đủ tiền. Nếu người đi xe chưa trả đủ tiền hoặc cho tiền giấy vào bị nhàu nát, không thẳng nếp máy đẩy trả lại và thông báo “Đề nghị quý khách kiểm tra lại”. Nếu bạn nhét thừa tiền, người tài xế sẽ ấn nút trả lại tiền. Lưu ý không trả tiền vé xe bus bằng loại tiền mệnh giá lớn như 10.000 won và 50.000 won hoặc quá nhỏ như 10 won.

Người đi xe bus cũng có thể sử dụng thẻ giao thông để đi xe. Khi lên xe, người đi xe quét thẻ vào máy đọc thẻ gần khu vực cửa lên xe bus và quét thẻ khi xuống để thanh toán hoàn thành chuyến đi hoặc để được chuyển xe. Nếu không quét thẻ khi xuống xe thì sẽ bị trừ 02 lần số tiền vé ở lần đi tiếp theo và không được chuyển tàu, xe theo quy định.

Bạn có thể dùng thẻ của mình để trả tiền vé hộ người khác bằng cách đọc số lượng người bạn muốn trả hộ cho tài xế để họ xác nhận số lượng người trên máy đọc thẻ và khi đó bạn mới quét thẻ để thanh toán.

Ở các bên dừng đỗ xe bus hiện nay đều có trang bị bảng điện tử theo dõi thông tin xe để theo dõi điểm xe và thời gian di chuyển của các tuyến xe chạy qua điểm dừng đỗ này.

Khi sử dụng xe bus, lưu ý là lên ở cửa trước và xuống ở cửa sau; xếp hàng khi lên xe và bấm nút báo dừng xe khi sắp đến điểm dừng; tự giác trả tiền mặt hoặc quét thẻ khi lên/xuống xe. Hành vi trốn vé sẽ bị phạt gấp 30 lần tiền vé.

Xe bus nội thành có 3 loại:

Người đi xe bus có thể trả tiền vé xe bằng tiền mặt khi lên xe thông qua máy thu tiền tự động đặt bên cạnh tài xế lái xe. Máy thu tiền có hai cửa để nhận tiền, một dành cho tiền giấy, một dành cho tiền xu. Máy sẽ nhận dạng và thông báo “Cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi” trong trường hợp bạn đã trả đủ tiền. Nếu người đi xe chưa trả đủ tiền hoặc cho tiền giấy vào bị nhàu nát, không thẳng nếp máy đẩy trả lại và thông báo “Đề nghị quý khách kiểm tra lại”. Nếu bạn nhét thừa tiền, người tài xế sẽ ấn nút trả lại tiền. Lưu ý không trả tiền vé xe bus bằng loại tiền mệnh giá lớn như 10.000 won và 50.000 won hoặc quá nhỏ như 10 won.

Người đi xe bus cũng có thể sử dụng thẻ giao thông để đi xe. Khi lên xe, người đi xe quét thẻ vào máy đọc thẻ gần khu vực cửa lên xe bus và quét thẻ khi xuống để thanh toán hoàn thành chuyến đi hoặc để được chuyển xe. Nếu không quét thẻ khi xuống xe thì sẽ bị trừ 02 lần số tiền vé ở lần đi tiếp theo và không được chuyển tàu, xe theo quy định.

Bạn có thể dùng thẻ của mình để trả tiền vé hộ người khác bằng cách đọc số lượng người bạn muốn trả hộ cho tài xế để họ xác nhận số lượng người trên máy đọc thẻ và khi đó bạn mới quét thẻ để thanh toán.

Ở các bên dừng đỗ xe bus hiện nay đều có trang bị bảng điện tử theo dõi thông tin xe để theo dõi điểm xe và thời gian di chuyển của các tuyến xe chạy qua điểm dừng đỗ này.

Khi sử dụng xe bus, lưu ý là lên ở cửa trước và xuống ở cửa sau; xếp hàng khi lên xe và bấm nút báo dừng xe khi sắp đến điểm dừng; tự giác trả tiền mặt hoặc quét thẻ khi lên/xuống xe. Hành vi trốn vé sẽ bị phạt gấp 30 lần tiền vé.

Xe bus nội thành có 3 loại:

- Xe bus thông thường: chạy ở các tuyến phố, đường trục chính và dừng ở các bến xe bus theo lộ trình và kết nối các bến xe, tàu điện ngầm với nhau; Vé xe bus loại này khoảng 1200won/lượt khi sử dụng thẻ giao thông.

- Xe bus làng: là dạng xe bus nhỏ hơn chạy xung quanh làng hoặc tuyến đường nhỏ để đưa người đi từ các điểm mà xe bus thông thường không đến xuống các bến xe bus hoặc tàu điện ngầm ở tuyến đường chính. Xe bus làng có giá vé thấp nhất, khoảng 900won/lượt khi sử dụng thẻ giao thông.

Xe bus thông thường và xe bus làng thường chỉ có một số ít ghế và có khu vực ghế dành cho người già, ốm yếu và phụ nữ có thai. Khi lên xe lưu ý nhường ghế cho các đối tượng trên.

- Xe bus có ghế ngồi (liên tuyến): là tuyến xe bus chạy từ các thành phố vệ tinh vào trung tâm và chỉ dừng lại ở một số bến chính. Xe có chỗ ngồi cho hành khách nhưng không cố định cho khách. Vé xe bus này thường cao hơn hai loại trên, khoảng 1.700won/lượt.

Giá vé xe bus có thể có sự chênh lệch giữa các tỉnh. Khi đi vượt quá số km quy định (10km) thì phải trả thêm phí (100won cho 5km tiếp theo).

2. Xe bus liên tỉnh:

Xe bus liên tỉnh có hai loại là xe bus ngoại thành (시외버스) và xe bus cao tốc (고속버스) chạy các tuyến đường dài nối từ vùng, miền này với các vùng/ miền khác trong nước.



- Xe bus ngoại thành khi chạy từ tỉnh/thành này đến các tỉnh/thành khác chỉ dừng lại ở các bến xe ở các thành phố. Xe bus

- Xe bus thông thường: chạy ở các tuyến phố, đường trục chính và dừng ở các bến xe bus theo lộ trình và kết nối các bến xe, tàu điện ngầm với nhau; Vé xe bus loại này khoảng 1200won/lượt khi sử dụng thẻ giao thông.

- Xe bus làng: là dạng xe bus nhỏ hơn chạy xung quanh làng hoặc tuyến đường nhỏ để đưa người đi từ các điểm mà xe bus thông thường không đến xuống các bến xe bus hoặc tàu điện ngầm ở tuyến đường chính. Xe bus làng có giá vé thấp nhất, khoảng 900won/lượt khi sử dụng thẻ giao thông.

Xe bus thông thường và xe bus làng thường chỉ có một số ít ghế và có khu vực ghế dành cho người già, ốm yếu và phụ nữ có thai. Khi lên xe lưu ý nhường ghế cho các đối tượng trên.

- Xe bus có ghế ngồi (liên tuyến): là tuyến xe bus chạy từ các thành phố vệ tinh vào trung tâm và chỉ dừng lại ở một số bến chính. Xe có chỗ ngồi cho hành khách nhưng không cố định cho khách. Vé xe bus này thường cao hơn hai loại trên, khoảng 1.700won/lượt.

Giá vé xe bus có thể có sự chênh lệch giữa các tỉnh. Khi đi vượt quá số km quy định (10km) thì phải trả thêm phí (100won cho 5km tiếp theo).

2. Xe bus liên tỉnh:

Xe bus liên tỉnh có hai loại là xe bus ngoại thành (시외버스) và xe bus cao tốc (고속버스) chạy các tuyến đường dài nối từ vùng, miền này với các vùng/ miền khác trong nước.



- Xe bus ngoại thành khi chạy từ tỉnh/thành này đến các tỉnh/thành khác chỉ dừng lại ở các bến xe ở các thành phố. Xe bus

ngoại thành có 02 loại là loại thường (일반) và xe chạy thẳng (직행 hoặc 무정차); có tuyến chạy buổi ngày và tuyến chạy đêm, tuyến chạy đêm thường có giá vé đắt hơn chạy buổi ngày.

- Xe bus cao tốc là loại xe bus chạy liên tỉnh thông qua đường cao tốc, chỉ dừng đỗ ở các trạm nghỉ chân. Giá vé xe bus thường chia làm 2 loại là hạng phổ thông (일반) và hạng thương gia (우등) và tùy theo điểm đến.

Để mua vé xe bus liên tỉnh có thể đến mua trực tiếp tại bến xe hoặc mua trên website bán vé tàu, xe, hoặc cũng có thể dụng thẻ giao thông để thanh toán.

Xe bus liên tỉnh thường rất đúng giờ, thuận tiện, nhanh và có nhiều chuyến trong ngày nên cần phải xác định đúng tuyến xe và bến xe xuất phát.

Có 3 loại bến xe là: bến xe bus ngoại thành(시외버스터미널) chỉ có xe bus ngoại thành xuất bến; bến xe bus cao tốc (고속버스터미널) chỉ có xe bus cao tốc xuất bến và bến xe tổng hợp (종합버스터미널) gồm cả xe bus ngoại thành và xe bus cao tốc.

Khi có nhu cầu đi liên tỉnh, bạn phải kiểm tra thông tin chuyến đi, thông tin giờ xe, bến xe để đến đúng bến và đúng giờ, tránh việc đi nhầm bến xe, trễ giờ.

3. Tàu điện ngầm

Tàu điện ngầm là phương tiện giao thông công cộng rất hiện đại và thuận lợi. Hệ thống tàu điện ngầm của Hàn Quốc được cho rằng hiện đại và khoa học nhất thế giới.



ngoại thành có 02 loại là loại thường (일반) và xe chạy thẳng (직행 hoặc 무정차); có tuyến chạy buổi ngày và tuyến chạy đêm, tuyến chạy đêm thường có giá vé đắt hơn chạy buổi ngày.

- Xe bus cao tốc là loại xe bus chạy liên tỉnh thông qua đường cao tốc, chỉ dừng đỗ ở các trạm nghỉ chân. Giá vé xe bus thường chia làm 2 loại là hạng phổ thông (일반) và hạng thương gia (우등) và tùy theo điểm đến.

Để mua vé xe bus liên tỉnh có thể đến mua trực tiếp tại bến xe hoặc mua trên website bán vé tàu, xe, hoặc cũng có thể dụng thẻ giao thông để thanh toán.

Xe bus liên tỉnh thường rất đúng giờ, thuận tiện, nhanh và có nhiều chuyến trong ngày nên cần phải xác định đúng tuyến xe và bến xe xuất phát.

Có 3 loại bến xe là: bến xe bus ngoại thành(시외버스터미널) chỉ có xe bus ngoại thành xuất bến; bến xe bus cao tốc (고속버스터미널) chỉ có xe bus cao tốc xuất bến và bến xe tổng hợp (종합버스터미널) gồm cả xe bus ngoại thành và xe bus cao tốc.

Khi có nhu cầu đi liên tỉnh, bạn phải kiểm tra thông tin chuyến đi, thông tin giờ xe, bến xe để đến đúng bến và đúng giờ, tránh việc đi nhầm bến xe, trễ giờ.

3. Tàu điện ngầm

Tàu điện ngầm là phương tiện giao thông công cộng rất hiện đại và thuận lợi. Hệ thống tàu điện ngầm của Hàn Quốc được cho rằng hiện đại và khoa học nhất thế giới.



Tuy nhiên, hiện nay ở Hàn Quốc tàu điện ngầm chỉ có tại một số thành phố lớn như Seoul (9 tuyến và 9 tuyến đi các thành phố vệ tinh), Incheon, Busan (4 tuyến và 1 tuyến ngoại ô), Daegu (2 tuyến), Daejeon (1 tuyến), Kwangju (1 tuyến).

Tàu điện ngầm hoạt động liên tục từ 5h30 sáng đến 24h00, đúng giờ, thuận tiện và giá vé rẻ khoảng 1250won/lượt, tùy theo quãng đường đi thì sẽ cộng thêm tiền vé (thường là vượt 10km tính thêm 100won cho mỗi 5km tiếp theo).

Để sử dụng tàu điện ngầm thì cần có thẻ giao thông và bản đồ tàu điện ngầm (지하철노선도). Các tuyến đường tàu được đánh số thứ tự và màu sắc khác nhau. Trên bản đồ, chọn điểm đi và điểm đến thì sẽ xác định được tuyến đường đi, các tuyến tàu và điểm đổi tàu. Bản đồ tàu điện ngầm có thể xin ở các nhà ga tàu điện ngầm hoặc có thể tải ứng dụng về điện thoại để sử dụng.

Trong trường hợp không có thẻ giao thông, có thể mua vé lẻ tại máy bán vé tự động đặt tại các ga tàu điện ngầm. Chỉ cần nhập tên vị trí bạn đang đứng và vị trí muốn đến, máy sẽ cung cấp cho bạn thông tin tuyến tàu mà bạn cần cũng như số tiền vé phải trả.



Khi mua vé lẻ bạn sẽ phải đặt cọc 500won cho thẻ nhựa. Sau khi hoàn thành chuyến đi, mang thẻ nhựa đến máy hoàn tiền (được để cạnh máy bán vé) để trả thẻ nhựa và nhận lại tiền đặt cọc.

Trong nhà ga và trên tàu điện ngầm có bảng hướng dẫn và hệ thống loa thông báo bằng 4 thứ tiếng: Hàn, Anh, Nhật, Trung. Theo

Tuy nhiên, hiện nay ở Hàn Quốc tàu điện ngầm chỉ có tại một số thành phố lớn như Seoul (9 tuyến và 9 tuyến đi các thành phố vệ tinh), Incheon, Busan (4 tuyến và 1 tuyến ngoại ô), Daegu (2 tuyến), Daejeon (1 tuyến), Kwangju (1 tuyến).

Tàu điện ngầm hoạt động liên tục từ 5h30 sáng đến 24h00, đúng giờ, thuận tiện và giá vé rẻ khoảng 1250won/lượt, tùy theo quãng đường đi thì sẽ cộng thêm tiền vé (thường là vượt 10km tính thêm 100won cho mỗi 5km tiếp theo).

Để sử dụng tàu điện ngầm thì cần có thẻ giao thông và bản đồ tàu điện ngầm (지하철노선도). Các tuyến đường tàu được đánh số thứ tự và màu sắc khác nhau. Trên bản đồ, chọn điểm đi và điểm đến thì sẽ xác định được tuyến đường đi, các tuyến tàu và điểm đổi tàu. Bản đồ tàu điện ngầm có thể xin ở các nhà ga tàu điện ngầm hoặc có thể tải ứng dụng về điện thoại để sử dụng.

Trong trường hợp không có thẻ giao thông, có thể mua vé lẻ tại máy bán vé tự động đặt tại các ga tàu điện ngầm. Chỉ cần nhập tên vị trí bạn đang đứng và vị trí muốn đến, máy sẽ cung cấp cho bạn thông tin tuyến tàu mà bạn cần cũng như số tiền vé phải trả.



Khi mua vé lẻ bạn sẽ phải đặt cọc 500won cho thẻ nhựa. Sau khi hoàn thành chuyến đi, mang thẻ nhựa đến máy hoàn tiền (được để cạnh máy bán vé) để trả thẻ nhựa và nhận lại tiền đặt cọc.

Trong nhà ga và trên tàu điện ngầm có bảng hướng dẫn và hệ thống loa thông báo bằng 4 thứ tiếng: Hàn, Anh, Nhật, Trung. Theo

dõi ga đến được phát trên loa hoặc trên bảng điện tử để đến đúng nơi mong muốn. Quẹt thẻ giao thông hoặc vé lẻ khi vào/ra khu vực lên/xuống tàu.

4. Taxi

Taxi ở Hàn Quốc rất thông dụng, sạch sẽ, an toàn và giá phải chăng, tuy nhiên đắt hơn so với việc sử dụng xe bus, đặc biệt vào giờ tan tầm. Có thể dùng điện thoại để đặt taxi và giá sẽ đắt hơn so với việc gọi xe ở khu vực đợi taxi (thường ở các khu Trung tâm thương mại) hoặc xe đang chạy ngoài đường.



Các taxi không có khách sẽ hiện đèn màu đỏ trên biển gắn ở khu vực kính chắn gió phía trước hoặc đèn trên nóc xe bật sáng. Tiền cước taxi có thể trả bằng tiền mặt hoặc thanh toán qua thẻ ngân hàng, thẻ giao thông.

Có hai loại taxi ở Hàn Quốc là taxi thông thường có giá rẻ hơn (giá vé mở cửa khoảng 3.000won) và thường có màu vàng, trắng,; và taxi cao cấp (모범) có màu đen với ký hiệu màu vàng ở trên nóc xe và hàng chữ *taxi cao cấp* được viết hai bên hông xe. Dịch vụ tốt, chỗ ngồi rộng rãi, giá cả cao hơn taxi thông thường.

Hành khách ngồi trên xe buộc phải thắt dây an toàn. Các trường hợp không thắt dây an toàn có thể bị phạt 30.000 won.

Khi đi taxi có vấn đề, có thể phản ánh đến số điện thoại 120 và nhớ ghi lại thời điểm, địa điểm xảy ra sự việc, biển số xe. Lái xe có thể bị phạt tiền và bấm lỗ phạm lỗi vào thẻ hành nghề taxi.

dõi ga đến được phát trên loa hoặc trên bảng điện tử để đến đúng nơi mong muốn. Quẹt thẻ giao thông hoặc vé lẻ khi vào/ra khu vực lên/xuống tàu.

4. Taxi

Taxi ở Hàn Quốc rất thông dụng, sạch sẽ, an toàn và giá phải chăng, tuy nhiên đắt hơn so với việc sử dụng xe bus, đặc biệt vào giờ tan tầm. Có thể dùng điện thoại để đặt taxi và giá sẽ đắt hơn so với việc gọi xe ở khu vực đợi taxi (thường ở các khu Trung tâm thương mại) hoặc xe đang chạy ngoài đường.



Các taxi không có khách sẽ hiện đèn màu đỏ trên biển gắn ở khu vực kính chắn gió phía trước hoặc đèn trên nóc xe bật sáng. Tiền cước taxi có thể trả bằng tiền mặt hoặc thanh toán qua thẻ ngân hàng, thẻ giao thông.

Có hai loại taxi ở Hàn Quốc là taxi thông thường có giá rẻ hơn (giá vé mở cửa khoảng 3.000won) và thường có màu vàng, trắng,; và taxi cao cấp (모범) có màu đen với ký hiệu màu vàng ở trên nóc xe và hàng chữ *taxi cao cấp* được viết hai bên hông xe. Dịch vụ tốt, chỗ ngồi rộng rãi, giá cả cao hơn taxi thông thường.

Hành khách ngồi trên xe buộc phải thắt dây an toàn. Các trường hợp không thắt dây an toàn có thể bị phạt 30.000 won.

Khi đi taxi có vấn đề, có thể phản ánh đến số điện thoại 120 và nhớ ghi lại thời điểm, địa điểm xảy ra sự việc, biển số xe. Lái xe có thể bị phạt tiền và bấm lỗ phạm lỗi vào thẻ hành nghề taxi.

5. Xe lửa – tàu hỏa

Xe lửa là một trong những phương tiện giao thông thuận lợi nhất khi sử dụng để di chuyển và là phương tiện giao thông nhanh thứ hai sau máy bay.

Các tuyến và các trạm đều được liên kết với hệ thống xe bus và tàu điện ngầm nên rất thuận tiện trong việc chuyển tàu, chuyển xe.

Lịch trình của xe lửa rất ổn định, không bị ảnh hưởng bởi tình trạng giao thông chung nên thường rất đúng giờ.

Hiện nay Hàn Quốc có một số loại tàu như sau: tàu cao tốc KTX, tàu ITX, tàu Se-ma-ul (새마을), tàu Mu-kung-hwa (무궁화).

Vé tàu được mua tại các nhà ga tàu hoặc đặt mua qua website bán vé tàu. Tàu chạy rất đúng giờ nên cần đến sớm trước giờ lên tàu 10 phút để không bị lỡ tàu.

Có 04 loại vé được bán cho khách sử dụng tàu hỏa tại Hàn Quốc gồm:

- Vé loại đặc biệt (우등석): Là loại vé đắt nhất; hành khách được phục vụ trong khoang đặc biệt trên tàu, có chỗ ngồi rộng rãi và riêng tư.

- Vé thường (일반석): là loại vé phổ thông được bán chủ yếu cho hành khách sử dụng dịch vụ, giá vé rẻ hơn so với loại trên.

- Vé tự do (자유석): Là loại vé được bán vào các ngày thường, người mua vé có thể sử dụng chỗ ngồi tự do trên tàu, hoặc ngồi vào những ghế trống khi chưa có khách. Giá vé rẻ hơn 5% so với giá vé thường.

- Vé đứng (입석): được bán vào những ngày cuối tuần hoặc ngày lễ (khi không bán vé tự do) và khi đã bán hết các loại vé khác. Giá vé rẻ hơn 15% so với giá vé thường.

5. Xe lửa – tàu hỏa

Xe lửa là một trong những phương tiện giao thông thuận lợi nhất khi sử dụng để di chuyển và là phương tiện giao thông nhanh thứ hai sau máy bay.

Các tuyến và các trạm đều được liên kết với hệ thống xe bus và tàu điện ngầm nên rất thuận tiện trong việc chuyển tàu, chuyển xe.

Lịch trình của xe lửa rất ổn định, không bị ảnh hưởng bởi tình trạng giao thông chung nên thường rất đúng giờ.

Hiện nay Hàn Quốc có một số loại tàu như sau: tàu cao tốc KTX, tàu ITX, tàu Se-ma-ul (새마을), tàu Mu-kung-hwa (무궁화).

Vé tàu được mua tại các nhà ga tàu hoặc đặt mua qua website bán vé tàu. Tàu chạy rất đúng giờ nên cần đến sớm trước giờ lên tàu 10 phút để không bị lỡ tàu.

Có 04 loại vé được bán cho khách sử dụng tàu hỏa tại Hàn Quốc gồm:

- Vé loại đặc biệt (우등석): Là loại vé đắt nhất; hành khách được phục vụ trong khoang đặc biệt trên tàu, có chỗ ngồi rộng rãi và riêng tư.

- Vé thường (일반석): là loại vé phổ thông được bán chủ yếu cho hành khách sử dụng dịch vụ, giá vé rẻ hơn so với loại trên.

- Vé tự do (자유석): Là loại vé được bán vào các ngày thường, người mua vé có thể sử dụng chỗ ngồi tự do trên tàu, hoặc ngồi vào những ghế trống khi chưa có khách. Giá vé rẻ hơn 5% so với giá vé thường.

- Vé đứng (입석): được bán vào những ngày cuối tuần hoặc ngày lễ (khi không bán vé tự do) và khi đã bán hết các loại vé khác. Giá vé rẻ hơn 15% so với giá vé thường.

Chương 3. Các dịch vụ khác

I. Dịch vụ viễn thông

1. Điện thoại công cộng

Khi mới sang Hàn Quốc, chưa có điện thoại, người lao động có thể sử dụng điện thoại công cộng để liên lạc trong phạm vi Hàn Quốc và đi quốc tế. Các bộ điện thoại công cộng phải sử dụng tiền xu hoặc thẻ điện thoại. Khi sử dụng, máy sẽ hiển thị số tiền đã cho vào, hoặc số tiền có trong thẻ.

Để liên lạc quốc tế, bạn cần mua thẻ gọi điện thoại quốc tế. Cách sử dụng thẻ được hướng dẫn cụ thể ở mặt sau của thẻ bằng nhiều thứ tiếng. Hiện nay có rất nhiều nơi bán thẻ điện thoại có hướng dẫn bằng tiếng Việt cho người Việt Nam. Mã số quốc gia của Việt Nam là: +84.

2. Điện thoại thuê bao

Sau khi nhận được giấy chứng minh người nước ngoài, người lao động có thể đăng ký sử dụng điện thoại cố định và điện thoại di động. Tuy nhiên, bạn chỉ có thể dùng số đăng ký người nước ngoài của mình để đăng ký cho một đầu số. Ở Hàn Quốc hiện nay, có ba nhà mạng là SKT (Olleh), KTF, LG U.



Khi đăng ký mua máy và hòa mạng, cần mang theo giấy chứng minh người nước ngoài, sổ tài khoản ngân hàng. Trong trường hợp bạn đăng ký thuê bao trả sau, nhất thiết phải cung cấp số tài khoản ngân hàng của mình để nhà cung cấp dịch vụ tự động trừ tiền trong

Chương 3. Các dịch vụ khác

I. Dịch vụ viễn thông

1. Điện thoại công cộng

Khi mới sang Hàn Quốc, chưa có điện thoại, người lao động có thể sử dụng điện thoại công cộng để liên lạc trong phạm vi Hàn Quốc và đi quốc tế. Các bộ điện thoại công cộng phải sử dụng tiền xu hoặc thẻ điện thoại. Khi sử dụng, máy sẽ hiển thị số tiền đã cho vào, hoặc số tiền có trong thẻ.

Để liên lạc quốc tế, bạn cần mua thẻ gọi điện thoại quốc tế. Cách sử dụng thẻ được hướng dẫn cụ thể ở mặt sau của thẻ bằng nhiều thứ tiếng. Hiện nay có rất nhiều nơi bán thẻ điện thoại có hướng dẫn bằng tiếng Việt cho người Việt Nam. Mã số quốc gia của Việt Nam là: +84.

2. Điện thoại thuê bao

Sau khi nhận được giấy chứng minh người nước ngoài, người lao động có thể đăng ký sử dụng điện thoại cố định và điện thoại di động. Tuy nhiên, bạn chỉ có thể dùng số đăng ký người nước ngoài của mình để đăng ký cho một đầu số. Ở Hàn Quốc hiện nay, có ba nhà mạng là SKT (Olleh), KTF, LG U.



Khi đăng ký mua máy và hòa mạng, cần mang theo giấy chứng minh người nước ngoài, sổ tài khoản ngân hàng. Trong trường hợp bạn đăng ký thuê bao trả sau, nhất thiết phải cung cấp số tài khoản ngân hàng của mình để nhà cung cấp dịch vụ tự động trừ tiền trong

tài khoản của chủ thuê bao. Đối với thuê bao trả trước, hàng tháng mỗi tuần hoặc mỗi khi hết tiền, bạn trực tiếp ra cửa hàng điện thoại để nạp tiền. Giá cước cuộc gọi của thuê bao trả trước thường đắt tiền hơn thuê bao trả sau.

Hiện nay, điện thoại thông minh (smart phone) ngày càng phổ biến trên thị trường. Ngoài việc mua đứt máy thì có thể mua bằng hình thức trả góp.

Khi mua trả góp, chủ thuê bao phải cam kết sử dụng điện thoại kèm gói cước trả sau trong thời gian 24 tháng. Tiền mua máy sẽ được chia đều theo số tháng mà bạn đăng ký, cộng với phí điện thoại và phí dịch vụ khác, nên thông thường số tiền mà bạn phải trả một tháng thường giao động từ 50.000W đến 70.000W. Gói cước trả sau thông thường bao gồm dữ liệu data và số phút cuộc gọi miễn phí nhất định.

Khi đăng ký, các bạn chú ý đọc kỹ các phần điều khoản trong hợp đồng. Ngoài ra các bạn có thể đăng ký các dịch vụ khác như: phí mất máy, dịch vụ cung cấp tin nhắn và số điện thoại gọi nhớ trong khi điện thoại di động tắt.

Trước khi về nước, người lao động cần phải đến cửa hàng điện thoại của nhà mạng bạn đăng ký để tiến hành làm thủ tục ngưng sử dụng dịch vụ và trả số tiền còn thiếu (nếu có).

*** *Gọi điện thoại quốc tế từ số điện thoại di động ở Hàn Quốc:***

- Gọi trực tiếp: 001/002/006 + mã quốc gia (84) + số điện thoại cần gọi.

(001/002/006 lần lượt là mã gọi đi quốc tế của nhà mạng KT, LG và SK).

- Gọi qua tổng đài điện thoại quốc tế với chi phí rẻ:

Bấm số 00350 /00380+ mã quốc gia (84) + số điện thoại cần gọi.

tài khoản của chủ thuê bao. Đối với thuê bao trả trước, hàng tháng mỗi tuần hoặc mỗi khi hết tiền, bạn trực tiếp ra cửa hàng điện thoại để nạp tiền. Giá cước cuộc gọi của thuê bao trả trước thường đắt tiền hơn thuê bao trả sau.

Hiện nay, điện thoại thông minh (smart phone) ngày càng phổ biến trên thị trường. Ngoài việc mua đứt máy thì có thể mua bằng hình thức trả góp.

Khi mua trả góp, chủ thuê bao phải cam kết sử dụng điện thoại kèm gói cước trả sau trong thời gian 24 tháng. Tiền mua máy sẽ được chia đều theo số tháng mà bạn đăng ký, cộng với phí điện thoại và phí dịch vụ khác, nên thông thường số tiền mà bạn phải trả một tháng thường giao động từ 50.000W đến 70.000W. Gói cước trả sau thông thường bao gồm dữ liệu data và số phút cuộc gọi miễn phí nhất định.

Khi đăng ký, các bạn chú ý đọc kỹ các phần điều khoản trong hợp đồng. Ngoài ra các bạn có thể đăng ký các dịch vụ khác như: phí mất máy, dịch vụ cung cấp tin nhắn và số điện thoại gọi nhớ trong khi điện thoại di động tắt.

Trước khi về nước, người lao động cần phải đến cửa hàng điện thoại của nhà mạng bạn đăng ký để tiến hành làm thủ tục ngưng sử dụng dịch vụ và trả số tiền còn thiếu (nếu có).

*** *Gọi điện thoại quốc tế từ số điện thoại di động ở Hàn Quốc:***

- Gọi trực tiếp: 001/002/006 + mã quốc gia (84) + số điện thoại cần gọi.

(001/002/006 lần lượt là mã gọi đi quốc tế của nhà mạng KT, LG và SK).

- Gọi qua tổng đài điện thoại quốc tế với chi phí rẻ:

Bấm số 00350 /00380+ mã quốc gia (84) + số điện thoại cần gọi.

3. Dịch vụ internet:

Hàn Quốc là quốc gia có tốc độ internet nhanh nhất thế giới và phủ khắp. 94% người dân Hàn Quốc truy cập internet. Có rất nhiều điểm truy cập wifi miễn phí ở Hàn Quốc như sân bay, tàu điện ngầm, quán café,...

Có thể đăng ký sử dụng internet qua các nhà mạng KTT, SKT, LG U+... đồng thời đăng ký dịch vụ truyền hình kỹ thuật số với nhiều kênh truyền hình của các nhà đài SBS, MBC, KBS,...

II. Mua sắm tại Hàn Quốc

1. Tiệm tạp hóa

Là các tiệm bán hàng tạp hóa truyền thống giống như ở Việt Nam. Giá cả ở các cửa hàng này rẻ hơn so với ở cửa hàng tiện ích nhưng hàng hóa không phong phú. Các tiệm tạp hóa thường có ở các khu dân cư, có cửa hàng bán hàng chuyên biệt (cửa hàng bán thịt, cửa hàng bán rau quả, ...), có cửa hàng bán tổng hợp đa dạng nhiều món hàng.

Ở nông thôn, các tiệm tạp hóa đóng vai trò quan trọng là nhà cung cấp hàng hóa chính cho vùng nông thôn. Lợi thế của các cửa tiệm tạp hóa thường là ở gần nhà dễ tìm, đồ tươi, thái độ nhân viên bán hàng thân thiện.

2. Cửa hàng tiện ích

Có rất nhiều hệ thống cửa hàng tiện ích ở Hàn Quốc, ví dụ như: 24 giờ, 7 – eleven, CU, Family mart... Cửa hàng tiện ích có rất nhiều ở các thành phố, đặc biệt là khu đông dân cư, nhưng thưa thớt tại các vùng nông thôn hẻo lánh.

Giá cả của các loại hàng hóa trong cửa hàng tiện ích thường nhỉnh hơn so với các cửa hàng tạp hóa và siêu thị. Mặt hàng chủ yếu tập trung vào đồ uống đóng lon, đồ ăn nhanh, thuốc lá, vật dụng bỏ

3. Dịch vụ internet:

Hàn Quốc là quốc gia có tốc độ internet nhanh nhất thế giới và phủ khắp. 94% người dân Hàn Quốc truy cập internet. Có rất nhiều điểm truy cập wifi miễn phí ở Hàn Quốc như sân bay, tàu điện ngầm, quán café,...

Có thể đăng ký sử dụng internet qua các nhà mạng KTT, SKT, LG U+... đồng thời đăng ký dịch vụ truyền hình kỹ thuật số với nhiều kênh truyền hình của các nhà đài SBS, MBC, KBS,...

II. Mua sắm tại Hàn Quốc

1. Tiệm tạp hóa

Là các tiệm bán hàng tạp hóa truyền thống giống như ở Việt Nam. Giá cả ở các cửa hàng này rẻ hơn so với ở cửa hàng tiện ích nhưng hàng hóa không phong phú. Các tiệm tạp hóa thường có ở các khu dân cư, có cửa hàng bán hàng chuyên biệt (cửa hàng bán thịt, cửa hàng bán rau quả, ...), có cửa hàng bán tổng hợp đa dạng nhiều món hàng.

Ở nông thôn, các tiệm tạp hóa đóng vai trò quan trọng là nhà cung cấp hàng hóa chính cho vùng nông thôn. Lợi thế của các cửa tiệm tạp hóa thường là ở gần nhà dễ tìm, đồ tươi, thái độ nhân viên bán hàng thân thiện.

2. Cửa hàng tiện ích

Có rất nhiều hệ thống cửa hàng tiện ích ở Hàn Quốc, ví dụ như: 24 giờ, 7 – eleven, CU, Family mart... Cửa hàng tiện ích có rất nhiều ở các thành phố, đặc biệt là khu đông dân cư, nhưng thưa thớt tại các vùng nông thôn hẻo lánh.

Giá cả của các loại hàng hóa trong cửa hàng tiện ích thường nhỉnh hơn so với các cửa hàng tạp hóa và siêu thị. Mặt hàng chủ yếu tập trung vào đồ uống đóng lon, đồ ăn nhanh, thuốc lá, vật dụng bỏ

túi, quà tặng,... Thường trong các cửa hàng tiện ích đều có lò vi sóng, bình nước nóng, bàn ghế để khách hàng ăn uống ngay tại chỗ. Cửa hàng tiện ích thường mở đến 2,3 giờ sáng, có những cửa hàng phục vụ 24/7 để phục vụ khách.

Ghi chú: có thể mua thẻ giao thông và nạp tiền tại các cửa hàng tiện ích.

3. Hệ thống siêu thị

Ở Hàn Quốc có hai hệ thống siêu thị lớn là Emart và Homeplus. Siêu thị Emart thuộc tập đoàn Lotte nên nó thường được đặt bên cạnh các trung tâm mua sắm của Lotte. Cả Homeplus và Emart đều có từ 2-3 chi nhánh trong mỗi thành phố, và phân bố rộng rãi trong toàn quốc. Hàng hóa của hai hệ thống siêu thị này rất phong phú, giá cả lại phải chăng và có nhiều khuyến mãi.



Trong siêu thị Homeplus có bán cả những sản phẩm mang nhãn hiệu Homeplus, giá cả thường rẻ hơn những nơi khác và có chế độ giảm giá bán thực phẩm vào cuối ngày, thường bắt đầu từ 8 giờ tối cho đến 12 giờ đêm, chia làm 2~3 lượt.

Cả hai hệ thống siêu thị này hiện đều có các quầy tự phục vụ thanh toán. Nếu hàng hóa của các bạn ít và muốn thanh toán nhanh thì các bạn có thể ra quầy tự phục vụ thanh toán, tự cầm máy đọc mã vạch, trả tiền vào máy theo đúng như hướng dẫn trên màn hình và của nhân viên siêu thị.

túi, quà tặng,... Thường trong các cửa hàng tiện ích đều có lò vi sóng, bình nước nóng, bàn ghế để khách hàng ăn uống ngay tại chỗ. Cửa hàng tiện ích thường mở đến 2,3 giờ sáng, có những cửa hàng phục vụ 24/7 để phục vụ khách.

Ghi chú: có thể mua thẻ giao thông và nạp tiền tại các cửa hàng tiện ích.

3. Hệ thống siêu thị

Ở Hàn Quốc có hai hệ thống siêu thị lớn là Emart và Homeplus. Siêu thị Emart thuộc tập đoàn Lotte nên nó thường được đặt bên cạnh các trung tâm mua sắm của Lotte. Cả Homeplus và Emart đều có từ 2-3 chi nhánh trong mỗi thành phố, và phân bố rộng rãi trong toàn quốc. Hàng hóa của hai hệ thống siêu thị này rất phong phú, giá cả lại phải chăng và có nhiều khuyến mãi.



Trong siêu thị Homeplus có bán cả những sản phẩm mang nhãn hiệu Homeplus, giá cả thường rẻ hơn những nơi khác và có chế độ giảm giá bán thực phẩm vào cuối ngày, thường bắt đầu từ 8 giờ tối cho đến 12 giờ đêm, chia làm 2~3 lượt.

Cả hai hệ thống siêu thị này hiện đều có các quầy tự phục vụ thanh toán. Nếu hàng hóa của các bạn ít và muốn thanh toán nhanh thì các bạn có thể ra quầy tự phục vụ thanh toán, tự cầm máy đọc mã vạch, trả tiền vào máy theo đúng như hướng dẫn trên màn hình và của nhân viên siêu thị.

4. Trung tâm mua sắm

Các trung tâm mua sắm thường tập trung ở Seoul, Busan và các thành phố lớn khác. Những thành phố như Gwangju, DaeJeon thường có 2~3 khu mua sắm, trong khi đó ở Seoul và Busan, con số này cao gấp mấy lần.

Trong các trung tâm mua sắm, các khu mua sắm, ngoài các cửa hàng riêng của các hãng lớn nhỏ, thường có một hai tòa nhà lớn làm trung tâm của cả khu. Thông thường, đó là các tòa nhà của Lotte, Miliore. Trong đó, Lotte rất nổi tiếng với hệ thống siêu thị Emart, hệ thống bách hóa Lotte Department Store, Lotte Duty Free, Lotte Mart. Các trung tâm mua sắm này thường được đặt bên cạnh các khu vực đông dân cư và khu vui chơi (Ví dụ: khu Myeongdong ở Seoul, khu vực đại học HongIk ở Seoul) và gần các bến xe nhà ga nhiều hành khách qua lại (Ví dụ: bến xe cao tốc Sasang của Busan, nhà ga tàu hỏa của Seoul...).

Sản phẩm được bán trong các trung tâm mua sắm thường đa dạng, nhưng giá cao. Tuy nhiên, các trung tâm mua sắm thường có những đợt giảm giá theo mùa. Và ở đây, bạn có thể dễ dàng tìm thấy các loại quần áo, túi xách thời trang nổi tiếng của chính hãng cũng như hàng nhái (Ví dụ: khu chợ Dongdaemun).

5. Chợ truyền thống:

Các chợ của Hàn Quốc thường ở ngoại thành và một số khu chợ truyền thống trong nội thành. Có một số chợ họp theo phiên (Ví dụ: chỉ mở vào các ngày có các chữ số 2,4,7); có một số chợ mở thường xuyên. Ở một số chợ, người nông dân trực tiếp vận chuyển nông sản của mình lên bán, nên giá nông sản rất rẻ. Có một số tiệm làm bánh, làm kim chi, lá kim và rong biển để bán nên đồ tươi và rẻ hơn so với siêu thị. Chợ truyền thống thích hợp với những ai tự nấu vì thức ăn đa dạng và rẻ.

4. Trung tâm mua sắm

Các trung tâm mua sắm thường tập trung ở Seoul, Busan và các thành phố lớn khác. Những thành phố như Gwangju, DaeJeon thường có 2~3 khu mua sắm, trong khi đó ở Seoul và Busan, con số này cao gấp mấy lần.

Trong các trung tâm mua sắm, các khu mua sắm, ngoài các cửa hàng riêng của các hãng lớn nhỏ, thường có một hai tòa nhà lớn làm trung tâm của cả khu. Thông thường, đó là các tòa nhà của Lotte, Miliore. Trong đó, Lotte rất nổi tiếng với hệ thống siêu thị Emart, hệ thống bách hóa Lotte Department Store, Lotte Duty Free, Lotte Mart. Các trung tâm mua sắm này thường được đặt bên cạnh các khu vực đông dân cư và khu vui chơi (Ví dụ: khu Myeongdong ở Seoul, khu vực đại học HongIk ở Seoul) và gần các bến xe nhà ga nhiều hành khách qua lại (Ví dụ: bến xe cao tốc Sasang của Busan, nhà ga tàu hỏa của Seoul...).

Sản phẩm được bán trong các trung tâm mua sắm thường đa dạng, nhưng giá cao. Tuy nhiên, các trung tâm mua sắm thường có những đợt giảm giá theo mùa. Và ở đây, bạn có thể dễ dàng tìm thấy các loại quần áo, túi xách thời trang nổi tiếng của chính hãng cũng như hàng nhái (Ví dụ: khu chợ Dongdaemun).

5. Chợ truyền thống:

Các chợ của Hàn Quốc thường ở ngoại thành và một số khu chợ truyền thống trong nội thành. Có một số chợ họp theo phiên (Ví dụ: chỉ mở vào các ngày có các chữ số 2,4,7); có một số chợ mở thường xuyên. Ở một số chợ, người nông dân trực tiếp vận chuyển nông sản của mình lên bán, nên giá nông sản rất rẻ. Có một số tiệm làm bánh, làm kim chi, lá kim và rong biển để bán nên đồ tươi và rẻ hơn so với siêu thị. Chợ truyền thống thích hợp với những ai tự nấu vì thức ăn đa dạng và rẻ.

6. Mua hàng qua mạng Internet

Hiện nay, ở Hàn Quốc có rất nhiều trang web bán hàng trên mạng, phổ biến nhất là gmarket.co.kr; auction.co.kr; 11st.co.kr... Ngoài ra còn có nhiều website bán hàng riêng biệt nhỏ lẻ của các shop, các cửa hàng nhỏ.

Để có thể mua hàng qua mạng, bạn cần phải có tài khoản ngân hàng và đăng ký Internet banking. Sau đó bạn đăng ký thành viên của trang web bạn muốn mua bằng chính tên thật và số giấy chứng minh người nước ngoài của mình. Bạn cần điền đầy đủ thông tin liên lạc như địa chỉ (để nhận hàng) hay số điện thoại (để liên hệ).

Thanh toán qua mạng ở Hàn Quốc rất an toàn và tiện lợi. Thời gian chuyển hàng thường chỉ mất 2~3 ngày; Nếu bạn mua hàng ở trong khu vực Seoul và tỉnh Gyeonggi thì có thể nhận hàng trong ngày. Bạn có thể mua được hàng rẻ hơn ở cửa hàng, nhưng cũng có thể mua phải đồ kém chất lượng nên trước khi mua cần suy nghĩ và quan sát thật kỹ.

III. Dịch vụ ngân hàng

Việc giao dịch ngân hàng khi sống ở Hàn Quốc là điều rất cần thiết vì tất cả các công ty sẽ trả lương cho người lao động vào tài khoản ngân hàng, đồng thời trong sinh hoạt hàng ngày, đa số người dân Hàn Quốc dùng thẻ để thanh toán. Loại hình ngân hàng có nhiều dịch vụ đa dạng, có thể sử dụng thuận tiện như gửi tiết kiệm, rút tiền, chuyển tiền, đổi tiền,..

1. Tài khoản ngân hàng:

Để gửi tiền ở ngân hàng và quản lý thuận tiện, trước tiên bạn phải làm sổ ngân hàng, hay còn được gọi là mở tài khoản. Để mở tài khoản, bạn cần mang theo Thẻ người nước ngoài đến và điền đầy đủ thông tin vào mẫu đơn đăng ký của ngân hàng (họ tên, số chứng minh từ người nước ngoài, địa chỉ, số điện thoại, đồng ý với các điều khoản ...), nhập mã số gồm 4 chữ số và một chữ ký mẫu.

6. Mua hàng qua mạng Internet

Hiện nay, ở Hàn Quốc có rất nhiều trang web bán hàng trên mạng, phổ biến nhất là gmarket.co.kr; auction.co.kr; 11st.co.kr... Ngoài ra còn có nhiều website bán hàng riêng biệt nhỏ lẻ của các shop, các cửa hàng nhỏ.

Để có thể mua hàng qua mạng, bạn cần phải có tài khoản ngân hàng và đăng ký Internet banking. Sau đó bạn đăng ký thành viên của trang web bạn muốn mua bằng chính tên thật và số giấy chứng minh người nước ngoài của mình. Bạn cần điền đầy đủ thông tin liên lạc như địa chỉ (để nhận hàng) hay số điện thoại (để liên hệ).

Thanh toán qua mạng ở Hàn Quốc rất an toàn và tiện lợi. Thời gian chuyển hàng thường chỉ mất 2~3 ngày; Nếu bạn mua hàng ở trong khu vực Seoul và tỉnh Gyeonggi thì có thể nhận hàng trong ngày. Bạn có thể mua được hàng rẻ hơn ở cửa hàng, nhưng cũng có thể mua phải đồ kém chất lượng nên trước khi mua cần suy nghĩ và quan sát thật kỹ.

III. Dịch vụ ngân hàng

Việc giao dịch ngân hàng khi sống ở Hàn Quốc là điều rất cần thiết vì tất cả các công ty sẽ trả lương cho người lao động vào tài khoản ngân hàng, đồng thời trong sinh hoạt hàng ngày, đa số người dân Hàn Quốc dùng thẻ để thanh toán. Loại hình ngân hàng có nhiều dịch vụ đa dạng, có thể sử dụng thuận tiện như gửi tiết kiệm, rút tiền, chuyển tiền, đổi tiền,..

1. Tài khoản ngân hàng:

Để gửi tiền ở ngân hàng và quản lý thuận tiện, trước tiên bạn phải làm sổ ngân hàng, hay còn được gọi là mở tài khoản. Để mở tài khoản, bạn cần mang theo Thẻ người nước ngoài đến và điền đầy đủ thông tin vào mẫu đơn đăng ký của ngân hàng (họ tên, số chứng minh từ người nước ngoài, địa chỉ, số điện thoại, đồng ý với các điều khoản ...), nhập mã số gồm 4 chữ số và một chữ ký mẫu.

Thông thường, sau khi mở tài khoản, bạn sẽ được cấp thẻ ATM. Thẻ ATM dùng để rút tiền, chuyển tiền, thanh toán các khoản phí dịch vụ như tiền điện, tiền nước, tiền gas,... và thanh toán khi mua hàng tại các cửa hàng, siêu thị, các trung tâm thương mại và thương mại điện tử (mua online).

Để thuận tiện hơn trong sinh hoạt, thì bạn có thể đăng ký dịch vụ tài chính điện tử (Internet banking - 인터넷뱅킹), bằng cách mang theo giấy tờ tùy thân đến ngân hàng để đăng ký vào tờ khai theo hướng dẫn của ngân hàng. Với dịch vụ này, bạn có thể thực hiện giao dịch chuyển tiền mà không cần đến ngân hàng và có thể vào bất cứ thời gian nào. Sau khi đăng ký thành công, ngân hàng sẽ cấp cho bạn một Thẻ bảo mật (Security card – 코트표) để sử dụng khi chuyển tiền.

Lưu ý:

- Tuyệt đối không cho người khác mượn hoặc sử dụng sổ ngân hàng của mình. Những người tiếp cận bạn để hỏi mua hoặc mượn sổ ngân hàng đều là kẻ lừa đảo. Việc cho mượn sổ ngân hàng có thể bị phạt theo pháp luật.

- Không được cho người khác biết mật khẩu, Thẻ bảo mật, cũng như không tạo mật khẩu bằng số chứng minh thư, số điện thoại, ngày tháng năm sinh của mình. Đặc biệt chú ý không viết mật khẩu lên sổ tài khoản hoặc những nơi dễ bị nhìn thấy.

- Khi đăng ký Internet Banking, bạn cũng nên đăng ký dịch vụ nhận tin nhắn qua điện thoại để được báo khi tài khoản có sự thay đổi. Không truy cập mạng wifi công cộng để đăng nhập và sử dụng dịch vụ ngân hàng do các mạng này tính bảo mật không cao, dễ bị xâm nhập.

Thông thường, sau khi mở tài khoản, bạn sẽ được cấp thẻ ATM. Thẻ ATM dùng để rút tiền, chuyển tiền, thanh toán các khoản phí dịch vụ như tiền điện, tiền nước, tiền gas,... và thanh toán khi mua hàng tại các cửa hàng, siêu thị, các trung tâm thương mại và thương mại điện tử (mua online).

Để thuận tiện hơn trong sinh hoạt, thì bạn có thể đăng ký dịch vụ tài chính điện tử (Internet banking - 인터넷뱅킹), bằng cách mang theo giấy tờ tùy thân đến ngân hàng để đăng ký vào tờ khai theo hướng dẫn của ngân hàng. Với dịch vụ này, bạn có thể thực hiện giao dịch chuyển tiền mà không cần đến ngân hàng và có thể vào bất cứ thời gian nào. Sau khi đăng ký thành công, ngân hàng sẽ cấp cho bạn một Thẻ bảo mật (Security card – 코트표) để sử dụng khi chuyển tiền.

Lưu ý:

- Tuyệt đối không cho người khác mượn hoặc sử dụng sổ ngân hàng của mình. Những người tiếp cận bạn để hỏi mua hoặc mượn sổ ngân hàng đều là kẻ lừa đảo. Việc cho mượn sổ ngân hàng có thể bị phạt theo pháp luật.

- Không được cho người khác biết mật khẩu, Thẻ bảo mật, cũng như không tạo mật khẩu bằng số chứng minh thư, số điện thoại, ngày tháng năm sinh của mình. Đặc biệt chú ý không viết mật khẩu lên sổ tài khoản hoặc những nơi dễ bị nhìn thấy.

- Khi đăng ký Internet Banking, bạn cũng nên đăng ký dịch vụ nhận tin nhắn qua điện thoại để được báo khi tài khoản có sự thay đổi. Không truy cập mạng wifi công cộng để đăng nhập và sử dụng dịch vụ ngân hàng do các mạng này tính bảo mật không cao, dễ bị xâm nhập.

2. Chuyển tiền về Việt Nam

Người lao động khi muốn chuyển tiền về Việt Nam chỉ nên sử dụng các dịch vụ chuyển tiền của các ngân hàng hoặc các công ty chuyển tiền được Chính phủ Hàn Quốc cho phép và được pháp luật bảo hộ.



Chuyển tiền tay ba là hình thức chuyển tiền bất hợp pháp, rủi ro cao và nếu bị phát hiện sẽ bị xử phạt theo khung pháp luật quy định tại khoản 2, điều 27 và điều 29 Luật giao dịch ngoại hối của Hàn Quốc, cụ thể:

- Phạt tù dưới 3 năm hoặc hoạt tiền dưới 300 triệu won (thông thường mức xử phạt gấp 03 lần số tiền giao dịch).
- Không được gia hạn hoặc cấp mới visa.

Để chuyển tiền về Việt Nam, người lao động có thể chuyển qua tài khoản ngân hàng đã mở sẵn tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, hoặc chuyển qua các công ty chuyển tiền có liên kết với các ngân hàng ở Việt Nam.

3. Một số cách thức chuyển tiền qua ngân hàng và công ty chuyển tiền:

3.1. Chuyển tiền qua ngân hàng:

a/ Thủ tục chuyển tiền.

Người lao động đến một ngân hàng bất kỳ tại Hàn Quốc, cung cấp các thông tin như sau để thực hiện giao dịch chuyển tiền:

2. Chuyển tiền về Việt Nam

Người lao động khi muốn chuyển tiền về Việt Nam chỉ nên sử dụng các dịch vụ chuyển tiền của các ngân hàng hoặc các công ty chuyển tiền được Chính phủ Hàn Quốc cho phép và được pháp luật bảo hộ.



Chuyển tiền tay ba là hình thức chuyển tiền bất hợp pháp, rủi ro cao và nếu bị phát hiện sẽ bị xử phạt theo khung pháp luật quy định tại khoản 2, điều 27 và điều 29 Luật giao dịch ngoại hối của Hàn Quốc, cụ thể:

- Phạt tù dưới 3 năm hoặc hoạt tiền dưới 300 triệu won (thông thường mức xử phạt gấp 03 lần số tiền giao dịch).
- Không được gia hạn hoặc cấp mới visa.

Để chuyển tiền về Việt Nam, người lao động có thể chuyển qua tài khoản ngân hàng đã mở sẵn tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, hoặc chuyển qua các công ty chuyển tiền có liên kết với các ngân hàng ở Việt Nam.

3. Một số cách thức chuyển tiền qua ngân hàng và công ty chuyển tiền:

3.1. Chuyển tiền qua ngân hàng:

a/ Thủ tục chuyển tiền.

Người lao động đến một ngân hàng bất kỳ tại Hàn Quốc, cung cấp các thông tin như sau để thực hiện giao dịch chuyển tiền:

Người nhận có tài khoản ngân hàng tại Việt Nam	Người nhận không có tài khoản ngân hàng tại Việt Nam
- Họ và tên người nhận tiền. - Số tài khoản tại Việt Nam của người nhận tiền. - Tên ngân hàng và mã Swift code của ngân hàng ở Việt Nam.	- Họ và tên người nhận tiền. - Số CMT/ hộ chiếu của người nhận. - Địa chỉ và số điện thoại của người nhận. - Tên ngân hàng và mã Swift code của ngân hàng ở Việt Nam.

b/ Chi phí chuyển tiền gồm:

- Phía Hàn Quốc: Ngân hàng Hàn Quốc thu phí gửi tiền theo quy định.

- Ngân hàng tại Việt Nam, tùy vào từng ngân hàng nhưng thông thường sẽ có 02 loại phí gồm: phí chuyển tiền và phí rút ngoại tệ.

Ví dụ: Nếu người nhà bạn có tài khoản ngân hàng tại ngân hàng Vietinbank, để chuyển tiền về, bạn chỉ cần cung cấp: Họ và tên người nhận tiền; số tài khoản ngân hàng Vietinbank và mã **Swift code: ICBVNVNX** ; Chỉ sau 24 tiếng thực hiện giao dịch, người thân của bạn tại Việt Nam có thể đến tại bất cứ chi nhánh hoặc phòng giao dịch nào của VietinBank để nhận tiền.

3.2. Chuyển tiền qua các công ty chuyển tiền:

Các công ty chuyển tiền là các công ty được cho phép thực hiện giao dịch ngoại hối giữa các nước. Khi có nhu cầu, người lao động có thể thực hiện việc chuyển tiền thuận lợi, không giới hạn về thời gian (thực hiện 24/7), nhận tiền nhanh chóng với chi phí thấp, nhận tiền qua hệ thống máy ATM của các ngân hàng trên toàn quốc hoặc tại quầy.

Người nhận có tài khoản ngân hàng tại Việt Nam	Người nhận không có tài khoản ngân hàng tại Việt Nam
- Họ và tên người nhận tiền. - Số tài khoản tại Việt Nam của người nhận tiền. - Tên ngân hàng và mã Swift code của ngân hàng ở Việt Nam.	- Họ và tên người nhận tiền. - Số CMT/ hộ chiếu của người nhận. - Địa chỉ và số điện thoại của người nhận. - Tên ngân hàng và mã Swift code của ngân hàng ở Việt Nam.

b/ Chi phí chuyển tiền gồm:

- Phía Hàn Quốc: Ngân hàng Hàn Quốc thu phí gửi tiền theo quy định.

- Ngân hàng tại Việt Nam, tùy vào từng ngân hàng nhưng thông thường sẽ có 02 loại phí gồm: phí chuyển tiền và phí rút ngoại tệ.

Ví dụ: Nếu người nhà bạn có tài khoản ngân hàng tại ngân hàng Vietinbank, để chuyển tiền về, bạn chỉ cần cung cấp: Họ và tên người nhận tiền; số tài khoản ngân hàng Vietinbank và mã **Swift code: ICBVNVNX** ; Chỉ sau 24 tiếng thực hiện giao dịch, người thân của bạn tại Việt Nam có thể đến tại bất cứ chi nhánh hoặc phòng giao dịch nào của VietinBank để nhận tiền.

3.2. Chuyển tiền qua các công ty chuyển tiền:

Các công ty chuyển tiền là các công ty được cho phép thực hiện giao dịch ngoại hối giữa các nước. Khi có nhu cầu, người lao động có thể thực hiện việc chuyển tiền thuận lợi, không giới hạn về thời gian (thực hiện 24/7), nhận tiền nhanh chóng với chi phí thấp, nhận tiền qua hệ thống máy ATM của các ngân hàng trên toàn quốc hoặc tại quầy.

Thông thường, để sử dụng dịch vụ này, bạn chỉ cần tải các ứng dụng chuyển tiền của các công ty có uy tín về điện thoại, làm thủ tục đăng ký theo hướng dẫn là có thể chuyển tiền về thuận lợi, an toàn.

Một số ứng dụng chuyển tiền nhanh chóng, tin cậy, chi phí rẻ:



- Ứng dụng **SBI COSMONEY** (facebook: SBI Cosmoney Vietnam; điện thoại tư vấn: 070 - 5208 - 0074 / 070 - 5208 – 0797).

- Ứng dụng **FINSHOT**: (facebook: coinshot Vietnam; điện thoại tư vấn: 070-4421-4287)

- Ứng dụng **COINONE**: (facebook: cross remittance VND; điện thoại tư vấn: 02-6275-4115/ 010-3554-2637)

Nhận tiền nhanh chóng chỉ sau 5 phút thực hiện giao dịch tại các ngân hàng tại Việt Nam; chi phí thấp, chỉ từ 5000 – 7000won/lần chuyển cho số tiền tối đa 5000\$/lần chuyển (tùy vào từng ứng dụng).

** Hướng dẫn sử dụng chi tiết tham khảo tại các trang web, facebook của các công ty chuyển tiền.*

4. Một số ngân hàng tại Hàn Quốc có hỗ trợ tiếng Việt:

- Ngân hàng Kookmin (국민은행): 1599-4477, ấn phím số 4.
- Ngân hàng Kieop (기업은행): 1566-2566, ấn tổ hợp phím 574.
- Ngân hàng Shinhan (신한은행): 1577-8380, ấn phím số 4.
- Ngân hàng Woori (우리은행): 1599-2288
- Ngân hàng Nonghuyp (농협은행): 1588-2100, ấn tổ hợp phím 730, sau đó ấn phím số 4.

Thời gian tư vấn từ 09 giờ đến 18 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

Thông thường, để sử dụng dịch vụ này, bạn chỉ cần tải các ứng dụng chuyển tiền của các công ty có uy tín về điện thoại, làm thủ tục đăng ký theo hướng dẫn là có thể chuyển tiền về thuận lợi, an toàn.

Một số ứng dụng chuyển tiền nhanh chóng, tin cậy, chi phí rẻ:



- Ứng dụng **SBI COSMONEY** (facebook: SBI Cosmoney Vietnam; điện thoại tư vấn: 070 - 5208 - 0074 / 070 - 5208 – 0797).

- Ứng dụng **FINSHOT**: (facebook: coinshot Vietnam; điện thoại tư vấn: 070-4421-4287)

- Ứng dụng **COINONE**: (facebook: cross remittance VND; điện thoại tư vấn: 02-6275-4115/ 010-3554-2637)

Nhận tiền nhanh chóng chỉ sau 5 phút thực hiện giao dịch tại các ngân hàng tại Việt Nam; chi phí thấp, chỉ từ 5000 – 7000won/lần chuyển cho số tiền tối đa 5000\$/lần chuyển (tùy vào từng ứng dụng).

** Hướng dẫn sử dụng chi tiết tham khảo tại các trang web, facebook của các công ty chuyển tiền.*

4. Một số ngân hàng tại Hàn Quốc có hỗ trợ tiếng Việt:

- Ngân hàng Kookmin (국민은행): 1599-4477, ấn phím số 4.
- Ngân hàng Kieop (기업은행): 1566-2566, ấn tổ hợp phím 574.
- Ngân hàng Shinhan (신한은행): 1577-8380, ấn phím số 4.
- Ngân hàng Woori (우리은행): 1599-2288
- Ngân hàng Nonghuyp (농협은행): 1588-2100, ấn tổ hợp phím 730, sau đó ấn phím số 4.

Thời gian tư vấn từ 09 giờ đến 18 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

IV. Dịch vụ bưu điện

Khi cần gửi thư hoặc bưu kiện trong nội địa Hàn Quốc hoặc về Việt Nam, bạn có thể tìm đến bưu điện gần nhất để gửi. Có hai hình thức để gửi là gửi bình thường và gửi đăng ký (là cách gửi giống như gửi đảm bảo ở Việt Nam).

Bên cạnh đó, khi gửi hàng nặng, cồng kềnh, bạn có thể liên hệ tới dịch vụ bưu điện (1588-1300) đến tận nhà nhận bưu kiện. Hàng không được quá nặng, quá cồng kềnh và phải được đóng trong thùng theo đúng tiêu chuẩn của bưu điện (có thể mua thùng của bưu điện để đóng đồ; có 5 loại kích cỡ to nhỏ khác nhau). Nhân viên bưu điện sẽ kiểm tra hàng trước khi gửi và bọc lại hộ bạn nếu cần thiết. Phí gửi thư hoặc bưu kiện tùy thuộc vào cân nặng, kích cỡ của thư, bưu kiện.

Khi gửi hàng kể cả trong nội địa hay đi nước khác, cần ghi rõ thông tin (bao gồm họ tên, địa chỉ, số điện thoại, mã bưu chính) của người gửi và người nhận. Đảm bảo hàng không có các loại hàng cấm như: tiền, kim loại quý, chất kích thích, hàng thủy tinh dễ vỡ,..

Ngoài việc giao nhận hàng hóa, bưu điện còn có dịch vụ tài chính tiền tệ, như dịch vụ tài chính của các ngân hàng.

Bên cạnh việc sử dụng dịch vụ bưu điện, khi bạn muốn chuyển hàng gọn, nhẹ trong nội địa Hàn Quốc, có thể gửi ở các cửa hàng tiện lợi như CU, GS25,..

V. Dịch vụ khám chữa bệnh – Nhà thuốc:

Hàn Quốc thực hiện hệ thống bảo hiểm sức khỏe bắt buộc đối với người dân và người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc từ 03 tháng trở lên. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế gồm 02 nhóm: đối tượng tham gia theo doanh nghiệp và đối tượng tham gia theo khu vực.

IV. Dịch vụ bưu điện

Khi cần gửi thư hoặc bưu kiện trong nội địa Hàn Quốc hoặc về Việt Nam, bạn có thể tìm đến bưu điện gần nhất để gửi. Có hai hình thức để gửi là gửi bình thường và gửi đăng ký (là cách gửi giống như gửi đảm bảo ở Việt Nam).

Bên cạnh đó, khi gửi hàng nặng, cồng kềnh, bạn có thể liên hệ tới dịch vụ bưu điện (1588-1300) đến tận nhà nhận bưu kiện. Hàng không được quá nặng, quá cồng kềnh và phải được đóng trong thùng theo đúng tiêu chuẩn của bưu điện (có thể mua thùng của bưu điện để đóng đồ; có 5 loại kích cỡ to nhỏ khác nhau). Nhân viên bưu điện sẽ kiểm tra hàng trước khi gửi và bọc lại hộ bạn nếu cần thiết. Phí gửi thư hoặc bưu kiện tùy thuộc vào cân nặng, kích cỡ của thư, bưu kiện.

Khi gửi hàng kể cả trong nội địa hay đi nước khác, cần ghi rõ thông tin (bao gồm họ tên, địa chỉ, số điện thoại, mã bưu chính) của người gửi và người nhận. Đảm bảo hàng không có các loại hàng cấm như: tiền, kim loại quý, chất kích thích, hàng thủy tinh dễ vỡ,..

Ngoài việc giao nhận hàng hóa, bưu điện còn có dịch vụ tài chính tiền tệ, như dịch vụ tài chính của các ngân hàng.

Bên cạnh việc sử dụng dịch vụ bưu điện, khi bạn muốn chuyển hàng gọn, nhẹ trong nội địa Hàn Quốc, có thể gửi ở các cửa hàng tiện lợi như CU, GS25,..

V. Dịch vụ khám chữa bệnh – Nhà thuốc:

Hàn Quốc thực hiện hệ thống bảo hiểm sức khỏe bắt buộc đối với người dân và người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc từ 03 tháng trở lên. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế gồm 02 nhóm: đối tượng tham gia theo doanh nghiệp và đối tượng tham gia theo khu vực.

Người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS phải tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp. Theo đó, người lao động được doanh nghiệp hỗ trợ 50% phí bảo hiểm y tế, phần còn lại sẽ được doanh nghiệp trích trong lương để đóng cho công ty bảo hiểm.

Tham gia bảo hiểm y tế, người lao động được hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh khi ốm đau, thai sản và được kiểm tra sức khỏe định kỳ (2 năm/lần). Do vậy, khi bị ốm đau, bị bệnh người lao động không nên chịu đựng hoặc tự chữa theo kinh nghiệm mà nên đến các phòng khám, bệnh viện để được khám và chuẩn đoán về tình trạng sức khỏe, từ đó có hướng điều trị kịp thời.

Các cơ quan y tế của Hàn Quốc được phân loại theo phạm vi và nội dung sử dụng dịch vụ, gồm:

Cơ sở loại 1: gồm các phòng khám (bao gồm các phòng khám Đông y và Tây y), trung tâm y tế, các bệnh viện tổng hợp.

Cơ sở loại 2: gồm các bệnh viện đa khoa thuộc các trường Đại học.

Khi bị bệnh thông thường như cảm cúm, tiêu hóa,.. thì có thể đến các cơ sở y tế loại 1 để khám, chữa bệnh ban đầu. Khi cần điều trị chuyên sâu thì cơ sở y tế loại 1 sẽ giới thiệu đến các cơ sở y tế loại 2, trừ trường hợp cấp cứu, sinh đẻ.

Khi đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh, người lao động lưu ý mang theo Thẻ bảo hiểm y tế và Thẻ người nước ngoài, nộp ở quầy tiếp nhận và chờ được gọi vào khám bệnh, nhận đơn thuốc (02 bản) sau khi được chẩn đoán. Bệnh nhân có thể nhận thuốc điều trị tại bệnh viện hoặc mua thuốc tại các hiệu thuốc.

Hiệu thuốc có ở nhiều nơi và được quản lý rất chặt chẽ. Thuốc được bán theo 02 loại gồm các loại thuốc thông thường như thuốc hạ sốt, giảm đau, thuốc tiêu hóa, các loại thuốc bôi,.. và các loại thuốc đặc trị bán theo đơn. Hiệu thuốc sẽ giữ lại 01 bản đơn thuốc với những thuốc bán theo đơn.

Người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS phải tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp. Theo đó, người lao động được doanh nghiệp hỗ trợ 50% phí bảo hiểm y tế, phần còn lại sẽ được doanh nghiệp trích trong lương để đóng cho công ty bảo hiểm.

Tham gia bảo hiểm y tế, người lao động được hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh khi ốm đau, thai sản và được kiểm tra sức khỏe định kỳ (2 năm/lần). Do vậy, khi bị ốm đau, bị bệnh người lao động không nên chịu đựng hoặc tự chữa theo kinh nghiệm mà nên đến các phòng khám, bệnh viện để được khám và chuẩn đoán về tình trạng sức khỏe, từ đó có hướng điều trị kịp thời.

Các cơ quan y tế của Hàn Quốc được phân loại theo phạm vi và nội dung sử dụng dịch vụ, gồm:

Cơ sở loại 1: gồm các phòng khám (bao gồm các phòng khám Đông y và Tây y), trung tâm y tế, các bệnh viện tổng hợp.

Cơ sở loại 2: gồm các bệnh viện đa khoa thuộc các trường Đại học.

Khi bị bệnh thông thường như cảm cúm, tiêu hóa,.. thì có thể đến các cơ sở y tế loại 1 để khám, chữa bệnh ban đầu. Khi cần điều trị chuyên sâu thì cơ sở y tế loại 1 sẽ giới thiệu đến các cơ sở y tế loại 2, trừ trường hợp cấp cứu, sinh đẻ.

Khi đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh, người lao động lưu ý mang theo Thẻ bảo hiểm y tế và Thẻ người nước ngoài, nộp ở quầy tiếp nhận và chờ được gọi vào khám bệnh, nhận đơn thuốc (02 bản) sau khi được chẩn đoán. Bệnh nhân có thể nhận thuốc điều trị tại bệnh viện hoặc mua thuốc tại các hiệu thuốc.

Hiệu thuốc có ở nhiều nơi và được quản lý rất chặt chẽ. Thuốc được bán theo 02 loại gồm các loại thuốc thông thường như thuốc hạ sốt, giảm đau, thuốc tiêu hóa, các loại thuốc bôi,.. và các loại thuốc đặc trị bán theo đơn. Hiệu thuốc sẽ giữ lại 01 bản đơn thuốc với những thuốc bán theo đơn.

PHÁP LUẬT VIỆT NAM – HÀN QUỐC

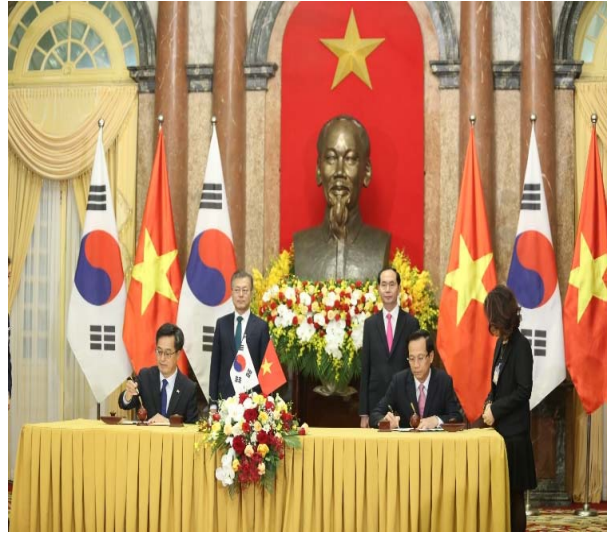
PHÁP LUẬT VIỆT NAM – HÀN QUỐC

PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH CẤP PHÉP VIỆC LÀM VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

I. Giới thiệu về Chương trình cấp phép việc làm (EPS)

1. Giới thiệu chung

Luật tuyển dụng lao động nước ngoài của Hàn Quốc được Quốc hội Hàn Quốc thông qua ngày 16/8/2003, mở ra **Chương trình cấp phép việc làm** (chương trình EPS) cho người lao động nước ngoài. Đây là chương trình hợp tác giữa Chính phủ Hàn Quốc và Chính phủ các quốc gia phái cử thông qua Bản Thỏa thuận (viết tắt là MOU) về việc đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc.



Theo chương trình này, các doanh nghiệp Hàn Quốc khi không tuyển dụng được lao động trong nước sẽ được phép tuyển dụng lao động nước ngoài với số lượng giới hạn. Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc thực hiện việc giới thiệu, quản lý toàn bộ các vấn đề liên quan đến người lao động nước ngoài.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc đã cùng ký Thỏa thuận về phái cử và tiếp nhận lao động Việt Nam sang làm việc tại Hàn Quốc.

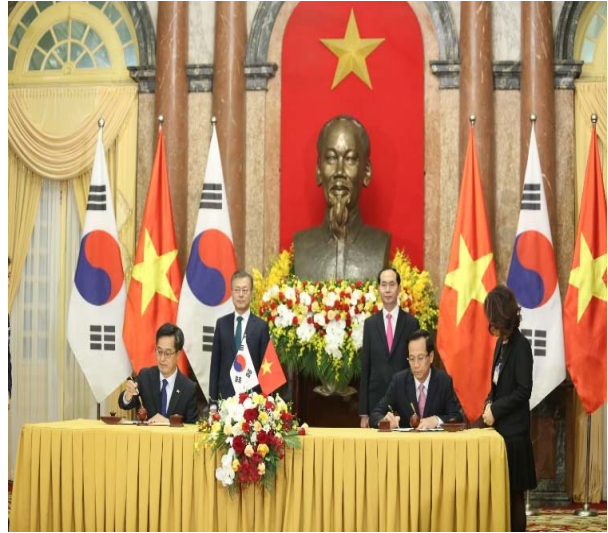
Thỏa thuận được ký lần đầu vào năm 2004; và lần gần đây nhất vào ngày 23/3/2018. Đây là lần thứ 6 Việt Nam và Hàn Quốc ký Thỏa thuận về Chương trình EPS.

PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH CẤP PHÉP VIỆC LÀM VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

I. Giới thiệu về Chương trình cấp phép việc làm (EPS)

1. Giới thiệu chung

Luật tuyển dụng lao động nước ngoài của Hàn Quốc được Quốc hội Hàn Quốc thông qua ngày 16/8/2003, mở ra **Chương trình cấp phép việc làm** (chương trình EPS) cho người lao động nước ngoài. Đây là chương trình hợp tác giữa Chính phủ Hàn Quốc và Chính phủ các quốc gia phái cử thông qua Bản Thỏa thuận (viết tắt là MOU) về việc đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc.



Theo chương trình này, các doanh nghiệp Hàn Quốc khi không tuyển dụng được lao động trong nước sẽ được phép tuyển dụng lao động nước ngoài với số lượng giới hạn. Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc thực hiện việc giới thiệu, quản lý toàn bộ các vấn đề liên quan đến người lao động nước ngoài.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc đã cùng ký Thỏa thuận về phái cử và tiếp nhận lao động Việt Nam sang làm việc tại Hàn Quốc.

Thỏa thuận được ký lần đầu vào năm 2004; và lần gần đây nhất vào ngày 23/3/2018. Đây là lần thứ 6 Việt Nam và Hàn Quốc ký Thỏa thuận về Chương trình EPS.

Nội dung của bản Thỏa thuận về Chương trình EPS bao gồm trách nhiệm của Cơ quan phái cử và Cơ quan tiếp nhận; chi phí phái cử; quy trình tuyển chọn, giới thiệu và ký hợp đồng,... Bản thỏa thuận có giá trị trong vòng 2 năm. Bản thỏa thuận là cơ sở để các bên tổ chức thi tiếng Hàn, thực hiện các thủ tục tuyển chọn lao động và xuất cảnh mới được thực hiện.

Đến nay, Hàn Quốc đã ký Thỏa thuận với 16 quốc gia phái cử, bao gồm: Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Mông cổ, Sri Lanka, Trung Quốc, Campuchia, Nepal, Uzbekistan, Pakistan, Bangladesh, Kyrgystan, Myanmar, Đông Timo, Lào.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ký thỏa thuận với phía Hàn Quốc để thực hiện chương trình này.

2. Đối tượng và điều kiện đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình Cấp phép việc làm (Chương trình EPS)

Người lao động Việt Nam có nguyện vọng sang Hàn Quốc làm việc theo Luật tuyển dụng lao động nước ngoài phải đáp ứng được các điều kiện như sau:

- Từ đủ 18 tuổi đến 39 tuổi;
- Đã được kiểm tra và kết luận đủ sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 6/5/2013 của Bộ Y tế; Không bị rối loạn sắc giác (mù màu);
- Không có án tích theo quy định của pháp luật;
- Không bị cấm xuất cảnh Việt Nam hoặc cấm nhập cảnh Hàn Quốc;
- Chưa từng bị trục xuất khỏi Hàn Quốc;
- Nếu đã từng cư trú tại Hàn Quốc theo visa E-9 hoặc/và visa E-10 thì tổng thời gian cư trú phải dưới 5 năm.
- Không có thân nhân (bố, mẹ, anh, chị, em ruột; vợ/chồng) đang cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc.

Nội dung của bản Thỏa thuận về Chương trình EPS bao gồm trách nhiệm của Cơ quan phái cử và Cơ quan tiếp nhận; chi phí phái cử; quy trình tuyển chọn, giới thiệu và ký hợp đồng,... Bản thỏa thuận có giá trị trong vòng 2 năm. Bản thỏa thuận là cơ sở để các bên tổ chức thi tiếng Hàn, thực hiện các thủ tục tuyển chọn lao động và xuất cảnh mới được thực hiện.

Đến nay, Hàn Quốc đã ký Thỏa thuận với 16 quốc gia phái cử, bao gồm: Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Mông cổ, Sri Lanka, Trung Quốc, Campuchia, Nepal, Uzbekistan, Pakistan, Bangladesh, Kyrgystan, Myanmar, Đông Timo, Lào.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ký thỏa thuận với phía Hàn Quốc để thực hiện chương trình này.

2. Đối tượng và điều kiện đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình Cấp phép việc làm (Chương trình EPS)

Người lao động Việt Nam có nguyện vọng sang Hàn Quốc làm việc theo Luật tuyển dụng lao động nước ngoài phải đáp ứng được các điều kiện như sau:

- Từ đủ 18 tuổi đến 39 tuổi;
- Đã được kiểm tra và kết luận đủ sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 6/5/2013 của Bộ Y tế; Không bị rối loạn sắc giác (mù màu);
- Không có án tích theo quy định của pháp luật;
- Không bị cấm xuất cảnh Việt Nam hoặc cấm nhập cảnh Hàn Quốc;
- Chưa từng bị trục xuất khỏi Hàn Quốc;
- Nếu đã từng cư trú tại Hàn Quốc theo visa E-9 hoặc/và visa E-10 thì tổng thời gian cư trú phải dưới 5 năm.
- Không có thân nhân (bố, mẹ, anh, chị, em ruột; vợ/chồng) đang cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc.

- Được doanh nghiệp Hàn Quốc tuyển dụng sau khi đã tham dự và đạt yêu cầu qua kỳ thi tiếng Hàn và kỳ kiểm tra tay nghề do Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức.

Lưu ý: Người lao động bị thương/dị tật (đứt, cắt đứt ngón tay, chân, cong, vẹo cột sống,...) vẫn có thể đăng ký tham dự thi tiếng Hàn nhưng việc xét tuyển sẽ căn cứ vào kết quả kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực.

3. Trình tự, thủ tục tham gia chương trình

Bước 1. Học tiếng Hàn, tham dự kỳ thi tiếng Hàn (EPS-TOPIK) và kiểm tra tay nghề.

- Người lao động chủ động học tiếng Hàn và đăng ký tham dự kỳ thi tiếng Hàn (EPS-TOPIK) và kiểm tra tay nghề do Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức.

- Người lao động đăng ký dự thi tại các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

- Kế hoạch tổ chức và kết quả kỳ thi được thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Lao động ngoài nước và gửi về các Sở để người lao động đạt yêu cầu làm hồ sơ.

Bước 2. Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Những người đạt yêu cầu qua kỳ thi tiếng Hàn làm hồ sơ đăng ký dự tuyển và nộp tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở địa phương.

- Hồ sơ được chuyển về Trung tâm Lao động ngoài nước để kiểm tra và được gửi sang HRD Korea để giới thiệu cho doanh nghiệp Hàn Quốc có nhu cầu tuyển dụng lao động. Những hồ sơ không đạt (bị sai thông tin, ảnh,...) sẽ được thông báo cho người lao động hoàn thiện.

- Được doanh nghiệp Hàn Quốc tuyển dụng sau khi đã tham dự và đạt yêu cầu qua kỳ thi tiếng Hàn và kỳ kiểm tra tay nghề do Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức.

Lưu ý: Người lao động bị thương/dị tật (đứt, cắt đứt ngón tay, chân, cong, vẹo cột sống,...) vẫn có thể đăng ký tham dự thi tiếng Hàn nhưng việc xét tuyển sẽ căn cứ vào kết quả kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực.

3. Trình tự, thủ tục tham gia chương trình

Bước 1. Học tiếng Hàn, tham dự kỳ thi tiếng Hàn (EPS-TOPIK) và kiểm tra tay nghề.

- Người lao động chủ động học tiếng Hàn và đăng ký tham dự kỳ thi tiếng Hàn (EPS-TOPIK) và kiểm tra tay nghề do Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức.

- Người lao động đăng ký dự thi tại các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

- Kế hoạch tổ chức và kết quả kỳ thi được thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Lao động ngoài nước và gửi về các Sở để người lao động đạt yêu cầu làm hồ sơ.

Bước 2. Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Những người đạt yêu cầu qua kỳ thi tiếng Hàn làm hồ sơ đăng ký dự tuyển và nộp tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở địa phương.

- Hồ sơ được chuyển về Trung tâm Lao động ngoài nước để kiểm tra và được gửi sang HRD Korea để giới thiệu cho doanh nghiệp Hàn Quốc có nhu cầu tuyển dụng lao động. Những hồ sơ không đạt (bị sai thông tin, ảnh,...) sẽ được thông báo cho người lao động hoàn thiện.

Bước 3: Nhận thông báo tập trung sau khi được tuyển dụng

Danh sách người lao động được chủ sử dụng lao động tuyển dụng sẽ được Trung tâm Lao động ngoài nước thông báo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở địa phương nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm và gửi tin nhắn vào số điện thoại của người lao động đã đăng ký.

Người lao động theo kế hoạch, về tập trung tại Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước để làm các thủ tục tiếp theo.

Bước 4: Làm các thủ tục cần thiết tiếp theo

Khi nhận được thông báo tập trung, người lao động cần khẩn trương hoàn thiện các nghĩa vụ sau đây:

- Nộp về Sở LĐ-TB&XH địa phương khoản tiền Việt Nam tương đương với **630 USD** (theo quy định hiện nay của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Nhận **05 bản** Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc và thực hiện ký hợp đồng. Hợp đồng được sử dụng: 01 bản dùng để làm thủ tục ký quỹ; 01 bản gửi lên Sở LĐ-TB&XH cùng bản photo Giấy xác nhận ký quỹ; 02 bản nộp cho Trung tâm vào ngày xuất cảnh cùng bản chính Giấy xác nhận ký quỹ và 01 bản người lao động giữ (để làm thủ tục rút tiền ký quỹ sau này).

- Làm thủ tục ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền là **100.000.000** đồng (một trăm triệu đồng). Thời hạn ký quỹ là 5 năm 4 tháng. Thời điểm hoàn tất ký quỹ **chậm nhất** 15 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.

(Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của liên Bộ Lao

Bước 3: Nhận thông báo tập trung sau khi được tuyển dụng

Danh sách người lao động được chủ sử dụng lao động tuyển dụng sẽ được Trung tâm Lao động ngoài nước thông báo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở địa phương nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm và gửi tin nhắn vào số điện thoại của người lao động đã đăng ký.

Người lao động theo kế hoạch, về tập trung tại Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước để làm các thủ tục tiếp theo.

Bước 4: Làm các thủ tục cần thiết tiếp theo

Khi nhận được thông báo tập trung, người lao động cần khẩn trương hoàn thiện các nghĩa vụ sau đây:

- Nộp về Sở LĐ-TB&XH địa phương khoản tiền Việt Nam tương đương với **630 USD** (theo quy định hiện nay của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Nhận **05 bản** Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc và thực hiện ký hợp đồng. Hợp đồng được sử dụng: 01 bản dùng để làm thủ tục ký quỹ; 01 bản gửi lên Sở LĐ-TB&XH cùng bản photo Giấy xác nhận ký quỹ; 02 bản nộp cho Trung tâm vào ngày xuất cảnh cùng bản chính Giấy xác nhận ký quỹ và 01 bản người lao động giữ (để làm thủ tục rút tiền ký quỹ sau này).

- Làm thủ tục ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền là **100.000.000** đồng (một trăm triệu đồng). Thời hạn ký quỹ là 5 năm 4 tháng. Thời điểm hoàn tất ký quỹ **chậm nhất** 15 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.

(Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của liên Bộ Lao

động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm).

Lưu ý:

Nên hoàn thành việc ký quỹ **trong vòng 07 ngày** kể từ ngày nhận được Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc để tránh việc các doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng do mất nhiều thời gian chờ đợi.

Bước 5: Tham dự khoá đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết

Người lao động phải tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi xuất cảnh do Trung tâm Lao động ngoài nước tổ chức. Chỉ những người lao động đạt yêu cầu bài kiểm tra cuối khóa và được cấp chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức cần thiết mới được xuất cảnh sang làm việc tại Hàn Quốc.

Bước 6: Xuất cảnh sang làm việc tại Hàn Quốc

Người lao động sau khi đã đủ điều kiện sẽ được 02 bên sắp xếp lịch xuất cảnh. Khi có kế hoạch xuất cảnh chính thức, Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo bằng văn bản về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đăng tải trên trang web của Trung tâm và thông báo qua tin nhắn điện thoại của người lao động để tập trung làm thủ tục xuất cảnh.

Tại nơi tập trung, người lao động được khám sức khỏe, được hướng dẫn các quy trình, thủ tục xuất cảnh, được tổ chức đưa ra sân bay Nội Bài và đón tại sân bay Incheon, Hàn Quốc.

động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm).

Lưu ý:

Nên hoàn thành việc ký quỹ **trong vòng 07 ngày** kể từ ngày nhận được Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc để tránh việc các doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng do mất nhiều thời gian chờ đợi.

Bước 5: Tham dự khoá đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết

Người lao động phải tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi xuất cảnh do Trung tâm Lao động ngoài nước tổ chức. Chỉ những người lao động đạt yêu cầu bài kiểm tra cuối khóa và được cấp chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức cần thiết mới được xuất cảnh sang làm việc tại Hàn Quốc.

Bước 6: Xuất cảnh sang làm việc tại Hàn Quốc

Người lao động sau khi đã đủ điều kiện sẽ được 02 bên sắp xếp lịch xuất cảnh. Khi có kế hoạch xuất cảnh chính thức, Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo bằng văn bản về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đăng tải trên trang web của Trung tâm và thông báo qua tin nhắn điện thoại của người lao động để tập trung làm thủ tục xuất cảnh.

Tại nơi tập trung, người lao động được khám sức khỏe, được hướng dẫn các quy trình, thủ tục xuất cảnh, được tổ chức đưa ra sân bay Nội Bài và đón tại sân bay Incheon, Hàn Quốc.

Bước 7: Làm việc tại Hàn Quốc và về nước đúng hạn khi hết thời hạn hợp đồng lao động

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp đã ký hợp đồng theo thời hạn trong hợp đồng lao động đã ký. Hết thời hạn hợp đồng, hai bên sẽ làm thủ tục gia hạn hợp đồng theo quy định (trong trường hợp còn thời hạn làm việc tại Hàn Quốc).

Người lao động phải làm việc tại đúng địa chỉ của doanh nghiệp trong hợp đồng lao động và tuân thủ đúng các điều khoản của hợp đồng lao động; không được thay đổi nơi làm việc trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc vì lý do không chính đáng.

Hết thời hạn hợp đồng, người lao động phải làm thủ tục về nước; thông báo trước kế hoạch về nước của mình với Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS, phải về nước và làm thủ tục thanh lý hợp đồng đã ký với Trung tâm Lao động ngoài nước để nhận lại khoản tiền ký quỹ.

4. Chi phí phải cử và phòng ngừa các hành vi trung gian môi giới

4.1. Các khoản chi phí phải nộp bao gồm:

- Lệ phí dự thi tiếng Hàn: số tiền Việt Nam tương đương **24 USD**/người (nộp khi dự thi tiếng Hàn);
- Chi phí phải cử theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước: số tiền Việt Nam tương đương **630USD**/người, để chi trả các khoản gồm: Lệ phí làm visa; mua vé máy bay lượt đi; bồi dưỡng kiến thức cần thiết và xử lý hồ sơ;
- Lệ phí tham gia khóa bồi túc nâng cao trình độ tiếng Hàn trước xuất cảnh: tối đa không quá **2.400.000 đồng**/ khóa;

Bước 7: Làm việc tại Hàn Quốc và về nước đúng hạn khi hết thời hạn hợp đồng lao động

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp đã ký hợp đồng theo thời hạn trong hợp đồng lao động đã ký. Hết thời hạn hợp đồng, hai bên sẽ làm thủ tục gia hạn hợp đồng theo quy định (trong trường hợp còn thời hạn làm việc tại Hàn Quốc).

Người lao động phải làm việc tại đúng địa chỉ của doanh nghiệp trong hợp đồng lao động và tuân thủ đúng các điều khoản của hợp đồng lao động; không được thay đổi nơi làm việc trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc vì lý do không chính đáng.

Hết thời hạn hợp đồng, người lao động phải làm thủ tục về nước; thông báo trước kế hoạch về nước của mình với Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS, phải về nước và làm thủ tục thanh lý hợp đồng đã ký với Trung tâm Lao động ngoài nước để nhận lại khoản tiền ký quỹ.

4. Chi phí phải cử và phòng ngừa các hành vi trung gian môi giới

4.1. Các khoản chi phí phải nộp bao gồm:

- Lệ phí dự thi tiếng Hàn: số tiền Việt Nam tương đương **24 USD**/người (nộp khi dự thi tiếng Hàn);
- Chi phí phải cử theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước: số tiền Việt Nam tương đương **630USD**/người, để chi trả các khoản gồm: Lệ phí làm visa; mua vé máy bay lượt đi; bồi dưỡng kiến thức cần thiết và xử lý hồ sơ;
- Lệ phí tham gia khóa bồi túc nâng cao trình độ tiếng Hàn trước xuất cảnh: tối đa không quá **2.400.000 đồng**/ khóa;

- Chi phí tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: **100.000 đồng/người**;
- Chi phí khám sức khỏe nộp trực tiếp cho bệnh viện;
- Chi phí xuất cảnh: theo hướng dẫn của Trung tâm Lao động ngoài nước;
- Mang theo **500USD** khi xuất cảnh để mua bảo hiểm rủi ro và bảo hiểm hồi hương tại Hàn Quốc.

4.2. Phòng ngừa các hành vi trung gian môi giới

Người lao động có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc cần tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình EPS trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Lao động ngoài nước (www.colab.gov.vn).

Để phòng tránh các hành vi môi giới bất hợp pháp, người lao động cần lưu ý:

- Không được thông qua trung gian, mà phải trực tiếp làm thủ tục tại trụ sở cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Không nghe theo lời dụ dỗ, lôi kéo của các cá nhân, tổ chức không liên quan. Không ai có thể can thiệp để người lao động thi đỗ tiếng Hàn, để chủ sử dụng lao động tuyển dụng, xuất cảnh sớm.
- Chỉ nhận thông tin chính thức từ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội của tỉnh/thành phố nơi mình nộp hồ sơ và thông tin từ Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Không nộp quá số tiền quy định theo thông báo của Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Nếu nhận được thông tin không rõ ràng hoặc nghi ngờ, chưa rõ thì cần gọi điện đến Trung tâm Lao động ngoài nước để xác nhận lại (số điện thoại: **024.7303.0199** máy lẻ phòng Tuyển chọn Lao động).

- Chi phí tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: **100.000 đồng/người**;
- Chi phí khám sức khỏe nộp trực tiếp cho bệnh viện;
- Chi phí xuất cảnh: theo hướng dẫn của Trung tâm Lao động ngoài nước;
- Mang theo **500USD** khi xuất cảnh để mua bảo hiểm rủi ro và bảo hiểm hồi hương tại Hàn Quốc.

4.2. Phòng ngừa các hành vi trung gian môi giới

Người lao động có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc cần tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình EPS trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Lao động ngoài nước (www.colab.gov.vn).

Để phòng tránh các hành vi môi giới bất hợp pháp, người lao động cần lưu ý:

- Không được thông qua trung gian, mà phải trực tiếp làm thủ tục tại trụ sở cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Không nghe theo lời dụ dỗ, lôi kéo của các cá nhân, tổ chức không liên quan. Không ai có thể can thiệp để người lao động thi đỗ tiếng Hàn, để chủ sử dụng lao động tuyển dụng, xuất cảnh sớm.
- Chỉ nhận thông tin chính thức từ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội của tỉnh/thành phố nơi mình nộp hồ sơ và thông tin từ Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Không nộp quá số tiền quy định theo thông báo của Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Nếu nhận được thông tin không rõ ràng hoặc nghi ngờ, chưa rõ thì cần gọi điện đến Trung tâm Lao động ngoài nước để xác nhận lại (số điện thoại: **024.7303.0199** máy lẻ phòng Tuyển chọn Lao động).

5. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

5.1. Quyền lợi:

- Được Trung tâm Lao động ngoài nước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố nơi người lao động đăng ký dự tuyển cung cấp đầy đủ thông tin về Chương trình EPS;
- Được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và bổ túc tiếng Hàn; cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật, phong tục tập quán của Việt Nam và Hàn Quốc trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc;
- Được hưởng mức tiền lương, thu nhập theo hợp đồng lao động, các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật Hàn Quốc;
- Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc; được tư vấn, hỗ trợ để hưởng các quyền lợi trong hợp đồng lao động;
- Được hưởng quyền lợi từ Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của người lao động:

- Phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, ký quỹ và nộp chi phí phải cử theo quy định; tham dự khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết và bổ túc tiếng Hàn do Trung tâm lao động ngoài nước tổ chức.
- Tuân thủ hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc đã ký với Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Tuân thủ hợp đồng lao động, không bỏ trốn khỏi nơi đang làm việc theo hợp đồng lao động.
- Tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm theo quy định của Hàn Quốc đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.
- Khai báo thông tin với Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS tại Hàn Quốc.

5. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

5.1. Quyền lợi:

- Được Trung tâm Lao động ngoài nước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố nơi người lao động đăng ký dự tuyển cung cấp đầy đủ thông tin về Chương trình EPS;
- Được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và bổ túc tiếng Hàn; cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật, phong tục tập quán của Việt Nam và Hàn Quốc trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc;
- Được hưởng mức tiền lương, thu nhập theo hợp đồng lao động, các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật Hàn Quốc;
- Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc; được tư vấn, hỗ trợ để hưởng các quyền lợi trong hợp đồng lao động;
- Được hưởng quyền lợi từ Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của người lao động:

- Phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, ký quỹ và nộp chi phí phải cử theo quy định; tham dự khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết và bổ túc tiếng Hàn do Trung tâm lao động ngoài nước tổ chức.
- Tuân thủ hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc đã ký với Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Tuân thủ hợp đồng lao động, không bỏ trốn khỏi nơi đang làm việc theo hợp đồng lao động.
- Tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm theo quy định của Hàn Quốc đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.
- Khai báo thông tin với Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS tại Hàn Quốc.

- Phải về nước đúng thời hạn sau khi hết hạn hợp đồng lao động; không cư trú trái phép tại Hàn Quốc sau khi hết thời hạn hợp đồng lao động.

- Phải bồi thường nếu có các hành vi vi phạm hợp đồng lao động, vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật Hàn Quốc gây thiệt hại cho Trung tâm Lao động ngoài nước và doanh nghiệp Hàn Quốc.

II. Các cơ quan liên quan:

1. Cơ quan phái cử và cơ quan tiếp nhận:

1.1. Trung tâm Lao động ngoài nước

Trung tâm Lao động ngoài nước (**COLAB**) là cơ quan thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, được giao nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo và đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS (là Cơ quan phái cử lao động) hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Trung tâm Lao động ngoài nước có các chức năng:

- Phối hợp với phía Hàn Quốc tổ chức các kỳ thi tiếng Hàn và kiểm tra tay nghề cho người lao động có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS;

- Tiếp nhận, xử lý và gửi hồ sơ đăng ký dự tuyển của người lao động cho Cơ quan tiếp nhận lao động của Hàn Quốc (HRD Korea);

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc;

- Làm thủ tục xin cấp visa tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam và các thủ tục liên quan khác;

- Tổ chức cho người lao động xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc;

- Hỗ trợ người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc.

- Phải về nước đúng thời hạn sau khi hết hạn hợp đồng lao động; không cư trú trái phép tại Hàn Quốc sau khi hết thời hạn hợp đồng lao động.

- Phải bồi thường nếu có các hành vi vi phạm hợp đồng lao động, vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật Hàn Quốc gây thiệt hại cho Trung tâm Lao động ngoài nước và doanh nghiệp Hàn Quốc.

II. Các cơ quan liên quan:

1. Cơ quan phái cử và cơ quan tiếp nhận:

1.1. Trung tâm Lao động ngoài nước

Trung tâm Lao động ngoài nước (**COLAB**) là cơ quan thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, được giao nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo và đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS (là Cơ quan phái cử lao động) hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Trung tâm Lao động ngoài nước có các chức năng:

- Phối hợp với phía Hàn Quốc tổ chức các kỳ thi tiếng Hàn và kiểm tra tay nghề cho người lao động có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS;

- Tiếp nhận, xử lý và gửi hồ sơ đăng ký dự tuyển của người lao động cho Cơ quan tiếp nhận lao động của Hàn Quốc (HRD Korea);

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc;

- Làm thủ tục xin cấp visa tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam và các thủ tục liên quan khác;

- Tổ chức cho người lao động xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc;

- Hỗ trợ người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc.

TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Địa chỉ: Số 1, Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.7303.0199; Website: www.colab.gov.vn

Cơ cấu của Trung tâm Lao động ngoài nước gồm:

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Tuyển chọn lao động: *thi tiếng Hàn, hồ sơ, hợp đồng,...*
- Phòng Đào tạo: *đào tạo tiếng và Bồi dưỡng kiến thức cần thiết.*
- Phòng Hỗ trợ việc làm: *giới thiệu việc làm cho người lao động về nước đúng hạn.*
- Phòng Tài chính – Kế toán;
- Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS: *quản lý và hỗ trợ lao động tại Hàn Quốc.*

Ngoài việc đưa người đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình Cấp phép việc làm, Trung tâm Lao động ngoài nước hiện còn thực hiện chương trình đưa thực tập sinh đi thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản (chương trình IM Japan), chương trình đưa điều dưỡng viên đi làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức (chương trình điều dưỡng viên Đức) và chương trình tuyển mộ trực tiếp lao động đi làm việc tại Đài Loan (chương trình lao động đi làm việc tại Đài Loan).

Người lao động có thể tìm hiểu về các chương trình trên tại trang thông tin điện tử (website) của Trung tâm Lao động ngoài nước.

Hướng dẫn sử dụng ứng dụng COLAB SOS

Bên cạnh đó, với mục tiêu đảm bảo thông tin đến với người lao động nhanh nhất, chính xác nhất cũng như công tác hỗ trợ người lao động được kịp thời, thuận lợi, Trung tâm Lao động ngoài nước xây dựng ứng dụng **COLAB SOS**-

ứng dụng "Kết nối người lao động đi làm việc ở nước ngoài" gồm



TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Địa chỉ: Số 1, Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.7303.0199; Website: www.colab.gov.vn

Cơ cấu của Trung tâm Lao động ngoài nước gồm:

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Tuyển chọn lao động: *thi tiếng Hàn, hồ sơ, hợp đồng,...*
- Phòng Đào tạo: *đào tạo tiếng và Bồi dưỡng kiến thức cần thiết.*
- Phòng Hỗ trợ việc làm: *giới thiệu việc làm cho người lao động về nước đúng hạn.*
- Phòng Tài chính – Kế toán;
- Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS: *quản lý và hỗ trợ lao động tại Hàn Quốc.*

Ngoài việc đưa người đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình Cấp phép việc làm, Trung tâm Lao động ngoài nước hiện còn thực hiện chương trình đưa thực tập sinh đi thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản (chương trình IM Japan), chương trình đưa điều dưỡng viên đi làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức (chương trình điều dưỡng viên Đức) và chương trình tuyển mộ trực tiếp lao động đi làm việc tại Đài Loan (chương trình lao động đi làm việc tại Đài Loan).

Người lao động có thể tìm hiểu về các chương trình trên tại trang thông tin điện tử (website) của Trung tâm Lao động ngoài nước.

Hướng dẫn sử dụng ứng dụng COLAB SOS

Bên cạnh đó, với mục tiêu đảm bảo thông tin đến với người lao động nhanh nhất, chính xác nhất cũng như công tác hỗ trợ người lao động được kịp thời, thuận lợi, Trung tâm Lao động ngoài nước xây dựng ứng dụng **COLAB SOS**-

ứng dụng "Kết nối người lao động đi làm việc ở nước ngoài" gồm



các chức năng như: thông báo thông tin liên quan đến các chương trình, mục "Hỏi – đáp" gồm các câu hỏi mà nhiều người lao động quan tâm, mục "Hỗ trợ" để gửi các yêu cầu hỗ trợ liên quan đến công việc hoặc mục "S.O.S" – hỗ trợ khẩn cấp trong các trường hợp bị bạo hành, tai nạn hoặc các vấn đề cấp thiết khác.

Để sử dụng ứng dụng COLAB SOS, người lao động tải và cài đặt ứng dụng trên điện thoại di động, đăng nhập vào ứng dụng như sau:

- + Tên đăng nhập: là số hộ chiếu khi làm hồ sơ (ghi nhớ tên đăng nhập).

- + Mật khẩu mặc định: colab123 (người lao động thay đổi mật khẩu sau khi đăng nhập lần đầu thành công).

Sau khi đăng nhập lần đầu, người lao động cập nhật đầy đủ thông tin theo như hướng dẫn. Như vậy, trong trường hợp cần hỗ trợ hoặc hỗ trợ khẩn cấp, Trung tâm Lao động ngoài nước có được thông tin để liên hệ hỗ trợ nhanh nhất.

1.2. Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc (HRD Korea)

Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc được giao nhiệm vụ là Cơ quan tiếp nhận lao động thực hiện các chức năng:

- Phối hợp với phía Việt Nam để tổ chức kỳ thi tiếng Hàn và kiểm tra tay nghề cho người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS;

- Tiếp nhận và xác nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển của người lao động từ Cơ quan phái cử lao động;

- Gửi hồ sơ đăng ký dự tuyển của lao động đến các Trung tâm việc làm để giới thiệu cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động nước ngoài;

- Hỗ trợ thủ tục nhập cảnh Hàn Quốc cho người lao động;

- Hỗ trợ người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc;

các chức năng như: thông báo thông tin liên quan đến các chương trình, mục "Hỏi – đáp" gồm các câu hỏi mà nhiều người lao động quan tâm, mục "Hỗ trợ" để gửi các yêu cầu hỗ trợ liên quan đến công việc hoặc mục "S.O.S" – hỗ trợ khẩn cấp trong các trường hợp bị bạo hành, tai nạn hoặc các vấn đề cấp thiết khác.

Để sử dụng ứng dụng COLAB SOS, người lao động tải và cài đặt ứng dụng trên điện thoại di động, đăng nhập vào ứng dụng như sau:

- + Tên đăng nhập: là số hộ chiếu khi làm hồ sơ (ghi nhớ tên đăng nhập).

- + Mật khẩu mặc định: colab123 (người lao động thay đổi mật khẩu sau khi đăng nhập lần đầu thành công).

Sau khi đăng nhập lần đầu, người lao động cập nhật đầy đủ thông tin theo như hướng dẫn. Như vậy, trong trường hợp cần hỗ trợ hoặc hỗ trợ khẩn cấp, Trung tâm Lao động ngoài nước có được thông tin để liên hệ hỗ trợ nhanh nhất.

1.2. Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc (HRD Korea)

Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc được giao nhiệm vụ là Cơ quan tiếp nhận lao động thực hiện các chức năng:

- Phối hợp với phía Việt Nam để tổ chức kỳ thi tiếng Hàn và kiểm tra tay nghề cho người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS;

- Tiếp nhận và xác nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển của người lao động từ Cơ quan phái cử lao động;

- Gửi hồ sơ đăng ký dự tuyển của lao động đến các Trung tâm việc làm để giới thiệu cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động nước ngoài;

- Hỗ trợ thủ tục nhập cảnh Hàn Quốc cho người lao động;

- Hỗ trợ người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc;

HRD Korea có 24 chi nhánh ở Hàn Quốc. Người lao động có thể liên hệ với các chi nhánh HRD Korea ở các tỉnh để được hỗ trợ. Ngoài ra HRD Korea đặt các văn phòng đại diện tại các quốc gia phái cử nhằm phối hợp với cơ quan phái cử thực hiện các kỳ thi tiếng Hàn, kiểm tra tay nghề và các hoạt động khác liên quan đến chương trình EPS.

Trung tâm EPS Việt Nam (Viet Nam EPS Center): tầng 20, tòa nhà Chamvit, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội; điện thoại: 024-3773-7273.

2. Các cơ quan, tổ chức liên quan khác

2.1. Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

Là cơ quan đại diện ngoại giao của nhà nước Việt Nam tại Hàn Quốc, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam sinh sống, học tập và làm việc tại Hàn Quốc.

Phòng Lãnh sự thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc có chức năng cấp, chứng nhận, công chứng, giải quyết các thủ tục cho công dân Việt Nam (cấp hộ chiếu, giấy thông hành, khai sinh, đăng ký kết hôn, làm giấy uỷ quyền...). Điện thoại liên hệ: **+82-2-734-7948**

Ban Quản lý lao động trực thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc có nhiệm vụ quản lý, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và người lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc.

Ban Quản lý lao động phối hợp với Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS tổ chức các buổi tuyên truyền, vận động người lao động về nước. Điện thoại liên hệ: **+82-2-364-1043/45**

2.2. Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo Chương trình EPS

Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc (VEWMO) trực thuộc Trung tâm Lao động ngoài nước, có chức năng:

HRD Korea có 24 chi nhánh ở Hàn Quốc. Người lao động có thể liên hệ với các chi nhánh HRD Korea ở các tỉnh để được hỗ trợ. Ngoài ra HRD Korea đặt các văn phòng đại diện tại các quốc gia phái cử nhằm phối hợp với cơ quan phái cử thực hiện các kỳ thi tiếng Hàn, kiểm tra tay nghề và các hoạt động khác liên quan đến chương trình EPS.

Trung tâm EPS Việt Nam (Viet Nam EPS Center): tầng 20, tòa nhà Chamvit, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội; điện thoại: 024-3773-7273.

2. Các cơ quan, tổ chức liên quan khác

2.1. Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

Là cơ quan đại diện ngoại giao của nhà nước Việt Nam tại Hàn Quốc, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam sinh sống, học tập và làm việc tại Hàn Quốc.

Phòng Lãnh sự thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc có chức năng cấp, chứng nhận, công chứng, giải quyết các thủ tục cho công dân Việt Nam (cấp hộ chiếu, giấy thông hành, khai sinh, đăng ký kết hôn, làm giấy uỷ quyền...). Điện thoại liên hệ: **+82-2-734-7948**

Ban Quản lý lao động trực thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc có nhiệm vụ quản lý, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và người lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc.

Ban Quản lý lao động phối hợp với Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS tổ chức các buổi tuyên truyền, vận động người lao động về nước. Điện thoại liên hệ: **+82-2-364-1043/45**

2.2. Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo Chương trình EPS

Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc (VEWMO) trực thuộc Trung tâm Lao động ngoài nước, có chức năng:

- Tiếp nhận khai báo thông tin của người lao động thông báo về tình hình thực hiện hợp đồng lao động;
- Quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, giám sát để xác nhận tình hình thực hiện hợp đồng của người lao động;
- Hỗ trợ và hướng dẫn người lao động các thủ tục và các vấn đề phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động tại Hàn Quốc;
- Tuyên truyền, vận động người lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS chấp hành nghiêm túc chính sách pháp luật của Việt Nam và Hàn Quốc;
- Đón và hướng dẫn người lao động làm các thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh khi hết hạn hợp đồng lao động;
- Đại diện cho Trung tâm làm việc với các cơ quan chức năng của Hàn Quốc về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chương trình EPS.

Người lao động nhập cảnh và lưu trú tại Hàn Quốc phải thực hiện khai báo thông tin về Văn phòng Quản lý như sau:

Thời điểm khai báo	- Lần đầu: Sau khi nhập cảnh và được cấp Thẻ người nước ngoài. - Các lần bổ sung: Sau khi thay đổi nơi làm việc; hoặc thay đổi số điện thoại; được tái tuyển dụng (kỳ gia hạn 1 năm 10 tháng). - Lần cuối: Khi làm thủ tục về nước (gồm cả trường hợp về trước thời hạn và về nước đúng hạn).
Cách thức khai báo	Cách 1: Khai báo online tại trang www.colab.gov.vn Cách 2: Fax về số 02-393-6888 Cách 3: gửi Email hotrolaodong.eps@gmail.com

** Người lao động chuyển đổi visa sang các dạng visa E-7 hoặc F-6,.. phải thực hiện việc khai báo thay đổi visa trực tiếp với Văn phòng hoặc tại các buổi gặp gỡ tuyên truyền do Văn phòng tổ chức tại các địa phương.*

- Tiếp nhận khai báo thông tin của người lao động thông báo về tình hình thực hiện hợp đồng lao động;
- Quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, giám sát để xác nhận tình hình thực hiện hợp đồng của người lao động;
- Hỗ trợ và hướng dẫn người lao động các thủ tục và các vấn đề phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động tại Hàn Quốc;
- Tuyên truyền, vận động người lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS chấp hành nghiêm túc chính sách pháp luật của Việt Nam và Hàn Quốc;
- Đón và hướng dẫn người lao động làm các thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh khi hết hạn hợp đồng lao động;
- Đại diện cho Trung tâm làm việc với các cơ quan chức năng của Hàn Quốc về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chương trình EPS.

Người lao động nhập cảnh và lưu trú tại Hàn Quốc phải thực hiện khai báo thông tin về Văn phòng Quản lý như sau:

Thời điểm khai báo	- Lần đầu: Sau khi nhập cảnh và được cấp Thẻ người nước ngoài. - Các lần bổ sung: Sau khi thay đổi nơi làm việc; hoặc thay đổi số điện thoại; được tái tuyển dụng (kỳ gia hạn 1 năm 10 tháng). - Lần cuối: Khi làm thủ tục về nước (gồm cả trường hợp về trước thời hạn và về nước đúng hạn).
Cách thức khai báo	Cách 1: Khai báo online tại trang www.colab.gov.vn Cách 2: Fax về số 02-393-6888 Cách 3: gửi Email hotrolaodong.eps@gmail.com

** Người lao động chuyển đổi visa sang các dạng visa E-7 hoặc F-6,.. phải thực hiện việc khai báo thay đổi visa trực tiếp với Văn phòng hoặc tại các buổi gặp gỡ tuyên truyền do Văn phòng tổ chức tại các địa phương.*

Khai báo trực tiếp tại: Tầng 8, tòa nhà Golden Bridge, số 222, Chungjeongro 3ga, Seodaemun-gu, Seoul, Hàn Quốc.

(서울시 서대문구 충정로 3가 222 번지 골든브릿지빌딩 8 층, 베트남 EPS 근로자관리사무소)

Tel: +82-2.393.6868/ 02.6959.2466; Fax: 02. 393.6888

Email: hotrolaodong.eps@gmail.com

Facebook: Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS hoặc: www.facebook.com/epsvietnam

2.3. Các cơ sở đào tạo cho người lao động sau khi nhập cảnh

Người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc sẽ được đưa về các Cơ sở đào tạo theo các ngành để tham dự khóa đào tạo trong thời gian 3 ngày.

- Lao động ngành Sản xuất chế tạo được đào tạo tại cơ sở đào tạo NOSA.

- Lao động ngành Nông nghiệp được đào tạo tại cơ sở đào tạo NAFC của Hiệp hội nông nghiệp Hàn Quốc;

- Lao động ngành Xây dựng được đào tạo tại cơ sở đào tạo của Hiệp hội xây dựng Hàn Quốc;

- Lao động ngành Ngư nghiệp được đào tạo tại cơ sở đào tạo NAFF của Hiệp hội Thủy sản Hàn Quốc.

Tuy nhiên, tùy vào số lượng lao động thực tế nhập cảnh từng ngành, 02 cơ sở chính được sử dụng để đào tạo là Nosa (các ngành SXCT, xây dựng và nông nghiệp) và NAFF (ngành ngư nghiệp).

2.4. Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh Hàn Quốc (출입국관리사무소)

Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh là các cơ sở trực thuộc Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Hàn Quốc, có chức năng giải quyết các vấn đề liên quan đến lưu trú của người nước ngoài tại khu vực, như:

Khai báo trực tiếp tại: Tầng 8, tòa nhà Golden Bridge, số 222, Chungjeongro 3ga, Seodaemun-gu, Seoul, Hàn Quốc.

(서울시 서대문구 충정로 3가 222 번지 골든브릿지빌딩 8 층, 베트남 EPS 근로자관리사무소)

Tel: +82-2.393.6868/ 02.6959.2466; Fax: 02. 393.6888

Email: hotrolaodong.eps@gmail.com

Facebook: Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS hoặc: www.facebook.com/epsvietnam

2.3. Các cơ sở đào tạo cho người lao động sau khi nhập cảnh

Người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc sẽ được đưa về các Cơ sở đào tạo theo các ngành để tham dự khóa đào tạo trong thời gian 3 ngày.

- Lao động ngành Sản xuất chế tạo được đào tạo tại cơ sở đào tạo NOSA.

- Lao động ngành Nông nghiệp được đào tạo tại cơ sở đào tạo NAFC của Hiệp hội nông nghiệp Hàn Quốc;

- Lao động ngành Xây dựng được đào tạo tại cơ sở đào tạo của Hiệp hội xây dựng Hàn Quốc;

- Lao động ngành Ngư nghiệp được đào tạo tại cơ sở đào tạo NAFF của Hiệp hội Thủy sản Hàn Quốc.

Tuy nhiên, tùy vào số lượng lao động thực tế nhập cảnh từng ngành, 02 cơ sở chính được sử dụng để đào tạo là Nosa (các ngành SXCT, xây dựng và nông nghiệp) và NAFF (ngành ngư nghiệp).

2.4. Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh Hàn Quốc (출입국관리사무소)

Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh là các cơ sở trực thuộc Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Hàn Quốc, có chức năng giải quyết các vấn đề liên quan đến lưu trú của người nước ngoài tại khu vực, như:

- Tiếp nhận đăng ký người nước ngoài và cấp Thẻ người nước ngoài;
- Tiếp nhận việc khai báo thay đổi thông tin cá nhân liên quan đến lưu trú;
- Quản lý việc lưu trú của người nước ngoài tại khu vực;
- Quản lý người nước ngoài cư trú bất hợp pháp tại địa phương.

2.5. Trung tâm việc làm (고용센터)

Là cơ quan trực thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc, có chức năng:

- Giới thiệu hồ sơ của người lao động cho các công ty có nhu cầu tuyển dụng lao động người nước ngoài;
- Tiếp nhận đăng ký tìm việc và giới thiệu việc làm cho người lao động có nhu cầu chuyển việc;
- Làm thủ tục tái tuyển dụng cho người lao động sau khi hết thời hạn hợp đồng 3 năm; làm thủ tục ký lại hợp đồng cho người lao động trung thành;
- Làm thủ tục cho lao động hết hạn hợp đồng về nước.

2.6. Trung tâm Hỗ trợ lao động nước ngoài (외국인 노동자지원센터)

Trung tâm hỗ trợ lao động nước ngoài là các trung tâm được HRD ủy quyền có nhiệm vụ hỗ trợ người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc trong công việc và sinh hoạt tại Hàn Quốc.

Trung tâm hỗ trợ lao động có các tư vấn viên làm công tác phiên dịch, hỗ trợ giải quyết các vấn đề vướng mắc giữa người lao động và chủ sử dụng lao động; hướng dẫn các thủ tục hỗ trợ làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm và thủ tục hồi hương.

- Tiếp nhận đăng ký người nước ngoài và cấp Thẻ người nước ngoài;
- Tiếp nhận việc khai báo thay đổi thông tin cá nhân liên quan đến lưu trú;
- Quản lý việc lưu trú của người nước ngoài tại khu vực;
- Quản lý người nước ngoài cư trú bất hợp pháp tại địa phương.

2.5. Trung tâm việc làm (고용센터)

Là cơ quan trực thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc, có chức năng:

- Giới thiệu hồ sơ của người lao động cho các công ty có nhu cầu tuyển dụng lao động người nước ngoài;
- Tiếp nhận đăng ký tìm việc và giới thiệu việc làm cho người lao động có nhu cầu chuyển việc;
- Làm thủ tục tái tuyển dụng cho người lao động sau khi hết thời hạn hợp đồng 3 năm; làm thủ tục ký lại hợp đồng cho người lao động trung thành;
- Làm thủ tục cho lao động hết hạn hợp đồng về nước.

2.6. Trung tâm Hỗ trợ lao động nước ngoài (외국인 노동자지원센터)

Trung tâm hỗ trợ lao động nước ngoài là các trung tâm được HRD ủy quyền có nhiệm vụ hỗ trợ người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc trong công việc và sinh hoạt tại Hàn Quốc.

Trung tâm hỗ trợ lao động có các tư vấn viên làm công tác phiên dịch, hỗ trợ giải quyết các vấn đề vướng mắc giữa người lao động và chủ sử dụng lao động; hướng dẫn các thủ tục hỗ trợ làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm và thủ tục hồi hương.

Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các khóa học tiếng Hàn (đề thi TOPIK), các lớp học computer, lái xe,.. và tổ chức khám sức khỏe miễn phí cho người lao động các nước.

***Danh sách các Trung tâm
hỗ trợ lao động nước ngoài được HRD ủy quyền:***

S T T	Tên Trung tâm	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Trung tâm Hàn Quốc 한국 외국인노동자지원센터	서울특별시구로구남부 순환로 1291 B 동 1,3,4 층	1644-0644 ấn phím 3
2	Trung tâm Uijeongbu 의정부 외국인노동자지원센터	경기도의정부시경의로 94 (으정부동)	070-4912- 7023
3	Trung tâm Incheon 인천 외국인노동자지원센터	인천광역시남동구논현 동 636-3 명진프라자 12 층	032-431- 4545
4	Trung tâm Cheonan 천안 외국인노동자지원센터	충청남도천안시서북구 성정동 1300 스카이빌딩 4 층	041-411- 7000 ấn phím 3

Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các khóa học tiếng Hàn (đề thi TOPIK), các lớp học computer, lái xe,.. và tổ chức khám sức khỏe miễn phí cho người lao động các nước.

***Danh sách các Trung tâm
hỗ trợ lao động nước ngoài được HRD ủy quyền:***

S T T	Tên Trung tâm	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Trung tâm Hàn Quốc 한국 외국인노동자지원센터	서울특별시구로구남부 순환로 1291 B 동 1,3,4 층	1644-0644 ấn phím 3
2	Trung tâm Uijeongbu 의정부 외국인노동자지원센터	경기도의정부시경의로 94 (으정부동)	070-4912- 7023
3	Trung tâm Incheon 인천 외국인노동자지원센터	인천광역시남동구논현 동 636-3 명진프라자 12 층	032-431- 4545
4	Trung tâm Cheonan 천안 외국인노동자지원센터	충청남도천안시서북구 성정동 1300 스카이빌딩 4 층	041-411- 7000 ấn phím 3

5	Trung tâm Daegu 대구 외국인노동자지원센터	대구광역시 달성군 다사읍 달구벌대로 863 진광타워 8-9 층	053-654-9700 ائن phím 2
6	Trung tâm Gwangju 광주 외국인노동자지원센터	광주광역시 광산구 풍영로 145 번길 82 (구. 흑석동 510 번지)	062-946-1199
7	Trung tâm Kimhee 김해 외국인노동자지원센터	경상남도 김해시 성상동 154-3 번지 아이조이빌딩 6 층	070-8894-4845
8	Trung tâm Changwon 창원 외국인노동자지원센터	경상남도 창원시 마산합포구 3.5 대로 203. 1 층	1899-5002 ائن phím 1
9	Trung tâm Yangsan 양산 외국인노동자지원센터	경상남도 양산시 연호로 28	055-912-0255 ائن phím 1

5	Trung tâm Daegu 대구 외국인노동자지원센터	대구광역시 달성군 다사읍 달구벌대로 863 진광타워 8-9 층	053-654-9700 ائن phím 2
6	Trung tâm Gwangju 광주 외국인노동자지원센터	광주광역시 광산구 풍영로 145 번길 82 (구. 흑석동 510 번지)	062-946-1199
7	Trung tâm Kimhee 김해 외국인노동자지원센터	경상남도 김해시 성상동 154-3 번지 아이조이빌딩 6 층	070-8894-4845
8	Trung tâm Changwon 창원 외국인노동자지원센터	경상남도 창원시 마산합포구 3.5 대로 203. 1 층	1899-5002 ائن phím 1
9	Trung tâm Yangsan 양산 외국인노동자지원센터	경상남도 양산시 연호로 28	055-912-0255 ائن phím 1

Các số điện thoại hỗ trợ khác

Đơn vị	Điện thoại	Hỗ trợ
▪ Trung tâm tư vấn (Bộ Việc làm và Lao động HQ)	1350 – phím 5, sau đó phím 4 (Tiếng Việt)	Hỗ trợ, tư vấn cho người lao động nước ngoài
▪ Trung tâm tư vấn lao động nước ngoài (HRD Korea)	1577 -0071 – phím 3* (Tiếng Việt)	Tư vấn, xử lý các vấn đề lao động, việc làm
▪ Cơ quan xuất nhập cảnh	1345 – phím 0 *, sau đó phím 4 * (Tiếng Việt)	Tư vấn các vấn đề liên quan đến xuất nhập cảnh
▪ Công ty bảo hiểm Samsung	02-2261-8400- phím 3 (tiếng Việt)	Bảo hiểm hồi hương; mãn hạn xuất cảnh; rủi ro
▪ Công đoàn Phúc lợi lao động	1588-0075	Cơ quan phụ trách bảo hiểm tai nạn lao động
▪ Công đoàn Bảo hiểm y tế	1577-1000	Cơ quan phụ trách bảo hiểm y tế
▪ Dịch vụ phiên dịch miễn phí	1588-5644 – phím 15 (Tiếng Việt)	Phiên dịch hai chiều tiếng Hàn qua 17 ngôn ngữ
▪ Khai báo các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự, tội phạm,..	120	Số điện thoại của cảnh sát.

Các số điện thoại hỗ trợ khác

Đơn vị	Điện thoại	Hỗ trợ
▪ Trung tâm tư vấn (Bộ Việc làm và Lao động HQ)	1350 – phím 5, sau đó phím 4 (Tiếng Việt)	Hỗ trợ, tư vấn cho người lao động nước ngoài
▪ Trung tâm tư vấn lao động nước ngoài (HRD Korea)	1577 -0071 – phím 3* (Tiếng Việt)	Tư vấn, xử lý các vấn đề lao động, việc làm
▪ Cơ quan xuất nhập cảnh	1345 – phím 0 *, sau đó phím 4 * (Tiếng Việt)	Tư vấn các vấn đề liên quan đến xuất nhập cảnh
▪ Công ty bảo hiểm Samsung	02-2261-8400- phím 3 (tiếng Việt)	Bảo hiểm hồi hương; mãn hạn xuất cảnh; rủi ro
▪ Công đoàn Phúc lợi lao động	1588-0075	Cơ quan phụ trách bảo hiểm tai nạn lao động
▪ Công đoàn Bảo hiểm y tế	1577-1000	Cơ quan phụ trách bảo hiểm y tế
▪ Dịch vụ phiên dịch miễn phí	1588-5644 – phím 15 (Tiếng Việt)	Phiên dịch hai chiều tiếng Hàn qua 17 ngôn ngữ
▪ Khai báo các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự, tội phạm,..	120	Số điện thoại của cảnh sát.

PHẦN II: HỢP ĐỒNG ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC

Theo quy định tại Điều 3 của Luật người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006, “Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài” là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp với người lao động về quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

“Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc” được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam và Thỏa thuận giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc, và có một số nội dung chính sau:

1. Thời hạn hợp đồng

Thời hạn Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc được xác định theo thời hạn hợp đồng lao động ký giữa chủ sử dụng lao động với người lao động, nhưng tối đa không quá 5 năm.

2. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

2.1. Quyền lợi

- Được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp đối người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.

- Được nhận lại số tiền ký quỹ sau khi chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tại Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc.

2.2. Nghĩa vụ

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS;

PHẦN II: HỢP ĐỒNG ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC

Theo quy định tại Điều 3 của Luật người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006, “Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài” là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp với người lao động về quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

“Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc” được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam và Thỏa thuận giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc, và có một số nội dung chính sau:

1. Thời hạn hợp đồng

Thời hạn Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc được xác định theo thời hạn hợp đồng lao động ký giữa chủ sử dụng lao động với người lao động, nhưng tối đa không quá 5 năm.

2. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

2.1. Quyền lợi

- Được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp đối người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.

- Được nhận lại số tiền ký quỹ sau khi chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tại Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc.

2.2. Nghĩa vụ

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS;

- Phải thực hiện việc ký quỹ trước khi xuất cảnh và bị thu hồi khoản tiền ký quỹ nếu bỏ trốn khỏi nơi làm việc hoặc không về nước đúng thời hạn khi hết hạn hợp đồng lao động;
- Phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây thiệt hại cho bên đưa đi và cho doanh nghiệp sử dụng lao động Hàn Quốc;
- Bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc.

3. Quyền, nghĩa vụ của Trung tâm Lao động ngoài nước

3.1. Quyền lợi:

- Thu các khoản tiền theo quy định của chương trình;
- Yêu cầu người lao động bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây thiệt hại cho bên đưa đi và chủ sử dụng lao động;

3.2. Nghĩa vụ:

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết, bổ túc tiếng Hàn cho người lao động trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc;
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho người lao động trước khi xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc;
- Phối hợp với Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc và các cơ quan chức năng của Hàn Quốc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và tư vấn, hỗ trợ cho người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc
- Hỗ trợ các thủ tục để người lao động được hưởng quyền lợi từ Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước và các chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước.

4. Thủ tục thanh lý hợp đồng

4.1 Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý trong các trường hợp sau:

- a) Người lao động không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc hoặc không đủ điều kiện để đi làm việc tại Hàn Quốc;

- Phải thực hiện việc ký quỹ trước khi xuất cảnh và bị thu hồi khoản tiền ký quỹ nếu bỏ trốn khỏi nơi làm việc hoặc không về nước đúng thời hạn khi hết hạn hợp đồng lao động;
- Phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây thiệt hại cho bên đưa đi và cho doanh nghiệp sử dụng lao động Hàn Quốc;
- Bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc.

3. Quyền, nghĩa vụ của Trung tâm Lao động ngoài nước

3.1. Quyền lợi:

- Thu các khoản tiền theo quy định của chương trình;
- Yêu cầu người lao động bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây thiệt hại cho bên đưa đi và chủ sử dụng lao động;

3.2. Nghĩa vụ:

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết, bổ túc tiếng Hàn cho người lao động trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc;
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho người lao động trước khi xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc;
- Phối hợp với Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc và các cơ quan chức năng của Hàn Quốc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và tư vấn, hỗ trợ cho người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc
- Hỗ trợ các thủ tục để người lao động được hưởng quyền lợi từ Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước và các chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước.

4. Thủ tục thanh lý hợp đồng

4.1 Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý trong các trường hợp sau:

- a) Người lao động không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc hoặc không đủ điều kiện để đi làm việc tại Hàn Quốc;

b) Người lao động hoàn thành hợp đồng lao động trở về nước đúng thời hạn;

c) Người lao động không đi làm việc tại Hàn Quốc do chủ sử dụng lao động hủy hợp đồng lao động hoặc vì lý do khách quan khác;

d) Người lao động chết hoặc mất tích trong thời gian làm việc theo hợp đồng.

Tiền ký quỹ được giải quyết như sau: Trong vòng 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị và đầy đủ giấy tờ theo quy định, Trung tâm Lao động ngoài nước thông báo bằng văn bản cho Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động cư trú hợp pháp trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc để làm cơ sở hoàn trả tiền ký quỹ và tất toán tài khoản ký quỹ cho người lao động sau khi trừ các chi phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký.

4.2 Các trường hợp thanh lý hợp đồng bằng văn bản:

a) Người lao động hoặc chủ sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và người lao động về nước;

b) Người lao động trở về nước trước thời hạn do vi phạm hợp đồng;

c) Người lao động phải về nước trước thời hạn do ốm đau, tai nạn và các lý do bất khả kháng khác;

d) Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, trốn ra ngoài làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc;

e) Người lao động bỏ trốn trước khi đến nơi làm việc theo hợp đồng lao động (bỏ trốn tại sân bay sau khi nhập cảnh, bỏ trốn tại Cơ sở đào tạo của Hàn Quốc trước khi về nơi làm việc theo hợp đồng,...);

f) Người lao động sau khi hết hạn hợp đồng lao động không về nước mà ở lại làm việc và cư trú trái phép tại Hàn Quốc.

b) Người lao động hoàn thành hợp đồng lao động trở về nước đúng thời hạn;

c) Người lao động không đi làm việc tại Hàn Quốc do chủ sử dụng lao động hủy hợp đồng lao động hoặc vì lý do khách quan khác;

d) Người lao động chết hoặc mất tích trong thời gian làm việc theo hợp đồng.

Tiền ký quỹ được giải quyết như sau: Trong vòng 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị và đầy đủ giấy tờ theo quy định, Trung tâm Lao động ngoài nước thông báo bằng văn bản cho Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động cư trú hợp pháp trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc để làm cơ sở hoàn trả tiền ký quỹ và tất toán tài khoản ký quỹ cho người lao động sau khi trừ các chi phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký.

4.2 Các trường hợp thanh lý hợp đồng bằng văn bản:

a) Người lao động hoặc chủ sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và người lao động về nước;

b) Người lao động trở về nước trước thời hạn do vi phạm hợp đồng;

c) Người lao động phải về nước trước thời hạn do ốm đau, tai nạn và các lý do bất khả kháng khác;

d) Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, trốn ra ngoài làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc;

e) Người lao động bỏ trốn trước khi đến nơi làm việc theo hợp đồng lao động (bỏ trốn tại sân bay sau khi nhập cảnh, bỏ trốn tại Cơ sở đào tạo của Hàn Quốc trước khi về nơi làm việc theo hợp đồng,...);

f) Người lao động sau khi hết hạn hợp đồng lao động không về nước mà ở lại làm việc và cư trú trái phép tại Hàn Quốc.

Thủ tục thanh lý bằng văn bản:

Đối với trường hợp (a), (b) và (c), người lao động phải đến trụ sở Trung tâm Lao động ngoài nước để tiến hành thanh lý hợp đồng trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày người lao động về nước.

Đối với các trường hợp (d), (e), (f) và trong trường hợp quá 20 ngày làm việc người lao động thuộc trường hợp (a), (b) và (c) không đến thanh lý hợp đồng thì Trung tâm Lao động ngoài nước có quyền đơn phương thanh lý hợp đồng.

Giải quyết tiền ký quỹ (hoàn trả, hoàn trả một phần hoặc không hoàn trả): Đối với từng trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

5. Thủ tục thanh lý hợp đồng và rút tiền ký quỹ:

Người lao động chưa xuất cảnh, người lao động hoàn thành hợp đồng về nước đúng hạn, trước hạn hoặc chuyển đổi tư cách lưu trú làm thủ tục thanh lý hợp đồng và nhận lại khoản tiền ký quỹ. Thủ tục gồm:

5.1. Trường hợp chưa xuất cảnh (do bị hủy hợp đồng, từ chối cấp visa, sức khỏe không đạt yêu cầu, lý do cá nhân,..):

- Đơn đề nghị rút tiền ký quỹ có xác nhận của UBND/xã phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Giấy xác nhận ký quỹ (bản gốc);
- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS (03 bản);

5.2. Đối với người lao động đã xuất cảnh (người lao động về nước trước hạn, đúng hạn hoặc chuyển đổi tư cách lưu trú):

- Đơn xin rút tiền ký quỹ;

Thủ tục thanh lý bằng văn bản:

Đối với trường hợp (a), (b) và (c), người lao động phải đến trụ sở Trung tâm Lao động ngoài nước để tiến hành thanh lý hợp đồng trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày người lao động về nước.

Đối với các trường hợp (d), (e), (f) và trong trường hợp quá 20 ngày làm việc người lao động thuộc trường hợp (a), (b) và (c) không đến thanh lý hợp đồng thì Trung tâm Lao động ngoài nước có quyền đơn phương thanh lý hợp đồng.

Giải quyết tiền ký quỹ (hoàn trả, hoàn trả một phần hoặc không hoàn trả): Đối với từng trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

5. Thủ tục thanh lý hợp đồng và rút tiền ký quỹ:

Người lao động chưa xuất cảnh, người lao động hoàn thành hợp đồng về nước đúng hạn, trước hạn hoặc chuyển đổi tư cách lưu trú làm thủ tục thanh lý hợp đồng và nhận lại khoản tiền ký quỹ. Thủ tục gồm:

5.1. Trường hợp chưa xuất cảnh (do bị hủy hợp đồng, từ chối cấp visa, sức khỏe không đạt yêu cầu, lý do cá nhân,..):

- Đơn đề nghị rút tiền ký quỹ có xác nhận của UBND/xã phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Giấy xác nhận ký quỹ (bản gốc);
- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS (03 bản);

5.2. Đối với người lao động đã xuất cảnh (người lao động về nước trước hạn, đúng hạn hoặc chuyển đổi tư cách lưu trú):

- Đơn xin rút tiền ký quỹ;

- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS (01 bản);
- Hộ chiếu bản gốc và bản photocopy (tất cả các trang) có chứng thực;
- Phiếu xác nhận kế hoạch về nước (출국예정사실확인서) do Trung tâm việc làm tại Hàn Quốc cấp (*nếu người lao động về nước trước hoặc đúng hạn*);
- Giấy tờ chứng minh chuyển đổi hình thức lưu trú (*nếu người lao động chuyển đổi từ visa E9 sang các loại visa lưu trú dài hạn*);
- Giấy tờ chứng minh không làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc (*với những người lao động bị cưỡng chế về nước vì lý do vi phạm pháp luật*).

Sau khi hoàn thành thủ tục, người lao động nộp về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (trong trường hợp đăng ký dự tuyển thông qua Sở) hoặc gửi trực tiếp về Trung tâm Lao động ngoài nước (Lao động CBT và lao động mẫu mực).

Chi tiết xem tại website: www.colab.gov.vn

- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS (01 bản);
- Hộ chiếu bản gốc và bản photocopy (tất cả các trang) có chứng thực;
- Phiếu xác nhận kế hoạch về nước (출국예정사실확인서) do Trung tâm việc làm tại Hàn Quốc cấp (*nếu người lao động về nước trước hoặc đúng hạn*);
- Giấy tờ chứng minh chuyển đổi hình thức lưu trú (*nếu người lao động chuyển đổi từ visa E9 sang các loại visa lưu trú dài hạn*);
- Giấy tờ chứng minh không làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc (*với những người lao động bị cưỡng chế về nước vì lý do vi phạm pháp luật*).

Sau khi hoàn thành thủ tục, người lao động nộp về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (trong trường hợp đăng ký dự tuyển thông qua Sở) hoặc gửi trực tiếp về Trung tâm Lao động ngoài nước (Lao động CBT và lao động mẫu mực).

Chi tiết xem tại website: www.colab.gov.vn

PHẦN III: LUẬT LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN – HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN

LUẬT LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN:

Là những quy định về điều kiện làm việc tối thiểu để đảm bảo cuộc sống mang quyền con người và bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Luật lao động tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án, công ty có từ 05 người lao động thường trú; với những dự án, công ty có từ 04 người lao động trở xuống chỉ áp dụng một phần của Luật này, trong đó không áp dụng quy định về thời gian làm việc, ngày nghỉ và kỳ nghỉ đối với lao động ngành nông nghiệp và ngư nghiệp.

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN:

Là thỏa thuận được ký giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, trong đó, các điều khoản trong Hợp đồng này phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu theo quy định của Luật lao động tiêu chuẩn, gồm có các điều khoản về công việc, điều kiện làm việc, tiền lương, và các vấn đề liên quan. Những hợp đồng không đạt các tiêu chuẩn được quy định trong Luật lao động tiêu chuẩn không có hiệu lực.

Hợp đồng lao động dành cho người lao động theo chế độ Cấp phép việc làm phải tuân theo mẫu hợp đồng lao động tiêu chuẩn và được Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc kiểm soát nên phù hợp với quy định của pháp luật Hàn Quốc.

I. Nội dung chính hợp đồng lao động

1. Thông tin về người sử dụng lao động và người lao động

Hợp đồng có ghi các thông tin của người sử dụng lao động (gồm tên công ty và người đại diện, số điện thoại, địa chỉ công ty, đăng ký kinh doanh,..) và thông tin của người lao động (họ tên, ngày sinh, địa chỉ tại Việt Nam,..).

PHẦN III: LUẬT LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN – HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN

LUẬT LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN:

Là những quy định về điều kiện làm việc tối thiểu để đảm bảo cuộc sống mang quyền con người và bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Luật lao động tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án, công ty có từ 05 người lao động thường trú; với những dự án, công ty có từ 04 người lao động trở xuống chỉ áp dụng một phần của Luật này, trong đó không áp dụng quy định về thời gian làm việc, ngày nghỉ và kỳ nghỉ đối với lao động ngành nông nghiệp và ngư nghiệp.

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TIÊU CHUẨN:

Là thỏa thuận được ký giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, trong đó, các điều khoản trong Hợp đồng này phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu theo quy định của Luật lao động tiêu chuẩn, gồm có các điều khoản về công việc, điều kiện làm việc, tiền lương, và các vấn đề liên quan. Những hợp đồng không đạt các tiêu chuẩn được quy định trong Luật lao động tiêu chuẩn không có hiệu lực.

Hợp đồng lao động dành cho người lao động theo chế độ Cấp phép việc làm phải tuân theo mẫu hợp đồng lao động tiêu chuẩn và được Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc kiểm soát nên phù hợp với quy định của pháp luật Hàn Quốc.

I. Nội dung chính hợp đồng lao động

1. Thông tin về người sử dụng lao động và người lao động

Hợp đồng có ghi các thông tin của người sử dụng lao động (gồm tên công ty và người đại diện, số điện thoại, địa chỉ công ty, đăng ký kinh doanh,..) và thông tin của người lao động (họ tên, ngày sinh, địa chỉ tại Việt Nam,..).

2. Thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 năm đến 3 năm, tùy thuộc vào nhu cầu của chủ sử dụng lao động. Hết thời hạn hợp đồng mà vẫn còn thời hạn lưu trú, hai bên sẽ ký gia hạn hợp đồng lao động.

Thời gian thử việc (nếu có) tối đa là 3 tháng, mức lương được hưởng trong thời gian thử việc là 90%.

3. Địa điểm làm việc và nội dung công việc

Người lao động làm việc tại địa điểm như trên hợp đồng đã ký kết; địa chỉ này được in trên Thẻ người nước ngoài.

Cần đặc biệt lưu ý: nếu làm việc không đúng địa điểm được ghi trong hợp đồng lao động sẽ bị coi là làm việc bất hợp pháp.

Người lao động đăng ký dự tuyển ở ngành, nghề nào thì sẽ được tuyển dụng làm việc ở ngành, nghề đó. Chỉ người lao động dự tuyển ngành sản xuất chế tạo có thể đổi sang các ngành nghề khác.

4. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Thời gian làm việc theo nguyên tắc 40 giờ/tuần đã trừ ngày nghỉ và không quá 8 giờ/ngày không kể thời gian nghỉ giữa giờ.

- Ngày nghỉ có lương: người lao động được hưởng 01 ngày nghỉ có lương/tuần nếu làm đủ số ngày làm việc.

- Không áp dụng thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và ngày nghỉ đối với lao động thuộc các ngành nông nghiệp và ngư nghiệp.

Thời gian	SXCT	XD	Ngư nghiệp	Nông nghiệp
Thời gian làm việc.	08 giờ/ngày 40 giờ/tuần		Theo mùa vụ hoặc theo đặc thù của công việc Lúc ít việc hoặc không có việc vẫn được trả 70% tiền lương	

2. Thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 năm đến 3 năm, tùy thuộc vào nhu cầu của chủ sử dụng lao động. Hết thời hạn hợp đồng mà vẫn còn thời hạn lưu trú, hai bên sẽ ký gia hạn hợp đồng lao động.

Thời gian thử việc (nếu có) tối đa là 3 tháng, mức lương được hưởng trong thời gian thử việc là 90%.

3. Địa điểm làm việc và nội dung công việc

Người lao động làm việc tại địa điểm như trên hợp đồng đã ký kết; địa chỉ này được in trên Thẻ người nước ngoài.

Cần đặc biệt lưu ý: nếu làm việc không đúng địa điểm được ghi trong hợp đồng lao động sẽ bị coi là làm việc bất hợp pháp.

Người lao động đăng ký dự tuyển ở ngành, nghề nào thì sẽ được tuyển dụng làm việc ở ngành, nghề đó. Chỉ người lao động dự tuyển ngành sản xuất chế tạo có thể đổi sang các ngành nghề khác.

4. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Thời gian làm việc theo nguyên tắc 40 giờ/tuần đã trừ ngày nghỉ và không quá 8 giờ/ngày không kể thời gian nghỉ giữa giờ.

- Ngày nghỉ có lương: người lao động được hưởng 01 ngày nghỉ có lương/tuần nếu làm đủ số ngày làm việc.

- Không áp dụng thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và ngày nghỉ đối với lao động thuộc các ngành nông nghiệp và ngư nghiệp.

Thời gian	SXCT	XD	Ngư nghiệp	Nông nghiệp
Thời gian làm việc.	08 giờ/ngày 40 giờ/tuần		Theo mùa vụ hoặc theo đặc thù của công việc Lúc ít việc hoặc không có việc vẫn được trả 70% tiền lương	

Thời gian làm thêm	+ Làm thêm ngoài giờ quy định phải được sự đồng ý của 2 bên; + Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ/tuần.	- Không áp dụng. Tuy nhiên, một số công ty có điều kiện làm việc tương tự ngành SXCT có thể áp dụng.
Thời gian nghỉ lao	Ít nhất 30 phút sau 4 giờ hoặc ít nhất 60 phút sau 8 giờ làm việc	- Không áp dụng - Áp dụng theo sự thỏa thuận của chủ sử dụng lao động và người lao động
Nghỉ phép theo luật định	- Nghỉ trong tuần: 01 ngày nghỉ nếu làm đủ 5 ngày (40 giờ) trong tuần. - Nghỉ ngày Quốc tế Lao động. - Nghỉ phép năm: + 15 ngày nghỉ/năm, nếu làm đủ 80% số ngày làm việc trong năm + 01 ngày/tháng, nếu chưa đủ 80% số ngày làm việc trong năm - Nghỉ thai sản: 90 ngày	
Ngày nghỉ theo quy định của công ty	Các ngày lễ, lịch đỏ; Ngày thành lập công ty; Nghỉ hè; Thương phép. (Pháp luật không quy định ngày lễ, lịch đỏ là ngày nghỉ. Trường hợp công ty không áp dụng nghỉ các ngày lễ, người lao động vẫn phải làm việc và nhận lương như ngày làm việc bình thường).	

Lưu ý: Các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi không áp dụng đối với người lao động làm việc trong những trường hợp sau:

Thời gian làm thêm	+ Làm thêm ngoài giờ quy định phải được sự đồng ý của 2 bên; + Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ/tuần.	- Không áp dụng. Tuy nhiên, một số công ty có điều kiện làm việc tương tự ngành SXCT có thể áp dụng.
Thời gian nghỉ lao	Ít nhất 30 phút sau 4 giờ hoặc ít nhất 60 phút sau 8 giờ làm việc	- Không áp dụng - Áp dụng theo sự thỏa thuận của chủ sử dụng lao động và người lao động
Nghỉ phép theo luật định	- Nghỉ trong tuần: 01 ngày nghỉ nếu làm đủ 5 ngày (40 giờ) trong tuần. - Nghỉ ngày Quốc tế Lao động. - Nghỉ phép năm: + 15 ngày nghỉ/năm, nếu làm đủ 80% số ngày làm việc trong năm + 01 ngày/tháng, nếu chưa đủ 80% số ngày làm việc trong năm - Nghỉ thai sản: 90 ngày	
Ngày nghỉ theo quy định của công ty	Các ngày lễ, lịch đỏ; Ngày thành lập công ty; Nghỉ hè; Thương phép. (Pháp luật không quy định ngày lễ, lịch đỏ là ngày nghỉ. Trường hợp công ty không áp dụng nghỉ các ngày lễ, người lao động vẫn phải làm việc và nhận lương như ngày làm việc bình thường).	

Lưu ý: Các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi không áp dụng đối với người lao động làm việc trong những trường hợp sau:

- + Khai thác đất trồng, khai hoang, gieo giống và trồng trọt, thu hoạch hoặc các công việc nông nghiệp và lâm nghiệp khác;
- + Đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản hay chăn nuôi gia súc khác, kinh doanh chăn nuôi tầm và ngư nghiệp;
- + Người lao động làm các công việc nêu trong Nghị định của Tổng thống Hàn Quốc.

5. Tiền lương và thanh toán tiền lương

- Người lao động được trả lương không thấp hơn mức tiền lương tối thiểu do Chính phủ Hàn Quốc quy định. Tiền lương tối thiểu được Chính phủ Hàn Quốc điều chỉnh hàng năm căn cứ vào các chỉ số tăng trưởng của nền kinh tế.

- Mức tiền lương ghi trên hợp đồng lao động là mức tiền lương cơ bản. Thu nhập của người lao động bao gồm tiền lương cơ bản tính theo giờ (hoặc ngày công) thực tế mà người lao động làm việc, cộng với lương làm thêm giờ, lương làm ca đêm, tiền thưởng và các khoản tiền khác được chủ sử dụng lao động trả (nếu có).

- Tiền lương thực nhận là các khoản thu nhập sau khi đã khấu trừ các chi phí: tiền thuế thu nhập, tiền bảo hiểm y tế, tiền thuế cư trú, các khoản chi trả hộ người lao động (các dịch vụ công cộng) và các chi phí nội bộ của công ty.

- Tiền lương của người lao động phải được trả đầy đủ bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản, ít nhất 1 lần/tháng và ngày trả lương được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động. Không được trả lương bằng hiện vật.

- + Khai thác đất trồng, khai hoang, gieo giống và trồng trọt, thu hoạch hoặc các công việc nông nghiệp và lâm nghiệp khác;
- + Đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản hay chăn nuôi gia súc khác, kinh doanh chăn nuôi tầm và ngư nghiệp;
- + Người lao động làm các công việc nêu trong Nghị định của Tổng thống Hàn Quốc.

5. Tiền lương và thanh toán tiền lương

- Người lao động được trả lương không thấp hơn mức tiền lương tối thiểu do Chính phủ Hàn Quốc quy định. Tiền lương tối thiểu được Chính phủ Hàn Quốc điều chỉnh hàng năm căn cứ vào các chỉ số tăng trưởng của nền kinh tế.

- Mức tiền lương ghi trên hợp đồng lao động là mức tiền lương cơ bản. Thu nhập của người lao động bao gồm tiền lương cơ bản tính theo giờ (hoặc ngày công) thực tế mà người lao động làm việc, cộng với lương làm thêm giờ, lương làm ca đêm, tiền thưởng và các khoản tiền khác được chủ sử dụng lao động trả (nếu có).

- Tiền lương thực nhận là các khoản thu nhập sau khi đã khấu trừ các chi phí: tiền thuế thu nhập, tiền bảo hiểm y tế, tiền thuế cư trú, các khoản chi trả hộ người lao động (các dịch vụ công cộng) và các chi phí nội bộ của công ty.

- Tiền lương của người lao động phải được trả đầy đủ bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản, ít nhất 1 lần/tháng và ngày trả lương được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động. Không được trả lương bằng hiện vật.

Tiền lương tối thiểu theo giờ được áp dụng như sau:

Thu nhập	SXCT	XD	Ngư nghiệp	Nông nghiệp
Số giờ làm việc cơ sở	40 giờ/ tuần 209 giờ/ tháng		44 giờ/ tuần 226 giờ/ tháng	40 giờ/ tuần 209 giờ/ tháng
Lương cơ bản	Lương cơ bản = Mức lương giờ x số giờ làm việc cơ sở Lương giờ tối thiểu năm 2020 của Hàn Quốc là: 8,590 won/giờ <u>Theo đó:</u> Lương cơ bản tháng (1) = 8,590 won x 209 giờ = 1,795,310won /tháng Lương cơ bản tháng (2) = 8,590 won x 226 giờ = 1,941,340won /tháng.			
Lương thử việc	Bằng 90% mức lương theo hợp đồng lao động.			
Lương làm thêm	Số giờ làm việc x mức lương giờ x 150%	Không áp dụng		
Lương làm đêm	Số giờ làm việc x mức lương giờ x 150%	Không áp dụng		
Lương làm ca đêm (từ 22h00 – 6h00)	Số giờ làm việc x mức lương giờ x 150%	Không áp dụng		
Tiền thưởng và phụ cấp khác	Pháp luật không bắt buộc công ty phải có tiền thưởng hoặc phụ cấp tiền ăn, ở đối với người lao động, trừ trường hợp đã thể hiện trong hợp đồng lao động.			
Lương ngừng việc	- 70% mức lương trung bình. - Nếu mức 70% vượt mức lương cơ bản thì trả theo lương cơ bản	- 100% mức lương trung bình	- 70% lương trung bình (nơi làm việc có trên 4 NLD)	

Tiền lương tối thiểu theo giờ được áp dụng như sau:

Thu nhập	SXCT	XD	Ngư nghiệp	Nông nghiệp
Số giờ làm việc cơ sở	40 giờ/ tuần 209 giờ/ tháng		44 giờ/ tuần 226 giờ/ tháng	40 giờ/ tuần 209 giờ/ tháng
Lương cơ bản	Lương cơ bản = Mức lương giờ x số giờ làm việc cơ sở Lương giờ tối thiểu năm 2020 của Hàn Quốc là: 8,590 won/giờ <u>Theo đó:</u> Lương cơ bản tháng (1) = 8,590 won x 209 giờ = 1,795,310won /tháng Lương cơ bản tháng (2) = 8,590 won x 226 giờ = 1,941,340won /tháng.			
Lương thử việc	Bằng 90% mức lương theo hợp đồng lao động.			
Lương làm thêm	Số giờ làm việc x mức lương giờ x 150%	Không áp dụng		
Lương làm đêm	Số giờ làm việc x mức lương giờ x 150%	Không áp dụng		
Lương làm ca đêm (từ 22h00 – 6h00)	Số giờ làm việc x mức lương giờ x 150%	Không áp dụng		
Tiền thưởng và phụ cấp khác	Pháp luật không bắt buộc công ty phải có tiền thưởng hoặc phụ cấp tiền ăn, ở đối với người lao động, trừ trường hợp đã thể hiện trong hợp đồng lao động.			
Lương ngừng việc	- 70% mức lương trung bình. - Nếu mức 70% vượt mức lương cơ bản thì trả theo lương cơ bản	- 100% mức lương trung bình	- 70% lương trung bình (nơi làm việc có trên 4 NLD)	

Trong đó, số giờ làm việc được tính như sau:

$[(40g + 8g)/7 \text{ ngày}] \times 365 \text{ ngày} / 12 \text{ tháng} = \mathbf{209}$ giờ /tháng (áp dụng 40 giờ/tuần)

$[(44g + 8g)/7 \text{ ngày}] \times 365 \text{ ngày} / 12 \text{ tháng} = \mathbf{226}$ giờ /tháng (áp dụng 44 giờ/tuần)

* 8g: là số giờ nghỉ của ngày nghỉ trong tuần (ngày chủ nhật hoặc 01 ngày nghỉ khác trong tuần theo quy định của nơi làm việc) được hưởng lương khi đã làm đủ thời gian theo quy định (40 giờ hoặc 44 giờ).

* Đối với lao động ngành nông nghiệp, có thể áp dụng chế độ bổ sung nơi làm việc trong thời gian chờ nghỉ việc tại công ty (phần Luật xuất nhập cảnh).

Tham khảo bảng tính tiền làm thêm:

STT	Nội dung	Lương cơ bản	Lương làm thêm giờ	Tổng tiền lương
1	Làm 8h/ngày	100%	0	100%
2	Làm thêm giờ	100%	50%	150%
3	Làm đêm	100%	50%	150%
4	Làm thêm giờ + làm đêm	100%	50% + 50%	200%
5	Làm thêm vào ngày nghỉ không lương (Thứ bảy)	100%	0	100%
6	Làm thêm vào ngày nghỉ có lương (Chủ nhật)	100%	50%	150%
7	Làm thêm giờ + làm đêm + ngày nghỉ không lương	100%	50% + 50%	200%
8	Làm thêm giờ + làm đêm + ngày nghỉ có lương	100%	50% + 50% + 50%	250%

Trong đó, số giờ làm việc được tính như sau:

$[(40g + 8g)/7 \text{ ngày}] \times 365 \text{ ngày} / 12 \text{ tháng} = \mathbf{209}$ giờ /tháng (áp dụng 40 giờ/tuần)

$[(44g + 8g)/7 \text{ ngày}] \times 365 \text{ ngày} / 12 \text{ tháng} = \mathbf{226}$ giờ /tháng (áp dụng 44 giờ/tuần)

* 8g: là số giờ nghỉ của ngày nghỉ trong tuần (ngày chủ nhật hoặc 01 ngày nghỉ khác trong tuần theo quy định của nơi làm việc) được hưởng lương khi đã làm đủ thời gian theo quy định (40 giờ hoặc 44 giờ).

* Đối với lao động ngành nông nghiệp, có thể áp dụng chế độ bổ sung nơi làm việc trong thời gian chờ nghỉ việc tại công ty (phần Luật xuất nhập cảnh).

Tham khảo bảng tính tiền làm thêm:

STT	Nội dung	Lương cơ bản	Lương làm thêm giờ	Tổng tiền lương
1	Làm 8h/ngày	100%	0	100%
2	Làm thêm giờ	100%	50%	150%
3	Làm đêm	100%	50%	150%
4	Làm thêm giờ + làm đêm	100%	50% + 50%	200%
5	Làm thêm vào ngày nghỉ không lương (Thứ bảy)	100%	0	100%
6	Làm thêm vào ngày nghỉ có lương (Chủ nhật)	100%	50%	150%
7	Làm thêm giờ + làm đêm + ngày nghỉ không lương	100%	50% + 50%	200%
8	Làm thêm giờ + làm đêm + ngày nghỉ có lương	100%	50% + 50% + 50%	250%

6. Ăn, ở và phương tiện đi lại.

- Chủ sử dụng lao động không có nghĩa vụ chi trả tiền ăn, ở cho người lao động; trong trường hợp cung cấp nơi ăn, ở thì có thể khấu trừ các khoản tiền này từ người lao động. Điều kiện về nơi ăn, ở và mức khấu trừ phải được ghi rõ trong hợp đồng lao động.

Thông thường, mức khấu trừ tiền ăn, ở được tính như sau:

Phân loại	Nhà chung cư, nhà riêng, nhà tập thể và các cơ sở vật chất tương đương	Nơi ở tạm và các cơ sở vật chất tương tự
Trường hợp công ty cung cấp cả nơi ở và bữa ăn	Tối đa 20% mức lương cố định tháng	Tối đa 13% mức lương cố định tháng
Trường hợp công ty chỉ cung cấp nơi ở	Tối đa 15% mức lương cố định tháng	Tối đa 8% mức lương cố định tháng

- Mức tiền trên không bao gồm các chi phí tiền gas, tiền điện, tiền nước,.. do số tiền này biến động theo mức sử dụng hàng tháng nên sẽ chi trả sau.

- Trường hợp nơi ở cho người lao động được bố trí ở nhà nilong thì chủ sử dụng lao động cũng có thể trừ tiền nhà, tuy nhiên, tối thiểu phải có phòng rửa mặt, nhà vệ sinh ở trong hoặc ở xung quanh nơi ở; không bố trí nam nữ ở chung.

Khi thực hiện khấu trừ tiền ăn và tiền thuê nhà của người lao động, để tránh khiếu nại sau đó, chủ sử dụng lao động yêu cầu người lao động ký Giấy đồng ý khấu trừ tiền từ lương, nội dung như sau:

6. Ăn, ở và phương tiện đi lại.

- Chủ sử dụng lao động không có nghĩa vụ chi trả tiền ăn, ở cho người lao động; trong trường hợp cung cấp nơi ăn, ở thì có thể khấu trừ các khoản tiền này từ người lao động. Điều kiện về nơi ăn, ở và mức khấu trừ phải được ghi rõ trong hợp đồng lao động.

Thông thường, mức khấu trừ tiền ăn, ở được tính như sau:

Phân loại	Nhà chung cư, nhà riêng, nhà tập thể và các cơ sở vật chất tương đương	Nơi ở tạm và các cơ sở vật chất tương tự
Trường hợp công ty cung cấp cả nơi ở và bữa ăn	Tối đa 20% mức lương cố định tháng	Tối đa 13% mức lương cố định tháng
Trường hợp công ty chỉ cung cấp nơi ở	Tối đa 15% mức lương cố định tháng	Tối đa 8% mức lương cố định tháng

- Mức tiền trên không bao gồm các chi phí tiền gas, tiền điện, tiền nước,.. do số tiền này biến động theo mức sử dụng hàng tháng nên sẽ chi trả sau.

- Trường hợp nơi ở cho người lao động được bố trí ở nhà nilong thì chủ sử dụng lao động cũng có thể trừ tiền nhà, tuy nhiên, tối thiểu phải có phòng rửa mặt, nhà vệ sinh ở trong hoặc ở xung quanh nơi ở; không bố trí nam nữ ở chung.

Khi thực hiện khấu trừ tiền ăn và tiền thuê nhà của người lao động, để tránh khiếu nại sau đó, chủ sử dụng lao động yêu cầu người lao động ký Giấy đồng ý khấu trừ tiền từ lương, nội dung như sau:

공제 동의서

Bản đồng ý khấu trừ tiền

사용자 ~ 은(는) 근로계약 체결 시 약정한 임금을 외국인근로자에게 매월 임금 지급시 다음과 같이 숙식비용을 공제하고 지급하기로 한다.

Chủ sử dụng lao động ~ khi ký hợp đồng lao động, thống nhất sẽ khấu trừ một khoản tiền như dưới đây khi chi trả tiền lương hàng tháng cho người lao động để chi trả chi phí ăn ở của người lao động.

□ 공제 항목/ Mục khấu trừ

○ 숙박비: 월 _____원(월 통상임금의____%)을 공제한다.

Tiền ở: Khấu trừ _____won/ tháng (____% của lương tháng thông thường)

○ 식비: 월 _____원 (월 통상임금의 ____%)을 공제한다.

Tiền ăn: Khấu trừ _____won/ tháng (% của lương tháng thông thường)

□ 공제내역 교부/ Thông báo nội dung khấu trừ

○ 사용자는 매월 급여명세서에 공제항목을 기재하여 근로자에게 교부

외국인근로자_____ 본인은 상기의 임금에서 공제되는 항목에 관하여 사용자로부터 자세한 설명을 듣고 이를 충분히 검토한 후 자유로운 의사로 동의함을 확인하며 이에 서명·날인합니다.

Chủ sử dụng lao động ghi rõ các mục khấu trừ trong bảng kê chi trả tiền lương hàng tháng để phát cho người lao động. Người lao động _____ tự mình nghiên cứu các mục được khấu trừ, nghe chủ sử dụng giải thích, xem xét đầy đủ nội dung, và tự nguyện xác nhận đồng ý bằng cách ký tên hoặc đóng dấu vào bản đồng ý này.

20 ____년 ____월 ____일/ Ngày ____ tháng ____ năm 20

외국인근로자 (서명)/ Người lao động nước ngoài (ký tên)

공제 동의서

Bản đồng ý khấu trừ tiền

사용자 ~ 은(는) 근로계약 체결 시 약정한 임금을 외국인근로자에게 매월 임금 지급시 다음과 같이 숙식비용을 공제하고 지급하기로 한다.

Chủ sử dụng lao động ~ khi ký hợp đồng lao động, thống nhất sẽ khấu trừ một khoản tiền như dưới đây khi chi trả tiền lương hàng tháng cho người lao động để chi trả chi phí ăn ở của người lao động.

□ 공제 항목/ Mục khấu trừ

○ 숙박비: 월 _____원(월 통상임금의____%)을 공제한다.

Tiền ở: Khấu trừ _____won/ tháng (____% của lương tháng thông thường)

○ 식비: 월 _____원 (월 통상임금의 ____%)을 공제한다.

Tiền ăn: Khấu trừ _____won/ tháng (% của lương tháng thông thường)

□ 공제내역 교부/ Thông báo nội dung khấu trừ

○ 사용자는 매월 급여명세서에 공제항목을 기재하여 근로자에게 교부

외국인근로자_____ 본인은 상기의 임금에서 공제되는 항목에 관하여 사용자로부터 자세한 설명을 듣고 이를 충분히 검토한 후 자유로운 의사로 동의함을 확인하며 이에 서명·날인합니다.

Chủ sử dụng lao động ghi rõ các mục khấu trừ trong bảng kê chi trả tiền lương hàng tháng để phát cho người lao động. Người lao động _____ tự mình nghiên cứu các mục được khấu trừ, nghe chủ sử dụng giải thích, xem xét đầy đủ nội dung, và tự nguyện xác nhận đồng ý bằng cách ký tên hoặc đóng dấu vào bản đồng ý này.

20 ____년 ____월 ____일/ Ngày ____ tháng ____ năm 20

외국인근로자 (서명)/ Người lao động nước ngoài (ký tên)

Người lao động có thể từ chối việc khấu trừ chi trả chi phí ăn, ở từ tiền lương và chi trả trực tiếp. Việc này không ảnh hưởng đến nội dung của hợp đồng lao động, nhưng sẽ ảnh hưởng đến phần nội dung liên quan đến nơi ở.

7. Chấm dứt hợp đồng lao động

Hai bên có thể thỏa thuận để chấm dứt hợp đồng lao động khi hết thời hạn hợp đồng lao động. Khi hợp đồng lao động đang còn hiệu lực, không bên nào được đơn phương chấm dứt, hay gây sức ép với bên kia để chấm dứt, trừ trường hợp cả 2 bên cùng đồng thuận.

Chủ sử dụng lao động không được tự ý sa thải, cho nghỉ việc, đình chỉ làm việc, giảm lương và các hình phạt khác mà không có lý do chính đáng.

Không được sa thải trong những trường hợp sau đây:

- Người lao động bị mất sức lao động hoặc đang trong thời gian không thể thực hiện công việc hiệu quả.
- Người lao động đang trong thời gian nghỉ dưỡng sức do bị thương hoặc bị bệnh vì lý do công việc; và sau thời gian đó 30 ngày.
- Người lao động đang trong thời gian nghỉ thai sản trước và sau sinh; và sau thời gian đó 30 ngày.

II. Gia hạn, tái ký hợp đồng lao động

Thời hạn làm việc của người lao động nước ngoài theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc là 3 năm, được gia hạn thêm tối đa 1 năm 10 tháng.

Như vậy, trước khi hết thời hạn làm việc, nếu chủ sử dụng lao động vẫn có nhu cầu tuyển dụng người lao động thì hai bên sẽ làm thủ tục tái tuyển dụng. Thời hạn của hợp đồng tái tuyển dụng tối đa là 01 năm 10 tháng.

Người lao động có thể từ chối việc khấu trừ chi trả chi phí ăn, ở từ tiền lương và chi trả trực tiếp. Việc này không ảnh hưởng đến nội dung của hợp đồng lao động, nhưng sẽ ảnh hưởng đến phần nội dung liên quan đến nơi ở.

7. Chấm dứt hợp đồng lao động

Hai bên có thể thỏa thuận để chấm dứt hợp đồng lao động khi hết thời hạn hợp đồng lao động. Khi hợp đồng lao động đang còn hiệu lực, không bên nào được đơn phương chấm dứt, hay gây sức ép với bên kia để chấm dứt, trừ trường hợp cả 2 bên cùng đồng thuận.

Chủ sử dụng lao động không được tự ý sa thải, cho nghỉ việc, đình chỉ làm việc, giảm lương và các hình phạt khác mà không có lý do chính đáng.

Không được sa thải trong những trường hợp sau đây:

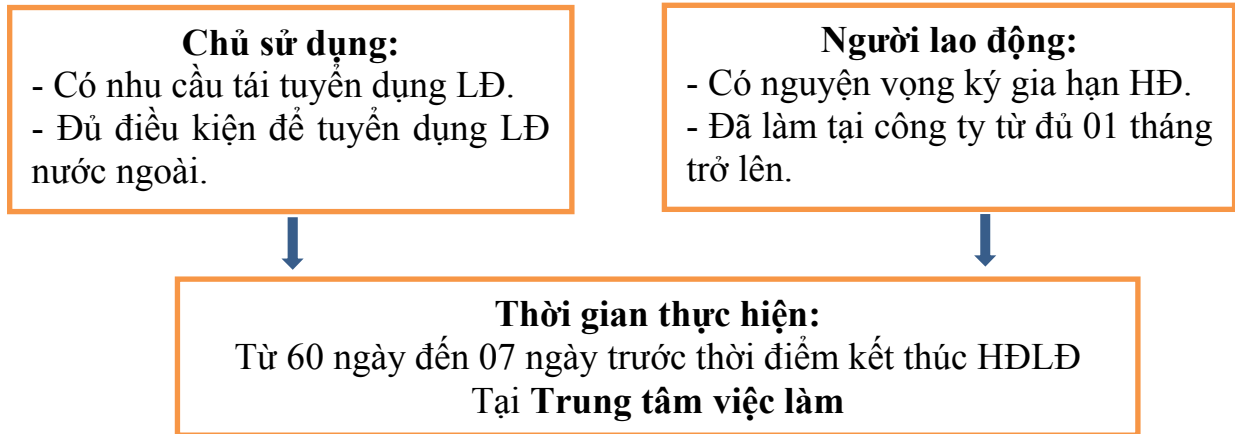
- Người lao động bị mất sức lao động hoặc đang trong thời gian không thể thực hiện công việc hiệu quả.
- Người lao động đang trong thời gian nghỉ dưỡng sức do bị thương hoặc bị bệnh vì lý do công việc; và sau thời gian đó 30 ngày.
- Người lao động đang trong thời gian nghỉ thai sản trước và sau sinh; và sau thời gian đó 30 ngày.

II. Gia hạn, tái ký hợp đồng lao động

Thời hạn làm việc của người lao động nước ngoài theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc là 3 năm, được gia hạn thêm tối đa 1 năm 10 tháng.

Như vậy, trước khi hết thời hạn làm việc, nếu chủ sử dụng lao động vẫn có nhu cầu tuyển dụng người lao động thì hai bên sẽ làm thủ tục tái tuyển dụng. Thời hạn của hợp đồng tái tuyển dụng tối đa là 01 năm 10 tháng.

Để được gia hạn hợp đồng, hai bên phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và phải làm thủ tục tái tuyển dụng tại Trung tâm việc làm trong thời hạn từ 60 ngày đến 07 ngày trước thời điểm kết thúc hợp đồng lao động. Điều kiện để được gia hạn hợp đồng như sau:



Sau khi được tái tuyển dụng, người lao động phải đến Văn phòng xuất nhập cảnh gần nhất để **khai báo và gia hạn** thời gian lưu trú theo hợp đồng mới.

Các trường hợp người lao động không được tái tuyển dụng, không đủ điều kiện để được tái tuyển dụng, hoặc làm thủ tục muộn thì phải về nước.

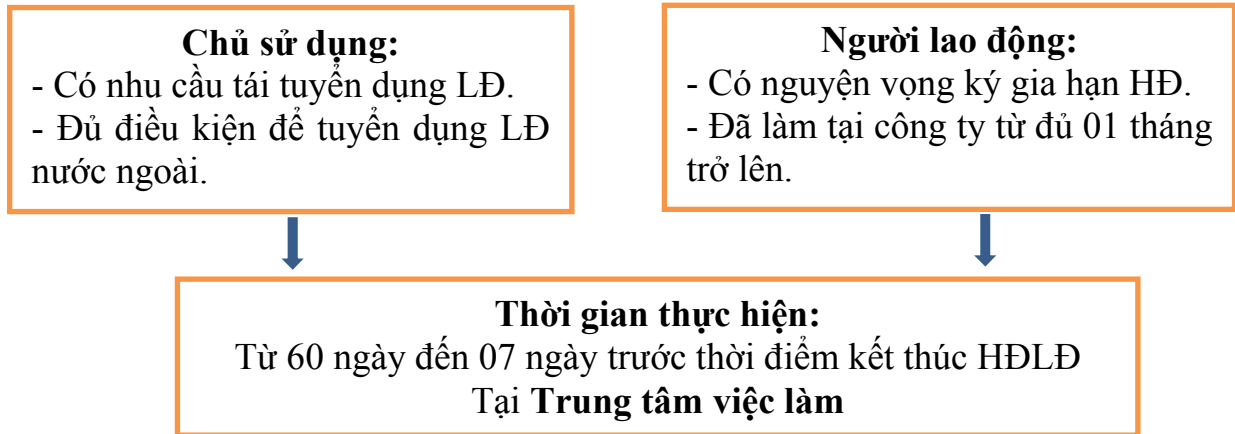
Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với Trung tâm việc làm về thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng tại công ty.

III. Chuyển đổi nơi làm việc

1. Điều kiện để chuyển đổi nơi làm việc

Theo Khoản 25 điều 1 Luật Tiêu chuẩn lao động, người lao động không được chuyển đổi nơi làm việc khi hợp đồng lao động đang có hiệu lực. Chỉ khi hết thời hạn hợp đồng lao động (vẫn được phép làm việc tại Hàn Quốc) hoặc khi cả chủ sử dụng lao động và người lao động cùng thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động, thì sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, người lao động mới được đăng ký tìm nơi làm việc mới.

Để được gia hạn hợp đồng, hai bên phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và phải làm thủ tục tái tuyển dụng tại Trung tâm việc làm trong thời hạn từ 60 ngày đến 07 ngày trước thời điểm kết thúc hợp đồng lao động. Điều kiện để được gia hạn hợp đồng như sau:



Sau khi được tái tuyển dụng, người lao động phải đến Văn phòng xuất nhập cảnh gần nhất để **khai báo và gia hạn** thời gian lưu trú theo hợp đồng mới.

Các trường hợp người lao động không được tái tuyển dụng, không đủ điều kiện để được tái tuyển dụng, hoặc làm thủ tục muộn thì phải về nước.

Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với Trung tâm việc làm về thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng tại công ty.

III. Chuyển đổi nơi làm việc

1. Điều kiện để chuyển đổi nơi làm việc

Theo Khoản 25 điều 1 Luật Tiêu chuẩn lao động, người lao động không được chuyển đổi nơi làm việc khi hợp đồng lao động đang có hiệu lực. Chỉ khi hết thời hạn hợp đồng lao động (vẫn được phép làm việc tại Hàn Quốc) hoặc khi cả chủ sử dụng lao động và người lao động cùng thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động, thì sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, người lao động mới được đăng ký tìm nơi làm việc mới.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng dưới đây, người lao động vẫn có thể được Trung tâm việc làm xem xét cho chuyển đổi nơi làm việc (dù hợp đồng lao động đang còn hiệu lực):

(1) Chủ sử dụng lao động có ý định hủy hợp đồng lao động hoặc từ chối gia hạn hợp đồng lao động khi hết hạn với lý do chính đáng;

(2) Không thể tiếp tục làm việc với lý do khách quan (không phải lý do từ người lao động) như: công ty tạm thời đóng cửa hoặc giải thể; công ty bị thu hồi giấy phép tuyển dụng lao động, bị chủ sử dụng lao động ngược đãi; có giấy xác nhận không được trả lương từ 2 tháng trở lên...

(3) Được xác nhận cụ thể bởi cơ quan y tế không thể tiếp tục làm việc tại nơi làm việc hiện tại do chấn thương... nhưng đủ sức khỏe làm công việc khác.

Các lý do trên phải được Trung tâm Việc làm xem xét và chấp nhận.

2. Thủ tục chuyển đổi nơi làm việc

- Chấm dứt hợp đồng lao động: sau khi hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động, công ty phải gửi thông báo lên Trung tâm việc làm tại địa phương; sau đó người lao động phải đến Trung tâm việc làm nộp Đơn đăng ký tìm việc.

- Thời gian đăng ký tìm việc: **trong vòng 30 ngày** kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động người lao động phải làm thủ tục đăng ký tìm việc; và được tìm việc **trong vòng 90 ngày** kể từ ngày đăng ký;

- Chờ thông tin tuyển dụng: Trung tâm việc làm thông báo cho người lao động qua tin nhắn điện thoại về thông tin của chủ sử dụng lao động có nhu cầu tuyển dụng. Người lao động phải trực tiếp liên hệ để tìm hiểu công việc và thỏa thuận các điều kiện làm việc;

Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng dưới đây, người lao động vẫn có thể được Trung tâm việc làm xem xét cho chuyển đổi nơi làm việc (dù hợp đồng lao động đang còn hiệu lực):

(1) Chủ sử dụng lao động có ý định hủy hợp đồng lao động hoặc từ chối gia hạn hợp đồng lao động khi hết hạn với lý do chính đáng;

(2) Không thể tiếp tục làm việc với lý do khách quan (không phải lý do từ người lao động) như: công ty tạm thời đóng cửa hoặc giải thể; công ty bị thu hồi giấy phép tuyển dụng lao động, bị chủ sử dụng lao động ngược đãi; có giấy xác nhận không được trả lương từ 2 tháng trở lên...

(3) Được xác nhận cụ thể bởi cơ quan y tế không thể tiếp tục làm việc tại nơi làm việc hiện tại do chấn thương... nhưng đủ sức khỏe làm công việc khác.

Các lý do trên phải được Trung tâm Việc làm xem xét và chấp nhận.

2. Thủ tục chuyển đổi nơi làm việc

- Chấm dứt hợp đồng lao động: sau khi hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động, công ty phải gửi thông báo lên Trung tâm việc làm tại địa phương; sau đó người lao động phải đến Trung tâm việc làm nộp Đơn đăng ký tìm việc.

- Thời gian đăng ký tìm việc: **trong vòng 30 ngày** kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động người lao động phải làm thủ tục đăng ký tìm việc; và được tìm việc **trong vòng 90 ngày** kể từ ngày đăng ký;

- Chờ thông tin tuyển dụng: Trung tâm việc làm thông báo cho người lao động qua tin nhắn điện thoại về thông tin của chủ sử dụng lao động có nhu cầu tuyển dụng. Người lao động phải trực tiếp liên hệ để tìm hiểu công việc và thỏa thuận các điều kiện làm việc;

- Ký hợp đồng lao động: nếu chủ sử dụng lao động và người lao động đồng ý các điều kiện việc làm, tiền lương... thì hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động thông qua Trung tâm việc làm.

3. Quy định liên quan đến chuyển đổi nơi làm việc:

- Nếu không đăng ký tìm việc tại Trung tâm việc làm trong vòng 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hoặc không tìm được việc làm trong vòng 90 ngày kể từ ngày đăng ký, thì buộc phải về nước.

- Việc chuyển đổi nơi làm việc không được quá 3 lần trong 3 năm đầu, 2 lần sau khi được tái tuyển dụng.

- Việc ký hợp đồng lao động phải được thực hiện thông qua các Trung tâm hỗ trợ việc làm ở các địa phương. Nghiêm cấm việc tuyển dụng chỉ định (tuyển dụng trực tiếp không thông qua Trung tâm việc làm).

- Sau khi làm thủ tục đăng ký tìm việc làm tại Trung tâm việc làm và sau khi ký hợp đồng làm việc công ty mới, **người lao động phải đến Văn phòng xuất nhập cảnh khu vực để khai báo.**

4. Các vấn đề cần lưu ý.

Việc chuyển đổi nơi làm việc sẽ gây thiệt hại đến quyền lợi của người lao động, khi người lao động:

☞ Không dễ tìm được việc làm như ý muốn.

☞ Mất thu nhập do trong thời gian chờ tìm việc làm mới không có tiền lương. Không có nơi ở nếu trước đó ở KTX hoặc nhà ở do công ty thuê hộ.

☞ Khi hết số lần được chuyển đổi, nếu không được tái tuyển dụng hoặc công ty hết việc thì phải về nước.

☞ Không được nhận tiền trợ cấp thôi việc (mỗi năm làm việc được 1 tháng lương) nếu chưa làm việc đủ 12 tháng tại công ty.

☞ Không được hưởng chính sách ưu tiên đối với lao động trung thành (được trở lại Hàn Quốc sau 03 tháng kể từ khi về nước).

- Ký hợp đồng lao động: nếu chủ sử dụng lao động và người lao động đồng ý các điều kiện việc làm, tiền lương... thì hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động thông qua Trung tâm việc làm.

3. Quy định liên quan đến chuyển đổi nơi làm việc:

- Nếu không đăng ký tìm việc tại Trung tâm việc làm trong vòng 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hoặc không tìm được việc làm trong vòng 90 ngày kể từ ngày đăng ký, thì buộc phải về nước.

- Việc chuyển đổi nơi làm việc không được quá 3 lần trong 3 năm đầu, 2 lần sau khi được tái tuyển dụng.

- Việc ký hợp đồng lao động phải được thực hiện thông qua các Trung tâm hỗ trợ việc làm ở các địa phương. Nghiêm cấm việc tuyển dụng chỉ định (tuyển dụng trực tiếp không thông qua Trung tâm việc làm).

- Sau khi làm thủ tục đăng ký tìm việc làm tại Trung tâm việc làm và sau khi ký hợp đồng làm việc công ty mới, **người lao động phải đến Văn phòng xuất nhập cảnh khu vực để khai báo.**

4. Các vấn đề cần lưu ý.

Việc chuyển đổi nơi làm việc sẽ gây thiệt hại đến quyền lợi của người lao động, khi người lao động:

☞ Không dễ tìm được việc làm như ý muốn.

☞ Mất thu nhập do trong thời gian chờ tìm việc làm mới không có tiền lương. Không có nơi ở nếu trước đó ở KTX hoặc nhà ở do công ty thuê hộ.

☞ Khi hết số lần được chuyển đổi, nếu không được tái tuyển dụng hoặc công ty hết việc thì phải về nước.

☞ Không được nhận tiền trợ cấp thôi việc (mỗi năm làm việc được 1 tháng lương) nếu chưa làm việc đủ 12 tháng tại công ty.

☞ Không được hưởng chính sách ưu tiên đối với lao động trung thành (được trở lại Hàn Quốc sau 03 tháng kể từ khi về nước).

IV. Bảo đảm quyền lợi của người lao động và giải quyết tranh chấp

1. Bảo đảm quyền lợi của người lao động

Theo quy định tại Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Luật tiêu chuẩn lao động của Hàn Quốc, quyền của người lao động được đảm bảo như sau:

- Đảm bảo điều kiện làm việc tối thiểu: Các điều kiện làm việc nêu trong Luật tiêu chuẩn lao động của Hàn Quốc sẽ là các tiêu chuẩn thấp nhất và các bên liên quan đến các mối quan hệ việc làm không được giảm các điều kiện làm việc dưới mức quy định.

- Đối xử bình đẳng: chủ sử dụng lao động không được phân biệt đối xử với người lao động về giới tính hay đối xử mang tính phân biệt liên quan đến điều kiện làm việc theo quốc tịch, tôn giáo hay tình trạng xã hội.

- Nghiêm cấm lao động cưỡng bức: Không được ép buộc người lao động làm việc trái với ý muốn tự do của họ thông qua việc sử dụng bạo lực, hăm dọa, giam cầm hoặc bằng bất kỳ cách nào khác để hạn chế sự tự do về thể chất và tinh thần của người lao động một cách không chính đáng.

- Nghiêm cấm đánh đập người lao động: chủ sử dụng lao động không được sử dụng đến bạo lực hay đánh đập người lao động do xảy ra tai nạn lao động hoặc bất kỳ lý do nào khác.

- Nghiêm cấm việc bóc lột thông qua trung gian: Không ai được can thiệp vào công việc của người khác nhằm mục đích kiếm lợi nhuận hay lợi ích với tư cách là trung gian trừ khi được pháp luật quy định.

2. Giải quyết tranh chấp

Khi chủ sử dụng lao động có những hành vi gây ảnh hưởng đến quyền lợi của mình, người lao động có thể giải quyết theo trình tự sau:

IV. Bảo đảm quyền lợi của người lao động và giải quyết tranh chấp

1. Bảo đảm quyền lợi của người lao động

Theo quy định tại Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Luật tiêu chuẩn lao động của Hàn Quốc, quyền của người lao động được đảm bảo như sau:

- Đảm bảo điều kiện làm việc tối thiểu: Các điều kiện làm việc nêu trong Luật tiêu chuẩn lao động của Hàn Quốc sẽ là các tiêu chuẩn thấp nhất và các bên liên quan đến các mối quan hệ việc làm không được giảm các điều kiện làm việc dưới mức quy định.

- Đối xử bình đẳng: chủ sử dụng lao động không được phân biệt đối xử với người lao động về giới tính hay đối xử mang tính phân biệt liên quan đến điều kiện làm việc theo quốc tịch, tôn giáo hay tình trạng xã hội.

- Nghiêm cấm lao động cưỡng bức: Không được ép buộc người lao động làm việc trái với ý muốn tự do của họ thông qua việc sử dụng bạo lực, hăm dọa, giam cầm hoặc bằng bất kỳ cách nào khác để hạn chế sự tự do về thể chất và tinh thần của người lao động một cách không chính đáng.

- Nghiêm cấm đánh đập người lao động: chủ sử dụng lao động không được sử dụng đến bạo lực hay đánh đập người lao động do xảy ra tai nạn lao động hoặc bất kỳ lý do nào khác.

- Nghiêm cấm việc bóc lột thông qua trung gian: Không ai được can thiệp vào công việc của người khác nhằm mục đích kiếm lợi nhuận hay lợi ích với tư cách là trung gian trừ khi được pháp luật quy định.

2. Giải quyết tranh chấp

Khi chủ sử dụng lao động có những hành vi gây ảnh hưởng đến quyền lợi của mình, người lao động có thể giải quyết theo trình tự sau:

- Trực tiếp giải quyết hoặc thông qua các Trung tâm hỗ trợ lao động nước ngoài hoặc Văn phòng quản lý lao động để được hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết.

- Khi trao đổi, đàm phán với công ty, cần có thái độ tôn trọng, tránh gây ấn tượng xấu với chủ sử dụng lao động.

- Nếu có vi phạm nghiêm trọng, không thể cùng giải quyết, thì nhờ bên thứ 3 can thiệp giải quyết (cần cân nhắc vì việc này có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ với chủ sử dụng LĐ).

Một số vấn đề khác:

- Thủ tục giải quyết vấn đề chậm, nợ lương

□. Người lao động khai báo với bộ phận Giám sát lao động thuộc Sở Lao động địa phương

□. Sở Lao động địa phương điều tra và yêu cầu chủ sử dụng lao động chi trả cho người lao động.

□. Nếu không nhận được tiền lương sau thời gian quy định, người lao động sẽ được cấp "Giấy xác nhận nợ lương" .

□. Nếu công ty có đóng bảo hiểm nợ lương, người lao động đăng ký nhận bảo hiểm nợ lương (보증보험) tại Công ty bảo hiểm bảo đảm Seoul.

□. Trường hợp không có bảo hiểm nợ lương hoặc tiền bảo hiểm ít hơn khoản tiền lương còn thiếu, NLD gửi yêu cầu kèm "Giấy xác nhận nợ lương" đến Cơ quan trợ giúp pháp luật Hàn Quốc để tiến hành thủ tục khởi kiện.

- Xử trí khi bị tai nạn lao động

Khi xảy ra tai nạn lao động, trong khả năng có thể, cần giữ lại các chứng cứ liên quan để yêu cầu đảm bảo các quyền lợi bảo hiểm tai nạn lao động:

- Trực tiếp giải quyết hoặc thông qua các Trung tâm hỗ trợ lao động nước ngoài hoặc Văn phòng quản lý lao động để được hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết.

- Khi trao đổi, đàm phán với công ty, cần có thái độ tôn trọng, tránh gây ấn tượng xấu với chủ sử dụng lao động.

- Nếu có vi phạm nghiêm trọng, không thể cùng giải quyết, thì nhờ bên thứ 3 can thiệp giải quyết (cần cân nhắc vì việc này có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ với chủ sử dụng LĐ).

Một số vấn đề khác:

- Thủ tục giải quyết vấn đề chậm, nợ lương

□. Người lao động khai báo với bộ phận Giám sát lao động thuộc Sở Lao động địa phương

□. Sở Lao động địa phương điều tra và yêu cầu chủ sử dụng lao động chi trả cho người lao động.

□. Nếu không nhận được tiền lương sau thời gian quy định, người lao động sẽ được cấp "Giấy xác nhận nợ lương" .

□. Nếu công ty có đóng bảo hiểm nợ lương, người lao động đăng ký nhận bảo hiểm nợ lương (보증보험) tại Công ty bảo hiểm bảo đảm Seoul.

□. Trường hợp không có bảo hiểm nợ lương hoặc tiền bảo hiểm ít hơn khoản tiền lương còn thiếu, NLD gửi yêu cầu kèm "Giấy xác nhận nợ lương" đến Cơ quan trợ giúp pháp luật Hàn Quốc để tiến hành thủ tục khởi kiện.

- Xử trí khi bị tai nạn lao động

Khi xảy ra tai nạn lao động, trong khả năng có thể, cần giữ lại các chứng cứ liên quan để yêu cầu đảm bảo các quyền lợi bảo hiểm tai nạn lao động:

□. Ghi chép lại giờ xảy ra tai nạn lao động, lý do và tình huống xảy ra tai nạn (bằng văn bản, hình ảnh)

□. Nếu bị thương nghiêm trọng, gọi 119 để chuyển người bị tai nạn đến bệnh viện (lưu giữ lại bằng chứng sử dụng xe cứu thương)

□. Cung cấp thông tin chính xác cho bác sỹ khi điều trị tại bệnh viện

Thu thập thêm những chứng cứ khác (hình ảnh hiện trường, người làm chứng, giấy chuẩn đoán bệnh...)

Tham khảo:

Người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc có thể xin phép công ty để về nước thăm gia đình. Cần lưu ý:

- Phải được sự chấp thuận của người quản lý (*Đơn xin nghỉ phép*).
- Phải tuân thủ thời gian: về nước và quay trở lại Hàn Quốc đúng thời hạn.

- Có thể làm lại hộ chiếu tại Việt Nam và sử dụng hộ chiếu mới để xuất cảnh khỏi Việt Nam và nhập cảnh Hàn Quốc (xuất trình cùng Thẻ người nước ngoài).

- Trường hợp mất giấy tờ tại Việt Nam, có thể xin cấp lại visa nhập cảnh Hàn Quốc tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam.

* Trường hợp về nước trong thời gian chuyển đổi công ty thì phải thông báo dự định về nước với Trung tâm việc làm và quay trở lại Hàn Quốc sớm để đủ thời gian ký Hợp đồng lao động. Không nên về nước khi chưa làm thủ tục đăng ký tìm việc.

□. Ghi chép lại giờ xảy ra tai nạn lao động, lý do và tình huống xảy ra tai nạn (bằng văn bản, hình ảnh)

□. Nếu bị thương nghiêm trọng, gọi 119 để chuyển người bị tai nạn đến bệnh viện (lưu giữ lại bằng chứng sử dụng xe cứu thương)

□. Cung cấp thông tin chính xác cho bác sỹ khi điều trị tại bệnh viện

Thu thập thêm những chứng cứ khác (hình ảnh hiện trường, người làm chứng, giấy chuẩn đoán bệnh...)

Tham khảo:

Người lao động trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc có thể xin phép công ty để về nước thăm gia đình. Cần lưu ý:

- Phải được sự chấp thuận của người quản lý (*Đơn xin nghỉ phép*).
- Phải tuân thủ thời gian: về nước và quay trở lại Hàn Quốc đúng thời hạn.

- Có thể làm lại hộ chiếu tại Việt Nam và sử dụng hộ chiếu mới để xuất cảnh khỏi Việt Nam và nhập cảnh Hàn Quốc (xuất trình cùng Thẻ người nước ngoài).

- Trường hợp mất giấy tờ tại Việt Nam, có thể xin cấp lại visa nhập cảnh Hàn Quốc tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam.

* Trường hợp về nước trong thời gian chuyển đổi công ty thì phải thông báo dự định về nước với Trung tâm việc làm và quay trở lại Hàn Quốc sớm để đủ thời gian ký Hợp đồng lao động. Không nên về nước khi chưa làm thủ tục đăng ký tìm việc.

Mẫu “Đơn xin nghỉ phép”

휴가 신청서		결재	
아래와 같이 휴가 신청서를 제출하오니 허락하여 주시기 바랍니다			
휴가 신청자	성명	소속 및 직위	
휴가내용	구분	연월차 휴가	
	사유	고향(베트남) 방문	
	기간 (시간)	2019 년 06 월 01 일 ~ 2019 년 07 월 01 일	
행선지	베트남, 하노이		
긴급 연락처	010-234-5678		
관리자 허가 의 여부	동의		성명

Mẫu “Đơn xin nghỉ phép”

휴가 신청서		결재	
아래와 같이 휴가 신청서를 제출하오니 허락하여 주시기 바랍니다			
휴가 신청자	성명	소속 및 직위	
휴가내용	구분	연월차 휴가	
	사유	고향(베트남) 방문	
	기간 (시간)	2019 년 06 월 01 일 ~ 2019 년 07 월 01 일	
행선지	베트남, 하노이		
긴급 연락처	010-234-5678		
관리자 허가 의 여부	동의		성명

PHẦN IV: LUẬT XUẤT NHẬP CẢNH - LƯU TRÚ TẠI HÀN QUỐC

I. Luật xuất nhập cảnh:

1. Khái niệm:

Luật xuất nhập cảnh là những điều luật quy định các vấn đề liên quan đến việc xuất cảnh, nhập cảnh, lưu trú của người nước ngoài tại Hàn Quốc. Người nước ngoài khi sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc phải tuân thủ các quy định của Luật xuất nhập cảnh để đảm bảo tư cách lưu trú hợp pháp của mình tại Hàn Quốc.

Cơ quan trực tiếp quản lý và tiếp nhận các khai báo liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và lưu trú của người nước ngoài tại Hàn Quốc là các Văn phòng Quản lý xuất nhập cảnh tại địa phương.

2. Đăng ký lưu trú và Thẻ người nước ngoài:

2.1. Đăng ký người nước ngoài:

Người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc với thời hạn trên 90 ngày thì trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, phải làm thủ tục đăng ký người nước ngoài tại Văn phòng xuất nhập cảnh. Sau khi làm thủ tục từ 2 đến 3 tuần, người đăng ký sẽ được cấp “Thẻ người nước ngoài” (hay còn gọi là Giấy chứng minh người nước ngoài). Quá thời hạn quy định mà không làm thủ tục đăng ký, sẽ bị phạt tiền hoặc bị coi là người cư trú bất hợp pháp và buộc phải về nước.

Thủ tục đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký (theo mẫu của Cơ quan xuất nhập cảnh).
- Hộ chiếu và bản phô tô hộ chiếu.
- Hợp đồng lao động.
- Hợp đồng thuê nhà (nếu không ở tại ký túc xá của công ty).
- Giấy chứng nhận sức khỏe và xét nghiệm ma túy, chụp lao phổi của người lao động.

PHẦN IV: LUẬT XUẤT NHẬP CẢNH - LƯU TRÚ TẠI HÀN QUỐC

I. Luật xuất nhập cảnh:

1. Khái niệm:

Luật xuất nhập cảnh là những điều luật quy định các vấn đề liên quan đến việc xuất cảnh, nhập cảnh, lưu trú của người nước ngoài tại Hàn Quốc. Người nước ngoài khi sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc phải tuân thủ các quy định của Luật xuất nhập cảnh để đảm bảo tư cách lưu trú hợp pháp của mình tại Hàn Quốc.

Cơ quan trực tiếp quản lý và tiếp nhận các khai báo liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và lưu trú của người nước ngoài tại Hàn Quốc là các Văn phòng Quản lý xuất nhập cảnh tại địa phương.

2. Đăng ký lưu trú và Thẻ người nước ngoài:

2.1. Đăng ký người nước ngoài:

Người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc với thời hạn trên 90 ngày thì trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, phải làm thủ tục đăng ký người nước ngoài tại Văn phòng xuất nhập cảnh. Sau khi làm thủ tục từ 2 đến 3 tuần, người đăng ký sẽ được cấp “Thẻ người nước ngoài” (hay còn gọi là Giấy chứng minh người nước ngoài). Quá thời hạn quy định mà không làm thủ tục đăng ký, sẽ bị phạt tiền hoặc bị coi là người cư trú bất hợp pháp và buộc phải về nước.

Thủ tục đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký (theo mẫu của Cơ quan xuất nhập cảnh).
- Hộ chiếu và bản phô tô hộ chiếu.
- Hợp đồng lao động.
- Hợp đồng thuê nhà (nếu không ở tại ký túc xá của công ty).
- Giấy chứng nhận sức khỏe và xét nghiệm ma túy, chụp lao phổi của người lao động.

- Bản photo Giấy đăng ký kinh doanh của công ty.
- Ảnh thẻ cỡ 3.5 x 4.5
- Lệ phí

2.2. Sử dụng Thẻ người nước ngoài:

Thẻ người nước ngoài là giấy tờ chứng minh tư cách lưu trú hợp pháp của người nước ngoài tại Hàn Quốc do Cơ quan xuất nhập cảnh Hàn Quốc cấp, phải luôn được mang theo người và xuất trình khi nhân viên xuất nhập cảnh hoặc cán bộ công vụ yêu cầu.

Thẻ được dùng để đăng ký bảo hiểm y tế, dịch vụ điện thoại, Internet, gas, mở tài khoản tại ngân hàng, mua hàng trên mạng... Vì vậy, cần bảo mật các thông tin trên Thẻ (số thẻ), tuyệt đối không cho người khác mượn Thẻ hoặc sử dụng thông tin cá nhân trên Thẻ.

Thẻ người nước ngoài **phải được trả lại** cho Cơ quan xuất nhập cảnh Hàn Quốc tại sân bay khi hết hạn hợp đồng và làm thủ tục xuất cảnh khỏi Hàn Quốc. Trường hợp không trả lại Thẻ thì sẽ không được Cơ quan Xuất nhập cảnh Hàn Quốc xét cấp visa khi người lao động có nguyện vọng quay trở lại Hàn Quốc.

Thẻ người nước ngoài:



▲ Mặt trước

Số Thẻ; Họ và tên;
Quốc tịch; Tư cách lưu trú



▲ Mặt sau

Thời hạn lưu trú
Địa chỉ đăng ký lưu trú

- Bản photo Giấy đăng ký kinh doanh của công ty.
- Ảnh thẻ cỡ 3.5 x 4.5
- Lệ phí

2.2. Sử dụng Thẻ người nước ngoài:

Thẻ người nước ngoài là giấy tờ chứng minh tư cách lưu trú hợp pháp của người nước ngoài tại Hàn Quốc do Cơ quan xuất nhập cảnh Hàn Quốc cấp, phải luôn được mang theo người và xuất trình khi nhân viên xuất nhập cảnh hoặc cán bộ công vụ yêu cầu.

Thẻ được dùng để đăng ký bảo hiểm y tế, dịch vụ điện thoại, Internet, gas, mở tài khoản tại ngân hàng, mua hàng trên mạng... Vì vậy, cần bảo mật các thông tin trên Thẻ (số thẻ), tuyệt đối không cho người khác mượn Thẻ hoặc sử dụng thông tin cá nhân trên Thẻ.

Thẻ người nước ngoài **phải được trả lại** cho Cơ quan xuất nhập cảnh Hàn Quốc tại sân bay khi hết hạn hợp đồng và làm thủ tục xuất cảnh khỏi Hàn Quốc. Trường hợp không trả lại Thẻ thì sẽ không được Cơ quan Xuất nhập cảnh Hàn Quốc xét cấp visa khi người lao động có nguyện vọng quay trở lại Hàn Quốc.

Thẻ người nước ngoài:



▲ Mặt trước

Số Thẻ; Họ và tên;
Quốc tịch; Tư cách lưu trú



▲ Mặt sau

Thời hạn lưu trú
Địa chỉ đăng ký lưu trú

2.3. Cấp lại Thẻ người nước ngoài:

Thẻ người nước ngoài bị mất có thể bị lợi dụng để đăng ký các dịch vụ, do vậy, nếu bị mất Thẻ thì cần phải thông báo ngay đến Văn phòng xuất nhập cảnh tại khu vực và xin cấp lại Thẻ mới.

Thủ tục để xin cấp lại:

- Đơn xin cấp lại Thẻ (외국인등록증재발급신청서)
- Hộ chiếu và bản photo hộ chiếu (여권)
- Bản tường trình về việc mất Thẻ người nước ngoài (외국인등록증분실사유서)
- Ảnh thẻ cỡ 3,5 x 4,5
- Lệ phí.

*** Lưu ý:**

- Trong trường hợp bị mất cả hộ chiếu và Thẻ người nước ngoài thì phải thông báo cho Cơ quan xuất nhập cảnh biết, sau đó xin cấp lại hộ chiếu tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc trước khi xin cấp lại Thẻ.

II. Lưu trú tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS

1. Tư cách lưu trú

Người lao động nhập cảnh vào Hàn Quốc làm việc theo chương trình EPS có tư cách lưu trú là lao động phổ thông (visa E-9).

Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc chỉ được làm việc và lưu trú trong phạm vi thời hạn lưu trú và tư cách lưu trú đã được xác định; không được tham gia bất kỳ hoạt động chính trị nào hoặc làm việc ngoài tư cách lưu trú được cho phép.

2. Thời hạn lưu trú và gia hạn thời gian lưu trú:

Theo Chương trình Cấp phép việc làm, thời hạn làm việc cơ bản là 03 năm, hết thời hạn đó nếu được tái tuyển dụng, người lao

2.3. Cấp lại Thẻ người nước ngoài:

Thẻ người nước ngoài bị mất có thể bị lợi dụng để đăng ký các dịch vụ, do vậy, nếu bị mất Thẻ thì cần phải thông báo ngay đến Văn phòng xuất nhập cảnh tại khu vực và xin cấp lại Thẻ mới.

Thủ tục để xin cấp lại:

- Đơn xin cấp lại Thẻ (외국인등록증재발급신청서)
- Hộ chiếu và bản photo hộ chiếu (여권)
- Bản tường trình về việc mất Thẻ người nước ngoài (외국인등록증분실사유서)
- Ảnh thẻ cỡ 3,5 x4,5
- Lệ phí.

*** Lưu ý:**

- Trong trường hợp bị mất cả hộ chiếu và Thẻ người nước ngoài thì phải thông báo cho Cơ quan xuất nhập cảnh biết, sau đó xin cấp lại hộ chiếu tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc trước khi xin cấp lại Thẻ.

II. Lưu trú tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS

1. Tư cách lưu trú

Người lao động nhập cảnh vào Hàn Quốc làm việc theo chương trình EPS có tư cách lưu trú là lao động phổ thông (visa E-9).

Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc chỉ được làm việc và lưu trú trong phạm vi thời hạn lưu trú và tư cách lưu trú đã được xác định; không được tham gia bất kỳ hoạt động chính trị nào hoặc làm việc ngoài tư cách lưu trú được cho phép.

2. Thời hạn lưu trú và gia hạn thời gian lưu trú:

Theo Chương trình Cấp phép việc làm, thời hạn làm việc cơ bản là 03 năm, hết thời hạn đó nếu được tái tuyển dụng, người lao

động có thể được gia hạn thêm tối đa là 1 năm 10 tháng. Chủ sử dụng có thể ký hợp đồng từ một năm đến tối đa là 03 năm cho thời hạn làm việc cơ bản, hoặc 01 năm 10 tháng cho thời gian được tái tuyển dụng.

Thời gian lưu trú tại Hàn Quốc, theo đó, được cấp tương ứng với thời hạn hợp đồng. Kết thúc hợp đồng thì chủ sử dụng lao động và người lao động phải làm thủ tục gia hạn hợp đồng và bắt buộc phải làm thủ tục xin gia hạn thời gian lưu trú tại Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Khi hết thời hạn lưu trú, hoặc không được gia hạn thời gian lưu trú thì người lao động phải xuất cảnh khỏi Hàn Quốc, nếu không sẽ bị coi là cư trú bất hợp pháp và sẽ bị cưỡng chế về nước.

Trong trường hợp người lao động đã hết thời hạn hợp đồng lao động hoặc hết thời hạn lưu trú nhưng chưa thể về nước vì các lý do chính đáng như: đang trong thời gian điều trị bệnh và có giấy xác nhận của bệnh viện không đủ sức khỏe để về nước; do chưa nhận được đủ các khoản tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền trợ cấp thôi việc,.. thì phải làm thủ tục xin gia hạn lưu trú tại Văn phòng xuất nhập cảnh để được ở lại hợp pháp tại Hàn Quốc.

Thủ tục đề xin gia hạn thời gian lưu trú phải được thực hiện trước từ 04 tháng cho đến ngày hết hạn lưu trú. Trường hợp xin gia hạn sau thời gian quy định có thể bị phạt tiền hoặc buộc phải xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

3. Cấp phép thay đổi nơi làm việc:

Người lao động nước ngoài phải làm việc tại công ty đã ký kết hợp đồng lao động trước khi nhập cảnh, và chỉ có thể thay đổi nơi làm việc trong trường hợp bất khả kháng.

động có thể được gia hạn thêm tối đa là 1 năm 10 tháng. Chủ sử dụng có thể ký hợp đồng từ một năm đến tối đa là 03 năm cho thời hạn làm việc cơ bản, hoặc 01 năm 10 tháng cho thời gian được tái tuyển dụng.

Thời gian lưu trú tại Hàn Quốc, theo đó, được cấp tương ứng với thời hạn hợp đồng. Kết thúc hợp đồng thì chủ sử dụng lao động và người lao động phải làm thủ tục gia hạn hợp đồng và bắt buộc phải làm thủ tục xin gia hạn thời gian lưu trú tại Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Khi hết thời hạn lưu trú, hoặc không được gia hạn thời gian lưu trú thì người lao động phải xuất cảnh khỏi Hàn Quốc, nếu không sẽ bị coi là cư trú bất hợp pháp và sẽ bị cưỡng chế về nước.

Trong trường hợp người lao động đã hết thời hạn hợp đồng lao động hoặc hết thời hạn lưu trú nhưng chưa thể về nước vì các lý do chính đáng như: đang trong thời gian điều trị bệnh và có giấy xác nhận của bệnh viện không đủ sức khỏe để về nước; do chưa nhận được đủ các khoản tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền trợ cấp thôi việc,.. thì phải làm thủ tục xin gia hạn lưu trú tại Văn phòng xuất nhập cảnh để được ở lại hợp pháp tại Hàn Quốc.

Thủ tục đề xin gia hạn thời gian lưu trú phải được thực hiện trước từ 04 tháng cho đến ngày hết hạn lưu trú. Trường hợp xin gia hạn sau thời gian quy định có thể bị phạt tiền hoặc buộc phải xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

3. Cấp phép thay đổi nơi làm việc:

Người lao động nước ngoài phải làm việc tại công ty đã ký kết hợp đồng lao động trước khi nhập cảnh, và chỉ có thể thay đổi nơi làm việc trong trường hợp bất khả kháng.

Khi muốn thay đổi nơi làm việc, chủ sử dụng lao động và người lao động phải ký hợp đồng thông qua Trung tâm việc làm. Sau khi ký hợp đồng lao động, người lao động phải được Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp phép thay đổi nơi làm việc.

***Lưu ý:** Khi làm thủ tục chuyển đổi nơi làm việc, sau khi đăng ký tìm việc tại Trung tâm việc làm, người lao động phải khai báo tại Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh gần nhất.*

4. Chế độ bổ sung nơi làm việc cho lao động ngành nông nghiệp:

Là chế độ cho phép người lao động nước ngoài làm việc trong ngành nông nghiệp vừa duy trì hợp đồng lao động với chủ sử dụng lao động hiện tại (thời gian nghỉ không lương) vừa được làm việc ở nơi làm việc khác trong khoảng thời gian nhất định.

Quy trình thủ tục:

- Người lao động nước ngoài và chủ sử dụng lao động đăng ký bổ sung nơi làm việc ở Hiệp hội nông nghiệp, và thông qua Trung tâm việc làm ký hợp đồng lao động thời vụ với chủ sử dụng lao động được Hiệp hội nông nghiệp giới thiệu.

- Chủ sử dụng ký hợp đồng lao động thời vụ phải được cấp phép tuyển dụng từ Trung tâm việc làm; sau khi ký hợp đồng lao động thời vụ, người lao động nước ngoài khai báo để được cấp phép bổ sung nơi làm việc từ Phòng quản lý xuất nhập cảnh.

- Người lao động làm việc tại nơi ký hợp đồng lao động thời vụ đến khi hết hạn hợp đồng thì tự động quay về làm việc ở nơi làm việc chính.

5. Cường chế xuất cảnh:

Người đứng đầu Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh có thể cường chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc đối với người nước ngoài trong các trường hợp dưới đây:

Khi muốn thay đổi nơi làm việc, chủ sử dụng lao động và người lao động phải ký hợp đồng thông qua Trung tâm việc làm. Sau khi ký hợp đồng lao động, người lao động phải được Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp phép thay đổi nơi làm việc.

***Lưu ý:** Khi làm thủ tục chuyển đổi nơi làm việc, sau khi đăng ký tìm việc tại Trung tâm việc làm, người lao động phải khai báo tại Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh gần nhất.*

4. Chế độ bổ sung nơi làm việc cho lao động ngành nông nghiệp:

Là chế độ cho phép người lao động nước ngoài làm việc trong ngành nông nghiệp vừa duy trì hợp đồng lao động với chủ sử dụng lao động hiện tại (thời gian nghỉ không lương) vừa được làm việc ở nơi làm việc khác trong khoảng thời gian nhất định.

Quy trình thủ tục:

- Người lao động nước ngoài và chủ sử dụng lao động đăng ký bổ sung nơi làm việc ở Hiệp hội nông nghiệp, và thông qua Trung tâm việc làm ký hợp đồng lao động thời vụ với chủ sử dụng lao động được Hiệp hội nông nghiệp giới thiệu.

- Chủ sử dụng ký hợp đồng lao động thời vụ phải được cấp phép tuyển dụng từ Trung tâm việc làm; sau khi ký hợp đồng lao động thời vụ, người lao động nước ngoài khai báo để được cấp phép bổ sung nơi làm việc từ Phòng quản lý xuất nhập cảnh.

- Người lao động làm việc tại nơi ký hợp đồng lao động thời vụ đến khi hết hạn hợp đồng thì tự động quay về làm việc ở nơi làm việc chính.

5. Cường chế xuất cảnh:

Người đứng đầu Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh có thể cường chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc đối với người nước ngoài trong các trường hợp dưới đây:

- Người nhập cảnh bất hợp pháp vào Hàn Quốc;
- Người cư trú ở Hàn Quốc quá 90 ngày mà không đăng ký chứng minh thư người nước ngoài;

- Người hết thời hạn cư trú;
- Người làm việc ở công ty không được cấp phép;
- Người bị tuyên án từ mức phạt tù trở lên và được phóng thích.

6. Khai báo các vấn đề về lưu trú:

Người lao động phải khai báo với Cơ quan xuất nhập cảnh sau khi:

- Mất Thẻ người nước ngoài;
- Đăng ký tìm việc tại Trung tâm việc làm, chuyển đổi nơi làm việc;
- Được gia hạn hợp đồng lao động hoặc được tái tuyển dụng;
- Thay đổi nơi cư trú;
- Cấp mới hộ chiếu;
- Thay đổi thông tin cá nhân (tên, giới tính, ngày sinh...).

Thời hạn phải khai báo: trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi.

Lưu ý:

- Trường hợp cấp lại hộ chiếu trong thời gian về Việt Nam nghỉ phép thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải khai báo thông tin thay đổi.

- Người lao động visa E9 có thể khai báo các vấn đề liên quan tại các Văn phòng xuất nhập cảnh gần nơi cư trú nhất.

- Trả lại Thẻ người nước ngoài khi xuất cảnh hoàn toàn khỏi Hàn Quốc; việc không trả lại Thẻ này có thể ảnh hưởng đến việc tái nhập cảnh Hàn Quốc sau này. Không trả Thẻ khi xuất cảnh tạm thời khỏi Hàn Quốc.

- Người nhập cảnh bất hợp pháp vào Hàn Quốc;
- Người cư trú ở Hàn Quốc quá 90 ngày mà không đăng ký chứng minh thư người nước ngoài;

- Người hết thời hạn cư trú;
- Người làm việc ở công ty không được cấp phép;
- Người bị tuyên án từ mức phạt tù trở lên và được phóng thích.

6. Khai báo các vấn đề về lưu trú:

Người lao động phải khai báo với Cơ quan xuất nhập cảnh sau khi:

- Mất Thẻ người nước ngoài;
- Đăng ký tìm việc tại Trung tâm việc làm, chuyển đổi nơi làm việc;
- Được gia hạn hợp đồng lao động hoặc được tái tuyển dụng;
- Thay đổi nơi cư trú;
- Cấp mới hộ chiếu;
- Thay đổi thông tin cá nhân (tên, giới tính, ngày sinh...).

Thời hạn phải khai báo: trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi.

Lưu ý:

- Trường hợp cấp lại hộ chiếu trong thời gian về Việt Nam nghỉ phép thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải khai báo thông tin thay đổi.

- Người lao động visa E9 có thể khai báo các vấn đề liên quan tại các Văn phòng xuất nhập cảnh gần nơi cư trú nhất.

- Trả lại Thẻ người nước ngoài khi xuất cảnh hoàn toàn khỏi Hàn Quốc; việc không trả lại Thẻ này có thể ảnh hưởng đến việc tái nhập cảnh Hàn Quốc sau này. Không trả Thẻ khi xuất cảnh tạm thời khỏi Hàn Quốc.

III. Lưu trú và làm việc bất hợp pháp

1. Các tình huống trở thành người lưu trú bất hợp pháp

Người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc quá thời hạn được cho phép, hoặc làm việc ngoài phạm vi tư cách lưu trú thì bị coi là người cư trú bất hợp pháp. Người cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc không được đảm bảo về quyền lợi, bị xử phạt và trục xuất khỏi Hàn Quốc. Người lao động ở trong những trường hợp sau đây thì bị coi là bất hợp pháp:

Trường hợp 1: Bỏ trốn

- Ngay sau khi nhập cảnh Hàn Quốc
- Trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng)

Trường hợp 2: Ở lại Hàn Quốc trái phép sau khi hết thời hạn hợp đồng lao động, hết thời hạn lưu trú.

Trường hợp 3: Nghỉ việc, không đến nơi làm việc quá 5 ngày và bị chủ sử dụng khai báo “bỏ trốn khỏi nơi làm việc”.

Một số người lao động khi xảy ra tranh chấp với chủ sử dụng lao động thì không đến nơi làm việc. Sau 5 ngày, theo quy định, chủ sử dụng lao động có thể thông báo người lao động đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc.

Trường hợp 4: Không làm thủ tục khai báo và gia hạn thời gian lưu trú trong các trường hợp sau:

- Sau khi đăng ký tìm việc khi chuyển đổi nơi làm việc (trong thời gian tìm việc 3 tháng);
- Sau khi ký hợp đồng với công ty mới (khi chuyển đổi nơi làm việc);

III. Lưu trú và làm việc bất hợp pháp

1. Các tình huống trở thành người lưu trú bất hợp pháp

Người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc quá thời hạn được cho phép, hoặc làm việc ngoài phạm vi tư cách lưu trú thì bị coi là người cư trú bất hợp pháp. Người cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc không được đảm bảo về quyền lợi, bị xử phạt và trục xuất khỏi Hàn Quốc. Người lao động ở trong những trường hợp sau đây thì bị coi là bất hợp pháp:

Trường hợp 1: Bỏ trốn

- Ngay sau khi nhập cảnh Hàn Quốc
- Trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng)

Trường hợp 2: Ở lại Hàn Quốc trái phép sau khi hết thời hạn hợp đồng lao động, hết thời hạn lưu trú.

Trường hợp 3: Nghỉ việc, không đến nơi làm việc quá 5 ngày và bị chủ sử dụng khai báo “bỏ trốn khỏi nơi làm việc”.

Một số người lao động khi xảy ra tranh chấp với chủ sử dụng lao động thì không đến nơi làm việc. Sau 5 ngày, theo quy định, chủ sử dụng lao động có thể thông báo người lao động đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc.

Trường hợp 4: Không làm thủ tục khai báo và gia hạn thời gian lưu trú trong các trường hợp sau:

- Sau khi đăng ký tìm việc khi chuyển đổi nơi làm việc (trong thời gian tìm việc 3 tháng);
- Sau khi ký hợp đồng với công ty mới (khi chuyển đổi nơi làm việc);

- Khi được gia hạn hợp đồng lao động (trường hợp ký hợp đồng một năm);

- Khi được tái tuyển dụng thêm 1 năm 10 tháng.

Trường hợp 5: Người lao động làm việc tại địa chỉ không đúng với hợp đồng lao động đã khai báo với Cơ quan xuất nhập cảnh do:

- Công ty thay đổi tư cách pháp nhân (đổi tên công ty, thay đổi địa chỉ).

- Làm việc tại công ty khác không phải công ty đã ký hợp đồng lao động (kể cả khi chủ sử dụng lao động yêu cầu).

- Làm thêm trong thời gian chuyển đổi nơi làm việc hoặc trong thời gian nghỉ chờ việc.

Trường hợp 6: Người lao động không đăng ký tìm việc làm sau 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hoặc không tìm được việc làm trong thời gian 90 ngày kể từ ngày đăng ký thì phải về nước nhưng cố tình ở lại.

Để không trở thành người cư trú bất hợp pháp, thiệt hại đến quyền lợi của bản thân, người lao động cần tránh rơi vào các trường hợp trên như: không bỏ đi khỏi nơi làm việc khi có tranh chấp với chủ; ngay sau khi làm thủ tục ký gia hạn hợp đồng lao động, tái tuyển dụng, thay đổi nơi làm việc phải khai báo với Văn phòng xuất nhập cảnh; khi được yêu cầu làm việc tại địa điểm khác thì yêu cầu chủ đăng ký tại Trung tâm việc làm (đối với lao động ngành nông nghiệp); không đi làm trong thời gian chờ xin việc...

- Khi được gia hạn hợp đồng lao động (trường hợp ký hợp đồng một năm);

- Khi được tái tuyển dụng thêm 1 năm 10 tháng.

Trường hợp 5: Người lao động làm việc tại địa chỉ không đúng với hợp đồng lao động đã khai báo với Cơ quan xuất nhập cảnh do:

- Công ty thay đổi tư cách pháp nhân (đổi tên công ty, thay đổi địa chỉ).

- Làm việc tại công ty khác không phải công ty đã ký hợp đồng lao động (kể cả khi chủ sử dụng lao động yêu cầu).

- Làm thêm trong thời gian chuyển đổi nơi làm việc hoặc trong thời gian nghỉ chờ việc.

Trường hợp 6: Người lao động không đăng ký tìm việc làm sau 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hoặc không tìm được việc làm trong thời gian 90 ngày kể từ ngày đăng ký thì phải về nước nhưng cố tình ở lại.

Để không trở thành người cư trú bất hợp pháp, thiệt hại đến quyền lợi của bản thân, người lao động cần tránh rơi vào các trường hợp trên như: không bỏ đi khỏi nơi làm việc khi có tranh chấp với chủ; ngay sau khi làm thủ tục ký gia hạn hợp đồng lao động, tái tuyển dụng, thay đổi nơi làm việc phải khai báo với Văn phòng xuất nhập cảnh; khi được yêu cầu làm việc tại địa điểm khác thì yêu cầu chủ đăng ký tại Trung tâm việc làm (đối với lao động ngành nông nghiệp); không đi làm trong thời gian chờ xin việc...

Hướng dẫn thủ tục khai báo với các Cơ quan có thẩm quyền

Phân loại	Trung tâm việc làm	Cơ quan XNC	Văn phòng QLLĐ EPS
Nhập cảnh	x	Khai báo, đăng ký xin cấp Thẻ người nước ngoài	Khai báo sau khi có Thẻ người nước ngoài.
Chuyển việc	1. Chấm dứt HĐLĐ, đăng ký tìm việc.	Khai báo thay đổi thông tin lưu trú, HĐLĐ	x
	2. Ký HĐLĐ với doanh nghiệp mới.	Khai báo, gia hạn lưu trú theo HĐLĐ mới.	Khai báo sau khi ký HĐLĐ.
Hết hạn 3 năm đầu	1. NLĐ và doanh nghiệp đăng ký tái tuyển dụng	Khai báo tái tuyển dụng và gia hạn lưu trú	Khai báo sau khi tái tuyển dụng.
	2. Nếu không, người lao động phải về nước	Trả lại Thẻ người nước ngoài khi xuất cảnh.	Khai báo về nước
Hết hạn 4 năm 10 tháng	Người lao động đăng ký về nước (*)		

(*) Lao động mẫu mực làm thủ tục tái tuyển dụng trước khi về nước.

Hướng dẫn thủ tục khai báo với các Cơ quan có thẩm quyền

Phân loại	Trung tâm việc làm	Cơ quan XNC	Văn phòng QLLĐ EPS
Nhập cảnh	x	Khai báo, đăng ký xin cấp Thẻ người nước ngoài	Khai báo sau khi có Thẻ người nước ngoài.
Chuyển việc	1. Chấm dứt HĐLĐ, đăng ký tìm việc.	Khai báo thay đổi thông tin lưu trú, HĐLĐ	x
	2. Ký HĐLĐ với doanh nghiệp mới.	Khai báo, gia hạn lưu trú theo HĐLĐ mới.	Khai báo sau khi ký HĐLĐ.
Hết hạn 3 năm đầu	1. NLD và doanh nghiệp đăng ký tái tuyển dụng	Khai báo tái tuyển dụng và gia hạn lưu trú	Khai báo sau khi tái tuyển dụng.
	2. Nếu không, người lao động phải về nước	Trả lại Thẻ người nước ngoài khi xuất cảnh.	Khai báo về nước
Hết hạn 4 năm 10 tháng	Người lao động đăng ký về nước (*)		

(*) Lao động mẫu mực làm thủ tục tái tuyển dụng trước khi về nước.

2. Hình thức xử lý đối với người lao động lưu trú bất hợp pháp của pháp luật Việt Nam và Hàn Quốc

Trong thời gian gần đây, tình trạng người lao động Việt Nam hết hạn hợp đồng lao động ở lại làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc gia tăng, gây bức xúc cho chủ sử dụng lao động Hàn Quốc, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Thỏa thuận về hợp tác lao động giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Năm 2012, Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc đã thông báo với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tạm dừng việc ký gia hạn Thỏa thuận đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS. Điều này gây nên sự thiệt thòi rất lớn cho người lao động trong nước do nhiều người bị mất cơ hội tìm việc làm tại Hàn Quốc.

Pháp luật Việt Nam và Hàn Quốc quy định việc xử phạt đối với hành vi làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc như sau:

2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam:

(1) Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 35 Nghị định số 95/2013/NĐ-CP quy định người lao động sẽ bị phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

(a) Ở lại nước ngoài trái phép sau khi hết hạn hợp đồng lao động, hết hạn cư trú;

(b) Bỏ trốn khỏi nơi đang làm việc theo hợp đồng;

(c) Sau khi nhập cảnh nước tiếp nhận lao động mà không đến nơi làm việc theo hợp đồng;

2. Hình thức xử lý đối với người lao động lưu trú bất hợp pháp của pháp luật Việt Nam và Hàn Quốc

Trong thời gian gần đây, tình trạng người lao động Việt Nam hết hạn hợp đồng lao động ở lại làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc gia tăng, gây bức xúc cho chủ sử dụng lao động Hàn Quốc, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Thỏa thuận về hợp tác lao động giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Năm 2012, Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc đã thông báo với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tạm dừng việc ký gia hạn Thỏa thuận đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS. Điều này gây nên sự thiệt thòi rất lớn cho người lao động trong nước do nhiều người bị mất cơ hội tìm việc làm tại Hàn Quốc.

Pháp luật Việt Nam và Hàn Quốc quy định việc xử phạt đối với hành vi làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc như sau:

2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam:

(1) Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 35 Nghị định số 95/2013/NĐ-CP quy định người lao động sẽ bị phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

(a) Ở lại nước ngoài trái phép sau khi hết hạn hợp đồng lao động, hết hạn cư trú;

(b) Bỏ trốn khỏi nơi đang làm việc theo hợp đồng;

(c) Sau khi nhập cảnh nước tiếp nhận lao động mà không đến nơi làm việc theo hợp đồng;

(d) Lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc, lừa gạt người lao động Việt Nam ở lại nước ngoài trái quy định.

Ngoài việc bị phạt tiền với mức nêu trên, người lao động sẽ bị:

- + Buộc về nước đối với hành vi vi phạm (a), (b) và (c) nêu trên;
- + Cấm đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 02 năm đối với hành vi vi phạm (a) và (b) nêu trên;
- + Cấm đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 05 năm đối với hành vi vi phạm (c) và (d) nêu trên.

(2) Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của liên tịch Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ, khoản tiền ký quỹ 100 triệu đồng sẽ được xử lý khi người lao động có hành vi vi phạm như sau:

- Đối với người lao động không vay Ngân hàng Chính sách xã hội để ký quỹ:

+ Người lao động về nước trước thời hạn do vi phạm hợp đồng (trừ trường hợp bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng và bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được sử dụng để bù đắp thiệt hại phát sinh do lỗi của người lao động gây ra cho Trung tâm Lao động ngoài nước (nếu có). Số tiền còn lại được hoàn trả cho người lao động, nếu số tiền ký quỹ không đủ thì người lao động phải nộp bổ sung;

+ Người lao động bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng (kể cả bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) hoặc hết hạn hợp đồng không về nước đúng hạn, ở lại cư trú và làm việc trái phép tại Hàn Quốc thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được chuyển vào Quỹ giải quyết việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người lao động cư trú hợp pháp trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc.

(d) Lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc, lừa gạt người lao động Việt Nam ở lại nước ngoài trái quy định.

Ngoài việc bị phạt tiền với mức nêu trên, người lao động sẽ bị:

- + Buộc về nước đối với hành vi vi phạm (a), (b) và (c) nêu trên;
- + Cấm đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 02 năm đối với hành vi vi phạm (a) và (b) nêu trên;
- + Cấm đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 05 năm đối với hành vi vi phạm (c) và (d) nêu trên.

(2) Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của liên tịch Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ, khoản tiền ký quỹ 100 triệu đồng sẽ được xử lý khi người lao động có hành vi vi phạm như sau:

- Đối với người lao động không vay Ngân hàng Chính sách xã hội để ký quỹ:

+ Người lao động về nước trước thời hạn do vi phạm hợp đồng (trừ trường hợp bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng và bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được sử dụng để bù đắp thiệt hại phát sinh do lỗi của người lao động gây ra cho Trung tâm Lao động ngoài nước (nếu có). Số tiền còn lại được hoàn trả cho người lao động, nếu số tiền ký quỹ không đủ thì người lao động phải nộp bổ sung;

+ Người lao động bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng (kể cả bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) hoặc hết hạn hợp đồng không về nước đúng hạn, ở lại cư trú và làm việc trái phép tại Hàn Quốc thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được chuyển vào Quỹ giải quyết việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người lao động cư trú hợp pháp trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc.

- Đối với người lao động vay Ngân hàng Chính sách xã hội để ký quỹ:

+ Người lao động về nước trước thời hạn do vi phạm hợp đồng (trừ trường hợp bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng và bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được sử dụng để trả khoản vay của Ngân hàng Chính sách xã hội. Số tiền còn lại được hoàn trả cho người lao động sau khi trừ chi phí bồi thường phát sinh do lỗi của người lao động gây ra cho Trung tâm Lao động ngoài nước (nếu có), nếu tiền ký quỹ không đủ thì người lao động phải nộp bổ sung;

+ Người lao động bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng (kể cả bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) hoặc hết hạn hợp đồng không về nước đúng hạn, ở lại cư trú và làm việc trái phép tại Hàn Quốc thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được sử dụng để trả khoản vay của Ngân hàng Chính sách xã hội. Số tiền còn lại (nếu có) được chuyển vào Quỹ giải quyết việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người lao động cư trú hợp pháp trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc.

2.2. Quy định của pháp luật Hàn Quốc:

Theo quy định của Luật Kiểm soát xuất nhập cảnh Hàn Quốc, các hành vi cư trú và làm việc bất hợp pháp được xử lý như sau:

- Làm việc sai với tư cách lưu trú cho phép hoặc trường hợp đã hết hạn lưu trú mà vẫn ở lại sẽ bị phạt tù 3 năm hoặc bị phạt tiền lên đến 20 triệu won;

- Vi phạm các quy định về đăng ký của người nước ngoài sẽ bị phạt tù có hoặc lao động khổ sai không quá 1 năm hoặc nộp phạt không quá 10 triệu won.

- Đối với người lao động vay Ngân hàng Chính sách xã hội để ký quỹ:

+ Người lao động về nước trước thời hạn do vi phạm hợp đồng (trừ trường hợp bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng và bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được sử dụng để trả khoản vay của Ngân hàng Chính sách xã hội. Số tiền còn lại được hoàn trả cho người lao động sau khi trừ chi phí bồi thường phát sinh do lỗi của người lao động gây ra cho Trung tâm Lao động ngoài nước (nếu có), nếu tiền ký quỹ không đủ thì người lao động phải nộp bổ sung;

+ Người lao động bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng (kể cả bỏ trốn ngay sau khi đến Hàn Quốc) hoặc hết hạn hợp đồng không về nước đúng hạn, ở lại cư trú và làm việc trái phép tại Hàn Quốc thì tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) được sử dụng để trả khoản vay của Ngân hàng Chính sách xã hội. Số tiền còn lại (nếu có) được chuyển vào Quỹ giải quyết việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người lao động cư trú hợp pháp trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc.

2.2. Quy định của pháp luật Hàn Quốc:

Theo quy định của Luật Kiểm soát xuất nhập cảnh Hàn Quốc, các hành vi cư trú và làm việc bất hợp pháp được xử lý như sau:

- Làm việc sai với tư cách lưu trú cho phép hoặc trường hợp đã hết hạn lưu trú mà vẫn ở lại sẽ bị phạt tù 3 năm hoặc bị phạt tiền lên đến 20 triệu won;

- Vi phạm các quy định về đăng ký của người nước ngoài sẽ bị phạt tù có hoặc lao động khổ sai không quá 1 năm hoặc nộp phạt không quá 10 triệu won.

- Trốn khỏi nơi làm việc, thay đổi nơi làm việc mà không được phép; không đăng ký người nước ngoài trong thời gian quy định sẽ bị phạt tù lên tới 1 năm hoặc bị phạt tiền lên tới 5 triệu won;

- Các hành vi cư trú bất hợp pháp bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc và cấm nhập cảnh trong khoảng thời gian theo quy định.

3. Không làm việc và cư trú bất hợp pháp sau khi hết hạn hợp đồng

Hàn Quốc là thị trường lao động rất được ưa chuộng đối với người lao động Việt Nam do thu nhập cao, phong tục tập quán có nhiều điểm tương đồng nên người lao động nhanh chóng thích nghi và hòa nhập.

Khi Chương trình EPS mới được thực hiện, lao động Việt Nam luôn được chủ sử dụng lao động Hàn Quốc ưu tiên tuyển chọn; Việt Nam luôn là quốc gia dẫn đầu trong các nước phái cử khi hàng năm có khoảng mười nghìn người được xuất cảnh. Từ năm 2004 đến nay đã có hơn 90.000 lượt trong đó có hơn 50.000 lượt người lao động đã về nước.

Tuy nhiên, do tình trạng người lao động Việt Nam ở lại làm việc và cư trú bất hợp pháp trong thời gian qua gia tăng nên phía Hàn Quốc đã giảm hạn ngạch hàng năm đối với lao động Việt Nam, làm mất đi cơ hội làm việc tại Hàn Quốc của nhiều người lao động khác.

Cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc là đánh cắp cơ hội của nhiều người lao động khác, do:

- Người lao động tại địa phương nơi có số lượng và tỷ lệ người lao động cư trú bất hợp pháp cao tại Hàn Quốc không được đăng ký dự tuyển.

- Phía Hàn Quốc giảm hạn ngạch tiếp nhận lao động hàng năm.
- Phía Hàn Quốc tạm dừng chương trình.

- Trốn khỏi nơi làm việc, thay đổi nơi làm việc mà không được phép; không đăng ký người nước ngoài trong thời gian quy định sẽ bị phạt tù lên tới 1 năm hoặc bị phạt tiền lên tới 5 triệu won;

- Các hành vi cư trú bất hợp pháp bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc và cấm nhập cảnh trong khoảng thời gian theo quy định.

3. Không làm việc và cư trú bất hợp pháp sau khi hết hạn hợp đồng

Hàn Quốc là thị trường lao động rất được ưa chuộng đối với người lao động Việt Nam do thu nhập cao, phong tục tập quán có nhiều điểm tương đồng nên người lao động nhanh chóng thích nghi và hòa nhập.

Khi Chương trình EPS mới được thực hiện, lao động Việt Nam luôn được chủ sử dụng lao động Hàn Quốc ưu tiên tuyển chọn; Việt Nam luôn là quốc gia dẫn đầu trong các nước phái cử khi hàng năm có khoảng mười nghìn người được xuất cảnh. Từ năm 2004 đến nay đã có hơn 90.000 lượt trong đó có hơn 50.000 lượt người lao động đã về nước.

Tuy nhiên, do tình trạng người lao động Việt Nam ở lại làm việc và cư trú bất hợp pháp trong thời gian qua gia tăng nên phía Hàn Quốc đã giảm hạn ngạch hàng năm đối với lao động Việt Nam, làm mất đi cơ hội làm việc tại Hàn Quốc của nhiều người lao động khác.

Cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc là đánh cắp cơ hội của nhiều người lao động khác, do:

- Người lao động tại địa phương nơi có số lượng và tỷ lệ người lao động cư trú bất hợp pháp cao tại Hàn Quốc không được đăng ký dự tuyển.

- Phía Hàn Quốc giảm hạn ngạch tiếp nhận lao động hàng năm.
- Phía Hàn Quốc tạm dừng chương trình.

Cư trú bất hợp pháp sẽ gặp nhiều rủi ro, do:

- Không được bảo đảm về quyền lợi khi xảy ra vấn đề tranh chấp (bị nợ lương, quyt lương, bị lừa đảo, trán lột...).
- Không được hưởng bảo hiểm theo quy định khi xảy ra tai nạn.
- Thường xuyên bị phía Hàn Quốc truy quét, bắt và cưỡng chế về nước.
- Bị xử phạt theo quy định của pháp luật Hàn Quốc và Việt Nam.
- Bị lôi kéo tham gia vào các hoạt động không lành mạnh: bài bạc, vay nợ
- Cư trú bất hợp pháp sẽ không có cơ hội về thăm gia đình.

Về nước đúng hạn khi kết thúc hợp đồng lao động là tạo cơ hội cho bản thân được quay trở lại Hàn Quốc làm việc hợp pháp và cho nhiều người lao động trong nước được sang làm việc tại Hàn Quốc. Về nước đúng hạn để ổn định gia đình, tạo dựng sự nghiệp cho bản thân và xã hội.

Cư trú bất hợp pháp sẽ gặp nhiều rủi ro, do:

- Không được bảo đảm về quyền lợi khi xảy ra vấn đề tranh chấp (bị nợ lương, quyt lương, bị lừa đảo, trán lột...).
- Không được hưởng bảo hiểm theo quy định khi xảy ra tai nạn.
- Thường xuyên bị phía Hàn Quốc truy quét, bắt và cưỡng chế về nước.
- Bị xử phạt theo quy định của pháp luật Hàn Quốc và Việt Nam.
- Bị lôi kéo tham gia vào các hoạt động không lành mạnh: bài bạc, vay nợ
- Cư trú bất hợp pháp sẽ không có cơ hội về thăm gia đình.

Về nước đúng hạn khi kết thúc hợp đồng lao động là tạo cơ hội cho bản thân được quay trở lại Hàn Quốc làm việc hợp pháp và cho nhiều người lao động trong nước được sang làm việc tại Hàn Quốc. Về nước đúng hạn để ổn định gia đình, tạo dựng sự nghiệp cho bản thân và xã hội.

PHẦN V: LUẬT SINH HOẠT CƠ BẢN

I. Tội nhẹ và luật xử phạt đối với tội nhẹ.

1. Mục đích:

- Luật xử phạt đối với tội nhẹ là quy định đối với các hành vi mặc dù không nghiêm trọng, không phải tội lớn, nhưng có gây thiệt hại cho người khác hoặc vi phạm trật tự công cộng.

✂ Cần lưu ý đối với người nước ngoài có một số hành vi tuy không có vấn đề gì ở nước sở tại nhưng có thể là hành vi vi phạm ở Hàn Quốc.

- Đối với các hành vi vi phạm (tội nhẹ) có thể xử lý bằng hình thức phạt tiền hoặc xử lý tại chỗ.

2. Các hình thức xử phạt:

2.1. Phạt tiền đối với các hành vi sau đây:

- Vứt đầu mẩu thuốc lá, bã kẹo cao su, giấy vệ sinh, rác v.v bừa bãi;
- Nhổ nước bọt, đại tiểu tiện bừa bãi ở trên đường hoặc công viên;
- Mang các loại vật nuôi như chó.., đến cho đại tiểu tiện, và không dọn đi;
- Bẻ cành, hái hoa hoặc viết chữ ở công viên hoặc nơi vui chơi giải trí;
- Chặn đường hoặc gây sự mà không có lý do chính đáng;
- Chơi nhạc cụ, mở đài hoặc tivi quá to.
- Gây tiếng ồn hoặc hát to.
- Không xếp hàng, chen lấn xô đẩy khi đang xếp hàng ở ga tàu, bến xe.

2.2. Đối tượng xử lý tại chỗ gồm các hành vi như sau:

- Tàng trữ, mang theo các hung khí như dao.. mà không có lý do chính đáng;

PHẦN V: LUẬT SINH HOẠT CƠ BẢN

I. Tội nhẹ và luật xử phạt đối với tội nhẹ.

1. Mục đích:

- Luật xử phạt đối với tội nhẹ là quy định đối với các hành vi mặc dù không nghiêm trọng, không phải tội lớn, nhưng có gây thiệt hại cho người khác hoặc vi phạm trật tự công cộng.

✂ Cần lưu ý đối với người nước ngoài có một số hành vi tuy không có vấn đề gì ở nước sở tại nhưng có thể là hành vi vi phạm ở Hàn Quốc.

- Đối với các hành vi vi phạm (tội nhẹ) có thể xử lý bằng hình thức phạt tiền hoặc xử lý tại chỗ.

2. Các hình thức xử phạt:

2.1. Phạt tiền đối với các hành vi sau đây:

- Vứt đầu mẩu thuốc lá, bã kẹo cao su, giấy vệ sinh, rác v.v bừa bãi;
- Nhổ nước bọt, đại tiểu tiện bừa bãi ở trên đường hoặc công viên;
- Mang các loại vật nuôi như chó.., đến cho đại tiểu tiện, và không dọn đi;
- Bẻ cành, hái hoa hoặc viết chữ ở công viên hoặc nơi vui chơi giải trí;
- Chặn đường hoặc gây sự mà không có lý do chính đáng;
- Chơi nhạc cụ, mở đài hoặc tivi quá to.
- Gây tiếng ồn hoặc hát to.
- Không xếp hàng, chen lấn xô đẩy khi đang xếp hàng ở ga tàu, bến xe.

2.2. Đối tượng xử lý tại chỗ gồm các hành vi như sau:

- Tàng trữ, mang theo các hung khí như dao.. mà không có lý do chính đáng;

- Khai báo gian dối với người có thẩm quyền về tội phạm không có hoặc các thiệt hại không có thật;
- Thực hiện các việc không được yêu cầu và đòi tiền cho các công việc đó;
- Gây ồn ào để lôi kéo khách hàng nhằm mục đích kinh doanh ở nơi tụ tập đông người hoặc nơi có nhiều người qua lại;
- Dán tờ rơi quảng cáo hoặc viết chữ bừa bãi lên tường nhà của người khác;
- Khoe thân quá đáng ở nơi công cộng khiến người khác cảm thấy xấu hổ hoặc không thoải mái;
- Gọi điện, nhắn tin, gửi thư,.. nhiều lần làm phiền người khác mà không có lý do chính đáng.

II. Tội bạo hành (Luật liên quan đến xử phạt hành vi bạo lực)

- Các hành vi có tính bạo lực như bạo hành đối với cơ thể con người, uy hiếp, đe dọa người khác; xâm nhập vào nơi ở của người khác và làm hư hại đồ đạc thuộc sở hữu của người khác đều bị xử phạt.

Đặc biệt, nếu các hành vi vi phạm trên có tính thường xuyên, hoặc phạm tội có tổ chức, hoặc sử dụng các vật dụng nguy hiểm như hung khí,.. thì sẽ bị xử phạt tăng nặng hơn.

- Trường hợp đánh nhau không được xem là trường hợp ngoại lệ nên sẽ không được coi là hành vi phòng vệ chính đáng (khi xảy ra đánh nhau nên tránh khỏi nơi đó).

✂ Những người có ý định nhập cảnh Hàn Quốc mà vi phạm pháp luật, mang theo súng, dao kiếm, thuốc nổ có thể bị cấm nhập cảnh vào Hàn Quốc; những người đã nhập cảnh vào Hàn Quốc mà vi phạm pháp luật, mang theo súng, dao kiếm, thuốc nổ có thể bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

- Khai báo gian dối với người có thẩm quyền về tội phạm không có hoặc các thiệt hại không có thật;
- Thực hiện các việc không được yêu cầu và đòi tiền cho các công việc đó;
- Gây ồn ào để lôi kéo khách hàng nhằm mục đích kinh doanh ở nơi tụ tập đông người hoặc nơi có nhiều người qua lại;
- Dán tờ rơi quảng cáo hoặc viết chữ bừa bãi lên tường nhà của người khác;
- Khoe thân quá đáng ở nơi công cộng khiến người khác cảm thấy xấu hổ hoặc không thoải mái;
- Gọi điện, nhắn tin, gửi thư,.. nhiều lần làm phiền người khác mà không có lý do chính đáng.

II. Tội bạo hành (Luật liên quan đến xử phạt hành vi bạo lực)

- Các hành vi có tính bạo lực như bạo hành đối với cơ thể con người, uy hiếp, đe dọa người khác; xâm nhập vào nơi ở của người khác và làm hư hại đồ đạc thuộc sở hữu của người khác đều bị xử phạt.

Đặc biệt, nếu các hành vi vi phạm trên có tính thường xuyên, hoặc phạm tội có tổ chức, hoặc sử dụng các vật dụng nguy hiểm như hung khí,.. thì sẽ bị xử phạt tăng nặng hơn.

- Trường hợp đánh nhau không được xem là trường hợp ngoại lệ nên sẽ không được coi là hành vi phòng vệ chính đáng (khi xảy ra đánh nhau nên tránh khỏi nơi đó).

✂ Những người có ý định nhập cảnh Hàn Quốc mà vi phạm pháp luật, mang theo súng, dao kiếm, thuốc nổ có thể bị cấm nhập cảnh vào Hàn Quốc; những người đã nhập cảnh vào Hàn Quốc mà vi phạm pháp luật, mang theo súng, dao kiếm, thuốc nổ có thể bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

III. Tội vi phạm giao thông (Luật giao thông đường bộ)

1. Khái quát

- Các hành vi vi phạm luật giao thông, nếu ở mức độ nhẹ có thể chỉ bị xử phạt tiền, nhưng ở mức độ nặng có thể bị xử phạt hình sự.

- Đặc biệt, xử phạt nặng đối với hành vi lái xe không có bằng hoặc lái xe sau khi uống rượu; nếu mức độ xử phạt tăng nặng với số tiền nộp phạt lớn thì có thể bị hủy tư cách lưu trú hoặc không thể gia hạn thời gian lưu trú.

2. Các hành vi bị xử phạt:

- Hành vi đi ở đường dành cho ô tô ở khu vực phân cách giữa đường dành cho xe ô tô và đường dành cho người đi bộ;

- Qua đường không ở khu vực có vạch qua đường hoặc không sử dụng cầu vượt đi bộ;

- Để các vật dụng bừa bãi trên đường gây cản trở giao thông;

- Uống rượu say lang thang trên đường;

- Hành vi nằm, đứng hoặc ngồi trên đường gây cản trở cho giao thông;

- Ném vật dụng, đồ đạc từ trong xe đang lưu thông trên đường ra ngoài;

- Người lái xe máy và người đi cùng không đội mũ bảo hiểm;

- Lái xe ô tô, mô tô không có bằng lái;

- Lái xe trong tình trạng say rượu.

IV. Tội đánh bạc (Luật hình sự)

- Tất cả các hành vi đánh bài có cá cược tiền bạc thì đều bị xử phạt vì tội đánh bạc, ngoại trừ trường hợp chơi bài giải trí; nếu việc đánh bạc thường xuyên thì sẽ bị tăng nặng hình phạt.

- Hành vi đó có phải là giải trí nhất thời hay không sẽ do tòa án đưa ra phán xét cuối cùng. Phán xét này được tổng hợp từ tất cả

III. Tội vi phạm giao thông (Luật giao thông đường bộ)

1. Khái quát

- Các hành vi vi phạm luật giao thông, nếu ở mức độ nhẹ có thể chỉ bị xử phạt tiền, nhưng ở mức độ nặng có thể bị xử phạt hình sự.

- Đặc biệt, xử phạt nặng đối với hành vi lái xe không có bằng hoặc lái xe sau khi uống rượu; nếu mức độ xử phạt tăng nặng với số tiền nộp phạt lớn thì có thể bị hủy tư cách lưu trú hoặc không thể gia hạn thời gian lưu trú.

2. Các hành vi bị xử phạt:

- Hành vi đi ở đường dành cho ô tô ở khu vực phân cách giữa đường dành cho xe ô tô và đường dành cho người đi bộ;

- Qua đường không ở khu vực có vạch qua đường hoặc không sử dụng cầu vượt đi bộ;

- Để các vật dụng bừa bãi trên đường gây cản trở giao thông;

- Uống rượu say lang thang trên đường;

- Hành vi nằm, đứng hoặc ngồi trên đường gây cản trở cho giao thông;

- Ném vật dụng, đồ đạc từ trong xe đang lưu thông trên đường ra ngoài;

- Người lái xe máy và người đi cùng không đội mũ bảo hiểm;

- Lái xe ô tô, mô tô không có bằng lái;

- Lái xe trong tình trạng say rượu.

IV. Tội đánh bạc (Luật hình sự)

- Tất cả các hành vi đánh bài có cá cược tiền bạc thì đều bị xử phạt vì tội đánh bạc, ngoại trừ trường hợp chơi bài giải trí; nếu việc đánh bạc thường xuyên thì sẽ bị tăng nặng hình phạt.

- Hành vi đó có phải là giải trí nhất thời hay không sẽ do tòa án đưa ra phán xét cuối cùng. Phán xét này được tổng hợp từ tất cả

các tình tiết như thời gian và địa điểm đánh bạc, vị trí xã hội và tài sản của người đánh bạc, mức độ tiền bạc, quá trình đánh bạc của người tham gia.

V. Giao dịch ngoại hối trái phép (Luật giao dịch ngoại hối)

1. Khái quát:

- Khi muốn chuyển tiền cho gia đình ở trong nước thì nhất định phải chuyển tiền qua các ngân hàng ngoại hối; việc chuyển tiền thông qua các tổ chức chuyển tiền bất hợp pháp đều bị xử lý.

- Giao dịch ngoại hối chỉ được thực hiện ở các tổ chức đăng ký hợp pháp; các tổ chức không đăng ký nếu thực hiện giao dịch sẽ bị xử phạt.

VI. Làm việc tại các điểm vui chơi giải trí (Luật liên quan tới chấn hưng công nghiệp âm nhạc)

- Xử phạt đối với các hành vi uống rượu với khách tại các điểm hát karaoke, hoặc vừa hát, hoặc vừa nhảy làm khách hàng hưng phấn, hoặc môi giới, giới thiệu để người khác thực hiện các hành vi đó.

- Người có tư cách lưu trú hợp pháp nhưng làm việc ở nơi không được cấp phép, nếu bị phát hiện lần đầu sẽ bị phạt tiền;

- Trường hợp trên nếu bị phát hiện làm việc ở nơi vui chơi giải trí sẽ bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc ngay lập tức.

các tình tiết như thời gian và địa điểm đánh bạc, vị trí xã hội và tài sản của người đánh bạc, mức độ tiền bạc, quá trình đánh bạc của người tham gia.

V. Giao dịch ngoại hối trái phép (Luật giao dịch ngoại hối)

1. Khái quát:

- Khi muốn chuyển tiền cho gia đình ở trong nước thì nhất định phải chuyển tiền qua các ngân hàng ngoại hối; việc chuyển tiền thông qua các tổ chức chuyển tiền bất hợp pháp đều bị xử lý.

- Giao dịch ngoại hối chỉ được thực hiện ở các tổ chức đăng ký hợp pháp; các tổ chức không đăng ký nếu thực hiện giao dịch sẽ bị xử phạt.

VI. Làm việc tại các điểm vui chơi giải trí (Luật liên quan tới chấn hưng công nghiệp âm nhạc)

- Xử phạt đối với các hành vi uống rượu với khách tại các điểm hát karaoke, hoặc vừa hát, hoặc vừa nhảy làm khách hàng hưng phấn, hoặc môi giới, giới thiệu để người khác thực hiện các hành vi đó.

- Người có tư cách lưu trú hợp pháp nhưng làm việc ở nơi không được cấp phép, nếu bị phát hiện lần đầu sẽ bị phạt tiền;

- Trường hợp trên nếu bị phát hiện làm việc ở nơi vui chơi giải trí sẽ bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc ngay lập tức.

PHẦN VI: CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ QUỸ HỖ TRỢ VIỆC LÀM NGOÀI NƯỚC

Người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc được tham gia các loại hình bảo hiểm như sau:

I. Bảo hiểm chương trình EPS (EPS 전용보험):

Là 4 loại bảo hiểm dành cho người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình Cấp phép việc làm, gồm:

Loại bảo hiểm	Người nộp tiền	Thời điểm thụ hưởng
1. Bảo hiểm hồi hương	Người lao động	Khi về nước hoàn toàn
2. Bảo hiểm tai nạn rủi ro		Khi bị tai nạn ngoài giờ, ngoài nơi làm việc.
3. Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh	Chủ sử dụng lao động	Khi người lao động về nước hoàn toàn.
4. Bảo hiểm chậm trả lương.		Khi công ty mất khả năng chi trả lương.

1. Bảo hiểm hồi hương (귀국보험)

Là loại *bảo hiểm bắt buộc* nhằm mục đích đảm bảo chi phí mua vé máy bay cho người lao động xuất cảnh hoàn toàn khỏi Hàn Quốc (ngoại trừ trường hợp xuất cảnh tạm thời, về phép).

- **Mức phí bảo hiểm:** 400.000 won (chỉ đóng 1 lần)

- Thủ tục mua bảo hiểm: Phí bảo hiểm được nộp vào tài khoản ngân hàng ghi trên hợp đồng bảo hiểm (tài khoản mở tại Cơ sở đào tạo) trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh Hàn Quốc. Phí bảo hiểm sẽ được công ty Bảo hiểm Samsung khấu trừ từ tài khoản theo hợp đồng bảo hiểm đã ký.

PHẦN VI: CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ QUỸ HỖ TRỢ VIỆC LÀM NGOÀI NƯỚC

Người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc được tham gia các loại hình bảo hiểm như sau:

I. Bảo hiểm chương trình EPS (EPS 전용보험):

Là 4 loại bảo hiểm dành cho người lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình Cấp phép việc làm, gồm:

Loại bảo hiểm	Người nộp tiền	Thời điểm thụ hưởng
1. Bảo hiểm hồi hương	Người lao động	Khi về nước hoàn toàn
2. Bảo hiểm tai nạn rủi ro		Khi bị tai nạn ngoài giờ, ngoài nơi làm việc.
3. Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh	Chủ sử dụng lao động	Khi người lao động về nước hoàn toàn.
4. Bảo hiểm chậm trả lương.		Khi công ty mất khả năng chi trả lương.

1. Bảo hiểm hồi hương (귀국보험)

Là loại *bảo hiểm bắt buộc* nhằm mục đích đảm bảo chi phí mua vé máy bay cho người lao động xuất cảnh hoàn toàn khỏi Hàn Quốc (ngoại trừ trường hợp xuất cảnh tạm thời, về phép).

- **Mức phí bảo hiểm:** 400.000 won (chỉ đóng 1 lần)

- Thủ tục mua bảo hiểm: Phí bảo hiểm được nộp vào tài khoản ngân hàng ghi trên hợp đồng bảo hiểm (tài khoản mở tại Cơ sở đào tạo) trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh Hàn Quốc. Phí bảo hiểm sẽ được công ty Bảo hiểm Samsung khấu trừ từ tài khoản theo hợp đồng bảo hiểm đã ký.

- Mức chi trả bảo hiểm: bằng số tiền người lao động đã mua bảo hiểm.

* Nếu không mua hoặc mua chậm so với thời gian quy định sẽ bị phạt tiền đến 1 triệu won.

2. Bảo hiểm tai nạn rủi ro (상해보험)

Là loại hình *bảo hiểm bắt buộc* đối với người lao động để bảo hiểm trong trường hợp bị chết hoặc bị thương tật do tai nạn rủi ro ngoài giờ lao động.

- Mức phí bảo hiểm: từ 19.000 ~ 50.800 won (dựa trên độ tuổi, giới tính, quốc tịch và thời gian lưu trú).

- Thời gian tham gia: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

- Thời hạn hợp đồng bảo hiểm: 36 tháng (03 năm)

- **Thủ tục mua bảo hiểm: tương tự thủ tục mua bảo hiểm hồi hương**

- Mức chi trả bảo hiểm:

+ Đối với trường hợp bị thương tật: tối đa là 15 triệu won.

+ Đối với trường hợp tử vong do bệnh tật, tối đa: 15 triệu won

+ Đối với trường hợp tử vong do tai nạn, tối đa: 30 triệu won

- Bảo hiểm rủi ro mua lần đầu có giá trị 36 tháng kể từ ngày nhập cảnh. Hết thời hạn, nếu được tái tuyển dụng, người lao động phải mua bảo hiểm rủi ro cho thời gian tái tuyển dụng.

- Nếu người lao động không mua Bảo hiểm rủi ro hoặc mua chậm so với thời gian quy định sẽ bị phạt tiền đến 5 triệu won hoặc bị trục xuất về nước.

3. Trợ cấp thôi việc (퇴직금) và Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh (출국만기보험)

Trợ cấp thôi việc: là khoản tiền trợ cấp mà người lao động được nhận khi chấm dứt hợp đồng lao động tại công ty sau khi đã

- Mức chi trả bảo hiểm: bằng số tiền người lao động đã mua bảo hiểm.

* Nếu không mua hoặc mua chậm so với thời gian quy định sẽ bị phạt tiền đến 1 triệu won.

2. Bảo hiểm tai nạn rủi ro (상해보험)

Là loại hình *bảo hiểm bắt buộc* đối với người lao động để bảo hiểm trong trường hợp bị chết hoặc bị thương tật do tai nạn rủi ro ngoài giờ lao động.

- Mức phí bảo hiểm: từ 19.000 ~ 50.800 won (dựa trên độ tuổi, giới tính, quốc tịch và thời gian lưu trú).

- Thời gian tham gia: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

- Thời hạn hợp đồng bảo hiểm: 36 tháng (03 năm)

- **Thủ tục mua bảo hiểm: tương tự thủ tục mua bảo hiểm hồi hương**

- Mức chi trả bảo hiểm:

+ Đối với trường hợp bị thương tật: tối đa là 15 triệu won.

+ Đối với trường hợp tử vong do bệnh tật, tối đa: 15 triệu won

+ Đối với trường hợp tử vong do tai nạn, tối đa: 30 triệu won

- Bảo hiểm rủi ro mua lần đầu có giá trị 36 tháng kể từ ngày nhập cảnh. Hết thời hạn, nếu được tái tuyển dụng, người lao động phải mua bảo hiểm rủi ro cho thời gian tái tuyển dụng.

- Nếu người lao động không mua Bảo hiểm rủi ro hoặc mua chậm so với thời gian quy định sẽ bị phạt tiền đến 5 triệu won hoặc bị trục xuất về nước.

3. Trợ cấp thôi việc (퇴직금) và Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh (출국만기보험)

Trợ cấp thôi việc: là khoản tiền trợ cấp mà người lao động được nhận khi chấm dứt hợp đồng lao động tại công ty sau khi đã

làm việc tại công ty từ đủ 01 năm trở lên. Mức tiền trợ cấp cho mỗi năm làm việc liên tục tương ứng với tiền lương bình quân của ít nhất 30 ngày.

Người lao động làm việc không đủ 01 năm tại một công ty sẽ không được chi trả khoản tiền này.

Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh: là một phần của khoản tiền trợ cấp thôi việc mà chủ sử dụng lao động phải trích đóng hàng tháng cho công ty bảo hiểm Samsung để đảm bảo chi trả cho người lao động hoàn thành hợp đồng về nước. Trường hợp người lao động làm không đủ 01 năm tại công ty thì công ty được nhận lại khoản tiền này.

Thời hạn đăng ký bảo hiểm: trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh quan hệ lao động.

Thời hiệu của bảo hiểm: kể từ ngày người lao động nhập cảnh Hàn Quốc (đối với lao động nhập cảnh lần đầu) và từ ngày ký kết hợp đồng lao động (đối với lao động chuyển đổi nơi làm việc).

Như vậy, khi người lao động làm việc tại một công ty từ đủ 01 năm trở lên mà nghỉ việc, sẽ được nhận 2 khoản như sau:

3.1. Khoản tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh do Công ty bảo hiểm Samsung chi trả:

Là khoản tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh mà chủ sử dụng lao động đã đóng cho công ty bảo hiểm Samsung, bằng 8,3% thu nhập hàng tháng của người lao động. Số tiền này sẽ được công ty Samsung chi trả cho người lao động khi xuất cảnh hoàn toàn khỏi Hàn Quốc.

Trường hợp người lao động làm việc ở nhiều công ty khác nhau thì tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được cộng dồn và chi trả một lần khi người lao động về nước.

làm việc tại công ty từ đủ 01 năm trở lên. Mức tiền trợ cấp cho mỗi năm làm việc liên tục tương ứng với tiền lương bình quân của ít nhất 30 ngày.

Người lao động làm việc không đủ 01 năm tại một công ty sẽ không được chi trả khoản tiền này.

Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh: là một phần của khoản tiền trợ cấp thôi việc mà chủ sử dụng lao động phải trích đóng hàng tháng cho công ty bảo hiểm Samsung để đảm bảo chi trả cho người lao động hoàn thành hợp đồng về nước. Trường hợp người lao động làm không đủ 01 năm tại công ty thì công ty được nhận lại khoản tiền này.

Thời hạn đăng ký bảo hiểm: trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh quan hệ lao động.

Thời hiệu của bảo hiểm: kể từ ngày người lao động nhập cảnh Hàn Quốc (đối với lao động nhập cảnh lần đầu) và từ ngày ký kết hợp đồng lao động (đối với lao động chuyển đổi nơi làm việc).

Như vậy, khi người lao động làm việc tại một công ty từ đủ 01 năm trở lên mà nghỉ việc, sẽ được nhận 2 khoản như sau:

3.1. Khoản tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh do Công ty bảo hiểm Samsung chi trả:

Là khoản tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh mà chủ sử dụng lao động đã đóng cho công ty bảo hiểm Samsung, bằng 8,3% thu nhập hàng tháng của người lao động. Số tiền này sẽ được công ty Samsung chi trả cho người lao động khi xuất cảnh hoàn toàn khỏi Hàn Quốc.

Trường hợp người lao động làm việc ở nhiều công ty khác nhau thì tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được cộng dồn và chi trả một lần khi người lao động về nước.

3.2. Khoản tiền chênh lệch do công ty chi trả:

Khi kết thúc hợp đồng lao động (*khi người lao động chuyển đổi nơi làm việc hoặc khi hết hạn hợp đồng về nước*), người lao động và chủ sử dụng lao động sẽ tính khoản tiền Trợ cấp thôi việc mà người lao động được nhận, kiểm tra số tiền Bảo hiểm mất hạn xuất cảnh mà công ty đã đóng cho Công ty bảo hiểm Samsung và tính khoản tiền chênh lệch mà chủ sử dụng lao động phải chi trả (nếu có).

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng lao động, công ty sử dụng lao động phải chi trả khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp người lao động về nước sớm hơn 14 ngày thì công ty phải thanh toán trước khi người lao động về nước.

Tiền trợ cấp thôi việc này có thể chỉ gồm khoản tiền bảo hiểm mất hạn xuất cảnh do Samsung chi trả mà không có phần chênh lệch, nếu tiền lương hàng tháng của người lao động được hưởng bằng mức tiền lương tối thiểu.

3.3. Cách tính Trợ cấp thôi việc:

Tiền trợ cấp thôi việc được tính theo công thức như dưới đây:

$$\text{Trợ cấp thôi việc} = \frac{\text{Thu nhập bình quân tháng} \times \text{Thời gian làm việc}}{365}$$

* **Thời gian làm việc:** số ngày tính từ ngày làm việc đầu tiên đến ngày làm việc cuối cùng tại công ty

$$\text{* Thu nhập bình quân tháng} = \frac{\text{A + B + C}}{\text{Tổng số ngày của 3 tháng cuối}} \times 30$$

(89 ~ 92 ngày)

3.2. Khoản tiền chênh lệch do công ty chi trả:

Khi kết thúc hợp đồng lao động (*khi người lao động chuyển đổi nơi làm việc hoặc khi hết hạn hợp đồng về nước*), người lao động và chủ sử dụng lao động sẽ tính khoản tiền Trợ cấp thôi việc mà người lao động được nhận, kiểm tra số tiền Bảo hiểm mất hạn xuất cảnh mà công ty đã đóng cho Công ty bảo hiểm Samsung và tính khoản tiền chênh lệch mà chủ sử dụng lao động phải chi trả (nếu có).

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng lao động, công ty sử dụng lao động phải chi trả khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp người lao động về nước sớm hơn 14 ngày thì công ty phải thanh toán trước khi người lao động về nước.

Tiền trợ cấp thôi việc này có thể chỉ gồm khoản tiền bảo hiểm mất hạn xuất cảnh do Samsung chi trả mà không có phần chênh lệch, nếu tiền lương hàng tháng của người lao động được hưởng bằng mức tiền lương tối thiểu.

3.3. Cách tính Trợ cấp thôi việc:

Tiền trợ cấp thôi việc được tính theo công thức như dưới đây:

$$\text{Trợ cấp thôi việc} = \frac{\text{Thu nhập bình quân tháng} \times \text{Thời gian làm việc}}{365}$$

* **Thời gian làm việc:** số ngày tính từ ngày làm việc đầu tiên đến ngày làm việc cuối cùng tại công ty

$$\text{* Thu nhập bình quân tháng} = \frac{\text{A + B + C}}{\text{Tổng số ngày của 3 tháng cuối}} \times 30$$

(89 ~ 92 ngày)

Trong đó:

A	Tiền lương 3 tháng cuối	Tiền lương của 3 tháng làm việc cuối cùng tính từ ngày chấm dứt HĐLĐ (tương đương 89 ~ 92 ngày làm việc)
B	Tiền thưởng trung bình	(Tiền thưởng trong 1 năm tính từ ngày chấm dứt HĐLĐ) x 3 ÷ 12
C	Tiền phép năm trung bình	(Tiền phép năm của năm trước năm chấm dứt HĐLĐ) x 3 ÷ 12

3.5. Trợ cấp thôi việc ngành xây dựng:

Do đặc thù ngành xây dựng làm việc theo dự án, thường xuyên phải thay đổi công ty nên tiền trợ cấp thôi việc được tính như sau:

- Đối với lao động có hợp đồng làm việc từ 12 tháng trở lên thì sẽ áp dụng quy định chung, giống như lao động các ngành khác.
- Đối với lao động làm việc tại nhiều nơi có hợp đồng làm việc dưới 12 tháng mà tổng số thời gian làm việc trên 251 ngày thì được nhận tiền Trợ cấp thôi việc do Hiệp hội tương trợ lao động xây dựng chi trả.

4. Bảo hiểm chậm trả lương (임금 체불보증보험)

Doanh nghiệp Hàn Quốc sử dụng lao động phải mua loại bảo hiểm này trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng lao động có hiệu lực. Mức đóng bảo hiểm là 16.000won/năm, doanh nghiệp đóng hàng năm.

Bảo hiểm này bảo đảm thanh toán cho khoản chậm lương tối đa 2 triệu won/người khi doanh nghiệp không có khả năng chi trả lương cho người lao động.

Trong đó:

A	Tiền lương 3 tháng cuối	Tiền lương của 3 tháng làm việc cuối cùng tính từ ngày chấm dứt HĐLĐ (tương đương 89 ~ 92 ngày làm việc)
B	Tiền thưởng trung bình	(Tiền thưởng trong 1 năm tính từ ngày chấm dứt HĐLĐ) x 3 ÷ 12
C	Tiền phép năm trung bình	(Tiền phép năm của năm trước năm chấm dứt HĐLĐ) x 3 ÷ 12

3.5. Trợ cấp thôi việc ngành xây dựng:

Do đặc thù ngành xây dựng làm việc theo dự án, thường xuyên phải thay đổi công ty nên tiền trợ cấp thôi việc được tính như sau:

- Đối với lao động có hợp đồng làm việc từ 12 tháng trở lên thì sẽ áp dụng quy định chung, giống như lao động các ngành khác.
- Đối với lao động làm việc tại nhiều nơi có hợp đồng làm việc dưới 12 tháng mà tổng số thời gian làm việc trên 251 ngày thì được nhận tiền Trợ cấp thôi việc do Hiệp hội tương trợ lao động xây dựng chi trả.

4. Bảo hiểm chậm trả lương (임금 체불보증보험)

Doanh nghiệp Hàn Quốc sử dụng lao động phải mua loại bảo hiểm này trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng lao động có hiệu lực. Mức đóng bảo hiểm là 16.000won/năm, doanh nghiệp đóng hàng năm.

Bảo hiểm này bảo đảm thanh toán cho khoản chậm lương tối đa 2 triệu won/người khi doanh nghiệp không có khả năng chi trả lương cho người lao động.

Trung tâm việc làm hoặc Ban thanh tra thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc xác nhận việc chậm trả lương, nợ lương đối với người lao động. Sau đó, Người lao động nộp đơn lên Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc đề nghị được thanh toán.

Ứng dụng kiểm tra bảo hiểm chương trình EPS (EPS 전용보험)

Hiện nay, Hàn Quốc đã hoàn thiện hệ thống kiểm tra tình trạng bảo hiểm của người lao động thông qua ứng dụng bảo hiểm chương trình EPS. Người lao động tải ứng dụng này về điện thoại di động, mở ứng dụng chọn ngôn ngữ sử dụng (tiếng Việt) và thực hiện các bước đăng ký thành viên là có thể kiểm tra tình trạng đóng bảo hiểm của mình tại ứng dụng này gồm bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh, bảo hiểm hồi hương, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm bảo đảm



II. 04 loại bảo hiểm xã hội (4 대보험)

Là 4 loại bảo hiểm xã hội áp dụng cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động trong nước và lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc.

Loại bảo hiểm	Người nộp tiền	Thụ hưởng
1. Bảo hiểm tai nạn lao động	Chủ sử dụng lao động	Khi bị tai nạn trong khi đang làm việc.
2. Bảo hiểm việc làm	Chủ sử dụng: 50% Người lao động: 50%	Khi bị mất việc làm.
3. Bảo hiểm sức khỏe (y tế)		Khi người lao động đi khám chữa bệnh.
4. Bảo hiểm hưu trí	Lao động Việt Nam chưa tham gia loại bảo hiểm này.	

Trung tâm việc làm hoặc Ban thanh tra thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc xác nhận việc chậm trả lương, nợ lương đối với người lao động. Sau đó, Người lao động nộp đơn lên Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc đề nghị được thanh toán.

Ứng dụng kiểm tra bảo hiểm chương trình EPS (EPS 전용보험)

Hiện nay, Hàn Quốc đã hoàn thiện hệ thống kiểm tra tình trạng bảo hiểm của người lao động thông qua ứng dụng bảo hiểm chương trình EPS. Người lao động tải ứng dụng này về điện thoại di động, mở ứng dụng chọn ngôn ngữ sử dụng (tiếng Việt) và thực hiện các bước đăng ký thành viên là có thể kiểm tra tình trạng đóng bảo hiểm của mình tại ứng dụng này gồm bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh, bảo hiểm hồi hương, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm bảo đảm



II. 04 loại bảo hiểm xã hội (4 대보험)

Là 4 loại bảo hiểm xã hội áp dụng cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động trong nước và lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc.

Loại bảo hiểm	Người nộp tiền	Thụ hưởng
1. Bảo hiểm tai nạn lao động	Chủ sử dụng lao động	Khi bị tai nạn trong khi đang làm việc.
2. Bảo hiểm việc làm	Chủ sử dụng: 50% Người lao động: 50%	Khi bị mất việc làm.
3. Bảo hiểm sức khỏe (y tế)		Khi người lao động đi khám chữa bệnh.
4. Bảo hiểm hưu trí	Lao động Việt Nam chưa tham gia loại bảo hiểm này.	

1. Bảo hiểm tai nạn lao động (산재보험)

Là loại bảo hiểm bắt buộc mà chủ sử dụng lao động phải tham gia trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng lao động, để bồi thường khi người lao động bị thương vong do tai nạn xảy ra trong thời gian làm việc, kể cả thời gian làm thêm giờ hoặc tai nạn xảy ra ngoài khu vực làm việc.

Người lao động bị thương (thương tật) hoặc bị mắc bệnh có liên quan đến công việc sẽ được Bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động điều trị cho những thương, bệnh tật đó và đảm bảo thu nhập cho người lao động trong thời gian điều trị bệnh. Đồng thời, sẽ chi trả trợ cấp di chứng thương tật (nếu có) sau khi người lao động đã được điều trị, hoặc chi trả tiền tuất cho thân nhân người lao động trong trường hợp tử vong.

Các loại tiền phụ cấp bảo hiểm:

1. Tiền điều dưỡng bệnh: trường hợp người lao động bị thương hoặc bị bệnh do công việc, cần được điều trị hơn 4 ngày, thì sẽ được cung cấp chế độ điều trị bệnh tại các cơ quan y tế trong nước.

2. Lương nghỉ việc: Chi trả 70% mức lương bình quân 01 ngày cho thời gian phải nghỉ việc điều trị thương tích hoặc bệnh tật do công việc.

Nếu sau 02 năm điều trị mà thương tích hoặc bệnh tật không khỏi hoàn toàn, tình trạng sức khỏe tương ứng với các tiêu chuẩn về bệnh, tật nan y thì sẽ được chi trả tiền bồi thường thương, bệnh tật thay thế tiền lương nghỉ việc.

3. Tiền bồi thường tàn tật: sau khi kết thúc quá trình điều trị thương, bệnh tật do công việc, nếu còn để lại di chứng dẫn đến tàn tật thì sẽ được chi trả tiền bồi thường tàn tật tương ứng với các hạng thương tật được quy định.

1. Bảo hiểm tai nạn lao động (산재보험)

Là loại bảo hiểm bắt buộc mà chủ sử dụng lao động phải tham gia trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng lao động, để bồi thường khi người lao động bị thương vong do tai nạn xảy ra trong thời gian làm việc, kể cả thời gian làm thêm giờ hoặc tai nạn xảy ra ngoài khu vực làm việc.

Người lao động bị thương (thương tật) hoặc bị mắc bệnh có liên quan đến công việc sẽ được Bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động điều trị cho những thương, bệnh tật đó và đảm bảo thu nhập cho người lao động trong thời gian điều trị bệnh. Đồng thời, sẽ chi trả trợ cấp di chứng thương tật (nếu có) sau khi người lao động đã được điều trị, hoặc chi trả tiền tuất cho thân nhân người lao động trong trường hợp tử vong.

Các loại tiền phụ cấp bảo hiểm:

1. Tiền điều dưỡng bệnh: trường hợp người lao động bị thương hoặc bị bệnh do công việc, cần được điều trị hơn 4 ngày, thì sẽ được cung cấp chế độ điều trị bệnh tại các cơ quan y tế trong nước.

2. Lương nghỉ việc: Chi trả 70% mức lương bình quân 01 ngày cho thời gian phải nghỉ việc điều trị thương tích hoặc bệnh tật do công việc.

Nếu sau 02 năm điều trị mà thương tích hoặc bệnh tật không khỏi hoàn toàn, tình trạng sức khỏe tương ứng với các tiêu chuẩn về bệnh, tật nan y thì sẽ được chi trả tiền bồi thường thương, bệnh tật thay thế tiền lương nghỉ việc.

3. Tiền bồi thường tàn tật: sau khi kết thúc quá trình điều trị thương, bệnh tật do công việc, nếu còn để lại di chứng dẫn đến tàn tật thì sẽ được chi trả tiền bồi thường tàn tật tương ứng với các hạng thương tật được quy định.

4. Tiền trợ cấp cho thân quyến và chi phí tang lễ: trường hợp người lao động tử vong thì thân nhân sẽ được nhận tiền bảo hiểm và người tổ chức tang lễ sẽ nhận được tiền chi phí tổ chức tang lễ.

Công đoàn phúc lợi lao động là đơn vị chủ quản, tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động và căn cứ vào tình hình cụ thể quyết định mức chi trả bảo hiểm cho người lao động và thông báo cho người lao động.

Khi người lao động bị thương hoặc bị bệnh cần điều trị hơn 04 ngày thì làm “Đơn đăng ký nhận tiền lương điều dưỡng bệnh” và gửi đến Công đoàn phúc lợi lao động cùng với giấy tờ tùy thân (hộ chiếu, Thẻ người nước ngoài), giấy chẩn đoán sơ bộ, bản tường trình về tai nạn và giấy xác thực tai nạn lao động của công ty và các giấy tờ liên quan khác.

Trường hợp công ty từ chối xác thực tai nạn lao động thì Cơ quan phúc lợi lao động sẽ điều tra theo thực tế và xử lý mà không cần chủ xác nhận.

2. Bảo hiểm việc làm (고용보험)

Là bảo hiểm nhằm hỗ trợ cho người lao động bị mất việc làm ổn định cuộc sống, tìm kiếm việc làm mới trong một khoảng thời gian nhất định hoặc hỗ trợ cho lao động nữ nghỉ sinh và chăm con nhỏ.

Mức phí đóng bảo hiểm là 1,6% mức tiền lương cơ bản, trong đó chủ sử dụng lao động và người lao động mỗi bên đóng một nửa (bằng 0,8% mức lương cơ bản). Chủ sử dụng lao động có nghĩa vụ tham gia loại bảo hiểm này cho người lao động làm việc chính thức tại công ty trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng lao động.

Lao động nước ngoài là đối tượng có thể lựa chọn tham gia hoặc không tham gia loại bảo hiểm này.

4. Tiền trợ cấp cho thân quyến và chi phí tang lễ: trường hợp người lao động tử vong thì thân nhân sẽ được nhận tiền bảo hiểm và người tổ chức tang lễ sẽ nhận được tiền chi phí tổ chức tang lễ.

Công đoàn phúc lợi lao động là đơn vị chủ quản, tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động và căn cứ vào tình hình cụ thể quyết định mức chi trả bảo hiểm cho người lao động và thông báo cho người lao động.

Khi người lao động bị thương hoặc bị bệnh cần điều trị hơn 04 ngày thì làm “Đơn đăng ký nhận tiền lương điều dưỡng bệnh” và gửi đến Công đoàn phúc lợi lao động cùng với giấy tờ tùy thân (hộ chiếu, Thẻ người nước ngoài), giấy chẩn đoán sơ bộ, bản tường trình về tai nạn và giấy xác thực tai nạn lao động của công ty và các giấy tờ liên quan khác.

Trường hợp công ty từ chối xác thực tai nạn lao động thì Cơ quan phúc lợi lao động sẽ điều tra theo thực tế và xử lý mà không cần chủ xác nhận.

2. Bảo hiểm việc làm (고용보험)

Là bảo hiểm nhằm hỗ trợ cho người lao động bị mất việc làm ổn định cuộc sống, tìm kiếm việc làm mới trong một khoảng thời gian nhất định hoặc hỗ trợ cho lao động nữ nghỉ sinh và chăm con nhỏ.

Mức phí đóng bảo hiểm là 1,6% mức tiền lương cơ bản, trong đó chủ sử dụng lao động và người lao động mỗi bên đóng một nửa (bằng 0,8% mức lương cơ bản). Chủ sử dụng lao động có nghĩa vụ tham gia loại bảo hiểm này cho người lao động làm việc chính thức tại công ty trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng lao động.

Lao động nước ngoài là đối tượng có thể lựa chọn tham gia hoặc không tham gia loại bảo hiểm này.

3. Bảo hiểm y tế quốc dân (국민건강보험)

Là loại hình bảo hiểm nhằm hỗ trợ tiền khám, chữa bệnh cho người lao động khi bị ốm đau, bệnh tật phải điều trị tại các cơ sở y tế của Hàn Quốc. Bảo hiểm y tế là bắt buộc đối với người lao động có thời gian cư trú và làm việc từ 03 tháng trở lên. Việc không tham gia bảo hiểm này có thể sẽ bị truy nộp hoặc/và không được gia hạn visa.

Mức đóng bảo hiểm bằng 6,46% tổng tiền lương hàng tháng của người lao động (không bao gồm tiền thưởng), trong đó chủ sử dụng và người lao động mỗi bên đóng 50% (bằng 3.23% mức tiền lương hàng tháng).

Bảo hiểm y tế hỗ trợ chi trả từ 70 đến 80% chi phí khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ (2 năm một lần), tiền thuốc và hỗ trợ cho phụ nữ sinh sản.

4. Bảo hiểm hưu trí (국민연금)

Là loại bảo hiểm do Chính phủ Hàn Quốc trực tiếp thực hiện và các doanh nghiệp có sử dụng lao động chính thức, dưới 60 tuổi phải đăng ký bảo hiểm cho người lao động, bao gồm cả người lao động nước ngoài từ những nước có ký hiệp định về an sinh xã hội với Hàn Quốc.

Việt Nam hiện nay chưa ký hiệp định này với Hàn Quốc nên người lao động Việt Nam chưa tham gia loại hình bảo hiểm này.

III. Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập theo Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát triển và mở rộng thị trường lao động ngoài nước, nâng cao chất lượng nguồn lao động, hỗ trợ giải quyết rủi ro cho người lao động và doanh nghiệp. Người lao động, khi đi làm việc ở nước ngoài phải tham gia Quỹ Hỗ trợ.

3. Bảo hiểm y tế quốc dân (국민건강보험)

Là loại hình bảo hiểm nhằm hỗ trợ tiền khám, chữa bệnh cho người lao động khi bị ốm đau, bệnh tật phải điều trị tại các cơ sở y tế của Hàn Quốc. Bảo hiểm y tế là bắt buộc đối với người lao động có thời gian cư trú và làm việc từ 03 tháng trở lên. Việc không tham gia bảo hiểm này có thể sẽ bị truy nộp hoặc/và không được gia hạn visa.

Mức đóng bảo hiểm bằng 6,46% tổng tiền lương hàng tháng của người lao động (không bao gồm tiền thưởng), trong đó chủ sử dụng và người lao động mỗi bên đóng 50% (bằng 3.23% mức tiền lương hàng tháng).

Bảo hiểm y tế hỗ trợ chi trả từ 70 đến 80% chi phí khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ (2 năm một lần), tiền thuốc và hỗ trợ cho phụ nữ sinh sản.

4. Bảo hiểm hưu trí (국민연금)

Là loại bảo hiểm do Chính phủ Hàn Quốc trực tiếp thực hiện và các doanh nghiệp có sử dụng lao động chính thức, dưới 60 tuổi phải đăng ký bảo hiểm cho người lao động, bao gồm cả người lao động nước ngoài từ những nước có ký hiệp định về an sinh xã hội với Hàn Quốc.

Việt Nam hiện nay chưa ký hiệp định này với Hàn Quốc nên người lao động Việt Nam chưa tham gia loại hình bảo hiểm này.

III. Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập theo Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát triển và mở rộng thị trường lao động ngoài nước, nâng cao chất lượng nguồn lao động, hỗ trợ giải quyết rủi ro cho người lao động và doanh nghiệp. Người lao động, khi đi làm việc ở nước ngoài phải tham gia Quỹ Hỗ trợ.

1. Mức Phí : 100.000 đồng/người/hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn).

2. Mức hỗ trợ giải quyết rủi ro cho người lao động

- Hỗ trợ cho thân nhân của người lao động bị chết trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/trường hợp;

- Trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc và phải về nước trước thời hạn. Mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/trường hợp;

- Hỗ trợ cho một số trường hợp rủi ro khác quan khách do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý quỹ nhưng không quá 5.000.000 đồng/trường hợp.

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ rủi ro có xác nhận của Chính quyền địa phương;

Và một trong các giấy tờ sau đây:

- Bản sao giấy chứng tử của người lao động hoặc xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với trường hợp người lao động bị chết.

- Bản chính giấy xác nhận (kèm bản dịch tiếng Việt) của cơ quan y tế nước sở tại hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước đó về việc người lao động không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc;

- Bản giám định thương tật của cơ quan y tế có thẩm quyền xác định mức độ thương tật (đối với trường hợp mất hoàn toàn khả năng lao động)

- Bản chính giấy xác nhận của chủ sử dụng hoặc các văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại về việc chủ sử dụng không có điều kiện để tiếp tục sử dụng lao động;

1. Mức Phí : 100.000 đồng/người/hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn).

2. Mức hỗ trợ giải quyết rủi ro cho người lao động

- Hỗ trợ cho thân nhân của người lao động bị chết trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/trường hợp;

- Trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc và phải về nước trước thời hạn. Mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/trường hợp;

- Hỗ trợ cho một số trường hợp rủi ro khác quan khách do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý quỹ nhưng không quá 5.000.000 đồng/trường hợp.

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ rủi ro có xác nhận của Chính quyền địa phương;

Và một trong các giấy tờ sau đây:

- Bản sao giấy chứng tử của người lao động hoặc xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với trường hợp người lao động bị chết.

- Bản chính giấy xác nhận (kèm bản dịch tiếng Việt) của cơ quan y tế nước sở tại hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước đó về việc người lao động không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc;

- Bản giám định thương tật của cơ quan y tế có thẩm quyền xác định mức độ thương tật (đối với trường hợp mất hoàn toàn khả năng lao động)

- Bản chính giấy xác nhận của chủ sử dụng hoặc các văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại về việc chủ sử dụng không có điều kiện để tiếp tục sử dụng lao động;

Hồ sơ được gửi đến doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để lập danh sách gửi về Quỹ đề nghị hỗ trợ cho người lao động.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ giải quyết Đơn và thông báo kết quả giải quyết về Doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động; Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền từ Quỹ, doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải chi trả cho người lao động.

IV. Bảo hiểm xã hội bắt buộc:

1. Quy định của Pháp luật Việt Nam về Bảo hiểm xã hội đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Luật Bảo hiểm xã hội số 53/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Theo quy định của Luật này và các văn bản hướng dẫn, người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Theo Điều 3 Luật BHXH: "*Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH*".

Trên cơ sở khái niệm về bảo hiểm xã hội, có thể hiểu như sau:

- Thứ nhất, bảo hiểm xã hội sẽ bảo đảm thay thế hoặc bù đắp sự thiếu hụt về thu nhập của người lao động và gia đình họ khi gặp phải những rủi ro trong cuộc sống khi tai nạn, ốm đau, ...

Khi những rủi ro xảy ra, người lao động bị hạn chế khả năng lao động hoặc mất khả năng lao động, dẫn đến không có nguồn

Hồ sơ được gửi đến doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để lập danh sách gửi về Quỹ đề nghị hỗ trợ cho người lao động.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ giải quyết Đơn và thông báo kết quả giải quyết về Doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động; Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền từ Quỹ, doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải chi trả cho người lao động.

IV. Bảo hiểm xã hội bắt buộc:

1. Quy định của Pháp luật Việt Nam về Bảo hiểm xã hội đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Luật Bảo hiểm xã hội số 53/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Theo quy định của Luật này và các văn bản hướng dẫn, người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Theo Điều 3 Luật BHXH: "*Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH*".

Trên cơ sở khái niệm về bảo hiểm xã hội, có thể hiểu như sau:

- Thứ nhất, bảo hiểm xã hội sẽ bảo đảm thay thế hoặc bù đắp sự thiếu hụt về thu nhập của người lao động và gia đình họ khi gặp phải những rủi ro trong cuộc sống khi tai nạn, ốm đau, ...

Khi những rủi ro xảy ra, người lao động bị hạn chế khả năng lao động hoặc mất khả năng lao động, dẫn đến không có nguồn

thu nhập để đảm bảo cuộc sống. Lúc này khoản tiền BHXH sẽ rất quan trọng đối với họ, đảm bảo cho họ những nhu cầu tối thiểu của cuộc sống.

- Thứ hai, BHXH sẽ phân phối lại thu nhập. Cụ thể người lao động sẽ trích một phần thu nhập từng tháng của mình nộp vào quỹ BHXH để được hưởng trợ cấp khi gặp rủi ro trong tương lai. Hay việc người sử dụng lao động cũng sẽ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động thành từng khoản tiền nhỏ tránh phải mất một khoản tiền lớn cho người lao động khi họ gặp nhiều rủi ro cùng 1 lúc. Ngoài ra, người lao động khỏe đóng góp cho người lao động ốm đau, người lao động trẻ đóng góp cho người lao động già.

- Thứ ba, BHXH góp phần tạo sự tương trợ, chia sẻ giữa các nhóm người. Mỗi người lao động chỉ phải đóng một phần tiền nhỏ theo thu nhập nhưng với số lượng người lao động lớn sẽ tạo thành một quỹ bảo hiểm khổng lồ, giúp đỡ cho những người lao động gặp rủi ro. Bên cạnh đó, người sử dụng lao động cũng trích nộp 01 phần theo tỷ lệ quy định vào quỹ BHXH cho người lao động trích ra. Người lao động khi hết tuổi lao động không thể làm việc được, quỹ BHXH sẽ chi trả các khoản trợ cấp tính trên tổng số tiền do cả người lao động và chủ sử dụng lao động đóng góp để bảo đảm cuộc sống người lao động.

2. Đối tượng áp dụng:

1.1. Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội và Khoản 2, Điều 2, Nghị định 115/2015/NĐ-CP, được áp dụng đối với các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức sự nghiệp được phép đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

thu nhập để đảm bảo cuộc sống. Lúc này khoản tiền BHXH sẽ rất quan trọng đối với họ, đảm bảo cho họ những nhu cầu tối thiểu của cuộc sống.

- Thứ hai, BHXH sẽ phân phối lại thu nhập. Cụ thể người lao động sẽ trích một phần thu nhập từng tháng của mình nộp vào quỹ BHXH để được hưởng trợ cấp khi gặp rủi ro trong tương lai. Hay việc người sử dụng lao động cũng sẽ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động thành từng khoản tiền nhỏ tránh phải mất một khoản tiền lớn cho người lao động khi họ gặp nhiều rủi ro cùng 1 lúc. Ngoài ra, người lao động khỏe đóng góp cho người lao động ốm đau, người lao động trẻ đóng góp cho người lao động già.

- Thứ ba, BHXH góp phần tạo sự tương trợ, chia sẻ giữa các nhóm người. Mỗi người lao động chỉ phải đóng một phần tiền nhỏ theo thu nhập nhưng với số lượng người lao động lớn sẽ tạo thành một quỹ bảo hiểm khổng lồ, giúp đỡ cho những người lao động gặp rủi ro. Bên cạnh đó, người sử dụng lao động cũng trích nộp 01 phần theo tỷ lệ quy định vào quỹ BHXH cho người lao động trích ra. Người lao động khi hết tuổi lao động không thể làm việc được, quỹ BHXH sẽ chi trả các khoản trợ cấp tính trên tổng số tiền do cả người lao động và chủ sử dụng lao động đóng góp để bảo đảm cuộc sống người lao động.

2. Đối tượng áp dụng:

1.1. Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội và Khoản 2, Điều 2, Nghị định 115/2015/NĐ-CP, được áp dụng đối với các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức sự nghiệp được phép đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

b) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài có đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

c) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề.

d) Hợp đồng các nhân.

1.2. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị định 115/2015/NĐ-CP: người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hợp đồng thuộc đối tượng ở các điểm a, c, d chỉ thực hiện chế độ hưu trí và tử tuất. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng ở điểm b thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Căn cứ vào quy định trên, người lao động được Trung tâm Lao động ngoài nước đưa đi làm việc/ thực tập ở nước ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc **chỉ thực hiện chế độ hưu trí và tử tuất.**

3. Mức đóng và phương thức đóng BHXH bắt buộc:

3.1. Mức đóng

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội, mức đóng bảo hiểm xã hội được chia thành 02 nhóm, gồm:

- **Nhóm 1:** là những người trước đó đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Những người thuộc nhóm này đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm trước khi đi làm việc tại nước ngoài.

Ví dụ 1: Một người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài đã tham gia BHXH, mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm là 5.000.000đ/tháng.

b) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài có đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

c) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề.

d) Hợp đồng các nhân.

1.2. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị định 115/2015/NĐ-CP: người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hợp đồng thuộc đối tượng ở các điểm a, c, d chỉ thực hiện chế độ hưu trí và tử tuất. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng ở điểm b thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Căn cứ vào quy định trên, người lao động được Trung tâm Lao động ngoài nước đưa đi làm việc/ thực tập ở nước ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc **chỉ thực hiện chế độ hưu trí và tử tuất.**

3. Mức đóng và phương thức đóng BHXH bắt buộc:

3.1. Mức đóng

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội, mức đóng bảo hiểm xã hội được chia thành 02 nhóm, gồm:

- **Nhóm 1:** là những người trước đó đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Những người thuộc nhóm này đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm trước khi đi làm việc tại nước ngoài.

Ví dụ 1: Một người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài đã tham gia BHXH, mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm là 5.000.000đ/tháng.

Như vậy, mức đóng BHXH bắt buộc của người đó khi đi làm việc ở nước ngoài là: $5.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 22\% = 1.100.000\text{đ}/\text{tháng}$.

- **Nhóm 2:** là những người chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần trước đó.

Những người thuộc nhóm này đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% của 2 lần mức lương cơ sở. Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ thì từ ngày 01/7/2019 mức lương cơ sở năm 2019 là 1.490.000/tháng.

Ví dụ 2: chị Nguyễn Thị Vui chưa tham gia BHXH trước khi đi làm việc ở nước ngoài nên mức đóng BHXH bắt buộc như sau:

$$2 \text{ lần} \times 1.490.000\text{đ}/\text{tháng} \times 22\% = 655.600\text{đ}/\text{tháng}.$$

Lưu ý: Mức tiền lương cơ sở có thể thay đổi theo quy định của Chính phủ, do vậy, mức đóng BHXH bắt buộc cũng sẽ thay đổi.

3.2. Phương thức đóng:

Cũng theo quy định tại Khoản 2, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội:

- Người lao động có thể thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hàng tháng, hoặc đóng 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng một lần hoặc đóng trước một lần theo thời hạn ghi trên hợp đồng đưa người đi làm việc ở nước ngoài.

- Người lao động đóng trực tiếp cho Cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cư trú của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài hoặc đóng qua doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Trường hợp người lao động được gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới tại nước tiếp nhận lao động thì có thể thực hiện theo phương thức trên, hoặc truy nộp cho bảo hiểm xã hội sau khi về nước.

Như vậy, mức đóng BHXH bắt buộc của người đó khi đi làm việc ở nước ngoài là: $5.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 22\% = 1.100.000\text{đ}/\text{tháng}$.

- **Nhóm 2:** là những người chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần trước đó.

Những người thuộc nhóm này đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% của 2 lần mức lương cơ sở. Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ thì từ ngày 01/7/2019 mức lương cơ sở năm 2019 là 1.490.000/tháng.

Ví dụ 2: chị Nguyễn Thị Vui chưa tham gia BHXH trước khi đi làm việc ở nước ngoài nên mức đóng BHXH bắt buộc như sau:

$$2 \text{ lần} \times 1.490.000\text{đ}/\text{tháng} \times 22\% = 655.600\text{đ}/\text{tháng}.$$

Lưu ý: Mức tiền lương cơ sở có thể thay đổi theo quy định của Chính phủ, do vậy, mức đóng BHXH bắt buộc cũng sẽ thay đổi.

3.2. Phương thức đóng:

Cũng theo quy định tại Khoản 2, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội:

- Người lao động có thể thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hàng tháng, hoặc đóng 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng một lần hoặc đóng trước một lần theo thời hạn ghi trên hợp đồng đưa người đi làm việc ở nước ngoài.

- Người lao động đóng trực tiếp cho Cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cư trú của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài hoặc đóng qua doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Trường hợp người lao động được gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới tại nước tiếp nhận lao động thì có thể thực hiện theo phương thức trên, hoặc truy nộp cho bảo hiểm xã hội sau khi về nước.

Hiện nay, Trung tâm Lao động ngoài nước hiện không triển khai việc thực hiện thu hộ tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, nên đề nghị người lao động đóng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cư trú (cơ quan bảo hiểm cấp quận, huyện).

Để đăng ký tham gia BHXH, người lao động đến các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính về BHXH ở quận, huyện nơi người lao động cư trú lập và nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan BHXH. Hồ sơ bao gồm:

- + Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS);

- + Hợp đồng lao động có thời hạn ở nước ngoài hoặc hợp đồng lao động được gia hạn kèm theo văn bản gia hạn hợp đồng lao động hoặc hợp đồng lao động được ký mới tại nước tiếp nhận lao động theo hợp đồng.

Cơ quan bảo hiểm xã hội giải tiếp nhận, quyết hồ sơ và cấp sổ BHXH sau không quá 5 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định,

4. Chế độ và mức hưởng BHXH:

4.1. Chế độ hưu trí

- Điều kiện hưởng chế độ hưu trí:

- + Đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội: có từ đủ 20 năm tham gia bảo hiểm xã hội trở lên.

- + Đủ độ tuổi hưởng chế độ hưu trí: độ tuổi theo quy định hiện nay là 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.

Trong trường hợp người lao động đã đủ thời gian đóng bảo hiểm (20 năm) mà chưa đủ độ tuổi hưởng chế độ hưu trí thì có thể bảo lưu đến khi đủ độ tuổi hoặc tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để hưởng tỷ lệ cao hơn.

Hiện nay, Trung tâm Lao động ngoài nước hiện không triển khai việc thực hiện thu hộ tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, nên đề nghị người lao động đóng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cư trú (cơ quan bảo hiểm cấp quận, huyện).

Để đăng ký tham gia BHXH, người lao động đến các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính về BHXH ở quận, huyện nơi người lao động cư trú lập và nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan BHXH. Hồ sơ bao gồm:

- + Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS);

- + Hợp đồng lao động có thời hạn ở nước ngoài hoặc hợp đồng lao động được gia hạn kèm theo văn bản gia hạn hợp đồng lao động hoặc hợp đồng lao động được ký mới tại nước tiếp nhận lao động theo hợp đồng.

Cơ quan bảo hiểm xã hội giải tiếp nhận, quyết hồ sơ và cấp sổ BHXH sau không quá 5 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định,

4. Chế độ và mức hưởng BHXH:

4.1. Chế độ hưu trí

- Điều kiện hưởng chế độ hưu trí:

- + Đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội: có từ đủ 20 năm tham gia bảo hiểm xã hội trở lên.

- + Đủ độ tuổi hưởng chế độ hưu trí: độ tuổi theo quy định hiện nay là 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.

Trong trường hợp người lao động đã đủ thời gian đóng bảo hiểm (20 năm) mà chưa đủ độ tuổi hưởng chế độ hưu trí thì có thể bảo lưu đến khi đủ độ tuổi hoặc tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để hưởng tỷ lệ cao hơn.

- Mức hưởng:

Theo quy định của luật BHXH năm 2014, mức lương hưu hàng tháng của người lao động đóng bảo hiểm xã hội tùy thuộc vào thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, theo đó:

Người lao động đủ độ tuổi hưởng chế độ hưu trí, có số năm đóng bảo hiểm xã hội là 20 năm thì được hưởng mức tương ứng với 45% mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội; sau đó cứ thêm mỗi năm được tính cộng thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

Ví dụ 3: Một người lao động ký hợp đồng lao động đi làm việc tại Hàn Quốc với thời hạn là 4 năm 10 tháng (bao gồm cả thời gian gia hạn) tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi đi làm việc ở nước ngoài, đã đóng BHXH tại cơ quan BHXH cho thời gian trên là:

$$(2 \times 1.490.000 \times 22\%) \times 58 \text{ tháng} = 38.024.800\text{đ}$$

(trường hợp mức tiền lương cơ sở thay đổi thì số tiền trên có thể thay đổi)

Sau khi về nước người lao động tiếp tục tham gia bảo hiểm cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật. Giả sử mức lương bình quân đóng bảo hiểm của người lao động là 6.000.000đ/tháng thì người đó được hưởng chế độ hưu trí với mức hưởng hàng tháng là:

$$+ \text{Mức tối thiểu: } 45\% \times 6.000.000\text{đ} = 2.700.000\text{đ/tháng}$$

$$+ \text{Mức tối đa: } 75\% \times 6.000.000\text{đ} = 4.500.000\text{đ/tháng}$$

4.2. Chế độ chi trả một lần

- Điều kiện:

Trong các trường hợp sau thì người lao động có thể yêu cầu cơ quan bảo hiểm xã hội cấp quận, huyện cho hưởng bảo hiểm xã hội một lần:

- Mức hưởng:

Theo quy định của luật BHXH năm 2014, mức lương hưu hàng tháng của người lao động đóng bảo hiểm xã hội tùy thuộc vào thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, theo đó:

Người lao động đủ độ tuổi hưởng chế độ hưu trí, có số năm đóng bảo hiểm xã hội là 20 năm thì được hưởng mức tương ứng với 45% mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội; sau đó cứ thêm mỗi năm được tính cộng thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

Ví dụ 3: Một người lao động ký hợp đồng lao động đi làm việc tại Hàn Quốc với thời hạn là 4 năm 10 tháng (bao gồm cả thời gian gia hạn) tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi đi làm việc ở nước ngoài, đã đóng BHXH tại cơ quan BHXH cho thời gian trên là:

$$(2 \times 1.490.000 \times 22\%) \times 58 \text{ tháng} = 38.024.800\text{đ}$$

(trường hợp mức tiền lương cơ sở thay đổi thì số tiền trên có thể thay đổi)

Sau khi về nước người lao động tiếp tục tham gia bảo hiểm cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật. Giả sử mức lương bình quân đóng bảo hiểm của người lao động là 6.000.000đ/tháng thì người đó được hưởng chế độ hưu trí với mức hưởng hàng tháng là:

$$+ \text{Mức tối thiểu: } 45\% \times 6.000.000\text{đ} = 2.700.000\text{đ/tháng}$$

$$+ \text{Mức tối đa: } 75\% \times 6.000.000\text{đ} = 4.500.000\text{đ/tháng}$$

4.2. Chế độ chi trả một lần

- Điều kiện:

Trong các trường hợp sau thì người lao động có thể yêu cầu cơ quan bảo hiểm xã hội cấp quận, huyện cho hưởng bảo hiểm xã hội một lần:

+ Người tham gia chưa đủ tuổi nghỉ hưu, chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và sau 01 năm ngừng tham gia BHXH có nhu cầu hưởng BHXH 1 lần.

+ Người tham gia đủ tuổi nghỉ hưu; chưa đủ 20 năm tham gia BHXH theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 54 Luật BHXH.

+ Ra nước ngoài định cư;

+ Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y Tế.

- Mức hưởng:

Được tính bằng 2 lần số tiền lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội nhân với số năm tham gia đóng bảo hiểm (đối với những người tham gia bảo hiểm từ năm 2014 trở đi).

Trong đó, mức lương bình quân để tính lương hưu, trợ cấp một lần được quy định tại Điều 9 nghị định 115/NĐ-CP:

- Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương này thì tính bình quân tiền lương tháng của số năm đóng bảo hiểm xã hội trước khi nghỉ phụ thuộc vào thời gian bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội.

- Người lao động có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tính bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian.

Ví dụ 4:

Người lao động trên sau khi về nước không tiếp tục tham gia bảo hiểm. Sau 01 năm kể từ thời điểm thôi không đóng BHXH, người lao động có thể yêu cầu hưởng BHXH một lần với mức hưởng là:

+ Người tham gia chưa đủ tuổi nghỉ hưu, chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và sau 01 năm ngừng tham gia BHXH có nhu cầu hưởng BHXH 1 lần.

+ Người tham gia đủ tuổi nghỉ hưu; chưa đủ 20 năm tham gia BHXH theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 54 Luật BHXH.

+ Ra nước ngoài định cư;

+ Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y Tế.

- Mức hưởng:

Được tính bằng 2 lần số tiền lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội nhân với số năm tham gia đóng bảo hiểm (đối với những người tham gia bảo hiểm từ năm 2014 trở đi).

Trong đó, mức lương bình quân để tính lương hưu, trợ cấp một lần được quy định tại Điều 9 nghị định 115/NĐ-CP:

- Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương này thì tính bình quân tiền lương tháng của số năm đóng bảo hiểm xã hội trước khi nghỉ phụ thuộc vào thời gian bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội.

- Người lao động có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tính bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian.

Ví dụ 4:

Người lao động trên sau khi về nước không tiếp tục tham gia bảo hiểm. Sau 01 năm kể từ thời điểm thôi không đóng BHXH, người lao động có thể yêu cầu hưởng BHXH một lần với mức hưởng là:

$2 \text{ (lần)} \times 1.490.000\text{đ} \times 5 \text{ (số năm đóng BHXH)} = 14.900.000\text{đ/lần}$

Trong đó: 4 năm 10 tháng được tính tròn thành 5 năm; mức lương bình quân bằng mức lương đóng bảo hiểm.

4.3. Chế độ tử tuất

Không giống các chế độ bảo hiểm khác, chế độ tử tuất bao gồm nhiều loại trợ cấp khác nhau. Mỗi trợ cấp sẽ có những đối tượng hưởng, điều kiện hưởng và mức hưởng khác nhau tùy thuộc vào loại bảo hiểm tham gia, bao gồm: trợ cấp mai táng, trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất một lần.

a) Trợ cấp mai táng:

- Điều kiện:

+ Người lao động bị chết khi đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội mà đã có thời gian đóng từ đủ 12 tháng trở lên;

+ Người lao động chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc chết trong thời gian điều trị do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ Người đang hưởng lương hưu; hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng đã nghỉ việc ;

+ Các trường hợp trên bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

- Đối tượng và mức hưởng:

Người đứng ra lo mai táng cho người lao động chết được hưởng trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà người đó chết.

b) Trợ cấp tuất hàng tháng:

- Điều kiện:

Người lao động đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng; bị Tòa án tuyên bố là đã chết thuộc một trong các trường hợp sau đây thì khi chết, thân nhân được hưởng tiền tuất hàng tháng :

$2 \text{ (lần)} \times 1.490.000\text{đ} \times 5 \text{ (số năm đóng BHXH)} = 14.900.000\text{đ/lần}$

Trong đó: 4 năm 10 tháng được tính tròn thành 5 năm; mức lương bình quân bằng mức lương đóng bảo hiểm.

4.3. Chế độ tử tuất

Không giống các chế độ bảo hiểm khác, chế độ tử tuất bao gồm nhiều loại trợ cấp khác nhau. Mỗi trợ cấp sẽ có những đối tượng hưởng, điều kiện hưởng và mức hưởng khác nhau tùy thuộc vào loại bảo hiểm tham gia, bao gồm: trợ cấp mai táng, trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất một lần.

a) Trợ cấp mai táng:

- Điều kiện:

+ Người lao động bị chết khi đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội mà đã có thời gian đóng từ đủ 12 tháng trở lên;

+ Người lao động chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc chết trong thời gian điều trị do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ Người đang hưởng lương hưu; hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng đã nghỉ việc ;

+ Các trường hợp trên bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

- Đối tượng và mức hưởng:

Người đứng ra lo mai táng cho người lao động chết được hưởng trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà người đó chết.

b) Trợ cấp tuất hàng tháng:

- Điều kiện:

Người lao động đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng; bị Tòa án tuyên bố là đã chết thuộc một trong các trường hợp sau đây thì khi chết, thân nhân được hưởng tiền tuất hàng tháng :

+ Đã đóng BHXH từ đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng BHXH một lần;

+ Đang hưởng lương hưu;

+ Chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ Đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

- Đối tượng hưởng:

+ Con chưa đủ 18 tuổi hoặc đủ 18 tuổi nhưng suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; con được sinh ra khi bố chết mà mẹ mang thai.

+ Vợ/ chồng đủ độ tuổi hưởng chế độ theo quy định hoặc chưa đủ tuổi nhưng suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

+ Cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng hoặc thành viên trong gia đình mà người lao động có nghĩa vụ nuôi dưỡng đủ tuổi hưởng chế độ theo quy định hoặc chưa đủ tuổi nhưng suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Lưu ý : ngoại trừ đối tượng hưởng là con, các đối tượng khác phải không có thu nhập hoặc có thu nhập hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở.

- Mức hưởng:

+ Mức trợ cấp cơ bản bằng 50% mức tiền lương cơ sở tại thời điểm được hưởng (đồng/người/tháng).

+ Mức trợ cấp tuất nuôi dưỡng bằng 70% mức tiền lương cơ sở tại thời điểm được hưởng (đồng/người/tháng, áp dụng đối với thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng).

+ Một người chết thì tối đa 04 người được hưởng trợ cấp; thời điểm hưởng là tháng liền kề sau tháng người lao động chết.

+ Đã đóng BHXH từ đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng BHXH một lần;

+ Đang hưởng lương hưu;

+ Chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ Đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

- Đối tượng hưởng:

+ Con chưa đủ 18 tuổi hoặc đủ 18 tuổi nhưng suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; con được sinh ra khi bố chết mà mẹ mang thai.

+ Vợ/ chồng đủ độ tuổi hưởng chế độ theo quy định hoặc chưa đủ tuổi nhưng suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

+ Cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng hoặc thành viên trong gia đình mà người lao động có nghĩa vụ nuôi dưỡng đủ tuổi hưởng chế độ theo quy định hoặc chưa đủ tuổi nhưng suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Lưu ý : ngoại trừ đối tượng hưởng là con, các đối tượng khác phải không có thu nhập hoặc có thu nhập hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở.

- Mức hưởng:

+ Mức trợ cấp cơ bản bằng 50% mức tiền lương cơ sở tại thời điểm được hưởng (đồng/người/tháng).

+ Mức trợ cấp tuất nuôi dưỡng bằng 70% mức tiền lương cơ sở tại thời điểm được hưởng (đồng/người/tháng, áp dụng đối với thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng).

+ Một người chết thì tối đa 04 người được hưởng trợ cấp; thời điểm hưởng là tháng liền kề sau tháng người lao động chết.

c) Trợ cấp tuất một lần:

- Điều kiện:

Người lao động đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng; bị Tòa án tuyên bố là đã chết thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì khi chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tuất 1 lần:

+ Người lao động chết không thuộc các trường hợp hưởng trợ cấp tuất hàng tháng;

+ Người lao động chết thuộc một trong các trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nhưng không có thân nhân hưởng tiền tuất hàng tháng;

+ Thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất 1 lần, trừ trường hợp con dưới 6 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Người lao động chết mà không có thân nhân (con đẻ, con nuôi, vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng hoặc thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng) thì trợ cấp tuất 1 lần thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Đối tượng hưởng trợ cấp tuất 1 lần

+ Thân nhân không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tuất hàng tháng;

+ Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng có yêu cầu hưởng trợ cấp tuất 1 lần (trừ trường hợp con dưới 6 tuổi, vợ/chồng/con bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên);

+ Người lao động chết không có thân nhân (thực hiện theo pháp luật thừa kế).

c) Trợ cấp tuất một lần:

- Điều kiện:

Người lao động đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng; bị Tòa án tuyên bố là đã chết thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì khi chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tuất 1 lần:

- + Người lao động chết không thuộc các trường hợp hưởng trợ cấp tuất hàng tháng;

- + Người lao động chết thuộc một trong các trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nhưng không có thân nhân hưởng tiền tuất hàng tháng;

- + Thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất 1 lần, trừ trường hợp con dưới 6 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- + Người lao động chết mà không có thân nhân (con đẻ, con nuôi, vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng hoặc thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng) thì trợ cấp tuất 1 lần thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Đối tượng hưởng trợ cấp tuất 1 lần

- + Thân nhân không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tuất hàng tháng;

- + Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng có yêu cầu hưởng trợ cấp tuất 1 lần (trừ trường hợp con dưới 6 tuổi, vợ/chồng/con bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên);

- + Người lao động chết không có thân nhân (thực hiện theo pháp luật thừa kế).

- Mức hưởng trợ cấp tuất 1 lần

Đối với thân nhân của người lao động đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng, mức hưởng bằng 02 lần mức tiền lương bình quân nhân với số năm đóng BHXH.

Ví dụ 5: Lao động Nguyễn Văn A trước khi đi làm việc ở nước ngoài đã đóng trước BHXH một lần theo thời hạn ghi trên hợp đồng (giả sử là 5 năm).

Giả sử 1: Sau khi về nước, anh A vẫn tiếp tục đóng BHXH thêm 10 năm nữa. Tuy nhiên, anh A bị chết vì lý do khách quan trong thời gian đang đóng BHXH. Theo quy định của pháp luật, thân nhân của A sẽ được hưởng trợ cấp mai táng với mức hưởng là:

$$10 \times 1.490.000 = 14.900.000\text{đ/lần}$$

Đồng thời thân nhân của A cũng được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng (nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) với mức hưởng cơ bản là:

$$50\% \times 1.490.000 = 745.000\text{đ/ tháng/người}$$

hoặc mức trợ cấp nuôi dưỡng là:

$$70\% \times 1.490.000\text{đ} = 1.043.000\text{đ/tháng/người}$$

Giả sử 2: Sau khi về nước, anh A không tiếp tục đóng BHXH. Khi A bị chết vì lý do khách quan thì thân nhân của A sẽ được hưởng trợ cấp mai táng với mức hưởng (mười lần mức lương cơ sở) như sau:

$$10 \times 1.490.000 = 14.900.000\text{đ/lần}$$

Đồng thời thân nhân của A cũng được hưởng chế độ trợ cấp tuất một lần với mức hưởng (hai lần mức lương cơ sở nhân với số năm đóng bảo hiểm) là:

$$2 \times 1.490.000 \times 5 = 14.900.000\text{đ/lần}$$

Ghi chú: giả sử mức lương cơ sở trong các ví dụ trên là 1.490.000đ/tháng.

- Mức hưởng trợ cấp tuất 1 lần

Đối với thân nhân của người lao động đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng, mức hưởng bằng 02 lần mức tiền lương bình quân nhân với số năm đóng BHXH.

Ví dụ 5: Lao động Nguyễn Văn A trước khi đi làm việc ở nước ngoài đã đóng trước BHXH một lần theo thời hạn ghi trên hợp đồng (giả sử là 5 năm).

Giả sử 1: Sau khi về nước, anh A vẫn tiếp tục đóng BHXH thêm 10 năm nữa. Tuy nhiên, anh A bị chết vì lý do khách quan trong thời gian đang đóng BHXH. Theo quy định của pháp luật, thân nhân của A sẽ được hưởng trợ cấp mai táng với mức hưởng là:

$$10 \times 1.490.000 = 14.900.000\text{đ/lần}$$

Đồng thời thân nhân của A cũng được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng (nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) với mức hưởng cơ bản là:

$$50\% \times 1.490.000 = 745.000\text{đ/tháng/người}$$

hoặc mức trợ cấp nuôi dưỡng là:

$$70\% \times 1.490.000\text{đ} = 1.043.000\text{đ/tháng/người}$$

Giả sử 2: Sau khi về nước, anh A không tiếp tục đóng BHXH. Khi A bị chết vì lý do khách quan thì thân nhân của A sẽ được hưởng trợ cấp mai táng với mức hưởng (mười lần mức lương cơ sở) như sau:

$$10 \times 1.490.000 = 14.900.000\text{đ/lần}$$

Đồng thời thân nhân của A cũng được hưởng chế độ trợ cấp tuất một lần với mức hưởng (hai lần mức lương cơ sở nhân với số năm đóng bảo hiểm) là:

$$2 \times 1.490.000 \times 5 = 14.900.000\text{đ/lần}$$

Ghi chú: giả sử mức lương cơ sở trong các ví dụ trên là 1.490.000đ/tháng.

PHẦN VII: THỦ TỤC VỀ NƯỚC VÀ NHẬN TIỀN BẢO HIỂM

I. Thủ tục về nước

1. Về nước khi hết hạn hợp đồng hoặc về nước trước hạn

Người lao động khi hết thời hạn hợp đồng hoặc không còn nguyện vọng làm việc tại Hàn Quốc thì phải làm thủ tục về nước. Trình tự, thủ tục như sau:

(1) Chấm dứt hợp đồng lao động:

- Người lao động có kế hoạch về nước, thông báo với công ty về dự định chấm dứt hợp đồng (nên chủ động thông báo sớm kế hoạch về nước để công ty có thời gian chi trả các khoản tiền lương và tiền chênh lệch trợ cấp thôi việc).

- Hai bên thống nhất thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, sau đó:

+ Người lao động đặt vé máy bay trước (từ 7 ngày đến 30 ngày).

+ Công ty fax Giấy khai báo chấm dứt hợp đồng lên Trung tâm việc làm.

(2) Làm thủ tục khai báo kế hoạch về nước lên Trung tâm việc làm:

- Người lao động trực tiếp lên Trung tâm việc làm, kê khai và nộp “Đơn khai báo dự định về nước” (출국예정신고서) cùng với bản photo vé máy bay.

- Nhận “Giấy xác nhận kế hoạch về nước” (출국예정사실확인서) trực tiếp tại Trung tâm việc làm hoặc qua fax.

(3) Nộp “Phiếu khai báo thông tin” về Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS.

- Gửi “Phiếu khai báo thông tin” cùng với “Giấy xác nhận kế hoạch về nước” về Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS.

PHẦN VII: THỦ TỤC VỀ NƯỚC VÀ NHẬN TIỀN BẢO HIỂM

I. Thủ tục về nước

1. Về nước khi hết hạn hợp đồng hoặc về nước trước hạn

Người lao động khi hết thời hạn hợp đồng hoặc không còn nguyện vọng làm việc tại Hàn Quốc thì phải làm thủ tục về nước. Trình tự, thủ tục như sau:

(1) Chấm dứt hợp đồng lao động:

- Người lao động có kế hoạch về nước, thông báo với công ty về dự định chấm dứt hợp đồng (nên chủ động thông báo sớm kế hoạch về nước để công ty có thời gian chi trả các khoản tiền lương và tiền chênh lệch trợ cấp thôi việc).

- Hai bên thống nhất thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, sau đó:

+ Người lao động đặt vé máy bay trước (từ 7 ngày đến 30 ngày).

+ Công ty fax Giấy khai báo chấm dứt hợp đồng lên Trung tâm việc làm.

(2) Làm thủ tục khai báo kế hoạch về nước lên Trung tâm việc làm:

- Người lao động trực tiếp lên Trung tâm việc làm, kê khai và nộp “Đơn khai báo dự định về nước” (출국예정신고서) cùng với bản photo vé máy bay.

- Nhận “Giấy xác nhận kế hoạch về nước” (출국예정사실확인서) trực tiếp tại Trung tâm việc làm hoặc qua fax.

(3) Nộp “Phiếu khai báo thông tin” về Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS.

- Gửi “Phiếu khai báo thông tin” cùng với “Giấy xác nhận kế hoạch về nước” về Văn phòng Quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS.

(4) Làm thủ tục nhận các loại tiền Bảo hiểm hồi hương và Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh.

(5) Nhận khoản tiền chênh lệch trợ cấp thôi việc tại công ty (nếu có)

- Sau khi khai báo việc chấm dứt hợp đồng lao động lên Trung tâm Việc làm, công ty bảo hiểm Samsung sẽ gửi cho công ty nơi người lao động làm việc Giấy thông báo khoản tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh (수령 예상보험금 등 안내문) để công ty làm căn cứ tính “khoản tiền chênh lệch trợ cấp thôi việc” (nếu có).

- Nhận khoản tiền chênh lệch từ Công ty trước khi về nước.

Người lao động có thể kiểm tra số tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được công ty Samsung chi trả thông qua ứng dụng “Bảo hiểm chương trình EPS”.

(6) Nhận tiền bảo hiểm chi phí hồi hương:

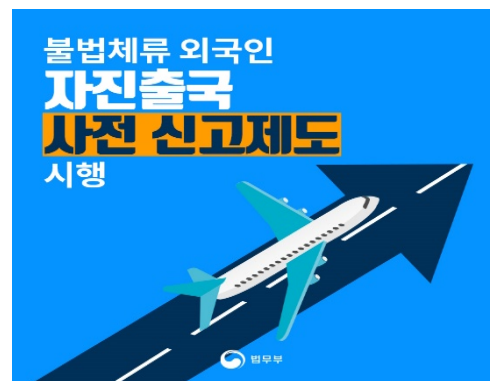
Chi phí hồi hương sẽ được công ty Bảo hiểm Samsung chi trả thông qua tài khoản cá nhân của người lao động trước khi về nước.

(7) Làm thủ tục xuất cảnh và nhận bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh.

Theo Luật tuyển dụng lao động nước ngoài, khoản tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được chi trả cho người lao động sau khi xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

2. Tự nguyện hồi hương đối với người cư trú bất hợp pháp:

Người lao động cư trú bất hợp pháp sẽ bị phía Hàn Quốc bắt giữ, phạt tiền và cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc. Người lao động bất hợp pháp bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc sẽ bị cấm nhập cảnh (tối đa 10 năm), vĩnh viễn không được quay lại Hàn Quốc để làm việc.



(4) Làm thủ tục nhận các loại tiền Bảo hiểm hồi hương và Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh.

(5) Nhận khoản tiền chênh lệch trợ cấp thôi việc tại công ty (nếu có)

- Sau khi khai báo việc chấm dứt hợp đồng lao động lên Trung tâm Việc làm, công ty bảo hiểm Samsung sẽ gửi cho công ty nơi người lao động làm việc Giấy thông báo khoản tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh (수령 예상보험금 등 안내문) để công ty làm căn cứ tính “khoản tiền chênh lệch trợ cấp thôi việc” (nếu có).

- Nhận khoản tiền chênh lệch từ Công ty trước khi về nước.

Người lao động có thể kiểm tra số tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được công ty Samsung chi trả thông qua ứng dụng “Bảo hiểm chương trình EPS”.

(6) Nhận tiền bảo hiểm chi phí hồi hương:

Chi phí hồi hương sẽ được công ty Bảo hiểm Samsung chi trả thông qua tài khoản cá nhân của người lao động trước khi về nước.

(7) Làm thủ tục xuất cảnh và nhận bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh.

Theo Luật tuyển dụng lao động nước ngoài, khoản tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được chi trả cho người lao động sau khi xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

2. Tự nguyện hồi hương đối với người cư trú bất hợp pháp:

Người lao động cư trú bất hợp pháp sẽ bị phía Hàn Quốc bắt giữ, phạt tiền và cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc. Người lao động bất hợp pháp bị cưỡng chế xuất cảnh khỏi Hàn Quốc sẽ bị cấm nhập cảnh (tối đa 10 năm), vĩnh viễn không được quay lại Hàn Quốc để làm việc.



Người lao động bất hợp pháp tự nguyện hồi hương sẽ được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật: không bị phạt tiền, được rút ngắn thời gian cấm nhập cảnh, được xem xét để cấp visa quay trở lại Hàn Quốc.

Khi có nguyện vọng về nước, người lao động bất hợp pháp phải khai báo tại Cơ quan xuất nhập cảnh địa phương trước ngày dự định xuất cảnh từ 03 ngày đến 15 ngày làm việc. Sau khi khai báo, Cơ quan xuất nhập cảnh sẽ điều tra thời gian người lao động ở tại Hàn Quốc, các vi phạm (nếu có) để xử lý. Vào ngày xuất cảnh, người lao động đến trình diện tại Văn phòng xuất nhập cảnh ở sân bay và xuất cảnh theo như kế hoạch.

II. Nhận tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh:

1. Trình tự thủ tục:

Để nhận được tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh, sau khi làm thủ tục khai báo về nước, người lao động làm hồ sơ đăng ký nhận bảo hiểm, gồm có:

- (1) Đơn đăng ký nhận bảo hiểm (theo mẫu của công ty bảo hiểm);
- (2) Giấy xác nhận kế hoạch về nước;
- (3) Bản photo Thẻ người nước ngoài;
- (4) Bản photo hộ chiếu;
- (5) Bản photo sổ tài khoản ngân hàng tại Hàn Quốc.

Toàn bộ hồ sơ gửi công ty Bảo hiểm Samsung qua số fax: **0505-161-1421**; sau đó điện thoại đến số **02-2261-8400** - bấm phím 3 (tiếng Việt) để xác nhận.

2. Nhận tiền bảo hiểm:

Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được chi trả theo 1 trong 2 cách sau:

- (1) Nhận tiền tại sân bay sau khi làm thủ tục xuất cảnh:

Người lao động bất hợp pháp tự nguyện hồi hương sẽ được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật: không bị phạt tiền, được rút ngắn thời gian cấm nhập cảnh, được xem xét để cấp visa quay trở lại Hàn Quốc.

Khi có nguyện vọng về nước, người lao động bất hợp pháp phải khai báo tại Cơ quan xuất nhập cảnh địa phương trước ngày dự định xuất cảnh từ 03 ngày đến 15 ngày làm việc. Sau khi khai báo, Cơ quan xuất nhập cảnh sẽ điều tra thời gian người lao động ở tại Hàn Quốc, các vi phạm (nếu có) để xử lý. Vào ngày xuất cảnh, người lao động đến trình diện tại Văn phòng xuất nhập cảnh ở sân bay và xuất cảnh theo như kế hoạch.

II. Nhận tiền Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh:

1. Trình tự thủ tục:

Để nhận được tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh, sau khi làm thủ tục khai báo về nước, người lao động làm hồ sơ đăng ký nhận bảo hiểm, gồm có:

- (1) Đơn đăng ký nhận bảo hiểm (theo mẫu của công ty bảo hiểm);
- (2) Giấy xác nhận kế hoạch về nước;
- (3) Bản photo Thẻ người nước ngoài;
- (4) Bản photo hộ chiếu;
- (5) Bản photo sổ tài khoản ngân hàng tại Hàn Quốc.

Toàn bộ hồ sơ gửi công ty Bảo hiểm Samsung qua số fax: **0505-161-1421**; sau đó điện thoại đến số **02-2261-8400** - bấm phím 3 (tiếng Việt) để xác nhận.

2. Nhận tiền bảo hiểm:

Bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh được chi trả theo 1 trong 2 cách sau:

- (1) Nhận tiền tại sân bay sau khi làm thủ tục xuất cảnh:

- Người lao động muốn nhận tiền mặt tại sân bay vào ngày xuất cảnh, khi làm Đơn đăng ký nhận tiền bảo hiểm: đăng ký nhận tiền tại sân bay mong muốn (bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng) và ghi thông tin ngân hàng mong muốn nhận tiền.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, công ty Bảo hiểm Samsung fax "Giấy đề nghị cấp tiền bảo hiểm" về công ty.

- Người lao động vào ngày xuất cảnh, đến quầy của ngân hàng đã đăng ký, xuất trình Thẻ người nước ngoài, hộ chiếu và vé máy bay và "Giấy đề nghị cấp tiền bảo hiểm". Ngân hàng sau khi kiểm tra sẽ cấp "Giấy đổi tiền" cho người lao động.

- Người lao động làm thủ tục xuất cảnh, sau khi qua cửa kiểm soát an ninh, đến quầy ngân hàng tương ứng xuất trình "Giấy đổi tiền" để nhận khoản tiền bảo hiểm.

(2) Nhận tiền sau khi về nước:

Nếu có nguyện vọng nhận tiền thông qua tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, người lao động điền các thông tin về ngân hàng mong muốn nhận tiền tại Việt Nam trong Đơn đăng ký nhận tiền bảo hiểm. Tiền bảo hiểm sẽ được chuyển vào tài khoản đã đăng ký sau khi người lao động về nước.

(3) Ngoài ra, trong trường hợp người lao động không kịp làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm trước khi về nước, hoặc hồ sơ chưa được xử lý thì vẫn nên về nước theo kế hoạch. Sau khi về nước, người lao động có thể liên hệ với Văn phòng EPS tại Hà Nội để hoàn thiện hồ sơ và nhận tiền bảo hiểm thông qua tài khoản tại Việt Nam.

3. Chế độ chi trả tự động

Từ tháng 11/2019, Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc triển khai việc đăng ký chi trả tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh thông qua tài khoản của người lao động tại Việt Nam đăng ký trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc.

- Người lao động muốn nhận tiền mặt tại sân bay vào ngày xuất cảnh, khi làm Đơn đăng ký nhận tiền bảo hiểm: đăng ký nhận tiền tại sân bay mong muốn (bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng) và ghi thông tin ngân hàng mong muốn nhận tiền.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, công ty Bảo hiểm Samsung fax "Giấy đề nghị cấp tiền bảo hiểm" về công ty.

- Người lao động vào ngày xuất cảnh, đến quầy của ngân hàng đã đăng ký, xuất trình Thẻ người nước ngoài, hộ chiếu và vé máy bay và "Giấy đề nghị cấp tiền bảo hiểm". Ngân hàng sau khi kiểm tra sẽ cấp "Giấy đổi tiền" cho người lao động.

- Người lao động làm thủ tục xuất cảnh, sau khi qua cửa kiểm soát an ninh, đến quầy ngân hàng tương ứng xuất trình "Giấy đổi tiền" để nhận khoản tiền bảo hiểm.

(2) Nhận tiền sau khi về nước:

Nếu có nguyện vọng nhận tiền thông qua tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, người lao động điền các thông tin về ngân hàng mong muốn nhận tiền tại Việt Nam trong Đơn đăng ký nhận tiền bảo hiểm. Tiền bảo hiểm sẽ được chuyển vào tài khoản đã đăng ký sau khi người lao động về nước.

(3) Ngoài ra, trong trường hợp người lao động không kịp làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm trước khi về nước, hoặc hồ sơ chưa được xử lý thì vẫn nên về nước theo kế hoạch. Sau khi về nước, người lao động có thể liên hệ với Văn phòng EPS tại Hà Nội để hoàn thiện hồ sơ và nhận tiền bảo hiểm thông qua tài khoản tại Việt Nam.

3. Chế độ chi trả tự động

Từ tháng 11/2019, Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc triển khai việc đăng ký chi trả tiền bảo hiểm mãn hạn xuất cảnh thông qua tài khoản của người lao động tại Việt Nam đăng ký trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc.

Theo đó, trình tự thủ tục được thực hiện như sau:

- Người lao động nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước Giấy xác nhận tài khoản ngân hàng mà tên chủ tài khoản phải là tên của người lao động.

Giấy xác nhận tài khoản này sẽ được chuyển sang Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc quản lý.

- Người lao động mang theo một bản Giấy xác nhận tài khoản khi xuất cảnh sang Hàn Quốc, nộp tại cơ sở đào tạo sau nhập cảnh.

- Làm thủ tục đăng ký nhận bảo hiểm tự động qua tài khoản ngân hàng đã đăng ký.

- Nhận tiền bảo hiểm sau khi hết hạn hợp đồng và về nước qua tài khoản.

Như vậy, thay vì việc làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm tại sân bay, người lao động có thể về nước và nhận khoản tiền này thông qua tài khoản ngân hàng đã đăng ký trước đó. Do vậy, tài khoản này phải được duy trì cho đến khi người lao động về nước để đảm bảo nhận được khoản tiền bảo hiểm trên.

Trong trường hợp sau khi về nước, người lao động không nhận được tiền bảo hiểm do vấn đề tài khoản không còn hoạt động (tài khoản đóng băng) thì có thể liên hệ với Trung tâm Lao động ngoài nước hoặc Trung tâm EPS Việt Nam để được hỗ trợ.

Theo đó, trình tự thủ tục được thực hiện như sau:

- Người lao động nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước Giấy xác nhận tài khoản ngân hàng mà tên chủ tài khoản phải là tên của người lao động.

Giấy xác nhận tài khoản này sẽ được chuyển sang Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc quản lý.

- Người lao động mang theo một bản Giấy xác nhận tài khoản khi xuất cảnh sang Hàn Quốc, nộp tại cơ sở đào tạo sau nhập cảnh.

- Làm thủ tục đăng ký nhận bảo hiểm tự động qua tài khoản ngân hàng đã đăng ký.

- Nhận tiền bảo hiểm sau khi hết hạn hợp đồng và về nước qua tài khoản.

Như vậy, thay vì việc làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm tại sân bay, người lao động có thể về nước và nhận khoản tiền này thông qua tài khoản ngân hàng đã đăng ký trước đó. Do vậy, tài khoản này phải được duy trì cho đến khi người lao động về nước để đảm bảo nhận được khoản tiền bảo hiểm trên.

Trong trường hợp sau khi về nước, người lao động không nhận được tiền bảo hiểm do vấn đề tài khoản không còn hoạt động (tài khoản đóng băng) thì có thể liên hệ với Trung tâm Lao động ngoài nước hoặc Trung tâm EPS Việt Nam để được hỗ trợ.

PHẦN VIII: TÁI NHẬP CẢNH HÀN QUỐC SAU KHI HẾT HỢP ĐỒNG - CHUYỂN ĐỔI VISA

I. Tái nhập cảnh Hàn Quốc theo diện lao động về nước đúng hạn

Người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc về nước hợp pháp trước thời hạn hoặc đúng thời hạn có thể quay trở lại Hàn Quốc làm việc nếu thời gian cư trú tại Hàn Quốc trước đó không quá 05 năm theo diện visa E-9 (chương trình EPS) hoặc E10 (chương trình thuyền viên).

1. Lao động mẫu mực

Những người lao động làm việc liên tục tại một công ty, không chuyển đổi nơi làm việc trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động thì được gọi là lao động mẫu mực và được ưu tiên tái nhập cảnh Hàn Quốc với điều kiện, thủ tục như sau:

- Làm việc trong các công ty có từ 100 người lao động trở xuống, thuộc các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp hoặc sản xuất chế tạo.
- Không giới hạn độ tuổi.
- Trước khi về nước từ 03 tháng đến 07 ngày tính đến thời điểm kết thúc hợp đồng lao động, chủ sử dụng lao động và người lao động đã làm thủ tục đăng ký tuyển dụng lao động và ký Hợp đồng lao động tại Trung tâm việc làm.
- Khi về nước, người lao động mang theo Hợp đồng lao động đến khai báo và làm thủ tục trực tiếp tại Trung tâm Lao động ngoài nước trong vòng 15 ngày kể từ ngày về nước (tiếp nhận sáng thứ Tư hàng tuần).
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Được miễn thi tiếng Hàn và khóa học Bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi xuất cảnh.
- Xuất cảnh sau tối thiểu 03 tháng kể từ ngày về nước.

PHẦN VIII: TÁI NHẬP CẢNH HÀN QUỐC SAU KHI HẾT HỢP ĐỒNG - CHUYỂN ĐỔI VISA

I. Tái nhập cảnh Hàn Quốc theo diện lao động về nước đúng hạn

Người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc về nước hợp pháp trước thời hạn hoặc đúng thời hạn có thể quay trở lại Hàn Quốc làm việc nếu thời gian cư trú tại Hàn Quốc trước đó không quá 05 năm theo diện visa E-9 (chương trình EPS) hoặc E10 (chương trình thuyền viên).

1. Lao động mẫu mực

Những người lao động làm việc liên tục tại một công ty, không chuyển đổi nơi làm việc trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động thì được gọi là lao động mẫu mực và được ưu tiên tái nhập cảnh Hàn Quốc với điều kiện, thủ tục như sau:

- Làm việc trong các công ty có từ 100 người lao động trở xuống, thuộc các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp hoặc sản xuất chế tạo.
- Không giới hạn độ tuổi.
- Trước khi về nước từ 03 tháng đến 07 ngày tính đến thời điểm kết thúc hợp đồng lao động, chủ sử dụng lao động và người lao động đã làm thủ tục đăng ký tuyển dụng lao động và ký Hợp đồng lao động tại Trung tâm việc làm.
- Khi về nước, người lao động mang theo Hợp đồng lao động đến khai báo và làm thủ tục trực tiếp tại Trung tâm Lao động ngoài nước trong vòng 15 ngày kể từ ngày về nước (tiếp nhận sáng thứ Tư hàng tuần).
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Được miễn thi tiếng Hàn và khóa học Bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi xuất cảnh.
- Xuất cảnh sau tối thiểu 03 tháng kể từ ngày về nước.

2. Lao động tái nhập cảnh CBT

Những người lao động mẫu mực nhưng ở công ty có trên 100 người lao động (không được ưu tiên tái nhập cảnh), những người lao động đã chuyển đổi công ty khi có nguyện vọng quay trở lại Hàn Quốc phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được gia hạn hợp đồng lao động, về nước trước hạn hoặc đúng hạn.
- Từ 39 tuổi trở xuống.
- Tham dự và đạt kết quả ở kỳ thi tiếng Hàn đặc biệt dành cho người lao động về nước đúng hạn (được tổ chức định kỳ).
- Hoàn thiện hồ sơ và nộp trực tiếp về Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Hồ sơ được ưu tiên giới thiệu cho chủ sử dụng lao động cuối cùng (nếu có thời gian làm từ đủ 01 năm trở lên).
- Được giảm thời gian học khóa Bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi xuất cảnh.
- Xuất cảnh sau tối thiểu 06 tháng kể từ ngày về nước.

Ngoài ra, người lao động về nước đúng hạn có thể tham dự kỳ kiểm tra tiếng Hàn thông thường và hoàn thiện thủ tục như những lao động mới tham gia chương trình.

II. Chuyển đổi visa E-7-4

Visa E-7 là visa dành cho người lao động có kỹ thuật, chuyên môn và kinh nghiệm trong một lĩnh vực nhất định làm việc theo hợp đồng tại Hàn Quốc. Trong đó, visa E-7-4 là loại visa dành riêng cho đối tượng visa E-9 (chương trình EPS) chuyển đổi nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Tư pháp.



2. Lao động tái nhập cảnh CBT

Những người lao động mẫu mực nhưng ở công ty có trên 100 người lao động (không được ưu tiên tái nhập cảnh), những người lao động đã chuyển đổi công ty khi có nguyện vọng quay trở lại Hàn Quốc phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được gia hạn hợp đồng lao động, về nước trước hạn hoặc đúng hạn.
- Từ 39 tuổi trở xuống.
- Tham dự và đạt kết quả ở kỳ thi tiếng Hàn đặc biệt dành cho người lao động về nước đúng hạn (được tổ chức định kỳ).
- Hoàn thiện hồ sơ và nộp trực tiếp về Trung tâm Lao động ngoài nước.
- Hồ sơ được ưu tiên giới thiệu cho chủ sử dụng lao động cuối cùng (nếu có thời gian làm từ đủ 01 năm trở lên).
- Được giảm thời gian học khóa Bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi xuất cảnh.
- Xuất cảnh sau tối thiểu 06 tháng kể từ ngày về nước.

Ngoài ra, người lao động về nước đúng hạn có thể tham dự kỳ kiểm tra tiếng Hàn thông thường và hoàn thiện thủ tục như những lao động mới tham gia chương trình.

II. Chuyển đổi visa E-7-4

Visa E-7 là visa dành cho người lao động có kỹ thuật, chuyên môn và kinh nghiệm trong một lĩnh vực nhất định làm việc theo hợp đồng tại Hàn Quốc. Trong đó, visa E-7-4 là loại visa dành riêng cho đối tượng visa E-9 (chương trình EPS) chuyển đổi nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Tư pháp.



Chuyển đổi visa E-7-4 được thực hiện theo hình thức tính điểm, gồm 02 phần: điểm bắt buộc và điểm lựa chọn. Tổng điểm tối đa là 180 điểm.

Người lao động có nguyện vọng chuyển đổi sang visa E-7-4 phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Không vi phạm Luật hình sự, Luật về thuế hoặc vi phạm Luật xuất nhập cảnh quá 3 lần. Riêng với tội về thuế, thì những người đã đóng đủ tiền thuế có thể nộp hồ sơ xin đổi visa.

b) Trong vòng 10 năm trở lại đây có tổng thời gian tối thiểu là 4 năm làm việc ở Hàn Quốc với visa E-9, E-10 hoặc H-2.

c) Trong tổng số 180 điểm số quy đổi, cần phải đạt 1 trong 2 điều kiện sau:

- Đạt tổng số điểm từ 50 điểm trở lên, trong đó có 10 điểm phần “Điểm tay nghề”.

- Đạt tổng số điểm từ 70 điểm trở lên, trong đó đạt tối thiểu 35 điểm phần “Điểm bắt buộc”.

Trong đó các nội dung tính điểm gồm:

- Phần bắt buộc (tối đa 80 điểm) gồm: điểm tay nghề, học vấn, độ tuổi, năng lực tiếng Hàn (chứng chỉ Topik hoặc Kiip).

- Phần lựa chọn (tối đa 100 điểm) gồm: tài sản ở Hàn Quốc, kinh nghiệm làm việc trong 10 năm trở lại đây, học tập tại Hàn Quốc và điểm cộng cho các nội dung như đào tạo tại Hàn Quốc, làm việc ở vùng nông thôn, các đóng góp cho xã hội (giải thưởng, hoạt động tình nguyện), thuế thu nhập cao (trên 3 triệu won).

Chuyển đổi visa E-7-4 được thực hiện theo hình thức tính điểm, gồm 02 phần: điểm bắt buộc và điểm lựa chọn. Tổng điểm tối đa là 180 điểm.

Người lao động có nguyện vọng chuyển đổi sang visa E-7-4 phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Không vi phạm Luật hình sự, Luật về thuế hoặc vi phạm Luật xuất nhập cảnh quá 3 lần. Riêng với tội về thuế, thì những người đã đóng đủ tiền thuế có thể nộp hồ sơ xin đổi visa.

b) Trong vòng 10 năm trở lại đây có tổng thời gian tối thiểu là 4 năm làm việc ở Hàn Quốc với visa E-9, E-10 hoặc H-2.

c) Trong tổng số 180 điểm số quy đổi, cần phải đạt 1 trong 2 điều kiện sau:

- Đạt tổng số điểm từ 50 điểm trở lên, trong đó có 10 điểm phần “Điểm tay nghề”.

- Đạt tổng số điểm từ 70 điểm trở lên, trong đó đạt tối thiểu 35 điểm phần “Điểm bắt buộc”.

Trong đó các nội dung tính điểm gồm:

- Phần bắt buộc (tối đa 80 điểm) gồm: điểm tay nghề, học vấn, độ tuổi, năng lực tiếng Hàn (chứng chỉ Topik hoặc Kiip).

- Phần lựa chọn (tối đa 100 điểm) gồm: tài sản ở Hàn Quốc, kinh nghiệm làm việc trong 10 năm trở lại đây, học tập tại Hàn Quốc và điểm cộng cho các nội dung như đào tạo tại Hàn Quốc, làm việc ở vùng nông thôn, các đóng góp cho xã hội (giải thưởng, hoạt động tình nguyện), thuế thu nhập cao (trên 3 triệu won).

- Ngoài ra, phần điểm trừ (tối đa là 100 điểm) cho các vi phạm luật xuất nhập cảnh và luật khác.

Hằng năm, Hàn Quốc công bố chỉ tiêu chuyển đổi visa và xét duyệt hồ sơ xin chuyển đổi visa chính thức và một số chỉ tiêu tương ứng cho các suất chuyển đổi đặc biệt đối với những trường hợp đạt điểm cao hoặc có thành tích nổi bật xuất sắc.

Người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc, ổn định công việc và quen với cuộc sống tại Hàn Quốc cần lên kế hoạch cho bản thân, tìm hiểu các điều kiện chuyển đổi để chuẩn bị trước thì mới thành công.

- Ngoài ra, phần điểm trừ (tối đa là 100 điểm) cho các vi phạm luật xuất nhập cảnh và luật khác.

Hằng năm, Hàn Quốc công bố chỉ tiêu chuyển đổi visa và xét duyệt hồ sơ xin chuyển đổi visa chính thức và một số chỉ tiêu tương ứng cho các suất chuyển đổi đặc biệt đối với những trường hợp đạt điểm cao hoặc có thành tích nổi bật xuất sắc.

Người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc, ổn định công việc và quen với cuộc sống tại Hàn Quốc cần lên kế hoạch cho bản thân, tìm hiểu các điều kiện chuyển đổi để chuẩn bị trước thì mới thành công.

PHẦN IX: THỦ TỤC XUẤT CẢNH – NHẬP CẢNH

Người nước ngoài nhập cảnh, lưu trú và xuất cảnh khỏi Hàn Quốc phải tuân theo các quy định của Luật kiểm soát nhập cư và các luật khác có liên quan.

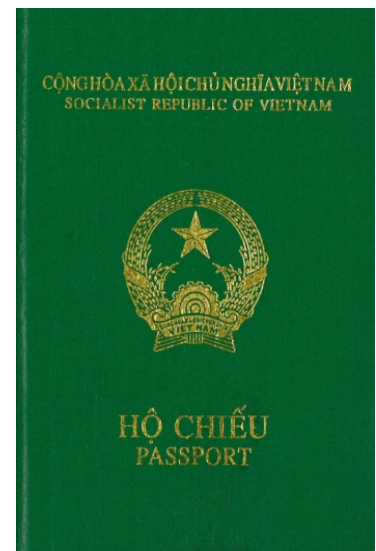
I. Visa và hộ chiếu

1. Hộ chiếu

1.1. Hộ chiếu hợp lệ

Hộ chiếu phổ thông cấp cho người Việt Nam có thời hạn 10 năm; khi hết thời hạn hộ chiếu không còn giá trị. Hộ chiếu hợp lệ là hộ chiếu còn thời hạn, không bị rách nát, tẩy xóa, chưa bị hủy hoặc báo mất. Khi hộ chiếu hết hạn thì phải làm lại hộ chiếu mới.

Người lao động phải mang theo hộ chiếu và phải xuất trình nếu được cơ quan chức năng của Hàn Quốc yêu cầu. Tuy nhiên, nếu có Thẻ người nước ngoài thì người lao động không cần thiết phải mang theo hộ chiếu.



Lưu ý: Trường hợp hộ chiếu dù còn hạn nhưng đã báo mất thì không còn giá trị để xuất cảnh. Do vậy, khi thay đổi hộ chiếu, người lao động phải nộp hộ chiếu mới nhất về Trung tâm Lao động ngoài nước để làm thủ tục xin visa.

1.2. Làm lại hộ chiếu:

Hộ chiếu khi hết hạn, hoặc bị thất lạc, bị mất cắp nhưng còn giá trị, để đề phòng kẻ gian lợi dụng và tự bảo vệ các chi tiết cá nhân, người lao động cần thông báo ngay việc mất hộ chiếu cho cảnh sát và liên hệ với Cơ quan chức năng để xin cấp lại hộ chiếu (tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc hoặc Cục quản lý xuất nhập cảnh nếu ở Việt Nam).

PHẦN IX: THỦ TỤC XUẤT CẢNH – NHẬP CẢNH

Người nước ngoài nhập cảnh, lưu trú và xuất cảnh khỏi Hàn Quốc phải tuân theo các quy định của Luật kiểm soát nhập cư và các luật khác có liên quan.

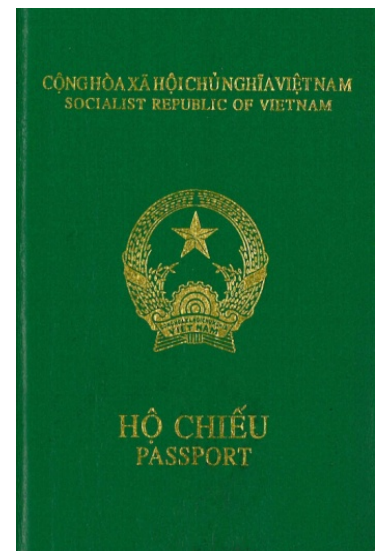
I. Visa và hộ chiếu

1. Hộ chiếu

1.1. Hộ chiếu hợp lệ

Hộ chiếu phổ thông cấp cho người Việt Nam có thời hạn 10 năm; khi hết thời hạn hộ chiếu không còn giá trị. Hộ chiếu hợp lệ là hộ chiếu còn thời hạn, không bị rách nát, tẩy xóa, chưa bị hủy hoặc báo mất. Khi hộ chiếu hết hạn thì phải làm lại hộ chiếu mới.

Người lao động phải mang theo hộ chiếu và phải xuất trình nếu được cơ quan chức năng của Hàn Quốc yêu cầu. Tuy nhiên, nếu có Thẻ người nước ngoài thì người lao động không cần thiết phải mang theo hộ chiếu.



Lưu ý: Trường hợp hộ chiếu dù còn hạn nhưng đã báo mất thì không còn giá trị để xuất cảnh. Do vậy, khi thay đổi hộ chiếu, người lao động phải nộp hộ chiếu mới nhất về Trung tâm Lao động ngoài nước để làm thủ tục xin visa.

1.2. Làm lại hộ chiếu:

Hộ chiếu khi hết hạn, hoặc bị thất lạc, bị mất cắp nhưng còn giá trị, để đề phòng kẻ gian lợi dụng và tự bảo vệ các chi tiết cá nhân, người lao động cần thông báo ngay việc mất hộ chiếu cho cảnh sát và liên hệ với Cơ quan chức năng để xin cấp lại hộ chiếu (tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc hoặc Cục quản lý xuất nhập cảnh nếu ở Việt Nam).

Thủ tục xin cấp lại hộ chiếu như sau:

- 01 tờ khai (theo mẫu);
- 04 ảnh mới chụp, cỡ 4x6 cm;
- Trường hợp mất hộ chiếu thì nộp giấy đã trình báo việc mất hộ chiếu;
- Trường hợp hộ chiếu bị hư hỏng hoặc hộ chiếu còn thời hạn dưới 30 ngày thì nộp lại hộ chiếu đó;
- Đổi hộ chiếu (hộ chiếu còn giá trị ít nhất 30 ngày; hộ chiếu còn thời hạn nhưng hết trang dành cho thị thực hoặc vì lý do khác) phải nộp hộ chiếu đó để làm căn cứ cấp đổi.

1.3. Giấy thông hành

Người lao động ở Hàn Quốc bị mất hộ chiếu hoặc hộ chiếu bị hết hạn sử dụng có thể đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp giấy thông hành để về nước. Giấy thông hành chỉ được sử dụng 1 lần thay hộ chiếu để xuất nhập cảnh.

Thủ tục xin cấp giấy thông hành gồm:

- 01 tờ khai (theo mẫu)
- 03 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm.
- Hộ chiếu đã hết hạn sử dụng hoặc đơn trình báo mất hộ chiếu.
- Bản sao hoặc bản chụp giấy tờ dùng làm căn cứ để cấp Giấy Thông hành gồm một trong những giấy tờ sau: (1) Giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (loại có ảnh); (2) Giấy tờ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân còn giá trị, có ghi đầy đủ yếu tố nhân thân và ảnh. Yếu tố nhân thân của một người bao gồm: họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, giới tính, quốc tịch của người đó.
- Giấy xác nhận nhân sự (nếu có) do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp

Thủ tục xin cấp lại hộ chiếu như sau:

- 01 tờ khai (theo mẫu);
- 04 ảnh mới chụp, cỡ 4x6 cm;
- Trường hợp mất hộ chiếu thì nộp giấy đã trình báo việc mất hộ chiếu;
- Trường hợp hộ chiếu bị hư hỏng hoặc hộ chiếu còn thời hạn dưới 30 ngày thì nộp lại hộ chiếu đó;
- Đổi hộ chiếu (hộ chiếu còn giá trị ít nhất 30 ngày; hộ chiếu còn thời hạn nhưng hết trang dành cho thị thực hoặc vì lý do khác) phải nộp hộ chiếu đó để làm căn cứ cấp đổi.

1.3. Giấy thông hành

Người lao động ở Hàn Quốc bị mất hộ chiếu hoặc hộ chiếu bị hết hạn sử dụng có thể đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp giấy thông hành để về nước. Giấy thông hành chỉ được sử dụng 1 lần thay hộ chiếu để xuất nhập cảnh.

Thủ tục xin cấp giấy thông hành gồm:

- 01 tờ khai (theo mẫu)
- 03 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm.
- Hộ chiếu đã hết hạn sử dụng hoặc đơn trình báo mất hộ chiếu.
- Bản sao hoặc bản chụp giấy tờ dùng làm căn cứ để cấp Giấy Thông hành gồm một trong những giấy tờ sau: (1) Giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (loại có ảnh); (2) Giấy tờ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân còn giá trị, có ghi đầy đủ yếu tố nhân thân và ảnh. Yếu tố nhân thân của một người bao gồm: họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, giới tính, quốc tịch của người đó.
- Giấy xác nhận nhân sự (nếu có) do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp

2. Visa

Visa được **đán vào hộ chiếu** do Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của Hàn Quốc cấp cho người nước ngoài muốn đến Hàn Quốc với mục đích cụ thể theo quy định của luật Kiểm soát xuất nhập cảnh. Người nước ngoài muốn xin visa nhập cảnh Hàn Quốc phải nộp đơn, kèm theo hồ sơ có liên quan cho cơ quan đại diện ngoại giao của Hàn Quốc tại nước có công dân xin visa.

Visa dành cho lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS ký hiệu là E-9. Người lao động phải nhập cảnh Hàn Quốc trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày visa được cấp.

II. Xuất cảnh Việt Nam

1. Thủ tục xuất cảnh Việt Nam

(1) Tập trung làm thủ tục xuất cảnh **đúng địa điểm và thời gian** theo thông báo của Trung tâm Lao động ngoài nước.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ tổ chức việc kiểm tra sức khỏe, thu các khoản tiền theo quy định của chương trình, các loại giấy tờ theo quy định (bản gốc Giấy xác nhận ký quỹ, 02 bản Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài) và kiểm tra hành lý.

Người lao động sẽ được nhận lại hộ chiếu để kiểm tra thông tin visa, nhận Thẻ tên, các mẫu tờ khai nhập cảnh, phiếu khai báo thông tin, Giấy chứng nhận tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước và đồng phục. Nộp lại hộ chiếu sau khi đã kiểm tra thông tin.

(2) Lên ô tô ra sân bay:

Người lao động phải tập trung để đi ô tô ra sân bay theo hướng dẫn của cán bộ xuất cảnh, không tự đi xe của người nhà lên sân bay.*



2. Visa

Visa được **dán vào hộ chiếu** do Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của Hàn Quốc cấp cho người nước ngoài muốn đến Hàn Quốc với mục đích cụ thể theo quy định của luật Kiểm soát xuất nhập cảnh. Người nước ngoài muốn xin visa nhập cảnh Hàn Quốc phải nộp đơn, kèm theo hồ sơ có liên quan cho cơ quan đại diện ngoại giao của Hàn Quốc tại nước có công dân xin visa.

Visa dành cho lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS ký hiệu là E-9. Người lao động phải nhập cảnh Hàn Quốc trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày visa được cấp.

II. Xuất cảnh Việt Nam

1. Thủ tục xuất cảnh Việt Nam

(1) Tập trung làm thủ tục xuất cảnh **đúng địa điểm và thời gian** theo thông báo của Trung tâm Lao động ngoài nước.



Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ tổ chức việc kiểm tra sức khỏe, thu các khoản tiền theo quy định của chương trình, các loại giấy tờ theo quy định (bản gốc Giấy xác nhận ký quỹ, 02 bản Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài) và kiểm tra hành lý.

Người lao động sẽ được nhận lại hộ chiếu để kiểm tra thông tin visa, nhận Thẻ tên, các mẫu tờ khai nhập cảnh, phiếu khai báo thông tin, Giấy chứng nhận tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước và đồng phục. Nộp lại hộ chiếu sau khi đã kiểm tra thông tin.

(2) Lên ô tô ra sân bay:

Người lao động phải tập trung để đi ô tô ra sân bay theo hướng dẫn của cán bộ xuất cảnh, không tự đi xe của người nhà lên sân bay.*

Tập trung tại sân bay lúc 20h00 để làm thủ tục check-in và ký gửi hành lý; nhận lại hộ chiếu và Thẻ lên máy bay.

Chuẩn bị sẵn hộ chiếu và Thẻ lên máy bay để xuất trình khi làm thủ tục hải quan. Cán bộ an ninh sân bay sẽ kiểm tra hiệu lực của hộ chiếu, visa, soi chiếu hành lý xách tay và cho phép vào khu vực cách ly. Những trường hợp bị sai hộ chiếu hoặc bị cấm xuất cảnh sẽ bị từ chối vào khu vực cách ly.

(3) Trong khu vực cách ly, tìm ra cửa lên máy bay để chờ lên máy bay, ngồi đúng số ghế của mình (cửa lên máy bay và số ghế được in trên Thẻ lên máy bay).

** Nếu có vấn đề phát sinh, người lao động có thể liên hệ trực tiếp với cán bộ phụ trách xuất cảnh để được hướng dẫn, giải quyết.*

2. Các trường hợp bị cấm xuất cảnh

- Có **nhiều hơn 1 quyền hộ chiếu** và hộ chiếu người lao động nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước để xin visa không phải là quyền hộ chiếu mới nhất.

- Người lao động có liên quan đến các vụ khiếu kiện dân sự, hình sự tại địa phương như đánh nhau, đánh bạc, vay nợ, kiện tụng...chưa được các cơ quan chức năng xử lý trước ngày xuất cảnh.

- Vì lý do ngăn chặn dịch bệnh nguy hiểm lây lan.

III. Nhập cảnh vào Hàn Quốc

1. Thủ tục nhập cảnh Hàn Quốc

Khi nhập cảnh vào Hàn Quốc, người lao động sẽ phải trải qua thủ tục kiểm soát nhập cảnh. Người lao động cần điền đầy đủ thông tin vào các loại Tờ khai nhập cảnh Hàn Quốc được cung cấp trên máy bay để xuất trình:

(1) Nộp Tờ khai kiểm dịch y tế tại quầy ngay sau khi xuống máy bay.

Tập trung tại sân bay lúc 20h00 để làm thủ tục check-in và ký gửi hành lý; nhận lại hộ chiếu và Thẻ lên máy bay.

Chuẩn bị sẵn hộ chiếu và Thẻ lên máy bay để xuất trình khi làm thủ tục hải quan. Cán bộ an ninh sân bay sẽ kiểm tra hiệu lực của hộ chiếu, visa, soi chiếu hành lý xách tay và cho phép vào khu vực cách ly. Những trường hợp bị sai hộ chiếu hoặc bị cấm xuất cảnh sẽ bị từ chối vào khu vực cách ly.

(3) Trong khu vực cách ly, tìm ra cửa lên máy bay để chờ lên máy bay, ngồi đúng số ghế của mình (cửa lên máy bay và số ghế được in trên Thẻ lên máy bay).

** Nếu có vấn đề phát sinh, người lao động có thể liên hệ trực tiếp với cán bộ phụ trách xuất cảnh để được hướng dẫn, giải quyết.*

2. Các trường hợp bị cấm xuất cảnh

- Có **nhiều hơn 1 quyền hộ chiếu** và hộ chiếu người lao động nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước để xin visa không phải là quyền hộ chiếu mới nhất.

- Người lao động có liên quan đến các vụ khiếu kiện dân sự, hình sự tại địa phương như đánh nhau, đánh bạc, vay nợ, kiện tụng...chưa được các cơ quan chức năng xử lý trước ngày xuất cảnh.

- Vì lý do ngăn chặn dịch bệnh nguy hiểm lây lan.

III. Nhập cảnh vào Hàn Quốc

1. Thủ tục nhập cảnh Hàn Quốc

Khi nhập cảnh vào Hàn Quốc, người lao động sẽ phải trải qua thủ tục kiểm soát nhập cảnh. Người lao động cần điền đầy đủ thông tin vào các loại Tờ khai nhập cảnh Hàn Quốc được cung cấp trên máy bay để xuất trình:

(1) Nộp Tờ khai kiểm dịch y tế tại quầy ngay sau khi xuống máy bay.

(2) Xuất trình Hộ chiếu và Tờ khai nhập cảnh khi làm thủ tục hải quan

Cơ quan kiểm soát nhập cư của Hàn Quốc sẽ kiểm tra visa, tư cách và thời hạn lưu trú tại Hàn Quốc; chụp ảnh và lấy dấu vân tay để phục vụ việc quản lý.

(3) Sau khi làm thủ tục hải quan, người lao động ra phía ngoài để nhận lại hành lý của mình và nộp Tờ khai hải quan (Tờ khai hành lý) ở phía cửa khi đi ra ngoài khu vực cách ly.

Những người không đủ căn cứ chứng minh đủ điều kiện nhập cảnh sẽ bị từ chối nhập cảnh.

2. Các trường hợp bị cấm nhập cảnh

- Người bị mắc bệnh truyền nhiễm, nghiện ma túy hoặc được cho là có thể gây nguy hại cho sức khỏe của cộng đồng;
- Người có ý định nhập cảnh Hàn Quốc mang theo vũ khí, súng, gươm, chất nổ, ... thuộc diện bị cấm;
- Người được cho là có khả năng cao sẽ thực hiện các hành động gây nguy hại cho đến an ninh xã hội và lợi ích quốc gia của Hàn Quốc;
- Người được cho là có khả năng cao sẽ thực hiện các hành động có hại cho trật tự kinh tế, xã hội hoặc đạo đức xã hội;
- Người bị tâm thần mà không có người hỗ trợ khi ở Hàn Quốc, người không có khả năng về tài chính để trang trải các chi phí cho cuộc sống của mình ở Hàn Quốc và người đến Hàn Quốc để xin sự trợ giúp;
- Khi nước có công dân xin visa từ chối cấp visa cho công dân của Hàn Quốc để vào nước đó không vì các lý do trên, Bộ Tư pháp Hàn Quốc có thể từ chối việc cho công dân nước đó nhập cảnh với lý do tương tự.

(2) Xuất trình Hộ chiếu và Tờ khai nhập cảnh khi làm thủ tục hải quan

Cơ quan kiểm soát nhập cư của Hàn Quốc sẽ kiểm tra visa, tư cách và thời hạn lưu trú tại Hàn Quốc; chụp ảnh và lấy dấu vân tay để phục vụ việc quản lý.

(3) Sau khi làm thủ tục hải quan, người lao động ra phía ngoài để nhận lại hành lý của mình và nộp Tờ khai hải quan (Tờ khai hành lý) ở phía cửa khi đi ra ngoài khu vực cách ly.

Những người không đủ căn cứ chứng minh đủ điều kiện nhập cảnh sẽ bị từ chối nhập cảnh.

2. Các trường hợp bị cấm nhập cảnh

- Người bị mắc bệnh truyền nhiễm, nghiện ma túy hoặc được cho là có thể gây nguy hại cho sức khỏe của cộng đồng;
- Người có ý định nhập cảnh Hàn Quốc mang theo vũ khí, súng, gươm, chất nổ, ... thuộc diện bị cấm;
- Người được cho là có khả năng cao sẽ thực hiện các hành động gây nguy hại cho đến an ninh xã hội và lợi ích quốc gia của Hàn Quốc;
- Người được cho là có khả năng cao sẽ thực hiện các hành động có hại cho trật tự kinh tế, xã hội hoặc đạo đức xã hội;
- Người bị tâm thần mà không có người hỗ trợ khi ở Hàn Quốc, người không có khả năng về tài chính để trang trải các chi phí cho cuộc sống của mình ở Hàn Quốc và người đến Hàn Quốc để xin sự trợ giúp;
- Khi nước có công dân xin visa từ chối cấp visa cho công dân của Hàn Quốc để vào nước đó không vì các lý do trên, Bộ Tư pháp Hàn Quốc có thể từ chối việc cho công dân nước đó nhập cảnh với lý do tương tự.

Người nước ngoài đã từng cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc nếu làm giả giấy tờ để xin cấp visa sẽ bị trục xuất khỏi Hàn Quốc khi làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu ở sân bay.

IV. Xuất cảnh Hàn Quốc

Người lao động khi hết hạn hợp đồng về nước, hoặc về nghỉ phép trong thời gian hợp đồng làm thủ tục xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

Thủ tục xuất cảnh được tiến hành tại các cửa khẩu trong sân bay hoặc các địa điểm khác theo quy định của Chính phủ Hàn Quốc. Người nước ngoài sẽ xuất cảnh khi có hộ chiếu hợp lệ hoặc giấy tờ hợp pháp khác được luật pháp Hàn Quốc công nhận và không thuộc diện cấm xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

- Làm thủ tục check-in và ký gửi hành lý tại quầy của hãng hàng không tương ứng.

- Xuất trình Thẻ lên máy bay, hộ chiếu hoặc giấy thông hành tại khu vực an ninh. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh sẽ kiểm tra hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp pháp khác, chụp ảnh và lấy dấu vân tay của người xuất cảnh.

- Vào khu vực cách ly, đến cửa ra máy bay tương ứng và lên máy bay.

V. Lưu ý khi làm thủ tục xuất - nhập cảnh

- Tập trung làm thủ tục đúng giờ theo quy định.

- Mang theo hành lý phù hợp với số cân được phép (20kg hành lý ký gửi và 07kg hành lý xách tay); không mang theo vật, hàng hóa bị cấm mang lên máy bay (các vật dễ cháy nổ như bật lửa, bình xịt, chất lỏng,..) hoặc bị cấm mang vào Hàn Quốc (thịt và các sản phẩm từ thịt, trứng, rau củ quả có hạt, sữa và các sản phẩm từ sữa,..)

- Không để các vật phẩm có giá trị (tiền, trang sức, máy ảnh, máy tính, điện thoại,..) trong hành lý ký gửi; không để chất lỏng (nước, dầu gội, kem dưỡng da,..) và các vật sắc nhọn (dao, kéo,..) trong hành lý xách tay.

Người nước ngoài đã từng cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc nếu làm giả giấy tờ để xin cấp visa sẽ bị trục xuất khỏi Hàn Quốc khi làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu ở sân bay.

IV. Xuất cảnh Hàn Quốc

Người lao động khi hết hạn hợp đồng về nước, hoặc về nghỉ phép trong thời gian hợp đồng làm thủ tục xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

Thủ tục xuất cảnh được tiến hành tại các cửa khẩu trong sân bay hoặc các địa điểm khác theo quy định của Chính phủ Hàn Quốc. Người nước ngoài sẽ xuất cảnh khi có hộ chiếu hợp lệ hoặc giấy tờ hợp pháp khác được luật pháp Hàn Quốc công nhận và không thuộc diện cấm xuất cảnh khỏi Hàn Quốc.

- Làm thủ tục check-in và ký gửi hành lý tại quầy của hãng hàng không tương ứng.

- Xuất trình Thẻ lên máy bay, hộ chiếu hoặc giấy thông hành tại khu vực an ninh. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh sẽ kiểm tra hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp pháp khác, chụp ảnh và lấy dấu vân tay của người xuất cảnh.

- Vào khu vực cách ly, đến cửa ra máy bay tương ứng và lên máy bay.

V. Lưu ý khi làm thủ tục xuất - nhập cảnh

- Tập trung làm thủ tục đúng giờ theo quy định.

- Mang theo hành lý phù hợp với số cân được phép (20kg hành lý ký gửi và 07kg hành lý xách tay); không mang theo vật, hàng hóa bị cấm mang lên máy bay (các vật dễ cháy nổ như bật lửa, bình xịt, chất lỏng,..) hoặc bị cấm mang vào Hàn Quốc (thịt và các sản phẩm từ thịt, trứng, rau củ quả có hạt, sữa và các sản phẩm từ sữa,..)

- Không để các vật phẩm có giá trị (tiền, trang sức, máy ảnh, máy tính, điện thoại,..) trong hành lý ký gửi; không để chất lỏng (nước, dầu gội, kem dưỡng da,..) và các vật sắc nhọn (dao, kéo,..) trong hành lý xách tay.

- Không cầm hộ hành lý, hàng hóa của người lạ tại sân bay.
- Trả lại Thẻ người nước ngoài cho cơ quan xuất nhập cảnh Hàn Quốc tại nơi làm thủ tục xuất cảnh khi hết hợp đồng về nước.
- Người lao động xin về phép không nộp lại Thẻ người nước ngoài; khi về nước cần xin ‘Giấy nghỉ phép’.
- Khi không được nhập cảnh Hàn Quốc do bị nghi ngờ là đối tượng cấm nhập cảnh, người lao động cần liên hệ với Văn phòng Quản lý lao động tại Hàn Quốc hoặc Trung tâm Lao động ngoài nước để được hỗ trợ.

- Không cầm hộ hành lý, hàng hóa của người lạ tại sân bay.
- Trả lại Thẻ người nước ngoài cho cơ quan xuất nhập cảnh Hàn Quốc tại nơi làm thủ tục xuất cảnh khi hết hợp đồng về nước.
- Người lao động xin về phép không nộp lại Thẻ người nước ngoài; khi về nước cần xin ‘Giấy nghỉ phép’.
- Khi không được nhập cảnh Hàn Quốc do bị nghi ngờ là đối tượng cấm nhập cảnh, người lao động cần liên hệ với Văn phòng Quản lý lao động tại Hàn Quốc hoặc Trung tâm Lao động ngoài nước để được hỗ trợ.

AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

PHẦN I: MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động; Phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

I. An toàn vệ sinh lao động.

1. An toàn lao động

Là trạng thái nơi làm việc không tồn tại và chứa đựng các yếu tố nguy hiểm và độc hại, đảm bảo cho người lao động được làm việc trong điều kiện không nguy hiểm đến tính mạng, không bị tác động xấu đến sức khỏe.

2. Môi trường lao động

Là khoảng không gian bao quanh vị trí người lao động làm việc. Môi trường lao động được vệ sinh sạch sẽ, không gian làm việc thoáng đãng thì sẽ ít có nguy cơ bị bệnh tật, sức khỏe của người lao động được đảm bảo. Ngược lại, nếu môi trường lao động bị ô nhiễm (do bụi, tiếng ồn, hơi hóa chất độc hại...) thì người lao động có nhiều nguy cơ bị bệnh tật, ảnh hưởng tới khả năng lao động lâu dài.

3. Các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong quá trình làm việc

Là các yếu tố phát sinh và tồn tại trong quá trình người lao động làm việc có nguy cơ gây chấn thương, đe dọa tính mạng và sức khỏe của người lao động.

Các yếu tố gây nguy hiểm:

- Chuyển động của máy móc, thiết bị;
- Vật văng bắn;
- Vật rơi, đổ sập;
- Dòng điện cao thế;
- Nhiệt độ cao;

PHẦN I: MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động; Phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

I. An toàn vệ sinh lao động.

1. An toàn lao động

Là trạng thái nơi làm việc không tồn tại và chứa đựng các yếu tố nguy hiểm và độc hại, đảm bảo cho người lao động được làm việc trong điều kiện không nguy hiểm đến tính mạng, không bị tác động xấu đến sức khỏe.

2. Môi trường lao động

Là khoảng không gian bao quanh vị trí người lao động làm việc. Môi trường lao động được vệ sinh sạch sẽ, không gian làm việc thoáng đãng thì sẽ ít có nguy cơ bị bệnh tật, sức khỏe của người lao động được đảm bảo. Ngược lại, nếu môi trường lao động bị ô nhiễm (do bụi, tiếng ồn, hơi hóa chất độc hại...) thì người lao động có nhiều nguy cơ bị bệnh tật, ảnh hưởng tới khả năng lao động lâu dài.

3. Các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong quá trình làm việc

Là các yếu tố phát sinh và tồn tại trong quá trình người lao động làm việc có nguy cơ gây chấn thương, đe dọa tính mạng và sức khỏe của người lao động.

Các yếu tố gây nguy hiểm:

- Chuyển động của máy móc, thiết bị;
- Vật văng bắn;
- Vật rơi, đổ sập;
- Dòng điện cao thế;
- Nhiệt độ cao;

- Nổ hóa học;
- Nổ vật lý;
- Ngạt nước, ngạt khí;
- Súc vật tấn công.

Các yếu tố độc hại:

- Tiếng ồn, bụi;
- Nhiễm độc;
- Nhiễm bệnh;
- Thiếu ánh sáng, chói ánh sáng

4. Tai nạn lao động

Là những tai nạn xảy ra khi người lao động đang làm việc có thể gây chết người hay phá hủy các chức năng của từng bộ phận cơ thể của người lao động. Các tai nạn chủ yếu như:

- Vấp ngã;
- Bỏng nhiệt;
- Va đập;
- Bị cán, kẹp, cắt;
- Bị vật văng bắn, rơi;
- Quần áo, tóc bị quấn vào máy;
- Cháy nổ hóa chất, khí;
- Điện giật.

5. Bệnh nghề nghiệp

Là một hiện trạng bệnh lý, bệnh đặc trưng cho một nghề hay một công việc do ảnh hưởng bởi làm việc thường xuyên và kéo dài trong điều kiện lao động xấu. Các dạng của bệnh nghề nghiệp như:

- Gù lưng;
- Viêm mũi, họng, viêm phổi;
- Mất hoặc giảm khả năng nghe;

- Nổ hóa học;
- Nổ vật lý;
- Ngạt nước, ngạt khí;
- Súc vật tấn công.

Các yếu tố độc hại:

- Tiếng ồn, bụi;
- Nhiễm độc;
- Nhiễm bệnh;
- Thiếu ánh sáng, chói ánh sáng

4. Tai nạn lao động

Là những tai nạn xảy ra khi người lao động đang làm việc có thể gây chết người hay phá hủy các chức năng của từng bộ phận cơ thể của người lao động. Các tai nạn chủ yếu như:

- Vấp ngã;
- Bỏng nhiệt;
- Va đập;
- Bị cán, kẹp, cắt;
- Bị vật văng bắn, rơi;
- Quần áo, tóc bị quấn vào máy;
- Cháy nổ hóa chất, khí;
- Điện giật.

5. Bệnh nghề nghiệp

Là một hiện trạng bệnh lý, bệnh đặc trưng cho một nghề hay một công việc do ảnh hưởng bởi làm việc thường xuyên và kéo dài trong điều kiện lao động xấu. Các dạng của bệnh nghề nghiệp như:

- Gù lưng;
- Viêm mũi, họng, viêm phổi;
- Mất hoặc giảm khả năng nghe;

- Mất hoặc giảm, mù màu, loạn sắc giác;
- Các bệnh về phổi.

6. Phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

Là thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, hạn chế các yếu tố nguy hiểm, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

II. Sắp xếp nơi làm việc

1. Sắp xếp nơi làm việc

Sắp xếp nơi làm việc là việc làm nhằm đảm bảo cho nơi làm việc được gọn gàng, sạch sẽ, thuận tiện để thực hiện các thao tác hoặc di chuyển khi làm việc, ngăn ngừa các tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc.

Nơi làm việc không được sắp xếp theo yêu cầu sẽ làm hạn chế về không gian làm việc, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, kéo dài thời gian thực hiện công việc và giảm năng suất làm việc. Vì vậy, để hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực đó, cần phải tạo ra một môi trường làm việc có kỷ luật, sạch sẽ và có trật tự.

2. Quy tắc an toàn khi sắp xếp nơi làm việc:

Để ngăn ngừa các tai nạn lao động và giúp tăng năng suất lao động, người lao động phải sắp xếp nơi làm việc hợp lý, cụ thể:

- Loại bỏ và giải phóng khỏi không gian làm việc những vật không cần thiết, gây cản trở cho quá trình làm việc (các linh kiện, sản phẩm hỏng, máy móc, thiết bị và các những vật dụng khác không sử dụng...).

- Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ nơi làm việc.

- Sắp xếp các vật dụng theo vị trí hợp lý, thuận tiện cho các thao tác, giảm thiểu việc di chuyển, đảm bảo có thể tìm thấy vào bất kỳ lúc nào.

- Mất hoặc giảm, mù màu, loạn sắc giác;
- Các bệnh về phổi.

6. Phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

Là thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, hạn chế các yếu tố nguy hiểm, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

II. Sắp xếp nơi làm việc

1. Sắp xếp nơi làm việc

Sắp xếp nơi làm việc là việc làm nhằm đảm bảo cho nơi làm việc được gọn gàng, sạch sẽ, thuận tiện để thực hiện các thao tác hoặc di chuyển khi làm việc, ngăn ngừa các tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc.

Nơi làm việc không được sắp xếp theo yêu cầu sẽ làm hạn chế về không gian làm việc, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, kéo dài thời gian thực hiện công việc và giảm năng suất làm việc. Vì vậy, để hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực đó, cần phải tạo ra một môi trường làm việc có kỷ luật, sạch sẽ và có trật tự.

2. Quy tắc an toàn khi sắp xếp nơi làm việc:

Để ngăn ngừa các tai nạn lao động và giúp tăng năng suất lao động, người lao động phải sắp xếp nơi làm việc hợp lý, cụ thể:

- Loại bỏ và giải phóng khỏi không gian làm việc những vật không cần thiết, gây cản trở cho quá trình làm việc (các linh kiện, sản phẩm hỏng, máy móc, thiết bị và các những vật dụng khác không sử dụng...).

- Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ nơi làm việc.

- Sắp xếp các vật dụng theo vị trí hợp lý, thuận tiện cho các thao tác, giảm thiểu việc di chuyển, đảm bảo có thể tìm thấy vào bất kỳ lúc nào.

- Để vật liệu, dụng cụ đúng vị trí quy định, không treo lên tường hoặc để trên máy móc, không để bừa bãi các dụng cụ, vật dụng.
- Không để vật liệu, dụng cụ hay vật dụng trên lối đi, hành lang, cầu thang, cửa thoát hiểm.
- Không được để nước, dầu mỡ chảy ra sàn nhà.
- Dọn sạch sẽ hành lang, lối đi và sàn công tác.
- Thường xuyên lau chùi bóng đèn, cửa kính.
- Chất thải, giấy vụn, giẻ... phải để trong thùng rác hoặc thùng đựng riêng.

- Để vật liệu, dụng cụ đúng vị trí quy định, không treo lên tường hoặc để trên máy móc, không để bừa bãi các dụng cụ, vật dụng.
- Không để vật liệu, dụng cụ hay vật dụng trên lối đi, hành lang, cầu thang, cửa thoát hiểm.
- Không được để nước, dầu mỡ chảy ra sàn nhà.
- Dọn sạch sẽ hành lang, lối đi và sàn công tác.
- Thường xuyên lau chùi bóng đèn, cửa kính.
- Chất thải, giấy vụn, giẻ... phải để trong thùng rác hoặc thùng đựng riêng.

Chương 2. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động

I. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động:

Trang phục lao động là trang phục nói chung (quần áo, mũ, giày, găng tay) mà người lao động mặc, đeo, đội trong quá trình làm việc.

Phương tiện bảo hộ lao động là các trang phục, thiết bị chuyên dụng được trang bị cho người lao động nhằm ngăn ngừa nguy cơ gây tai nạn lao động hoặc giảm bớt những chấn thương, giảm thiểu tác hại của bệnh nghề nghiệp đối với người lao động .

1. Một số phương tiện bảo hộ lao động cơ bản:

1.1. Quần áo bảo hộ

Là quần áo để bảo vệ cơ thể người lao động khỏi các rủi ro do văng bắn vật cứng, nhọn; rò rỉ áp lực, nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh, nhiễm độc hoặc bỏng hóa chất; ảnh hưởng của thời tiết bất lợi, virus có hại, bị ô nhiễm khói, bụi...



1.2. Mũ bảo hộ

Là thiết bị dùng để bảo vệ phần đầu để tránh hoặc giảm thiểu nguy cơ bị chấn thương do vật văng bắn vào đầu, do sự va đập của đầu với các vật cứng, do bị quấn tóc hoặc bị điện giật trong quá trình làm việc.



Chương 2. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động

I. Trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động:

Trang phục lao động là trang phục nói chung (quần áo, mũ, giày, găng tay) mà người lao động mặc, đeo, đội trong quá trình làm việc.

Phương tiện bảo hộ lao động là các trang phục, thiết bị chuyên dụng được trang bị cho người lao động nhằm ngăn ngừa nguy cơ gây tai nạn lao động hoặc giảm bớt những chấn thương, giảm thiểu tác hại của bệnh nghề nghiệp đối với người lao động .

1. Một số phương tiện bảo hộ lao động cơ bản:

1.1. Quần áo bảo hộ

Là quần áo để bảo vệ cơ thể người lao động khỏi các rủi ro do văng bắn vật cứng, nhọn; rò rỉ áp lực, nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh, nhiễm độc hoặc bỏng hóa chất; ảnh hưởng của thời tiết bất lợi, virus có hại, bị ô nhiễm khói, bụi...



1.2. Mũ bảo hộ

Là thiết bị dùng để bảo vệ phần đầu để tránh hoặc giảm thiểu nguy cơ bị chấn thương do vật văng bắn vào đầu, do sự va đập của đầu với các vật cứng, do bị quấn tóc hoặc bị điện giật trong quá trình làm việc.



1.3. Kính bảo hộ

Là thiết bị dùng để bảo vệ mắt khỏi các rủi ro gây ra bởi hóa chất, kim loại, bụi, khí, bức xạ. Kính bảo hộ có kính chống chói, chống lóa, kính chống vật bắn vào mắt, kính hàn và kính chống hóa chất.



1.4. Mặt nạ (phòng bụi, phòng độc, dưỡng khí)

Là thiết bị dùng để bảo vệ hệ hô hấp để phòng bụi, phòng độc hoặc cung cấp dưỡng khí. Mặt nạ phòng độc có các lớp lọc khói độc (ở dạng các hạt rắn hoặc các giọt nhỏ chất độc ở dạng chất lỏng), trong đó có thể có tầng than hoạt tính để hấp thụ các chất độc ở dạng hơi hoặc khí. Các chất độc được lọc qua các lớp lọc sẽ được hấp thụ và tiêu độc, đồng thời mặt nạ vẫn đảm bảo việc cung cấp oxy liên tục cho hệ hô hấp của người lao động.



1.5. Bịt tai chống ồn

Là thiết bị dùng để bảo vệ tai của người lao động khỏi các tiếng ồn có cường độ lớn và kéo dài. Bịt tai chống ồn có nhiều loại nhưng nhìn chung bộ phận chính phía trong được làm bằng vật liệu mềm, có chức năng hấp thụ âm thanh.

1.3. Kính bảo hộ

Là thiết bị dùng để bảo vệ mắt khỏi các rủi ro gây ra bởi hóa chất, kim loại, bụi, khí, bức xạ. Kính bảo hộ có kính chống chói, chống lóa, kính chống vật bắn vào mắt, kính hàn và kính chống hóa chất.



1.4. Mặt nạ (phòng bụi, phòng độc, dưỡng khí)

Là thiết bị dùng để bảo vệ hệ hô hấp để phòng bụi, phòng độc hoặc cung cấp dưỡng khí. Mặt nạ phòng độc có các lớp lọc khói độc (ở dạng các hạt rắn hoặc các giọt nhỏ chất độc ở dạng chất lỏng), trong đó có thể có tầng than hoạt tính để hấp thụ các chất độc ở dạng hơi hoặc khí. Các chất độc được lọc qua các lớp lọc sẽ được hấp thụ và tiêu độc, đồng thời mặt nạ vẫn đảm bảo việc cung cấp oxy liên tục cho hệ hô hấp của người lao động.



1.5. Bịt tai chống ồn

Là thiết bị dùng để bảo vệ tai của người lao động khỏi các tiếng ồn có cường độ lớn và kéo dài. Bịt tai chống ồn có nhiều loại nhưng nhìn chung bộ phận chính phía trong được làm bằng vật liệu mềm, có chức năng hấp thụ âm thanh.

Nếu người lao động làm việc liên tục, không được bảo vệ khi tiếp xúc với tiếng ồn lớn hơn 85 dB (decibel- đơn vị đo cường độ âm thanh) trong 8 giờ hoặc nhiều hơn có thể gây nguy hiểm đến việc giảm hoặc mất thính lực. Trong trường hợp tiếp xúc với âm thanh to và liên tục trong hơn 15 phút mỗi ngày ở 100-110 dB, người lao động cần phải có trang bị bảo vệ tai.



1.6. Găng tay

Là dụng cụ được dùng bảo vệ bàn tay người lao động khỏi các rủi ro gây ra do mài mòn, cắt và đâm thủng, điện giật hoặc tác động của hóa chất, nhiệt độ cao, tác nhân gây nhiễm trùng da.

Găng tay có các loại: găng tay cao su để ngăn hóa chất, găng tay điện giật để hàn chống nóng, găng tay vải để bảo vệ khỏi vật đâm, bắn vào tay...



Nếu người lao động làm việc liên tục, không được bảo vệ khi tiếp xúc với tiếng ồn lớn hơn 85 dB (decibel- đơn vị đo cường độ âm thanh) trong 8 giờ hoặc nhiều hơn có thể gây nguy hiểm đến việc giảm hoặc mất thính lực. Trong trường hợp tiếp xúc với âm thanh to và liên tục trong hơn 15 phút mỗi ngày ở 100-110 dB, người lao động cần phải có trang bị bảo vệ tai.



1.6. Găng tay

Là dụng cụ được dùng bảo vệ bàn tay người lao động khỏi các rủi ro gây ra do mài mòn, cắt và đâm thủng, điện giật hoặc tác động của hóa chất, nhiệt độ cao, tác nhân gây nhiễm trùng da.

Găng tay có các loại: găng tay cao su để ngăn hóa chất, găng tay điện giật để hàn chống nóng, găng tay vải để bảo vệ khỏi vật đâm, bắn vào tay...



1.7. Giày bảo hộ, ủng.

Là dụng cụ dùng để bảo vệ bàn chân khỏi các rủi ro do ngã ướt, hóa chất xâm nhập hoặc chống trượt, cắt nát, đâm thủng... Giày bảo hộ có các loại giày vải, giày da chống nóng, giày có mũi thép chống đâm xuyên; ủng có loại làm bằng cao su để ngăn nước hoặc hóa chất.

1.8. Dây đai an toàn:

Là thiết bị bảo vệ người lao động khi làm việc trên cao khỏi chấn thương khi bị rơi ngã. Dây đai an toàn có các loại: dây đai đơn và dây đai toàn thân.



II. Quy tắc an toàn khi sử dụng trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động:

2.1. Quần áo:

- Kích cỡ phải vừa với người.
- Khi mặc phải đảm bảo gọn gàng, cổ tay áo phải được cài cúc, gấu quần phải cho vào cổ giày hoặc được thắt chặt.
- Phải đảm bảo sạch sẽ, nếu bị dính dầu, mỡ, hóa chất... thì phải được giặt sạch.
- Không để những vật có thể gây nguy hiểm (như dao, kéo, diêm, bật lửa...) vào túi quần, áo.
- Không mặc quần áo lao động về nhà.

1.7. Giày bảo hộ, ủng.

Là dụng cụ dùng để bảo vệ bàn chân khỏi các rủi ro do ngã ướt, hóa chất xâm nhập hoặc chống trượt, cắt nát, đâm thủng... Giày bảo hộ có các loại giày vải, giày da chống nóng, giày có mũi thép chống đâm xuyên; ủng có loại làm bằng cao su để ngăn nước hoặc hóa chất.

1.8. Dây đai an toàn:

Là thiết bị bảo vệ người lao động khi làm việc trên cao khỏi chấn thương khi bị rơi ngã. Dây đai an toàn có các loại: dây đai đơn và dây đai toàn thân.



II. Quy tắc an toàn khi sử dụng trang phục lao động và phương tiện bảo hộ lao động:

2.1. Quần áo:

- Kích cỡ phải vừa với người.
- Khi mặc phải đảm bảo gọn gàng, cổ tay áo phải được cài cúc, gấu quần phải cho vào cổ giày hoặc được thắt chặt.
- Phải đảm bảo sạch sẽ, nếu bị dính dầu, mỡ, hóa chất... thì phải được giặt sạch.
- Không để những vật có thể gây nguy hiểm (như dao, kéo, diêm, bật lửa...) vào túi quần, áo.
- Không mặc quần áo lao động về nhà.

2.2. Giày:

- Sử dụng giày bảo hộ đúng chủng loại theo quy định;
- Không đi giày khi đế đã mòn, dễ trơn trượt;
- Không đi dép (kể cả dép xăng-đan) để thay cho giày.

2.3. Mũ:

- Trường hợp làm việc xung quanh có máy móc dễ cuốn đầu tóc vào máy, nơi có vật dễ rơi, văng bắn vào người nhất thiết phải đội mũ.
- Cỡ mũ phải vừa với đầu.
- Cài chặt quai mũ khi đội.

2.4. Găng tay:

- Khi có yêu cầu phải sử dụng găng tay nhất thiết phải đi găng tay mới thực hiện công việc.
- Không sử dụng găng tay trong một số trường hợp được khuyến cáo không được sử dụng.

2.5. Dây đai an toàn:

- Khi làm việc trên cao nơi không có che chắn để bảo vệ thì bắt buộc phải sử dụng dây đai an toàn.
- Dây đai an toàn phải đảm bảo được cài chặt theo đúng quy cách, và móc vào nơi an toàn.
- Khi di chuyển vị trí làm việc thì cần phải thay đổi nơi móc dây đai an cho thuận tiện với thao tác làm việc.
- Không sử dụng dây đai không đảm bảo chất lượng hoặc dây đai có khóa bị hỏng.

2.2. Giày:

- Sử dụng giày bảo hộ đúng chủng loại theo quy định;
- Không đi giày khi đế đã mòn, dễ trơn trượt;
- Không đi dép (kể cả dép xăng-đan) để thay cho giày.

2.3. Mũ:

- Trường hợp làm việc xung quanh có máy móc dễ cuốn đầu tóc vào máy, nơi có vật dễ rơi, văng bắn vào người nhất thiết phải đội mũ.
- Cỡ mũ phải vừa với đầu.
- Cài chặt quai mũ khi đội.

2.4. Găng tay:

- Khi có yêu cầu phải sử dụng găng tay nhất thiết phải đi găng tay mới thực hiện công việc.
- Không sử dụng găng tay trong một số trường hợp được khuyến cáo không được sử dụng.

2.5. Dây đai an toàn:

- Khi làm việc trên cao nơi không có che chắn để bảo vệ thì bắt buộc phải sử dụng dây đai an toàn.
- Dây đai an toàn phải đảm bảo được cài chặt theo đúng quy cách, và móc vào nơi an toàn.
- Khi di chuyển vị trí làm việc thì cần phải thay đổi nơi móc dây đai an cho thuận tiện với thao tác làm việc.
- Không sử dụng dây đai không đảm bảo chất lượng hoặc dây đai có khóa bị hỏng.

Chương 3. An toàn trong lao động

I. An toàn trong vận chuyển

1. Vận chuyển trong lao động

Vận chuyển là hoạt động gắn liền với quá trình sản xuất. Các nguyên vật liệu được vận chuyển đến khu vực sản xuất và các thành phẩm, bán thành phẩm, các vật liệu phế thải được đưa ra khỏi khu vực sản xuất.

Vận chuyển bao gồm cả việc nâng, bốc và di chuyển các vật (bằng sức người hoặc các phương tiện chuyên chở) đến địa điểm nhất định.

2. Quy tắc an toàn khi vận chuyển:

Để tránh gây tai nạn lao động, khi vận chuyển, người lao động phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- Vận chuyển hàng hóa phải theo tuyến đường quy định.
- Khi nâng vật nặng phải giữ thẳng lưng và nâng vật từ từ lên; tuyệt đối không nâng vật nặng quá sức của mình.
- Khi vận chuyển các vật dài, tới chỗ rẽ phải dừng lại để kiểm tra và khi đảm bảo an toàn, không có chướng ngại vật mới được di chuyển tiếp.
- Khi cùng với nhiều người khác thực hiện một thao tác chung (như cùng kéo hoặc nâng vật nặng...) thì nhất thiết phải tuân thủ theo chỉ thị của người chỉ huy.
- Đối với các vật có nhiều hình dạng khác nhau, hay nhiều vật nhỏ, vật sắc nhọn cần để vào thùng đựng thích hợp trước khi vận chuyển.

Chương 3. An toàn trong lao động

I. An toàn trong vận chuyển

1. Vận chuyển trong lao động

Vận chuyển là hoạt động gắn liền với quá trình sản xuất. Các nguyên vật liệu được vận chuyển đến khu vực sản xuất và các thành phẩm, bán thành phẩm, các vật liệu phế thải được đưa ra khỏi khu vực sản xuất.

Vận chuyển bao gồm cả việc nâng, bốc và di chuyển các vật (bằng sức người hoặc các phương tiện chuyên chở) đến địa điểm nhất định.

2. Quy tắc an toàn khi vận chuyển:

Để tránh gây tai nạn lao động, khi vận chuyển, người lao động phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- Vận chuyển hàng hóa phải theo tuyến đường quy định.
- Khi nâng vật nặng phải giữ thẳng lưng và nâng vật từ từ lên; tuyệt đối không nâng vật nặng quá sức của mình.
- Khi vận chuyển các vật dài, tới chỗ rẽ phải dừng lại để kiểm tra và khi đảm bảo an toàn, không có chướng ngại vật mới được di chuyển tiếp.
- Khi cùng với nhiều người khác thực hiện một thao tác chung (như cùng kéo hoặc nâng vật nặng...) thì nhất thiết phải tuân thủ theo chỉ thị của người chỉ huy.
- Đối với các vật có nhiều hình dạng khác nhau, hay nhiều vật nhỏ, vật sắc nhọn cần để vào thùng đựng thích hợp trước khi vận chuyển.

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm nên sử dụng các phương tiện chuyên chở; hạn chế việc vận chuyển bằng tay, đặc biệt với quãng đường xa.

- Không xếp hàng hóa quá nhiều vào phương tiện chuyên chở.

- Khi đẩy phương tiện chuyên chở phải đẩy từ phía sau.

- Nếu không có bằng hoặc giấy phép theo quy định thì không được vận hành ô tô, cần cẩu, xe nâng.

II. An toàn khi làm việc có yếu tố nguy hiểm điện.

1. Các nguyên nhân gây tai nạn điện:

Tai nạn điện có thể xảy ra do một số nguyên nhân sau đây:

- Do bất cẩn, không tuân thủ nghiêm túc các quy định về an toàn lao động: trình đóng, cắt điện; không sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết.

- Do sử dụng thiết bị điện không an toàn: thiết bị, dây dẫn điện và các công tắc đóng/mở máy bị hỏng, không đủ công suất hoặc không phù hợp.

- Do quá trình tổ chức thi công: máy móc, thiết bị, vật liệu va chạm vào dây dẫn điện trần hoặc làm đứt dây dẫn điện, kim loại nóng chảy rơi vào các dây dẫn điện.

- Do môi trường làm việc không an toàn: ẩm hoặc thấm nước.

2. Quy tắc an toàn điện:

- Không lại gần những nơi đã được cảnh báo nguy hiểm điện.

- Không chạm vào chỗ đang có điện như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; nơi vỏ bọc cách điện của dây dẫn bị hở; chỗ nối dây dẫn điện; dây điện trần...

- Khi cơ thể bị ướt, chân không đi giày/dép hoặc đang đứng ở nơi ẩm ướt thì không được bật, tắt công tắc, cầu dao điện hay vận hành các máy móc, thiết bị sử dụng điện.

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm nên sử dụng các phương tiện chuyên chở; hạn chế việc vận chuyển bằng tay, đặc biệt với quãng đường xa.

- Không xếp hàng hóa quá nhiều vào phương tiện chuyên chở.

- Khi đẩy phương tiện chuyên chở phải đẩy từ phía sau.

- Nếu không có bằng hoặc giấy phép theo quy định thì không được vận hành ô tô, cần cẩu, xe nâng.

II. An toàn khi làm việc có yếu tố nguy hiểm điện.

1. Các nguyên nhân gây tai nạn điện:

Tai nạn điện có thể xảy ra do một số nguyên nhân sau đây:

- Do bất cẩn, không tuân thủ nghiêm túc các quy định về an toàn lao động: trình đóng, cắt điện; không sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết.

- Do sử dụng thiết bị điện không an toàn: thiết bị, dây dẫn điện và các công tắc đóng/mở máy bị hỏng, không đủ công suất hoặc không phù hợp.

- Do quá trình tổ chức thi công: máy móc, thiết bị, vật liệu va chạm vào dây dẫn điện trần hoặc làm đứt dây dẫn điện, kim loại nóng chảy rơi vào các dây dẫn điện.

- Do môi trường làm việc không an toàn: ẩm hoặc thấm nước.

2. Quy tắc an toàn điện:

- Không lại gần những nơi đã được cảnh báo nguy hiểm điện.

- Không chạm vào chỗ đang có điện như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; nơi vỏ bọc cách điện của dây dẫn bị hở; chỗ nối dây dẫn điện; dây điện trần...

- Khi cơ thể bị ướt, chân không đi giày/dép hoặc đang đứng ở nơi ẩm ướt thì không được bật, tắt công tắc, cầu dao điện hay vận hành các máy móc, thiết bị sử dụng điện.

- Không để trang thiết bị điện phát sinh nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để phòng ngừa hỏa hoạn.

- Khi các thiết bị điện (cầu dao, công tắc, ổ cắm, dây dẫn điện...) và máy móc thiết bị vận hành bằng năng lượng điện bị hư hỏng phải báo ngay với người quản lý để kịp thời sửa chữa, thay thế. Không được tự ý sửa chữa các sự cố về điện khi không có kiến thức về điện và không được phép của người quản lý.

- Kịp thời ngắt dòng điện khi thấy có nguy cơ chập điện hoặc điện giật hoặc cháy nổ.

III. An toàn khi làm việc có hóa chất độc hại

1. Hóa chất độc hại:

Trong sản xuất có một số loại hóa chất khi tiếp xúc với cơ thể có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động.

Hóa chất độc hại có thể gây nên các bệnh như ung thư, viêm da, thần kinh trung ương... Khi sử dụng với các hóa chất độc hại, nhất thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn và chỉ thị của người phụ trách.

2. Quy tắc an toàn khi làm việc với hóa chất độc hại:

Người lao động khi làm việc với hóa chất độc hại phải thực hiện các quy tắc an toàn sau:

- Nắm rõ tên, đặc tính hóa học-vật lý, tác hại và cách phòng ngừa tác hại của loại hóa chất trước khi sử dụng.

- Mang găng tay cao su khi sử dụng hóa chất; thay đổi găng tay khi sử dụng qua hóa chất khác để tránh lây nhiễm chéo.

- Sử dụng kính an toàn khi làm việc với nhiều hóa chất có tính bay hơi mạnh. Luôn sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết khi mở chai đựng hóa chất.

- Không để trang thiết bị điện phát sinh nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để phòng ngừa hỏa hoạn.

- Khi các thiết bị điện (cầu dao, công tắc, ổ cắm, dây dẫn điện...) và máy móc thiết bị vận hành bằng năng lượng điện bị hư hỏng phải báo ngay với người quản lý để kịp thời sửa chữa, thay thế. Không được tự ý sửa chữa các sự cố về điện khi không có kiến thức về điện và không được phép của người quản lý.

- Kịp thời ngắt dòng điện khi thấy có nguy cơ chập điện hoặc điện giật hoặc cháy nổ.

III. An toàn khi làm việc có hóa chất độc hại

1. Hóa chất độc hại:

Trong sản xuất có một số loại hóa chất khi tiếp xúc với cơ thể có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động.

Hóa chất độc hại có thể gây nên các bệnh như ung thư, viêm da, thần kinh trung ương... Khi sử dụng với các hóa chất độc hại, nhất thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn và chỉ thị của người phụ trách.

2. Quy tắc an toàn khi làm việc với hóa chất độc hại:

Người lao động khi làm việc với hóa chất độc hại phải thực hiện các quy tắc an toàn sau:

- Nắm rõ tên, đặc tính hóa học-vật lý, tác hại và cách phòng ngừa tác hại của loại hóa chất trước khi sử dụng.

- Mang găng tay cao su khi sử dụng hóa chất; thay đổi găng tay khi sử dụng qua hóa chất khác để tránh lây nhiễm chéo.

- Sử dụng kính an toàn khi làm việc với nhiều hóa chất có tính bay hơi mạnh. Luôn sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết khi mở chai đựng hóa chất.

- Xử lý các hóa chất một cách cẩn thận, đề phòng trường hợp hóa chất bắn vào da. Nếu lỡ bị dính hóa chất trên da phải rửa sạch ngay với nước lạnh trong vài phút.

- Nếu quần áo dính hoá chất, phải được giặt sạch ngay.

- Hóa chất đã dùng chứa trong các chai, lọ phải được dán nhãn cẩn thận, để tránh dùng nhầm.

- Khi đang làm việc, tiếp xúc với hóa chất, không lấy tay lau mắt hoặc miệng; Sau khi làm việc với hóa chất phải rửa sạch tay.

IV. Điều kiện làm việc có nhiều bụi

1. Bụi và tác hại của bụi

Bụi là các phần tử vật chất nhỏ bay trong không khí. Tùy thuộc vào độ phân tán, độ hoà tan, điện tích các hạt bụi, không gian làm việc, bụi có thể gây hại cho sức khỏe người lao động. Nồng độ bụi trong không khí càng cao, thời gian tiếp xúc càng dài thì nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động càng lớn; cường độ lao động càng nặng, thì bụi vào phổi càng nhiều...

Khi phải tiếp xúc với bụi lâu ngày, người lao động có thể bị mắc các bệnh về đường hô hấp, tổn thương ở mắt, tổn thương ở da, thậm chí bụi có thể gây sốt dị ứng toàn thân... Tuy nhiên, tác hại lâu dài và nguy hiểm nhất của bụi là bệnh bụi phổi và bệnh nhiễm độc hoá chất dạng bụi, có thể chuyển thành mãn tính và gây nhiều biến chứng nguy hiểm.

2. Quy tắc an toàn khi làm việc trong môi trường có nhiều bụi:

Để hạn chế tác hại của bụi, người lao động làm việc trong môi trường có nhiều bụi cần thực hiện quy tắc an toàn như sau:

- Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động (kính mắt, khẩu trang lọc bụi, quần áo chống bụi) để giảm sự tiếp xúc của cơ thể với bụi.

- Xử lý các hóa chất một cách cẩn thận, đề phòng trường hợp hóa chất bắn vào da. Nếu lỡ bị dính hóa chất trên da phải rửa sạch ngay với nước lạnh trong vài phút.

- Nếu quần áo dính hoá chất, phải được giặt sạch ngay.

- Hóa chất đã dùng chứa trong các chai, lọ phải được dán nhãn cẩn thận, để tránh dùng nhầm.

- Khi đang làm việc, tiếp xúc với hóa chất, không lấy tay lau mắt hoặc miệng; Sau khi làm việc với hóa chất phải rửa sạch tay.

IV. Điều kiện làm việc có nhiều bụi

1. Bụi và tác hại của bụi

Bụi là các phần tử vật chất nhỏ bay trong không khí. Tùy thuộc vào độ phân tán, độ hoà tan, điện tích các hạt bụi, không gian làm việc, bụi có thể gây hại cho sức khỏe người lao động. Nồng độ bụi trong không khí càng cao, thời gian tiếp xúc càng dài thì nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động càng lớn; cường độ lao động càng nặng, thì bụi vào phổi càng nhiều...

Khi phải tiếp xúc với bụi lâu ngày, người lao động có thể bị mắc các bệnh về đường hô hấp, tổn thương ở mắt, tổn thương ở da, thậm chí bụi có thể gây sốt dị ứng toàn thân... Tuy nhiên, tác hại lâu dài và nguy hiểm nhất của bụi là bệnh bụi phổi và bệnh nhiễm độc hoá chất dạng bụi, có thể chuyển thành mãn tính và gây nhiều biến chứng nguy hiểm.

2. Quy tắc an toàn khi làm việc trong môi trường có nhiều bụi:

Để hạn chế tác hại của bụi, người lao động làm việc trong môi trường có nhiều bụi cần thực hiện quy tắc an toàn như sau:

- Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động (kính mắt, khẩu trang lọc bụi, quần áo chống bụi) để giảm sự tiếp xúc của cơ thể với bụi.

- Làm ẩm các nguyên liệu trước khi xay nghiền, cưa, cắt...
- Áp dụng phương pháp khoan ẩm, bọc kín các nguồn phát sinh bụi để giảm nồng độ bụi trong không khí.
- Bật hệ thống lọc hút bụi, làm ẩm không khí của phân xưởng nếu có.
- Giảm thời gian tiếp xúc với bụi bằng cách giảm các thời gian chết, thời gian chờ đợi, các thao tác trung gian khi làm việc trong môi trường có nhiều bụi.
- Hạn chế thấp nhất sự lan tỏa của bụi ra không khí...

V. Phòng cháy, chữa cháy:

1. Các nguyên nhân gây cháy:

Cháy (hỏa hoạn) xảy ra tại nơi làm việc có thể do một số nguyên nhân như không thận trọng khi hàn, cắt kim loại, hong sấy, đốt lửa hay do bảo quản, sử dụng nhiên vật liệu (hóa chất, khí, xăng, dầu...) không đúng kỹ thuật, hoặc do chập điện hay các nguyên nhân khác.

Cháy xảy ra tại nơi làm việc có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm đình đốn hoạt động sản xuất.

2. Các biện pháp để phòng cháy:

Để phòng các trường hợp gây ra cháy tại nơi làm việc, người lao động phải thực hiện các biện pháp sau đây:

- Không sử dụng lửa hoặc mang theo các chất gây cháy tại nơi có biển báo hiệu cấm lửa.
- Không hút thuốc tại nơi làm việc, đun nấu ở nơi làm việc, đặc biệt là nơi có nguy cơ cháy nổ cao.
- Không được sắp xếp đồ đạc lên các dây điện, hay vận chuyển nguyên, vật liệu, thành phẩm làm đứt dây điện hoặc chạm vào các hệ thống điện.

- Làm ẩm các nguyên liệu trước khi xay nghiền, cưa, cắt...
- Áp dụng phương pháp khoan ẩm, bọc kín các nguồn phát sinh bụi để giảm nồng độ bụi trong không khí.
- Bật hệ thống lọc hút bụi, làm ẩm không khí của phân xưởng nếu có.
- Giảm thời gian tiếp xúc với bụi bằng cách giảm các thời gian chết, thời gian chờ đợi, các thao tác trung gian khi làm việc trong môi trường có nhiều bụi.
- Hạn chế thấp nhất sự lan tỏa của bụi ra không khí...

V. Phòng cháy, chữa cháy:

1. Các nguyên nhân gây cháy:

Cháy (hỏa hoạn) xảy ra tại nơi làm việc có thể do một số nguyên nhân như không thận trọng khi hàn, cắt kim loại, hong sấy, đốt lửa hay do bảo quản, sử dụng nhiên vật liệu (hóa chất, khí, xăng, dầu...) không đúng kỹ thuật, hoặc do chập điện hay các nguyên nhân khác.

Cháy xảy ra tại nơi làm việc có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm đình đốn hoạt động sản xuất.

2. Các biện pháp để phòng cháy:

Để phòng các trường hợp gây ra cháy tại nơi làm việc, người lao động phải thực hiện các biện pháp sau đây:

- Không sử dụng lửa hoặc mang theo các chất gây cháy tại nơi có biển báo hiệu cấm lửa.
- Không hút thuốc tại nơi làm việc, đun nấu ở nơi làm việc, đặc biệt là nơi có nguy cơ cháy nổ cao.
- Không được sắp xếp đồ đạc lên các dây điện, hay vận chuyển nguyên, vật liệu, thành phẩm làm đứt dây điện hoặc chạm vào các hệ thống điện.

- Sử dụng đúng loại cầu chì, cầu dao, phích cắm cho hệ thống điện và máy móc; khi cắm các phích cắm phải đảm bảo chặt để không phát sinh nhiệt.

- Không tự ý câu móc, lắp đặt thêm thiết bị điện.

- Không để các đồ vật chần gây ảnh hưởng đến lối đi cửa thoát hiểm.

- Khi hết giờ làm việc phải kiểm tra, tắt máy, tắt cầu dao điện.

3. Xử lý tình huống khi có đám cháy:

- Thông báo ngay cho mọi người xung quanh biết.

- Tắt công tắc, cầu dao điện ở nơi gần nhất để đề phòng sự cố về điện.

- Thực hiện việc chữa cháy theo hiệu lệnh chữa cháy và theo chỉ đạo của người có trách nhiệm.

- Nếu đám cháy ngoài tầm kiểm soát thì phải gọi ngay cho lực lượng chữa cháy.

- Sơ tán mọi người ra khỏi khu vực có đám cháy; nếu có người bị nạn thì nhanh chóng chuyển ra khỏi nơi nguy hiểm và gọi cấp cứu.

VI. Điều kiện làm việc thiếu ôxy hoặc có khí độc:

1. Điều kiện làm việc thiếu ô xy:

- Ô xy trong không khí thông thường chiếm tỷ lệ khoảng 21%. Môi trường làm việc có tỷ lệ ô xy thấp hơn 18% sẽ được coi là thiếu ô xy. Cơ thể người lao động sẽ cảm thấy thiếu ô xy khi tỷ lệ ô xy khoảng 16%, cảm giác chóng mặt, khó thở càng tăng khi tỷ lệ ô xy hạ thấp xuống dưới 16%. Tỷ lệ ô xy dưới 10% có thể gây tử vong. Môi trường thiếu ô xy dưới 6% người có thể chết ngay do tim ngừng đập, ngừng thở.

2. Điều kiện làm việc có khí độc:

Trong một số nơi làm việc đặc thù có thể phát sinh hoặc tồn tại một số loại khí độc như CO, CO₂, CH₄, H₂S. Khí độc có thể tích tụ

- Sử dụng đúng loại cầu chì, cầu dao, phích cắm cho hệ thống điện và máy móc; khi cắm các phích cắm phải đảm bảo chặt để không phát sinh nhiệt.

- Không tự ý câu móc, lắp đặt thêm thiết bị điện.

- Không để các đồ vật chần gây ảnh hưởng đến lối đi cửa thoát hiểm.

- Khi hết giờ làm việc phải kiểm tra, tắt máy, tắt cầu dao điện.

3. Xử lý tình huống khi có đám cháy:

- Thông báo ngay cho mọi người xung quanh biết.

- Tắt công tắc, cầu dao điện ở nơi gần nhất để đề phòng sự cố về điện.

- Thực hiện việc chữa cháy theo hiệu lệnh chữa cháy và theo chỉ đạo của người có trách nhiệm.

- Nếu đám cháy ngoài tầm kiểm soát thì phải gọi ngay cho lực lượng chữa cháy.

- Sơ tán mọi người ra khỏi khu vực có đám cháy; nếu có người bị nạn thì nhanh chóng chuyển ra khỏi nơi nguy hiểm và gọi cấp cứu.

VI. Điều kiện làm việc thiếu ôxy hoặc có khí độc:

1. Điều kiện làm việc thiếu ô xy:

- Ô xy trong không khí thông thường chiếm tỷ lệ khoảng 21%. Môi trường làm việc có tỷ lệ ô xy thấp hơn 18% sẽ được coi là thiếu ô xy. Cơ thể người lao động sẽ cảm thấy thiếu ô xy khi tỷ lệ ô xy khoảng 16%, cảm giác chóng mặt, khó thở càng tăng khi tỷ lệ ô xy hạ thấp xuống dưới 16%. Tỷ lệ ô xy dưới 10% có thể gây tử vong. Môi trường thiếu ô xy dưới 6% người có thể chết ngay do tim ngừng đập, ngừng thở.

2. Điều kiện làm việc có khí độc:

Trong một số nơi làm việc đặc thù có thể phát sinh hoặc tồn tại một số loại khí độc như CO, CO₂, CH₄, H₂S. Khí độc có thể tích tụ

do những hoạt động chuyển hóa của các chất hữu cơ như thân và lá cây, rác thải, phân và thức ăn thừa trong chăn nuôi... Với nồng độ đủ lớn, những khí độc nêu trên có thể làm cho người lao động tử vong.

3. Các biện pháp để phòng thiếu ô xy và khí độc:

- Trong không gian kín, hầm lò sâu, trước khi làm việc cần kiểm tra nồng độ ô xy, khí độc; vận hành máy thông gió để duy trì nồng độ ô xy trên 18%;

- Sử dụng dụng cụ bảo vệ hô hấp như: máy hỗ trợ hô hấp, mặt nạ dưỡng khí;

- Không nên đào giếng, làm việc ở hầm lò sâu nơi có nhiều mùn cây, rác thải, chuồng chăn nuôi súc vật...

- Khi có người gặp nạn do thiếu ô xy hoặc hít phải khí độc, người ứng cứu nạn nhân phải đeo mặt nạ phòng độc và có bình dưỡng khí đi kèm.

- Đối với các hầm lò, mỏ than, khai thác các loại quặng phải tuyệt đối tránh các tác nhân gây cháy, phát ra tia lửa điện vì chúng sẽ kích hoạt các vụ nổ khí mê-tan.

do những hoạt động chuyển hóa của các chất hữu cơ như thân và lá cây, rác thải, phân và thức ăn thừa trong chăn nuôi... Với nồng độ đủ lớn, những khí độc nêu trên có thể làm cho người lao động tử vong.

3. Các biện pháp để phòng thiếu ô xy và khí độc:

- Trong không gian kín, hầm lò sâu, trước khi làm việc cần kiểm tra nồng độ ô xy, khí độc; vận hành máy thông gió để duy trì nồng độ ô xy trên 18%;

- Sử dụng dụng cụ bảo vệ hô hấp như: máy hỗ trợ hô hấp, mặt nạ dưỡng khí;

- Không nên đào giếng, làm việc ở hầm lò sâu nơi có nhiều mùn cây, rác thải, chuồng chăn nuôi súc vật...

- Khi có người gặp nạn do thiếu ô xy hoặc hít phải khí độc, người ứng cứu nạn nhân phải đeo mặt nạ phòng độc và có bình dưỡng khí đi kèm.

- Đối với các hầm lò, mỏ than, khai thác các loại quặng phải tuyệt đối tránh các tác nhân gây cháy, phát ra tia lửa điện vì chúng sẽ kích hoạt các vụ nổ khí mê-tan.

Chương 4. Cấp cứu, sơ cứu người bị tai nạn lao động

I. Phương pháp sơ cứu khẩn cấp:

Là phương pháp sơ cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mệnh và tránh tai biến khi người lao động bị nhiễm độc hoặc bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của bác sỹ. Sau khi sơ cứu phải chuyển nạn nhân đến bệnh viện để được chăm sóc y tế.

II. Một số tình huống và phương pháp sơ cứu:

1. Chảy máu:

- Dùng bông hoặc gạc sạch giữ chặt vết thương một lúc để cầm máu.
- Nâng tay hoặc chân bị thương cao hơn so với tim.
- Khi vết thương có dính đất hoặc dầu/mỡ, cần rửa sạch bằng xà phòng và nước sạch.
- Dùng thuốc sát trùng làm sạch vết thương; đặt gạc và cuộn chặt bằng băng để cầm máu.
- Dùng băng để buộc chặt vết thương, chú ý không buộc quá chặt.

Khi sử dụng phương pháp cầm máu trực tiếp không có hiệu quả thì nên sử dụng nẹp cầm máu.

2. Bị bỏng do nhiệt:

- Làm mát xung quanh vết bỏng bằng nước lạnh hoặc đá lạnh. Nếu bị bỏng khi đang mặc quần áo thì không cởi quần áo mà phải làm lạnh trên quần áo sau đó dùng gạc để băng vết thương.
- Để nguyên không cậy bong nước, không tự ý thoa kem, bôi dầu lên vết thương.

Trong trường hợp vùng bị bỏng chiếm trên 30% cơ thể cần chuyển ngay nạn nhân đến bệnh viện.

Chương 4. Cấp cứu, sơ cứu người bị tai nạn lao động

I. Phương pháp sơ cứu khẩn cấp:

Là phương pháp sơ cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mệnh và tránh tai biến khi người lao động bị nhiễm độc hoặc bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của bác sỹ. Sau khi sơ cứu phải chuyển nạn nhân đến bệnh viện để được chăm sóc y tế.

II. Một số tình huống và phương pháp sơ cứu:

1. Chảy máu:

- Dùng bông hoặc gạc sạch giữ chặt vết thương một lúc để cầm máu.
- Nâng tay hoặc chân bị thương cao hơn so với tim.
- Khi vết thương có dính đất hoặc dầu/mỡ, cần rửa sạch bằng xà phòng và nước sạch.
- Dùng thuốc sát trùng làm sạch vết thương; đặt gạc và cuộn chặt bằng băng để cầm máu.
- Dùng băng để buộc chặt vết thương, chú ý không buộc quá chặt.

Khi sử dụng phương pháp cầm máu trực tiếp không có hiệu quả thì nên sử dụng nẹp cầm máu.

2. Bị bỏng do nhiệt:

- Làm mát xung quanh vết bỏng bằng nước lạnh hoặc đá lạnh. Nếu bị bỏng khi đang mặc quần áo thì không cởi quần áo mà phải làm lạnh trên quần áo sau đó dùng gạc để băng vết thương.
- Để nguyên không cậy bong nước, không tự ý thoa kem, bôi dầu lên vết thương.

Trong trường hợp vùng bị bỏng chiếm trên 30% cơ thể cần chuyển ngay nạn nhân đến bệnh viện.

3. Bị bỏng do hoá chất:

- Rửa ngay vết bỏng bằng vòi nước sạch. Trường hợp bỏng ở mắt, nếu không có dung dịch rửa mắt chuyên dụng (nước muối sinh lý: NaCl 0,9%), thì dùng vòi nước máy thông thường hoặc nước đun sôi để nguội và rửa mắt ít nhất trong 10 phút.

- Yêu cầu nạn nhân mở mắt to để rửa hóa chất ra ngoài.

4. Bị điện giật:

- Trước hết phải ngắt ngay nguồn điện. Trong trường hợp không ngắt được nguồn điện thì dùng găng tay cao su, ủng cao su, mảnh vải khô; đứng lên ván gỗ khô và dùng dụng cụ cách điện tách nạn nhân ra khỏi dây điện.

- Sau khi cách ly với nguồn điện, đưa nạn nhân vào nơi yên tĩnh để nạn nhân ngồi, sau đó kiểm tra xem nạn nhân còn tỉnh táo hay không.

- Nếu nạn nhân bị mê man, bất tỉnh, cần kiểm tra mạch đập và khả năng hô hấp. Nếu nạn nhân không còn thở thì làm hô hấp nhân tạo, khi mạch đập dừng thì kết hợp hô hấp và ép tim ngoài lồng ngực.

- Nếu nạn nhân còn tỉnh táo, để nạn nhân ngồi nghỉ ở trạng thái thoải mái.

5. Gãy xương:

- Trước hết phải điều trị vết thương; nếu chảy máu phải thực hiện biện pháp cầm máu. Nếu có mảnh xương nhô ra, cần khử trùng cho vết thương, để miếng gạc dày, sạch lên vết thương và dùng băng đàn hồi để băng cầm máu.

- Nẹp để cố định các phần xương bị gãy.

6. Ngừng tuần hoàn hoặc ngừng thở:

Ngừng tuần hoàn là ngưng co bóp cơ tim kéo dài ít nhất 60 giây. Ngưng tim co bóp tim sẽ dẫn đến việc ngừng thở (bắt đầu khoảng 20 – 60 giây sau ngưng co bóp tim). Nạn nhân bị ngừng tuần hoàn

3. Bị bỏng do hoá chất:

- Rửa ngay vết bỏng bằng vòi nước sạch. Trường hợp bỏng ở mắt, nếu không có dung dịch rửa mắt chuyên dụng (nước muối sinh lý: NaCl 0,9%), thì dùng vòi nước máy thông thường hoặc nước đun sôi để nguội và rửa mắt ít nhất trong 10 phút.

- Yêu cầu nạn nhân mở mắt to để rửa hóa chất ra ngoài.

4. Bị điện giật:

- Trước hết phải ngắt ngay nguồn điện. Trong trường hợp không ngắt được nguồn điện thì dùng găng tay cao su, ủng cao su, mảnh vải khô; đứng lên ván gỗ khô và dùng dụng cụ cách điện tách nạn nhân ra khỏi dây điện.

- Sau khi cách ly với nguồn điện, đưa nạn nhân vào nơi yên tĩnh để nạn nhân ngồi, sau đó kiểm tra xem nạn nhân còn tỉnh táo hay không.

- Nếu nạn nhân bị mê man, bất tỉnh, cần kiểm tra mạch đập và khả năng hô hấp. Nếu nạn nhân không còn thở thì làm hô hấp nhân tạo, khi mạch đập dừng thì kết hợp hô hấp và ép tim ngoài lồng ngực.

- Nếu nạn nhân còn tỉnh táo, để nạn nhân ngồi nghỉ ở trạng thái thoải mái.

5. Gãy xương:

- Trước hết phải điều trị vết thương; nếu chảy máu phải thực hiện biện pháp cầm máu. Nếu có mảnh xương nhô ra, cần khử trùng cho vết thương, để miếng gạc dày, sạch lên vết thương và dùng băng đàn hồi để băng cầm máu.

- Nẹp để cố định các phần xương bị gãy.

6. Ngừng tuần hoàn hoặc ngừng thở:

Ngừng tuần hoàn là ngưng co bóp cơ tim kéo dài ít nhất 60 giây. Ngưng tim co bóp tim sẽ dẫn đến việc ngừng thở (bắt đầu khoảng 20 – 60 giây sau ngưng co bóp tim). Nạn nhân bị ngừng tuần hoàn

được sơ cứu bằng phương pháp ép tim ngoài lồng ngực. Nạn nhân bị ngừng thở được sơ cứu bằng phương pháp thổi ngạt hay còn gọi là hô hấp nhân tạo.

Ép tim ngoài lồng ngực phương pháp sơ cứu nạn nhân ngừng tuần hoàn, được tiến hành bằng cách dùng áp lực mạnh, liên tục và nhịp nhàng lên ngoài lồng ngực nhằm tạo ra sự lưu thông máu giữa tim, phổi, não và các tổ chức khác của cơ thể, kích thích tim đập trở lại.

Ép tim thường có hiệu quả hơn nếu tiến hành kết hợp với thổi ngạt.

Thổi ngạt là phương pháp sơ cứu nạn nhân ngừng thở đột ngột do nhiều nhân khác nhau nhưng tim vẫn còn đập, được tiến hành bằng cách người cứu nạn thổi trực tiếp hơi của mình qua mồm của nạn nhân.

6.1. Xử lý ngừng tuần hoàn bằng phương pháp ép tim ngoài lồng ngực:

- Chuẩn bị một tấm ván hoặc một mặt phẳng có diện tích rộng hơn lưng của nạn nhân.

- Đặt nạn nhân nằm ngửa trên mặt phẳng, chân cao hơn đầu. Nếu nằm trên giường có đệm thì phải lót tấm ván ở dưới lưng.

- Người sơ cứu quỳ bên cạnh nạn nhân (ngang tim), đặt bàn tay trái lên 1/3 dưới xương ức, hướng sang bên trái, bàn tay phải úp lên mu bàn tay trái, 2 tay duỗi thẳng hai vai hướng thẳng vào hai tay.

- Dồn sức nặng của toàn thân ép xuống lồng ngực của nạn nhân một cách nhịp nhàng, liên tục khoảng 60-80 lần/1 phút cho đến khi tim đập trở lại. Khi cần thiết có thể thay người khác, nhưng phải đảm bảo liên tục.

- Khi tim đã đập trở lại ổn định, cho nạn nhân nằm thoải mái, ủ ấm và tiếp tục theo dõi mạch, nhịp thở của nạn nhân.

được sơ cứu bằng phương pháp ép tim ngoài lồng ngực. Nạn nhân bị ngừng thở được sơ cứu bằng phương pháp thổi ngạt hay còn gọi là hô hấp nhân tạo.

Ép tim ngoài lồng ngực phương pháp sơ cứu nạn nhân ngừng tuần hoàn, được tiến hành bằng cách dùng áp lực mạnh, liên tục và nhịp nhàng lên ngoài lồng ngực nhằm tạo ra sự lưu thông máu giữa tim, phổi, não và các tổ chức khác của cơ thể, kích thích tim đập trở lại.

Ép tim thường có hiệu quả hơn nếu tiến hành kết hợp với thổi ngạt.

Thổi ngạt là phương pháp sơ cứu nạn nhân ngừng thở đột ngột do nhiều nhân khác nhau nhưng tim vẫn còn đập, được tiến hành bằng cách người cứu nạn thổi trực tiếp hơi của mình qua mồm của nạn nhân.

6.1. Xử lý ngừng tuần hoàn bằng phương pháp ép tim ngoài lồng ngực:

- Chuẩn bị một tấm ván hoặc một mặt phẳng có diện tích rộng hơn lưng của nạn nhân.

- Đặt nạn nhân nằm ngửa trên mặt phẳng, chân cao hơn đầu. Nếu nằm trên giường có đệm thì phải lót tấm ván ở dưới lưng.

- Người sơ cứu quỳ bên cạnh nạn nhân (ngang tim), đặt bàn tay trái lên 1/3 dưới xương ức, hướng sang bên trái, bàn tay phải úp lên mu bàn tay trái, 2 tay duỗi thẳng hai vai hướng thẳng vào hai tay.

- Dồn sức nặng của toàn thân ép xuống lồng ngực của nạn nhân một cách nhịp nhàng, liên tục khoảng 60-80 lần/1 phút cho đến khi tim đập trở lại. Khi cần thiết có thể thay người khác, nhưng phải đảm bảo liên tục.

- Khi tim đã đập trở lại ổn định, cho nạn nhân nằm thoải mái, ủ ấm và tiếp tục theo dõi mạch, nhịp thở của nạn nhân.

Xử lý ngừng thở bằng phương pháp thổi ngạt (hô hấp nhân tạo).

- Đặt nạn nhân nằm ngửa, đầu nghiêng sang một bên; dùng một nút gạc chèn giữa 2 hàm răng (phía bên má) để miệng nạn nhân mở ra.

- Nới rộng quần áo, thắt lưng, cravat, áo lót phụ nữ; kê gối dưới vai để đầu ngửa ra phía sau (làm thông đường hô hấp)

- Người sơ cứu quỳ một bên ngang đầu nạn nhân, hoặc đứng nếu nạn nhân nằm trên giường; kiểm tra xem có vật dụng gì của nạn nhân làm ảnh hưởng đến hô hấp.

- Người sơ cứu hít vào thật sâu rồi áp miệng mình vào miệng nạn nhân và thổi mạnh, đồng thời với việc dùng tay bịt mũi nạn nhân và quan sát lồng ngực nạn nhân xem có phồng lên, xẹp xuống theo nhịp thổi không.

Nếu không thấy lồng ngực nạn nhân phồng lên khi thổi vào, phải kiểm tra lại tư thế của đầu và cằm, xem đường hô hấp. Quá trình cứ tiếp diễn như vậy cho đến khi kiểm tra, thấy nạn nhân có thể tự duy trì sự thở.

- Theo dõi sát mạch, nhịp thở và chăm sóc nạn nhân cho đến khi tình trạng ổn định.

6.3. Phối hợp ép tim và thổi ngạt:

- Để nạn nhân nằm ngửa đầu tối đa.

- Lấy chất bẩn, dãi, dị vật trong miệng nạn nhân ra ngoài.

- Dùng nắm đấm bàn tay đấm 5 lần vào giữa điểm 1/3 dưới xương ức với độ cao tay đấm 50 cm kết hợp với thổi ngạt 15-20 lần/phút

Nếu chỉ có 1 người: thổi ngạt 2 lần rồi ép tim 15 lần; thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần. Việc ép tim thực hiện với tần suất 80 lần/phút.

Xử lý ngừng thở bằng phương pháp thổi ngạt (hô hấp nhân tạo).

- Đặt nạn nhân nằm ngửa, đầu nghiêng sang một bên; dùng một nút gạc chèn giữa 2 hàm răng (phía bên má) để miệng nạn nhân mở ra.

- Nới rộng quần áo, thắt lưng, cravat, áo lót phụ nữ; kê gối dưới vai để đầu ngửa ra phía sau (làm thông đường hô hấp)

- Người sơ cứu quỳ một bên ngang đầu nạn nhân, hoặc đứng nếu nạn nhân nằm trên giường; kiểm tra xem có vật dụng gì của nạn nhân làm ảnh hưởng đến hô hấp.

- Người sơ cứu hít vào thật sâu rồi áp miệng mình vào miệng nạn nhân và thổi mạnh, đồng thời với việc dùng tay bịt mũi nạn nhân và quan sát lồng ngực nạn nhân xem có phồng lên, xẹp xuống theo nhịp thổi không.

Nếu không thấy lồng ngực nạn nhân phồng lên khi thổi vào, phải kiểm tra lại tư thế của đầu và cằm, xem đường hô hấp. Quá trình cứ tiếp diễn như vậy cho đến khi kiểm tra, thấy nạn nhân có thể tự duy trì sự thở.

- Theo dõi sát mạch, nhịp thở và chăm sóc nạn nhân cho đến khi tình trạng ổn định.

6.3. Phối hợp ép tim và thổi ngạt:

- Để nạn nhân nằm ngửa đầu tối đa.

- Lấy chất bẩn, dãi, dị vật trong miệng nạn nhân ra ngoài.

- Dùng nắm đấm bàn tay đấm 5 lần vào giữa điểm 1/3 dưới xương ức với độ cao tay đấm 50 cm kết hợp với thổi ngạt 15-20 lần/phút

Nếu chỉ có 1 người: thổi ngạt 2 lần rồi ép tim 15 lần; thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần. Việc ép tim thực hiện với tần suất 80 lần/phút.

Nếu có 2 người: 1 người thổi ngạt, 1 người ép tim phổi hợp nhịp nhàng sao cho ép tim và thổi ngạt không được tiến hành cùng một lúc. Cứ 5 lần ép tim 1 lần thổi ngạt. Việc ép tim thực hiện với tần suất 60-80 lần/phút.



Nếu có 2 người: 1 người thổi ngạt, 1 người ép tim phổi hợp nhịp nhàng sao cho ép tim và thổi ngạt không được tiến hành cùng một lúc. Cứ 5 lần ép tim 1 lần thổi ngạt. Việc ép tim thực hiện với tần suất 60-80 lần/phút.



PHẦN II. BIỂN BÁO AN TOÀN VÀ QUY TẮC AN TOÀN CƠ BẢN

Chương I. Các loại biển báo an toàn

Biển báo an toàn là những biển cảnh báo dùng màu sắc, kí hiệu, ký tự để thể hiện ① cấm, ② cảnh cáo, ③ chỉ thị, ④ hướng dẫn nhằm yêu cầu sự chú ý để đảm bảo an toàn trong công việc.

Lắp đặt các biển báo an toàn để phòng ngừa trước tai nạn cho người lao động hoặc những người xung quanh và phải ghi bằng ký tự để có thể dễ dàng hiểu được nội dung.

I. Biển báo cấm:

Biển báo cấm dùng để hạn chế các hành vi đặc biệt, được thể hiện bằng hình tròn đỏ trên nền màu trắng có vạch gạch chéo góc 45 độ và nội dung cấm được ghi bằng màu đen ở giữa hình tròn.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Cấm ra vào		Được lắp đặt tại cửa ra vào nơi làm việc nguy hiểm hoặc gây hại dùng để hạn chế ra vào.
Cấm đi bộ		Lắp đặt và sử dụng tại nơi có trang thiết bị nặng hoặc nơi làm việc có bụi mà không được đi bộ.
Cấm xe		Lắp đặt tại nơi có nhiều người qua lại theo nhóm, nơi làm việc chật hẹp, nơi có chứa vật nguy hiểm để cấm xe cộ đi lại.

PHẦN II. BIỂN BÁO AN TOÀN VÀ QUY TẮC AN TOÀN CƠ BẢN

Chương I. Các loại biển báo an toàn

Biển báo an toàn là những biển cảnh báo dùng màu sắc, kí hiệu, ký tự để thể hiện ① cấm, ② cảnh cáo, ③ chỉ thị, ④ hướng dẫn nhằm yêu cầu sự chú ý để đảm bảo an toàn trong công việc.

Lắp đặt các biển báo an toàn để phòng ngừa trước tai nạn cho người lao động hoặc những người xung quanh và phải ghi bằng ký tự để có thể dễ dàng hiểu được nội dung.

I. Biển báo cấm:

Biển báo cấm dùng để hạn chế các hành vi đặc biệt, được thể hiện bằng hình tròn đỏ trên nền màu trắng có vạch gạch chéo góc 45 độ và nội dung cấm được ghi bằng màu đen ở giữa hình tròn.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Cấm ra vào		Được lắp đặt tại cửa ra vào nơi làm việc nguy hiểm hoặc gây hại dùng để hạn chế ra vào.
Cấm đi bộ		Lắp đặt và sử dụng tại nơi có trang thiết bị nặng hoặc nơi làm việc có bụi mà không được đi bộ.
Cấm xe		Lắp đặt tại nơi có nhiều người qua lại theo nhóm, nơi làm việc chật hẹp, nơi có chứa vật nguy hiểm để cấm xe cộ đi lại.

Cấm sử dụng		Sử dụng đối với máy móc hỏng hoặc đang sửa, lắp đặt tại nơi có vật gây nguy hại để cấm không cho sử dụng máy móc đó.
Cấm leo lên		Gắn vào xe đang tạm dừng, thang máy đang sửa, xe nâng tại nơi làm việc v.v... những thiết bị vận hành mà không được để người trèo lên.
Cấm hút thuốc		Lắp đặt ở nơi có vật nguy hiểm, nơi làm việc có chất dễ cháy hoặc nơi không được hút thuốc để cảnh báo cấm không được hút thuốc tại khu vực này.
Cấm lửa		Biển báo gắn ở nơi chứa vật nguy hiểm hoặc có chứa chất dễ gây cháy, nổ như khí ga, có nghĩa không được để gần nguồn lửa, bao gồm thuốc lá.
Cấm di chuyển vật		Biển báo cấm không được di chuyển vật dụng đã được sắp xếp hoặc không được di chuyển.

Cấm sử dụng		Sử dụng đối với máy móc hỏng hoặc đang sửa, lắp đặt tại nơi có vật gây nguy hại để cấm không cho sử dụng máy móc đó.
Cấm leo lên		Gắn vào xe đang tạm dừng, thang máy đang sửa, xe nâng tại nơi làm việc v.v... những thiết bị vận hành mà không được để người trèo lên.
Cấm hút thuốc		Lắp đặt ở nơi có vật nguy hiểm, nơi làm việc có chất dễ cháy hoặc nơi không được hút thuốc để cảnh báo cấm không được hút thuốc tại khu vực này.
Cấm lửa		Biển báo gắn ở nơi chứa vật nguy hiểm hoặc có chứa chất dễ gây cháy, nổ như khí ga, có nghĩa không được để gần nguồn lửa, bao gồm thuốc lá.
Cấm di chuyển vật		Biển báo cấm không được di chuyển vật dụng đã được sắp xếp hoặc không được di chuyển.

2. Biển báo nguy hiểm (cảnh báo):

Là biển báo nguy hiểm có viền màu đen hình tam giác trên nền màu vàng thể hiện nội dung cảnh báo bằng màu đen ở giữa hình tam giác. Nó có tính trực quan mô tả các mối nguy hiểm có thể xuất hiện.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Cảnh báo chất dễ cháy		Gắn vào nơi bảo quản và vận chuyển chất dễ cháy. Ý nghĩa: chú ý nơi có chất nguy hiểm cháy nổ.
Cảnh báo chất oxy hóa		Gắn vào nơi có chất oxy hóa như bồn chứa axit nitric, Ý nghĩa: cảnh báo nơi có chất oxy hóa.
Cảnh báo vật phát nổ		Gắn vào nơi có chất dễ phát nổ như mỏ khai thác quặng, công trường xây dựng,.. Ý nghĩa: chú ý khi ra vào do có chất phát nổ.
Cảnh báo chất độc hại		Gắn ở nơi lưu trữ, vận chuyển và vật chứa đựng chất độc như benzen, mangan, thuốc sát trùng,.. Ý nghĩa: chú ý khi sử dụng hoặc di chuyển các chất này.
Cảnh báo chất bào mòn		Gắn ở nơi lưu trữ chất có nguy cơ bào mòn thân thể hoặc vật thể, gồm có các chất như axit sulfuric, axit clohydric, chất kiềm, axeton v.v... Ý nghĩa: chú ý khi sử dụng và di chuyển các chất này.

2. Biển báo nguy hiểm (cảnh báo):

Là biển báo nguy hiểm có viền màu đen hình tam giác trên nền màu vàng thể hiện nội dung cảnh báo bằng màu đen ở giữa hình tam giác. Nó có tính trực quan mô tả các mối nguy hiểm có thể xuất hiện.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Cảnh báo chất dễ cháy		Gắn vào nơi bảo quản và vận chuyển chất dễ cháy. Ý nghĩa: chú ý nơi có chất nguy hiểm cháy nổ.
Cảnh báo chất oxy hóa		Gắn vào nơi có chất oxy hóa như bồn chứa axit nitric, Ý nghĩa: cảnh báo nơi có chất oxy hóa.
Cảnh báo vật phát nổ		Gắn vào nơi có chất dễ phát nổ như mỏ khai thác quặng, công trường xây dựng,.. Ý nghĩa: chú ý khi ra vào do có chất phát nổ.
Cảnh báo chất độc hại		Gắn ở nơi lưu trữ, vận chuyển và vật chứa đựng chất độc như benzen, mangan, thuốc sát trùng,.. Ý nghĩa: chú ý khi sử dụng hoặc di chuyển các chất này.
Cảnh báo chất bào mòn		Gắn ở nơi lưu trữ chất có nguy cơ bào mòn thân thể hoặc vật thể, gồm có các chất như axit sulfuric, axit clohydric, chất kiềm, axeton v.v... Ý nghĩa: chú ý khi sử dụng và di chuyển các chất này.

Cảnh báo chất phóng xạ		Biển báo gắn ở nơi có phát sinh tia phóng xạ hoặc nguyên tố đồng vị tia phóng xạ. Ý nghĩa: cần phải chú ý khi ra vào và sử dụng
Cảnh báo điện cao áp		Biển báo gắn ở nơi có nguy cơ điện giật, được sử dụng ở trạm phát điện và nơi có điện áp cao đi qua. Ý nghĩa: cần phải chú ý khi tiếp cận.
Cảnh báo vật treo		Biển báo được gắn ở nơi có vật treo như nơi làm việc có cần trục, công trình xây dựng nhà cao tầng, nơi bốc dỡ hàng hóa v.v... Ý nghĩa: chú ý phía trên khi đi lại.
Cảnh báo vật rơi		Biển báo gắn ở lối vào nơi có nguy cơ có vật rơi như đá, gạch v.v... Ý nghĩa: cần phải chú ý có vật rơi.
Cảnh báo chất gây hại		Biển báo được gắn ở nơi có phát sinh các chất độc hại cho cơ thể như chì, bụi v.v... Ý nghĩa: cần sử dụng mặt nạ.
Cảnh báo nơi nguy hiểm		Biển báo gắn ở nơi hoặc vật nguy hiểm không có trong các biển báo trên. Ý nghĩa: khu vực nguy hiểm, cần chú ý quan sát kỹ xung quanh.

Cảnh báo chất phóng xạ		Biển báo gắn ở nơi có phát sinh tia phóng xạ hoặc nguyên tố đồng vị tia phóng xạ. Ý nghĩa: cần phải chú ý khi ra vào và sử dụng
Cảnh báo điện cao áp		Biển báo gắn ở nơi có nguy cơ điện giật, được sử dụng ở trạm phát điện và nơi có điện áp cao đi qua. Ý nghĩa: cần phải chú ý khi tiếp cận.
Cảnh báo vật treo		Biển báo được gắn ở nơi có vật treo như nơi làm việc có cần trục, công trình xây dựng nhà cao tầng, nơi bốc dỡ hàng hóa v.v... Ý nghĩa: chú ý phía trên khi đi lại.
Cảnh báo vật rơi		Biển báo gắn ở lối vào nơi có nguy cơ có vật rơi như đá, gạch v.v... Ý nghĩa: cần phải chú ý có vật rơi.
Cảnh báo chất gây hại		Biển báo được gắn ở nơi có phát sinh các chất độc hại cho cơ thể như chì, bụi v.v... Ý nghĩa: cần sử dụng mặt nạ.
Cảnh báo nơi nguy hiểm		Biển báo gắn ở nơi hoặc vật nguy hiểm không có trong các biển báo trên. Ý nghĩa: khu vực nguy hiểm, cần chú ý quan sát kỹ xung quanh.

3. Biển báo chỉ thị (bắt buộc thực hiện):

Thường có hình tròn nền màu xanh lam nhạt, bên trong là hình ảnh màu trắng có tính trực quan mô tả điều bắt buộc phải thực hiện đối với người làm việc trên công trường.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Đeo kính bảo hộ		Nơi làm việc có nguy cơ bị dị vật bay vào mắt, như các việc nghiền, mài,.. nên cần đeo kính bảo hộ khi làm việc.
Đeo mặt nạ chống độc		Gắn ở nơi phải đeo mặt nạ chống độc khi ra vào; sử dụng khi đã nắm rõ phương pháp.
Đeo mặt nạ chống bụi		Biển báo được sử dụng ở nơi làm việc phát sinh lượng bụi lớn, có thể gây ảnh hưởng đến cơ quan hô hấp; Cần phải đeo mặt nạ chống bụi.
Đeo mặt nạ bảo vệ mắt		Biển báo chủ yếu được gắn ở lối vào phòng làm hàn, nơi có ánh sáng mạnh. Cần phải đeo mặt nạ bảo vệ mắt khi vào.

3. Biển báo chỉ thị (bắt buộc thực hiện):

Thường có hình tròn nền màu xanh lam nhạt, bên trong là hình ảnh màu trắng có tính trực quan mô tả điều bắt buộc phải thực hiện đối với người làm việc trên công trường.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Đeo kính bảo hộ		Nơi làm việc có nguy cơ bị dị vật bay vào mắt, như các việc nghiền, mài,.. nên cần đeo kính bảo hộ khi làm việc.
Đeo mặt nạ chống độc		Gắn ở nơi phải đeo mặt nạ chống độc khi ra vào; sử dụng khi đã nắm rõ phương pháp.
Đeo mặt nạ chống bụi		Biển báo được sử dụng ở nơi làm việc phát sinh lượng bụi lớn, có thể gây ảnh hưởng đến cơ quan hô hấp; Cần phải đeo mặt nạ chống bụi.
Đeo mặt nạ bảo vệ mắt		Biển báo chủ yếu được gắn ở lối vào phòng làm hàn, nơi có ánh sáng mạnh. Cần phải đeo mặt nạ bảo vệ mắt khi vào.

Đội mũ bảo hộ		Được gắn ở hầm mỏ hoặc nơi có nguy hiểm, có vật rơi; cần phải đội mũ bảo hộ khi vào.
귀덮개 착용 Đeo bịt tai		Biển báo được gắn ở nơi phát sinh tiếng ồn như công xưởng kim loại, có thể giảm thính lực hoặc bị bệnh về thần kinh do tiếng ồn nếu làm việc trong thời gian dài. Cần sử dụng bịt tai để bảo hộ.
Đi giày bảo hộ		Được gắn ở nơi khai thác than đá, nơi làm việc có vật nặng, khi làm việc phải đi giày bảo hộ.
Đeo găng tay bảo hộ		Khi di chuyển vật có nhiệt độ cao hoặc nhiệt độ thấp có nguy cơ gây bỏng hoặc bị thương; cần phải đeo găng tay bảo hộ.
Mặc quần áo bảo hộ		Gắn ở các nơi như lò luyện kim, công xưởng đông lạnh v.v... khi làm việc phải mặc quần áo chống nhiệt và quần áo chống lạnh.

Đội mũ bảo hộ		Được gắn ở hầm mỏ hoặc nơi có nguy hiểm, có vật rơi; cần phải đội mũ bảo hộ khi vào.
귀덮개 착용 Đeo bịt tai		Biển báo được gắn ở nơi phát sinh tiếng ồn như công xưởng kim loại, có thể giảm thính lực hoặc bị bệnh về thần kinh do tiếng ồn nếu làm việc trong thời gian dài. Cần sử dụng bịt tai để bảo hộ.
Đi giày bảo hộ		Được gắn ở nơi khai thác than đá, nơi làm việc có vật nặng, khi làm việc phải đi giày bảo hộ.
Đeo găng tay bảo hộ		Khi di chuyển vật có nhiệt độ cao hoặc nhiệt độ thấp có nguy cơ gây bỏng hoặc bị thương; cần phải đeo găng tay bảo hộ.
Mặc quần áo bảo hộ		Gắn ở các nơi như lò luyện kim, công xưởng đông lạnh v.v... khi làm việc phải mặc quần áo chống nhiệt và quần áo chống lạnh.

4. Biển báo nhắc nhở và hướng dẫn:

Thường có hình chữ nhật trên nền xanh lá cây, xanh lam nhạt hoặc màu đỏ. Trên biển báo có ghi những điều nhắc nhở hoặc hướng dẫn những người làm việc trên công trường thực hiện tốt các biện pháp về an toàn lao động.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Biển báo chữ thập màu xanh		Biển báo được gắn ở các nơi cần khuyến khích ý thức an toàn và được sử dụng rộng rãi.
Biển báo cứu hộ khẩn cấp		Là biển báo cho biết địa điểm có thiết bị cứu hộ khẩn cấp, được gắn ở cửa ra vào trạm y tế, phòng cấp cứu,.
Cáng		Là biển báo cho biết nơi có chứa cáng cứu hộ, được gắn ở cửa ra vào phòng vệ sinh, cấp cứu,.
Thiết bị rửa mắt		Là biển báo cho biết nơi có thể rửa mắt, không được sử dụng với mục đích khác như đồ dùng vệ sinh, đồ lau dọn v.v....
Cửa thoát hiểm		Là biển báo cho biết lối thoát hiểm dự phòng giúp thoát khỏi nơi nguy hiểm một cách nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp; cửa thoát hiểm phía bên trái hoặc cửa thoát hiểm phía bên phải.

4. Biển báo nhắc nhở và hướng dẫn:

Thường có hình chữ nhật trên nền xanh lá cây, xanh lam nhạt hoặc màu đỏ. Trên biển báo có ghi những điều nhắc nhở hoặc hướng dẫn những người làm việc trên công trường thực hiện tốt các biện pháp về an toàn lao động.

Phân loại	Biển báo	Giải thích
Biển báo chữ thập màu xanh		Biển báo được gắn ở các nơi cần khuyến khích ý thức an toàn và được sử dụng rộng rãi.
Biển báo cứu hộ khẩn cấp		Là biển báo cho biết địa điểm có thiết bị cứu hộ khẩn cấp, được gắn ở cửa ra vào trạm y tế, phòng cấp cứu,.
Cáng		Là biển báo cho biết nơi có chứa cáng cứu hộ, được gắn ở cửa ra vào phòng vệ sinh, cấp cứu,.
Thiết bị rửa mắt		Là biển báo cho biết nơi có thể rửa mắt, không được sử dụng với mục đích khác như đồ dùng vệ sinh, đồ lau dọn v.v....
Cửa thoát hiểm		Là biển báo cho biết lối thoát hiểm dự phòng giúp thoát khỏi nơi nguy hiểm một cách nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp; cửa thoát hiểm phía bên trái hoặc cửa thoát hiểm phía bên phải.

II. Quy tắc an toàn cơ bản (các hạng mục người lao động cần tuân thủ)

Quy tắc an toàn là các hạng mục mà người lao động và chủ sử dụng lao động phải tuân thủ tại nơi làm việc gồm 11 quy tắc an toàn cơ bản đã được thống nhất của người lao động, chủ sử dụng lao động và chính phủ.

1. Kiểm tra an toàn trước khi làm việc và sắp xếp chĩnh đôn trong khi làm việc

Là việc kiểm tra trước xem các loại máy móc, công cụ làm việc có điều bất thường hay không, có các yếu tố có hại, nguy hiểm không để có biện pháp phòng ngừa.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Chọn ra công việc là đối tượng cần kiểm tra an toàn và sắp xếp; ☐ Tạo lập bảng kiểm tra, nhãn, biển báo “đang kiểm tra an toàn”; ☐ Chỉ định nơi cất hộp công cụ; ☐ Thực hiện việc đào tạo về hiệu lệnh kiểm tra, chu kì kiểm tra, v.v... ☐ Cải thiện các hạng mục còn thiếu sót trong kết quả kiểm tra, sắp xếp.	☐ Khi phát hiện điểm bất thường trong kết quả kiểm tra cần báo cáo với người giám sát và yêu cầu xử lý; ☐ Khi kiểm tra và sắp xếp chĩnh đôn cần tuân thủ các hạng mục an toàn, vệ sinh lao động.

II. Quy tắc an toàn cơ bản (các hạng mục người lao động cần tuân thủ)

Quy tắc an toàn là các hạng mục mà người lao động và chủ sử dụng lao động phải tuân thủ tại nơi làm việc gồm 11 quy tắc an toàn cơ bản đã được thống nhất của người lao động, chủ sử dụng lao động và chính phủ.

1. Kiểm tra an toàn trước khi làm việc và sắp xếp chĩnh đôn trong khi làm việc

Là việc kiểm tra trước xem các loại máy móc, công cụ làm việc có điều bất thường hay không, có các yếu tố có hại, nguy hiểm không để có biện pháp phòng ngừa.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Chọn ra công việc là đối tượng cần kiểm tra an toàn và sắp xếp; ☐ Tạo lập bảng kiểm tra, nhãn, biển báo “đang kiểm tra an toàn”; ☐ Chỉ định nơi cất hộp công cụ; ☐ Thực hiện việc đào tạo về hiệu lệnh kiểm tra, chu kì kiểm tra, v.v... ☐ Cải thiện các hạng mục còn thiếu sót trong kết quả kiểm tra, sắp xếp.	☐ Khi phát hiện điểm bất thường trong kết quả kiểm tra cần báo cáo với người giám sát và yêu cầu xử lý; ☐ Khi kiểm tra và sắp xếp chĩnh đôn cần tuân thủ các hạng mục an toàn, vệ sinh lao động.

2. Mặc trang thiết bị bảo hộ cá nhân:

Việc mặc trang thiết bị bảo hộ cá nhân là phương pháp tối thiểu để ngăn ngừa tai nạn giúp bảo vệ tính mạng và thân thể của người lao động, giúp giảm nhẹ mức độ của tai nạn v.v.. nên mặc trang thiết bị bảo hộ khi làm việc là cần thiết.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Thực hiện đào tạo về cách mặc trang thiết bị bảo hộ; ☐ Lập tức thay đổi khi có hỏng hóc hoặc khi có yêu cầu đổi của người lao động.	☐ Thực hiện kiểm tra an toàn và sắp xếp chỉnh đốn theo hiệu lệnh kiểm tra và bảng kiểm tra; ☐ Khi phát hiện kết quả kiểm tra có điều bất thường báo cáo với người giám sát và yêu cầu xử lý; ☐ Khi kiểm tra và sắp xếp chỉnh đốn cần tuân thủ các hạng mục an toàn, vệ sinh.

3. Đảm bảo lối đi an toàn ở nơi làm việc:

Việc đảm bảo lối đi an toàn khi làm việc không chỉ bảo vệ người qua lại mà còn tạo ra môi trường làm việc thoải mái và góp phần đảm bảo công việc tiến hành thuận lợi, nên cần phải đảm bảo lối đi an toàn.

2. Mặc trang thiết bị bảo hộ cá nhân:

Việc mặc trang thiết bị bảo hộ cá nhân là phương pháp tối thiểu để ngăn ngừa tai nạn giúp bảo vệ tính mạng và thân thể của người lao động, giúp giảm nhẹ mức độ của tai nạn v.v.. nên mặc trang thiết bị bảo hộ khi làm việc là cần thiết.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Thực hiện đào tạo về cách mặc trang thiết bị bảo hộ; ☐ Lập tức thay đổi khi có hỏng hóc hoặc khi có yêu cầu đổi của người lao động.	☐ Thực hiện kiểm tra an toàn và sắp xếp chỉnh đốn theo hiệu lệnh kiểm tra và bảng kiểm tra; ☐ Khi phát hiện kết quả kiểm tra có điều bất thường báo cáo với người giám sát và yêu cầu xử lý; ☐ Khi kiểm tra và sắp xếp chỉnh đốn cần tuân thủ các hạng mục an toàn, vệ sinh.

3. Đảm bảo lối đi an toàn ở nơi làm việc:

Việc đảm bảo lối đi an toàn khi làm việc không chỉ bảo vệ người qua lại mà còn tạo ra môi trường làm việc thoải mái và góp phần đảm bảo công việc tiến hành thuận lợi, nên cần phải đảm bảo lối đi an toàn.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Đảm bảo, duy trì và kiểm tra, quản lý lối đi an toàn; ☐ Lắp đặt thiết bị chiếu sáng, lấy ánh sáng tại lối đi an toàn; ☐ Lắp đặt biển báo lối đi tại các điểm quan trọng của lối đi; ☐ Che, đậy các máy móc, công cụ, vật nguy hiểm bên cạnh lối đi và thực hiện các biện pháp an toàn khác.	☐ Sử dụng lối đi an toàn khi đi lại tại nơi làm việc; ☐ Báo cáo về tình hình nguy hiểm của các chướng ngại vật trong lối đi an toàn.

4. Lắp đặt biển cảnh báo chất hóa học có hại, nguy hiểm:

Tạo ra nhận thức trước đó về sự nguy hại và nguy hiểm của chất hóa học để phòng ngừa tai nạn khi sử dụng, di chuyển.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Gắn biển cảnh báo chất hóa học gây hại, nguy hiểm vào các thùng chứa; ☐ Thực hiện giáo dục về sự nguy hại của chất hóa học.	☐ Nắm rõ nội dung biển cảnh báo; ☐ Thực hiện các điểm cần lưu ý khi di chuyển chất hóa học gây hại, nguy hiểm.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Đảm bảo, duy trì và kiểm tra, quản lý lối đi an toàn; ☐ Lắp đặt thiết bị chiếu sáng, lấy ánh sáng tại lối đi an toàn; ☐ Lắp đặt biển báo lối đi tại các điểm quan trọng của lối đi; ☐ Che, đậy các máy móc, công cụ, vật nguy hiểm bên cạnh lối đi và thực hiện các biện pháp an toàn khác.	☐ Sử dụng lối đi an toàn khi đi lại tại nơi làm việc; ☐ Báo cáo về tình hình nguy hiểm của các chướng ngại vật trong lối đi an toàn.

4. Lắp đặt biển cảnh báo chất hóa học có hại, nguy hiểm:

Tạo ra nhận thức trước đó về sự nguy hại và nguy hiểm của chất hóa học để phòng ngừa tai nạn khi sử dụng, di chuyển.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Gắn biển cảnh báo chất hóa học gây hại, nguy hiểm vào các thùng chứa; ☐ Thực hiện giáo dục về sự nguy hại của chất hóa học.	☐ Nắm rõ nội dung biển cảnh báo; ☐ Thực hiện các điểm cần lưu ý khi di chuyển chất hóa học gây hại, nguy hiểm.

5. Gắn thiết bị khóa và biển báo khi bảo trì máy móc, thiết bị:

Trong khi thực hiện việc bảo trì các loại máy móc, thiết bị mà không dừng máy hoặc trong lúc dừng máy mà có người lao động khác khởi động máy móc, thiết bị đang được bảo trì thì dễ gây ra tai nạn; vì vậy cần phải gắn các biển cảnh báo cho biết máy móc, thiết bị đang được khóa để bảo trì và phòng ngừa tai nạn liên quan.

Nội dung chủ sử dụng lao động thực hiện	Nội dung người lao động thực hiện
☐ Chỉ định các máy móc, thiết bị và công việc cần phải lắp đặt thiết bị khóa và biển cảnh báo; ☐ Lập hướng dẫn thao tác an toàn khi bảo trì và đào tạo người lao động; ☐ Thực hiện bảo trì, lau chùi máy móc, thiết bị; ☐ Khi tiến hành việc bảo trì phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa như lắp đặt thiết bị khóa, quản lý riêng chìa khóa, lắp đặt biển cảnh báo,...	☐ Tiến hành bảo trì và lau chùi máy móc sau khi đã khóa thiết bị và lắp đặt biển cảnh báo; ☐ Tuân thủ các nội dung giám sát chỉ đạo của người chịu trách nhiệm khi tiến hành việc bảo trì; ☐ Khi khóa thiết bị bằng khóa, người chịu trách nhiệm thực hiện bảo trì bảo quản chìa khóa; ☐ Kiểm tra có người lao động khác ở trong không trước khi mở lại máy.

6. Lắp đặt thiết bị bảo hộ cho máy ép, máy cắt, thùng áp lực, cưa đĩa:

Các tai nạn như bị cắt, va chạm vào các thiết bị, máy móc nguy hiểm như máy ép, máy cắt, thùng áp lực, cưa máy,... rất thường xảy ra. Lắp đặt thiết bị bảo hộ cho các loại máy trên giúp ngăn ngừa việc các bộ phận của cơ thể bị vướng vào phần nguy hiểm của thiết bị, máy móc và ngăn chặn trước những nguy hiểm do vận hành sai.

5. Gắn thiết bị khóa và biển báo khi bảo trì máy móc, thiết bị:

Trong khi thực hiện việc bảo trì các loại máy móc, thiết bị mà không dừng máy hoặc trong lúc dừng máy mà có người lao động khác khởi động máy móc, thiết bị đang được bảo trì thì dễ gây ra tai nạn; vì vậy cần phải gắn các biển cảnh báo cho biết máy móc, thiết bị đang được khóa để bảo trì và phòng ngừa tai nạn liên quan.

Nội dung chủ sử dụng lao động thực hiện	Nội dung người lao động thực hiện
☐ Chỉ định các máy móc, thiết bị và công việc cần phải lắp đặt thiết bị khóa và biển cảnh báo; ☐ Lập hướng dẫn thao tác an toàn khi bảo trì và đào tạo người lao động; ☐ Thực hiện bảo trì, lau chùi máy móc, thiết bị; ☐ Khi tiến hành việc bảo trì phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa như lắp đặt thiết bị khóa, quản lý riêng chìa khóa, lắp đặt biển cảnh báo,...	☐ Tiến hành bảo trì và lau chùi máy móc sau khi đã khóa thiết bị và lắp đặt biển cảnh báo; ☐ Tuân thủ các nội dung giám sát chỉ đạo của người chịu trách nhiệm khi tiến hành việc bảo trì; ☐ Khi khóa thiết bị bằng khóa, người chịu trách nhiệm thực hiện bảo trì bảo quản chìa khóa; ☐ Kiểm tra có người lao động khác ở trong không trước khi mở lại máy.

6. Lắp đặt thiết bị bảo hộ cho máy ép, máy cắt, thùng áp lực, cưa đĩa:

Các tai nạn như bị cắt, va chạm vào các thiết bị, máy móc nguy hiểm như máy ép, máy cắt, thùng áp lực, cưa máy,... rất thường xảy ra. Lắp đặt thiết bị bảo hộ cho các loại máy trên giúp ngăn ngừa việc các bộ phận của cơ thể bị vướng vào phần nguy hiểm của thiết bị, máy móc và ngăn chặn trước những nguy hiểm do vận hành sai.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Lựa chọn, mua các thiết bị bảo hộ thích hợp đáp ứng tiêu chuẩn kiểm tra. ☐ Thực hiện giáo dục người lao động về lắp đặt thiết bị bảo hộ và phương pháp sử dụng. ☐ Chỉ định người quản lý thiết bị và thiết bị bảo hộ. ☐ Tiến hành tự kiểm tra thiết bị bảo hộ và bảo trì, sửa chữa. ☐ Ngay lập tức thay thế nếu có phát sinh hỏng hóc hoặc khi người lao động yêu cầu thay đổi.	☐ Vận hành thử thiết bị bảo hộ trước, sau khi thao tác và kiểm tra có điều bất thường không. ☐ Khi phát hiện hỏng hóc phải lập tức báo cáo người giám sát và yêu cầu chỉ đạo thay thế. ☐ Kiểm tra tình trạng, chức năng của thiết bị bảo hộ rồi mới bàn giao cho người kế nhiệm.

7. Sử dụng thiết bị bảo hộ cách điện khi thao tác với dây có dẫn điện:

Khi vận hành các thiết bị điện nếu phải thực hiện thao tác với dây có dẫn điện, trong trường hợp lửa hồ quang do ngắn mạch tiếp địa và cao áp đặc biệt gây ra tia lửa điện chớp nhoáng làm phát sinh sự cố điện v.v... Vì vậy cần sử dụng đồ bảo hộ, thiết bị bảo hộ cách điện để ngăn ngừa tai nạn điện giật.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Lựa chọn, mua các thiết bị bảo hộ thích hợp đáp ứng tiêu chuẩn kiểm tra. ☐ Thực hiện giáo dục người lao động về lắp đặt thiết bị bảo hộ và phương pháp sử dụng. ☐ Chỉ định người quản lý thiết bị và thiết bị bảo hộ. ☐ Tiến hành tự kiểm tra thiết bị bảo hộ và bảo trì, sửa chữa. ☐ Ngay lập tức thay thế nếu có phát sinh hỏng hóc hoặc khi người lao động yêu cầu thay đổi.	☐ Vận hành thử thiết bị bảo hộ trước, sau khi thao tác và kiểm tra có điều bất thường không. ☐ Khi phát hiện hỏng hóc phải lập tức báo cáo người giám sát và yêu cầu chỉ đạo thay thế. ☐ Kiểm tra tình trạng, chức năng của thiết bị bảo hộ rồi mới bàn giao cho người kế nhiệm.

7. Sử dụng thiết bị bảo hộ cách điện khi thao tác với dây có dẫn điện:

Khi vận hành các thiết bị điện nếu phải thực hiện thao tác với dây có dẫn điện, trong trường hợp lửa hồ quang do ngắn mạch tiếp địa và cao áp đặc biệt gây ra tia lửa điện chớp nhoáng làm phát sinh sự cố điện v.v... Vì vậy cần sử dụng đồ bảo hộ, thiết bị bảo hộ cách điện để ngăn ngừa tai nạn điện giật.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Mua và sử dụng đồ bảo hộ thích hợp, đạt tiêu chuẩn kiểm định; ☐ Thực hiện giáo dục về cách sử dụng đồ bảo hộ; ☐ Sau khi đã mở đường điện, lúc thao tác cần kiểm tra xem điện có vào không và có tiếp đất đoạn mạch hay không (chập điện). ☐ Kiểm tra xem có sự tiếp đất của các máy móc, thiết bị có nguồn điện trực tiếp. ☐ Kiểm tra thiết bị bảo hộ, tự kiểm tra tiếp đất; thay đổi, cải thiện khi phát hiện hỏng hóc.	☐ Chỉ thao tác đường dẫn điện sau khi đã mặc, lắp đặt thiết bị bảo hộ; ☐ Báo với người giám sát khi phát hiện có hỏng hóc và yêu cầu thay hoặc chỉ đạo thực hiện; ☐ Sau khi đã mở đường điện, lúc thao tác cần kiểm tra xem điện có vào không và có tiếp đất đoạn mạch hay không (chập điện). ☐ Kiểm tra xem có sự tiếp đất của các máy móc, thiết bị có nguồn điện trực tiếp.

8. Lắp đặt lan can an toàn, che đậy cửa thăm khi thao tác trên cao:

Chỉ cần thực hiện những hành động đơn giản như lắp lan can an toàn hay che chắn các cửa ngõ là có thể ngăn ngừa được tai nạn ngã từ trên cao. Vì vậy, nếu phải làm việc ở trên cao thì cần phải lắp đặt lan can an toàn và che chắn cửa ngõ.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Mua và sử dụng đồ bảo hộ thích hợp, đạt tiêu chuẩn kiểm định; ☐ Thực hiện giáo dục về cách sử dụng đồ bảo hộ; ☐ Sau khi đã mở đường điện, lúc thao tác cần kiểm tra xem điện có vào không và có tiếp đất đoạn mạch hay không (chập điện). ☐ Kiểm tra xem có sự tiếp đất của các máy móc, thiết bị có nguồn điện trực tiếp. ☐ Kiểm tra thiết bị bảo hộ, tự kiểm tra tiếp đất; thay đổi, cải thiện khi phát hiện hỏng hóc.	☐ Chỉ thao tác đường dẫn điện sau khi đã mặc, lắp đặt thiết bị bảo hộ; ☐ Báo với người giám sát khi phát hiện có hỏng hóc và yêu cầu thay hoặc chỉ đạo thực hiện; ☐ Sau khi đã mở đường điện, lúc thao tác cần kiểm tra xem điện có vào không và có tiếp đất đoạn mạch hay không (chập điện). ☐ Kiểm tra xem có sự tiếp đất của các máy móc, thiết bị có nguồn điện trực tiếp.

8. Lắp đặt lan can an toàn, che đậy cửa thăm khi thao tác trên cao:

Chỉ cần thực hiện những hành động đơn giản như lắp lan can an toàn hay che chắn các cửa ngõ là có thể ngăn ngừa được tai nạn ngã từ trên cao. Vì vậy, nếu phải làm việc ở trên cao thì cần phải lắp đặt lan can an toàn và che chắn cửa ngõ.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Lắp đặt, duy trì quản lý lan can an toàn, kiên cố ở cửa thăm phía mặt bên; ☐ Lắp đặt, duy trì quản lý vật che đậy kiên cố ở cửa thăm dưới mặt đất.	☐ Cấm không được tự ý dỡ lan can an toàn, ở cửa thăm bên cạnh, vật che chắn cửa thăm dưới sàn; ☐ Khi thao tác xung quanh cửa thăm cần đeo dây bảo hộ và đội mũ bảo hộ.

9. Lắp đặt lưới an toàn tiêu chuẩn ngăn ngừa sự cố ngã từ trên cao:

Khi thi công công trình xây dựng, nếu khó lắp đặt giá đỡ, lan can an toàn thì việc lắp đặt lưới an toàn rất quan trọng, đặc biệt đối với thi công lắp đặt cốt thép, rất khó trong việc lắp đặt giàn giáo nên cần thiết phải lắp đặt lưới an toàn.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Trong trường hợp khó lắp đặt giàn giáo thì phải lắp đặt lưới an toàn để ngăn ngừa sự cố ngã từ trên cao; ☐ Kiểm tra lưới an toàn có bị hỏng và tiến hành duy trì, bảo trì.	☐ Cấm không được tự ý tháo dỡ hoặc làm hỏng lưới an toàn; ☐ Yêu cầu lắp đặt lưới an toàn hoặc thiết bị gắn giàn giáo ở những nơi có nguy hiểm sự cố ngã từ trên cao; ☐ Mặc đồ bảo hộ cá nhân.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Lắp đặt, duy trì quản lý lan can an toàn, kiên cố ở cửa thăm phía mặt bên; ☐ Lắp đặt, duy trì quản lý vật che đậy kiên cố ở cửa thăm dưới mặt đất.	☐ Cấm không được tự ý dỡ lan can an toàn, ở cửa thăm bên cạnh, vật che chắn cửa thăm dưới sàn; ☐ Khi thao tác xung quanh cửa thăm cần đeo dây bảo hộ và đội mũ bảo hộ.

9. Lắp đặt lưới an toàn tiêu chuẩn ngăn ngừa sự cố ngã từ trên cao:

Khi thi công công trình xây dựng, nếu khó lắp đặt giá đỡ, lan can an toàn thì việc lắp đặt lưới an toàn rất quan trọng, đặc biệt đối với thi công lắp đặt cốt thép, rất khó trong việc lắp đặt giàn giáo nên cần thiết phải lắp đặt lưới an toàn.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Trong trường hợp khó lắp đặt giàn giáo thì phải lắp đặt lưới an toàn để ngăn ngừa sự cố ngã từ trên cao; ☐ Kiểm tra lưới an toàn có bị hỏng và tiến hành duy trì, bảo trì.	☐ Cấm không được tự ý tháo dỡ hoặc làm hỏng lưới an toàn; ☐ Yêu cầu lắp đặt lưới an toàn hoặc thiết bị gắn giàn giáo ở những nơi có nguy hiểm sự cố ngã từ trên cao; ☐ Mặc đồ bảo hộ cá nhân.

10. Cách ly vật dễ cháy nổ khi hàn điện:

Khi thao tác với máy hàn, luôn có mối nguy hiểm cháy, nổ lớn do tia lửa, tàn lửa hàn nên cần phải kiểm tra có các chất dễ cháy, chất gây cháy ở xung quanh nơi làm việc không; chỉ cần cách ly các vật đó là có thể ngăn ngừa tai nạn.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Thiếp lập, chuẩn bị Bảng hướng dẫn an toàn đối với hóa chất và tiến hành đào tạo; ☐ Chuẩn bị nơi bảo quản, cách ly chất hóa học dễ gây cháy, nổ; ☐ Chỉ định người phụ trách an toàn khi thao tác với lửa; ☐ Cấm lửa ở nơi có chứa chất dễ gây cháy, nổ; ☐ Lắp đặt trang thiết bị cứu hỏa.	☐ Thực hiện thao tác sau khi được phê duyệt giấy phép thao tác; ☐ Nắm rõ và thành thạo hiệu lệnh thao tác an toàn; ☐ Cấm không được tự ý thao tác ngoài giấy phép thao tác; ☐ Gắn biển cảnh báo và cảnh báo không để người không có phận sự ra vào khi thao tác với lửa.

11. Đo nồng độ oxy trước khi thao tác trong không gian kín

Khi thao tác trong không gian kín như hầm mỏ, hố ga, hầm chứa, thùng chứa, đường ống nước v.v... việc thiếu oxy có thể gây ra sự cố lớn, nên trước khi thao tác cần phải đo nồng độ oxy, mặc thiết bị bảo hộ để ngăn ngừa sự cố gây tử vong.

10. Cách ly vật dễ cháy nổ khi hàn điện:

Khi thao tác với máy hàn, luôn có mối nguy hiểm cháy, nổ lớn do tia lửa, tàn lửa hàn nên cần phải kiểm tra có các chất dễ cháy, chất gây cháy ở xung quanh nơi làm việc không; chỉ cần cách ly các vật đó là có thể ngăn ngừa tai nạn.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Thiếp lập, chuẩn bị Bảng hướng dẫn an toàn đối với hóa chất và tiến hành đào tạo; ☐ Chuẩn bị nơi bảo quản, cách ly chất hóa học dễ gây cháy, nổ; ☐ Chỉ định người phụ trách an toàn khi thao tác với lửa; ☐ Cấm lửa ở nơi có chứa chất dễ gây cháy, nổ; ☐ Lắp đặt trang thiết bị cứu hỏa.	☐ Thực hiện thao tác sau khi được phê duyệt giấy phép thao tác; ☐ Nắm rõ và thành thạo hiệu lệnh thao tác an toàn; ☐ Cấm không được tự ý thao tác ngoài giấy phép thao tác; ☐ Gắn biển cảnh báo và cảnh báo không để người không có phận sự ra vào khi thao tác với lửa.

11. Đo nồng độ oxy trước khi thao tác trong không gian kín

Khi thao tác trong không gian kín như hầm mỏ, hồ ga, hầm chứa, thùng chứa, đường ống nước v.v... việc thiếu oxy có thể gây ra sự cố lớn, nên trước khi thao tác cần phải đo nồng độ oxy, mặc thiết bị bảo hộ để ngăn ngừa sự cố gây tử vong.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Trước khi thao tác tại nơi có nguy cơ thiếu khí oxy như giếng, hố ga, thùng chứa, bể phốt, hầm chứa, bên trong lò hơi v.v... cần đo nồng độ oxy và tiến hành lưu thông không khí để nồng độ oxy trên 18% và chuẩn bị sẵn thiết bị cứu hộ đề phòng trường hợp khẩn cấp; ☐ Trong trường hợp nồng độ khí oxy trong không gian kín dưới 18% cần chỉ đạo mặc thiết bị bảo hộ khi làm việc.	☐ Người lao động tuân thủ các nguyên tắc an toàn thao tác như đo nồng độ oxy trước khi thao tác và kiểm tra việc duy trì nồng độ oxy trên 18%; * Khi nồng độ oxy dưới 18% thì cần tiến hành đeo mặt nạ dưỡng khí; ☐ Đeo thiết bị bảo hộ đường hô hấp và thao tác tuân thủ theo nguyên tắc an toàn lao động.

Chủ sử dụng lao động thực hiện	Người lao động thực hiện
☐ Trước khi thao tác tại nơi có nguy cơ thiếu khí oxy như giếng, hố ga, thùng chứa, bể phốt, hầm chứa, bên trong lò hơi v.v... cần đo nồng độ oxy và tiến hành lưu thông không khí để nồng độ oxy trên 18% và chuẩn bị sẵn thiết bị cứu hộ đề phòng trường hợp khẩn cấp; ☐ Trong trường hợp nồng độ khí oxy trong không gian kín dưới 18% cần chỉ đạo mặc thiết bị bảo hộ khi làm việc.	☐ Người lao động tuân thủ các nguyên tắc an toàn thao tác như đo nồng độ oxy trước khi thao tác và kiểm tra việc duy trì nồng độ oxy trên 18%; * Khi nồng độ oxy dưới 18% thì cần tiến hành đeo mặt nạ dưỡng khí; ☐ Đeo thiết bị bảo hộ đường hô hấp và thao tác tuân thủ theo nguyên tắc an toàn lao động.

PHẦN III: AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO NGÀNH

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành sản xuất chế tạo

I. An toàn lao động khi làm việc với máy khoan

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy khoan:

- Phôi khoan sắc, nóng có thể cứa **PB32** đứt tay chân; phôi vụn có thể bắn vào mắt hoặc hệ hô hấp.
- Vật gia công do kẹp không chặt có thể văng bắn vào người.
- Mũi khoan bị kẹt trong lỗ gia công dẫn đến gãy mũi khoan, gây tai nạn.
- Mũi khoan bị văng ra do khoan không đúng tâm.



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy khoan:

Khi làm việc với máy khoan, người lao động cần thực hiện theo quy tắc an toàn sau:

- Không được dùng găng tay vì có thể bị cuốn vào khoan.
- Không dùng tay không để gỡ phôi khỏi mũi khoan mà phải sử dụng móc, bàn chải gỡ phôi.
- Không được dùng tay để giữ vật gia công.
- Phải khoan mỗi trước để định vị mũi khoan cho chính xác.
- Khi cần phải khoan lỗ lớn, nhất thiết phải khoan nhiều lần từ mũi khoan nhỏ đến mũi khoan lớn.
- Không được khoan quá công suất của máy và đường kính tối đa của mũi khoan cho phép.
- Phải sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân: kính số 0, mũ, khẩu trang, quần áo gọn gàng, giày.

PHẦN III: AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO NGÀNH

Chương 1. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành sản xuất chế tạo

I. An toàn lao động khi làm việc với máy khoan

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy khoan:

- Phôi khoan sắc, nóng có thể cứa **PB32** đứt tay chân; phôi vụn có thể bắn vào mắt hoặc hệ hô hấp.

- Vật gia công do kẹp không chặt có thể văng bắn vào người.

- Mũi khoan bị kẹt trong lỗ gia công dẫn đến gãy mũi khoan, gây tai nạn.

- Mũi khoan bị văng ra do khoan không đúng tâm.



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy khoan:

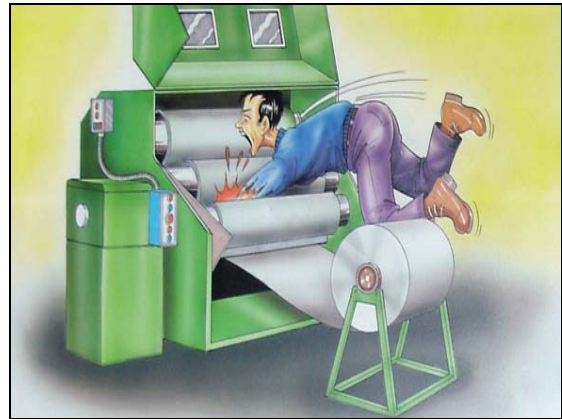
Khi làm việc với máy khoan, người lao động cần thực hiện theo quy tắc an toàn sau:

- Không được dùng găng tay vì có thể bị cuốn vào khoan.
- Không dùng tay không để gỡ phôi khỏi mũi khoan mà phải sử dụng móc, bàn chải gỡ phôi.
- Không được dùng tay để giữ vật gia công.
- Phải khoan mỗi trước để định vị mũi khoan cho chính xác.
- Khi cần phải khoan lỗ lớn, nhất thiết phải khoan nhiều lần từ mũi khoan nhỏ đến mũi khoan lớn.
- Không được khoan quá công suất của máy và đường kính tối đa của mũi khoan cho phép.
- Phải sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân: kính số 0, mũ, khẩu trang, quần áo gọn gàng, giày.

II. An toàn lao động khi làm việc với máy cán, máy ép

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy cán, máy ép

- Phôi văng bắn vào người; ba-via văng bắn vào người, vào mắt;
- Do phôi nặng, công kênh, nên tay cầm không chắc, hoặc do bắt cần cầm phôi không đúng nên tay bị kéo vào vùng cán.
- Do sự cố máy bất ngờ hoạt động khi đang điều chỉnh phôi hoặc nhầm lẫn, sơ ý khi tay đang ở vị trí nguy hiểm đã cho máy hoạt động.
- Do tóc dài (phụ nữ) không được buộc cẩn thận hoặc do tay áo bị vướng vào phần chuyển động của máy



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy cán, máy ép:

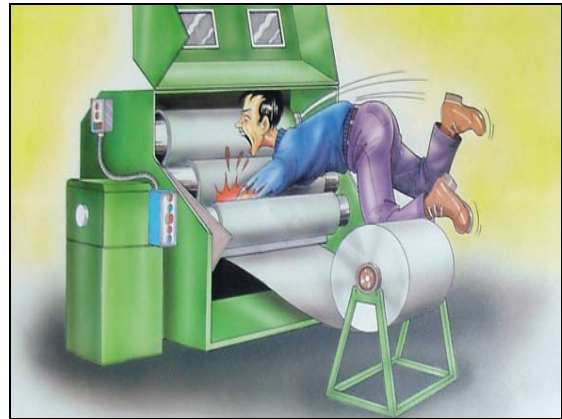
Khi làm việc với cán, máy ép, người lao động cần tuân theo quy tắc an toàn sau:

- Phải sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt là giày da cứng để đề phòng vật nặng rơi vào chân; quần áo cách nhiệt khi cán nóng.
- Phải thường xuyên kiểm tra cơ cấu an toàn chống đập hoặc kẹp tay vào máy. Lưu ý phải cắt cầu dao điện trước khi vào buồng máy để kiểm tra.
- Khi thao tác, vị trí tay cầm phôi đặt ở nơi thích hợp để tránh tay không bị kẹt; không dùng tay mà phải sử dụng kìm gấp, que móc để lấy sản phẩm để tránh tình trạng chày đột đập hoạt động bất ngờ gây tai nạn.

II. An toàn lao động khi làm việc với máy cán, máy ép

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy cán, máy ép

- Phôi văng bắn vào người; ba-via văng bắn vào người, vào mắt;
- Do phôi nặng, công kênh, nên tay cầm không chắc, hoặc do bắt cần cầm phôi không đúng nên tay bị kéo vào vùng cán.
- Do sự cố máy bất ngờ hoạt động khi đang điều chỉnh phôi hoặc nhầm lẫn, sơ ý khi tay đang ở vị trí nguy hiểm đã cho máy hoạt động.
- Do tóc dài (phụ nữ) không được buộc cẩn thận hoặc do tay áo bị vướng vào phần chuyển động của máy



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy cán, máy ép:

Khi làm việc với cán, máy ép, người lao động cần tuân theo quy tắc an toàn sau:

- Phải sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt là giày da cứng để đề phòng vật nặng rơi vào chân; quần áo cách nhiệt khi cán nóng.
- Phải thường xuyên kiểm tra cơ cấu an toàn chống đập hoặc kẹp tay vào máy. Lưu ý phải cắt cầu dao điện trước khi vào buồng máy để kiểm tra.
- Khi thao tác, vị trí tay cầm phôi đặt ở nơi thích hợp để tránh tay không bị kẹt; không dùng tay mà phải sử dụng kìm gấp, que móc để lấy sản phẩm để tránh tình trạng chày đột đập hoạt động bất ngờ gây tai nạn.

- Trang phục bảo hộ phải gọn gàng, không được để mũ, tóc (đối với phụ nữ) hoặc cổ tay áo bảo hộ cuốn vào máy.

III. An toàn lao động khi làm việc với máy tiện

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy tiện:

- Phôi tiện văng bắn vào người.
- Chi tiết kẹp không chặt, bị đứt gãy, dao cắt bị gãy, mẻ văng bắn vào người.
- Tóc, quần áo bị cuốn vào trục quay của máy
- Chân, tay bị cắt, cuốn va đập vào các bộ phận chuyển động của máy.



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy tiện:

Khi làm việc với tiện, người lao động cần tuân theo quy tắc an toàn sau:

- Kiểm tra máy trước khi vận hành: hệ thống điện, điều khiển, thiết bị che chắn, nhiên liệu...
- Sử dụng kính bảo hộ, khẩu trang khi làm việc; tuyệt đối không được mang găng tay khi vận hành máy.
- Khi vận hành, không tùy tiện thay đổi tốc độ trục chính. Chỉ khi tắt máy, chờ cho trục chính dừng hẳn mới được thay đổi.
- Không để vật liệu, dụng cụ, bừa bãi tại nơi làm việc.
- Không tự ý bỏ ra ngoài khi máy đang hoạt động.
- Khi kết thúc làm việc phải tắt điện, gạt cầu giao điện về vị trí tắt.

- Trang phục bảo hộ phải gọn gàng, không được để mũ, tóc (đối với phụ nữ) hoặc cổ tay áo bảo hộ cuốn vào máy.

III. An toàn lao động khi làm việc với máy tiện

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy tiện:

- Phôi tiện văng bắn vào người.
- Chi tiết kẹp không chặt, bị đứt gãy, dao cắt bị gãy, mẻ văng bắn vào người.
- Tóc, quần áo bị cuốn vào trục quay của máy
- Chân, tay bị cắt, cuốn va đập vào các bộ phận chuyển động của máy.



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy tiện:

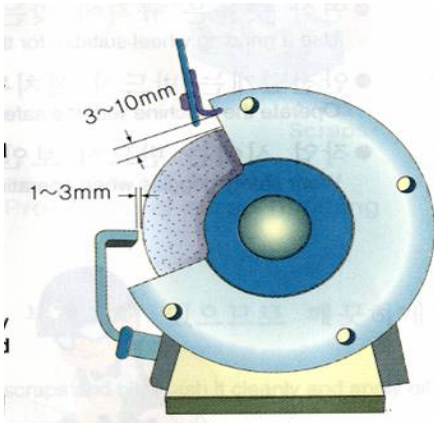
Khi làm việc với tiện, người lao động cần tuân theo quy tắc an toàn sau:

- Kiểm tra máy trước khi vận hành: hệ thống điện, điều khiển, thiết bị che chắn, nhiên liệu...
- Sử dụng kính bảo hộ, khẩu trang khi làm việc; tuyệt đối không được mang găng tay khi vận hành máy.
- Khi vận hành, không tùy tiện thay đổi tốc độ trục chính. Chỉ khi tắt máy, chờ cho trục chính dừng hẳn mới được thay đổi.
- Không để vật liệu, dụng cụ, bừa bãi tại nơi làm việc.
- Không tự ý bỏ ra ngoài khi máy đang hoạt động.
- Khi kết thúc làm việc phải tắt điện, gạt cầu giao điện về vị trí tắt.

IV. An toàn lao động khi làm việc với máy mài

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy mài:

- Tay có thể bị quệt vào đá mài.
- Chấn thương nghiêm trọng do đá mài bị vỡ văng bắn vào người hoặc vào mắt.
- Chấn thương do chi tiết mài văng bắn vào người hoặc vào mắt.
- Bụi đá mài gây ra bệnh về hô hấp, bệnh về da.



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy mài

Khi làm việc với máy mài (lắp đá mài và mài), người lao động phải tuân thủ quy tắc an toàn sau đây:

2.1. Khi lắp đá mài:

- Kiểm tra đá mài trước khi lắp: đá có bị rạn nứt, hoặc vỡ không.
- Đá phải được lắp chặt, không bị rạn nứt, có độ đồng tâm với trục máy.

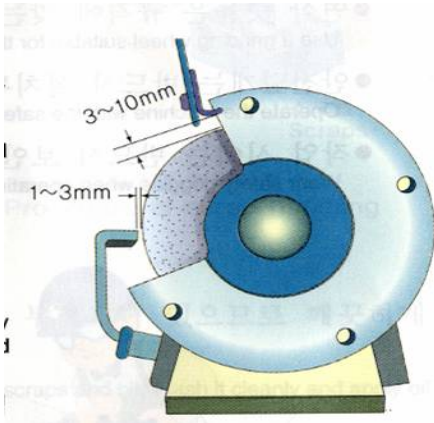
2.2. Khi vận hành máy mài:

- Sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động.
- Không đứng đối diện với đá mà phải đứng chéo một góc 15°
- Tay cầm chi tiết phải chắc chắn, từ từ đưa vào đá, nếu chi tiết mài nóng thì phải làm nguội sau đó mới mài tiếp.
- Lực tỳ vào đá vừa phải; không được mài vào mặt bên của đá.
- Không mài các chi tiết có chiều dày nhỏ hơn 3mm.

IV. An toàn lao động khi làm việc với máy mài

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy mài:

- Tay có thể bị quệt vào đá mài.
- Chấn thương nghiêm trọng do đá mài bị vỡ văng bắn vào người hoặc vào mắt.
- Chấn thương do chi tiết mài văng bắn vào người hoặc vào mắt.
- Bụi đá mài gây ra bệnh về hô hấp, bệnh về da.



2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy mài

Khi làm việc với máy mài (lắp đá mài và mài), người lao động phải tuân thủ quy tắc an toàn sau đây:

2.1. Khi lắp đá mài:

- Kiểm tra đá mài trước khi lắp: đá có bị rạn nứt, hoặc vỡ không.
- Đá phải được lắp chặt, không bị rạn nứt, có độ đồng tâm với trục máy.

2.2. Khi vận hành máy mài:

- Sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động.
- Không đứng đối diện với đá mà phải đứng chéo một góc 15°
- Tay cầm chi tiết phải chắc chắn, từ từ đưa vào đá, nếu chi tiết mài nóng thì phải làm nguội sau đó mới mài tiếp.
- Lực tỳ vào đá vừa phải; không được mài vào mặt bên của đá.
- Không mài các chi tiết có chiều dày nhỏ hơn 3mm.

V. An toàn lao động khi làm việc với máy cưa đĩa

1. Các yếu tố nguy hiểm, độc hại khi làm việc với máy cưa:

- Bàn tay, ngón tay không may chạm vào lưỡi cưa.
- Lưỡi cưa mẻ, gãy văng bắn vào người.
- Gỗ bị lực tác động của lưỡi cưa đánh ngược trở lại về phía người điều khiển máy.
- Mạt cưa gây ra các bệnh về mắt và bệnh về đường hô hấp...



Máy cưa đĩa

- 1. Dao tách mạch*
- 2. Chống đánh ngược*
- 3. Tâm gá*
- 4. Bao che lưỡi cưa*
- 5. Gõ gia công*

2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy cưa đĩa:

Khi làm việc với máy cưa, người lao động phải tuân theo quy tắc an toàn sau đây:

- Lắp đĩa cưa phải đảm bảo đúng kỹ thuật.
- Khi lưỡi cưa bị rạn nứt, biến dạng, mài không đúng kích thước về góc độ, lượng mở lưỡi cưa không phù hợp, thì không được sử dụng.
- Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động: mũ, kính số 0, khẩu trang, quần áo, giày, tạp dề bằng da.
- Chỉ sử dụng máy khi máy đủ thiết bị an toàn (bao che lưỡi cưa, chống đánh ngược).
- Không được hãm máy bằng tay hay lau chùi, bôi trơn máy khi máy đang làm việc.
- Tư thế làm việc thoải mái, khi cưa gần hết mạch cưa thì phải dùng 1 thanh gỗ khác để đẩy gỗ vào lưỡi cưa.
- Không đứng đối diện với cưa mà phải đứng lệch sang 1 bên.

V. An toàn lao động khi làm việc với máy cưa đĩa

1. Các yếu tố nguy hiểm, độc hại khi làm việc với máy cưa:

- Bàn tay, ngón tay không may chạm vào lưỡi cưa.
- Lưỡi cưa mẻ, gãy văng bắn vào người.
- Gỗ bị lực tác động của lưỡi cưa đánh ngược trở lại về phía người điều khiển máy.
- Mạt cưa gây ra các bệnh về mắt và bệnh về đường hô hấp...



Máy cưa đĩa

- 1. Dao tách mạch*
- 2. Chống đánh ngược*
- 3. Tâm gá*
- 4. Bao che lưỡi cưa*
- 5. Gỡ gia công*

2. Quy tắc an toàn khi làm việc với máy cưa đĩa:

Khi làm việc với máy cưa, người lao động phải tuân theo quy tắc an toàn sau đây:

- Lắp đĩa cưa phải đảm bảo đúng kỹ thuật.
- Khi lưỡi cưa bị rạn nứt, biến dạng, mài không đúng kích thước về góc độ, lượng mở lưỡi cưa không phù hợp, thì không được sử dụng.
- Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động: mũ, kính số 0, khẩu trang, quần áo, giày, tạp dề bằng da.
- Chỉ sử dụng máy khi máy đủ thiết bị an toàn (bao che lưỡi cưa, chống đánh ngược).
- Không được hãm máy bằng tay hay lau chùi, bôi trơn máy khi máy đang làm việc.
- Tư thế làm việc thoải mái, khi cưa gần hết mạch cưa thì phải dùng 1 thanh gỗ khác để đẩy gỗ vào lưỡi cưa.
- Không đứng đối diện với cưa mà phải đứng lệch sang 1 bên.

VI. An toàn lao động khi gia công nóng

1. Gia công nóng:

Gia công nóng là phương pháp gia công bằng nhiệt (đúc, rèn, dập, tôi) nhằm làm thay đổi hình dáng, kích thước, tính chất của chi tiết bằng kim loại.

Khi thực hiện các công việc gia công nóng, người lao động phải tuân theo các quy tắc an toàn sau đây:

2. Quy tắc an toàn khi đúc kim loại:

- Dụng cụ hoặc chi tiết đúc không được dính nước.
- Không dùng nước để làm nguội lò hoặc chi tiết đúc.
- Mở lò đứng nấu kim loại phải sử dụng thiết bị cơ giới hóa, khi tiếp thêm nhiên liệu cho lò đứng phải có thang kim loại, có lan can chắc chắn.
- Không đổ xỉ còn nóng ra bãi thải.
- Không dùng tay giữ gàu khi rót kim loại từ lò ra.
- Không dùng khí nén làm sạch vật đúc.

3. Quy tắc an toàn khi rèn, dập kim loại:

- Khi thao tác búa không để búa đánh trực tiếp lên mặt đe.
- Sau khi điều khiển búa phải nhấc chân khỏi bàn đập.
- Kiểm tra để đảm bảo các cơ cấu an toàn hoạt động bình thường.
- Khi lắp đặt, hiệu chỉnh khuôn phải ngắt điện và treo biển báo cấm đóng điện.
- Sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.

4. Quy tắc an toàn trong tôi kim loại:

- Các dụng cụ dùng khi thấm xianua phải để trong thùng kim loại có nắp đậy, sau mỗi ca làm việc phải rửa sạch bằng nước nóng.
- Khi thấm các-bon, phải loại trừ nguy cơ phát ra ngọn lửa trần.

VI. An toàn lao động khi gia công nóng

1. Gia công nóng:

Gia công nóng là phương pháp gia công bằng nhiệt (đúc, rèn, dập, tôi) nhằm làm thay đổi hình dáng, kích thước, tính chất của chi tiết bằng kim loại.

Khi thực hiện các công việc gia công nóng, người lao động phải tuân theo các quy tắc an toàn sau đây:

2. Quy tắc an toàn khi đúc kim loại:

- Dụng cụ hoặc chi tiết đúc không được dính nước.
- Không dùng nước để làm nguội lò hoặc chi tiết đúc.
- Mở lò đứng nấu kim loại phải sử dụng thiết bị cơ giới hóa, khi tiếp thêm nhiên liệu cho lò đứng phải có thang kim loại, có lan can chắc chắn.

- Không đổ xỉ còn nóng ra bãi thải.
- Không dùng tay giữ gàu khi rót kim loại từ lò ra.
- Không dùng khí nén làm sạch vật đúc.

3. Quy tắc an toàn khi rèn, dập kim loại:

- Khi thao tác búa không để búa đánh trực tiếp lên mặt đe.
- Sau khi điều khiển búa phải nhấc chân khỏi bàn đập.
- Kiểm tra để đảm bảo các cơ cấu an toàn hoạt động bình thường.
- Khi lắp đặt, hiệu chỉnh khuôn phải ngắt điện và treo biển báo cấm đóng điện.
- Sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.

4. Quy tắc an toàn trong tôi kim loại:

- Các dụng cụ dùng khi thấm xianua phải để trong thùng kim loại có nắp đậy, sau mỗi ca làm việc phải rửa sạch bằng nước nóng.
- Khi thấm các-bon, phải loại trừ nguy cơ phát ra ngọn lửa trần.

- Khi tôi trong bể muối KNO_3 , NaNO_3 , cần khống chế nhiệt độ không quá 550 độ C.
- Cắm tôi trong bể muối KNO_3 , NaNO_3 các chi tiết có hàm lượng Mg vượt quá 10% hoặc các chi tiết dính dầu mỡ.
- Khi phải sử dụng axit để dùng trong việc tôi kim loại phải thực hiện theo nguyên tắc rót axit vào nước để tránh bị bắn ra ngoài gây bỏng da.

- Khi tôi trong bể muối KNO_3 , NaNO_3 , cần khống chế nhiệt độ không quá 550 độ C.
- Cắm tôi trong bể muối KNO_3 , NaNO_3 các chi tiết có hàm lượng Mg vượt quá 10% hoặc các chi tiết dính dầu mỡ.
- Khi phải sử dụng axit để dùng trong việc tôi kim loại phải thực hiện theo nguyên tắc rót axit vào nước để tránh bị bắn ra ngoài gây bỏng da.

Chương 2. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành xây dựng

I. An toàn lao động khi làm việc trên cao

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc trên cao:

- Rơi ngã từ trên cao.
- Sập giàn giáo.
- Bị vật nặng rơi xuống người.
- Nhiễm bụi, gây các bệnh về mắt, đường hô hấp



2. Các quy tắc an toàn khi làm việc trên cao:

- Tuân thủ các quy định tại nơi làm việc; không uống rượu, bia, chất kích thích trước khi làm việc.
- Kiểm tra để đảm bảo giàn giáo được lắp đặt vững chắc, có hệ thống lan can an toàn hoặc lưới đỡ ở phía dưới; dây đai an toàn đảm bảo đạt tiêu chuẩn.
- Khi sử dụng thang phải đảm bảo chân thang không bị trượt hoặc thang không đổ ra ngoài; nếu loại thang có bánh xe phải chốt hãm bánh xe khi làm việc trên thang.
- Luôn đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, đeo dây đai an toàn và móc vào vị trí chắc chắn; khi làm việc phải tập trung, giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các thao tác.

Chương 2. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành xây dựng

I. An toàn lao động khi làm việc trên cao

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc trên cao:

- Rơi ngã từ trên cao.
- Sập giàn giáo.
- Bị vật nặng rơi xuống người.
- Nhiễm bụi, gây các bệnh về mắt, đường hô hấp



2. Các quy tắc an toàn khi làm việc trên cao:

- Tuân thủ các quy định tại nơi làm việc; không uống rượu, bia, chất kích thích trước khi làm việc.
- Kiểm tra để đảm bảo giàn giáo được lắp đặt vững chắc, có hệ thống lan can an toàn hoặc lưới đỡ ở phía dưới; dây đai an toàn đảm bảo đạt tiêu chuẩn.
- Khi sử dụng thang phải đảm bảo chân thang không bị trượt hoặc thang không đổ ra ngoài; nếu loại thang có bánh xe phải chốt hãm bánh xe khi làm việc trên thang.
- Luôn đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, đeo dây đai an toàn và móc vào vị trí chắc chắn; khi làm việc phải tập trung, giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các thao tác.

- Không làm việc ở phía trên có người đang làm việc nếu không được che chắn.

- Khi thay đổi vị trí làm việc phải thay đổi vị trí móc dây an toàn để đảm bảo thao tác thuận lợi.

II. An toàn lao động khi phá dỡ công trình:

Phá dỡ công trình là quá trình tháo rời, dỡ dần dần các bộ phận công trình hoặc đánh sập hoặc tác động làm đổ công trình theo kế hoạch. Phá dỡ công trình rất dễ gây ra các tai nạn lao động nghiêm trọng.

1. Các yếu tố nguy hiểm khi phá dỡ công trình:

- Bê tông, gạch, thép hoặc gỗ... bị bắn vào người.
- Các kết cấu như cột, dầm hoặc sàn bị thay đổi khả năng chịu lực sụp đổ bất ngờ vào người.

- Bê tông, gạch, thép, gỗ hoặc các phế thải nằm vương vãi có thể gây nguy hiểm cho người đi lại do dẫm hoặc va quệt.

2. Các quy tắc an toàn khi phá dỡ công trình:

- Trước khi phá, dỡ, phải đánh giá đúng tình trạng và phán đoán các nguy cơ có thể xảy ra khi phá dỡ công trình.

- Thực hiện đúng phương án phá dỡ công đã được lập, trong đó lưu ý khi phá dỡ phải thực hiện từ trên cao xuống dưới thấp, tháo toàn bộ hệ thống điện, nước và các hệ thống của công trình trước khi phá dỡ.

- Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động như mũ, găng tay, khẩu trang, đi giày; khi làm việc trên cao phải đeo dây đai an toàn. Lưu ý không móc dây đai an toàn vào nơi bị tác động của việc phá dỡ.

- Khi phá dỡ công trình phải hạn chế gây ra tiếng ồn lớn; áp dụng các biện pháp ngăn chặn bụi như dùng lưới bao che hoặc phun nước liên tục vào các vị trí phát sinh nhiều bụi để hạn chế gây ô nhiễm không khí.

- Không làm việc ở phía trên có người đang làm việc nếu không được che chắn.

- Khi thay đổi vị trí làm việc phải thay đổi vị trí móc dây an toàn để đảm bảo thao tác thuận lợi.

II. An toàn lao động khi phá dỡ công trình:

Phá dỡ công trình là quá trình tháo rời, dỡ dần dần các bộ phận công trình hoặc đánh sập hoặc tác động làm đổ công trình theo kế hoạch. Phá dỡ công trình rất dễ gây ra các tai nạn lao động nghiêm trọng.

1. Các yếu tố nguy hiểm khi phá dỡ công trình:

- Bê tông, gạch, thép hoặc gỗ... bị bắn vào người.
- Các kết cấu như cột, dầm hoặc sàn bị thay đổi khả năng chịu lực sụp đổ bất ngờ vào người.

- Bê tông, gạch, thép, gỗ hoặc các phế thải nằm vương vãi có thể gây nguy hiểm cho người đi lại do dẫm hoặc va quệt.

2. Các quy tắc an toàn khi phá dỡ công trình:

- Trước khi phá, dỡ, phải đánh giá đúng tình trạng và phán đoán các nguy cơ có thể xảy ra khi phá dỡ công trình.

- Thực hiện đúng phương án phá dỡ công đã được lập, trong đó lưu ý khi phá dỡ phải thực hiện từ trên cao xuống dưới thấp, tháo toàn bộ hệ thống điện, nước và các hệ thống của công trình trước khi phá dỡ.

- Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động như mũ, găng tay, khẩu trang, đi giày; khi làm việc trên cao phải đeo dây đai an toàn. Lưu ý không móc dây đai an toàn vào nơi bị tác động của việc phá dỡ.

- Khi phá dỡ công trình phải hạn chế gây ra tiếng ồn lớn; áp dụng các biện pháp ngăn chặn bụi như dùng lưới bao che hoặc phun nước liên tục vào các vị trí phát sinh nhiều bụi để hạn chế gây ô nhiễm không khí.

- Hạn chế sự văng bắn của các vật liệu được phá bỏ, tránh xa phạm vi nguy hiểm khi công trình đổ sập.
- Không được đốt các phế thải trên công trường mà phải vận chuyển đi khỏi công trường.

III. An toàn lao động khi thi công công trình ngầm

1. Thi công phần ngầm của công trình:

Thi công phần ngầm của công trình là việc thi công phần công trình nằm ở dưới mặt đất như phần nền, phần cọc, phần móng hoặc tầng hầm.

Tai nạn lao động trong quá trình thi công phần ngầm công trình là một trong những dạng tai nạn lao động trầm trọng nhất, có thể nhiều người cùng bị chấn thương hoặc tử vong.

2. Các yếu tố nguy hiểm khi thi công phần ngầm của công trình:

2.1. Đối với thi công ép cọc:

- Hệ giá ép đặt trên mặt đất không cân bằng và ổn định nên bị nghiêng khi đặt các khối bê tông lên trên dẫn tới giá ép bị đổ.
- Các đối trọng bê tông được cầu lên và đặt bị lệch làm cho mất cân bằng dẫn tới đổ sập hoặc rơi các khối bê tông.

2.2. Đối với thi công đóng cọc bằng máy búa:

- Các phần đệm đầu cọc bị vỡ; cọc bị vỡ nát trong quá trình búa đóng vào đầu cọc và rơi xuống dưới.
- Giá búa bị lỏng và tuột trong quá trình thi công rơi xuống bất ngờ.
- Cọc bị rơi trong quá trình cầu lắp vào vị trí đóng (do đứt hoặc tuột dây cáp).

2.3. Đối với thi công khoan cọc nhồi hoặc cọc Barrette:

- Người lao động bị trượt ngã xuống hố đào trong quá trình thi công.
- Đất đào lên văng vào người khi gầu đào lắc để đất ra khỏi gầu.
- Ống đổ bê tông bị đứt khi rút ống văng vào người.

- Hạn chế sự văng bắn của các vật liệu được phá bỏ, tránh xa phạm vi nguy hiểm khi công trình đổ sập.
- Không được đốt các phế thải trên công trường mà phải vận chuyển đi khỏi công trường.

III. An toàn lao động khi thi công công trình ngầm

1. Thi công phần ngầm của công trình:

Thi công phần ngầm của công trình là việc thi công phần công trình nằm ở dưới mặt đất như phần nền, phần cọc, phần móng hoặc tầng hầm.

Tai nạn lao động trong quá trình thi công phần ngầm công trình là một trong những dạng tai nạn lao động trầm trọng nhất, có thể nhiều người cùng bị chấn thương hoặc tử vong.

2. Các yếu tố nguy hiểm khi thi công phần ngầm của công trình:

2.1. Đối với thi công ép cọc:

- Hệ giá ép đặt trên mặt đất không cân bằng và ổn định nên bị nghiêng khi đặt các khối bê tông lên trên dẫn tới giá ép bị đổ.
- Các đối trọng bê tông được cầu lên và đặt bị lệch làm cho mất cân bằng dẫn tới đổ sập hoặc rơi các khối bê tông.

2.2. Đối với thi công đóng cọc bằng máy búa:

- Các phần đệm đầu cọc bị vỡ; cọc bị vỡ nát trong quá trình búa đóng vào đầu cọc và rơi xuống dưới.
- Giá búa bị lỏng và tuột trong quá trình thi công rơi xuống bất ngờ.
- Cọc bị rơi trong quá trình cầu lắp vào vị trí đóng (do đứt hoặc tuột dây cáp).

2.3. Đối với thi công khoan cọc nhồi hoặc cọc Barrette:

- Người lao động bị trượt ngã xuống hố đào trong quá trình thi công.
- Đất đào lên văng vào người khi gàu đào lắc để đất ra khỏi gàu.
- Ống đổ bê tông bị đứt khi rút ống văng vào người.

2.4. Đối với thi công tường vây hầm công trình:

- Tường vây tầng hầm bị sập đổ.
- Hệ thống chống đỡ tạm không đủ khả năng chịu lực bị biến dạng làm cho tường vây sụp đổ, gây sạt lở đất.
- Đáy tầng hầm bị nước ngầm đẩy và bị vỡ.

3. Các quy tắc an toàn khi thi công phần ngầm của công trình:

- Các bước thi công phải được lập phương án và kiểm tra về mặt an toàn trước khi thi công.
- Luôn kiểm tra để đảm bảo nền ổn định và bằng phẳng trong suốt quá trình thi công ép cọc; kiểm tra để đảm bảo các thanh chống đỡ tạm luôn trong trạng thái tốt; không có dấu hiệu sụt lún.
- Xếp các khối bê tông khi ép cọc phải cân đối, thẳng hàng và sát nhau.
- Móc dây cáp khi cầu cọc bê tông khi ép cọc hoặc đóng cọc phải đúng vị trí quy định của đơn vị sản xuất cọc.
- Kiểm tra, thử nghiệm các đường ống cung cấp hơi, khí nén hay dầu thủy lực của máy đóng cọc.
- Nếu thấy các đầu đệm cọc bị rạn nứt hoặc hỏng thì phải dừng thi công.
- Không có nhiệm vụ nên đứng cách xa vị trí thi công.

IV. Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình

1. Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình

Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình bao gồm các công việc như: thi công cột, dầm sàn, xây tường, trát tường, ốp tường, lát nền, sơn tường và lắp các hệ thống điện, nước và điều hòa không khí...

2. Các yếu tố nguy hiểm khi thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình.

- Bị chấn thương do sử dụng các máy gia công hoặc các dụng cụ thủ công (cưa, đục...).

2.4. Đối với thi công tường vây hầm công trình:

- Tường vây tầng hầm bị sập đổ.
- Hệ thống chống đỡ tạm không đủ khả năng chịu lực bị biến dạng làm cho tường vây sụp đổ, gây sạt lở đất.
- Đáy tầng hầm bị nước ngầm đẩy và bị vỡ.

3. Các quy tắc an toàn khi thi công phần ngầm của công trình:

- Các bước thi công phải được lập phương án và kiểm tra về mặt an toàn trước khi thi công.
- Luôn kiểm tra để đảm bảo nền ổn định và bằng phẳng trong suốt quá trình thi công ép cọc; kiểm tra để đảm bảo các thanh chống đỡ tạm luôn trong trạng thái tốt; không có dấu hiệu sụt lún.
- Xếp các khối bê tông khi ép cọc phải cân đối, thẳng hàng và sát nhau.
- Móc dây cáp khi cầu cọc bê tông khi ép cọc hoặc đóng cọc phải đúng vị trí quy định của đơn vị sản xuất cọc.
- Kiểm tra, thử nghiệm các đường ống cung cấp hơi, khí nén hay dầu thủy lực của máy đóng cọc.
- Nếu thấy các đầu đệm cọc bị rạn nứt hoặc hỏng thì phải dừng thi công.
- Không có nhiệm vụ nên đứng cách xa vị trí thi công.

IV. Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình

1. Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình

Thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình bao gồm các công việc như: thi công cột, dầm sàn, xây tường, trát tường, ốp tường, lát nền, sơn tường và lắp các hệ thống điện, nước và điều hòa không khí...

2. Các yếu tố nguy hiểm khi thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình.

- Bị chấn thương do sử dụng các máy gia công hoặc các dụng cụ thủ công (cưa, đục...).

- Bị dây thép vướng vào người hoặc đâm thủng tay, chân, mắt.
- Tường xây không thẳng đứng; xây không đảm bảo liên kết, bị mưa ướt, bị tác động ngoại lực nên bị sụp đổ.
- Bị vật dụng bị vướng vào người khi được người lao động đưa vào trong máy trộn bê tông khi máy đang quay.
- Vật liệu hoặc dụng cụ rơi xuống người làm việc ở phía dưới
- Rơi ngã từ trên cao.
- Nhiễm độc sơn.
- Bị cảm, say nắng khi làm việc ngoài trời.

3. Các quy tắc an toàn khi thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình:

- Phải tuyệt đối chấp hành nội quy an toàn khi làm việc; sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như: quần áo, mũ, giày, găng tay, khẩu trang, dây đai an toàn.
- Các dụng cụ thủ công (cưa tay, búa hoặc đục...) phải chắc chắn, an toàn và tiện dụng.
- Không kéo thép căng quá mức và luôn đề phòng thép được kéo căng đứt vướng quật vào người.
- Khi làm việc trên cao so với mặt đất hoặc so với mặt sàn của tầng nhà, phải đeo dây đai an toàn.
- Không đặt giàn giáo hoặc đứng trên các phần công trình chưa đông kết và không đảm bảo kết cấu chịu lực.
- Không dựa thang, để các vật dụng trên mặt tường đang xây hoặc chưa đông kết.
- Không thi công ngoài lan can an toàn;
- Khi trời tối, mưa to, giông bão hoặc có gió mạnh không được làm việc trên cao và phía ngoài của công trình;
- Không được tung hoặc ném dụng cụ, nguyên vật liệu lên cao hoặc xuống dưới.

- Bị dây thép vướng vào người hoặc đâm thủng tay, chân, mắt.
- Tường xây không thẳng đứng; xây không đảm bảo liên kết, bị mưa ướt, bị tác động ngoại lực nên bị sụp đổ.
- Bị vật dụng bị vướng vào người khi được người lao động đưa vào trong máy trộn bê tông khi máy đang quay.
- Vật liệu hoặc dụng cụ rơi xuống người làm việc ở phía dưới
- Rơi ngã từ trên cao.
- Nhiễm độc sơn.
- Bị cảm, say nắng khi làm việc ngoài trời.

3. Các quy tắc an toàn khi thi công phần thân công trình và hoàn thiện công trình:

- Phải tuyệt đối chấp hành nội quy an toàn khi làm việc; sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như: quần áo, mũ, giày, găng tay, khẩu trang, dây đai an toàn.
- Các dụng cụ thủ công (cưa tay, búa hoặc đục...) phải chắc chắn, an toàn và tiện dụng.
- Không kéo thép căng quá mức và luôn đề phòng thép được kéo căng đứt vướng quật vào người.
- Khi làm việc trên cao so với mặt đất hoặc so với mặt sàn của tầng nhà, phải đeo dây đai an toàn.
- Không đặt giàn giáo hoặc đứng trên các phần công trình chưa đông kết và không đảm bảo kết cấu chịu lực.
- Không dựa thang, để các vật dụng trên mặt tường đang xây hoặc chưa đông kết.
- Không thi công ngoài lan can an toàn;
- Khi trời tối, mưa to, giông bão hoặc có gió mạnh không được làm việc trên cao và phía ngoài của công trình;
- Không được tung hoặc ném dụng cụ, nguyên vật liệu lên cao hoặc xuống dưới.

V. Vệ sinh trên công trường xây dựng

1. Vệ sinh trên công trường xây dựng:

Vệ sinh trên công trường xây dựng là công việc dọn dẹp các vật liệu thừa, phế liệu, chất thải như đất, đá, gạch vỡ và các đồ gỗ vụn, giấy rác hoặc dầu, mỡ phế thải...

Công trường không vệ sinh có thể trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn tới tai nạn lao động như trượt ngã, đâm phải đinh, va chạm gây chấn thương hoặc gây tác hại tới sức khỏe của người lao động.

2. Làm vệ sinh công trường:

- Đất, đá, gạch vỡ, phế liệu ở các tầng trên phải được đưa xuống mặt đất và tập kết ở vị trí quy định, tưới ẩm để xử lý bụi hoặc được che kín bằng bạt

- Đất, đá, gạch vỡ, phế liệu phải được thu gom và vận chuyển đi khỏi công trường.

- Dầu, mỡ của các máy thi công xây dựng: không được cho chảy ra môi trường tự nhiên hoặc chảy trên lối đi. Sau mỗi ca làm việc phải dọn sạch các lối đi, khu vực thi công.

- Nước thải trong thi công phải được dẫn theo rãnh đến hố tự thấm đặt cách công trình tối thiểu 30m.

- Vật liệu xây dựng được tập kết từng khu vực riêng lẻ, gọn gàng và hợp lý.

- Vật liệu vận chuyển từ ngoài vào công trình khi đi phải dùng bạt nylon che đầy thùng xe để không gây ô nhiễm môi trường.

- Công trường phải xây dựng 1 nhà vệ sinh bán tự hoại để phục vụ người lao động trên công trường.

V. Vệ sinh trên công trường xây dựng

1. Vệ sinh trên công trường xây dựng:

Vệ sinh trên công trường xây dựng là công việc dọn dẹp các vật liệu thừa, phế liệu, chất thải như đất, đá, gạch vỡ và các đồ gỗ vụn, giấy rác hoặc dầu, mỡ phế thải...

Công trường không vệ sinh có thể trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn tới tai nạn lao động như trượt ngã, đâm phải đinh, va chạm gây chấn thương hoặc gây tác hại tới sức khỏe của người lao động.

2. Làm vệ sinh công trường:

- Đất, đá, gạch vỡ, phế liệu ở các tầng trên phải được đưa xuống mặt đất và tập kết ở vị trí quy định, tưới ẩm để xử lý bụi hoặc được che kín bằng bạt

- Đất, đá, gạch vỡ, phế liệu phải được thu gom và vận chuyển đi khỏi công trường.

- Dầu, mỡ của các máy thi công xây dựng: không được cho chảy ra môi trường tự nhiên hoặc chảy trên lối đi. Sau mỗi ca làm việc phải dọn sạch các lối đi, khu vực thi công.

- Nước thải trong thi công phải được dẫn theo rãnh đến hố tự thấm đặt cách công trình tối thiểu 30m.

- Vật liệu xây dựng được tập kết từng khu vực riêng lẻ, gọn gàng và hợp lý.

- Vật liệu vận chuyển từ ngoài vào công trình khi đi phải dùng bạt nilon che đậy thùng xe để không gây ô nhiễm môi trường.

- Công trường phải xây dựng 1 nhà vệ sinh bán tự hoại để phục vụ người lao động trên công trường.

Chương 3. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành nông nghiệp

I. Những nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp

Các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của người lao động làm việc trong ngành nông nghiệp bao gồm các yếu tố: Khí hậu, bụi, hóa chất nông nghiệp, sinh vật hoặc các nguy cơ khác.

1. Khí hậu:

Yếu tố khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt, vận tốc gió có thể ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người lao động.

Vì khí hậu quá nóng có thể làm cho người lao động bị say nắng, chuột rút, kiệt sức, mất muối, mất nước; gây viêm đường hô hấp; viêm da, cháy da, viêm khớp, bệnh da liễu...

2. Bụi:

Là các hạt rắn nhỏ chủ yếu phát sinh do hỗn hợp hóa chất nông nghiệp, bụi hữu cơ (bụi nông sản khi chế biến) và bụi sinh học (vi sinh vật, nấm mốc..).

3. Hóa chất nông nghiệp:

Là các hóa chất sử dụng để bảo vệ thực vật sống (phân bón, thuốc trừ sâu), bảo quản và chế biến nông sản.

Hóa chất có thể xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp (mũi, miệng), qua da hoặc qua đường tiêu hóa và có thể gây nhiễm độc cấp tính hoặc nhiễm độc mãn tính.

4. Sinh vật:

Trong môi trường lao động nông nghiệp và môi trường sống ở nông thôn, người lao động tiếp xúc với sinh vật, côn trùng, ký sinh trùng, vi khuẩn, khi làm đất, chăm sóc động vật nuôi, làm vệ sinh chuồng trại nên có thể mắc các bệnh như tả, lỵ, thương hàn, viêm phổi, viêm gan, viêm não, bệnh than do lây từ súc vật, bệnh da liễu do vi khuẩn, hoặc nấm, rắn rết, ong đốt, trâu bò húc...

Chương 3. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành nông nghiệp

I. Những nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp

Các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của người lao động làm việc trong ngành nông nghiệp bao gồm các yếu tố: Khí hậu, bụi, hóa chất nông nghiệp, sinh vật hoặc các nguy cơ khác.

1. Khí hậu:

Yếu tố khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt, vận tốc gió có thể ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người lao động.

Vì khí hậu quá nóng có thể làm cho người lao động bị say nắng, chuột rút, kiệt sức, mất muối, mất nước; gây viêm đường hô hấp; viêm da, cháy da, viêm khớp, bệnh da liễu...

2. Bụi:

Là các hạt rắn nhỏ chủ yếu phát sinh do hỗn hợp hóa chất nông nghiệp, bụi hữu cơ (bụi nông sản khi chế biến) và bụi sinh học (vi sinh vật, nấm mốc...).

3. Hóa chất nông nghiệp:

Là các hóa chất sử dụng để bảo vệ thực vật sống (phân bón, thuốc trừ sâu), bảo quản và chế biến nông sản.

Hóa chất có thể xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp (mũi, miệng), qua da hoặc qua đường tiêu hóa và có thể gây nhiễm độc cấp tính hoặc nhiễm độc mãn tính.

4. Sinh vật:

Trong môi trường lao động nông nghiệp và môi trường sống ở nông thôn, người lao động tiếp xúc với sinh vật, côn trùng, ký sinh trùng, vi khuẩn, khi làm đất, chăm sóc động vật nuôi, làm vệ sinh chuồng trại nên có thể mắc các bệnh như tả, lỵ, thương hàn, viêm phổi, viêm gan, viêm não, bệnh than do lây từ súc vật, bệnh da liễu do vi khuẩn, hoặc nấm, rần rết, ong đốt, trâu bò húc...

Tác nhân trung gian gây bệnh có thể là ruồi, muỗi, chó, mèo, chuột...

5. Các nguy cơ khác:

Các nguy cơ khác gây mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp như: vật đổ, rơi khi xếp dỡ, vận chuyển; súc vật cắn, húc; trượt ngã khi đi lại...

II. An toàn lao động khi làm việc với máy nông nghiệp

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy nông nghiệp:

- Bị cuốn, kẹp cắt bởi các bộ phận chuyển động của máy.
- Bị điện giật.

2. Quy tắc an toàn khi vận hành máy nông nghiệp:

2.1. Khi điều khiển máy phải mặc quần áo gọn gàng, nếu là phụ nữ phải có bao tóc để tránh bị cuốn vào các bộ phận chuyển động của máy. Phải nắm chắc và tuân thủ các quy định an toàn khi làm việc với máy.

2.2. Trước khi cho máy chạy, người điều khiển phải:

- Kiểm tra các bộ phận máy, các bộ phận che chắn, siết chặt các bu lông để phòng các bộ phận tuột ra văng vào người.
- Không để các dụng cụ, đồ vật lên máy để tránh bị cuốn vào máy văng ra gây tai nạn.
- Dùng tay quay (nếu có) để kiểm tra; nếu không có trở ngại mới được cho máy chạy.

2.3. Khi máy đang hoạt động chạy, người điều khiển phải:

- Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động theo quy định.
- Tập trung vào công việc, không được bỏ đi nơi khác khi máy đang chạy- Khi thấy tiếng kêu khác thường phải cảnh giác, tắt máy, chờ cho máy ngừng hẳn mới kiểm tra.

Tác nhân trung gian gây bệnh có thể là ruồi, muỗi, chó, mèo, chuột...

5. Các nguy cơ khác:

Các nguy cơ khác gây mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp như: vật đổ, rơi khi xếp dỡ, vận chuyển; súc vật cắn, húc; trượt ngã khi đi lại...

II. An toàn lao động khi làm việc với máy nông nghiệp

1. Các yếu tố nguy hiểm khi làm việc với máy nông nghiệp:

- Bị cuốn, kẹp cắt bởi các bộ phận chuyển động của máy.
- Bị điện giật.

2. Quy tắc an toàn khi vận hành máy nông nghiệp:

2.1. Khi điều khiển máy phải mặc quần áo gọn gàng, nếu là phụ nữ phải có bao tóc để tránh bị cuốn vào các bộ phận chuyển động của máy. Phải nắm chắc và tuân thủ các quy định an toàn khi làm việc với máy.

2.2. Trước khi cho máy chạy, người điều khiển phải:

- Kiểm tra các bộ phận máy, các bộ phận che chắn, siết chặt các bu lông để phòng các bộ phận tuột ra văng vào người.
- Không để các dụng cụ, đồ vật lên máy để tránh bị cuốn vào máy văng ra gây tai nạn.
- Dùng tay quay (nếu có) để kiểm tra; nếu không có trở ngại mới được cho máy chạy.

2.3. Khi máy đang hoạt động chạy, người điều khiển phải:

- Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động theo quy định.
- Tập trung vào công việc, không được bỏ đi nơi khác khi máy đang chạy- Khi thấy tiếng kêu khác thường phải cảnh giác, tắt máy, chờ cho máy ngừng hẳn mới kiểm tra.

- Không được lau chùi, tra dầu mỡ hoặc điều chỉnh máy khi máy đang chạy

2.4. Khi bảo dưỡng, sửa chữa máy:

- Chỉ khi hiểu rõ về cấu tạo máy và được phân công mới được sửa chữa máy.

- Khi sửa máy chạy bằng điện phải cắt điện và treo biển cảnh báo “cấm đóng điện, đang sửa chữa” ở cầu dao điện hoặc khóa hộp cầu dao và cầm theo chìa khóa.

III. An toàn lao động khi làm việc với hóa chất bảo vệ thực vật

1. Tác hại của hóa chất bảo vệ thực vật:

1.1. Gây nhiễm độc:

Hầu hết các loại hóa chất bảo vệ thực vật đều có tính độc. Khả năng nhiễm độc của hóa chất phụ thuộc vào mức độ độc, nồng độ và lượng hoá chất xâm nhập vào cơ thể.

- Nhiễm độc cấp tính: ngay sau khi bị ngấm xâm nhập vào cơ thể, hóa chất có thể gây ra các triệu chứng sổ mũi, nhức đầu, buồn nôn, đi ngoài, toát mồ hôi, mệt mỏi...Nếu nhiễm độc mạnh còn có thể gây ra co giật, rối loạn hành vi, ngất xỉu và có thể tử vong.

- Nhiễm độc mãn tính: hóa chất xâm nhập và được tích tụ lại trong cơ thể đến một mức độ nào đó có thể gây ra các tác hại như đột biến tế bào, kích thích u ác tính, ảnh hưởng đến bào thai và gây ra dị dạng...

1.2. Gây dị ứng:

Mức độ gây dị ứng phụ thuộc vào nồng độ hóa chất được sử dụng, tính miễn cảm của từng người và điều kiện môi trường. Triệu chứng thường thấy là đau rát ở mắt hoặc nổi các vết mẩn ngứa ở da.

- Không được lau chùi, tra dầu mỡ hoặc điều chỉnh máy khi máy đang chạy

2.4. Khi bảo dưỡng, sửa chữa máy:

- Chỉ khi hiểu rõ về cấu tạo máy và được phân công mới được sửa chữa máy.

- Khi sửa máy chạy bằng điện phải cắt điện và treo biển cảnh báo “cấm đóng điện, đang sửa chữa” ở cầu dao điện hoặc khóa hộp cầu dao và cầm theo chìa khóa.

III. An toàn lao động khi làm việc với hóa chất bảo vệ thực vật

1. Tác hại của hóa chất bảo vệ thực vật:

1.1. Gây nhiễm độc:

Hầu hết các loại hóa chất bảo vệ thực vật đều có tính độc. Khả năng nhiễm độc của hóa chất phụ thuộc vào mức độ độc, nồng độ và lượng hoá chất xâm nhập vào cơ thể.

- Nhiễm độc cấp tính: ngay sau khi bị ngấm xâm nhập vào cơ thể, hóa chất có thể gây ra các triệu chứng sổ mũi, nhức đầu, buồn nôn, đi ngoài, toát mồ hôi, mệt mỏi...Nếu nhiễm độc mạnh còn có thể gây ra co giật, rối loạn hành vi, ngất xỉu và có thể tử vong.

- Nhiễm độc mãn tính: hóa chất xâm nhập và được tích tụ lại trong cơ thể đến một mức độ nào đó có thể gây ra các tác hại như đột biến tế bào, kích thích u ác tính, ảnh hưởng đến bào thai và gây ra dị dạng...

1.2. Gây dị ứng:

Mức độ gây dị ứng phụ thuộc vào nồng độ hóa chất được sử dụng, tính mẫn cảm của từng người và điều kiện môi trường. Triệu chứng thường thấy là đau rát ở mắt hoặc nổi các vết mẩn ngứa ở da.

2. Lưu ý khi làm việc với hóa chất bảo vệ thực vật:

2.1. Khi vận chuyển hóa chất:

- Chỉ vận chuyển khi bao gói còn nguyên vẹn.
- Không vận chuyển hóa chất bảo vệ thực vật kèm với người hoặc động vật hoặc hàng hóa khác đặc biệt là thức ăn, đồ uống.
- Sắp xếp, chèn cẩn thận để tránh đổ, vỡ.

2.2. Khi bảo quản hóa chất:

- Cất giữ Công tác bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, xa nguồn lửa, nguồn phát nhiệt, nguồn thức ăn, nước sinh hoạt, nơi người ở và chuồng trại chăn nuôi. Không để ngoài trời hoặc dưới ánh nắng mặt trời hoặc nơi có nhiệt độ quá cao (trên 30 độ C).

- Khi hóa chất bị mất nhãn thì phải tìm cách ghi lại các thông tin cần thiết trên nhãn.

2.3. Khi sử dụng hóa chất:

- Dùng đúng lúc và đúng loại hóa chất và đúng liều lượng theo chỉ dẫn.

- Phun rải đúng kỹ thuật (như di chuyển với tốc độ đều, không di chuyển ngược chiều gió, ngừng phun thuốc khi có gió to, hay hướng gió không ổn định; không phun, rải khi nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao; sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp ghi trên nhãn hoặc trong tờ hướng dẫn sử dụng).

- Dụng cụ làm việc có dính hóa chất không được mang cất vào nhà hoặc không được rửa bằng nguồn nước sinh hoạt của gia đình.

- Không đi vào các khu vực đã được phun rải hóa chất trừ trường hợp thật cần thiết và có thiết bị bảo hộ.

- Không thu hoạch nông sản khi hết thời gian cách ly.

- Ngừng tiếp xúc với thuốc nếu bị dị ứng hoặc nổi mụn ở da.

2. Lưu ý khi làm việc với hóa chất bảo vệ thực vật:

2.1. Khi vận chuyển hóa chất:

- Chỉ vận chuyển khi bao gói còn nguyên vẹn.
- Không vận chuyển hóa chất bảo vệ thực vật kèm với người hoặc động vật hoặc hàng hóa khác đặc biệt là thức ăn, đồ uống.
- Sắp xếp, chèn cẩn thận để tránh đổ, vỡ.

2.2. Khi bảo quản hóa chất:

- Cất giữ Công tác bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, xa nguồn lửa, nguồn phát nhiệt, nguồn thức ăn, nước sinh hoạt, nơi người ở và chuồng trại chăn nuôi. Không để ngoài trời hoặc dưới ánh nắng mặt trời hoặc nơi có nhiệt độ quá cao (trên 30 độ C).

- Khi hóa chất bị mất nhãn thì phải tìm cách ghi lại các thông tin cần thiết trên nhãn.

2.3. Khi sử dụng hóa chất:

- Dùng đúng lúc và đúng loại hóa chất và đúng liều lượng theo chỉ dẫn.

- Phun rải đúng kỹ thuật (như di chuyển với tốc độ đều, không di chuyển ngược chiều gió, ngừng phun thuốc khi có gió to, hay hướng gió không ổn định; không phun, rải khi nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao; sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp ghi trên nhãn hoặc trong tờ hướng dẫn sử dụng).

- Dụng cụ làm việc có dính hóa chất không được mang cất vào nhà hoặc không được rửa bằng nguồn nước sinh hoạt của gia đình.

- Không đi vào các khu vực đã được phun rải hóa chất trừ trường hợp thật cần thiết và có thiết bị bảo hộ.

- Không thu hoạch nông sản khi hết thời gian cách ly.

- Ngừng tiếp xúc với thuốc nếu bị dị ứng hoặc nổi mụn ở da.

2.4. Sau khi phun hoặc rải hóa chất:

- Bảo quản phần hóa chất chưa dùng vào nơi an toàn.
- Hủy vỏ đựng thuốc và lượng hóa chất đã pha nhưng còn thừa theo chỉ dẫn.
- Rửa sạch các thiết bị, dụng cụ sau khi sử dụng; giặt hoặc rửa sạch các phương tiện bảo vệ cá nhân, nếu đi găng tay khi làm việc thì phải rửa sạch phía ngoài trước khi cởi ra, các phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp cần phải được tẩy độc.
- Nước thải có hóa chất phải đổ vào nơi gom nước thải, nơi hoang hóa, không gây nguy hiểm cho người và súc vật.
- Rửa sạch tay và những chỗ bị dây bẩn trên cơ thể; tắm sau khi đã hoàn tất công việc.

IV. Phòng ngừa một số loại bệnh trong ngành nông nghiệp

Trong quá trình làm việc trong ngành nông nghiệp, người lao động có thể phải đối mặt với một số loại bệnh như sau:

1. Nhiễm độc hóa chất nông nghiệp:

Nhiễm lân hữu cơ, cacbonat: có triệu chứng gây buồn nôn, đau đầu, tăng tiết nước bọt, co giật, suy giảm hô hấp, kích ứng da, co đồng tử, hôn mê.

Nhiễm Clo hữu cơ: có triệu chứng gây tâm lý sợ hãi, lo lắng, chóng mặt, đau đầu, dễ kích thích, mất định hướng, mỏi cơ, co giật.

Nhiễm Pyrethroid và Pyrethrin: có triệu chứng gây cảm giác nóng rát da, niêm mạc, tê quanh hốc mắt, dị ứng, sản ngứa, viêm da do tiếp xúc, kích thích hệ thần kinh trung ương.

Cách phòng ngừa: tuân thủ đúng quy định về vận chuyển, pha chế, sử dụng và bảo quản hóa chất.

2. Viêm da, dị ứng:

Nguyên nhân là do ong, sâu bọ, phấn hoa, nấm mốc, ký sinh bám trên cây, hạt ngũ cốc...

2.4. Sau khi phun hoặc rải hóa chất:

- Bảo quản phần hóa chất chưa dùng vào nơi an toàn.
- Hủy vỏ đựng thuốc và lượng hóa chất đã pha nhưng còn thừa theo chỉ dẫn.
- Rửa sạch các thiết bị, dụng cụ sau khi sử dụng; giặt hoặc rửa sạch các phương tiện bảo vệ cá nhân, nếu đi găng tay khi làm việc thì phải rửa sạch phía ngoài trước khi cởi ra, các phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp cần phải được tẩy độc.
- Nước thải có hóa chất phải đổ vào nơi gom nước thải, nơi hoang hóa, không gây nguy hiểm cho người và súc vật.
- Rửa sạch tay và những chỗ bị dây bẩn trên cơ thể; tắm sau khi đã hoàn tất công việc.

IV. Phòng ngừa một số loại bệnh trong ngành nông nghiệp

Trong quá trình làm việc trong ngành nông nghiệp, người lao động có thể phải đối mặt với một số loại bệnh như sau:

1. Nhiễm độc hóa chất nông nghiệp:

Nhiễm lân hữu cơ, cacbonat: có triệu chứng gây buồn nôn, đau đầu, tăng tiết nước bọt, co giật, suy giảm hô hấp, kích ứng da, co đồng tử, hôn mê.

Nhiễm Clo hữu cơ: có triệu chứng gây tâm lý sợ hãi, lo lắng, chóng mặt, đau đầu, dễ kích thích, mất định hướng, mỏi cơ, co giật.

Nhiễm Pyrethroid và Pyrethrin: có triệu chứng gây cảm giác nóng rát da, niêm mạc, tê quanh hốc mắt, dị ứng, sản ngứa, viêm da do tiếp xúc, kích thích hệ thần kinh trung ương.

Cách phòng ngừa: tuân thủ đúng quy định về vận chuyển, pha chế, sử dụng và bảo quản hóa chất.

2. Viêm da, dị ứng:

Nguyên nhân là do ong, sâu bọ, phấn hoa, nấm mốc, ký sinh bám trên cây, hạt ngũ cốc...

Triệu chứng: Có các nốt sẩn phù màu đỏ sau đến đỏ sẫm và mụn nước, với các tổn thương gây ngứa, rát, đau khi tiếp xúc

Cách phòng ngừa: sử dụng các trang thiết bị cá nhân khi làm việc, tắm rửa sạch cơ thể sau khi làm việc.

3. Bệnh Leptospira:

Là bệnh lây truyền từ súc vật sang người do một loại vi khuẩn gây nên khi tiếp xúc với đất, nước tiểu súc vật mang bệnh và khi ngâm mình dưới nước, bùn lầy hoặc tiếp xúc trực tiếp với súc vật mang bệnh.

Triệu chứng:

- Sốt cao (39-41 độ C), sốt liên tục, có thể kéo dài từ 3 đến 10 ngày.
- Nôn, buồn nôn, tiêu chảy hoặc táo bón.
- Đau dữ dội các cơ bắp (rất thường gặp).
- Vàng da (thỉnh thoảng gặp), nước tiểu vàng sẫm do đái ra mủ hoặc máu.

Bệnh nhẹ có thể khỏi sau 1 tháng, nặng có thể tử vong do tổn thương thận.

Phòng ngừa:

- Cắt nguồn lây nhiễm bệnh;
- Diệt loài gặm nhấm, tiết trùng nước;
- Đi găng, ủng khi làm việc;
- Ăn chín, uống sôi, tiêm vắc-xin.

4. Bệnh cúm gia cầm:

Cúm gia cầm là một loại bệnh cúm do virus gây ra cho các loài gia cầm (hay chim), và có thể xâm nhiễm một số loài động vật có vú.

Bệnh cúm gà lây truyền qua không khí và phân bón, nhưng cũng có thể lây nhiễm qua thức ăn, nước, dụng cụ và quần áo.

Triệu chứng: Có các nốt sẩn phù màu đỏ sau đến đỏ sẫm và mụn nước, với các tổn thương gây ngứa, rát, đau khi tiếp xúc

Cách phòng ngừa: sử dụng các trang thiết bị cá nhân khi làm việc, tắm rửa sạch cơ thể sau khi làm việc.

3. Bệnh Leptospira:

Là bệnh lây truyền từ súc vật sang người do một loại vi khuẩn gây nên khi tiếp xúc với đất, nước tiểu súc vật mang bệnh và khi ngâm mình dưới nước, bùn lầy hoặc tiếp xúc trực tiếp với súc vật mang bệnh.

Triệu chứng:

- Sốt cao (39-41 độ C), sốt liên tục, có thể kéo dài từ 3 đến 10 ngày.
- Nôn, buồn nôn, tiêu chảy hoặc táo bón.
- Đau dữ dội các cơ bắp (rất thường gặp).
- Vàng da (thỉnh thoảng gặp), nước tiểu vàng sẫm do đái ra mủ hoặc máu.

Bệnh nhẹ có thể khỏi sau 1 tháng, nặng có thể tử vong do tổn thương thận.

Phòng ngừa:

- Cắt nguồn lây nhiễm bệnh;
- Diệt loài gặm nhấm, tiết trùng nước;
- Đi găng, ủng khi làm việc;
- Ăn chín, uống sôi, tiêm vắc-xin.

4. Bệnh cúm gia cầm:

Cúm gia cầm là một loại bệnh cúm do virus gây ra cho các loài gia cầm (hay chim), và có thể xâm nhiễm một số loài động vật có vú.

Bệnh cúm gà lây truyền qua không khí và phân bón, nhưng cũng có thể lây nhiễm qua thức ăn, nước, dụng cụ và quần áo.

Triệu chứng: Thời kỳ ủ bệnh từ 3 đến 5 ngày. Triệu chứng mắc bệnh ở các động vật là khác nhau, nhưng một số biến thể virus có thể dẫn đến tử vong chỉ trong vòng vài ngày.

Đối với con người, cúm gà gây ra các triệu chứng tương tự như của các loại cúm khác: sốt, ho, đau họng, đau nhức cơ bắp, viêm màng kết; ở những trường hợp nghiêm trọng, có thể gây suy giảm hô hấp và viêm phổi, có thể dẫn đến tử vong.

Cách phòng ngừa:

- Cắt nguồn lây bệnh, hạn chế sự lan truyền;
- Tiêu huỷ và tiêm vaccin đối với gia cầm;
- Sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt là hệ thống hô hấp khi tiếp xúc với gia cầm.

Triệu chứng: Thời kỳ ủ bệnh từ 3 đến 5 ngày. Triệu chứng mắc bệnh ở các động vật là khác nhau, nhưng một số biến thể virus có thể dẫn đến tử vong chỉ trong vòng vài ngày.

Đối với con người, cúm gà gây ra các triệu chứng tương tự như của các loại cúm khác: sốt, ho, đau họng, đau nhức cơ bắp, viêm màng kết; ở những trường hợp nghiêm trọng, có thể gây suy giảm hô hấp và viêm phổi, có thể dẫn đến tử vong.

Cách phòng ngừa:

- Cắt nguồn lây bệnh, hạn chế sự lan truyền;
- Tiêu huỷ và tiêm vaccin đối với gia cầm;
- Sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt là hệ thống hô hấp khi tiếp xúc với gia cầm.

Chương 4. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành ngư nghiệp

I. Các tai nạn, bệnh thường gặp trong ngành ngư nghiệp

An toàn lao động trong ngành ngư nghiệp là sự đảm bảo an toàn về người và tài sản trong quá trình người lao động khai thác hải sản. Các tai nạn lao động khi khai thác hải sản bao gồm:

1. Rơi ngã xuống biển:

Tai nạn xảy ra khi làm việc trên boong tàu, mạn tàu trong điều kiện thời tiết xấu như mưa bão làm cho tàu rung lắc, sàn tàu trơn trượt và bám không chắc hoặc không đeo dây an toàn.

2. Bị đắm tàu, thuyền:

Tai nạn xảy ra khi tàu đâm vào đá ngầm, đâm vào tàu khác, nghiêng lật do lốc xoáy, bão hoặc thân tàu bị thủng do quá trình va quệt trước đó hoặc ôxy hóa theo thời gian.

Tàu đắm có thể dẫn đến toàn bộ thủy thủ bị nhấn chìm trong nước biển.

3. Hỏa hoạn trên tàu, thuyền:

Hỏa hoạn do sử dụng lửa hoặc các nguồn phát nhiệt bất cẩn, hoặc do hoạt động của động cơ quá nóng gây phát hỏa. Hỏa hoạn có thể phá hủy tàu, tài sản trên tàu hoặc gây tử vong cho người làm việc trên tàu.

4. Ốm đau khi đang ở ngoài khơi:

Các bệnh có thể phát sinh trong quá trình làm việc trên tàu nếu không được cứu chữa kịp thời có thể nguy hiểm đến tính mạng người lao động như: cảm sốt, tiêu chảy, đau ruột thừa...

II. Cứu sinh

Cứu sinh là việc tổ chức cứu những người ở trên tàu bị rơi xuống biển hoặc những người ở trên tàu bị nạn có thể có nguy cơ bị

Chương 4. An toàn, vệ sinh lao động trong ngành ngư nghiệp

I. Các tai nạn, bệnh thường gặp trong ngành ngư nghiệp

An toàn lao động trong ngành ngư nghiệp là sự đảm bảo an toàn về người và tài sản trong quá trình người lao động khai thác hải sản. Các tai nạn lao động khi khai thác hải sản bao gồm:

1. Rơi ngã xuống biển:

Tai nạn xảy ra khi làm việc trên boong tàu, mạn tàu trong điều kiện thời tiết xấu như mưa bão làm cho tàu rung lắc, sàn tàu trơn trượt và bám không chắc hoặc không đeo dây an toàn.

2. Bị đắm tàu, thuyền:

Tai nạn xảy ra khi tàu đâm vào đá ngầm, đâm vào tàu khác, nghiêng lật do lốc xoáy, bão hoặc thân tàu bị thủng do quá trình va quệt trước đó hoặc ôxy hóa theo thời gian.

Tàu đắm có thể dẫn đến toàn bộ thủy thủ bị nhấn chìm trong nước biển.

3. Hỏa hoạn trên tàu, thuyền:

Hỏa hoạn do sử dụng lửa hoặc các nguồn phát nhiệt bất cẩn, hoặc do hoạt động của động cơ quá nóng gây phát hỏa. Hỏa hoạn có thể phá hủy tàu, tài sản trên tàu hoặc gây tử vong cho người làm việc trên tàu.

4. Ốm đau khi đang ở ngoài khơi:

Các bệnh có thể phát sinh trong quá trình làm việc trên tàu nếu không được cứu chữa kịp thời có thể nguy hiểm đến tính mạng người lao động như: cảm sốt, tiêu chảy, đau ruột thừa...

II. Cứu sinh

Cứu sinh là việc tổ chức cứu những người ở trên tàu bị rơi xuống biển hoặc những người ở trên tàu bị nạn có thể có nguy cơ bị

đắm. Để đảm bảo an toàn cho thuyền viên, các tàu đều phải trang bị đầy đủ các phương tiện cứu sinh. Mỗi thuyền viên cần phải hiểu biết về những trang thiết bị cứu sinh và có khả năng sử dụng chúng với hiệu quả cao nhất.

1. Các phương tiện cứu sinh:

1.1. Xuồng cứu sinh:

Xuồng cứu sinh là một phương tiện cấp cứu tập thể dùng trên các tàu có kích thước lớn nhằm duy trì cuộc sống của thuyền viên khi tàu đắm và chờ đợi sự trợ giúp. Xuồng cứu sinh luôn được treo trên giá đỡ ở tư thế sẵn sàng để sử dụng.

Để duy trì cuộc sống cho người bị nạn khi ở trên xuồng cứu sinh, mỗi xuồng phải được trang bị lương thực, nước ngọt, thuốc cấp cứu, cột buồm, mái chèo, dầu thắp sáng, còi hoặc phương tiện báo hiệu âm thanh, máy thu phát tín hiệu...

1.2. Bè cứu sinh:

Bè cứu sinh là một phương tiện cấp cứu tập thể, gồm có hai loại: bè cứu sinh bơm hơi và bè cứu sinh tự nổi. Trên bè phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như trên xuồng cứu sinh để giúp cho người ở trên bè có thể hoạt động bình thường. Số lượng người tối đa mà bè có thể chở được không vượt quá 25 người.

1.3. Phao cứu sinh:

Phao cứu sinh là một phương tiện cấp cứu cá nhân trên biển. Phao được bố trí ở những nơi có khả năng ném nhanh xuống nước để người bị nạn bám vào. Số lượng phao trang bị trên tàu tùy thuộc vào tính chất, kích thước và phạm vi hoạt động của tàu và số lượng người trên tàu.

1.4. Áo phao cứu sinh:

Áo phao cứu sinh là phương tiện cấp cứu cá nhân trên biển. Áo phao được buộc chặt vào người, giúp cho người mặc áo phao có thể

đắm. Để đảm bảo an toàn cho thuyền viên, các tàu đều phải trang bị đầy đủ các phương tiện cứu sinh. Mỗi thuyền viên cần phải hiểu biết về những trang thiết bị cứu sinh và có khả năng sử dụng chúng với hiệu quả cao nhất.

1. Các phương tiện cứu sinh:

1.1. Xuồng cứu sinh:

Xuồng cứu sinh là một phương tiện cấp cứu tập thể dùng trên các tàu có kích thước lớn nhằm duy trì cuộc sống của thuyền viên khi tàu đắm và chờ đợi sự trợ giúp. Xuồng cứu sinh luôn được treo trên giá đỡ ở tư thế sẵn sàng để sử dụng.

Để duy trì cuộc sống cho người bị nạn khi ở trên xuồng cứu sinh, mỗi xuồng phải được trang bị lương thực, nước ngọt, thuốc cấp cứu, cột buồm, mái chèo, dầu thắp sáng, còi hoặc phương tiện báo hiệu âm thanh, máy thu phát tín hiệu...

1.2. Bè cứu sinh:

Bè cứu sinh là một phương tiện cấp cứu tập thể, gồm có hai loại: bè cứu sinh bơm hơi và bè cứu sinh tự nổi. Trên bè phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như trên xuồng cứu sinh để giúp cho người ở trên bè có thể hoạt động bình thường. Số lượng người tối đa mà bè có thể chở được không vượt quá 25 người.

1.3. Phao cứu sinh:

Phao cứu sinh là một phương tiện cấp cứu cá nhân trên biển. Phao được bố trí ở những nơi có khả năng ném nhanh xuống nước để người bị nạn bám vào. Số lượng phao trang bị trên tàu tùy thuộc vào tính chất, kích thước và phạm vi hoạt động của tàu và số lượng người trên tàu.

1.4. Áo phao cứu sinh:

Áo phao cứu sinh là phương tiện cấp cứu cá nhân trên biển. Áo phao được buộc chặt vào người, giúp cho người mặc áo phao có thể

nổi trên mặt nước. Số lượng áo phao trên tàu tùy thuộc vào số lượng người trên tàu. Tất cả các tàu phải trang bị tối thiểu cho mỗi thuyền viên một áo phao và được đặt ở nơi thuận tiện cho việc sử dụng.

2. Cứu người rơi xuống biển:

Người lao động rơi xuống biển có thể chết đuối nếu không được cứu. Khi có người rơi xuống biển phải tiến hành các công việc cứu vớt người bị nạn một cách khẩn trương, linh hoạt và thận trọng. Các công việc cần thực hiện là:

a. Khi phát hiện có người rơi xuống biển phải kịp thời ném phương tiện cứu sinh cho người bị nạn, đồng thời thông báo cho người trực ca và thuyền viên trên tàu biết.

b. Người lái tàu phải bẻ lái để tàu hướng về phía người bị nạn nhưng phải để đuôi tàu cách xa người bị nạn để ngăn không cho người bị nạn bị hút vào chân vịt của tàu.

c. Để tăng hiệu quả cứu vớt, thuyền trưởng phải treo cờ chữ “O” hoặc phát tín hiệu “có người rơi xuống biển” bằng bất kỳ phương pháp nào để cho các tàu trong vùng biết và có biện pháp giúp đỡ.

d. Khi có báo động “có người rơi xuống biển”, các thủy thủ phải tiến hành chuẩn bị các phương tiện cứu vớt theo sự phân công để vớt người bị nạn.

e. Khi tàu tiếp cận người bị nạn phải hết sức thận trọng để tránh tai nạn gây nên do va đập, đặc biệt trong điều kiện sóng to gió lớn.

f. Để đảm bảo an toàn cho người bị nạn, phải dừng tàu ở khoảng cách 20-30m và dùng xuồng cứu sinh tiếp cận nạn nhân. Trong trường hợp sóng to gió lớn, không có khả năng thả xuồng cứu sinh, có thể điều động tàu đến, dùng dây buộc vào phao cứu sinh thả xuống nước cùng với một thủy thủ có khả năng bơi tốt để dìu người bị nạn về sát mạn tàu và đưa lên tàu.

nổi trên mặt nước. Số lượng áo phao trên tàu tùy thuộc vào số lượng người trên tàu. Tất cả các tàu phải trang bị tối thiểu cho mỗi thuyền viên một áo phao và được đặt ở nơi thuận tiện cho việc sử dụng.

2. Cứu người rơi xuống biển:

Người lao động rơi xuống biển có thể chết đuối nếu không được cứu. Khi có người rơi xuống biển phải tiến hành các công việc cứu vớt người bị nạn một cách khẩn trương, linh hoạt và thận trọng. Các công việc cần thực hiện là:

a. Khi phát hiện có người rơi xuống biển phải kịp thời ném phương tiện cứu sinh cho người bị nạn, đồng thời thông báo cho người trực ca và thuyền viên trên tàu biết.

b. Người lái tàu phải bẻ lái để tàu hướng về phía người bị nạn nhưng phải để đuôi tàu cách xa người bị nạn để ngăn không cho người bị nạn bị hút vào chân vịt của tàu.

c. Để tăng hiệu quả cứu vớt, thuyền trưởng phải treo cờ chữ “O” hoặc phát tín hiệu “có người rơi xuống biển” bằng bất kỳ phương pháp nào để cho các tàu trong vùng biết và có biện pháp giúp đỡ.

d. Khi có báo động “có người rơi xuống biển”, các thủy thủ phải tiến hành chuẩn bị các phương tiện cứu vớt theo sự phân công để vớt người bị nạn.

e. Khi tàu tiếp cận người bị nạn phải hết sức thận trọng để tránh tai nạn gây nên do va đập, đặc biệt trong điều kiện sóng to gió lớn.

f. Để đảm bảo an toàn cho người bị nạn, phải dừng tàu ở khoảng cách 20-30m và dùng xuồng cứu sinh tiếp cận nạn nhân. Trong trường hợp sóng to gió lớn, không có khả năng thả xuồng cứu sinh, có thể điều động tàu đến, dùng dây buộc vào phao cứu sinh thả xuống nước cùng với một thủy thủ có khả năng bơi tốt để dìu người bị nạn về sát mạn tàu và đưa lên tàu.

III. Cứu tàu bị thủng, bị đắm

1. Cứu tàu bị thủng, bị đắm:

Thủng tàu là phần vỏ tàu ở dưới nước hoặc gần mép nước bị hư hỏng và nước tràn vào tàu. Tàu bị thủng có thể dẫn đến đắm tàu, đe dọa tính mạng của thuyền viên và gây thiệt hại về vật chất. Cứu tàu bị thủng hoặc sắp đắm là thực hiện các công việc nhằm hạn chế nước chảy vào tàu, tránh cho tàu bị chìm xuống biển, nhằm đảm bảo an toàn tính mạng thuyền viên và tài sản trên tàu.

2. Các công việc cần thực hiện khi tàu bị thủng hoặc sắp đắm:

- Báo động về sự cố xảy ra và phân công các thuyền viên tiến hành các công việc để cứu tàu.
- Tiến hành xác định vị trí, kích thước lỗ thủng và lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng.
- Đóng kín các cửa hầm bị thủng để ngăn cách với những hầm kế cận, dùng máy bơm hút nước ra ngoài.
- Dùng các dụng cụ chống thủng sẵn có trên tàu để bịt tạm thời lỗ thủng. Trường hợp tàu bị thủng nặng phải phát tín hiệu cấp cứu để các tàu khác đến cứu giúp hoặc kéo về cảng gần nhất để sửa chữa.
- Khi gặp nạn, thuyền trưởng phải bình tĩnh, chỉ đạo thuyền viên tiến hành các công việc một cách khẩn trương để quá trình cứu tàu có hiệu quả tốt nhất.
- Khi việc cứu thủng không ngăn được việc đắm tàu, phải phát tín hiệu cấp cứu và thực hiện các biện pháp cứu sinh.

IV. Cứu tàu bị mắc cạn

1. Tàu bị mắc cạn:

Trong quá trình di chuyển, đáy tàu có thể bị mắc cạn và bị giữ lại tại đó. Khi tàu bị mắc cạn, cần bình tĩnh thực hiện các công việc để cứu tàu ra khỏi bãi cạn.

III. Cứu tàu bị thủng, bị đắm

1. Cứu tàu bị thủng, bị đắm:

Thủng tàu là phần vỏ tàu ở dưới nước hoặc gần mép nước bị hư hỏng và nước tràn vào tàu. Tàu bị thủng có thể dẫn đến đắm tàu, đe dọa tính mạng của thuyền viên và gây thiệt hại về vật chất. Cứu tàu bị thủng hoặc sắp đắm là thực hiện các công việc nhằm hạn chế nước chảy vào tàu, tránh cho tàu bị chìm xuống biển, nhằm đảm bảo an toàn tính mạng thuyền viên và tài sản trên tàu.

2. Các công việc cần thực hiện khi tàu bị thủng hoặc sắp đắm:

- Báo động về sự cố xảy ra và phân công các thuyền viên tiến hành các công việc để cứu tàu.
- Tiến hành xác định vị trí, kích thước lỗ thủng và lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng.
- Đóng kín các cửa hầm bị thủng để ngăn cách với những hầm kế cận, dùng máy bơm hút nước ra ngoài.
- Dùng các dụng cụ chống thủng sẵn có trên tàu để bịt tạm thời lỗ thủng. Trường hợp tàu bị thủng nặng phải phát tín hiệu cấp cứu để các tàu khác đến cứu giúp hoặc kéo về cảng gần nhất để sửa chữa.
- Khi gặp nạn, thuyền trưởng phải bình tĩnh, chỉ đạo thuyền viên tiến hành các công việc một cách khẩn trương để quá trình cứu tàu có hiệu quả tốt nhất.
- Khi việc cứu thủng không ngăn được việc đắm tàu, phải phát tín hiệu cấp cứu và thực hiện các biện pháp cứu sinh.

IV. Cứu tàu bị mắc cạn

1. Tàu bị mắc cạn:

Trong quá trình di chuyển, đáy tàu có thể bị mắc cạn và bị giữ lại tại đó. Khi tàu bị mắc cạn, cần bình tĩnh thực hiện các công việc để cứu tàu ra khỏi bãi cạn.

2. Các công việc cần thực hiện để cứu tàu bị mắc cạn:

- Lập tức dừng máy và thông báo cho toàn bộ thuyền viên biết về tai nạn và phân công các thuyền viên tiến hành các công việc để cứu tàu.

- Kiểm tra vỏ tàu có bị thủng hay không để kịp xử lý thủng tàu.

- Xác định hướng đi của tàu trước khi bị mắc cạn và hướng của tàu nằm trên bãi cạn để biết được trạng thái mắc cạn của tàu; tính toán mực nước khi thủy triều lên, xuống.

- Tìm thông tin về thời tiết hiện tại và sắp tới để kịp thời đề phòng các trở ngại bởi thời tiết, bảo đảm an toàn cho tàu.

- Xác định được hướng gió và cường độ của dòng chảy để tránh hiện tượng dòng chảy làm tăng mức độ nguy hiểm của tai nạn.

- Xác định vị trí chính xác của tàu khi bị cạn, tiến hành đánh dấu vị trí nguy hiểm lên hải đồ để đề phòng tránh về sau.

- Xác định thể của tàu trên bãi cạn, để biết tàu có khả năng bị lật hay không để có biện pháp xử lý.

- Sau khi tính toán và làm tốt công tác chuẩn bị, tiến hành đề ra phương pháp thích hợp để đưa tàu rời khỏi bãi cạn.

V. Phòng cháy, chữa cháy trên tàu

1. Sự cố cháy trên tàu:

Sự cố cháy xảy ra trên tàu là một tai nạn rất nguy hiểm, có thể gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản. Để dập tắt đám cháy, cần phải loại bỏ một trong ba yếu tố gây nên cháy là: chất cháy, sự cung cấp oxygen và nhiệt.

Tùy thuộc vào kích thước tàu và sự cần thiết mà các tàu trang bị các thiết bị và dụng cụ chữa cháy cho phù hợp.

2. Phòng cháy trên tàu:

- Trang bị các thiết bị chữa cháy như: hệ thống bơm nước chữa cháy, phun nước tự động, bình chứa CO₂, thiết bị chữa cháy bằng

2. Các công việc cần thực hiện để cứu tàu bị mắc cạn:

- Lập tức dừng máy và thông báo cho toàn bộ thuyền viên biết về tai nạn và phân công các thuyền viên tiến hành các công việc để cứu tàu.

- Kiểm tra vỏ tàu có bị thủng hay không để kịp xử lý thủng tàu.

- Xác định hướng đi của tàu trước khi bị mắc cạn và hướng của tàu nằm trên bãi cạn để biết được trạng thái mắc cạn của tàu; tính toán mực nước khi thủy triều lên, xuống.

- Tìm thông tin về thời tiết hiện tại và sắp tới để kịp thời đề phòng các trở ngại bởi thời tiết, bảo đảm an toàn cho tàu.

- Xác định được hướng gió và cường độ của dòng chảy để tránh hiện tượng dòng chảy làm tăng mức độ nguy hiểm của tai nạn.

- Xác định vị trí chính xác của tàu khi bị cạn, tiến hành đánh dấu vị trí nguy hiểm lên hải đồ để đề phòng tránh về sau.

- Xác định thể của tàu trên bãi cạn, để biết tàu có khả năng bị lật hay không để có biện pháp xử lý.

- Sau khi tính toán và làm tốt công tác chuẩn bị, tiến hành đề ra phương pháp thích hợp để đưa tàu rời khỏi bãi cạn.

V. Phòng cháy, chữa cháy trên tàu

1. Sự cố cháy trên tàu:

Sự cố cháy xảy ra trên tàu là một tai nạn rất nguy hiểm, có thể gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản. Để dập tắt đám cháy, cần phải loại bỏ một trong ba yếu tố gây nên cháy là: chất cháy, sự cung cấp oxygen và nhiệt.

Tùy thuộc vào kích thước tàu và sự cần thiết mà các tàu trang bị các thiết bị và dụng cụ chữa cháy cho phù hợp.

2. Phòng cháy trên tàu:

- Trang bị các thiết bị chữa cháy như: hệ thống bơm nước chữa cháy, phun nước tự động, bình chứa CO₂, thiết bị chữa cháy bằng

khí trợ; bình chữa cháy, thùng, xô, cát, xẻng, rìu, câu liêm, thang, búa, quần áo chống cháy và các thiết bị báo cháy.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các hệ thống thiết bị báo cháy, thiết bị và dụng cụ chữa cháy, phát hiện kịp thời các hư hỏng.

- Kiểm tra và phát hiện và ngăn ngừa kịp thời các nguy cơ gây cháy như chập điện, phóng tia lửa điện, rò rỉ nhiên liệu...

- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành các quy định về cất giữ, bảo quản các chất dễ cháy nổ.

- Phát hiện sớm các mùi lạ do cháy gây ra, có biện pháp ngăn chặn cháy kịp thời.

- Tiến hành định kỳ việc thực tập chữa cháy trên tàu.

3. Chữa cháy trên tàu:

Khi có đám cháy trên tàu cần thực hiện các biện pháp chữa cháy như sau:

- Nhanh chóng đưa tất cả các chất dễ cháy ra khỏi khu vực có đám cháy.

- Loại oxy trong không khí hoặc giảm lượng oxy trong không khí bằng cách đậy kín đám cháy hoặc phun bột chữa cháy vào đám cháy.

- Hạ thấp nhiệt độ của chất cháy bằng cách bơm nước hoặc hơi nước vào đám cháy.

VI. Giữ gìn sức khỏe cho người làm việc trên tàu biển

1. Say sóng:

Say sóng là trạng thái cơ thể của người đi tàu thuyền cảm thấy khó chịu, mệt mỏi, buồn nôn gây ra bởi sự rối loạn các chức năng của hệ thần kinh thực vật và các chức năng khác của cơ thể. Say sóng gây ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động và khả năng lao động của những người lao động trên biển.

khí trợ; bình chữa cháy, thùng, xô, cát, xẻng, rìu, câu liêm, thang, búa, quần áo chống cháy và các thiết bị báo cháy.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các hệ thống thiết bị báo cháy, thiết bị và dụng cụ chữa cháy, phát hiện kịp thời các hư hỏng.

- Kiểm tra và phát hiện và ngăn ngừa kịp thời các nguy cơ gây cháy như chập điện, phóng tia lửa điện, rò rỉ nhiên liệu...

- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành các quy định về cất giữ, bảo quản các chất dễ cháy nổ.

- Phát hiện sớm các mùi lạ do cháy gây ra, có biện pháp ngăn chặn cháy kịp thời.

- Tiến hành định kỳ việc thực tập chữa cháy trên tàu.

3. Chữa cháy trên tàu:

Khi có đám cháy trên tàu cần thực hiện các biện pháp chữa cháy như sau:

- Nhanh chóng đưa tất cả các chất dễ cháy ra khỏi khu vực có đám cháy.

- Loại oxy trong không khí hoặc giảm lượng oxy trong không khí bằng cách đậy kín đám cháy hoặc phun bột chữa cháy vào đám cháy.

- Hạ thấp nhiệt độ của chất cháy bằng cách bơm nước hoặc hơi nước vào đám cháy.

VI. Giữ gìn sức khỏe cho người làm việc trên tàu biển

1. Say sóng:

Say sóng là trạng thái cơ thể của người đi tàu thuyền cảm thấy khó chịu, mệt mỏi, buồn nôn gây ra bởi sự rối loạn các chức năng của hệ thần kinh thực vật và các chức năng khác của cơ thể. Say sóng gây ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động và khả năng lao động của những người lao động trên biển.

Bệnh say sóng khó có thể điều trị được một cách triệt để cho mọi đối tượng, bởi nó phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của người đi biển như: khả năng tự rèn luyện, ý chí, tâm lý...

Để hạn chế bị say sóng, người làm việc trên tàu phải:

- Được khám tuyển để đảm bảo có khả năng chịu sóng. Chỉ những người được "miễn dịch với sóng" mới nên làm nghề này hoặc phải được qua rèn luyện để tránh mắc chứng bệnh say sóng khi làm việc trên biển.

- Trước khi lên tàu, cần ăn uống đồ khô, nhẹ bụng như bánh mì, xôi, bánh bao; không nên ăn đồ nước, nhiều dầu mỡ, khó tiêu hoặc uống nước có ga, chất kích thích...; không nên ăn quá no hoặc để quá đói để tránh bị nôn ói.

- Đừng để cảm giác nôn nao của cơn đói "cộng hưởng" với những cơn sóng.

2. Phòng một số bệnh cơ bản:

Trong quá trình làm việc trên tàu, người lao động có thể gặp phải một số bệnh cơ bản như cảm cúm, tiêu chảy hoặc đau ruột thừa...

Để điều trị các căn bệnh như cảm cúm thông thường, hoặc tiêu chảy cần chuẩn bị một số loại thuốc cần thiết theo chỉ dẫn của bác sỹ.

Đối với trường hợp bị ngộ độc thức ăn, đau ruột thừa cần phải đưa ngay người bệnh về đất liền để thực hiện việc cứu chữa trong thời gian ngắn nhất.

Bệnh say sóng khó có thể điều trị được một cách triệt để cho mọi đối tượng, bởi nó phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của người đi biển như: khả năng tự rèn luyện, ý chí, tâm lý...

Để hạn chế bị say sóng, người làm việc trên tàu phải:

- Được khám tuyển để đảm bảo có khả năng chịu sóng. Chỉ những người được "miễn dịch với sóng" mới nên làm nghề này hoặc phải được qua rèn luyện để tránh mắc chứng bệnh say sóng khi làm việc trên biển.

- Trước khi lên tàu, cần ăn uống đồ khô, nhẹ bụng như bánh mì, xôi, bánh bao; không nên ăn đồ nước, nhiều dầu mỡ, khó tiêu hoặc uống nước có ga, chất kích thích...; không nên ăn quá no hoặc để quá đói để tránh bị nôn ói.

- Đừng để cảm giác nôn nao của cơn đói "cộng hưởng" với những cơn sóng.

2. Phòng một số bệnh cơ bản:

Trong quá trình làm việc trên tàu, người lao động có thể gặp phải một số bệnh cơ bản như cảm cúm, tiêu chảy hoặc đau ruột thừa...

Để điều trị các căn bệnh như cảm cúm thông thường, hoặc tiêu chảy cần chuẩn bị một số loại thuốc cần thiết theo chỉ dẫn của bác sỹ.

Đối với trường hợp bị ngộ độc thức ăn, đau ruột thừa cần phải đưa ngay người bệnh về đất liền để thực hiện việc cứu chữa trong thời gian ngắn nhất.

PHẦN IV: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN PHÒNG NGỪA RỦI RO

Chương 1. Cháy nổ, hỏa hoạn – phòng ngừa và cách xử lý

Cháy nổ là nguy cơ có thể xảy ra bất cứ lúc nào tại nơi làm việc cũng như tại nơi ở, đặc biệt trong môi trường công xưởng, có rất nhiều yếu tố tiềm ẩn.

Nổ thường tạo ra môi trường áp lực lớn, có thể phá hủy nhiều các vật thể xung quanh, gây sát thương cho con người. Cháy có thể phá hủy, làm hư hỏng tài sản, gây bỏng, ngạt khí đối với con người và có thể dẫn đến tử vong. Vì vậy cần phải có biện pháp phòng chống cháy, nổ một cách hữu hiệu.

I. Quy tắc phòng, chống cháy nổ, hỏa hoạn

Cháy xảy ra khi có đầy đủ 3 yếu tố, đó là chất cháy (như xăng, dầu, cồn, giấy, gỗ,...), chất oxy hóa (thường là ôxy trong không khí) và nguồn nhiệt. Trong đó chất cháy với chất oxy hóa đóng vai trò là những chất tham gia phản ứng, còn nguồn nhiệt là tác nhân cung cấp năng lượng cho phản ứng cháy xảy ra.

Nổ có thể xảy ra khi xảy ra cháy với vận tốc lớn kèm theo giải phóng năng lượng, tạo áp suất có sức công phá lớn.

Nguyên lý phòng, chống cháy, nổ là tách rời ba yếu tố gây cháy, không để tạo thành đám cháy lớn gây ra nổ. Khi xảy ra cháy, nổ, cần hạ thấp tốc độ cháy của vật liệu đang cháy đến mức tối thiểu và phân tán nhanh nhiệt lượng của đám cháy ra ngoài.

- Tại nơi ở: Không sử dụng bếp nướng than; không rời bếp khi đang nấu; không để khăn, giấy gần lò nung, không hút thuốc trong nhà; tắt nến, rút máy sấy tóc, bàn là, bình đun nước, quạt/chăn sưởi, tắt lò nung, bếp nấu, bình nóng lạnh khi không sử dụng và khi ra khỏi nhà.

PHẦN IV: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN PHÒNG NGỪA RỦI RO

Chương 1. Cháy nổ, hỏa hoạn – phòng ngừa và cách xử lý

Cháy nổ là nguy cơ có thể xảy ra bất cứ lúc nào tại nơi làm việc cũng như tại nơi ở, đặc biệt trong môi trường công xưởng, có rất nhiều yếu tố tiềm ẩn.

Nổ thường tạo ra môi trường áp lực lớn, có thể phá hủy nhiều các vật thể xung quanh, gây sát thương cho con người. Cháy có thể phá hủy, làm hư hỏng tài sản, gây bỏng, ngạt khí đối với con người và có thể dẫn đến tử vong. Vì vậy cần phải có biện pháp phòng chống cháy, nổ một cách hữu hiệu.

I. Quy tắc phòng, chống cháy nổ, hỏa hoạn

Cháy xảy ra khi có đầy đủ 3 yếu tố, đó là chất cháy (như xăng, dầu, cồn, giấy, gỗ,...), chất oxy hóa (thường là ôxy trong không khí) và nguồn nhiệt. Trong đó chất cháy với chất oxy hóa đóng vai trò là những chất tham gia phản ứng, còn nguồn nhiệt là tác nhân cung cấp năng lượng cho phản ứng cháy xảy ra.

Nổ có thể xảy ra khi xảy ra cháy với vận tốc lớn kèm theo giải phóng năng lượng, tạo áp suất có sức công phá lớn.

Nguyên lý phòng, chống cháy, nổ là tách rời ba yếu tố gây cháy, không để tạo thành đám cháy lớn gây ra nổ. Khi xảy ra cháy, nổ, cần hạ thấp tốc độ cháy của vật liệu đang cháy đến mức tối thiểu và phân tán nhanh nhiệt lượng của đám cháy ra ngoài.

- Tại nơi ở: Không sử dụng bếp nướng than; không rời bếp khi đang nấu; không để khăn, giấy gần lò nung, không hút thuốc trong nhà; tắt nến, rút máy sấy tóc, bàn là, bình đun nước, quạt/chăn sưởi, tắt lò nung, bếp nấu, bình nóng lạnh khi không sử dụng và khi ra khỏi nhà.

- Tại nơi làm việc: Không hút thuốc tại nơi làm việc, tuân thủ các quy định về vận hành các thiết bị điện, vận chuyển, pha chế, bảo quản hóa chất đúng quy định, ngắt nguồn điện khỏi các thiết bị điện khi không sử dụng,..bảo quản các chất dễ cháy như xăng, dầu, cồn ở nơi quy định.

II. Cách xử lý khi có cháy nổ, hoả hoạn

- Khi phát hiện có hoả hoạn phải kêu to để báo cho mọi người xung quanh biết. Bình tĩnh bấm chuông báo động hoặc gọi điện thoại cứu hỏa 119 báo địa điểm, hiện trạng cháy.

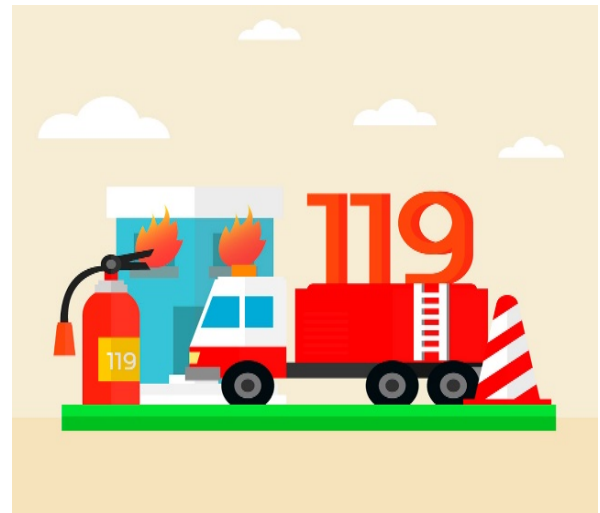
Nếu cửa bị khoá trong nhà, người lao động phải kêu to và cầm một vật gì đó vẩy để báo cho mọi người biết mình đang ở bên trong.

- Sử dụng bình cứu hoả để ngăn không cho ngọn lửa lan ra xung quanh, tắt cầu dao để ngắt mạng điện.

- Bình tĩnh xem xét tình huống để có hành động xử lý phù hợp và kịp thời. Không được mở cửa sổ, cửa chính khi đang có đám cháy to

- Không được chạy vào đám cháy để cứu đồ đạc quý khi đám cháy đã to.

- Nếu bị bỏng nhẹ, phải nhanh chóng dùng nước lạnh xả rửa, sau đó chườm hoặc ngâm bằng nước lạnh khoảng 30 phút, từ từ cởi bỏ quần áo khi đang xả nước lạnh, nhớ không được làm vỡ nốt phỏng rộp, sau đó dùng gạc, vải xô hoặc khăn mặt sạch phủ lên vết thương rồi nhanh chóng đưa đi bệnh viện cấp cứu.



- Tại nơi làm việc: Không hút thuốc tại nơi làm việc, tuân thủ các quy định về vận hành các thiết bị điện, vận chuyển, pha chế, bảo quản hóa chất đúng quy định, ngắt nguồn điện khỏi các thiết bị điện khi không sử dụng,..bảo quản các chất dễ cháy như xăng, dầu, cồn ở nơi quy định.

II. Cách xử lý khi có cháy nổ, hoả hoạn

- Khi phát hiện có hoả hoạn phải kêu to để báo cho mọi người xung quanh biết. Bình tĩnh bấm chuông báo động hoặc gọi điện thoại cứu hỏa 119 báo địa điểm, hiện trạng cháy.

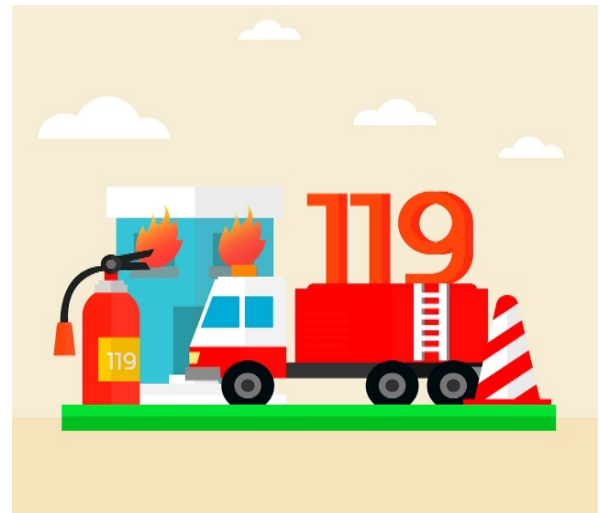
Nếu cửa bị khoá trong nhà, người lao động phải kêu to và cầm một vật gì đó vẩy để báo cho mọi người biết mình đang ở bên trong.

- Sử dụng bình cứu hoả để ngăn không cho ngọn lửa lan ra xung quanh, tắt cầu dao để ngắt mạng điện.

- Bình tĩnh xem xét tình huống để có hành động xử lý phù hợp và kịp thời. Không được mở cửa sổ, cửa chính khi đang có đám cháy to

- Không được chạy vào đám cháy để cứu đồ đạc quý khi đám cháy đã to.

- Nếu bị bỏng nhẹ, phải nhanh chóng dùng nước lạnh xả rửa, sau đó chườm hoặc ngâm bằng nước lạnh khoảng 30 phút, từ từ cởi bỏ quần áo khi đang xả nước lạnh, nhớ không được làm vỡ nốt phỏng rộp, sau đó dùng gạc, vải xô hoặc khăn mặt sạch phủ lên vết thương rồi nhanh chóng đưa đi bệnh viện cấp cứu.



III. Phòng chống và xử lý khi bị bỏng do nước sôi, ga, xăng, dầu, mỡ, hoá chất

- Cần thận khi rót, đặt, bê, vác đồ vật có nước sôi, dầu mỡ, hoá chất... tránh dẫm vào người.
- Không bật lửa hay hút thuốc lá, đốt vàng mã gần nơi để xăng, dầu; không để xăng dầu gần các ổ cắm điện, công tắc, cầu dao điện.
- Khi phát hiện trong nhà có hơi ga (do hở van, hay dò rỉ đường dẫn ga), phải mở cửa, cửa sổ để nhanh chóng thoát khí gas ra ngoài, không bật lửa, bật công tắc hay cầu dao điện.
- Tắt bếp gas, hệ thống dẫn gas khi không sử dụng. Định kỳ kiểm tra van tự ngắt và đường ống gas, đảm bảo hoạt động tốt.

Cách xử lý khi bị bỏng

- Nếu bị bỏng (nước, mỡ, dầu nóng): phải kịp thời lấy nước lạnh làm mát, làm sạch vết thương, không tự bôi các loại thuốc; phủ kín vết thương bằng vải mỏng rồi đi đến cơ sở y tế.
 - Nếu bị bỏng (axít, hoá chất khác): nhanh chóng cởi bỏ quần áo dính axít cho nạn nhân rồi ngâm vùng bị bỏng vào nước hoặc dùng nước dội vào vùng bị bỏng để làm loãng nồng độ axít.
- Thời gian ngâm hay dội nước ít nhất khoảng 20 - 30 phút. Nếu axít bắn vào mắt thì cúi úp mắt xuống nước rồi chớp mắt nhiều lần để rửa axít khỏi mắt.
- Nếu bị bỏng nhẹ: phải lập tức xả rửa bằng nước lạnh, sau đó chườm nước lạnh hoặc ngâm nước lạnh. Nên nhớ không được làm vỡ nốt phỏng (bể mọt nước) trên vết thương.

III. Phòng chống và xử lý khi bị bỏng do nước sôi, ga, xăng, dầu, mỡ, hoá chất

- Cần thận khi rót, đặt, bê, vác đồ vật có nước sôi, dầu mỡ, hoá chất... tránh dây vào người.
- Không bật lửa hay hút thuốc lá, đốt vàng mã gần nơi để xăng, dầu; không để xăng dầu gần các ổ cắm điện, công tắc, cầu dao điện.
- Khi phát hiện trong nhà có hơi ga (do hờ van, hay dò rỉ đường dẫn ga), phải mở cửa, cửa sổ để nhanh chóng thoát khí gas ra ngoài, không bật lửa, bật công tắc hay cầu dao điện.
- Tắt bếp gas, hệ thống dẫn gas khi không sử dụng. Định kỳ kiểm tra van tự ngắt và đường ống gas, đảm bảo hoạt động tốt.

Cách xử lý khi bị bỏng

- Nếu bị bỏng (nước, mỡ, dầu nóng): phải kịp thời lấy nước lạnh làm mát, làm sạch vết thương, không tự bôi các loại thuốc; phủ kín vết thương bằng vải mỏng rồi đi đến cơ sở y tế.
 - Nếu bị bỏng (axít, hoá chất khác): nhanh chóng cởi bỏ quần áo dính axít cho nạn nhân rồi ngâm vùng bị bỏng vào nước hoặc dùng nước dội vào vùng bị bỏng để làm loãng nồng độ axít.
- Thời gian ngâm hay dội nước ít nhất khoảng 20 - 30 phút. Nếu axít bắn vào mắt thì cúi úp mắt xuống nước rồi chớp mắt nhiều lần để rửa axít khỏi mắt.
- Nếu bị bỏng nhẹ: phải lập tức xả rửa bằng nước lạnh, sau đó chườm nước lạnh hoặc ngâm nước lạnh. Nên nhớ không được làm vỡ nốt phỏng (bể mọt nước) trên vết thương.

- Nếu bị bỏng nặng, phải xử lý theo các bước sau: “**Xả - Cởi - Ngâm - Phủ - Đưa**” để hạn chế mức bị tổn thương, trong đó:

+ **Xả**: Nhanh chóng xả rửa dưới vòi nước máy, hoặc ngâm ngay vùng bị bỏng vào nước lạnh, để nhanh chóng giúp dịu đi độ nhiệt trên mặt biểu bì.

+ **Cởi**: Sau khi đã được hoàn toàn làm ướt, từ từ cởi bỏ áo quần, khi cần thiết thì lấy kéo cắt bỏ quần áo đang mặc, nhưng tạm thời giữ lại phần bị dính. Không được làm vỡ nốt phỏng trên vết thương.

+ **Ngâm**: Liên tục ngâm 20- 30 phút trong nước lạnh khoảng 15- 20oC (tuyệt đối không được dùng nước quá lạnh hoặc chườm đá) để giúp dịu đi mức đau và ổn định tâm trạng của người bị bỏng. Nhưng khi mặt diện tích bị bỏng quá rộng thì không cần ngâm nước lạnh lâu để nhiệt độ cơ thể không bị sụt giảm quá so mức bình thường, hoặc không được điều trị trong thời gian sớm nhất.

+ **Phủ**: Dùng tấm ga trải giường hoặc khăn vải, vải gạc sạch sẽ phủ lên trên vết thương.

+ **Đưa**: Khẩn trương đưa người bị nạn đi cấp cứu ở cơ sở y tế gần nhất.



- Nếu bị bỏng nặng, phải xử lý theo các bước sau: “**Xả - Cởi - Ngâm - Phủ - Đưa**” để hạn chế mức bị tổn thương, trong đó:

+ **Xả**: Nhanh chóng xả rửa dưới vòi nước máy, hoặc ngâm ngay vùng bị bỏng vào nước lạnh, để nhanh chóng giúp dịu đi độ nhiệt trên mặt biểu bì.

+ **Cởi**: Sau khi đã được hoàn toàn làm ướt, từ từ cởi bỏ áo quần, khi cần thiết thì lấy kéo cắt bỏ quần áo đang mặc, nhưng tạm thời giữ lại phần bị dính. Không được làm vỡ nốt phỏng trên vết thương.

+ **Ngâm**: Liên tục ngâm 20- 30 phút trong nước lạnh khoảng 15- 20oC (tuyệt đối không được dùng nước quá lạnh hoặc chườm đá) để giúp dịu đi mức đau và ổn định tâm trạng của người bị bỏng. Nhưng khi mặt diện tích bị bỏng quá rộng thì không cần ngâm nước lạnh lâu để nhiệt độ cơ thể không bị sụt giảm quá so mức bình thường, hoặc không được điều trị trong thời gian sớm nhất.

+ **Phủ**: Dùng tấm ga trải giường hoặc khăn vải, vải gạc sạch sẽ phủ lên trên vết thương.

+ **Đưa**: Khẩn trương đưa người bị nạn đi cấp cứu ở cơ sở y tế gần nhất.



Không được tùy tiện sử dụng thuốc bôi ngoài da hoặc những bài thuốc theo kinh nghiệm dân gian, sử dụng những thuốc này không những không có tác dụng giúp hồi phục vết thương bị bỏng, mà còn làm vết thương dễ bị nhiễm trùng và ảnh hưởng đến sự chẩn đoán của nhân viên y tế. Cách xử lý khẩn cấp là sơ cứu như hướng dẫn ở trên rồi đưa nạn nhân đi khám chữa tại cơ sở y tế gần nhất. Trường hợp bị bỏng trên diện rộng thì cần chuyển đến bệnh viện có trang bị chuyên dùng để điều trị bỏng.

Không được tùy tiện sử dụng thuốc bôi ngoài da hoặc những bài thuốc theo kinh nghiệm dân gian, sử dụng những thuốc này không những không có tác dụng giúp hồi phục vết thương bị bỏng, mà còn làm vết thương dễ bị nhiễm trùng và ảnh hưởng đến sự chẩn đoán của nhân viên y tế. Cách xử lý khẩn cấp là sơ cứu như hướng dẫn ở trên rồi đưa nạn nhân đi khám chữa tại cơ sở y tế gần nhất. Trường hợp bị bỏng trên diện rộng thì cần chuyển đến bệnh viện có trang bị chuyên dùng để điều trị bỏng.

Chương 2. Phòng ngừa tai nạn

I. Tai nạn điện

1. Phòng ngừa tai nạn do điện

- Không để tay có dính nước, chất lỏng, tay cầm vật dụng bằng kim loại và chân tiếp xúc với nền nhà khi cắm ổ điện, tiếp xúc với dây dẫn điện (kim loại, nước, chất lỏng và cơ thể con người có khả năng dẫn điện tốt).



- Không để các đồ vật dễ cháy như: ga, xăng, dầu, nhựa, giấy, bông, vải sợi,... gần nơi có ổ phích cắm điện, để bị bắt lửa do chập điện.

- Không phơi trên dây điện, không để hở các đầu đoạn dây điện, phải bọc băng dính hay nilon.

- Không tự ý nối dây điện khi đang có nguồn điện; Tắt nguồn điện, treo biển cảnh báo tại cầu dao, thiết bị ngắt điện để không ai chạm vào, và chỉ nên sửa chữa điện khi đảm bảo tất cả các nguồn cung cấp điện đã được ngắt hoàn toàn.

- Khi xảy ra cháy điện, việc đầu tiên là phải ngắt điện và dùng bình cứu hỏa để khắc phục sự cố cháy điện, tuyệt đối không được tạt nước vào để dập lửa.

2. Xử lý khi bị điện giật

Khi bị điện giật, các cơ của cơ thể bị co giật mạnh, làm người bắn ra; nếu đang ở trên cao sẽ bị rơi xuống gây chấn thương. Có khi người bị điện giật bị dính vào dây điện; trường hợp này nên cẩn thận vì nạn nhân sẽ bị rơi xuống đất khi cắt điện. Khi bị điện giật, người bị giật sẽ bị bỏng và nguy hiểm nhất là ngừng thở, ngừng tim rồi chết.

Chương 2. Phòng ngừa tai nạn

I. Tai nạn điện

1. Phòng ngừa tai nạn do điện

- Không để tay có dính nước, chất lỏng, tay cầm vật dụng bằng kim loại và chân tiếp xúc với nền nhà khi cắm ổ điện, tiếp xúc với dây dẫn điện (kim loại, nước, chất lỏng và cơ thể con người có khả năng dẫn điện tốt).



- Không để các đồ vật dễ cháy như: ga, xăng, dầu, nhựa, giấy, bông, vải sợi,... gần nơi có ổ phích cắm điện, để bị bắt lửa do chập điện.

- Không phơi trên dây điện, không để hở các đầu đoạn dây điện, phải bọc băng dính hay nilon.

- Không tự ý nối dây điện khi đang có nguồn điện; Tắt nguồn điện, treo biển cảnh báo tại cầu dao, thiết bị ngắt điện để không ai chạm vào, và chỉ nên sửa chữa điện khi đảm bảo tất cả các nguồn cung cấp điện đã được ngắt hoàn toàn.

- Khi xảy ra cháy điện, việc đầu tiên là phải ngắt điện và dùng bình cứu hỏa để khắc phục sự cố cháy điện, tuyệt đối không được tạt nước vào để dập lửa.

2. Xử lý khi bị điện giật

Khi bị điện giật, các cơ của cơ thể bị co giật mạnh, làm người bắn ra; nếu đang ở trên cao sẽ bị rơi xuống gây chấn thương. Có khi người bị điện giật bị dính vào dây điện; trường hợp này nên cẩn thận vì nạn nhân sẽ bị rơi xuống đất khi cắt điện. Khi bị điện giật, người bị giật sẽ bị bỏng và nguy hiểm nhất là ngừng thở, ngừng tim rồi chết.

Khi phát hiện người bị điện giật, cần nhanh chóng tách họ ra khỏi dòng điện bằng cách cắt cầu dao điện. Có thể dùng một vật dụng khô (nhưng không phải bằng kim loại) để đẩy, tách nạn nhân ra khỏi dòng điện; không được dùng tay không, mà nên mang găng tay cao su, quần bao nylon, vải khô, đi guốc dép khô hay đứng trên một tấm ván khô, dùng gậy gỗ khô để gạt dây điện ra. Người ứng cứu cần cẩn thận vì rất dễ bị điện giật khi cứu nạn nhân do cầm, sờ trực tiếp vào nạn nhân.

Sau khi tách được người bị điện giật ra khỏi dòng điện, phải hà hơi thổi ngạt và bóp tim ngoài lồng ngực kịp thời. Cứ thổi một lần thì bóp tim 4 lần. Thủ thuật bóp tim ngoài lồng ngực được thực hiện bằng cách dùng 2 bàn tay chồng lên nhau đặt vào vị trí 1/3 dưới xương ức rồi ấn mạnh lồng ngực. Cứ kiên trì, tiếp tục làm như vậy cho đến khi nạn nhân tỉnh, thở trở lại.

II. Tai nạn gây chảy máu

1. Phòng ngừa tai nạn gây chảy máu:

Cơ thể con người bị mất máu, sẽ gây hoa mắt, chóng mặt hoặc tử vong. Để phòng bị chảy máu, cần cẩn thận khi sử dụng vật kim loại (sắc, nhọn) thủy tinh (dễ vỡ), không để gần tầm tay người già, trẻ em; cần đề phòng các nguy cơ có thể dẫn đến các tai nạn gây chảy máu.

2. Cách xử lý khi chảy máu:

- Rửa sạch vết thương bằng nước muối nhạt, bôi thuốc sát trùng rồi băng các vết thương.

- Nếu vết thương gây chảy nhiều máu, phải dùng dây (cao su, vải,...) buộc chặt động mạch chủ nơi vết thương, bịt chặt mặt vết thương bằng khăn sạch, kịp thời đến cơ sở y tế.

- Không để vết thương bị nhiễm trùng, vì sẽ dẫn đến bị nhiễm trùng máu, dễ gây tử vong.

Khi phát hiện người bị điện giật, cần nhanh chóng tách họ ra khỏi dòng điện bằng cách cắt cầu dao điện. Có thể dùng một vật dụng khô (nhưng không phải bằng kim loại) để đẩy, tách nạn nhân ra khỏi dòng điện; không được dùng tay không, mà nên mang găng tay cao su, quần bao nylon, vải khô, đi guốc dép khô hay đứng trên một tấm ván khô, dùng gậy gỗ khô để gạt dây điện ra. Người ứng cứu cần cẩn thận vì rất dễ bị điện giật khi cứu nạn nhân do cầm, sờ trực tiếp vào nạn nhân.

Sau khi tách được người bị điện giật ra khỏi dòng điện, phải hà hơi thổi ngạt và bóp tim ngoài lồng ngực kịp thời. Cứ thổi một lần thì bóp tim 4 lần. Thủ thuật bóp tim ngoài lồng ngực được thực hiện bằng cách dùng 2 bàn tay chồng lên nhau đặt vào vị trí 1/3 dưới xương ức rồi ấn mạnh lồng ngực. Cứ kiên trì, tiếp tục làm như vậy cho đến khi nạn nhân tỉnh, thở trở lại.

II. Tai nạn gây chảy máu

1. Phòng ngừa tai nạn gây chảy máu:

Cơ thể con người bị mất máu, sẽ gây hoa mắt, chóng mặt hoặc tử vong. Để phòng bị chảy máu, cần cẩn thận khi sử dụng vật kim loại (sắc, nhọn) thủy tinh (dễ vỡ), không để gần tầm tay người già, trẻ em; cần đề phòng các nguy cơ có thể dẫn đến các tai nạn gây chảy máu.

2. Cách xử lý khi chảy máu:

- Rửa sạch vết thương bằng nước muối nhạt, bôi thuốc sát trùng rồi băng các vết thương.

- Nếu vết thương gây chảy nhiều máu, phải dùng dây (cao su, vải,...) buộc chặt động mạch chủ nơi vết thương, bịt chặt mặt vết thương bằng khăn sạch, kịp thời đến cơ sở y tế.

- Không để vết thương bị nhiễm trùng, vì sẽ dẫn đến bị nhiễm trùng máu, dễ gây tử vong.

III. Tai nạn giao thông

1. Phòng ngừa tai nạn giao thông

- Phải tuân thủ các quy định về an toàn giao thông: không đi bộ dưới lòng đường, không tự ý băng qua đường, phải theo tín hiệu đèn xanh đèn đỏ hoặc đi bộ dưới đường hầm/ cầu vượt để qua đường.
- Trên đường cao tốc không được đi tắt qua đường bằng cách chạy, trèo qua dải phân cách, rất nguy hiểm.

2. Xử lý khi gặp tai nạn giao thông

- Khi bị tai nạn giao thông trước hết phải ghi nhớ các thông tin về người gây tai nạn, tên, địa chỉ, số điện thoại, số xe để cung cấp cho các cơ quan chức năng đến giải quyết ...
- Trong trường hợp không biết gì về người gây tai nạn, cần phải báo ngay cảnh sát (số máy 112) để xác định sự việc và địa điểm xảy ra.
- Nếu bị thương do tai nạn giao thông thì phải đến bệnh viện làm giấy khám bằng tên của chính mình. Đồng thời, nếu bản thân là người bị hại thì phải yêu cầu Công ty bảo hiểm hoặc người gây tai nạn xác nhận chi trả tiền viện phí.

III. Tai nạn giao thông

1. Phòng ngừa tai nạn giao thông

- Phải tuân thủ các quy định về an toàn giao thông: không đi bộ dưới lòng đường, không tự ý băng qua đường, phải theo tín hiệu đèn xanh đèn đỏ hoặc đi bộ dưới đường hầm/ cầu vượt để qua đường.
- Trên đường cao tốc không được đi tắt qua đường bằng cách chạy, trèo qua dải phân cách, rất nguy hiểm.

2. Xử lý khi gặp tai nạn giao thông

- Khi bị tai nạn giao thông trước hết phải ghi nhớ các thông tin về người gây tai nạn, tên, địa chỉ, số điện thoại, số xe để cung cấp cho các cơ quan chức năng đến giải quyết ...
- Trong trường hợp không biết gì về người gây tai nạn, cần phải báo ngay cảnh sát (số máy 112) để xác định sự việc và địa điểm xảy ra.
- Nếu bị thương do tai nạn giao thông thì phải đến bệnh viện làm giấy khám bằng tên của chính mình. Đồng thời, nếu bản thân là người bị hại thì phải yêu cầu Công ty bảo hiểm hoặc người gây tai nạn xác nhận chi trả tiền viện phí.

Chương 3. Phòng chống dịch bệnh

I. Hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS)

Triệu chứng chủ yếu sốt trên (38°C), ho khan, thở gấp (thở hỗn hển), khó thở, đồng thời còn có thể kèm theo các triệu chứng khác, ví dụ: đau đầu, mệt mỏi uể oải, ý thức rối loạn, mẩn da và tiêu chảy, v.v... kiểm tra ngực bằng quang tuyến X, có thể phát hiện phổi có sự biến hóa vì bệnh.

Cách thức dự phòng:

- Hạn chế tới những vùng có dịch SARS đang bùng phát.
- Tập thói quen giữ vệ sinh cơ thể, rửa tay và che miệng, che mũi khi hắt hơi (nhảy mũi) hoặc ho.
- Giữ cho nơi ở sạch sẽ và thông thoáng, tránh những nơi đông người hoặc không gian kín, không khí ít lưu thông.
- Khi thấy sốt trên 38°C , phải đeo khẩu trang và đi khám bệnh, phải nói lại cho bác sĩ biết những nơi mà mình đã đi qua và những người mình đã tiếp xúc.
- Tránh tiếp xúc hoặc ăn thịt sống của động vật hoang dã.

II. Dịch cúm A (H1N1):

Cúm A(H1N1) là bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính do virus cúm A(H1N1) gây nên. Bệnh có khả năng lây nhiễm rất cao và lây lan nhanh. Bệnh lây truyền từ người sang người theo đường hô hấp qua các giọt nước bọt hay dịch tiết mũi họng khi người bệnh ho, hắt hơi, hoặc lây qua tiếp xúc với một số đồ vật có chứa virus rồi qua bàn tay đưa lên mắt, mũi, miệng. Người mang virus cúm A(H1N1) có khả năng truyền virus cho những người xung quanh trong thời gian 1 ngày trước tới 7 ngày sau, kể từ khi có triệu chứng của bệnh. Ngoài ra, với khả năng tồn tại từ 2 - 8 tiếng đồng hồ sau

Chương 3. Phòng chống dịch bệnh

I. Hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS)

Triệu chứng chủ yếu sốt trên (38°C), ho khan, thở gấp (thở hỗn hển), khó thở, đồng thời còn có thể kèm theo các triệu chứng khác, ví dụ: đau đầu, mệt mỏi uể oải, ý thức rối loạn, mẩn da và tiêu chảy, v.v... kiểm tra ngực bằng quang tuyến X, có thể phát hiện phổi có sự biến hóa vì bệnh.

Cách thức dự phòng:

- Hạn chế tới những vùng có dịch SARS đang bùng phát.
- Tập thói quen giữ vệ sinh cơ thể, rửa tay và che miệng, che mũi khi hắt hơi (nhảy mũi) hoặc ho.
- Giữ cho nơi ở sạch sẽ và thông thoáng, tránh những nơi đông người hoặc không gian kín, không khí ít lưu thông.
- Khi thấy sốt trên 38°C , phải đeo khẩu trang và đi khám bệnh, phải nói lại cho bác sĩ biết những nơi mà mình đã đi qua và những người mình đã tiếp xúc.
- Tránh tiếp xúc hoặc ăn thịt sống của động vật hoang dã.

II. Dịch cúm A (H1N1):

Cúm A(H1N1) là bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính do virus cúm A(H1N1) gây nên. Bệnh có khả năng lây nhiễm rất cao và lây lan nhanh. Bệnh lây truyền từ người sang người theo đường hô hấp qua các giọt nước bọt hay dịch tiết mũi họng khi người bệnh ho, hắt hơi, hoặc lây qua tiếp xúc với một số đồ vật có chứa virus rồi qua bàn tay đưa lên mắt, mũi, miệng. Người mang virus cúm A(H1N1) có khả năng truyền virus cho những người xung quanh trong thời gian 1 ngày trước tới 7 ngày sau, kể từ khi có triệu chứng của bệnh. Ngoài ra, với khả năng tồn tại từ 2 - 8 tiếng đồng hồ sau

khi bám vào các bề mặt, cúm A/H1N1 có thể lây lan khi một người bình thường vô tình chạm tay vào bề mặt đó và có những hành động như xoa mũi, che mặt...

Các triệu chứng của cúm A/H1N1 cũng tương tự như các triệu chứng của cúm thông thường theo mùa, gồm: đột nhiên sốt cao (thường trên 38 độ) và ớn lạnh, viêm họng, đau đầu, đau người và nhức cơ, ho khan, chảy nước mũi, cơ thể mệt mỏi, suy nhược, tiêu chảy và ói mửa. Ngoài các biểu hiện trên, yếu tố quan trọng nghi ngờ mình nhiễm virus cúm A/H1N1 là từ vùng dịch trở về hay tiếp xúc với người mà sau đó được xác định là mang bệnh cúm A/H1N1.

Biện pháp phòng ngừa:

- Tránh xa nguồn bệnh, hạn chế tiếp xúc với nguồn bệnh bằng cách không đến nơi tụ tập đông người hoặc các vùng có dịch bệnh.
- Chú ý vệ sinh cá nhân: rửa tay bằng nước hoặc bằng dung dịch có hàm lượng cồn (cồn trên 60%);
- Khi có bất cứ triệu chứng về đường hô hấp thì phải đeo khẩu trang, khi khẩu trang dính phải chất dịch tiết từ miệng mũi, thì phải thay mới, khi nói chuyện với ai đó, nên giữ khoảng cách xa 1 mét;
- Khi ho, hắt hơi phải sử dụng khăn giấy hoặc khăn tay che mũi miệng, nếu dùng tay che miệng thì phải rửa tay sạch sẽ;
- Khi bị bệnh phải đến bệnh viện để được khám chữa bệnh và nghỉ ngơi tại nhà, ăn đủ chất dinh dưỡng để tăng đề kháng của cơ thể, không nên đi ra ngoài, hạn chế tiếp xúc với người khác.

III. Bệnh sốt xuất huyết

Sốt xuất huyết là bệnh truyền nhiễm cấp tính do virus Dengue gây ra. Nguyên nhân lây lan bệnh là do muỗi vằn truyền virus Dengue từ người bệnh sang người khỏe mạnh. Bệnh sốt xuất huyết đôi khi có thể gây đau nhức rất trầm trọng ở cơ và khớp. Bệnh sốt

khi bám vào các bề mặt, cúm A/H1N1 có thể lây lan khi một người bình thường vô tình chạm tay vào bề mặt đó và có những hành động như xoa mũi, che mặt...

Các triệu chứng của cúm A/H1N1 cũng tương tự như các triệu chứng của cúm thông thường theo mùa, gồm: đột nhiên sốt cao (thường trên 38 độ) và ớn lạnh, viêm họng, đau đầu, đau người và nhức cơ, ho khan, chảy nước mũi, cơ thể mệt mỏi, suy nhược, tiêu chảy và ói mửa. Ngoài các biểu hiện trên, yếu tố quan trọng nghi ngờ mình nhiễm virus cúm A/H1N1 là từ vùng dịch trở về hay tiếp xúc với người mà sau đó được xác định là mang bệnh cúm A/H1N1.

Biện pháp phòng ngừa:

- Tránh xa nguồn bệnh, hạn chế tiếp xúc với nguồn bệnh bằng cách không đến nơi tụ tập đông người hoặc các vùng có dịch bệnh.
- Chú ý vệ sinh cá nhân: rửa tay bằng nước hoặc bằng dung dịch có hàm lượng cồn (cồn trên 60%);
- Khi có bất cứ triệu chứng về đường hô hấp thì phải đeo khẩu trang, khi khẩu trang dính phải chất dịch tiết từ miệng mũi, thì phải thay mới, khi nói chuyện với ai đó, nên giữ khoảng cách xa 1 mét;
- Khi ho, hắt hơi phải sử dụng khăn giấy hoặc khăn tay che mũi miệng, nếu dùng tay che miệng thì phải rửa tay sạch sẽ;
- Khi bị bệnh phải đến bệnh viện để được khám chữa bệnh và nghỉ ngơi tại nhà, ăn đủ chất dinh dưỡng để tăng đề kháng của cơ thể, không nên đi ra ngoài, hạn chế tiếp xúc với người khác.

III. Bệnh sốt xuất huyết

Sốt xuất huyết là bệnh truyền nhiễm cấp tính do virus Dengue gây ra. Nguyên nhân lây lan bệnh là do muỗi vằn truyền virus Dengue từ người bệnh sang người khỏe mạnh. Bệnh sốt xuất huyết đôi khi có thể gây đau nhức rất trầm trọng ở cơ và khớp. Bệnh sốt

xuất huyết dạng nhẹ sẽ gây sốt cao, phát ban, đau cơ và khớp. Bệnh sốt xuất huyết dạng nặng có thể gây chảy máu nặng, giảm huyết áp đột ngột (sốc) và tử vong.

Triệu chứng của bệnh sốt xuất huyết là bị sốt đột ngột (lên đến 40°C), đau đầu nghiêm trọng, đau hốc mắt sau, đau nhức cơ bắp, đau khớp xương, và có thể phát ban sau 3-4 ngày.

Cách phòng chống và xử lý:

- Định kỳ làm sạch nơi ở, dọn sạch hoặc đập kín những đồ chứa nước;
- Nên tránh không để muỗi đốt, đóng cửa sổ lưới, cửa lưới để ngăn muỗi vào nhà;
- Trong các trường hợp có thể, nên mặc áo dài tay và quần dài, bôi (xịt) thuốc chống muỗi lên những phần da hở;
- Nếu có dấu hiệu nghi là bị sốt xuất huyết, phải đi khám ngay.

IV. Bệnh thương hàn

Thương hàn là chứng bệnh đường tiêu hóa do một loại vi trùng gây ra. Bệnh dễ lan khi vi trùng nhiễm vào thức ăn, thức uống và truyền sang người khác.

Bệnh thương hàn đặc trưng bởi sốt liên tục, sốt cao lên đến 40 °C, vã nhiều mồ hôi, ho, đau đầu, đau bụng do viêm dạ dày, ruột và tiêu chảy không có màu hoặc cũng có thể bị táo bón.

Cách phòng chống và xử lý:

- Trước khi ăn cơm và sau khi đại tiểu tiện, phải rửa tay sạch sẽ;
- Trước khi chuẩn bị các bữa ăn hoặc trước khi ăn cơm, phải rửa tay bằng xà phòng hoặc nước rửa tay;
- Khi có dấu hiệu bị sốt, đau bụng, tiêu chảy hoặc khó chịu trong người, phải thông báo cho chủ sử dụng lao động và đi khám bệnh.

xuất huyết dạng nhẹ sẽ gây sốt cao, phát ban, đau cơ và khớp. Bệnh sốt xuất huyết dạng nặng có thể gây chảy máu nặng, giảm huyết áp đột ngột (sốc) và tử vong.

Triệu chứng của bệnh sốt xuất huyết là bị sốt đột ngột (lên đến 40°C), đau đầu nghiêm trọng, đau hốc mắt sau, đau nhức cơ bắp, đau khớp xương, và có thể phát ban sau 3-4 ngày.

Cách phòng chống và xử lý:

- Định kỳ làm sạch nơi ở, dọn sạch hoặc đập kín những đồ chứa nước;
- Nên tránh không để muỗi đốt, đóng cửa sổ lưới, cửa lưới để ngăn muỗi vào nhà;
- Trong các trường hợp có thể, nên mặc áo dài tay và quần dài, bôi (xịt) thuốc chống muỗi lên những phần da hở;
- Nếu có dấu hiệu nghi là bị sốt xuất huyết, phải đi khám ngay.

IV. Bệnh thương hàn

Thương hàn là chứng bệnh đường tiêu hóa do một loại vi trùng gây ra. Bệnh dễ lan khi vi trùng nhiễm vào thức ăn, thức uống và truyền sang người khác.

Bệnh thương hàn đặc trưng bởi sốt liên tục, sốt cao lên đến 40 °C, vã nhiều mồ hôi, ho, đau đầu, đau bụng do viêm dạ dày, ruột và tiêu chảy không có màu hoặc cũng có thể bị táo bón.

Cách phòng chống và xử lý:

- Trước khi ăn cơm và sau khi đại tiểu tiện, phải rửa tay sạch sẽ;
- Trước khi chuẩn bị các bữa ăn hoặc trước khi ăn cơm, phải rửa tay bằng xà phòng hoặc nước rửa tay;
- Khi có dấu hiệu bị sốt, đau bụng, tiêu chảy hoặc khó chịu trong người, phải thông báo cho chủ sử dụng lao động và đi khám bệnh.

Chương 4. Phòng tránh ma túy, HIV/AIDS

I. Hội chứng suy giảm miễn dịch HIV - AIDS:

HIV là loại virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người.

AIDS là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải, là giai đoạn cuối của quá trình nhiễm HIV, khi đó cơ thể bị suy giảm hệ miễn dịch và người bị nhiễm HIV dễ dàng mắc các bệnh như ung thư, viêm phổi, lao, viêm da hoặc suy kiệt.

II. Đặc điểm của virus HIV:

- HIV không sống lâu khi ở ngoài cơ thể;
- HIV dễ bị chết trong các nước tẩy uế thông thường như nước tẩy javel, chloramine B và trong nước sôi trên 20 phút;
- Nhiệt độ lạnh dưới 0 độ, sự khô ráo, tia X, tia cực tím không tiêu diệt được HIV;
- HIV có thể sống trong xác người bệnh sau 24 giờ và trên giọt máu từ 2 – 7 ngày.

Muốn biết người đã bị nhiễm HIV hay không, cần phải có kết quả thử máu ở cơ sở y tế có chức năng.

III. Bốn giai đoạn nhiễm HIV/AIDS:

- Giai đoạn 1: nhiễm HIV cấp tính (sơ nhiễm)

Lúc này nồng độ virus HIV trong máu cao, với các triệu chứng giống như cảm cúm (sốt, mỏi mệt, sưng hạch) rồi tự khỏi. Vì vậy, người có HIV thường không để ý và từ lúc này đã có thể lây bệnh sang người khác mặc dù đi xét nghiệm vẫn cho kết quả âm tính vì kháng thể kháng HIV chưa tạo lập đủ. Giai đoạn này kéo dài từ 2 tuần đến 3 tháng, đôi khi kéo dài tới 6 tháng.

- Giai đoạn 2: nhiễm HIV không triệu chứng

Nồng độ virus HIV thấp hơn nhưng sự nhân lên của virus vẫn tiếp diễn.

Chương 4. Phòng tránh ma túy, HIV/AIDS

I. Hội chứng suy giảm miễn dịch HIV - AIDS:

HIV là loại virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người.

AIDS là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải, là giai đoạn cuối của quá trình nhiễm HIV, khi đó cơ thể bị suy giảm hệ miễn dịch và người bị nhiễm HIV dễ dàng mắc các bệnh như ung thư, viêm phổi, lao, viêm da hoặc suy kiệt.

II. Đặc điểm của virus HIV:

- HIV không sống lâu khi ở ngoài cơ thể;
- HIV dễ bị chết trong các nước tẩy uế thông thường như nước tẩy javel, chloramine B và trong nước sôi trên 20 phút;
- Nhiệt độ lạnh dưới 0 độ, sự khô ráo, tia X, tia cực tím không tiêu diệt được HIV;
- HIV có thể sống trong xác người bệnh sau 24 giờ và trên giọt máu từ 2 – 7 ngày.

Muốn biết người đã bị nhiễm HIV hay không, cần phải có kết quả thử máu ở cơ sở y tế có chức năng.

III. Bốn giai đoạn nhiễm HIV/AIDS:

- Giai đoạn 1: nhiễm HIV cấp tính (sơ nhiễm)

Lúc này nồng độ virus HIV trong máu cao, với các triệu chứng giống như cảm cúm (sốt, mỏi mệt, sưng hạch) rồi tự khỏi. Vì vậy, người có HIV thường không để ý và từ lúc này đã có thể lây bệnh sang người khác mặc dù đi xét nghiệm vẫn cho kết quả âm tính vì kháng thể kháng HIV chưa tạo lập đủ. Giai đoạn này kéo dài từ 2 tuần đến 3 tháng, đôi khi kéo dài tới 6 tháng.

- Giai đoạn 2: nhiễm HIV không triệu chứng

Nồng độ virus HIV thấp hơn nhưng sự nhân lên của virus vẫn tiếp diễn.

Giai đoạn này có thể kéo dài đến 10 năm tùy thuộc vào chủng loại HIV (HIV1 hay HIV2), lứa tuổi (người lớn tuổi và trẻ em diễn biến nhanh hơn), thể trạng (dinh dưỡng, nghiện ma túy, rượu, thuốc lá), các bệnh nhiễm trùng khác kèm theo (đặc biệt là các bệnh hoa liễu).

- Giai đoạn 3: nhiễm HIV có triệu chứng (cận AIDS):

Virut HIV sinh sôi không kiểm soát được, hệ miễn dịch bắt đầu suy sụp, thấy sự xuất hiện của các bệnh nhiễm trùng và cơ hội ung thư, những biểu hiện thường gặp như: sốt không rõ nguyên nhân; sốt và đau đầu; sốt và ho; nuốt đau; loét vùng sinh dục; các tổn thương nốt trên da; tiêu chảy kéo dài; nổi hạch; suy mòn sức khỏe.

- Giai đoạn 4: AIDS

Là giai đoạn cuối cùng của quá trình nhiễm HIV trong cơ thể. Giai đoạn này thường kéo dài từ 6 tháng đến 2 năm. Những biểu hiện đặc trưng của AIDS là: sụt cân; tiêu chảy kéo dài; sốt kéo dài; ho dai dẳng; ban đỏ; mụn rộp toàn thân (240erp (240erpes), bệnh zona (giời leo) tái đi tái lại; bệnh đẹn ở họng; nổi hạch; suy giảm trí nhớ; một số bệnh khác như ung thư, lao phổi... Bệnh AIDS là căn bệnh thế kỷ, hiện nay vẫn chưa có thuốc chữa. Bệnh AIDS lây nhiễm qua con đường tình dục, đường máu, khi mẹ mang thai hay cho con bú.

IV. Cách phòng tránh:

- Quan hệ tình dục an toàn bằng cách luôn dùng bao cao su.
- Không dùng chung bơm kim tiêm; không để vết thương hở tiếp xúc với máu của người khác.

Các bệnh lây truyền qua đường tình dục đều làm tăng khả năng lây nhiễm HIV do vậy cần phát hiện sớm và điều trị tích cực nếu như thấy các triệu chứng không bình thường ở bộ phận sinh dục như: sưng, ngứa, đau rát, có mủ, sần sùi...

Giai đoạn này có thể kéo dài đến 10 năm tùy thuộc vào chủng loại HIV (HIV1 hay HIV2), lứa tuổi (người lớn tuổi và trẻ em diễn biến nhanh hơn), thể trạng (dinh dưỡng, nghiện ma túy, rượu, thuốc lá), các bệnh nhiễm trùng khác kèm theo (đặc biệt là các bệnh hoa liễu).

- Giai đoạn 3: nhiễm HIV có triệu chứng (cận AIDS):

Virut HIV sinh sôi không kiểm soát được, hệ miễn dịch bắt đầu suy sụp, thấy sự xuất hiện của các bệnh nhiễm trùng và cơ hội ung thư, những biểu hiện thường gặp như: sốt không rõ nguyên nhân; sốt và đau đầu; sốt và ho; nuốt đau; loét vùng sinh dục; các tổn thương nốt trên da; tiêu chảy kéo dài; nổi hạch; suy mòn sức khỏe.

- Giai đoạn 4: AIDS

Là giai đoạn cuối cùng của quá trình nhiễm HIV trong cơ thể. Giai đoạn này thường kéo dài từ 6 tháng đến 2 năm. Những biểu hiện đặc trưng của AIDS là: sụt cân; tiêu chảy kéo dài; sốt kéo dài; ho dai dẳng; ban đỏ; mụn rộp toàn thân (240erp (240erpes), bệnh zona (giời leo) tái đi tái lại; bệnh đẹn ở họng; nổi hạch; suy giảm trí nhớ; một số bệnh khác như ung thư, lao phổi... Bệnh AIDS là căn bệnh thế kỷ, hiện nay vẫn chưa có thuốc chữa. Bệnh AIDS lây nhiễm qua con đường tình dục, đường máu, khi mẹ mang thai hay cho con bú.

IV. Cách phòng tránh:

- Quan hệ tình dục an toàn bằng cách luôn dùng bao cao su.
- Không dùng chung bơm kim tiêm; không để vết thương hở tiếp xúc với máu của người khác.

Các bệnh lây truyền qua đường tình dục đều làm tăng khả năng lây nhiễm HIV do vậy cần phát hiện sớm và điều trị tích cực nếu như thấy các triệu chứng không bình thường ở bộ phận sinh dục như: sưng, ngứa, đau rát, có mủ, sần sùi...

V. Nói không với ma túy và các chất gây nghiện

Việc lạm dụng ma túy và các chất gây nghiện rất khó từ bỏ, sẽ nguy hại đến sức khỏe của bạn, ảnh hưởng đến công việc và đời sống và dễ dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật.

Việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán và sử dụng ma túy và chất gây nghiện bị cấm ở các quốc gia. Các trường hợp vi phạm bị pháp luật trừng trị nghiêm.

Việc sử dụng ma túy thường bắt đầu từ những thói quen xấu như nghiện hút thuốc lá, nghiện rượu, bia, sau đó rất dễ bị lôi kéo sử dụng. Những người thích cảm giác cuồng nhiệt này dễ trở thành đối tượng nghiện ma túy. Do đó, cách tốt nhất để tránh nghiện là từ chối ngay từ đầu những thói quen xấu, tránh những cuộc vui, ăn chơi quá đà.

Hãy nói KHÔNG với ma túy và các chất kích thích. Đừng tò mò thử ma túy, đừng bao giờ nghĩ rằng “tôi có bản lĩnh vững vàng nên không bao giờ bị nghiện” mà thử ma túy. Hãy tự trọng và có trách nhiệm với cuộc sống của mình.

Hãy tìm cách giải trí, thư giãn lành mạnh như: nghe nhạc, xem phim, chuyện trò với bạn bè để giải tỏa những nỗi buồn, nhưng đừng bao giờ nghĩ tới ma túy. Hãy tránh xa những người có lối sống buông thả, không đàng hoàng, hay sử dụng rượu, bia, chất kích thích, ma túy. Những người buôn bán ma túy luôn tìm cách để lôi kéo, lừa hoặc cưỡng ép người sử dụng ma túy. Vì thế phải luôn luôn cảnh giác, không nên nhận lời mời hút thuốc lá, uống nước hay ăn bất kỳ đồ ăn gì của người không tin tưởng. Khi sử dụng một số loại thuốc chữa bệnh có chứa chất gây nghiện, phải tuân theo sự chỉ dẫn của bác sỹ.

V. Nói không với ma túy và các chất gây nghiện

Việc lạm dụng ma túy và các chất gây nghiện rất khó từ bỏ, sẽ nguy hại đến sức khỏe của bạn, ảnh hưởng đến công việc và đời sống và dễ dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật.

Việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán và sử dụng ma túy và chất gây nghiện bị cấm ở các quốc gia. Các trường hợp vi phạm bị pháp luật trừng trị nghiêm.

Việc sử dụng ma túy thường bắt đầu từ những thói quen xấu như nghiện hút thuốc lá, nghiện rượu, bia, sau đó rất dễ bị lôi kéo sử dụng. Những người thích cảm giác cuồng nhiệt này dễ trở thành đối tượng nghiện ma túy. Do đó, cách tốt nhất để tránh nghiện là từ chối ngay từ đầu những thói quen xấu, tránh những cuộc vui, ăn chơi quá đà.

Hãy nói KHÔNG với ma túy và các chất kích thích. Đừng tò mò thử ma túy, đừng bao giờ nghĩ rằng “tôi có bản lĩnh vững vàng nên không bao giờ bị nghiện” mà thử ma túy. Hãy tự trọng và có trách nhiệm với cuộc sống của mình.

Hãy tìm cách giải trí, thư giãn lành mạnh như: nghe nhạc, xem phim, chuyện trò với bạn bè để giải tỏa những nỗi buồn, nhưng đừng bao giờ nghĩ tới ma túy. Hãy tránh xa những người có lối sống buông thả, không đàng hoàng, hay sử dụng rượu, bia, chất kích thích, ma túy. Những người buôn bán ma túy luôn tìm cách để lôi kéo, lừa hoặc cưỡng ép người sử dụng ma túy. Vì thế phải luôn luôn cảnh giác, không nên nhận lời mời hút thuốc lá, uống nước hay ăn bất kỳ đồ ăn gì của người không tin tưởng. Khi sử dụng một số loại thuốc chữa bệnh có chứa chất gây nghiện, phải tuân theo sự chỉ dẫn của bác sỹ.

Chương 5. Phòng ngừa thiên tai, chiến tranh

I. Thảm họa thiên tai:

Bão, lụt, động đất, sóng thần là những thiên tai có thể xảy ra bất ngờ, khó lường trước, gây tổn thất rất nặng nề về người và của. Tuy nhiên nếu có cách phòng tránh tốt sẽ giảm bớt những thiệt hại đáng tiếc xảy ra. Người lao động cần nắm được kiến thức cơ bản về phòng tránh và đối phó khi thiên tai xảy ra.

Phòng chống bão, lụt:

- Tìm nơi trú ẩn an toàn, không đi ra ngoài, đóng chặt các cửa;
- Chuẩn bị áo mưa, dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, bật lửa, đèn pin.

- Sau bão, tránh đi vào những vùng tường nghiêng đổ, những nơi chưa được thu dọn. Tránh những chỗ nước sâu hoặc chảy xiết; di chuyển bằng phương tiện an toàn.

Đối phó với động đất:

(i) Nếu động đất bắt đầu xảy ra người lao động cần:

- Giữ bình tĩnh;
- Ngay lập tức ngắt cầu dao điện, tắt bếp ga và khoá van tự động bếp ga;

- Nếu đang ở trong nhà, núp dưới vật chắc chắn (như gầm bàn, giường, gầm cầu thang,..) để che chở, tránh bị các đồ vật, gạch, bê tông rơi, đè vào người; úp mặt vào cánh tay để tránh tổn thương vào mặt.

- Không được ở trong nhà bếp vì đó là nơi nguy hiểm khi có động đất, không sử dụng diêm, bật lửa, thiết bị gas, điện hoặc bất kỳ trang thiết bị nào cho đến khi biết chắc chắn không có sự rò rỉ khí đốt;

Chương 5. Phòng ngừa thiên tai, chiến tranh

I. Thảm họa thiên tai:

Bão, lụt, động đất, sóng thần là những thiên tai có thể xảy ra bất ngờ, khó lường trước, gây tổn thất rất nặng nề về người và của. Tuy nhiên nếu có cách phòng tránh tốt sẽ giảm bớt những thiệt hại đáng tiếc xảy ra. Người lao động cần nắm được kiến thức cơ bản về phòng tránh và đối phó khi thiên tai xảy ra.

Phòng chống bão, lụt:

- Tìm nơi trú ẩn an toàn, không đi ra ngoài, đóng chặt các cửa;
- Chuẩn bị áo mưa, dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, bật lửa, đèn pin.
- Sau bão, tránh đi vào những vùng tường nghiêng đổ, những nơi chưa được thu dọn. Tránh những chỗ nước sâu hoặc chảy xiết; di chuyển bằng phương tiện an toàn.

Đối phó với động đất:

(i) Nếu động đất bắt đầu xảy ra người lao động cần:

- Giữ bình tĩnh;
- Ngay lập tức ngắt cầu dao điện, tắt bếp ga và khoá van tự động bếp ga;
- Nếu đang ở trong nhà, núp dưới vật chắc chắn (như gầm bàn, giường, gầm cầu thang,..) để che chở, tránh bị các đồ vật, gạch, bê tông rơi, đè vào người; úp mặt vào cánh tay để tránh tổn thương vào mặt.
- Không được ở trong nhà bếp vì đó là nơi nguy hiểm khi có động đất, không sử dụng diêm, bật lửa, thiết bị gas, điện hoặc bất kỳ trang thiết bị nào cho đến khi biết chắc chắn không có sự rò rỉ khí đốt;

- Nếu đang ở ngoài đường hãy tránh xa các cao ốc, đường dây điện, trụ điện, ống khói, bảng quảng cáo các cây to, cầu. Nếu đang lái xe phải lái vào bãi đất trống và đỗ xe lại.

(ii) Sau khi động đất người lao động cần chú ý:

- Nếu đang ở trong nhà, hãy mở cửa sổ hoặc cửa ra vào để có lối thoát hiểm, rời khỏi nhà ngay vì có thể còn những dư chấn, đừng chạy ra ngoài bằng chân không, hãy bảo vệ đầu, khi có khói dùng khăn ướt che mũi và cúi thấp người để chạy ra. Ở các toà nhà cao tầng phải thoát hiểm bằng cầu thang bộ, tuyệt đối không được sử dụng cầu thang máy vì nếu mất điện sẽ không thoát ra ngoài được;

- Gửi đồ đạc quý giá vào ngân hàng và xác định trước nơi sơ tán; chuẩn bị nước uống, thực phẩm 2- 3 ngày, băng cứu thương, đèn pin, radio, hãy nghe thông tin thường xuyên;

- Cẩn thận khi mở cửa nhà kho hay tủ đựng đồ vì có thể đồ đạc sẽ đổ ụp lên đầu; cố định vào vách tường những đồ đạc dễ nghiêng đổ;

- Kiểm tra những vết rạn nứt của ngôi nhà, ống dẫn ga, đường dây điện, ống nước... nếu thấy có bất thường phải báo cho người quản lý biết;

- Nếu bị kẹt trong đông đồ nát nên làm các động tác gây tiếng động gõ để người khác nghe thấy báo hiệu mình đang ở đó.

- Nếu sống và làm việc gần biển, khi có động đất và cảnh báo sóng thần phải sơ tán kịp thời, không được chủ quan. Phải chuẩn bị tư trang cần thiết, gọn nhẹ trong đó cần có 1 đôi giày thể thao, quần áo và thức ăn, nước uống, nên di chuyển thật nhanh, không nên quay lại nhà vì một lý do nào đấy vì sóng thần ập đến rất nhanh gây nguy hiểm. Phải chạy thật nhanh đến những vùng đất cao hoặc theo sự hướng dẫn của người có trách nhiệm;

- Nếu đang ở ngoài đường hãy tránh xa các cao ốc, đường dây điện, trụ điện, ống khói, bảng quảng cáo các cây to, cầu. Nếu đang lái xe phải lái vào bãi đất trống và đỗ xe lại.

(ii) Sau khi động đất người lao động cần chú ý:

- Nếu đang ở trong nhà, hãy mở cửa sổ hoặc cửa ra vào để có lối thoát hiểm, rời khỏi nhà ngay vì có thể còn những dư chấn, đừng chạy ra ngoài bằng chân không, hãy bảo vệ đầu, khi có khói dùng khăn ướt che mũi và cúi thấp người để chạy ra. Ở các toà nhà cao tầng phải thoát hiểm bằng cầu thang bộ, tuyệt đối không được sử dụng cầu thang máy vì nếu mất điện sẽ không thoát ra ngoài được;

- Gửi đồ đạc quý giá vào ngân hàng và xác định trước nơi sơ tán; chuẩn bị nước uống, thực phẩm 2- 3 ngày, băng cứu thương, đèn pin, radio, hãy nghe thông tin thường xuyên;

- Cẩn thận khi mở cửa nhà kho hay tủ đựng đồ vì có thể đồ đạc sẽ đổ ụp lên đầu; cố định vào vách tường những đồ đạc dễ nghiêng đổ;

- Kiểm tra những vết rạn nứt của ngôi nhà, ống dẫn ga, đường dây điện, ống nước... nếu thấy có bất thường phải báo cho người quản lý biết;

- Nếu bị kẹt trong đông đồ nát nên làm các động tác gây tiếng động gõ để người khác nghe thấy báo hiệu mình đang ở đó.

- Nếu sống và làm việc gần biển, khi có động đất và cảnh báo sóng thần phải sơ tán kịp thời, không được chủ quan. Phải chuẩn bị tư trang cần thiết, gọn nhẹ trong đó cần có 1 đôi giày thể thao, quần áo và thức ăn, nước uống, nên di chuyển thật nhanh, không nên quay lại nhà vì một lý do nào đấy vì sóng thần ập đến rất nhanh gây nguy hiểm. Phải chạy thật nhanh đến những vùng đất cao hoặc theo sự hướng dẫn của người có trách nhiệm;

- Cấp cứu, di tản các nạn nhân và những người xung quanh, ưu tiên cho trẻ em và những người tàn tật, già yếu. Nếu không may bạn bị nước cuốn trôi thì cần phải hết sức bình tĩnh, bám vào các vật nổi như tấm ván, can nhựa...

II. Chiến tranh, nội chiến:

Nếu tình hình chính trị ở nước sở tại không ổn định, có những cuộc biểu tình chống phá đòi lật đổ chính phủ có nguy cơ xảy ra nội chiến, chiến sự... người lao động cần chủ động để thích ứng và thoát khỏi vòng nguy hiểm và cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Chủ động liên lạc tới Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước sở tại để được bảo hộ khi có tình huống xảy ra chiến sự.

- Lắng nghe và tuân theo mọi mệnh lệnh của chủ sử dụng lao động, người quản lý lao động hoặc các thông báo được phát đi từ cơ quan chức năng.

- Chuẩn bị lương khô và nước uống, cụ thể như rang gạo, làm ruốc, nấu cơm nắm, bánh mì... dự trữ để chống đói trên đường đi di tản;

- Chuẩn bị hành lý gọn nhẹ, mang theo những tài sản cần thiết, có giá trị, thuốc men...

- Đến nơi tập trung cần tập hợp những người lao động Việt Nam ở cùng một chỗ, treo Quốc kỳ Việt Nam hoặc những biển báo để những lao động khác nhận ra tìm đến. Đùm bọc thương yêu nhau, chia sẻ những khó khăn cho nhau trong lúc hoạn nạn để cùng thoát ra khỏi vòng chiến sự nguy hiểm.

- Khi có phương tiện giải cứu phải tuân thủ sự chỉ đạo của người điều hành, xếp hàng theo thứ tự, không chen lấn, xô đẩy gây náo loạn, ưu tiên cho những người ốm đau, phụ nữ.

- Cấp cứu, di tản các nạn nhân và những người xung quanh, ưu tiên cho trẻ em và những người tàn tật, già yếu. Nếu không may bạn bị nước cuốn trôi thì cần phải hết sức bình tĩnh, bám vào các vật nổi như tấm ván, can nhựa...

II. Chiến tranh, nội chiến:

Nếu tình hình chính trị ở nước sở tại không ổn định, có những cuộc biểu tình chống phá đòi lật đổ chính phủ có nguy cơ xảy ra nội chiến, chiến sự... người lao động cần chủ động để thích ứng và thoát khỏi vòng nguy hiểm và cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Chủ động liên lạc tới Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước sở tại để được bảo hộ khi có tình huống xảy ra chiến sự.

- Lắng nghe và tuân theo mọi mệnh lệnh của chủ sử dụng lao động, người quản lý lao động hoặc các thông báo được phát đi từ cơ quan chức năng.

- Chuẩn bị lương khô và nước uống, cụ thể như rang gạo, làm ruốc, nấu cơm nắm, bánh mì... dự trữ để chống đói trên đường đi di tản;

- Chuẩn bị hành lý gọn nhẹ, mang theo những tài sản cần thiết, có giá trị, thuốc men...

- Đến nơi tập trung cần tập hợp những người lao động Việt Nam ở cùng một chỗ, treo Quốc kỳ Việt Nam hoặc những biển báo để những lao động khác nhận ra tìm đến. Đùm bọc thương yêu nhau, chia sẻ những khó khăn cho nhau trong lúc hoạn nạn để cùng thoát ra khỏi vòng chiến sự nguy hiểm.

- Khi có phương tiện giải cứu phải tuân thủ sự chỉ đạo của người điều hành, xếp hàng theo thứ tự, không chen lấn, xô đẩy gây náo loạn, ưu tiên cho những người ốm đau, phụ nữ.

Chương 6. Phòng ngừa các rủi ro khác

I. Các hành vi bạo lực:

Hàn Quốc xử phạt nghiêm các hành vi liên quan đến các hành vi bạo lực: hành hung, gây thương tích, đe dọa, giữ người trái phép, xâm nhập nhà riêng, phá hoại tài sản, và sở hữu hoặc mang theo hung khí có thể gây sát thương.

II. Chơi cờ bạc, tổ chức sòng bạc:

Người lao động cần tránh xa tệ nạn cờ bạc, không tham gia dưới mọi hình thức. Từ việc chơi cờ bạc, nhiều lao động bị sa đà vào các hành vi khác như: vay nợ tiền, cho vay nặng lãi, đe dọa tống tiền,...

III. Lừa đảo qua công nghệ:

- Mạo danh là người thân, bạn bè nhắn tin hỏi vay mượn tiền, hoặc nhờ mua đồ qua tin nhắn điện thoại, facebook,...

- Nhắn tin có gắn đường dẫn (đường link) và yêu cầu người dùng bấm vào đường dẫn và cung cấp thông tin cá nhân, số tài khoản,... người lao động phải lưu ý không cung cấp các thông tin cá nhân cho người khác hoặc các ứng dụng điện thoại chưa được xác nhận.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức điện thoại yêu cầu cung cấp thông tin như số tài khoản, số Thẻ người nước ngoài,.. thì không được cung cấp và kiên quyết từ chối.

- Lưu ý việc bị lôi kéo tham gia vào bán hàng đa cấp.

IV. Chuyển tiền ra nước ngoài bất hợp pháp:

Chuyển tiền theo hình thức tay ba, dạng giao dịch cá nhân, không thông qua ngân hàng là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt nghiêm khắc.

V. Vi phạm quy định chung:

- Vứt rác tùy tiện, không đúng nơi quy định.

Chương 6. Phòng ngừa các rủi ro khác

I. Các hành vi bạo lực:

Hàn Quốc xử phạt nghiêm các hành vi liên quan đến các hành vi bạo lực: hành hung, gây thương tích, đe dọa, giữ người trái phép, xâm nhập nhà riêng, phá hoại tài sản, và sở hữu hoặc mang theo hung khí có thể gây sát thương.

II. Chơi cờ bạc, tổ chức sòng bạc:

Người lao động cần tránh xa tệ nạn cờ bạc, không tham gia dưới mọi hình thức. Từ việc chơi cờ bạc, nhiều lao động bị sa đà vào các hành vi khác như: vay nợ tiền, cho vay nặng lãi, đe dọa tống tiền,...

III. Lừa đảo qua công nghệ:

- Mạo danh là người thân, bạn bè nhắn tin hỏi vay mượn tiền, hoặc nhờ mua đồ qua tin nhắn điện thoại, facebook,...

- Nhắn tin có gắn đường dẫn (đường link) và yêu cầu người dùng bấm vào đường dẫn và cung cấp thông tin cá nhân, số tài khoản,... người lao động phải lưu ý không cung cấp các thông tin cá nhân cho người khác hoặc các ứng dụng điện thoại chưa được xác nhận.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức điện thoại yêu cầu cung cấp thông tin như số tài khoản, số Thẻ người nước ngoài,.. thì không được cung cấp và kiên quyết từ chối.

- Lưu ý việc bị lôi kéo tham gia vào bán hàng đa cấp.

IV. Chuyển tiền ra nước ngoài bất hợp pháp:

Chuyển tiền theo hình thức tay ba, dạng giao dịch cá nhân, không thông qua ngân hàng là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt nghiêm khắc.

V. Vi phạm quy định chung:

- Vứt rác tùy tiện, không đúng nơi quy định.

- Khắc nhở tại nơi công cộng.
- Hút thuốc lá tại nơi bị cấm.
- Đi không đúng phần đường dành cho người đi bộ.
- Điều khiển xe máy không có bằng lái, không đội mũ bảo hiểm.
- Lái xe không có bằng hoặc trong tình trạng sử dụng bia rượu.
- Sử dụng xe ô tô không được chuyển nhượng sở hữu hợp pháp (xe bất hợp pháp).

*** Một số vấn đề cần lưu ý:**

- Nếu bạn đưa tiền cho người khác giữ hoặc cho người khác vay tiền phải nhớ viết giấy cam kết vay nợ có sự xác nhận của cả hai bên. Nếu người vay tiền bỏ trốn hoặc không chịu trả nợ, bạn nên trình báo với cảnh sát và yêu cầu cảnh sát giúp đỡ.

- Nếu nhà bị kẻ trộm đột nhập, phải giữ nguyên hiện trường và gọi cho cảnh sát để trình báo, bình tĩnh kể lại sự việc và thông báo chính xác địa chỉ nhà.

- Đôi khi cũng xảy ra bạo lực giữa những người Hàn Quốc với người nước ngoài hoặc giữa người lao động nước ngoài với nhau, trong những trường hợp như vậy cần phải nắm giữ chứng cứ bạo lực.

+ Nếu bạn bị người khác đánh, trước tiên bạn phải giữ lại bằng chứng bị đánh và trình báo với cảnh sát. Nếu có vết thương phải lập tức đến bệnh viện để khám và chữa trị, phải giữ lại giấy chứng thương để làm bằng chứng.

Lưu ý: khi vào viện khám, cần nói rõ là “Tôi bị ... đánh“ để bệnh viện ghi vào hồ sơ ban đầu.

+ Nếu biết được lai lịch kẻ gây án thì cần khai báo với cảnh sát; nếu không thì cần ghi nhớ đặc điểm nhận dạng của thủ phạm để khai báo với cảnh sát.

- Khắc nhở tại nơi công cộng.
- Hút thuốc lá tại nơi bị cấm.
- Đi không đúng phần đường dành cho người đi bộ.
- Điều khiển xe máy không có bằng lái, không đội mũ bảo hiểm.
- Lái xe không có bằng hoặc trong tình trạng sử dụng bia rượu.
- Sử dụng xe ô tô không được chuyển nhượng sở hữu hợp pháp (xe bất hợp pháp).

*** Một số vấn đề cần lưu ý:**

- Nếu bạn đưa tiền cho người khác giữ hoặc cho người khác vay tiền phải nhớ viết giấy cam kết vay nợ có sự xác nhận của cả hai bên. Nếu người vay tiền bỏ trốn hoặc không chịu trả nợ, bạn nên trình báo với cảnh sát và yêu cầu cảnh sát giúp đỡ.

- Nếu nhà bị kẻ trộm đột nhập, phải giữ nguyên hiện trường và gọi cho cảnh sát để trình báo, bình tĩnh kể lại sự việc và thông báo chính xác địa chỉ nhà.

- Đôi khi cũng xảy ra bạo lực giữa những người Hàn Quốc với người nước ngoài hoặc giữa người lao động nước ngoài với nhau, trong những trường hợp như vậy cần phải nắm giữ chứng cứ bạo lực.

+ Nếu bạn bị người khác đánh, trước tiên bạn phải giữ lại bằng chứng bị đánh và trình báo với cảnh sát. Nếu có vết thương phải lập tức đến bệnh viện để khám và chữa trị, phải giữ lại giấy chứng thương để làm bằng chứng.

Lưu ý: khi vào viện khám, cần nói rõ là “Tôi bị ... đánh“ để bệnh viện ghi vào hồ sơ ban đầu.

+ Nếu biết được lai lịch kẻ gây án thì cần khai báo với cảnh sát; nếu không thì cần ghi nhớ đặc điểm nhận dạng của thủ phạm để khai báo với cảnh sát.

- Tình trạng lao động Việt Nam bỏ trốn lưu trú bất hợp pháp ở Hàn Quốc gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình trật tự xã hội của Hàn Quốc, làm mất uy tín của người lao động Việt Nam. Khi bỏ trốn ra ngoài nếu bị bắt bạn sẽ bị phạt tiền, trục xuất về nước, vĩnh viễn không được sang Hàn Quốc làm việc. Vì vậy, khi có người khác xúi giục bỏ hợp đồng đến làm việc ở nơi khác với mức lương và điều kiện sống tốt hơn hoặc khi hết hạn hợp đồng không về nước mà ở lại lưu trú bất hợp pháp, thì bạn không được nghe theo.

Người cư trú bất hợp pháp nếu là nạn nhân của các tội phạm xác định như giết người, hiếp dâm, trấn lột, hành hung, xâm hại sẽ được áp dụng chế độ miễn thông báo tới Cục quản lý xuất nhập cảnh nhằm bảo vệ và tránh vi phạm nhân quyền của người bị hại. Vì vậy, nếu là nạn nhân tội phạm thì bạn hãy mạnh dạn yêu cầu sự giúp đỡ của cảnh sát.

- Tình trạng lao động Việt Nam bỏ trốn lưu trú bất hợp pháp ở Hàn Quốc gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình trật tự xã hội của Hàn Quốc, làm mất uy tín của người lao động Việt Nam. Khi bỏ trốn ra ngoài nếu bị bắt bạn sẽ bị phạt tiền, trục xuất về nước, vĩnh viễn không được sang Hàn Quốc làm việc. Vì vậy, khi có người khác xúi giục bỏ hợp đồng đến làm việc ở nơi khác với mức lương và điều kiện sống tốt hơn hoặc khi hết hạn hợp đồng không về nước mà ở lại lưu trú bất hợp pháp, thì bạn không được nghe theo.

Người cư trú bất hợp pháp nếu là nạn nhân của các tội phạm xác định như giết người, hiếp dâm, trấn lột, hành hung, xâm hại sẽ được áp dụng chế độ miễn thông báo tới Cục quản lý xuất nhập cảnh nhằm bảo vệ và tránh vi phạm nhân quyền của người bị hại. Vì vậy, nếu là nạn nhân tội phạm thì bạn hãy mạnh dạn yêu cầu sự giúp đỡ của cảnh sát.

PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN XỬ TRÍ TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

CẦN LÀM NGAY TRONG KHI CHỜ XE CẤP CỨU

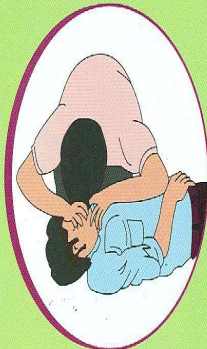
A LÀM THÔNG ĐƯỜNG THỞ

- Để nạn nhân nằm ngửa đầu nâng cằm, vai.
- Loại bỏ dị vật (nếu có)



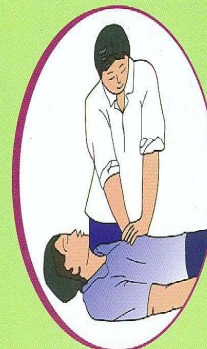
B HÔ HẤP NHÂN TẠO

- Nếu nạn nhân không thở thì tiến hành thổi ngạt miệng mũi hoặc miệng miệng.



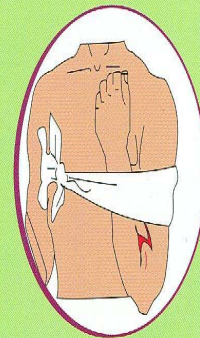
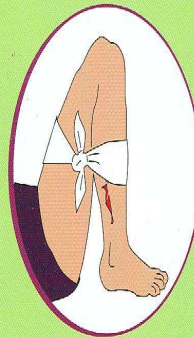
C HỖ TRỢ TUẦN HOÀN

- Nếu mất máu nhiều, mất nước nặng cho nạn nhân nằm đầu thấp kê chân cao.
- Kiểm tra mạch ở động mạch cổ tay hoặc động mạch ở cổ.
- Nếu không thấy mạch đập thì ép tim ngoài lồng ngực, kết hợp thổi ngạt.



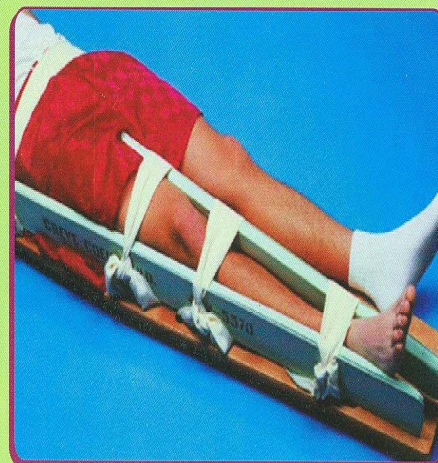
D CẮM MÁU

- Băng ép vết thương chảy máu.
- Kê cao chỗ bị thương
- Tránh dịch chuyển nạn nhân



E GÂY XƯƠNG

- Nếu nghi ngờ chấn thương cột sống: Tránh vận chuyển, giữ nguyên tư thế, chờ cán bộ y tế.
- Các chấn thương gãy xương: Bất động tạm thời bằng nẹp phù hợp.



PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN XỬ TRÍ TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

CẦN LÀM NGAY TRONG KHI CHỜ XE CẤP CỨU

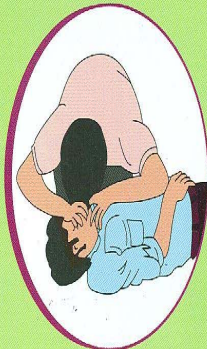
A LÀM THÔNG ĐƯỜNG THỞ

- Để nạn nhân nằm ngửa đầu nâng cằm, vai.
- Loại bỏ dị vật (nếu có)



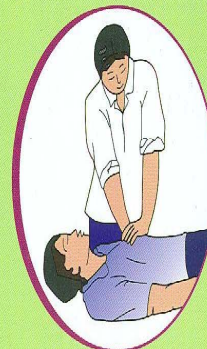
B HÔ HẤP NHÂN TẠO

- Nếu nạn nhân không thở thì tiến hành thổi ngạt miệng mũi hoặc miệng miệng.



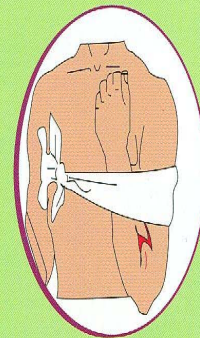
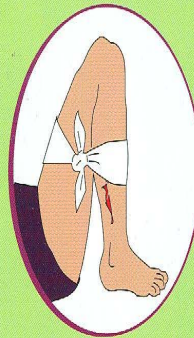
C HỖ TRỢ TUẦN HOÀN

- Nếu mất máu nhiều, mất nước nặng cho nạn nhân nằm đầu thấp kê chân cao.
- Kiểm tra mạch ở động mạch cổ tay hoặc động mạch ở cổ.
- Nếu không thấy mạch đập thì ép tim ngoài lồng ngực, kết hợp thổi ngạt.



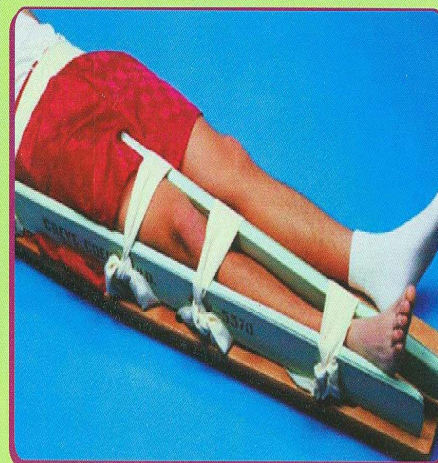
D CẮM MÁU

- Băng ép vết thương chảy máu.
- Kê cao chỗ bị thương
- Tránh dịch chuyển nạn nhân



E GÂY XƯƠNG

- Nếu nghi ngờ chấn thương cột sống: Tránh vận chuyển, giữ nguyên tư thế, chờ cán bộ y tế.
- Các chấn thương gãy xương: Bất động tạm thời bằng nẹp phù hợp.



PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐIỆN GIẬT - CHÁY NỔ

PHÒNG TRÁNH TAI NẠN DO VUI CHƠI

Tai nạn xảy ra do:

- Đun nấu bếp điện, chập điện gây cháy, bỏng.
- Điện giật vì nghịch các ổ cắm, dây điện và các đồ dùng bằng điện bị hỏng.
- Tháo gỡ, nghịch các loại chất nổ đạn, mìn còn lại do chiến tranh gây nổ, sát thương.



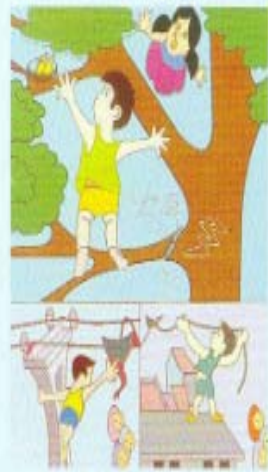
Cần:

- Đảm bảo ổ cắm, phích cắm, dây điện an toàn, không hỏng và đặt ngoài tầm với của bé.
- Hệ thống điện phải có cầu giao đảm bảo toàn.
- Các bình đựng, dây dẫn xăng, dầu, ga phải tuyệt đối kín và để nơi xa lửa.
- Đồ đựng đồ nóng, diêm, bật lửa để ở nơi xa tầm với của trẻ.
- Không tự tháo gỡ, nghịch các loại đạn, mìn do chiến tranh còn lại.



Tai nạn xảy ra do:

- Vui chơi không đúng nơi quy định, không thực hiện đúng nội quy vui chơi.
- Chơi các trò chơi quá sức của cơ thể.
- Các thiết bị vui chơi không đảm bảo an toàn.



Cần:

- Đi chơi đúng nơi quy định và thực hiện theo sự hướng dẫn của người phụ trách.
- Hãy chơi những trò chơi phù hợp với sức khỏe của mình.
- Luôn kiểm tra sự an toàn của các thiết bị vui chơi



PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐIỆN GIẬT - CHÁY NỔ

PHÒNG TRÁNH TAI NẠN DO VUI CHƠI

Tai nạn xảy ra do:

- Đun nấu bếp điện, chập điện gây cháy, bỏng.
- Điện giật vì nghịch các ổ cắm, dây điện và các đồ dùng bằng điện bị hỏng.
- Tháo gỡ, nghịch các loại chất nổ đạn, mìn còn lại do chiến tranh gây nổ, sát thương.



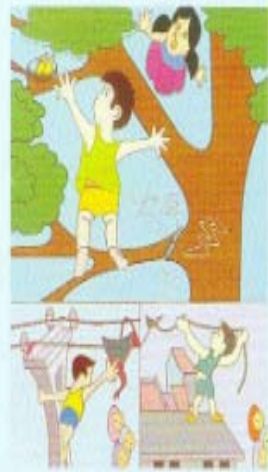
Cần:

- Đảm bảo ổ cắm, phích cắm, dây điện an toàn, không hỏng và đặt ngoài tầm với của bé.
- Hệ thống điện phải có cầu giao đảm bảo toàn.
- Các bình đựng, dây dẫn xăng, dầu, ga phải tuyệt đối kín và để nơi xa lửa.
- Đồ đựng đồ nóng, diêm, bật lửa để ở nơi xa tầm với của trẻ.
- Không tự tháo gỡ, nghịch các loại đạn, mìn do chiến tranh còn lại.



Tai nạn xảy ra do:

- Vui chơi không đúng nơi quy định, không thực hiện đúng nội quy vui chơi.
- Chơi các trò chơi quá sức của cơ thể.
- Các thiết bị vui chơi không đảm bảo an toàn.



Cần:

- Đi chơi đúng nơi quy định và thực hiện theo sự hướng dẫn của người phụ trách.
- Hãy chơi những trò chơi phù hợp với sức khỏe của mình.
- Luôn kiểm tra sự an toàn của các thiết bị vui chơi



+ SƠ CỨU KHI BỊ ĐUỐI NƯỚC

- Nắm tóc nạn nhân để đầu nhô khỏi mặt nước.
- Tát thật mạnh vào má để gây phản xạ hồi tỉnh và thở lại.
- Khi vào đến bờ, phải tiến hành hô hấp nhân tạo:



- Để nạn nhân trên nền cứng, cổ uốn thẳng ra phía sau, lấy khăn lau sạch đờm dãi ở mũi, miệng.
- Bịt mũi và thổi mạnh vào miệng nạn nhân, cứ 2-3 giây 1 lần.
- Nếu không thấy tim đập thì ép tim ngoài lồng ngực bằng cách đặt 2 bàn tay chồng lên nhau rồi ấn mạnh vào 1/2 dưới xương ức để làm lồng ngực lún xuống 4-5cm.



- Cứ 15 lần ép tim thì thổi ngạt 2 lần.
- Ủ ấm và đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

Chú ý:

Biện pháp dốc ngược nạn nhân chỉ có tác dụng khai thông vùng họng và miệng, không thực hiện cho người lớn, với nạn nhân là trẻ em thì không lâu quá một phút.

+ SƠ CỨU KHI BỊ ĐIỆN GIẬT



- Cắt ngay nguồn điện hoặc dùng que, gậy gỗ khô gạt dây điện khỏi nạn nhân.
- Nếu nạn nhân bất tỉnh hoặc ngừng thở, ngừng tim thì tiến hành hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực:
- Để nạn nhân trên nền cứng, cổ uốn thẳng ra phía sau, lấy khăn lau sạch đờm dãi ở mũi, miệng.
- Bịt mũi và thổi mạnh vào miệng nạn nhân, cứ 2-3 giây 1 lần.
- Ép tim ngoài lồng ngực bằng cách đặt 2 bàn tay chồng lên nhau rồi ấn mạnh vào 1/2 dưới xương ức để làm lồng ngực lún xuống 4-5cm.
- Cứ 15 lần ép tim thì thổi ngạt 2 lần.
- Sơ cứu các chấn thương khác nếu có như: gãy xương, chảy máu, bỏng
- Ủ ấm và đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

+ SƠ CỨU KHI BỊ ĐUỐI NƯỚC

- Nắm tóc nạn nhân để đầu nhô khỏi mặt nước.
- Tát thật mạnh vào má để gây phản xạ hồi tỉnh và thở lại.
- Khi vào đến bờ, phải tiến hành hô hấp nhân tạo:



- Để nạn nhân trên nền cứng, cổ uốn thẳng ra phía sau, lấy khăn lau sạch đờm dãi ở mũi, miệng.
- Bịt mũi và thổi mạnh vào miệng nạn nhân, cứ 2-3 giây 1 lần.
- Nếu không thấy tim đập thì ép tim ngoài lồng ngực bằng cách đặt 2 bàn tay chồng lên nhau rồi ấn mạnh vào 1/2 dưới xương ức để làm lồng ngực lún xuống 4-5cm.



- Cứ 15 lần ép tim thì thổi ngạt 2 lần.
- Ủ ấm và đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

Chú ý:

Biện pháp dốc ngược nạn nhân chỉ có tác dụng khai thông vùng họng và miệng, không thực hiện cho người lớn, với nạn nhân là trẻ em thì không lâu quá một phút.

+ SƠ CỨU KHI BỊ ĐIỆN GIẬT



- Cắt ngay nguồn điện hoặc dùng que, gậy gỗ khô gạt dây điện khỏi nạn nhân.
- Nếu nạn nhân bất tỉnh hoặc ngừng thở, ngừng tim thì tiến hành hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực:
- Để nạn nhân trên nền cứng, cổ uốn thẳng ra phía sau, lấy khăn lau sạch đờm dãi ở mũi, miệng.
- Bịt mũi và thổi mạnh vào miệng nạn nhân, cứ 2-3 giây 1 lần.
- Ép tim ngoài lồng ngực bằng cách đặt 2 bàn tay chồng lên nhau rồi ấn mạnh vào 1/2 dưới xương ức để làm lồng ngực lún xuống 4-5cm.
- Cứ 15 lần ép tim thì thổi ngạt 2 lần.
- Sơ cứu các chấn thương khác nếu có như: gãy xương, chảy máu, bỏng
- Ủ ấm và đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

+ SƠ CỨU KHI BỊ BỎNG

- Làm mát ngay chỗ bị bỏng bằng nước lạnh trong 10 phút (không dùng nước đá)
- Cởi bỏ quần áo trước khi phần bỏng bị sưng lên(Chú ý không gây tổn thương thêm).
- Phủ kín chỗ bỏng bằng vải sạch, gạc sạch.
- Cho nạn nhân uống nhiều nước (tốt nhất là ORESOL).
- Chuyển ngay tới cơ sở y tế gần nhất.

Chú ý:

- Không được lấy bất cứ vật gì bám trên vết bỏng.
- Không được bôi mỡ vào vết bỏng (mỡ trăn, rắn, kem đánh răng, nước mắm...)



Sơ cứu: Xối ngay nước lạnh vào vết thương khi bị bỏng.

+ SƠ CỨU KHI BỊ ĐỘNG VẬT CẮN

Sơ cứu vết thương do chó cắn:

- Rửa vết thương bằng nước xà phòng.
- Phủ vải sạch lên vết thương và băng lại.
- Đến cơ sở y tế gần nhất để tiêm huyết thanh phòng dại.
- Nhốt chó đã cắn nạn nhân để theo dõi và ngăn không cho cắn tiếp người khác.



Sơ cứu khi bị rắn cắn:

- Đưa nạn nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.
- Băng ép ngay vị trí phía trên vết cắn, tránh lan truyền nọc độc.
- Nặn máu, xối rửa vết cắn bằng nước sạch.
- Sát trùng vết cắn bằng nước muối hoặc oxy già và băng lại.

Chú ý:

- Không được rạch lên vết rắn cắn.
- Hạn chế vận động để giảm lan truyền nọc độc
- Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để theo dõi và điều trị.

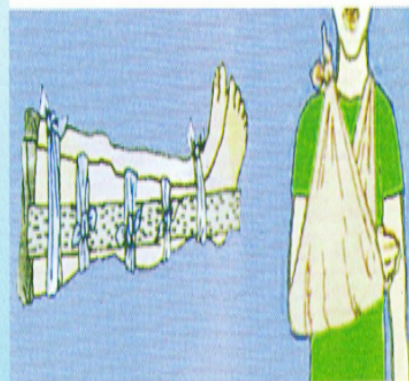
+ SƠ CỨU MỘT VẾT THƯƠNG

A. Sơ cứu vết thương có kèm dị vật:

- Phải bảo vệ tay mình trước khi tiếp xúc với vết thương bằng cách sử dụng găng tay hoặc túi nilon.
- Dọn sạch xung quanh vết thương bằng gạc, vải sạch
- Kẹp chặt hai bờ vết thương quanh bờ dị vật nhưng không được ép lên vết thương.
- Đặt gạc lót quanh vết thương và dị vật rồi phủ bằng gạc, băng sạch.
- Chuyển người bị thương tới các cơ sở y tế gần nhất.

B. Có kèm theo gãy xương:

- Cố định phần xương gãy bằng nẹp cứng, nẹp phải dài hơn trên một khớp và dưới một khớp.
- Thường xuyên kiểm tra xem các ngón chân, ngón tay còn ấm không?
- Ủ ấm và đưa người bị nạn tới cơ sở y tế gần nhất.



Cố định các vết thương tay và chân khi bị gãy xương.

+ SƠ CỨU KHI BỊ BỎNG

- Làm mát ngay chỗ bị bỏng bằng nước lạnh trong 10 phút (không dùng nước đá)
- Cởi bỏ quần áo trước khi phần bỏng bị sưng lên(Chú ý không gây tổn thương thêm).
- Phủ kín chỗ bỏng bằng vải sạch, gạc sạch.
- Cho nạn nhân uống nhiều nước (tốt nhất là ORESOL).
- Chuyển ngay tới cơ sở y tế gần nhất.

Chú ý:

- Không được lấy bất cứ vật gì bám trên vết bỏng.
- Không được bôi mỡ vào vết bỏng (mỡ trăn, rắn, kem đánh răng, nước mắm...)



Sơ cứu: Xối ngay nước lạnh vào vết thương khi bị bỏng.

+ SƠ CỨU KHI BỊ ĐỘNG VẬT CẮN

Sơ cứu vết thương do chó cắn:

- Rửa vết thương bằng nước xà phòng.
- Phủ vải sạch lên vết thương và băng lại.
- Đến cơ sở y tế gần nhất để tiêm huyết thanh phòng dại.
- Nhốt chó đã cắn nạn nhân để theo dõi và ngăn không cho cắn tiếp người khác.



Sơ cứu khi bị rắn cắn:

- Đưa nạn nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.
- Băng ép ngay vị trí phía trên vết cắn, tránh lan truyền nọc độc.
- Nặn máu, xối rửa vết cắn bằng nước sạch.
- Sát trùng vết cắn bằng nước muối hoặc oxy già và băng lại.

Chú ý:

- Không được rạch lên vết rắn cắn.
- Hạn chế vận động để giảm lan truyền nọc độc
- Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để theo dõi và điều trị.

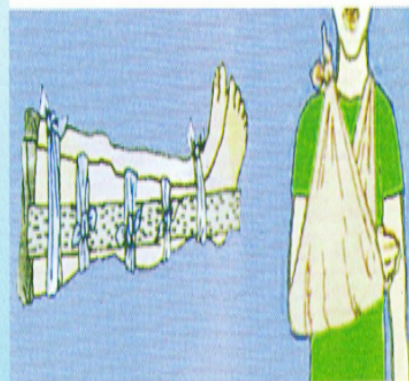
+ SƠ CỨU MỘT VẾT THƯƠNG

A. Sơ cứu vết thương có kèm dị vật:

- Phải bảo vệ tay mình trước khi tiếp xúc với vết thương bằng cách sử dụng găng tay hoặc túi nilon.
- Dọn sạch xung quanh vết thương bằng gạc, vải sạch
- Kẹp chặt hai bờ vết thương quanh bờ dị vật nhưng không được ép lên vết thương.
- Đặt gạc lót quanh vết thương và dị vật rồi phủ bằng gạc, băng sạch.
- Chuyển người bị thương tới các cơ sở y tế gần nhất.

B. Có kèm theo gãy xương:

- Cố định phần xương gãy bằng nẹp cứng, nẹp phải dài hơn trên một khớp và dưới một khớp.
- Thường xuyên kiểm tra xem các ngón chân, ngón tay còn ấm không?
- Ủ ấm và đưa người bị nạn tới cơ sở y tế gần nhất.



Cố định các vết thương tay và chân khi bị gãy xương.

CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP



110	Tư vấn các vấn đề dân sự	민원상담
112	Khai báo tội phạm (cảnh sát)	범죄신고
119	Cứu trợ khẩn cấp (cứu thương, cứu hỏa, tai nạn,...)	재난신고
1331	Tư vấn về vi phạm nhân quyền	인권침해 상담
1366	Tổng đài hỗ trợ phụ nữ khẩn cấp	여성긴급전화
1577-0071	Tư vấn, hỗ trợ về chương trình EPS	EPS 상담.지원
Tel: 02-393.6868 Fax: 02-393.6888	Văn phòng Quản lý Lao động Việt Nam theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc	

CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP



110	Tư vấn các vấn đề dân sự	민원상담
112	Khai báo tội phạm (cảnh sát)	범죄신고
119	Cứu trợ khẩn cấp (cứu thương, cứu hỏa, tai nạn,...)	재난신고
1331	Tư vấn về vi phạm nhân quyền	인권침해 상담
1366	Tổng đài hỗ trợ phụ nữ khẩn cấp	여성긴급전화
1577-0071	Tư vấn, hỗ trợ về chương trình EPS	EPS 상담.지원
Tel: 02-393.6868 Fax: 02-393.6888	Văn phòng Quản lý Lao động Việt Nam theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc	

BÀI TẬP VỀ NHÀ

I. Môn Văn hóa

1. Hàn Quốc chịu ảnh hưởng của tư tưởng văn hóa nào? Em hãy nêu một số quy tắc ứng xử trong xã hội Hàn Quốc?
2. Khi tham gia các buổi tiệc công ty, người lao động cần lưu ý những điều gì?
3. Nêu một số lưu ý khi giao tiếp với người Hàn Quốc.
4. Nêu các lỗi hay mắc phải của người lao động trong lao động và sinh hoạt tại Hàn Quốc.
5. Quấy rối tình dục là gì? Nêu những điểm cần lưu ý để không trở thành người quấy rối tình dục.
6. Nêu cách phân loại và xử lý rác thải tại Hàn Quốc.
7. Nêu tên các phương tiện giao thông công cộng tại Hàn Quốc.
8. Luật giao dịch ngoại hối của Hàn Quốc quy định hình thức xử phạt nào đối với hành vi chuyển tiền bất hợp pháp?

II. Môn Pháp luật

1. Chương trình Cấp phép việc làm là chương trình gì? Hiện có bao nhiêu quốc gia phải cử?
2. Chi phí phải cử bao gồm những khoản nào?
3. Để phòng tránh các hành vi môi giới bất hợp pháp, người lao động cần lưu ý điều gì?
4. Cơ quan phái cử là Cơ quan nào? có nhiệm vụ gì? Viết địa chỉ của Cơ quan phái cử.
5. Nêu chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS.

BÀI TẬP VỀ NHÀ

I. Môn Văn hóa

1. Hàn Quốc chịu ảnh hưởng của tư tưởng văn hóa nào? Em hãy nêu một số quy tắc ứng xử trong xã hội Hàn Quốc?
2. Khi tham gia các buổi tiệc công ty, người lao động cần lưu ý những điều gì?
3. Nêu một số lưu ý khi giao tiếp với người Hàn Quốc.
4. Nêu các lỗi hay mắc phải của người lao động trong lao động và sinh hoạt tại Hàn Quốc.
5. Quấy rối tình dục là gì? Nêu những điểm cần lưu ý để không trở thành người quấy rối tình dục.
6. Nêu cách phân loại và xử lý rác thải tại Hàn Quốc.
7. Nêu tên các phương tiện giao thông công cộng tại Hàn Quốc.
8. Luật giao dịch ngoại hối của Hàn Quốc quy định hình thức xử phạt nào đối với hành vi chuyển tiền bất hợp pháp?

II. Môn Pháp luật

1. Chương trình Cấp phép việc làm là chương trình gì? Hiện có bao nhiêu quốc gia phải cử?
2. Chi phí phải cử bao gồm những khoản nào?
3. Để phòng tránh các hành vi môi giới bất hợp pháp, người lao động cần lưu ý điều gì?
4. Cơ quan phái cử là Cơ quan nào? có nhiệm vụ gì? Viết địa chỉ của Cơ quan phái cử.
5. Nêu chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo chương trình EPS.

6. Người lao động nhập cảnh và lưu trú tại Hàn Quốc phải thực hiện khai báo thông tin về Văn phòng QLLĐ Việt Nam trong những trường hợp nào?

7. Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh và Trung tâm việc làm thực hiện những nhiệm vụ gì?

8. Người lao động cần phải lưu ý vấn đề gì về địa điểm làm việc được ghi trong Hợp đồng lao động?

9. Thời hạn tối đa người lao động được phép làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS là bao nhiêu? Nêu quy định về việc tái tuyển dụng?

10. Nêu các quy định liên quan đến việc chuyển đổi nơi làm việc?

11. Nêu điều kiện và thủ tục chuyển đổi nơi làm việc? Các vấn đề cần lưu ý.

12. Người lao động sau khi nhập cảnh vào Hàn Quốc có phải làm thủ tục đăng ký lưu trú không? Nếu có, đăng ký tại đâu và thời hạn là bao lâu?

13. Trong trường hợp nào thì người lao động phải khai báo với Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh? Thời hạn là bao lâu?

14. Nêu các tình huống trở thành người lưu trú bất hợp pháp. Tại sao không nên làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc?

15. Nêu 04 loại bảo hiểm dành cho người lao động làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS. Thời hạn tham gia các loại bảo hiểm này.

14. Bảo hiểm y tế quốc dân là gì? Tại sao phải tham gia?

15. Nêu trình tự, thủ tục hồi hương khi người lao động hết hạn hợp đồng về nước.

6. Người lao động nhập cảnh và lưu trú tại Hàn Quốc phải thực hiện khai báo thông tin về Văn phòng QLLĐ Việt Nam trong những trường hợp nào?

7. Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh và Trung tâm việc làm thực hiện những nhiệm vụ gì?

8. Người lao động cần phải lưu ý vấn đề gì về địa điểm làm việc được ghi trong Hợp đồng lao động?

9. Thời hạn tối đa người lao động được phép làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS là bao nhiêu? Nêu quy định về việc tái tuyển dụng?

10. Nêu các quy định liên quan đến việc chuyển đổi nơi làm việc?

11. Nêu điều kiện và thủ tục chuyển đổi nơi làm việc? Các vấn đề cần lưu ý.

12. Người lao động sau khi nhập cảnh vào Hàn Quốc có phải làm thủ tục đăng ký lưu trú không? Nếu có, đăng ký tại đâu và thời hạn là bao lâu?

13. Trong trường hợp nào thì người lao động phải khai báo với Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh? Thời hạn là bao lâu?

14. Nêu các tình huống trở thành người lưu trú bất hợp pháp. Tại sao không nên làm việc và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc?

15. Nêu 04 loại bảo hiểm dành cho người lao động làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS. Thời hạn tham gia các loại bảo hiểm này.

14. Bảo hiểm y tế quốc dân là gì? Tại sao phải tham gia?

15. Nêu trình tự, thủ tục hồi hương khi người lao động hết hạn hợp đồng về nước.

III. Môn An toàn, vệ sinh lao động

1. An toàn lao động là gì? Môi trường lao động là gì? Các yếu tố gây nguy hiểm trong quá trình làm việc?
2. Sắp xếp nơi làm việc là thế nào? Quy tắc an toàn khi sắp xếp nơi làm việc?
3. Nêu một số phương tiện bảo hộ lao động cơ bản?
4. Nêu quy tắc an toàn khi sử dụng phương tiện bảo hộ lao động?
5. Nêu quy tắc an toàn khi vận chuyển trong quá trình làm việc?
6. Nêu các nguyên nhân gây tai nạn điện? Quy tắc an toàn điện là gì?
7. Nêu tác hại của bụi? Quy tắc an toàn khi làm việc trong môi trường có nhiều bụi?
8. Nêu các nguyên nhân gây cháy và biện pháp phòng cháy? Cách xử lý tình huống khi có đám cháy như thế nào?
9. Nêu tác hại của hóa chất độc hại? Quy tắc an toàn khi làm việc với hóa chất độc hại?
10. Phương pháp sơ cấp cứu khi chảy máu, bỏng do nhiệt, điện giật, gãy xương?

III. Môn An toàn, vệ sinh lao động

1. An toàn lao động là gì? Môi trường lao động là gì? Các yếu tố gây nguy hiểm trong quá trình làm việc?
2. Sắp xếp nơi làm việc là thế nào? Quy tắc an toàn khi sắp xếp nơi làm việc?
3. Nêu một số phương tiện bảo hộ lao động cơ bản?
4. Nêu quy tắc an toàn khi sử dụng phương tiện bảo hộ lao động?
5. Nêu quy tắc an toàn khi vận chuyển trong quá trình làm việc?
6. Nêu các nguyên nhân gây tai nạn điện? Quy tắc an toàn điện là gì?
7. Nêu tác hại của bụi? Quy tắc an toàn khi làm việc trong môi trường có nhiều bụi?
8. Nêu các nguyên nhân gây cháy và biện pháp phòng cháy? Cách xử lý tình huống khi có đám cháy như thế nào?
9. Nêu tác hại của hóa chất độc hại? Quy tắc an toàn khi làm việc với hóa chất độc hại?
10. Phương pháp sơ cấp cứu khi chảy máu, bỏng do nhiệt, điện giật, gãy xương?